Bộ Kinh Trung [Trung Kinh Bộ] - Quyển 1. Năm Mươi Kinh Đầu [Mūlapaṇṇāsapāḷi] (Bhikkhu Bodhi; Lê Kim Kha dịch)

Nikaya — bài lẻ & đối chiếu

QUYỂN 1. Năm Mươi Kinh Đầu (Mūlapaṇṇāsapāḷi)

ii • Bộ Kinh Trung QUYỂN 1

Về Bản Dịch MN - Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ- Đề (Bhikkhu Bodhi, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên bác, nhà từ thiện). Có những chỗ tham chiếu các bản dịch của nhà sư Ajahn Sujato và của PTS. - Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh MN này có 03 QUYỂN (PHẦN) được gọi là QUYỂN 1 [Năm Mươi Kinh Đầu], QUYỂN 2 [Năm Mươi Kinh Giữa], và QUYỂN 3 [Năm Mươi Kinh Cuối]. Mỗi Quyển có 05 Chương, mỗi chương có 10 bài kinh (riêng Chương 5 của QUYỂN 3 có 12 bài kinh). Do vậy toàn Bộ Kinh MN có 152 bài kinh, với QUYỂN 3 có 52 bài kinh.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa theo tiếng Việt của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch trong ngoặc vuông [...] có trong kinh và trong cả phần chú-thích cuối sách là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]). - Các chú-giải của các luận giảng kinh điển (như MA, MṬ ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu. - Một số chữ Hán-Việt đã được quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật!, vì làm vậy cũng không mấy khó khăn. Ví dụ trong bộ kinh MN này, mỗi ngày dành ít thời gian đọc một hay vài bài kinh, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết hết một QUYỂN, rồi sẽ hết Bộ Kinh. Bản dịch bằng tiếng Việt phổ thông nên ai cũng có thể đọc hiểu được (và lời nói của Phật là rõ ràng từng câu chữ). Đọc qua các kinh quý vị sẽ có được cách- nhìn rộng mở hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, hiểu đúng giáo lý đích thực và lý tưởng của Phật để tu hành. Và chắc chắn tâm sẽ dần đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng buông bỏ giải thoát của đạo Phật.

iv • Bộ Kinh Trung QUYỂN 1

+ Bộ Kinh MN có cấu trúc đơn giản, bắt đầu từ kinh 1 cho tới kinh 152 chứ không gồm quá nhiều Phần, Chương, Nhóm, Tiểu Nhóm như trong các bộ kinh SN hay AN. Nhìn vào Mục Lục sẽ thấy. Nếu không phải ưu tiên quan tâm hay cần tra cứu theo những chủ-đề nào đó, quý vị thong thả hãy đọc từ kinh kinh đầu cho đến kinh cuối (như đã từng đọc một tiểu thuyết hay sách giáo khoa vậy).

+ Nên đọc một bài kinh từ đầu đến cuối để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. (Hầu hết lời các kinh là đơn giản, tự rõ nghĩa nên không cần đọc những chú-thích). ĐỪNG LO ĐỌC NHỮNG CHÚ-THÍCH. Vì nếu cứ dừng lại để tra

chú-thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của bài kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú-giải này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào khó hiểu thì sau khi đọc mới nên tra các chú-thích để hiểu. Còn nếu đã hiểu dễ dàng thì đơn giản đừng đọc những chú-thích, vì đa phần những chú-giải chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

Cuối cùng, là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm, tỉ mỉ và kỹ càng nhất từ xưa đến nay của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn công đức như thái dương của thầy. Nhà Bè, mùa đại thảm dịch Covid-19 (PL 2565) (dịch xong giữa năm 2021)

MỤC LỤC

Chương 1. Chương “Gốc Rễ Của Tất Cả” ..... 1 01. KINH GỐC RỄ CỦA TẤT CẢ (X) 3

02. KINH TẤT CẢ NHỮNG Ô NHIỄM ..... 9 03. KINH NHỮNG NGƯỜI THỪA TỰ GIÁO PHÁP 21

04. KINH SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM ..... 27 05. KINH KHÔNG Ố NHIỄM..... 35

06. KINH NẾU MỘT TỲ KHEO ƯỚC NGUYỆN ..... 45 07. KINH VÍ DỤ TẤM VẢI 49

08. KINH SỰ THANH TẨY..... 55 09. KINH CHÁNH KIẾN 67

10. KINH CÁC NỀN TẢNG CHÁNH NIỆM..... 83

Chương 2. Chương “Tiếng Gầm Sư Tử” ..... 97 11. TIỂU KINH TIẾNG GẦM SƯ TỬ ..... 99 12. ĐẠI KINH TIẾNG GẦM SƯ TỬ 105

13. ĐẠI KINH KHỔ UẨN ..... 123 14. TIỂU KINH KHỔ UẨN 133

15. KINH SUY LUẬN ..... 139 16. KINH SỰ HOANG DẠI TRONG TÂM 145

17. KINH RỪNG RẬM ..... 151 18. KINH HÒN MẬT ONG ..... 155 19. KINH HAI LOẠI Ý NGHĨ ..... 163 20. KINH LOẠI BỎ NHỮNG Ý NGHĨ LÀM XAO LÃNG..... 169

Chương 3. Chương “Những Ví Dụ” ..... 173 21. KINH VÍ DỤ CÁI CƯA..... 175

22. KINH VÍ DỤ CON RẮN ..... 185 23. KINH GÒ MỐI 203

24. KINH NHỮNG XE NGỰA CHUYỂN TIẾP..... 207 25. KINH BẪY MỒI 215

26. KINH CUỘC TÌM CẦU THÁNH THIỆN ..... 223 27. TIỂU KINH VÍ DỤ DẤU CHÂN VOI 243

28. ĐẠI KINH VÍ DỤ DẤU CHÂN VOI ..... 255 29. ĐẠI KINH VÍ DỤ GỖ LÕI 265

30. TIỂU KINH VÍ DỤ GỖ LÕI 273

Chương 4. Chương Lớn Về Các Cặp ..... 283 31. TIỂU KINH Ở GOSINGA ..... 285 32. ĐẠI KINH Ở GOSINGA 293

33. ĐẠI KINH VỀ NGƯỜI CHĂN BÒ ..... 301 34. TIỂU KINH VỀ NGƯỜI CHĂN BÒ 309

35. TIỂU KINH SACCAKA ..... 313 36. ĐẠI KINH SACCAKA 327

37. TIỂU KINH TIÊU DIỆT DỤC VỌNG ..... 343 38. ĐẠI KINH TIÊU DIỆT DỤC VỌNG ..... 349 39. ĐẠI KINH Ở ASSAPURA 365

40. TIỂU KINH Ở ASSAPURA 379

Chương 5. Chương Nhỏ Về Các Cặp..... 385 41. KINH NHỮNG BÀ-LA-MÔN Ở SĀLĀ..... 387

Bộ Kinh Trung QUYỂN 1 • vii

42. KINH NHỮNG BÀ-LA-MÔN Ở VERAÑJA ..... 395 43. ĐẠI KINH VẤN ĐÁP 397

44. TIỂU KINH VẤN ĐÁP ..... 409 45. TIỂU KINH NHỮNG CÁCH NHẬN LẤY CÁC THỨ 419

46. ĐẠI KINH NHỮNG CÁCH NHẬN LẤY CÁC THỨ ..... 423 47. KINH NGƯỜI TRA XÉT..... 431

48. KINH NHỮNG NGƯỜI KOSAMBI ..... 437 49. KINH LỜI MỜI CỦA MỘT VỊ TRỜI (X) 445

50. KINH LỜI QUỞ TRÁCH MA VƯƠNG 453

BẢNG VIẾT TẮT ..... 463 PHẦN CHÚ THÍCH ..... 465 TÓM TẮT CÁC KINH.....583

viii • Bộ Kinh Trung QUYỂN 1

Chương 1. Chương “Gốc Rễ Của Tất Cả” (Mūlapariyāya-vagga)

2 • Chương 1

01. KINH GỐC RỄ CỦA TẤT CẢ (X) (Mūlapariyāya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.1 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Ukkaṭṭhā, trong Khu Vườn Subhaga, dưới gốc một cây sāla hoàng gia. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”2— “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài về gốc-rễ của tất cả mọi sự.3 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Người Phàm)

3. “Ở đây, này các Tỳ kheo một người phàm phu không được chỉ dạy,4 là người không gặp những Thánh Nhân; không học hiểu những giáo lý của Thánh Nhân; không được chỉ dạy về những giáo lý của Thánh Nhân; không gặp những thiện nhân (người tốt); không học hiểu những giáo lý của thiện nhân; nhận-thức đất là đất.5 Sau khi nhận-thức đất là đất, người đó nhìn-nhận [mình, bản thân, tự ngã, là] đất, người đó nhìn-nhận [mình] trong đất, người đó nhìn-nhận [mình là khác] với đất, người đó nhìn-nhận đất là ‘của-ta’, người đó thích thú đất.6 Vì sao vậy? Bởi vì người đó chưa hoàn-toàn hiểu điều đó, ta nói vậy.7

4. “Người đó nhận-thức nước là nước. Sau khi nhận-thức nước là nước, người đó nhìn-nhận [mình là] nước, người đó nhìn-nhận [mình] trong nước, người đó nhìn-nhận [mình là khác với] với nước, người đó nhìn- nhận nước là ‘của-ta’, người đó thích thú nước. Vì sao vậy? Bởi vì người đó chưa hoàn-toàn hiểu điều đó, ta nói vậy.

5. “Người đó nhận-thức lửa (nhiệt) là lửa … 6. “Người đó nhận-thức gió (khí) là gió …

4 • Chương 1

7. “Người đó nhận-thức chúng sinh là chúng-sinh …8 8. “Người đó nhận-thức những thiên thần là những thiên thần …9 9. “Người đó nhận-thức Trời Pajāpati là Trời Pajāpati …10 10. “Người đó nhận-thức Trời Brahmā là Trời Brahmā (Phạm thiên) …11 11. “Người đó nhận-thức những thiên-thần phát quang thành dòng là những thiên-thần phát quang thành dòng (Quang âm thiên) …12

12. “Người đó nhận-thức những thiên-thần hào quang chói lọi là những thiên-thần hào quang chói lọi (Biến tịnh thiên) …13

13. “Người đó nhận-thức những thiên-thần phước quả lớn là những thiên-thần phước quả lớn (Quảng quả thiên) …14

14. “Người đó nhận-thức Trời Trên là Trời Trên (Bá chủ thiên) …15 15. “Người đó nhận-thức cảnh xứ không gian vô biên là cảnh xứ không gian vô biên (Không vô biên

xứ) …16

16. “Người đó nhận-thức cảnh xứ thức vô biên là cảnh xứ thức vô biên (Thức vô biên xứ) …

17. “Người đó nhận-thức cảnh xứ không-có-gì là cảnh xứ không-có-gì (Vô sở hữu xứ) …

18. “Người đó nhận-thức cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức là cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (Phi tưởng phi phi tưởng xứ) …

19. “Người đó nhận-thức cái được nhìn-thấy là cái được nhìn-thấy …17 20. “Người đó nhận-thức cái được nghe-thấy là cái được nghe-thấy … 21. “Người đó nhận-thức cái được cảm-nhận là cái được cảm-nhận … 22. “Người đó nhận-thức cái được nhận-biết là cái được nhận-biết … 23. “Người đó nhận-thức sự hợp-nhất là sự hợp-nhất (một thể) …18

KINH GỐC RỄ CỦA TẤT CẢ • 5

24. “Người đó nhận-thức sự đa-dạng là sự đa-dạng (nhiều thể) … 25. “Người đó nhận-thức tất-cả là tất-cả …19 26. “Người đó nhận-thức Niết-bàn là Niết-bàn.20 Sau khi nhận-thức Niết-bàn là Niết-bàn, người đó nhìn-nhận [mình là] Niết-bàn, người đó nhìn-nhận [mình] trong Niết-bàn, người đó nhìn-nhận [mình là khác] với Niết-bàn, người đó nhìn-nhận Niết-bàn là ‘của-ta’, người đó thích thú Niết-bàn. Vì sao vậy? Bởi vì người đó chưa hoàn-toàn hiểu điều đó, ta nói vậy.

(Người Đệ Tử Đã Được Chỉ Dạy)

27. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo người đang trong sự tu-tập bậc cao (bậc học nhân),21 tâm của người đó chưa đạt tới mục-tiêu (quả A-la-hán), và là người vẫn đang khát nguyện chứng đắc ‘sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc’, thì trực-tiếp biết đất là đất.22 Sau khi đã trực-tiếp biết đất là đất, người đó không nên nhìn-nhận [mình, bản thân, tự ngã, là] đất, người đó không nên nhìn-nhận [mình] trong đất, người đó không nên nhìn-nhận [mình là khác] với đất, người đó không nên nhìn-nhận đất là ‘của-ta’, người đó không nên thích thú đất. Vì sao vậy? Bởi vì người đó phải hoàn- toàn hiểu nó, ta nói vậy.23

28. 49. “Người đó trực-tiếp biết nước là nước … Người đó trực-tiếp biết tất-cả là tất-cả …

50. “Người đó trực-tiếp biết Niết-bàn là Niết-bàn. Sau khi đã trực-tiếp biết Niết-bàn là Niết-bàn, người đó không nên nhìn-nhận [mình, bản thân, tự ngã, là] Niết-bàn, người đó không nên nhìn-nhận [mình] trong Niết- bàn, người đó không nên nhìn-nhận [mình là khác] với Niết-bàn, người đó không nên nhìn-nhận Niết-bàn là ‘của-ta’, người đó không nên thích thú Niết-bàn. Vì sao vậy? Bởi vì người đó phải hoàn-toàn hiểu nó, ta nói vậy.

(A-la-hán I):

6 • Chương 1

51. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một A-la-hán đã tiêu diệt những ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá hủy những gông-cùm (trói buộc sự) hiện-hữu, và đã được giải-thoát toàn thiện thông qua trí-biết cuối cùng,24 người đó cũng trực-tiếp biết đất là đất. Sau khi đã trực-tiếp biết đất là đất, người đó không nhìn-nhận [mình, bản thân, tự ngã, là] đất, người đó không nhìn-nhận [mình] trong đất, người đó không nhìn-nhận [mình là khác] với đất, người đó không nhìn-nhận đất là ‘của- ta’, người đó không thích thú đất. Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã hoàn- toàn hiểu nó, ta nói vậy.25

52. 74. “Người đó trực-tiếp biết nước là nước … Niết-bàn là Niết-bàn … Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã hoàn-toàn hiểu nó, ta nói vậy.

(A-la-hán II):

75. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một A-la-hán … đã được giải- thoát toàn thiện thông qua trí-biết cuối cùng, người đó cũng trực-tiếp biết đất là đất. Sau khi đã trực-tiếp biết đất là đất, người đó không nhìn-nhận [mình, bản thân, tự ngã, là] đất, người đó không nhìn-nhận [mình] trong đất, người đó không nhìn-nhận [mình là khác] với đất, người đó không nhìn-nhận đất là ‘của-ta’, người đó không thích thú đất. Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã thoát-khỏi tham thông qua sự tiêu diệt tham.26

76. 98. “Người đó cũng trực-tiếp biết nước là nước … Niết-bàn là Niết-bàn … Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã thoát-khỏi tham thông qua sự tiêu diệt tham.

(A-la-hán III):

99. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một A-la-hán … đã được giải- thoát toàn thiện thông qua trí-biết cuối cùng, người đó cũng trực-tiếp biết đất là đất. Sau khi đã trực-tiếp biết đất là đất, người đó không nhìn-nhận [mình, bản thân, tự ngã, là] đất, người đó không nhìn-nhận [mình] trong đất, người đó không nhìn-nhận [mình là khác] với đất, người đó không

nhìn-nhận đất là ‘của-ta’, người đó không thích thú đất. Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã thoát-khỏi sân thông qua sự tiêu diệt sân.

100. 122. “Người đó cũng trực-tiếp biết nước là nước … Niết-bàn là Niết-bàn … Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã thoát-khỏi sân thông qua sự tiêu diệt sân.

(A-la-hán IV):

123. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một A-la-hán … đã được giải- thoát toàn thiện thông qua trí-biết cuối cùng, người đó cũng trực-tiếp biết đất là đất. Sau khi đã trực-tiếp biết đất là đất, người đó không nhìn-nhận [mình, bản thân, tự ngã, là] đất, người đó không nhìn-nhận [mình] trong đất, người đó không nhìn-nhận [mình là khác] với đất, người đó không nhìn-nhận đất là ‘của-ta’, người đó không thích thú đất. Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã thoát-khỏi si thông qua sự tiêu diệt si.

124. 146. “Người đó cũng trực-tiếp biết nước là nước … Niết-bàn là Niết-bàn … Vì sao vậy? Bởi vì người đó đã thoát-khỏi si thông qua sự tiêu diệt si.

(Như Lai I)

147. “Này các Tỳ kheo, Như Lai [Tathāgata],27 bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc toàn-giác [đã giác-ngộ toàn thiện], cũng trực-tiếp biết đất là đất. Sau khi đã trực-tiếp biết đất là đất, bậc ấy không nhìn-nhận [mình là] đất, người đó không nhìn-nhận [mình] trong đất, người đó không nhìn- nhận [mình là khác] với đất, người đó không nhìn-nhận đất là ‘của-ta’, người đó không thích thú đất. Vì sao vậy? Bởi vì Như Lai đã hoàn-toàn hiểu nó đến tận cùng, ta nói vậy.28

148. 170. “Bậc ấy cũng trực-tiếp biết nước là nước … Niết-bàn là Niết-bàn … Vì sao vậy? Bởi vì Như Lai đã hoàn-toàn hiểu nó đến tận cùng, ta nói vậy.

(Như Lai II)

8 • Chương 1

171. “Này các Tỳ kheo, Như Lai [Tathāgata], bậc A-la-hán [đã tu thành], bậc toàn-giác [giác-ngộ toàn thiện], cũng trực-tiếp biết đất là đất. Sau khi đã trực-tiếp biết đất là đất, bậc ấy không nhìn-nhận [mình là] đất, người đó không nhìn-nhận [mình] trong đất, người đó không nhìn-nhận [mình là khác] với đất, người đó không nhìn-nhận đất là ‘của-ta’, người đó không thích thú đất. Vì sao vậy? Bởi vì Như Lai đã hiểu rằng: ‘sự thích-thú (khoái lạc) là gốc-rễ của sự khổ’, và rằng: ‘với sự hiện-hữu (hữu) [là điều- kiện (duyên)] nên có sự sinh-ra (sinh)’, và rằng: ‘thứ gì (sinh) có mặt thì có sự già-chết’ (tức Như Lai đã hiểu ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’).29 Bởi vậy, này các Tỳ kheo, thông qua sự hoàn toàn tiêu-diệt, sự phai-biến, sự buông-bỏ, và sự từ-bỏ những dục-vọng, Như Lai đã tỉnh thức tới sự giác- ngộ toàn thiện tối thượng.30

172. 194. “Như Lai cũng trực-tiếp biết nước là nước … Niết-bàn là Niết-bàn … Vì sao vậy? Bởi vì Như Lai đã hiểu rằng: ‘sự thích-thú (khoái lạc) là gốc-rễ của sự khổ’, và rằng: ‘với sự hiện-hữu (hữu) [là điều-kiện (duyên)] nên có sự sinh-ra (sinh)’, và rằng: ‘thứ gì (sinh) có mặt thì có sự già-chết’ Bởi vậy, này các Tỳ kheo, thông qua sự hoàn toàn tiêu-diệt, sự phai-biến, sự buông-bỏ, và sự từ-bỏ những dục-vọng, Như Lai đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Nhưng các Tỳ kheo đó không vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.31

02. KINH TẤT CẢ NHỮNG Ô NHIỄM (Sabbāsava Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”. Các Tỳ kheo đáp lại: “Dạ, thưa Thế Tôn”. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bào thuyết giảng về sự kiềm-chế (phòng-trừ) tất cả những ô-nhiễm (lậu hoặc).32 Hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ vào lời ta sẽ nói.” Các Tỳ kheo đáp lại: “Dạ, thưa Thế Tôn”. Đức Thế Tôn đã nói điều này: (Tóm

Lược)

3. “Này các Tỳ kheo, ta nói sự diệt trừ những ô-nhiễm là cho (có thể thực hiện được bởi) người thấy và biết, chứ không phải cho người không thấy và không biết. Ai thấy và biết cái gì? Sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác- ý; sự suy-xét hay quán-chiếu một cách khôn khéo) và sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác-ý; sự suy-xét hay quán-chiếu không khôn khéo).33 “Đối với những người chú-tâm không kỹ càng thì khởi sinh những ô-nhiễm vốn chưa khởi sinh; [thêm nữa] làm gia tăng những ô-nhiễm đã khởi sinh. “Đối với những người chú-tâm kỹ càng thì không làm khởi sinh những ô-nhiễm vốn chưa khởi sinh; [thêm nữa] không làm gia tăng những ô- nhiễm đã khởi sinh.

4. “Này các Tỳ kheo: (1) có những ô-nhiễm được phòng trừ bằng sự nhìn-thấy; (2) có những ô-nhiễm được phòng trừ bằng cách kiềm-chế; (3) có những ô-nhiễm được phòng trừ bằng cách sử-dụng; (4) có những ô- nhiễm được phòng trừ bằng cách chịu-đựng; (5) có những ô-nhiễm được phòng trừ bằng cách tránh-né; (6) có những ô-nhiễm được phòng trừ

bằng cách loại-bỏ (xua tan, giải tán); (7) có những ô-nhiễm được phòng trừ bằng cách tu-tập.34

(1- Bằng Cách Nhìn-Thấy)

5. “Này các Tỳ kheo, những ô-nhiễm nào được phòng trừ bằng sự nhìn- thấy?35 “Này các Tỳ kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy, là người không nhìn thấy những thánh nhân, không học hiểu và không được chỉ dạy về những giáo lý của họ; không nhìn thấy những thượng nhân (chân nhân), không học hiểu và không được chỉ dạy về những giáo lý của họ; không hiểu được điều gì nên [được] chú-tâm (tác ý, suy xét, quán chiếu, để ý bằng tâm) và điều gì không nên [được] chú-tâm. Bởi vì không hiểu được điều gì nên [được] chú-tâm và điều gì không nên [được] chú-tâm, cho nên người đó cứ chú-tâm tới những điều không nên [được] chú-tâm, mà không chú-tâm tới những điều nên [được] chú-tâm.36

6. (a) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, theo cách nào là những điều không nên chú-tâm mà người đó lại chú-tâm? Nếu, trong một người, khi chú-tâm tới những điều nào mà: Làm khởi sinh ô-nhiễm của/do dục-lạc (dục lậu) vốn chưa khởi sinh, [và thêm nữa] làm gia tăng những ô-nhiễm của/do dục-lạc đã khởi sinh trong người đó; Làm khởi sinh ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu) vốn chưa khởi sinh, [và thêm nữa] làm gia tăng những ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu đã khởi sinh trong người đó; Làm khởi sinh ô-nhiễm của/do vô-minh (vô-minh lậu), [và thêm nữa] làm gia tăng những ô-nhiễm của/do vô-minh đã khởi sinh trong người đó. Thì đây là những những điều không nên chú-tâm, nhưng người đó lại chú-tâm.37

(b) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, theo cách nào là những điều nên chú- tâm người đó lại không chú-tâm? Nếu, trong một người, khi chú-tâm tới những điều nào mà: Không

làm khởi sinh ô-nhiễm của/do dục-lạc (dục lậu) vốn chưa khởi sinh, [và thêm nữa] dẹp bỏ được những ô-nhiễm của/do dục-lạc đã khởi sinh trong người đó; Không làm khởi sinh ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu) vốn chưa khởi sinh, [và thêm nữa] dẹp bỏ được những ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu đã khởi sinh trong người đó; Không làm khởi sinh ô-nhiễm của/do vô-minh (vô-minh lậu), [và thêm nữa] dẹp bỏ được những ô-nhiễm của/do vô-minh đã khởi sinh trong người đó. Thì đây là những những điều không nên chú-tâm, nhưng người đó lại chú-tâm. “Bằng sự chú-tâm tới những thứ không nên chú-tâm và không chú-tâm tới những thứ nên được chú-tâm, thì những ô-nhiễm chưa khởi sinh trong người đó khởi sinh và những ô-nhiễm đã khởi sinh gia tăng.

7. “Đây là cách người đó chú-tâm một cách không kỹ càng (một cách không khôn khéo, một cách không nên, không cần thiết, không lợi lạc; phi như lý tác-ý) theo cách như sau: Tôi đã hiện hữu trong quá khứ? Tôi không hiện hữu trong quá khứ? Tôi là gì trong quá khứ ? Tôi như sao trong quá khứ ? Như đã từng là cái gì, thì tôi đã tái sinh thành cái đó trong quá khứ? Tôi sẽ hiện hữu trong tương lai? Tôi sẽ không hiện hữu trong tương lai? Tôi sẽ là gì trong tương lai? Tôi sẽ như sao trong tương lai?

Như từng là cái gì, thì tôi đã tái sinh thành cái đó trong tương lai?
Hoặc bây giờ trong hiện tại người đó lại nghi ngờ về bản thân mình như sau:
Tôi là tôi?
Tôi không là tôi?
Tôi là gì?
Tôi như sao?
Con người ‘tôi’ đến đây từ khi nào?
‘Con người’ đó rồi sẽ đi về đâu?38
8. “Khi người đó chú-tâm không kỹ càng theo cách này, thì một trong sáu quan-điểm sai lạc (tà kiến) sẽ khởi sinh trong người đó, như sau:39 (i) ‘Trong tôi có bản ngã’: quan-điểm này khởi sinh trong người đó như nó là đúng và thực. (ii) ‘Trong tôi không có bản ngã’: quan-điểm này khởi sinh trong người đó như nó là đúng và thực. (iii) ‘Bằng bản ngã, tôi nhận thức bản ngã’: quan-điểm này khởi sinh trong người đó như nó là đúng và thực. (iv) ‘Bằng bản ngã, tôi nhận thức sự vô-ngã’: quan-điểm này khởi sinh trong người đó như nó là đúng và thực. (v) ‘Bằng sự vô-ngã, tôi nhận thức bản ngã’: quan-điểm này khởi sinh trong người đó như nó là đúng và thực. (vi) Hoặc một quan-điểm sai lạc khởi sinh trong người đó như sau: ‘bản ngã này của tôi, chính nó nói và nó cảm nhận, nó nhận lãnh những kết quả của nghiệp tốt và nghiệp xấu lúc này lúc khác (chỗ này chỗ nọ); bản ngã này là thường hằng, ổn định, trường cửu, bất biến đổi, tồn tại trước sau mãi mãi như một’.40 “Này các Tỳ kheo, quan-điểm do suy đoán này rừng của những quan- điểm, sự hoang-dại của những quan-điểm, sự lệch-lạc của những quan-

điểm, sự dao-động của những quan-điểm, sự gông-cùm của những quan- điểm. Do bị gông-cùm bởi sự gông-cùm của những quan-điểm, một người phàm phu không được chỉ dạy không thoát khỏi sự sinh, già, chết, không thoát khỏi buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng (sầu, bi, khổ, ưu, não); người đó không thoát khỏi sự khổ (dukkha), ta nói vậy.

9. “Và, này các Tỳ kheo, người đệ tử đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những thánh nhân, có học hiểu và được chỉ dạy về những giáo lý của họ; nhìn thấy những thượng nhân (chân nhân), có học hiểu và được chỉ dạy về những giáo lý của họ; hiểu được điều gì nên [được] chú-tâm (tác ý, suy xét, quán chiếu, để ý bằng tâm) và điều gì không nên [được] chú-tâm. Bởi vì hiểu được điều gì nên [được] chú-tâm và điều gì không nên [được] chú-tâm, cho nên người đó chú-tâm tới những điều nên [được] chú-tâm, và không chú-tâm tới những điều không nên [được] chú-tâm.

10. (a) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, theo cách nào là những điều không nên chú-tâm (tác ý) thì người đó không chú-tâm? Nếu, trong một người, khi chú-tâm tới những điều nào đó thì: … [tiếp tục như đoạn §6 (a) ở trên] … Thì đây là những những điều không nên chú-tâm thì người đó không chú-tâm. (b) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, theo cách nào là những điều nên chú- tâm người đó thì người đó chú-tâm? Nếu, trong một người, khi chú-tâm tới những điều nào đó thì: … [tiếp tục như đoạn §6 (b) ở trên]… Thì đây là những những điều nên chú-tâm thì người đó chú-tâm.” “Bằng sự chú-tâm tới những thứ nên chú-tâm và không chú-tâm tới những thứ không nên chú-tâm, thì những ô-nhiễm chưa khởi sinh trong người đó không khởi sinh và những ô-nhiễm đã khởi sinh được dẹp bỏ.

11. (c) “Người đó chú-tâm một cách kỹ càng (một cách khôn khéo; như lý tác ý) rằng: ‘Đây là khổ’; người đó chú-tâm một kỹ càng: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; người đó chú-tâm một kỹ càng: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; người đó chú-tâm một kỹ càng: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm- dứt khổ’.41

“Khi người đó chú-tâm một cách kỹ càng theo cách này, thì ba gông- cùm (kiết sử) là—quan-niệm sai lầm về cái ‘Ta’ (thân kiến); sự nghi-ngờ; sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới-cấm thủ)—được dẹp bỏ trong người đó. “Đây được gọi là những những ô-nhiễm nên được phòng trừ bằng cách nhìn-thấy.”42

(2- Bằng Cách Kiềm-Chế)

12. “Này các Tỳ kheo, những ô-nhiễm nào được phòng trừ bằng sự kiềm-chế?43 (i) “Ở đây một Tỳ kheo, sau khi suy-xét một cách kỹ càng (một cách khôn khéo; như lý quán-chiếu), người đó an trú với mắt được kiềm chế. Bây giờ, nếu có những ô-nhiễm, những phiền-bực, và sốt-não xảy ra đối với người đó khi người đó an trú không kiềm-chế mắt, thì những ô-nhiễm, những phiền-bực, và sốt-não đó sẽ không xảy ra khi người đó biết sống biết kiềm-chế mắt theo cách như vậy.44 (ii)-(vi) “Người đó, sau khi suy-xét một cách kỹ càng, người đó an trú với tai được kiềm chế… với mũi được kiềm

chế… với lưỡi được kiềm chế… với thân được kiềm chế… với tâm được kiềm chế. Bây giờ, nếu có những phiền khổ, đau buồn và bực bội xảy ra đối với người đó khi người đó an trú không kiềm-chế tai … tâm, thì những ô-nhiễm, những phiền- bực, và sốt-não đó sẽ không xảy ra khi người đó biết sống biết kiềm-chế tai … tâm theo cách như vậy.

"Đây được gọi là những ô-nhiễm nên được phòng trừ bằng cách kiềm-chế."

(3- Bằng Cách Sử-Dụng)

13. "Này các Tỳ kheo, những ô-nhiễm nào được phòng trừ bằng sự sử- dụng?45

KINH TẤT CẢ NHỮNG Ô NHIỄM • 15

(1) "Ở đây một Tỳ kheo, sau khi suy-xét một cách kỹ càng, người đó sử dụng một y-phục: (i) (cho mục đích) chỉ để che mình khỏi cái lạnh cái nóng, (ii) khỏi ruồi muỗi, (iii) khỏi gió độc, nắng gắt, (iv) khỏi những côn trùng bò sát, và (v) để làm trang phục che đậy những phần thân của mình.

14. (2) "Một Tỳ kheo, sau khi suy-xét một cách kỹ càng, người đó sử dụng thức-ăn: Ở đây, sau khi suy xét một cách khôn khéo, một đệ tử thánh thiện sử dụng thức-ăn: (i) không phải để khoái thích giải trí; (ii) không phải để say sưa, (iii) không phải để có sắc đẹp hay để làm thân thể hấp dẫn— mà (iv) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì và liên tục thân này, (v) để kết thúc sự khó chịu (khi đói), và (vi) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu); tâm niệm rằng: 'Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm- giác (đói, khát, yếu, đuối) đã có trước đó, và không tạo ra cảm-giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn.'

15. (3) "Một Tỳ kheo, sau khi suy-xét một cách kỹ càng, người đó sử dụng chỗ-ở: (i) (cho mục đích) chỉ để che mình khỏi cái lạnh cái nóng, (ii) khỏi ruồi muỗi, (iii) khỏi gió độc, nắng gắt, (iv) khỏi những côn trùng bò sát, (v) để tránh những rủi-ro thời tiết của các mùa, và (vi) dùng làm nơi để có được sự sống tách-ly (ẩn trú, ẩn dật để tu).

16. (4) "Một Tỳ kheo, biết suy xét một cách khôn khéo, người đó sử dụng thuốc-thang và những chu-cấp cho người bệnh: (cho mục đích) chỉ để giải trị sự đau đớn và bệnh tật đã khởi sinh và để duy trì sức khỏe.

17. "Này các Tỳ kheo, nếu có những ô-nhiễm, những phiền-bực, và sốt- não xảy ra đối với người không biết sử-dụng [những thứ thiết yếu nói trên], thì những ô-nhiễm, những phiền-bực, và sốt-não đó sẽ không xảy ra đối với người biết sử-dụng theo cách như vậy. "Đây được gọi là những ô-nhiễm nên được phòng trừ bằng cách sử- dụng."

(4- Bằng Cách Chịu-Đựng)

16 • Chương 1

18. "Này các Tỳ kheo, những ô-nhiễm nào được phòng trừ bằng sự chịu-đựng? "Ở đây một Tỳ kheo, sau khi suy-xét một cách kỹ càng, chủ động bản thân đương đầu chịu đựng với (i) cái nóng, cái lạnh, đói khát, (ii) ruồi muỗi, gió độc, nắng gắt, (iii) côn trùng bò sát, và (iv) những lời lăng mạ và sỉ nhục, thì người đó trở nên quen dần với sự chịu

đựng được những cảm-giác cực thân như: đau đớn, buốt giá, gai nhọn, khắc nghiệt, khó chịu, khó ở, bực bội, chết chóc. “Này các Tỳ kheo, nếu có những ô-nhiễm, những phiền-bực, và sốt- não xảy ra đối với người đó khi người đó an trú không biết chịu-đựng [những hoàn cảnh nói trên], thì những ô-nhiễm, những phiền-bực, và sốt-não đó sẽ không xảy ra khi người đó an trú biết chịu-đựng [những hoàn- cảnh nói trên] theo cách như vậy. “Đây được gọi là những ô-nhiễm nên được phòng trừ bằng cách chịu đựng.”

(5- Bằng Cách Tránh-Né)

19. “Này các Tỳ kheo, những ô-nhiễm nào được phòng trừ bằng sự tránh-né? “Ở đây một Tỳ kheo, sau khi suy-xét một cách kỹ càng, tránh né (i) voi hoang (voi dữ), ngựa hoang, bò hoang, và chó hoang; người đó (ii) tránh né rắn rít, gốc cây, gai nhọn, hầm hố, vực núi sâu, bãi rác rưởi, hầm chứa phân. “Biết suy-xét một cách khôn khéo, người đó (iii) tránh ngồi những chỗ ngồi không thích hợp, và (iv) tránh đi khất thực ở những khu không thích hợp,46 và tránh giao lưu với những bạn-xấu mà những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí có nghi-ngờ những người đó có làm những nghiệp xấu ác. “Này các Tỳ kheo, nếu có những ô-nhiễm, những phiền-bực, và sốt- não xảy ra đối với người đó khi người đó an trú không biết tránh-né

[những đối-tượng nói trên], thì những ô-nhiễm, những phiền-bực, và sốt- não đó sẽ không xảy ra khi người đó an trú biết tránh-né [những đối- tượng nói trên] theo cách như vậy.”

“Đây được gọi là những ô-nhiễm nên được phòng trừ bằng cách tránh-né.”

(6- Bằng Cách Xua-Tan)

20. “Này các Tỳ kheo, theo cách nào là những ô-nhiễm được phòng trừ bằng sự xua-tan (loại bỏ, giải tán, dẹp tan)? “Ở đây một Tỳ kheo, sau khi suy-xét một cách kỹ càng, (i) không dung dưỡng (không cam chịu) một ý-nghĩ tham-dục (nhục dục) đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, loại trừ nó, xua tan nó, và diệt trừ nó; người đó (ii) không dung dưỡng một ý-nghĩ ác-ý (sân) đã khởi sinh …; người đó (iii) không dung dưỡng một ý-nghĩ hung-dữ đã khởi sinh …; người đó (iv) không dung dưỡng những ý-nghĩ xấu ác và bất thiện đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, loại trừ chúng, xua tan chúng, và diệt trừ chúng.47 “Này các Tỳ kheo, những ô-nhiễm, những phiền-bực, và sốt-não có thể khởi sinh trong người không xua-tan những ý-nghĩ nói trên; những ô- nhiễm, những phiền-bực, và sốt-não đó không khởi sinh trong người biết xua-tan chúng.” “Đây được gọi là những ô-nhiễm nên được phòng trừ bằng cách xua- tan.”

(7- Bằng Cách Tu-Tập)

21. “Này các Tỳ kheo, những ô-nhiễm nào được phòng trừ bằng sự tu- tập? “Ở đây, sau khi suy-xét một cách kỹ càng, một Tỳ kheo (i) tu tập chi giác-ngộ là sự chánh-niệm (niệm giác chi), [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải

thoát. Sau khi suy-xét một cách kỹ càng, người đó (ii) tu tập chi giác-ngộ là sự phân-giải những hiện-tượng (trạch pháp giác chi) …(iii) chi giác- ngộ là sự hoan-hỷ (hỷ giác chi) … (iii) chi giác-ngộ là sự tĩnh-lặng (khinh an giác chi) … (iii) chi giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn giác chi) … (v) chi giác-ngộ là sự định-tâm (định giác chi) … (vi) chi giác-ngộ là sự buông- xả (xả giác chi), [sự tu tập đó] dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.48 “Này các Tỳ kheo, những ô-nhiễm, những phiền-bực, và sốt-não có thể khởi sinh trong người không tu-tập [bảy chi giác-ngộ nói trên]; những ô-nhiễm, những phiền-bực, và sốt-não đó không khởi sinh trong người biết tu-tập chúng.”

“Đây được gọi là những ô-nhiễm nên được phòng trừ bằng cách tu- tập.”49

(Kết Luận)

22. (1) “Này các Tỳ Kheo, một Tỳ kheo, bên trong mình, có những ônhiễm nên được phòng trừ bằng sự nhìn-thấy đã được phòng trừ bằng cách nhìn-thấy. (2) “Này các Tỳ Kheo, một Tỳ kheo, bên trong mình, có những ônhiễm nên được phòng trừ bằng sự kiềm-chế đã phòng trừ bằng cách kiềm-chế. (3) “Này các Tỳ Kheo, một Tỳ kheo, bên trong mình, có những ônhiễm nên được phòng trừ bằng sự sử-dụng đã được phòng trừ bằng cách sử-dụng. (4) “Này các Tỳ Kheo, một Tỳ kheo, bên trong mình, có những ônhiễm nên được phòng trừ bằng sự chịu-đựng đã được phòng trừ bằng cách chịu-đựng.

(5) “Này các Tỳ Kheo, một Tỳ kheo, bên trong mình, có những ô- nhiễm nên được phòng trừ bằng sự tránh-né đã được phòng trừ bằng cách tránh-né. (6) “Này các Tỳ Kheo, một Tỳ kheo, bên trong mình, có những ô- nhiễm nên được phòng trừ bằng sự xua-tan đã được phòng trừ bằng cách xua-tan. (7) “Này các Tỳ Kheo, một Tỳ kheo, bên trong mình, có những ô- nhiễm nên được phòng trừ bằng sự tu-tập đã được phòng trừ bằng cách tu-tập. “Như vậy người này được gọi là một Tỳ kheo đã an trú được kiềm-chế bằng sự kiềm-chế tất cả những ô-nhiễm; đã cắt dứt dục-vọng (ái), đã phá bỏ những gông-cùm (kiết sử); và với sự hoàn toàn xuyên phá sự tự-ta (ngã mạn), thầy đó đã làm nên sự chấm-dứt khổ. 50 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

03. KINH NHỮNG NGƯỜI THỪA TỰ GIÁO PHÁP (Dhammadāyāda Sutta)

1. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: 51

2. “Này các Tỳ kheo, hãy là những người thừa tự của ta về Giáo Pháp, đừng là những người thừa tự của ta về những thứ vật chất.Vì sự bi-mẫn dành cho các thầy ta đã nghĩ:

‘Theo cách nào những đệ tử của ta là những người thừa tự của ta về Giáo Pháp, không là những người thừa tự của ta về những thứ vật chất?’ Nếu các thầy là những người thừa tự của ta về những thứ vật chất, không phải là những người thừa tự về Giáo Pháp, thì các thầy sẽ bị quở trách như vầy: ‘Những đệ tử của Vị Thầy sống như những người thừa tự của ông ta về những thứ vật chất, không phải là những người thừa tự của ông ta về Giáo Pháp’; và ta sẽ bị quở trách như vầy: ‘Những đệ tử của Vị Thầy sống như những người thừa tự của ông ta về những thứ vật chất, không phải là những người thừa tự về Giáo Pháp.’ “Nếu các thầy là những người thừa tự của ta về Giáo Pháp, không phải những người thừa tự của ta về những thứ vật chất, thì các thầy sẽ không bị quở trách [như họ thường nói]: ‘Những đệ tử của Vị Thầy sống như những người thừa tự của ông ta về những thứ vật chất, không phải là những người thừa tự của ông ta về Giáo Pháp’; và ta sẽ không bị quở trách [như họ thường nói]: ‘Những đệ tử của Vị Thầy sống như những người thừa tự của ông ta về những thứ vật chất, không phải là những người thừa tự của ông ta về Giáo Pháp.’ Bởi vậy, này các Tỳ kheo, hãy là những người thừa tự của ta về Giáo Pháp, đừng là những người thừa tự của ta về những thứ vật chất. Vì sự bi-mẫn dành cho các thầy, ta đã nghĩ: ‘Theo cách nào

những đệ tử của ta là những người thừa tự của ta về Giáo Pháp, không phải là những người thừa tự của ta về những thứ vật chất?’

3. “Bây giờ, này các Tỳ kheo, ví dụ ta đã ăn, đã không nhận thêm thức ăn, đã ăn no, đã ăn xong bữa, đã có đủ, đã có thứ mình cần, và thức ăn khất thực còn dư sẽ được bỏ đi. Rồi có hai Tỳ kheo đến đói bụng và yếu đuối, và ta nói với họ: ‘Này các Tỳ kheo, ta đã ăn … đã có thứ mình cần, nhưng thức ăn khất thực còn dư sẽ được bỏ đi. Các thầy thích thì ăn nó; nếu các thầy không ăn thì ta sẽ đổ bỏ đi ở chỗ không có cỏ xanh hoặc chỗ nước nào không có sinh vật sống.’ Rồi một Tỳ kheo nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đã ăn … đã có thứ mình cần, và thức ăn khất thực của đức Thế Tôn còn dư sẽ được bỏ đi; nếu chúng ta không ăn nó thì đức Thế Tôn sẽ đổ bỏ đi … Nhưng đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, hãy là những người thừa tự của ta về Giáo Pháp, đừng là những người thừa tự của ta về những thứ vật chất.” Giờ chỗ thức ăn dư thừa này là một trong những thứ vật chất. Ví dụ thay vì ăn chỗ thức ăn dư thừa này ta sẽ trải qua ngày và đêm bị đói và yếu đuối.’ Và (nghĩ vậy làm vậy) thay vì ăn chỗ thức ăn dư thừa, người đó trải qua ngày đêm bị đói và yếu đuối. Rồi Tỳ kheo thứ hai nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đã ăn … đã có thứ mình cần, và thức ăn khất thực của đức Thế Tôn còn dư sẽ được bỏ đi … Ví dụ ta ăn chỗ thức ăn dư thừa này và trải qua ngày đêm không bị đói và yếu đuối.’ Và (nghĩ vậy làm vậy) sau khi ăn chỗ thức ăn dư thừa đó, người đó trải qua ngày đêm không bị đói và yếu đuối. Giờ, mặc dù Tỳ kheo đã ăn chỗ thức ăn dư thừa và trải qua ngày đêm không bị đói và yếu đuối, nhưng vị Tỳ kheo thứ nhất được ta tôn trọng và khen ngợi hơn. Vì sao vậy? Bởi vì điều đó từ lâu đã dẫn tới sự ít ham-muốn, sự biết hài-lòng, sự thanh-bần, sự dễ-nuôi, và sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn).52 Vì vậy, này các Tỳ kheo, hãy là những người thừa tự của ta về Giáo Pháp, đừng là những người thừa tự của ta về những thứ vật chất. Vì sự bi-mẫn dành cho các thầy, ta đã nghĩ: ‘Theo cách nào những

đệ tử của ta là những người thừa tự của ta về Giáo Pháp, không phải là những người thừa tự của ta về những thứ vật chất?’”

KINH NHỮNG NGƯỜI THỪA TỰ GIÁO PHÁP • 23

4. Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Siêu Xuất đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở của mình. Không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, Ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta) mới nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo”—“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

5. “Này các đạo hữu, theo cách nào những đệ tử của Vị Thầy là người sống tách-ly (ẩn dật) mà không tu học trong sự tách-ly? Và theo cách nào những đệ tử của Vị Thầy là người sống tách-ly và tu học trong sự tách- ly?” “Này đạo hữu, thật tình chúng tôi đến từ xa để học hỏi từ thầy Xá-lợi- phất ý nghĩa của lời dạy đó. Sẽ tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất giải thích ý nghĩa của lời dạy đó. Sau khi nghe điều đó từ thầy các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Này các đạo hữu, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói.” “Dạ, thưa đạo hữu, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

6. (1) “Này các đạo hữu, theo cách nào những đệ tử của Vị Thầy là người sống tách-ly mà không tu học trong sự tách-ly? Ở đây, những đệ tử của Vị Thầy là người sống tách-ly không tu học trong sự tách-ly; họ không dẹp bỏ những điều Vị Thầy bảo họ dẹp bỏ; họ sống xa xỉ và bất cẩn, là những người dẫn đầu về sự sa-sút (tụt lùi), lơ là sự sống tách-ly lánh trần. (tức thân thì sống ở nơi tách-ly ẩn dật, nhưng tâm thì không tách-ly; sống lơ tâm, phóng dật) (a) “Về chuyện này, những Tỳ kheo trưởng lão … (b) “Về chuyện này, những Tỳ kheo trung niên … (c) “Về chuyện này, những Tỳ kheo thiếu niên sẽ bị chê trách vì ba lý do.53 (i) Khi những đệ tử của Vị Thầy là người sống tách-ly mà không tu học trong sự tách-ly: họ sẽ bị chê trách vì lý do thứ nhất này. (ii) Họ không dẹp bỏ những điều Vị Thầy bảo họ dẹp bỏ: họ sẽ bị chê trách vì lý do thứ hai này. (iii) Họ sống xa xỉ và bất cẩn, là

24 • Chương 1

những người dẫn đầu về sự sa-sút, lơ là sự sống tách-ly lánh trần: họ sẽ bị chê trách vì lý do thứ ba này. Những Tỳ kheo trưởng lão … Những Tỳ kheo trung niên … Những Tỳ kheo thiếu niên sẽ bị chê trách vì ba lý do này. “Chính theo cách này những đệ tử của Vị Thầy là người sống tách-ly nhưng không tu học trong sự tách-ly.

7. (2) “Này các đạo hữu, theo cách nào những đệ tử của Vị Thầy là người sống tách-ly và tu học trong sự tách-ly? Ở đây, những đệ tử của Vị Thầy là người sống tách-ly và tu học trong sự tách-ly; họ dẹp bỏ những điều Vị Thầy bảo họ dẹp bỏ; họ không sống xa xỉ và bất cẩn, họ nhiệt tâm phòng tránh sự sa-sút, và là những người dẫn đầu về sự sống tách-ly. (a) “Về chuyện này, những Tỳ kheo trưởng lão … (b) “Về chuyện này, những Tỳ kheo trung niên … (c) “Về chuyện này, những Tỳ kheo thiếu niên sẽ được khen ngợi vì ba lý do. (i) Khi những đệ tử của Vị Thầy là người sống tách-ly và tu học trong sự tách-ly: họ sẽ được khen ngợi vì lý do thứ nhất này. (ii) Họ dẹp bỏ những điều Vị Thầy bảo họ dẹp bỏ: họ sẽ được khen ngợi vì lý do thứ hai này. (iii) Họ không sống xa xỉ và bất cẩn, họ nhiệt tâm phòng tránh sự sa-sút, và là những người dẫn đầu trong sự sống

tách-ly: họ sẽ được khen ngợi vì lý do thứ ba này. Những Tỳ kheo trưởng lão … Những Tỳ kheo trung niên … Những Tỳ kheo thiếu niên sẽ được khen ngợi vì ba lý do này. “Chính theo cách này những đệ tử của Vị Thầy là người sống tách-ly và tu học trong sự tách-ly.

8. (3) “Này các đạo hữu, sự xấu-ác ở đây là tham và sân.54 Có một con đường Trung Đạo để dẹp bỏ tham và sân, nó mang lại tầm-nhìn, mang lại sự hiểu-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Và cái gì là con đường Trung Đạo đó? Đó chính là Bát Thánh Đạo (con đường tám phần thánh thiện), gồm có: cách- nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự

định-tâm đúng đắn (chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh-ngữ, chánh-nghiệp, chánh mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, chánh-định). Đây là con đường Trung Đạo mang lại sự-thấy, mang lại sự-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.55

9. 15. “Sự xấu-ác ở đây là sự tức-giận và thù-ghét … sự khinh thường và xấc xược … sự ghen tỵ và sự hám lợi … sự lừa dối và xảo trá … sự ương ngạnh và ganh đua … sự tự đại và kiêu ngạo … sự phù phiếm và lơ tâm phóng dật. Có một con đường Trung Đạo để dẹp bỏ sự phù phiếm và lơ tâm phóng dật, nó mang lại sự-thấy, mang lại sự-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Và cái gì là con đường Trung Đạo đó? Đó chính là Bát Thánh Đạo, gồm có: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn. Đây là con đường Trung Đạo mang lại sự-thấy, mang lại sự-biết, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.” Đó là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất.

04. KINH SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM (Bhayabherava Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Lúc đó có bà-la-môn tên Jāṇussoṇi56 đã đến gặp đức Thế Tôn, chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói: “Thầy Cồ-đàm, khi những người họ tộc đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành vì niềm- tin vào Thầy Cồ-đàm, có phải họ có Thầy Cồ-đàm là người lãnh đạo của họ, người giúp đỡ của họ, và người hướng dẫn họ? Và họ có noi theo tấm gương của Thầy Cồ-đàm hay không?”57 “Đúng vậy, này bà-la-môn, đúng là vậy. Khi những người họ tộc đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành vì niềm-tin vào ta, họ có ta là người lãnh đạo của họ, người giúp đỡ của họ, và người hướng dẫn họ. Và họ có noi theo gương của ta.” “Nhưng, Thầy Cồ-đàm, những nơi trú ở

đầy cây cối chằng chịt trong rừng khó mà chịu đựng, sự tách-ly (ẩn dật, ẩn tu) khó mà thực hành, và khó mà vui thích sự sống một-mình. Thầy có nghĩ rằng rừng thiêng nước độc sẽ cướp hết tâm trí của một Tỳ kheo nếu người đó không có được sự định-tâm." "Đúng vậy, này bà-la-môn, đúng là vậy. Những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng khó mà chịu đựng, sự tách-ly (ẩn dật, ẩn tu) khó mà thực hành, và khó mà vui thích sự sống một-mình. Người ta sẽ nghĩ rừng thiêng nước độc sẽ cướp hết tâm trí của một Tỳ kheo nếu người đó không có được sự định-tâm."

3. "Trước khi ta giác-ngộ, khi ta vẫn còn là một Bồ-tát chưa giác-ngộ toàn thiện, ta cũng suy xét như vầy: 'Những nơi trú ở đầy cây cối chằng

chịt trong rừng khó mà chịu đựng … rừng thiêng nước độc sẽ cướp hết tâm trí của một Tỳ kheo nếu người đó không có được sự định-tâm."

4. "Ta đã suy xét như vầy: 'Khi nào những tu sĩ (sa-môn, ẩn sĩ) và bà- la-môn không trong-sạch trong hành-vi thân khi lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng, thì bởi do khuyết điểm là hành-vi thân không trong-sạch của họ nên những tu sĩ và bà-la-môn tốt đó sẽ phát khởi sự sợ-hãi và khiếp-đảm không thiện lành. Nhưng ta không lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng mà không trong-sạch trong hành-vi thân. Ta thì trong-sạch trong hành-vi thân. Ta lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng như một trong những thánh nhân với hành-vi thân được trong-sạch.' Sau khi nhìn thấy trong bản thân mình sự trong-sạch của hành-vi thân, ta đã tìm thấy sự yên-ủi lớn lao khi trú sống ở trong rừng.

5. 7. "Ta đã suy xét như vầy: 'Khi nào những tu sĩ và bà-la-môn không trong-sạch trong hành-vi lời-nói … không trong-sạch trong hành-vi tâm … không trong-sạch trong sự mưu-sinh khi lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng … sẽ phát khởi sự sợ-hãi và khiếp-đảm không thiện lành. Nhưng … Ta thì trong-sạch trong sự mưu-sinh. Ta lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng như một trong những thánh nhân với sự mưu-sinh được trong-sạch.' Sau khi nhìn thấy trong bản thân mình sự trong-sạch của sự mưu-sinh, ta đã tìm thấy sự yên- ủi lớn lao khi trú sống ở trong rừng.

8. "Ta đã suy xét như vầy: 'Khi nào những tu sĩ và bà-la-môn là những người thèm-khát và đầy tham-dục (tham) … Ta thì không thèm-khát …'

9. "'… với một cái tâm ác-ý và những ý-định thù-ghét (sân) … Ta thì có một cái tâm từ-ái …'

10. "'… bị chi phối bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên) … Ta thì không có sự đờ-đẫn và buồn-ngủ …'

11. "'… bị chi phối bởi sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá) và không được bình-an trong tâm … Ta thì có một cái tâm bình-an …'

12. “‘ … không chắc chắn và còn nghi-ngờ (nghi) … Ta thì đã vượt khỏi sự nghi-ngờ …’

13. “‘… còn tự khen mình và chê bai người khác … Ta thì không còn tự khen mình và chê bai người khác …’

14. “‘… còn bị hoảng sợ và khủng bố … Ta thì đã không còn sự run sợ nào …’

15. “‘… tham muốn lợi, vinh, danh … Ta thì có ít mong cầu …’ 16. “‘… lười biếng và thiếu hụt sự nỗ-lực (tinh tấn) … Ta thì nhiều sự nỗ-lực …’

17. “‘… không có sự chánh-niệm và sự rõ-biết đầy đủ (thiếu tỉnh-giác) … Ta thì thiết lập trong sự chánh-niệm …’

18. “‘… không định-tâm và với những cái tâm lăng xăng … Ta thì có- được sự định-tâm …’

19. “Ta đã suy xét như vầy: ‘Khi nào những tu sĩ và bà-la-môn không có trí-tuệ, là những người vớ vẩn, khi lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng, thì bởi do khuyết điểm là không có trí-tuệ và là những người vớ vẩn, nên những tu sĩ và bà-la-môn đó sẽ phát khởi sự sợ- hãi và khiếp-đảm không thiện lành. Nhưng ta không lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng mà không có trí-tuệ, hay là một người vớ vẩn. Ta có được trí-tuệ.58 Ta lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng như một trong những thánh nhân có-được trí-tuệ.’ Sau khi nhìn thấy trong bản thân mình sự có-được trí-tuệ này, ta đã tìm thấy sự yên-ủi lớn lao khi trú sống ở trong rừng.

20. “Ta đã suy xét như vầy: ‘Có những đêm đặc biệt phúc lành là đêm thứ mười bốn, thứ mười lăm, và thứ tám của nửa-tháng.59 Bây giờ, sẽ ra sao nếu trong những đêm như vậy, ta trú ở trong những nơi kinh hoàng

đáng khiếp sợ như những đền miếu trong vườn cây, những đền miếu trong rừng núi, và những đền miếu sát gốc cây to? Có lẽ ta sẽ gặp phải sự sợ-hãi và khiếp-đảm.’ Và sau đó, vào những đêm đặc biệt phúc lành như vậy, là đêm thứ mười bốn, thứ mười lăm, và thứ tám của nửa-tháng, ta đã trú ở trong những nơi kinh hoàng đáng khiếp sợ như những đền miếu trong vườn cây, những đền miếu trong rừng núi, và những đền miếu chỗ gốc cây như vậy. Và trong khi ta ở đó, một thú dữ có thể đến chỗ ta, hay một con công làm gảy cành cây, hay một cơn gió làm xào xạc tiếng lá. Ta đã nghĩ: ‘Giờ thì sao nếu sự sợ-hãi và khiếp-đảm ập đến ta?’ Ta nghĩ: ‘Tại sao ta sống mà cứ luôn trông đợi sự sợ-hãi và khiếp-đảm? Giờ thì sao nếu ta khống chế sự sợ-hãi và khiếp-đảm trong khi vẫn giữ nguyên tư thế ta đang có khi nó ập đến ta?’60 “Khi ta đang đi, sự sợ-hãi và khiếp-đảm ập đến ta; thì ta sẽ không đứng lại hay ngồi xuống hay nằm xuống cho đến khi nào ta đã khống chế sự sợ- hãi và khiếp-đảm đó. Khi ta đang đứng, sự sợ-hãi và khiếp-đảm ập đến ta; thì ta sẽ không đi hay ngồi xuống hay nằm xuống cho đến khi nào ta đã khống chế sự sợ-hãi và khiếp-đảm đó. Khi ta đang ngồi, sự sợ-hãi và khiếp-đảm ập đến ta; thì ta sẽ không đứng lên hay đi hay nằm xuống cho đến khi nào ta đã khống chế sự sợ-hãi và khiếp-đảm đó. Khi ta đang nằm, sự sợ-hãi và khiếp-đảm

ập đến ta; thì ta sẽ không ngồi dậy hay đứng dậy hay đi cho đến khi nào ta đã khống chế sự sợ-hãi và khiếp-đảm đó.

21. “Này bà-la-môn, có những tu sĩ và bà-la-môn là người nhận thức đêm thành ngày và nhận thức ngày thành đêm. Ta nói rằng về phần họ đây là một sự cư trú trong si-mê. Nhưng ta nhận thức ngày là ngày và đêm là đêm. Nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói về ai là: ‘Một chúng sinh không bị dính si-mê đã xuất hiện trong thế gian này vì ích-lợi và hạnh- phúc của nhiều người, vì lòng bi-mẫn đối với thế gian, vì sự tốt-lành, ích- lợi và hạnh-phúc của những thiên thần và loài người’ thì đó chính là ta người nói một cách đúng đắn đã nói điều này.

KINH SỢ HÃI VÀ KHIẾP ĐẢM • 31

22. “Sự nỗ-lực (tinh tấn) không mệt mỏi đã được phát khởi trong ta và sự chánh-niệm không ngừng (liền tục, không ngưng) đã được thiết lập, thân ta được tĩnh-lặng và không bị quấy-nhiễu, tâm ta đạt-định và hợp- nhất.61

23. “Hoàn toàn tách-ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.62

24. “Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.

25. “Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), ta đã an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Vị đó có sự buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’

26. “Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.

27. “Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh lọc tinh khiết và sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới trí-biết về sự nhớ-lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh).63 Ta đã nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của ta; đó là, một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh,

32 • Chương 1

năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh; nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (ta nhớ rõ) 'Ở (kiếp) đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục ... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.' Như vậy đó, ta đã nhớ lại những tổng quan và chi tiết của những cõi kiếp quá khứ của ta.

28. "Đây là "trí-biết đích thực" đầu tiên (nhớ được những cõi kiếp quá khứ của mình) mà ta đã chứng ngộ vào canh một của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh; điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.

29. "Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh lọc tinh khiết và sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới trí-biết về sự nhìn-thấy sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh (thiên nhãn minh).64 Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của họ như vầy: 'Những chúng sinh này hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời-nói và tâm-ý đúng đắn; những

người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.

30. "Đây là "trí-biết đích thực" thứ hai (thấy biết những sự sinh tử của chúng sinh) ta đã chứng ngộ được vào canh giữa của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên

định.

31. “Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh lọc tinh khiết và sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận minh). Ta đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ … ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’. Ta đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm’ … ‘Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm’ … ‘Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm’ … ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm’.65

32. “Sau khi ta đã biết và đã thấy như vậy, tâm ta được giải thoát khỏi ô-nhiễm do tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi ô-nhiễm do vô-minh (vô-minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Nó đã được giải-thoát.’66 Ta đã trực-tiếp biết rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’67

33. “Đây là “trí-biết đích thực” thứ ba (thấy biết những ô-nhiễm đã tận diệt) mà ta đã chứng ngộ vào canh cuối của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.

34. “Bây giờ, này bà-la-môn, có thể ông nghĩ rằng: ‘Có lẽ ông sa-môn Cồ-đàm đến hôm này vẫn chưa hết tham, sân, si; đó là lý do mà ông ta vẫn lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng.’ Nhưng ông không nên nghĩ như vậy. Chính bởi vì ta nhìn thấy hai ích-lợi khi ta vẫn lui về ở những nơi trú ở đầy cây cối chằng chịt trong rừng: (i) ta nhìn thấy sự an-trú hạnh phúc (an lạc) cho chính mình ngay tại đây và bây giờ, và (ii) ta có lòng bi-mẫn đối với những thế hệ sau này.”68

35. “Thật vậy, chính bởi vì Thầy Cồ-đàm là bậc A-la-hán, bậc toàn- giác, nên Ngài có lòng bi-mẫn đối với những thế hệ sau này. “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ- đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đang dựng đứng lại những thứ đã bị quăng đổ, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ- đàm, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

05. KINH KHÔNG Ố NHIỄM (Anangaṇa Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo. “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo”— “Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

2. “Này các đạo hữu, có bốn loại người được thấy có trong thế gian.69 Bốn đó là gì? (i) Ở đây, có người có sự ố-nhiễm không hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Tôi có sự ố-nhiễm trong tôi’. (ii) Ở đây, có người có sự ố-nhiễm hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Tôi có sự ố-nhiễm trong tôi’. (iii) Ở đây, có người không có sự ố-nhiễm không hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Tôi không có sự ố-nhiễm trong tôi’. (iv) Ở đây, có người không có sự ố-nhiễm hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Tôi không có sự ố-nhiễm trong tôi’. (i) “Trong số này, người có sự ố-nhiễm không hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Tôi có sự ố-nhiễm trong tôi’ được gọi là người nhược hơn trong hai người có sự ố-nhiễm. (ii) Trong số này, người có sự ố-nhiễm hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Tôi có sự ố-nhiễm trong tôi’ được gọi là người ưu hơn trong hai người có sự ố-nhiễm. (iii) “Trong số này, người không có sự ố-nhiễm không hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Tôi không có sự ố-nhiễm’ được gọi là người nhược hơn trong hai người không sự ố-nhiễm. (iv) Trong số này, người không có sự ố-nhiễm hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Tôi không có sự ố-nhiễm trong tôi’ được gọi là người ưu hơn trong hai người không có sự ố-nhiễm.”

3. Sau khi điều này được nói ra, Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahā Mog- gallāna) đã hỏi Ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta): “Đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao, trong hai người có sự ố-nhiễm, người này được gọi là nhược hơn và người kia được gọi là ưu hơn. Và cái gì là

nguyên nhân và lý do tại sao, trong hai người không có sự ố-nhiễm, người này được gọi là nhược hơn và người kia được gọi là ưu hơn?”

4. (i) “Trong số này, này đạo hữu, khi một người có sự ố-nhiễm không hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Tôi có sự ố-nhiễm’, thì có thể trông đợi rằng người đó sẽ không phát khởi sự nhiệt-thành, tạo cố-gắng, hay phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ sự ố-nhiễm đó, và rằng người đó sẽ chết với tham, sân, si, với sự ố-nhiễm, với tâm bị ô-nhiễm. “Ví như một cái dĩa bằng đồng được đưa ra từ một cửa tiệm hay từ một lò rèn bị dính bụi dơ và vết ố, và người chủ không dùng nó cũng không lau chùi nó mà bỏ nó ở một góc dơ. Như vậy cái dĩa bằng đồng đó càng có bị dính dơ và ố nhiễm sau đó, phải không?”—“Đúng vậy, này đạo hữu”— “Cũng giống như vậy này đạo hữu, khi một người có sự ố-nhiễm không hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Tôi có sự ố-nhiễm’, thì có thể trông đợi rằng … người đó sẽ chết … với tâm bị ô-nhiễm.

5. (ii) “Trong số này, này đạo hữu, khi một người có sự ố-nhiễm hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Tôi có sự ố-nhiễm’, thì có thể trông đợi rằng người đó sẽ phát khởi sự nhiệt thành, tạo sự cố-gắng, và phát khởi sự nỗ-lực để dẹp bỏ sự ố-nhiễm đó, và rằng người đó sẽ chết không có tham, sân, si, không có sự ố-nhiễm, với tâm không bị ô-nhiễm. “Ví như một cái dĩa bằng đồng được đưa ra từ một cửa tiệm hay từ một lò rèn bị dính bụi dơ và vết ố, và người chủ có dùng nó và lau chùi nó và không bỏ nó ở một góc dơ. Như vậy cái dĩa bằng đồng đó càng sạch hơn và sáng hơn sau đó, phải không?”—“Đúng vậy, này đạo hữu”—“Cũng giống như vậy này đạo hữu, khi một người

có sự ố-nhiễm hiểu được điều này đúng như nó thực là: 'Tôi có sự ố-nhiễm', thì có thể trông đợi rằng … người đó sẽ chết … với tâm không bị ô-nhiễm.

6. (iii) "Trong số này, này đạo hữu, khi một người không có sự ố-nhiễm không hiểu được điều này đúng như nó thực là: 'Tôi không có sự ố- nhiễm', thì có thể trông đợi người đó sẽ chú-tâm (tác ý) tới dấu-hiệu đẹp

KINH KHÔNG Ố NHIỄM • 37

(tướng đẹp),70 mà do làm vậy tham-dục sẽ nhiễm tâm người đó, và người đó sẽ chết với tham, sân, si, với sự ố-nhiễm, với tâm bị ô-nhiễm. "Ví như một cái dĩa bằng đồng được đưa ra từ một cửa tiệm hay lò rèn là sạch và sáng, nhưng người chủ không dùng nó cũng không lau chùi nó mà bỏ nó ở một góc dơ. Như vậy cái dĩa bằng đồng đó càng lúc càng bị dính dơ và ố nhiễm sau đó, phải không?"—"Đúng vậy, này đạo hữu"—"Cũng giống như vậy này đạo hữu, khi một người không có sự ố-nhiễm không hiểu được điều này đúng như nó thực là: 'Tôi không có sự ố- nhiễm', thì có thể trông đợi rằng … người đó sẽ chết … với tâm bị ô- nhiễm.

7. (iv) "Trong số này, này đạo hữu, khi một người không có sự ố-nhiễm hiểu được điều này đúng như nó thực là: 'Tôi không có sự ố-nhiễm', thì có thể trông đợi người đó sẽ không chú-tâm (tác ý) tới dấu-hiệu đẹp (tướng đẹp), và do không làm vậy tham-dục sẽ không nhiễm tâm người đó, và người đó sẽ chết không có tham, sân, si, không có sự ố-nhiễm, với tâm không bị ô-nhiễm. "Ví như một cái dĩa bằng đồng được đưa ra từ một cửa tiệm hay lò rèn là sạch và sáng, và người chủ có dùng nó và lau chùi nó và không bỏ nó ở một góc dơ. Như vậy cái dĩa bằng đồng đó càng lúc càng sạch và sáng hơn sau đó, phải không?"—"Đúng vậy, này đạo hữu"—"Cũng giống như vậy này đạo hữu, khi một người không có sự ố-nhiễm hiểu được điều này đúng như nó thực là: 'Tôi không có sự ố-nhiễm', thì có thể trông đợi rằng … người đó sẽ chết … với tâm không bị ô-nhiễm.

8. "Đây là nguyên nhân và lý do tại sao, trong hai người có sự ố-nhiễm, người này được gọi là nhược hơn và người kia được gọi là ưu hơn. Và đây là nguyên nhân và lý do tại sao, trong hai người không có sự ố-nhiễm, người này được gọi là nhược hơn và người kia được gọi là ưu hơn.

9. "Này đạo hữu (Mục-kiền-liên), chữ 'sự ố-nhiễm, sự ố-nhiễm' được nói ra, nhưng chữ 'sự ố-nhiễm' này là thuật ngữ chỉ cái gì? Này đạo hữu

38 • Chương 1

(Mục-kiền-liên), 'sự ố-nhiễm' là một thuật ngữ chỉ những cảnh giới của những mong-muốn bất thiện xấu ác.

10. (a) "Có thể có một Tỳ kheo ở đây mong muốn: 'Nếu tôi phạm một tội giới, mong rằng các Tỳ kheo không biết tôi đã phạm một tội giới.' Rồi có thể tới lúc các Tỳ kheo cũng biết Tỳ kheo đó đã phạm tội giới. Do vậy Tỳ kheo đó tức giận và cay đắng như vầy: 'Các Tỳ kheo biết ta đã phạm vào tội giới.' Sự tức giận và cay đắng đều là sự ố-nhiễm.

11. (b) “Có thể có một Tỳ kheo ở đây mong muốn: ‘Nếu tôi phạm một tội giới, mong rằng các Tỳ kheo khiển trách tôi một cách riêng tư, không phải ngay giữa Tăng Đoàn.’ Rồi có thể các Tỳ kheo sẽ khiển trách Tỳ kheo đó ngay giữa Tăng Đoàn, không phải một cách riêng tư. Do vậy Tỳ kheo đó tức giận và cay đắng như vầy: ‘Các Tỳ kheo đã khiển trách ta ngay giữa Tăng Đoàn.’ Sự tức giận và cay đắng đều là sự ố-nhiễm.

12. (c) “Có thể có một Tỳ kheo ở đây mong muốn: ‘Nếu tôi phạm một tội giới, mong rằng một Tỳ kheo ngang hàng với tôi khiển trách tôi, không phải người không ngang hàng với tôi.’ Rồi có thể một Tỳ kheo không ngang hàng sẽ khiển trách Tỳ kheo đó, không phải một người ngang hàng với Tỳ kheo đó. Do vậy Tỳ kheo đó tức giận và cay đắng như vầy: ‘Một người không phải ngang hàng với ta đã khiển trách ta, không phải một người ngang hàng với ta.’ Sự tức giận và cay đắng đều là sự ố-nhiễm.

13. (d) “Có thể có một Tỳ kheo ở đây mong muốn: ‘Mong rằng Vị Thầy chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo bằng cách hỏi một loạt câu hỏi về tôi, không phải về Tỳ kheo khác!’ Rồi có thể rằng Vị Thầy chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo bằng cách hỏi một loạt câu hỏi về Tỳ kheo khác, không phải về Tỳ kheo đó. Do vậy Tỳ kheo đó tức giận và cay đắng như vầy: ‘Vị Thầy đã chỉ dạy Giáo Pháp bằng cách hỏi một loạt câu hỏi về Tỳ kheo khác, không phải về ta.’ Sự tức giận và cay đắng đều là sự ố-nhiễm.

14. (e) “Có thể có một Tỳ kheo ở đây mong muốn: ‘Mong rằng các Tỳ kheo đi vào làng khất thực sẽ xếp tôi đi ở đầu hàng, không phải Tỳ kheo khác!’ Rồi có thể những Tỳ kheo đi vô làng khất thực sẽ xếp Tỳ kheo

khác đi đầu hàng, không phải Tỳ kheo đó. Do vậy Tỳ kheo đó tức giận và cay đắng như vầy: ‘Các Tỳ kheo đi vô làng khất thực đã xếp Tỳ kheo khác đi dầu hàng, không phải ta.’ Sự tức giận và cay đắng đều là sự ố-nhiễm.

15. (f) “Có thể có một Tỳ kheo ở đây mong muốn: ‘Mong rằng tôi có được chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, thức ăn khất thực ngon nhất trong chỗ-ăn (khu ăn; chỗ để các Tỳ kheo ngồi phân chia và ăn những thức ăn đã khất thực; hay nhà ăn trong trong tịnh xá, trong chùa), không phải Tỳ kheo khác!’. Rồi có thể Tỳ kheo khác lại có được chỗ ngồi tốt nhất …

16. (g) “Có thể có một Tỳ kheo ở đây mong muốn: ‘Mong rằng tôi sẽ là người phát biểu lời chúc lành (tùy hủy pháp) trong chỗ-ăn sau bữa ăn trưa, không phải Tỳ kheo khác.’ Rồi có thể Tỳ kheo khác sẽ là người phát biểu lời chúc lành …

17. – 20. (k)-(l) “Có thể có một Tỳ kheo ở đây mong muốn: ‘Mong rằng tôi sẽ là người chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo … tôi sẽ là người chỉ dạy Giáo Pháp cho các Tỳ kheo Ni … cho những người tại gia nam … cho những người tại gia nữ đến thăm tịnh xá, không phải Tỳ kheo khác.’ Rồi có thể Tỳ kheo khác sẽ chỉ dạy Giáo Pháp …

21. – 24. (o)-(r) “Có thể có một Tỳ kheo ở đây mong muốn: ‘Mong rằng các Tỳ kheo … các Tỳ kheo Ni … những người tại gia nam … những người tại gia nữ sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính tôi, không phải Tỳ kheo khác!’ Rồi có thể họ tôn vinh … Tỳ kheo

khác … 25. – 28. (s)-(v) “Có thể có một Tỳ kheo ở đây mong muốn: ‘Mong rằng tôi sẽ là người có được y-phục tốt hơn … thức-ăn khất thực tốt hơn … chỗ-ở tốt hơn … thuốc-thang tốt hơn, không phải Tỳ kheo khác!’ Rồi có thể Tỳ kheo khác lại có được y-phục tốt hơn … thức-ăn khất thực tốt hơn … chỗ-ở tốt hơn … thuốc-thang tốt hơn, không phải Tỳ kheo đó. Do vậy Tỳ kheo đó tức giận và cay đắng như vầy: ‘Tỳ kheo khác có được y-phục tốt hơn … thức-ăn khất thực tốt hơn … chỗ-ở tốt hơn … thuốc-thang tốt hơn, không phải ta.’ Sự tức giận và cay đắng đều là sự ố-nhiễm.

“Này đạo hữu, ‘sự ố-nhiễm’ là một thuật ngữ để chỉ những cảnh giới của những mong-muốn bất thiện xấu ác.

29. (1) “Nếu những cảnh giới của những mong-muốn bất thiện xấu ác được thấy và được nghe là chưa được trừ-bỏ trong Tỳ kheo nào, cho dù tất cả người đó là người sống tu trong rừng, người thường tới ở những nơi tách-ly lánh trần, là người ăn thức ăn khất thực, người đi khất thực từng nhà, người mặc y-phục làm từ giẻ rách, người chỉ mặc y-phục làm từ vải sợi thô,71 thì những đồng đạo của người đó trong đời sống tâm linh vẫn không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Bởi vì sao? Bởi vì những cảnh giới của những mong-muốn bất thiện xấu ác được thấy và được nghe là chưa được trừ-bỏ bên trong vị đó. “Ví như một cái dĩa bằng đồng được đưa ra từ một cửa tiệm hay từ một lò rèn là sạch và sáng; nhưng người chủ để thịt chết một con rắn hay con chó hay con người lên đó, và đậy nó lại bằng một cái dĩa khác, rồi mang vô chợ; rồi người ta nhìn thấy nó nói rằng: ‘Cái gì mà anh mang đi như một của báu vậy?’ Rồi, sau khi dỡ nắp và mở nó ra, họ nhìn vào đó, và ngay khi họ nhìn thấy thứ trong dĩa, họ phát ói vì sự kinh tởm, sự ghê tởm, và sự gớm ghiếc đến nỗi những người đang chết đói cũng không muốn ăn, nói chi tới những người đã ăn no. “Cũng giống như vậy, nếu những cảnh giới của những mong-muốn bất thiện xấu ác được thấy và được nghe là chưa được trừ-bỏ bên trong một Tỳ kheo, cho dù tất cả người đó là người sống tu trong rừng … thì những đồng đạo … vẫn không tôn vinh … Bởi vì những cảnh giới của những mong-muốn bất thiện xấu ác được thấy và được nghe là chưa được trừ-bỏ bên trong vị đó.

30. (2) “Nếu những cảnh giới của những mong-muốn bất thiện xấu ác được thấy và được nghe là đã được trừ-bỏ bên trong Tỳ kheo nào, cho dù tất cả người đó là người sống tu trong làng, một người chấp nhận lời mời ăn trưa (dùng bữa ở nhà người tại gia), một người mặc y-phục (vải đẹp, cà sa) do những người tại gia cúng dường,72 thì những đồng đạo của người

đó trong đời sống tâm linh vẫn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Bởi vì sao? Bởi vì những cảnh giới của những mong-muốn bất thiện xấu ác được thấy và được nghe là đã được trừ-bỏ bên trong vị đó. “Ví như có một cái dĩa bằng đồng được đưa ra từ một cửa tiệm hay từ một lò rèn là sạch và sáng; và người chủ để lên đó cơm sạch và nhiều món canh và sốt, và đậy nó lại bằng một cái dĩa khác, rồi mang vô chợ;

rồi người ta nhìn thấy nó nói rằng: ‘Cái gì mà anh mang đi như một của báu vậy?’ Rồi sau khi dỡ nắp và mở ra, họ nhìn vào đó, và ngay khi họ nhìn vào thứ trong dĩa, họ phát thèm, thấy ngon miệng, và thích thú đến nỗi những người đã ăn no vẫn muốn ăn, nói chi tới những người đang chết đói. “Cũng giống như vậy, nếu những cảnh giới của những mong-muốn bất thiện xấu ác được thấy và được nghe là đã được trừ-bỏ bên trong một Tỳ kheo, cho dù tất cả người đó là người sống tu trong làng … thì những đồng đạo … vẫn tôn vinh … Bởi vì những cảnh giới của những mong- muốn bất thiện xấu ác được thấy và được nghe là đã được trừ-bỏ bên trong vị đó.”

31. Sau khi điều này được nói ra, thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói với thầy Xá-lợi-phất: “Một ví dụ này đã xảy đến với tôi, này đạo hữu Xá-lợi- phất”—“Hãy nói ra, này đạo hữu Mục-kiền-liên”—“Này đạo hữu Xá-lợi- phất, trong một lần tôi đang sống ở Đồi Pháo Đài (Giribbaja) ở Rājagaha (Vương Xá). Bấy giờ, vào buổi sáng, tôi mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Rājagaha để khất thực. Bấy giờ, lúc đó có Samīti, là con trai một thợ đóng xe, và có một người ngoại đạo [Ājīvaka] (người theo giáo phái Ni-kiền-tử hay đạo khác) tên là Paṇḍuputta, là con trai của một thợ đóng xe đời trước, đứng bên cạnh anh ta.73 Rồi ý nghĩ này đã khởi lên trong tâm của người ngoại đạo Paṇḍuputta: ‘Mong rằng Samīti, con trai thợ đóng xe, đẽo gọt chỗ cong này, chỗ vẹo này, chỗ lỗi này của vành bánh xe để cho nó không còn bị chỗ cong, chỗ vẹo, chỗ lỗi nào, và chỉ còn phần gỗ lõi nguyên chất.’ Và ngay sau khi ý nghĩ này đi qua tâm của anh

ta, thì Samīti, con trai thợ đóng xe, liền đẽo gọt chỗ cong này, chỗ vẹo này, chỗ lỗi này của vành bánh xe. Rồi người ngoại đạo Paṇḍuputta, con trai thợ đống xe đời trước, liền mừng rỡ và anh ta thốt lên sự mừng rỡ như vầy: ‘Anh ấy đẽo gọt cứ như anh ấy đã bằng tâm mình biết được tâm ta nghĩ gì vậy!’

32. (1) “Cũng giống như vậy, này đạo hữu, có những người không có niềm-tin và đã xuất gia tu hành không phải vì niềm-tin mà để mưu sinh kiếm sống, họ là những người giả dối, lừa gạt, tội lỗi, kiêu căng, rỗng tuếch, bản thân vô vọng, miệng lưỡi thô lỗ, nói năng tứ tung; không phòng hộ các căn cảm-nhận, không tiết độ trong ăn uống, không hết mình vì sự tỉnh-thức, không quan tâm tới đời sống tu sĩ (đời sa-môn, sự tu hành), không thực sự tôn trọng sự tu-tập, sống xa xỉ, bất cẩn, là những người dẫn đầu về sự sa-sút, lơ là sự sống tách-ly lánh trần, lười biếng, thiếu hụt sự nỗ-lực (tinh tấn), không có chánh-niệm, không rõ-biết (tỉnh-giác) đầy đủ, không định-tâm, với những cái tâm lăng xăng, không có trí-tuệ, là những người vớ vẩn. Thầy Xá-lợi-phất, với lời thuyết giảng của mình về Giáo Pháp, đã đẽo gọt đi những sai lỗi của họ cứ như thầy ấy bằng tâm mình biết rõ tâm của tôi vậy!74 (2) “Nhưng có những người họ tộc đã xuất gia tu hành vì niềm-tin, là những người không phải giả dối, lừa gạt, tội lỗi, kiêu căng, rỗng tuếch, bản thân vô vọng, miệng lưỡi thô lỗ, nói năng tứ tung; biết phòng hộ các căn cảm-nhận, tiết độ trong ăn uống, luôn hết mình vì sự tỉnh-thức, luôn để tâm đến đời sống tu sĩ (đời sa-môn, sự tu hành), thực sự tôn trọng sự tu-tập, không sống xa xỉ hay bất cẩn, là những người phòng tránh sự sa- sút, những người dẫn đầu trong sự sống

tách-ly lánh trần, phát khởi sự nỗ- lực (tinh tấn), kiên định, được thiết lập trong sự chánh-niệm, sự rõ-biết (tỉnh-giác) đầy đủ, đạt-định, với những cái tâm hợp-nhất, có được trí-tuệ, không phải là những người vớ vẩn. Những người này, khi nghe bài thuyết giảng của thầy Xá-lợi-phất về Giáo Pháp, họ 'uống' nó (bài thuyết giảng) và 'ăn' nó, đúng như nó đã được nói, bởi lời-nói và ý-nghĩ. Thật tốt lành rằng thầy Xá-lợi-phất đã làm cho những đồng đạo của mình trong đời

sống tâm linh thoát ra khỏi sự bất thiện và thiết lập bản thân họ trong sự thiện lành.

33. "Giống như một người nữ—hay người nam—trẻ, trẻ trung, thích đồ trang sức, với đầu gội sạch, khi nhận một vòng hoa kết bằng hoa sen, hoa lài, hay hoa hồng, thì sẽ nhận nó bằng cả hai tay và đặt nó lên đầu. Cũng giống như vậy, có những người họ tộc đã xuất gia tu hành vì niềm-tin … không phải là những người vớ vẩn. Những người này, khi nghe bài thuyết giảng của thầy Xá-lợi-phất về Giáo Pháp, họ 'uống' nó (bài thuyết giảng) và 'ăn' nó, đúng như nó đã được nói, bởi lời-nói và ý-nghĩ. Thật tốt lành rằng thầy Xá-lợi-phất đã làm cho những đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh thoát ra khỏi sự bất thiện và thiết lập bản thân họ trong sự thiện lành." Như vậy là hai chúng sinh vĩ đại này mỗi người đều hoan-hỷ với những lời tốt lành của người kia.75

06. KINH NẾU MỘT TỲ KHEO ƯỚC NGUYỆN (Ākankheyya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. "Này các Tỳ kheo, sống có được giới-hạnh, có được Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ Kheo), được kiềm chế bằng sự kiềm chế của Pātimokkha, có được đức-hạnh và nơi nương-dựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó.76

3. (1) "Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: 'Ước gì tôi được quý mến và vui lòng bởi những đồng đạo của tôi trong đời sống tâm linh, được tôn trọng và kính trọng bởi họ', thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật, tận tụy hết mình vì (để đạt được) sự tĩnh-lặng bên trong của tâm, không lơ lảng việc thiền tập, có được trí-tuệ, và sống trong những chòi trống.77

4. (2) "Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: 'Ước gì tôi là người nhận được y-phục, thức-ăn khất thực, chỗ-ở, và thuốc-thang', thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …

5. (3) "Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: 'Ước gì tôi những sự phụng-sự của những người cúng dường y-phục, thức-ăn khất thực, chỗ-ở, và thuốc- thang cho tôi sử dụng sẽ mang lại phước quả và ích lợi lớn lao cho họ', thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những

giới-luật …

6. (4) “Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: ‘Ước gì những người thân và họ hàng của tôi đã qua đời và đã chết nhớ tới tôi với một niềm-tin trong tâm của họ, cầu mong điều đó (sự tưởng nhớ đó) mang lại phước quả và ích lợi lớn lao cho họ’, thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …78

7. (5) “Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: ‘Ước gì tôi trở thành một người chinh phục sự không biết hài-lòng và sự khoái-lạc, và cầu mong sự không biết hài-lòng không chinh phục tôi; cầu mong tôi an trú vượt qua sự không biết hài-lòng mỗi khi nó khởi sinh’, thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …

8. (6) “Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: ‘Ước gì tôi trở thành một người chinh phục sự sợ-hãi và khiếp-đảm, và cầu mong sự sợ-hãi và khiếp-đảm không chinh phục tôi; cầu mong tôi an trú vượt qua sự sợ-hãi và khiếp- đảm’, thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …

9. (7) “Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: ‘Ước gì tôi trở thành một người, nếu muốn không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (jhāna) (những tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và mang lại sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ]’, thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …

10. (8) “Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: ‘Ước gì tôi bằng thân tiếp xúc và an trú trong những sự giải-thoát vốn là bình-an và vô-sắc, vượt trên sắc giới’, thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …79

11. (9) “Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: ‘Ước gì tôi, với ‘sự tiêu diệt ba gông-cùm (đầu tiên)’, sẽ trở thành bậc Nhập-lưu, không còn bị rớt trong những cõi thấp xấu (súc sinh, ngạ quỷ…), đã định xong vận mệnh, hướng tới [sự giải-thoát], với sự giác-ngộ là đích-đến’, thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …80

12. (10) “Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: ‘Ước gì tôi, bằng ‘sự tiêu diệt ba gông-cùm (đầu tiên)’ và ‘sự làm giảm thiểu tham, sân, si’, sẽ trở thành bậc Nhất-lai, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa để làm nên sự chấm-dứt khổ’, thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …

13. (m) “Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: ‘Ước gì tôi, với ‘sự tiêu diệt năm gông-cùm (đầu tiên; hạ phần kiết sử)’, sẽ tái sinh tự phát [trong những cõi trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên) của bậc thánh Bất-lai] và từ cõi

đó sẽ chứng luôn Niết-bàn, không quay lại thế gian nữa’, thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …81

14. (11) “Nếu một Tỳ kheo ước nguyện:82 ‘Ước gì tôi (có thể) vận dụng nhiều loại thần-thông [năng-lực siêu thường (thuộc tâm linh)] khác nhau (thần thông biến hóa, biến hóa thông) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một

thân; tôi hiện hình và biến hình; tôi đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi tréo chân; tôi có thể dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā', thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …

15. (12) "Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: 'Ước gì tôi (có thể), bằng yếu tố tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh ở cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần', thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …

16. (13) "Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: 'Ước gì tôi (có thể) hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông). Tôi hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm bao la [được khuếch đại, mở rộng, cao vời] là tâm bao la, và một cái tâm không bao la là tâm không bao la; một cái tâm chưa vô thượng [còn có thể vượt trên] là tâm chưa vô thượng, và một cái tâm vô thượng [không thể vượt trên] là tâm vô thượng; một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định; một cái tâm được giải thoát là

tâm được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát', thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …

17. (14) "Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: 'Ước gì tôi (có thể) nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh), đó là: … [giống mục 27, kinh MN 04 ở trên] … Như vậy đó, tôi đã nhớ lại những tổng quan và chi tiết của những cõi kiếp quá khứ của tôi', thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …

18. (15) "Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: 'Ước gì tôi (có thể), với mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và tôi hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình … [giống mục 29, kinh MN 04 ở trên] …', thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật …

19. (16) "Nếu một Tỳ kheo ước nguyện: 'Ước gì tôi (có thể), bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh), ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, tôi chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm',83 thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-luật, tận tụy hết mình (tu tập để đạt được) vì sự tĩnh-lặng bên trong của tâm, không lơ lảng việc thiền tập, có được trí-tuệ, và sống trong những chòi trống.

20. “Chính do sự tham chiếu tới điều này nên mới nói rằng: ‘Này các Tỳ kheo, sống có được giới-hạnh, có được Pātimokkha (Giới Bổn Tỳ Kheo), được kiềm chế bằng sự kiềm chế của Pātimokkha, có được đức-hạnh và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhặt. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

07. KINH VÍ DỤ TẤM VẢI (Vatthūpama Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.84 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, nếu một tấm vải bị ô nhiễm và dơ dáy được một người thợ nhuộm nhúng vào thùng nhuộm—màu xanh, vàng, đỏ hay hồng—thì nó vẫn là tấm vải có màu xấu và dơ dáy. Vì sao? Bởi vì sự không-sạch của tấm vải. Tương như tự vậy, này các Tỳ kheo, khi tâm người không-sạch, thì ắt hẳn một nơi-đến tương lai xấu (bất hạnh) được trông đợi. Này các Tỳ kheo, nếu một tấm vải hoàn toàn sạch được một người thợ nhuộm nhúng vào thùng nhuộm—màu xanh, vàng, đỏ hay hồng—thì nó sẽ trở thành tấm vải có màu đẹp và sạch sẽ. Vì sao? Bởi vì sự trong-sạch của tấm vải đó. Tương tự như vậy, này các Tỳ kheo, khi tâm người trong-sạch, ắt hẳn một nơi-đến tương lai tốt (hạnh phúc) được trông đợi.85

3. “Bây giờ, này các Tỳ kheo, cái gì là những sự không-sạch [sự ố- nhiễm, sự bất-tịnh] làm ô nhiễm cái tâm [= những sự ố-nhiễm làm ô nhiễm cái tâm]?86 Sự thèm-muốn—sự quá tham-lam bất chính—là một sự không-sạch làm ô nhiễm cái tâm; sự tức-giận ... sự thù-ghét … sự khinh- thường ... sự xấc-xược … sự ghen-tỵ ... sự hám-lợi … sự lừa-dối ... sự xảo-trá … sự ương-ngạnh ... sự ganh-đua … sự tự-đại ... sự kiêu-ngạo … sự phù phiếm ... sự lơ-tâm phóng dật là một sự không-sạch làm ô nhiễm cái tâm.87

4. “Khi Tỳ kheo đó biết sự thèm-muốn—sự quá tham-lam bất chính—là một sự không-sạch làm ô nhiễm cái tâm, thì người đó dẹp-bỏ nó;88 khi người đó biết sự tức-giận ... sự lơ-tâm phóng dật là một sự không-sạch làm ô nhiễm cái tâm, thì người đó dẹp-bỏ nó.

5. (i) “Khi Tỳ kheo đó đã biết sự thèm-muốn—sự tham-lam bất chính—là một sự không-sạch làm ô nhiễm cái tâm, và đã dẹp-bỏ nó; khi một Tỳ kheo đã biết sự tức-giận ... sự lơ-tâm phóng dật là một sự không- sạch làm ô nhiễm cái tâm, và đã dẹp-bỏ nó, thì (i) người đó đạt-được niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật như vầy:89 ‘Đức Thế Tôn là một A- la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới Người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.’

6. (ii) “Người đó đạt-được niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp như vầy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’

7. (iii) “Người đó đạt-được niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp như vầy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, Là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’

8. “Sau khi người đó đã giục bỏ, đã xua tan, đã buông bỏ, đã dẹp bỏ, và đã từ bỏ từng phần [những sự không-sạch làm ô nhiễm cái tâm],90 người đó suy xét như vầy: ‘Giờ ta có được niềm-tin bất lay chuyển vào Đức Phật’ và người đó đạt được niềm cảm-hứng trong ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng trong Giáo Pháp,91 đạt được niềm-vui liên quan với Giáo Pháp. Khi người đó vui-vẻ, niềm hoan-hỷ (hỷ) khởi sinh trong người đó; trong một người hoan-hỷ, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an); người có thân tĩnh- lặng cảm nhận sự sướng (lạc), tâm trở nên đạt-định (định).92

9. “Người đó suy xét như vầy: ‘Giờ ta có được niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp’ và người đó đạt được niềm cảm-hứng trong ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng trong Giáo Pháp, đạt được niềm-vui liên quan với Giáo Pháp. Khi người đó vui-vẻ … tâm trở nên đạt-định (định).

10. “Người đó suy xét như vầy: ‘Giờ ta có được niềm-tin bất lay chuyển vào Tăng Đoàn’ và người đó đạt được niềm cảm-hứng trong ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng trong Giáo Pháp, đạt được niềm-vui liên quan với Giáo Pháp. Khi người đó vui-vẻ … tâm trở nên đạt-định (định).

11. “Người đó suy xét như vầy: ‘[Những sự không-sạch làm ô nhiễm cái tâm] đã được giục bỏ, xua tan, buông bỏ, dẹp bỏ, và từ bỏ từng phần bởi ta’ và người đó đạt được niềm cảm-hứng trong ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng trong Giáo Pháp, đạt được niềm-vui liên quan với Giáo Pháp. Khi người đó vui-vẻ, niềm hoan-hỷ (hỷ) khởi sinh trong người đó; trong một người hoan-hỷ, thân trở nên tĩnh-lặng (khinh an); người có thân tĩnh- lặng cảm nhận sự sướng (lạc), tâm trở nên đạt-định (định).

12. “Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đạt tới giới-hạnh như vậy (giới), một trạng-thái [định-tâm] như vậy (định), và trí-tuệ như vậy (tuệ),93 thì coi như người đó có thể dự phần trong một bữa cơm ngon nhất với đầy đủ nước xốt và cà-ri, ngay cả [thức ăn ngon] đó cũng không còn là trở- ngại đối với người đó; (vì tới lúc này thức ăn ngon không còn làm khởi sinh tham-dục trong người đó).94 “Giống như một tấm vải bị ô nhiễm và dơ dáy được nhúng vào một chậu nước sạch, nó sẽ trở thành sạch và không còn dơ dáy; giống như miếng vàng thô được nhúng luyện qua lò lửa, nó sẽ trở thành

sạch và tinh khiết. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo đạt tới giới-hạnh như vậy (giới), một trạng-thái [định-tâm] như vậy (định), và trí-tuệ như vậy (tuệ), thì người đó coi như có thể dự phần trong một bữa cơm ngon nhất với đầy đủ nước xốt và cà-ri, ngay cả [thức ăn ngon] đó cũng không còn là trở-ngại đối với người đó.

13. “Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ);95 cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn [quảng đại], bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý.

14. –16. “Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý.

17. “Người đó hiểu: ‘Có sự này; có sự tệ hơn (nhược), và có sự tốt hơn (ưu); và ở bên trên có sự thoát-khỏi ‘toàn bộ cảnh giới của sự nhận-thức (tưởng)’ này.”96

18. “Khi người đó biết và thấy điều này, tâm người đó được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm (lậu hoặc) do/của khoái-lạc giác-quan (dục lậu), khỏi ô-nhiễm do/của sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi ô-nhiễm do/của vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm được giải-thoát thì có sự-biết: ‘Nó được giải- thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo này được gọi là đã tắm sạch bằng sự tắm gội bên-trong.”97

19. Bấy giờ, lúc đó có bà-la-môn tên Sundarika Bhāradvāja đang ngồi không xa đức Thế Tôn. Ông ta nói với đức Thế Tôn: “Nhưng Thầy Cồ- đàm có đi đến Sông Bāhukā để tắm hay không?” “Này bà-la-môn, tại sao ta phải đi đến sông Bāhukā? Sông Bāhukā thì có thể làm gì được (tốt cho ta)?”

“Thầy Cồ-đàm, sông Bāhukā River được nhiều người cho rằng nó mang đến sự giải-thoát, nhiều người cho rằng nó mang lại công-đức, và nhiều người rửa sạch những nghiệp ác của họ trong sông Bāhukā.”

20. Rồi đức Thế Tôn mới nói cho bà-la-môn Sundarika-Bharadvaja bằng lời thi kệ như sau:

“Sông Bāhukā và Adhikakkā
Sông Gayā, Sundarikā
Sarassatī, Payāna và Bāhumatī98

Người ngu tắm cả đời
Không tẩy được nghiệp đen
Người hận thù, ác độc
Càng không sạch được gì.
Ai nội tâm trong sạch
Mỗi ngày đều Tết Xuân
Mỗi ngày đều Thiêng Liêng99
Trong sạch trong hành-động,
Và trong sạch trong tâm
Là hoàn thiện giới-hạnh.
Vì vậy bà-la-môn
Hãy đến tắm ở đây:
Thương mọi sinh vật sống
Không sát-sinh, nói-dối
Không gian-cắp, keo-kiệt
Không keo-kiệt tham lam
Mà sống trong sự tin-tưởng
Đi Gayā làm gì? Nên về 'tắm ao ta' 'Giếng nhà mình' là Gayā."

21. Sau khi lời này được nói ra, bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đã nói: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ- đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đang dựng đứng lại những thứ đã bị quăng đổ, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Con xin thụ giới xuất-gia dưới Thầy Cồ-đàm; con xin thụ toàn-bộ giới."100

22. Và bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đã thụ giới xuất-gia (thành sa- di) dưới đức Thế Tôn; và thầy ấy đã thụ toàn-bộ giới (đại thọ giới; thành Tỳ kheo). Và không lâu, sau khi thầy ấy đã thụ toàn-bộ giới, sống một mình, lui về (thu mình), chuyên-cần, nhiệt-thành, và kiên-định, thầy Bhāradvāja, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống tâm linh mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực tiếp biết: 'Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.' Và thầy Bhāradvāja đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

08. KINH SỰ THANH TẨY (Sallekha Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.101 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Rồi, vào buổi cuối chiều, Ngài Đại Cunda (Mahā Cunda) ra khỏi giờ thiền và đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ(*) đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên và thưa:

3. “Thưa Thế Tôn, nhiều quan-điểm khác nhau khởi sinh trong thế gian có nối kết với những luận thuyết về ngã hoặc những luận thuyết về thế giới.102 Giờ liệu sự dẹp bỏ và sự từ bỏ những quan-điểm đó có xảy ra trong một Tỳ kheo là người mới tu thời kỳ đầu [của sự thiền-tập của mình] hay không?”103 “Này Cunda, đối với những ai có nhiều quan-điểm khác nhau khởi sinh trong thế gian có nối kết với những luận thuyết về ngã hoặc những luận thuyết về thế giới: nếu [cái đối-tượng] vì liên quan nó nên những quan-điểm đó khởi sinh, những quan-điểm đó nằm ẩn dưới nó, và những quan-điểm được thực hiện104 mà được nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng đúng như nó thực là như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’’, thì sự dẹp bỏ và sự từ bỏ những quan-điểm đó sẽ xảy ra.105

(Tám Tầng Chứng Đắc)

4. (i) “Này Cunda, có thể ở đây có: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác- quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh- phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Người đó có thể nghĩ rằng: ‘Tôi đang an trú trong sự thanh-tẩy’. Nhưng không phải những sự chứng-đắc này được gọi là những ‘sự thanh-tẩy’ theo Giới Luật của Bậc Thánh:

chúng chỉ được gọi là ‘những sự an trú lạc trú tại đây và bây giờ (hiện tại lạc trú) theo Giới Luật của Bậc Thánh.106

5. (ii) “Có thể ở đây có: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.’ Người đó có thể nghĩ rằng: ‘Tôi đang an trú trong sự thanh-tẩy’. Nhưng … chúng chỉ được gọi là ‘những sự an trú hạnh phúc tại đây và bây giờ (hiện tại lạc trú) theo Giới Luật của Bậc Thánh.

6. (iii) “Có thể ở đây có: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’ Người đó có thể nghĩ rằng: ‘Tôi đang an trú trong sự thanh-tẩy’. Nhưng … chúng chỉ được gọi là ‘những sự an trú hạnh phúc tại đây và bây giờ (hiện tại lạc trú) theo Giới Luật của Bậc Thánh.

7. (iv) “Có thể ở đây có: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Người đó có thể

nghĩ rằng: ‘Tôi đang an trú trong sự thanh-tẩy.’ Nhưng không phải những sự chứng-đắc này được gọi là những ‘sự thanh-tẩy’ theo Giới Luật của Bậc Thánh: chúng chỉ được gọi là ‘những sự an trú hạnh phúc tại đây và bây giờ (hiện tại lạc trú) theo Giới Luật của Bậc Thánh.

8. (v) “Có thể ở đây có: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc-giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm

giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ (cơ sở) không gian vô biên (không vô biên xứ).’ Người đó có thể nghĩ rằng: ‘Tôi đang an trú trong sự thanh-tẩy.’ Nhưng không phải những sự chứng-đắc này được gọi là những ‘sự thanh-tẩy’ theo Giới Luật của Bậc Thánh: chúng chỉ được gọi là ‘những sự an trú hạnh phúc tại đây và bây giờ (hiện tại lạc trú) theo Giới Luật của Bậc Thánh.

9. (vi) “Có thể ở đây có: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không gian vô biên, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ).’ Người đó có thể nghĩ rằng: ‘Tôi đang an trú trong sự thanh-tẩy’. Nhưng … chúng chỉ được gọi là ‘những sự an trú hạnh phúc tại đây và bây giờ (hiện tại lạc trú) theo Giới Luật của Bậc Thánh.

10. (vii) “Có thể ở đây có: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ thức vô biên, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ ‘không-có-gì’ (vô sở hữu xứ).’ Người đó có thể nghĩ rằng: ‘Tôi đang an trú trong sự thanh-tẩy’. Nhưng … chúng chỉ được gọi là ‘những sự an trú hạnh phúc tại đây và bây giờ (hiện tại lạc trú) theo Giới Luật của Bậc Thánh.

11. (viii) “Có thể ở đây có: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ ‘không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ).’ Người đó có thể nghĩ rằng: ‘Tôi đang an trú trong sự thanh-tẩy.’ Nhưng không phải những sự chứng-đắc này được gọi là những ‘sự thanh- tẩy’ theo Giới Luật của Bậc Thánh: chúng chỉ được gọi là ‘những sự an- trú sung sướng tại đây và bây giờ (hiện tại lạc trú) theo Giới Luật của Bậc Thánh.

(Sự Thanh Tẩy)

12. “Giờ, này Cunda, ở đây sự thanh-tẩy nên được thực hành bởi thầy như vầy:107 (1) ‘Người khác sẽ hung-dữ; ở đây chúng ta sẽ không hung-dữ’: sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy.108 (2) ‘Người khác sẽ sát-sinh; ở đây chúng ta sẽ không sát-sinh’: sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (3) ‘Người khác sẽ gian-cắp; ở đây chúng ta kiêng cữ sự gian-cắp’: sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (4) ‘Người khác sẽ sống không độc-thân; ở đây chúng ta sống độc- thân’: sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (5) ‘Người khác sẽ nói-dối nói láo; ở đây chúng ta kiêng cữ sự nói-dối nói láo’: sự thanh-tẩy

nên được tu tập như vậy. (6) 'Người khác sẽ nói lời hiểm-độc; ở đây chúng ta kiêng cữ sự nói lời hiểm-độc': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (7) 'Người khác sẽ nói lời gắt-gỏng nạt nộ; ở đây chúng ta kiêng cữ sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (8) 'Người khác sẽ nói lời tán-gẫu vô ích; ở đây chúng ta kiêng cữ sự nói lời tán-gẫu vô ích': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (9) 'Người khác sẽ thèm-khát; ở đây chúng ta sẽ không thèm-khát': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (10) 'Người khác sẽ có sự ác-ý; ở đây chúng ta sẽ không có sự ác-ý': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (11) 'Người khác sẽ có cách-nhìn sai lạc (tà kiến); ở đây chúng ta có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến): sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (12) 'Người khác sẽ có ý-định sai trái (tà tư duy); ở đây chúng ta có ý- định đúng đắn (chánh tư duy): sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy.

(13) 'Người khác sẽ có lời-nói sai trái (tà ngữ); ở đây chúng ta sẽ có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ)': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (14) 'Người khác sẽ có hành-động sai trái (tà nghiệp); ở đây chúng ta sẽ có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp)': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (15) 'Người khác sẽ có sự mưu-sinh sai trái (tà mạng); ở đây chúng ta có sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng)': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (16) 'Người khác có sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn); ở đây chúng ta có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn)': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (17) 'Người khác sẽ có sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm); ở đây chúng ta có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm)': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (18) 'Người khác sẽ có sự định-tâm sai lạc (tà định); ở đây chúng ta có sự định-tâm đúng đắn (chánh định)': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (19) 'Người khác sẽ có sự-biết sai lạc (tà tri); ở đây chúng ta sẽ có sự- biết đúng đắn (chánh tri)': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (20) 'Người khác sẽ có sự giải-thoát sai lạc; ở đây chúng ta sẽ có sự giải-thoát đúng đắn': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (21) 'Người khác sẽ bị chinh phục bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm và thụy miên); ở đây chúng ta sẽ không bị sự đờ-đẫn và buồn-ngủ': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (22) 'Người khác sẽ bị bất-an và hối-tiếc và hối-tiếc (trạo hối); ở đây chúng ta sẽ không bị bất-an và hối-tiếc': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (23) 'Người khác sẽ là người nghi-ngờ; ở đây chúng ta sẽ vượt qua sự nghi-ngờ': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy.

(24) 'Người khác sẽ tức-giận; ở đây chúng ta sẽ không tức giận': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (25) 'Người khác sẽ thù-ghét; ở đây chúng ta sẽ không thù ghét': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (26) 'Người khác sẽ khinh-thường; ở đây chúng ta sẽ không khinh- thường': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (27) 'Người khác sẽ xấc-xược; ở đây chúng ta sẽ không xấc-xược': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (28) 'Người khác sẽ ghen-tỵ; ở đây chúng ta sẽ không ghen-tỵ': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (29) 'Người khác sẽ hám-lợi; ở đây chúng ta sẽ không hám-lợi': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (30) 'Người khác sẽ lừa-dối; ở đây chúng ta sẽ không lừa-dối': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (31) 'Người khác sẽ xảo-trá; ở

đây chúng ta sẽ không xảo-trá': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (32) 'Người khác sẽ ngang-ngạnh; ở đây chúng ta sẽ không ngang- ngạnh': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (33) 'Người khác sẽ kiêu-ngạo; ở đây chúng ta sẽ không kiêu-ngạo': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (34) 'Người khác sẽ khó khuyên-bảo được; ở đây chúng ta sẽ dễ khuyên-bảo': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (35) 'Người khác sẽ có bạn-xấu; ở đây chúng ta sẽ có bạn-tốt': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (36) 'Người khác sẽ lơ-tâm phóng dật; ở đây chúng ta sẽ không lơ-tâm phóng dật': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy.

(37) 'Người khác sẽ bất-tín; ở đây chúng ta sẽ thành-tín': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (38) 'Người khác sẽ không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức); ở đây chúng ta sẽ biết xấu-hổ': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (39) 'Người khác sẽ không biết sợ-hãi việc làm sai trái; ở đây chúng ta sẽ biết sợ-hãi việc làm sai trái': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (40) 'Người khác sẽ ít học-hiểu; ở đây chúng ta sẽ học-hiểu nhiều': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (41) 'Người khác sẽ lười-biếng; ở đây chúng ta sẽ nỗ-lực': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (42) 'Người khác sẽ không có chánh-niệm; ở đây chúng ta sẽ thiết lập sự chánh-niệm': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (43) 'Người khác sẽ thiếu trí-tuệ; ở đây chúng ta sẽ có được trí-tuệ': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy. (44) 'Người khác sẽ cố chấp theo những quan-điểm của họ, khăng khăng nắm giữ chúng, và rất khó từ bỏ chúng;109 ở đây chúng ta sẽ không cố chấp theo những quan-điểm này nọ (tà kiến), không khăng khăng nắm giữ chúng, và dễ dàng từ bỏ chúng': sự thanh-tẩy nên được tu tập như vậy.

(Khuynh Hướng của Tâm)

13. "Này Cunda, ta nói rằng khuynh-hướng (xu hướng, sự ngã hướng, thiên hướng, bản năng) của tâm ngã về những trạng thái thiện lành đã là lợi-ích lớn, nói chi tới những hành-vi của thân và lời-nói phù hợp [với trạng thái tâm thiện như vậy] mà không là [lợi-ích] như vậy sao?110 Vì vậy, này Cunda: (1) Tâm nên khuynh hướng như vầy: 'Người khác sẽ hung-dữ; ở đây chúng ta sẽ không hung-dữ (hiền từ).'

(2) Tâm nên khuynh hướng như vầy: 'Người khác sẽ sát-sinh; ở đây chúng ta kiêng cữ sự sát-sinh.' (3) – (43) Tâm nên khuynh hướng như vầy: … [tiếp tục thứ tự như mục kế trên, cho đến:]

(44) Tâm nên khuynh hướng như vầy: 'Người khác sẽ cố chấp theo những quan-điểm của họ, khăng khăng nắm giữ chúng, và rất khó từ bỏ chúng; ở đây chúng ta sẽ không cố chấp theo những quan-điểm này nọ (tà kiến), không khăng khăng nắm giữ chúng, và dễ dàng từ bỏ chúng.'

(Sự Tránh Bỏ)

14. "Này Cunda, ví như có một đường đi không bằng phẳng và một đường đi khác bằng phẳng để (được dùng để, nhờ đó) tránh nó; và ví như có một bãi sông không bằng

phẳng và một bãi sông bằng phẳng (được dùng để, nhờ đó) tránh nó. Cũng giống như vậy: (1) Người có sự hung-dữ thì có sự không hung-dữ (hiền từ) để (được dùng để, nhờ đó) tránh bỏ nó (để đối trị nó). (2) Người có sự sát-sinh thì có sự kiêng cữ sát-sinh để tránh bỏ nó. (3) Người có sự gian-cắp thì có sự kiêng cữ gian-cắp để tránh bỏ nó. (4) Người có sự sống không độc-thân thì có sự sống độc-thân để tránh bỏ nó. (5) Người có sự nói-dối nói láo thì có sự kiêng cữ nói-dối nói láo để tránh bỏ nó. (6) Người có sự nói lời hiểm-độc thì có sự kiêng cữ lời nói hiểm-độc để tránh bỏ nó. (7) Người có sự nói lời gay-gắt nạt nộ thì có sự kiêng cữ lời nói gắt- gỏng nạt nộ để tránh bỏ nó. (8) Người có sự nói tán-dóc vô ích thì có sự kiêng cữ lời nói tán-dóc vô ích để tránh bỏ nó.

(9) Người có sự thèm-khát thì có sự không thèm-khát để tránh bỏ nó. (10) Người có sự ác-ý thì có sự không ác-ý để tránh bỏ nó. (11) Người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) thì có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) để tránh bỏ nó. (12) Người có ý-định sai trái (tà tư duy) thì có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) để tránh bỏ nó. (13) Người có lời-nói sai trái (tà ngữ) thì có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) để tránh bỏ nó. (14) Người có hành-động sai trái (tà nghiệp) thì có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) để tránh nóNgười có sự mưu-sinh sai trái (tà mạng) thì có sự mưu-sinh đúng đắn (chánh mạng) để tránh bỏ nó. (15) Người có sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) thì có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) để tránh bỏ nó. (16) Người có sự tâm-niệm sai lạc (tà niệm) thì có sự tâm-niệm đúng đắn (chánh niệm) để tránh bỏ nó. (17) Người có sự định-tâm sai lạc (tà định) thì có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) để tránh bỏ nó. (18) Người có sự-biết sai lạc (tà tri) thì có sự-biết đúng đắn (chánh tri) để tránh bỏ nó. (19) Người có sự giải-thoát sai lạc thì có sự giải-thoát đúng đắn để tránh bỏ nó. (20) Người có sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm và thụy miên) thì có sự không-bị sự đờ-đẫn và buồn-ngủ để tránh bỏ nó. (21) Người có sự bất-an và hối-tiếc (trạo hối) thì có sự không bất-an và hối-tiếc để tránh bỏ nó. (22) Người có sự nghi-ngờ có trạng thái vượt trên sự nghi-ngờ (sự biết chắc; sự tự tin) để tránh bỏ nó.

(23) Người có sự tức-giận thì có sự không tức-giận để tránh bỏ nó. (24) Người có sự thù-ghét thì có sự không thù-ghét để tránh bỏ nó. (25) Người có sự khinh-thường thì có sự không khinh-thường (tôn trọng) để tránh bỏ nó. (26) Người có sự xấc-xược thì có sự không xấc-xược để tránh bỏ nó. (27) Người có sự ghen-tỵ thì có sự không ghen-tỵ để tránh bỏ nó. (28) Người có sự hám-lợi thì có sự không hám-lợi để tránh bỏ nó. (29) Người có sự lừa-dối thì có sự không lừa-dối để tránh bỏ nó. (30) Người có sự xảo-trá thì có sự không xảo-trá để tránh bỏ nó. (31) Người có sự ngang-ngạnh thì có sự không ngang-ngạnh để tránh bỏ nó. (32) Người có sự kiêu-ngạo thì có sự không kiêu-ngạo để tránh bỏ nó. (33) Người có sự khó được khuyên-bảo thì có sự dễ được khuyên-bảo để tránh bỏ nó. (34) Người có sự có bạn-xấu thì có sự có bạn-tốt để tránh bỏ nó. (35) Người có sự lơ-tâm phóng dật thì có sự chuyên-chú để tránh bỏ nó. (36) Người có sự bất-tín thì có sự thành-tín để tránh bỏ nó. (37) Người có sự không biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) thì có sự biết xấu-hổ để tránh bỏ nó. (38) Người có sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái thì

có sự biết sợ- hãi việc làm sai trái để tránh bỏ nó. (39) Người có sự ít học-hiểu thì có sự học-hiểu nhiều để tránh bỏ nó. (40) Người có sự lười-biếng thì có sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để tránh bỏ nó.

KINH SỰ THANH TẨY • 65

(41) Người có sự không chánh-niệm thì có sự thiết lập sự chánh-niệm để tránh bỏ nó. (42) Người có sự thiếu trí-tuệ thì có sự tích đắc trí-tuệ để tránh bỏ nó. (43) Người có sự cố chấp theo những quan-điểm của mình, là người khăng khăng nắm giữ chúng và rất khó từ bỏ chúng thì có sự không cố chấp theo những quan-điểm này nọ của mình, sự không khăng khăng nắm giữ chúng và sự dễ dàng từ bỏ chúng, để tránh bỏ nó.

(Đường Hướng Thượng)

15. “Này Cunda, giống như tất cả những trạng thái bất thiện đều dẫn dắt đi xuống và tất cả những trạng thái đều dẫn dắt đi lên (hướng thượng); cũng giống như vậy: (1) Người có sự hung-dữ thì có sự không hung-dữ dẫn dắt người đó hướng thượng. (2) Người có sự sát-sinh thì có kiêng cữ sát-sinh dẫn dắt người đó hướng thượng. (3) – (43) Người có sự … [tiếp tục thứ tự như mục kế trên, cho đến:] (44) Người có sự cố chấp theo những quan-điểm của mình, là người khăng khăng nắm giữ chúng và rất khó từ bỏ chúng thì có sự không cố chấp theo những quan-điểm này nọ của mình, sự không khăng khăng nắm giữ chúng và sự dễ dàng từ bỏ chúng, dẫn dắt người đó hướng thượng.

(Đường Dập Tắt)

16. “Này Cunda, rằng một người bản thân mình đang lún xuống vũng lầy thì không thể nào kéo cứu người khác cũng đang lún xuống vũng lầy đó; rằng một người bản thân mình không đang bị lún xuống vũng lầy thì có thể kéo cứu người khác cũng đang lún xuống vũng lầy đó. Rằng một người bản thân mình không được thuần hóa, không được kỷ cương (bằng giới luật), [với những ô-nhiễm] không được dập tắt thì không thể nào

66 • Chương 1

thuần hóa người khác, kỷ cương người khác, và giúp dập tắt [những ô- nhiễm của người khác]; rằng một người bản thân mình đã được thuần hóa, đã được kỷ cương, [với những ô-nhiễm] đã được dập tắt thì có thể thuần hóa người khác, kỷ cương người khác, và giúp dập tắt [những ô-nhiễm của người khác].111 Cũng giống như vậy: (1) Người có sự hung-dữ thì có sự không hung-dữ (hiền từ) để (được dùng để, nhờ đó) dập tắt nó.112 (2) Người có sự sát-sinh thì có sự kiêng cữ sát-sinh để dập tắt nó. (3) – (43) Người có sự … [tiếp tục thứ tự như mục 14. ở trên, cho đến:] (44) Người có sự cố chấp theo những quan-điểm của mình, là người khăng khăng nắm giữ chúng và rất khó từ bỏ chúng thì có sự không cố chấp theo những quan-điểm này nọ của mình, sự không khăng khăng nắm giữ chúng và sự dễ dàng từ bỏ chúng, để dập tắt nó.

(Kết Luận)

17. “Này Cunda, đường lối thanh-tẩy đã được ta chỉ dạy, đường lối khuynh-hướng của tâm đã được ta chỉ dạy, đường lối tránh-bỏ đã được ta chỉ dạy, đường lối dẫn dắt hướng thượng đã được ta chỉ dạy, và đường lối dập tắt đã được ta chỉ dạy.

18. “Những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử của mình vì mong muốn họ được phúc-lợi, thì ta đã làm xong đối với thầy, này Cunda.113 Đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Các thầy hãy thiền tập, không trì hoãn, này Cunda, đừng để sau này phải hối tiếc.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Đại Cunda đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

09. KINH CHÁNH KIẾN (Sammādiṭṭhi Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó ngài Xá- lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu”—“Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

2. “Này các đạo hữu, thường nghe nói ‘người có chánh-kiến, người có chánh-kiến’. Theo cách nào một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến (cách-nhìn đúng đắn), cách-nhìn của người đó là chánh thẳng, là người có niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực (chân pháp) này?”114 “Thiệt tình, thưa đạo hữu, chúng tôi đã đi từ xa đến đây là để học hỏi từ thầy Xá-lợi-phất ý-nghĩa của điều vừa nói trên. Sẽ tốt lành nếu thầy Xá- lợi-phất giảng giải cho chúng tôi ý-nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ thầy, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Được rồi, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói.”—“Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

(1)- (Thiện và Bất Thiện)

3. “Này các đạo hữu, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự bất thiện và gốc-rễ của sự bất thiện, sự thiện và gốc-rễ của sự thiện, theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến, cách-nhìn của người đó là chánh thẳng, là người có niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

4. “Và, này các đạo hữu, cái gì là sự bất thiện, cái gì là gốc-rễ của sự bất thiện; cái gì là sự thiện, cái gì là gốc-rễ của sự thiện? Sát-sinh là bất thiện; gian-cắp là bất thiện, tà-dâm tà dục là bất thiện, nói-dối nói láo là

bất thiện; nói lời hiểm-độc là bất thiện; nói lời gắt-gỏng nạt nộ là bất thiện; nói lời tán-dóc vô ích là bất thiện; sự thèm-khát là bất thiện; sự ác-ý là bất thiện; cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là bất thiện. Đây được gọi là sự bất thiện.115

5. “Và cái gì là gốc-rễ của sự bất thiện? Tham là gốc-rễ của sự bất thiện; sân là gốc-rễ của sự bất thiện; si là gốc-rễ của sự bất thiện. Đây được gọi là gốc-rễ của sự bất thiện.116

6. “Và cái gì là sự thiện? Sự kiêng cữ sát-sinh là thiện; kiêng cữ gian- cắp là thiện; kiêng cữ tà-dâm tà dục là thiện; kiêng cữ nói-dối nói láo là thiện; kiêng cữ nói lời hiểm-độc là thiện; kiêng cữ nói lời gắt-gỏng nạt nộ là thiện; kiêng cữ nói lời tán-dóc vô ích là thiện; kiêng cữ sự thèm-khát là thiện; kiêng cữ sự ác-ý là thiện; cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là thiện. Đây được gọi là sự thiện.117

7. “Và cái gì là gốc-rễ của sự thiện? Sự vô-tham là gốc-rễ của sự thiện; vô-sân là gốc-rễ của sự thiện; vô-si là gốc-rễ của sự thiện. Đây được gọi là gốc-rễ của sự thiện.

8. “Khi một đệ tử thánh thiện như vậy hiểu được sự bất thiện và gốc-rễ của sự bất thiện, sự thiện và gốc-rễ của sự thiện,118 thì người đó hoàn toàn dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham, người đó xóa bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân, người đó loại bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra quan-điểm này nọ (tà kiến) và sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), và bằng sự dẹp bỏ vô-minh và phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí) người đó ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] làm nên sự diệt-khổ.119 [1] Theo cách như vậy một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến, cách- nhìn của người đó là chánh thẳng, là người có niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(2)- (Dưỡng Chất)

9. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu

hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

10. “Này các đạo hữu, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được dưỡng-chất, nguồn-gốc của dưỡng-chất, sự chấm-dứt của dưỡng-chất, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt dưỡng-chất, thì theo cách như vậy người đó là một người có chánh-kiến … đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

11. “Và cái gì là dưỡng-chất, cái gì là nguồn-gốc của dưỡng-chất, cái gì sự chấm-dứt của dưỡng-chất, và cái gì con-đường dẫn tới sự chấm dứt dưỡng-chất? Có bốn loại dưỡng-chất để duy trì những chúng sinh đã hiện thành và để trợ giúp cho những chúng sinh sẽ hiện thành.120 Bốn đó là gì? Đó là: (i) dưỡng-chất là thức ăn vật chất, thô hay tinh; (ii) sự tiếp-xúc là thứ hai; (iii) sự cố-ý (tư) của tâm là thứ ba; và (iv) thức là thứ tư. Hễ có khởi sinh dục-vọng là có sự khởi sinh dưỡng-chất. Khi chấm dứt dục-vọng là có sự chấm dứt dưỡng-chất. Con-đường dẫn tới sự chấm dứt dưỡng- chất chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến (cách-nhìn đúng đắn), chánh tư-duy (ý-định đúng đắn), chánh-ngữ (lời-nói đúng đắn), chánh- nghiệp (hành-động đúng đắn), chánh-mạng (sự mưu-sinh đúng đắn), chánh tinh-tấn (sự nỗ-lực đúng đắn), chánh-niệm (sự tâm-niệm đúng đắn), và chánh-định (sự định-tâm đúng đắn).

12. “Khi một đệ tử thánh thiện như vậy hiểu được dưỡng-chất, nguồn- gốc của dưỡng-chất, sự chấm-dứt dưỡng-chất, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt dưỡng-chất,

thì người đó hoàn toàn dẹp bỏ khuynh-hướng tiềm- ẩn (tùy miên) tạo ra tham, người đó xóa bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân, người đó loại bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra quan-điểm này nọ (tà kiến) và sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), và bằng sự dẹp bỏ vô-minh và phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí), người đó ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] làm nên sự diệt-khổ. [2] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến, cách-nhìn của người đó là chánh

thẳng, là người có niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này."

(3)- (Bốn Diệu Đế)

13. "Thật tốt lành, này đạo hữu", các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: "Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?"—"Có, này các đạo hữu."

14. "Này các đạo hữu, khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ [tứ diệu đế], thì theo cách như vậy người đó là một người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

15. "Và cái gì là sự khổ, cái gì là nguồn-gốc khổ, cái gì là sự chấm-dứt khổ, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ? Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng là khổ; không được cái mình muốn là khổ; nói ngắn gọn, năm uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp là khổ. Đây được gọi là sự khổ.

16. "Và cái gì là nguồn-gốc khổ? Đó là dục-vọng (ái), nó đưa đến sự tái hiện-hữu, được đi kèm với khoái-lạc và nhục-dục, và đi tìm khoái-lạc chỗ này chỗ nọ; đó là, dục-vọng khoái-lạc giác-quan (dục ái), dục-vọng muốn được (liên tục) hiện-hữu (hữu ái), và dục-vọng muốn không hiện-hữu (phi hữu ái). Đây được gọi là nguồn-gốc khổ.

17. "Và cái gì là sự chấm-dứt khổ? Đó là sự phai biến sạch sẽ và sự chấm dứt, sự dẹp bỏ, sự từ bỏ, sự buông bỏ, và sự từ chối dục-vọng đó. Đây được gọi là sự chấm-dứt khổ.

18. "Và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ? Đó chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định. Đây được gọi là con- đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

19. "Khi một đệ tử thánh thiện như vậy hiểu được sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [3] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này."

(4)- (Sự Già-Chết)

20. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

21. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự già-chết [lão tử], nguồn-gốc sự già-chết, sự chấm-dứt sự già-chết, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự già-chết, thì theo cách như vậy người đó là một người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.121

22. “Và cái gì là sự già-chết, cái gì là nguồn-gốc sự già-chết, cái gì là sự chấm-dứt sự già-chết, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự già- chết? Sự già của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp khác nhau của chúng sinh, tuổi già của họ, răng gãy, tóc bạc, da nhăn nheo, sự sống xuống dốc, các căn suy yếu—đây được gọi là sự già. Sự chết đi của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp khác nhau của chúng sinh, mọi chúng sinh đều qua đời, tan rã, biến mất, chết đi, hết thời gian kiếp sống (mạng chung, hết kiếp), sự tan rã của năm-uẩn,122 xác thân nằm xuống—đây được gọi là sự chết. Như vậy sự già này và sự chết này là điều được gọi là sự già-chết. Hễ có khởi sinh sự sinh là có sự già-chết. Khi chấm dứt sự-sinh là chấm dứt (không còn) sự già-chết. Và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự già-chết chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

23. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự già-chết, nguồn-gốc sự già- chết, sự chấm-dứt sự già-chết, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự già-

chết ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [4] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(5)- (Sự Sinh)

24. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

25. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự sinh [sinh], nguồn-gốc sự sinh, sự chấm-dứt sự sinh, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự sinh, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

26. “Và cái gì là sự sinh, cái gì là nguồn-gốc sự sinh, cái gì là sự chấm- dứt sự sinh, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự sinh? Sự (tái) sinh của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp của chúng sinh, sự chuẩn bị sinh ra của họ, sự kết tụ [trong bào thai], sự sinh tạo, sự hiện thị của năm- uẩn, sự hình thành các cơ-sở để tiếp-xúc (sáu nội xứ, sáu giác quan)123— đây được gọi là sự sinh. Hễ có khởi sinh sự hiện-hữu là có sự sinh. Khi chấm-dứt sự hiện-hữu là chấm dứt sự sinh. Và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự sinh chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

27. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự sinh, nguồn-gốc sự sinh, sự chấm-dứt sự sinh, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự sinh ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [5] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(6)- (Sự Hiện Hữu)

28. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu

KINH CHÁNH KIẾN • 73

hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

29. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự hiện-hữu [hữu], nguồn-gốc sự hiện-hữu, sự chấm-dứt sự hiện-hữu, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự hiện-hữu, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

30. “Và cái gì là sự hiện-hữu, cái gì là nguồn-gốc sự hiện-hữu, cái gì là sự chấm-dứt sự hiện-hữu, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự hiện-hữu? Có ba loại sự hiện-hữu: sự hiện-hữu trong cõi dục-giới, sự hiện- hữu trong cõi sắc-giới, và sự hiện-hữu trong cõi vô-sắc giới.124 Hễ có khơi sinh sự dính-chấp là khởi sinh sự hiện-hữu. Khi chấm dứt sự dính-chấp là chấm dứt sự hiện-hữu. Con đường dẫn tới sự chấm dứt sự hiện-hữu chính là Bát Thánh Đạo này; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

31. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự hiện-hữu, nguồn-gốc sự hiện-hữu, sự chấm-dứt sự hiện-hữu, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự hiện-hữu ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [6] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(7)- (Sự Dính-Chấp)

32. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

33. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự dính-chấp [thủ], nguồn-gốc sự dính-chấp, sự chấm-dứt sự dính-chấp, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự dính-chấp, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

74 • Chương 1

34. “Và cái gì là sự dính-chấp, cái gì là nguồn-gốc sự dính-chấp, cái gì là sự chấm-dứt sự dính-chấp, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự dính-chấp? Có bốn loại sự dính-chấp: (i) sự dính-chấp vào những khoái-lạc giác-quan (dục thủ), (ii) sự dính-chấp vào những quan-điểm này nọ (tà-kiến thủ), (iii) sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện’ (giới-cấm thủ), và (iv) sự dính-chấp theo thuyết hữu ngã (ngã thuyết thủ).125 Hễ có khởi sinh dục-vọng là khởi sinh sự

dính-chấp. Khi chấm dứt dục-vọng là chấm dứt sự dính-chấp. Con đường dẫn tới sự chấm dứt sự sự dính-chấp chính là Bát Thánh Đạo này; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

35. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự dính-chấp, nguồn-gốc sự dính-chấp, sự chấm-dứt sự dính-chấp, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự dính-chấp ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [7] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(8)- (Dục Vọng)

36. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

37. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được dục-vọng [ái], nguồn-gốc dục- vọng, sự chấm-dứt dục-vọng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt dục- vọng, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

38. “Và cái gì là dục-vọng, cái gì là nguồn-gốc dục-vọng, cái gì là sự chấm-dứt dục-vọng, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt dục- vọng? Có sáu loại dục-vọng: dục-vọng vì những hình-sắc (sắc ái), dục- vọng vì những âm-thanh (thanh ái), dục-vọng vì những mùi-hương (hưing

ái), dục-vọng vì những mùi-vị (vị ái), dục-vọng vì những thứ hữu-hình tiếp xúc (xúc ái), và dục-vọng vì những đối-tượng của tâm (tâm pháp ái).126 Hễ có khởi sinh cảm-giác (thọ) là có khởi sinh dục-vọng (ái). Khi chấm dứt cảm-giác là chấm dứt dục-vọng. Và con-đường dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm chánh-kiến ... chánh-định.

39. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được dục-vọng, nguồn-gốc dục- vọng, sự chấm-dứt dục-vọng, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [8] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(9)- (Cảm Giác)

40. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

41. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được cảm-giác [thọ], nguồn-gốc cảm-giác, sự chấm-dứt cảm-giác, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm- giác, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

42. “Và cái gì là cảm-giác, cái gì là nguồn-gốc cảm-giác, cái gì là sự chấm-dứt cảm-giác, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác? Có sáu loại cảm-giác: cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc mắt (nhãn xúc thọ), cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc tai (nhĩ xúc thọ), cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc mũi (tỷ xúc thọ), cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc lưỡi (thiệt xúc thọ), cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc thân (thân xúc thọ), và cảm-giác sinh ra từ sự tiếp-xúc tâm (tâm xúc thọ). Hễ có khởi sinh sự tiếp-xúc (xúc) thì khởi sinh cảm-giác (thọ). Khi chấm dứt sự tiếp-xúc là chấm dứt cảm-giác.

Và con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm chánh-kiến … chánh-định.

43. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được cảm-giác, nguồn-gốc cảm- giác, sự chấm-dứt cảm-giác, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [9] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(10)- (Sự Tiếp Xúc)

44. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

45. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự tiếp-xúc [xúc], nguồn-gốc sự tiếp-xúc, sự chấm-dứt sự tiếp-xúc, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự tiếp-xúc, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

46. “Và cái gì là sự tiếp-xúc, cái gì là nguồn-gốc sự tiếp-xúc, cái gì là sự chấm-dứt sự tiếp-xúc, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự tiếp- xúc? Có sáu loại sự tiếp-xúc: sự tiếp-xúc mắt (nhãn xúc), sự tiếp-xúc tai (nhĩ xúc), sự tiếp-xúc mũi (tỷ thức), sự tiếp-xúc lưỡi (thiệt xúc), sự tiếp- xúc thân (thân xúc), và sự tiếp-xúc tâm (tâm xúc).127 Hễ có khởi sinh sáu cơ-sở tiếp xúc (sáu nội xứ, sáu giác-quan, lục căn) thì khởi sinh sự tiếp- xúc (xúc). Khi chấm dứt sáu cơ-sở tiếp xúc là chấm dứt sự tiếp-xúc. Và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự tiếp-xúc chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm chánh-kiến … chánh-định.

47. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sự tiếp-xúc, nguồn-gốc sự tiếp- xúc, sự chấm-dứt sự tiếp-xúc, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sự tiếp- xúc ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [10] Cũng theo cách này

một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(11)- (Sáu Cơ-Sở)

48. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

49. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sáu cơ-sở tiếp-xúc (sáu giác- quan, sáu căn, lục căn), nguồn-gốc sáu cơ-sở, sự chấm-dứt sáu cơ-sở, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sáu cơ-sở, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

50. “Và cái gì là sáu cơ-sở, cái gì là nguồn-gốc sáu cơ-sở, cái gì là sự chấm-dứt sáu cơ-sở, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt sáu cơ- sở? Có sáu loại sáu cơ-sở này (để tiếp xúc): cơ-sở mắt (nhãn xứ), cơ-sở tai (nhĩ xứ), cơ-sở mũi (tỷ xứ), cơ-sở lưỡi (thiệt xứ), cơ-sở thân (thân xứ), và cơ-sở tâm (tâm xứ).128 Hễ có khởi sinh phần danh-sắc (danh sắc) thì khởi sinh sáu cơ-sở để tiếp xúc (sáu xứ). Khi chấm dứt phần danh-sắc là chấm dứt sáu cơ-sở. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt sáu cơ-sở chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định.

51. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được sáu cơ-sở (để tiếp-xúc), nguồn-gốc sáu cơ-sở, sự chấm-dứt sáu cơ-sở, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt sáu cơ-sở ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [11] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(12)- (Phần Danh-Sắc)

52. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu

hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

53. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được phần danh-sắc [danh sắc], nguồn-gốc phần danh-sắc, sự chấm-dứt phần danh-sắc, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.129

54. “Và cái gì là phần danh-sắc, cái gì là nguồn-gốc phần danh-sắc, cái gì là sự chấm-dứt phần danh-sắc, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc? Cảm-giác (thọ), nhận-thức (tưởng), sự cố-ý (hành), sự tiếp-xúc (xúc), và sự chú-tâm (tác ý)—những đây được gọi là phần tâm- thần (phần danh). Bốn yếu-tố (vật chất) lớn (tứ đại) và những thể vật chất phái sinh tứ bốn yếu-tố lớn đó—những đây được gọi là phần vật-chất (phần sắc). Như vậy phần tâm-thần (danh) này và phần vật-chất (sắc) này là cái được gọi là phần danh-sắc. Hễ có khởi sinh thức thì khởi sinh phần danh-sắc. Khi chấm dứt thức là chấm dứt phần danh-sắc. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định.

55. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được phần danh-sắc, nguồn-gốc phần danh-sắc, sự chấm-dứt phần danh-sắc, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [12] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(13)- (Thức)

56. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

KINH CHÁNH KIẾN • 79

57. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được thức [thức], nguồn-gốc thức, sự chấm-dứt thức, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt thức, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

58. “Và cái gì là thức, cái gì là nguồn-gốc thức, cái gì là sự chấm-dứt thức, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt thức? Có sáu loại thức: thức mắt (nhãn thức), thức tai (nhĩ thức), thức mũi (tỷ thức), thức lưỡi (thiệt thức), thức thân (thân thức), và thức tâm (tâm thức).130 Hễ có khởi sinh những sự tạo-tác cố ý (hành) thì có khởi sinh thức. Khi chấm dứt những sự tạo-tác cố ý là chấm dứt thức. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt thức chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến ... chánh-định.

59. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được thức, nguồn-gốc thức, sự chấm-dứt thức, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt thức ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [13] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(14)- (Những Sự Tạo-Tác Cố Ý)

60. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

61. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những sự tạo-tác cố ý [hành], nguồn-gốc những sự tạo-tác cố ý, sự chấm-dứt những sự tạo-tác cố ý, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến ... và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

62. “Và cái gì là những sự tạo-tác cố ý, cái gì là nguồn-gốc những sự tạo-tác cố ý, cái gì là sự chấm-dứt những sự tạo-tác cố ý, và cái gì là con- đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý? Có ba loại sự tạo-tác cố

80 • Chương 1

ý: những sự tạo-tác cố ý của thân (thân hành), những sự tạo-tác cố ý của lời-nói (khẩu hành), những sự tạo-tác cố ý của tâm (tâm hành).131 Hễ có khởi sinh vô-minh thì khởi

sinh những sự tạo-tác cố ý (hành). Khi chấm dứt vô-minh là chấm dứt những sự tạo-tác cố ý. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định.

63. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những sự tạo-tác cố ý, nguồn- gốc những sự tạo-tác cố ý, sự chấm-dứt những sự tạo-tác cố ý, và con- đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố ý ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [14] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(15)- (Vô Minh)

64. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

65. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được vô-minh [vô minh], nguồn-gốc vô-minh, sự chấm-dứt vô-minh, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt vô- minh, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

66. “Và cái gì là vô-minh, cái gì là nguồn-gốc vô-minh [vô minh], cái gì là sự chấm-dứt vô-minh, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt vô- minh? Không biết sự khổ, không biết nguồn-gốc khổ, không biết con- đường dẫn tới sự chấm dứt khổ—đây được gọi là sự vô-minh. Hễ có khởi sinh những ô-nhiễm (lậu hoặc) thì khởi sinh sự vô-minh. Khi chấm dứt những ô-nhiễm là chấm dứt sự vô-minh. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt sự vô-minh là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến … chánh-định.

KINH CHÁNH KIẾN • 81

67. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được vô-minh, nguồn-gốc vô-minh, sự chấm-dứt vô-minh, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt vô-minh (vô minh tận) ... ngay trong kiếp này làm nên sự diệt-khổ. [15] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là một người có chánh-kiến ... và đạt tới Giáo Pháp đích thực này.”

(16)- (Những Ô-Nhiễm)

68. “Thật tốt lành, này đạo hữu”, các Tỳ kheo nói, và họ hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi thầy ấy thêm một câu hỏi: “Nhưng, này đạo hữu, có cách nào khác theo đó một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này?”—“Có, này các đạo hữu.”

69. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những ô-nhiễm [lậu hoặc], nguồn-gốc những ô-nhiễm, sự chấm-dứt những ô-nhiễm, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm, thì theo cách như vậy người đó là người có chánh-kiến … và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.

70. “Và cái gì là những ô-nhiễm, cái gì là nguồn-gốc những ô-nhiễm, cái gì là sự chấm-dứt những ô-nhiễm, và cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm?

Có ba loại ô-nhiễm (chính) này: ô-nhiễm của/do tham-muốn khoái-lạc giác-quan (dục lậu), ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Hễ có khởi sinh vô- minh thì khởi sinh những ô-nhiễm (lậu hoặc).132 Khi chấm dứt vô-minh là chấm dứt những ô-nhiễm. Và con đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm chính là Bát Thánh Đạo; đó gồm: chánh-kiến, chánh tư-duy, chánh- ngữ, chánh-nghiệp, chánh-mạng, chánh tinh-tấn, chánh-niệm, và chánh- định.

71. “Khi một đệ tử thánh thiện hiểu được những ô-nhiễm, nguồn-gốc những ô-nhiễm, sự chấm-dứt những ô-nhiễm, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm (lậu tận), thì người đó hoàn toàn dẹp bỏ khuynh- hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham, người đó xóa bỏ khuynh-hướng

tiềm-ẩn tạo ra sân, người đó loại bỏ khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra quan- điểm này nọ (tà kiến) và sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), và bằng sự dẹp bỏ vô- minh và phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí), người đó ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] làm nên sự diệt-khổ. [16] Cũng theo cách này một đệ tử thánh thiện là người có chánh-kiến, cách-nhìn của người đó là chánh thẳng, là người có niềm-tin bất lay chuyển vào Giáo Pháp, và đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này.” Đó là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ kheo đã hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất.

10. KINH CÁC NỀN TẢNG CHÁNH NIỆM (Satipaṭṭhāna Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.133 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Ku- ru trong một thị trấn tên Kammāsadhamma của những người Kuru.134 Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo”— “Dạ, thưa đức Thế Tôn”, họ đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, đây là con đường trực tiếp135 dẫn đến sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua buồn sầu và khóc than (ai oán), để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để đạt tới phương-cách đích thực, để chứng ngộ Niết-bàn—được gọi là “bốn nền tảng (của sự/để thiết lập sự) chánh- niệm” (tứ niệm xứ).136

3. “Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo137 an trú quán sát thân trong thân, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác) và có chánh-niệm, sau khi đã khống chế sự thèm-muốn (tham; thích, muốn, khoái, yêu, ái) và sự buồn-phiền (ưu; bực, không thích, chán, nản, buồn, phiền, kháng cự) đối với thế giới.138 Người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), và có chánh-niệm, sau khi đã khống chế sự thèm-muốn và ưu-phiền đối với thế giới. Người đó an trú quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), và có chánh-niệm, sau khi đã khống chế sự thèm-muốn và ưu-phiền đối với thế giới. Người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp [những hiện- tượng, các pháp], nhiệt thành, rõ-biết (tỉnh giác), và có chánh-niệm, sau khi đã khống chế sự thèm-muốn và ưu-phiền đối với thế giới.139

I- (Quán Sát THÂN) (1. Sự Chánh-Niệm Hơi-Thở)

4. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân? Ở đây một Tỳ kheo sau khi đi vô rừng, hay tới một gốc cây hay một chòi trống, ngồi xuống; sau khi đã ngồi tréo chân, giữ lưng

thẳng đứng, và đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, rồi chỉ có chánh- niệm người đó thở-vô, có chánh-niệm người đó thở-ra. (i) Thở-vô dài, người đó biết: ‘Ta thở-vô dài’; hoặc thở-ra dài, người đó biết: ‘Ta thở-ra dài’. (ii) Thở-vô ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-vô ngắn’; hoặc thở-ra ngắn, người đó biết: ‘Ta thở-ra ngắn’.140 (iii) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự trải nghiệm toàn thân’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra trải nghiệm toàn thân’.141 (iv) Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô trong sự làm lắng lặn sự tạo-tác của thân (thân hành)’; người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-ra làm lắng dịu sự tạo-tác của thân’.142 - “Giống một người thợ tiện [hay người phụ việc của ông], khi tiện một vòng dài, (người đó) biết: ‘Ta tiện một vòng dài’; hoặc, khi tiện một vòng ngắn, biết: ‘Ta tiện một vòng ngắn’. Cũng giống như vậy, khi thở-vô dài, người tu biết: ‘Ta thở-vô dài’; hoặc, khi thở-vô ngắn, người tu biết: ‘Ta thở-vô ngắn’ … … Người đó tập luyện như vầy: ‘Ta sẽ thở-vô làm lắng lặn sự tạo-tác của thân.’

(minh-sát)

5. “Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát thân trong thân ở cả bên trong và bên ngoài.143 Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong thân, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong thân, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong thân.144 Hoặc lúc khác sự chánh-niệm rằng “có một thân” đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có (duy trì) được sự thuần-biết (chỉ đơn thuần biết) và sự chánh-niệm liền tục.145 Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đây là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

(2. Bốn Tư Thế của Thân)

6. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, khi đang đi một Tỳ kheo biết: ‘Ta đang đi’; khi đang đứng, người đó biết: ‘Ta đang đứng’; khi đang ngồi, người đó biết: ‘Ta đang ngồi’; khi đang nằm, người đó biết: ‘Ta đang nằm’; hoặc người đó biết rõ mỗi tư thế nào thân mình đang ở trong đó.146

7. “Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả ở bên trong và bên ngoài … Người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

(3. Sự Rõ-Biết Hoàn Toàn)

8. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn (luôn tỉnh giác, hằng biết, thường biết) khi đang đi tới và đang đi lại; người đó hành

động với sự rõ-biết;147 người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang nhìn thẳng hoặc đang nhìn hướng khác; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang co tay chân hoặc đang duỗi tay chân; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang mặc quần áo hoặc khi đang mang cà-sa và bình bát; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang ăn, khi đang uống, đang nhai, hoặc đang nếm; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang tiểu tiện hoặc khi đang đại tiện; người đó hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang bước đi, khi đang đứng, đang ngồi, đang nằm, đang thức dậy, đang nói, hoặc đang im lặng.

9. "Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

(4. Sự Ô Uế Không Sạch—Những Bộ Phận Của Thân)

10. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo xem xét hết chính thân này từ gót chân trở lên và từ đỉnh đầu trở xuống, nó bao bọc bằng da, chứa đầy

những thứ không-sạch: 'Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi, nước bọt, nhớt các khớp xương, và nước tiểu.'148 - "Giống như một cái bao có hai miệng ở hai đầu chứa đầy nhiều loại hạt, như lúa nương, lúa đồng, đậu xanh, hạt mè, gạo trắng, và một người có mắt sáng, sau khi mở nó ra sẽ xem xét nó như vầy: 'đây là lúa nương, đây là lúa đồng, đây đậu xanh, đây là hạt mè, đây là gạo trắng'. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo xem xét hết chính thân này từ gót chân trở lên và từ đỉnh đầu trở xuống, được bọc trong lớp da, chứa đầy những thứ ô uế, suy nghĩ như vầy: 'Trong thân này có: tóc … nước tiểu.'

11. "Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

(5. Những Yếu-Tố)

12. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo xem xét hết chính thân này, dù nó đang được đặt ở đâu, hay trong tư thế nào, nó gồm có các yếu tố như vầy: 'Trong thân này có yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố lửa, và yếu tố gió.'149 - "Giống như một người bán thịt rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] mới giết thịt một con bò và đang ngồi ở ngã tư đường xẻ thịt ra từng miếng (như vầy và như vầy). Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo xem xét chính thân này … nó gồm có các yếu tố như vầy: 'Trong thân này có yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố lửa, và yếu tố gió.'

13. "Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập,

không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

(6–14. Quán Sát Chín Loại Tử Thi Ngoài Nghĩa Địa)

14. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, như thể một Tỳ kheo nhìn thấy trước mặt một thi thể bị bỏ ngoài nghĩa địa, (1) đã chết một ngày, hay hai ngày, hay ba ngày, bị sình lên, thâm xanh, và chảy nước dơ ối; rồi người đó so sánh với chính thân này của mình như vầy: ‘Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó cũng sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.’150

15. “Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

16. “Lại nữa, như thể người đó nhìn thấy trước mặt một thi thể bị bỏ ngoài một nghĩa địa, (2) đang bị cắn xé bởi lũ quạ, diều hâu, kền kền, chó, chó rừng, và nhiều loại giòi bọ; rồi người đó so sánh với chính thân này của mình như vầy: ‘Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó cũng sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.’

17. “… Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân. 18. – 24. “Lại nữa, như thể người đó nhìn thấy trước mặt một thi thể bị bỏ ngoài nghĩa địa, (3) giờ là một bộ xương còn dính thịt và máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân … (4) giờ là một bộ xương không còn thịt còn dính máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân … (5) giờ là một bộ xương không còn thịt và máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân … (6) giờ là những khúc xương rời ra nằm rải rác đủ phía—đây là xương bàn tay, đây là xương bàn chân, đây là xương ống quyển, kia là xương đùi, đây là xương hông, kia là xương sống, đây là xương sọ—rồi người đó so sánh với chính thân này như vầy: ‘Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.’151

88 • Chương 2

25. “… Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân. 26–30. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, như thể người đó nhìn thấy trước mặt một tử thi bị bỏ ngoài nghĩa địa, (7) giờ là mớ xương khô trắng, có màu vôi … (8) giờ là một mớ xương khô nằm đó hơn một năm, (9) giờ là mớ xương bị mục nát và rã tan thành bụi đất—rồi người đó so sánh với chính thân này như vầy: ‘Thân y hệt này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.’

(minh sát)

31. “Theo cách này người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát thân trong thân ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát thân trong thân cả ở bên trong và ở bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong thân, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong thân, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong thân. Hoặc lúc khác sự chánh-niệm rằng “có một thân” đơn giản được thiết lập bên trong người đó

tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự thuần-biết và sự chánh-niệm liền tục. Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo an trú quán sát thân trong thân.

II- (Quán Sát NHỮNG CẢM-GIÁC)

32. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác?152 Ở đây, khi cảm nhận một cảm- giác sướng (dễ chịu), người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác sướng’; khi cảm nhận một cảm-giác khổ (khó chịu), người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác khổ’; khi cảm nhận một cảm-giác trung tính (không khổ không sướng), người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác trung tính.’ Khi cảm nhận một cảm-giác sướng về thân, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác sướng về thân’; khi cảm nhận một cảm-giác sướng về tâm, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác sướng về tâm’; khi cảm nhận

một cảm-giác khổ về thân, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác khổ về thân’; khi cảm nhận một cảm-giác khổ về tâm, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác khổ về tâm’; khi cảm nhận một cảm-giác trung tính về thân, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác trung tính về thân’; khi cảm nhận một cảm-giác trung tính về tâm, người đó hiểu: ‘Tôi cảm nhận một cảm-giác trung tính về tâm’.

(minh sát)

33. “Theo cách này người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát những cảm- giác trong những cảm-giác ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác cả ở bên trong và bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong những cảm- giác, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong những cảm-giác, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong những cảm-giác.153 Hoặc lúc khác sự chánh-niệm rằng “có sự cảm- giác” đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự thuần-biết và sự chánh-niệm liền tục. Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. ĐÂY là cách một Tỳ kheo an trú quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác.

III- (Quán Sát TÂM)

34. “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát tâm trong tâm?154 Ở đây một Tỳ kheo hiểu một cái tâm có tham-dục là tâm có tham-dục, và một cái tâm không có tham-dục là tâm không có tham- dục. Người đó hiểu một cái tâm có sân-giận là tâm có sân-giận, và một cái tâm không có sân-giận là tâm không có sân-giận. Người đó hiểu một cái tâm bị si-mờ là tâm bị si-mờ và một cái tâm không bị si-mờ là tâm không bị si-mờ. Người đó hiểu một cái tâm bị co cụm (co lại, thụ động) là tâm bị co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là tâm bị xao lãng. Người đó hiểu một cái tâm được khuếch đại [bao la, cao rộng, cao vời] là tâm được khuếch

đại, và một cái tâm không được khuếch đại là tâm không được khuếch đại. Người đó hiểu một cái tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là tâm còn có thể vượt trên, và một cái tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là tâm không thể vượt trên. Người đó hiểu một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định. Người đó hiểu một cái tâm đã được giải thoát là tâm đã được giải thoát, và một cái tâm không được giải thoát là tâm không được giải thoát.155

(minh sát)

35. "Theo cách này người đó an trú quán sát tâm trong tâm ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát tâm trong tâm ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát tâm trong tâm cả ở bên trong và bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh trong tâm, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong tâm, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong tâm.156 Hoặc lúc khác sự chánh- niệm rằng 'có tâm' đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được sự hiểu biết thuần túy và sự chánh-niệm tái tục. Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. ĐÂY là cách là cách một Tỳ kheo an trú quán sát tâm trong tâm.

IV- (Quán Sát NHỮNG GIÁO PHÁP)

36. "Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp [những hiện-tượng, các pháp]?157

(1. Năm Chướng Ngại) "Ở đây một Tỳ kheo an trú quán sát năm chướng-ngại (ngũ cái) trong những giáo pháp.158 Và theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát năm chướng-ngại trong những giáo pháp? Ở đây, (i) khi đang có tham-dục trong (tâm) mình, một Tỳ kheo hiểu 'Có tham-dục trong ta'; hoặc khi

không có tham-dục trong mình, người đó hiểu 'Không có tham-dục trong ta'; và người đó cũng hiểu cách tham-dục chưa khởi sinh (đang) khởi sinh, và cách tham-dục đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách tham-dục đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai.' "(ii) Khi có sự ác-ý trong mình … (iii) Khi có sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên) trong mình … (iv) Khi có sự bất-an và hối-tiếc (trạo hối) trong mình … (v) Khi có sự nghi-ngờ trong mình, người đó hiểu 'Có sự nghi-ngờ trong ta'; hoặc khi không có sự nghi-ngờ trong mình, người đó hiểu 'Không có sự nghi-ngờ trong ta'; và người đó cũng hiểu cách sự nghi-ngờ chưa khởi sinh khởi sinh, và cách sự nghi-ngờ đã khởi sinh bị từ bỏ, và cách sự nghi-ngờ đã bị từ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai.

(minh sát)

37. "Theo cách này người đó an trú quán sát năm chướng-ngại trong những giáo pháp ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp cả ở bên trong và bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh

trong những hiện-tượng, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong những hiện-tượng, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong những hiện-tượng. Hoặc lúc khác sự chánh-niệm rằng "Có những giáo pháp" đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự thuần-biết và sự chánh-niệm liền tục. Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. ĐÂY là cách một Tỳ kheo an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp.

(2. Năm Uẩn)

38. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát năm uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp (năm thủ uẩn) trong những giáo pháp.159 Và theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát năm uẩn bị dính-chấp trong

những giáo pháp? Ở đây một Tỳ kheo hiểu 'Này là thể-sắc (sắc), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là cảm-giác (thọ), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là nhận-thức (tưởng), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là những sự tạo-tác cố-ý (hành), này là sự khởi-sinh của chúng, này là sự biến-diệt của chúng; này là thức (thức), này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó.'

39. "Theo cách này người đó an trú quán sát năm-uẩn trong những giáo pháp ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó là cách một Tỳ kheo an trú quán sát năm uẩn bị dính chấp như những giáo pháp trong những giáo pháp.

(3. Sáu Cơ-Sở Cảm Nhận)

40. "Và, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát sáu cơ-sở cảm- nhận (sáu xứ) như những giáo pháp trong những giáo pháp.160 Và theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát sáu cơ-sở cảm-nhận trong những giáo pháp? Ở đây một Tỳ kheo hiểu mắt, người đó hiểu những hình-sắc, và người đó hiểu gông-cùm (sự trói buộc) khởi-sinh tùy thuộc vào cả hai; và người đó cũng hiểu cách những gông-cùm chưa khởi sinh khởi sinh, và cách những gông-cùm đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách gông-cùm đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai. "Người đó hiểu tai, người đó hiểu những âm-thanh … Người đó hiểu biết mũi, người đó hiểu những mùi-hương … Người đó hiểu biết lưỡi, người đó hiểu những mùi-vị … Người đó hiểu thân, người đó hiểu những đối-tượng chạm xúc … Người đó hiểu tâm, người đó hiểu những hiện- tượng thuộc tâm, và người đó hiểu gông-cùm trói buộc khởi-sinh tùy thuộc vào cả hai; và người đó cũng hiểu cách những gông-cùm chưa khởi sinh khởi sinh, và cách những gông-cùm đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách gông-cùm đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai.

41. "Theo cách này người đó an trú quán sát sáu cơ-sở cảm-nhận trong những giáo pháp ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó là cách một Tỳ kheo an trú quán sát sáu cơ-sở

cảm-nhận như những giáo pháp trong những giáo pháp.

(4. Bảy Chi Giác Ngộ)

42. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát bảy chi giác- ngộ (thất giác chi) trong những giáo pháp.161 Và theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát bảy chi giác-ngộ trong những giáo pháp? Ở đây, (i) khi chi giác-ngộ là (1) sự chánh-niệm có trong một Tỳ kheo, người đó hiểu ‘Có chi giác-ngộ là sự chánh-niệm trong ta’; hoặc (ii) khi không có chi giác-ngộ là sự chánh-niệm trong người đó, người đó hiểu ‘Không có chi giác-ngộ là sự chánh-niệm trong ta’; và (iii) người đó cũng hiểu cách chi giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh khởi sinh, và (iv) cách chi giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập. “(i) Khi chi giác-ngộ là (2) sự điều-tra trạng thái (trạch pháp) có trong một Tỳ kheo …162 Khi chi giác-ngộ là (3) sự nỗ-lực (tinh tấn) có trong một Tỳ kheo … Khi chi giác-ngộ là (4) sự hoan-hỷ (hỷ) có trong một Tỳ kheo … Khi chi giác-ngộ là (5) sự tĩnh-lặng (khinh an) có trong một Tỳ kheo … Khi chi giác-ngộ là (6) sự định-tâm (chánh-định) có trong một Tỳ kheo… (i) Khi chi giác-ngộ là (7) sự buông-xả (xả) có trong một Tỳ kheo, người đó hiểu ‘Có chi giác-ngộ là sự buông-xả trong tôi’; hoặc (ii) khi không có chi giác-ngộ là sự buông-xả trong người đó, người đó hiểu ‘Không có chi giác-ngộ là sự buông-xả trong tôi’; và (iii) người đó cũng hiểu cách sự buông-xả chưa khởi sinh khởi sinh, và (iv) cách sự buông-xả đã khởi sinh đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập.163

43. “Theo cách này người đó an trú quán sát bảy chi giác-ngộ trong những giáo pháp ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài … Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. Đó là cách

một Tỳ kheo an trú quán sát bảy chi giác-ngộ trong những giáo pháp trong những giáo pháp.

(5. Bốn Diệu Đế)

44. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo an trú quán sát Bốn Diệu Đế trong những giáo pháp.164 Và theo cách nào một Tỳ kheo an trú quán sát Tứ Diệu Đế trong những giáo pháp? Ở đây một Tỳ kheo hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ. Đây là nguồn-gốc của khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường (đạo) dẫn tới sự chấm-dứt khổ.’

(minh sát)

45. “Theo cách này người đó an trú quán sát bốn diệu-đế trong những giáo pháp ở bên trong, hoặc người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp ở bên ngoài, hoặc người đó an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp cả ở bên trong và ở bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó an trú quán sát bản chất khởi-sinh những hiện-tượng, hoặc người đó an trú quán sát bản chất biến-diệt trong những hiện-tượng, hoặc người đó an trú quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong những hiện-tượng. Hoặc lúc khác sự chánh-niệm rằng “Có những giáo pháp” đơn giản đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự

thuần-biết và sự chánh-niệm liền tục. Và người đó sống độc lập, không dính-chấp gì trong thế giới. ĐÂY là cách một Tỳ kheo an trú quán sát những giáo pháp trong những giáo pháp.

(Kết Luận)

46. “Này các Tỳ kheo, nếu ai tu tập bốn nền-tảng chánh-niệm này theo đúng cách như vậy được bảy năm, thì người đó có thể trông đợi chứng ngộ một trong hai thánh quả: đó là “trí-biết cuối-cùng” (tức A-la-hán) ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ], hoặc nếu còn chút hơi hướng của sự dính-chấp (chấp thủ) nào đó, thì là thánh quả Bất-lai.165

KINH CÁC NỀN TẢNG CHÁNH NIỆM • 95

- “Không nhất thiết phải là bảy năm, này các Tỳ kheo. Nếu ai tu tập bốn nền tảng chánh-niệm này theo đúng cách như vậy được sáu năm … được năm năm … được bốn năm … được ba năm … được hai năm … được một năm, thì người đó có thể trông đợi chứng ngộ một trong hai thánh quả: đó là “trí-biết cuối-cùng” ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ], hoặc nếu còn chút hơi hướng của sự dính-chấp nào đó, thì là thánh quả Bất-lai. - “Không nhất thiết phải là một năm, này các Tỳ kheo. Nếu ai tu tập bốn nền tảng chánh-niệm này theo đúng cách như vậy được bảy tháng … được sáu tháng … được năm tháng … được bốn tháng … được ba tháng … được hai tháng … được một … được nửa tháng, thì người đó có thể trông đợi chứng ngộ một trong hai thánh quả: đó là “trí-biết cuối-cùng” ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ], hoặc nếu còn chút hơi hướng của sự dính-chấp nào đó, thì là thánh quả Bất-lai. - “Không nhất thiết phải là nửa tháng, này các Tỳ kheo. Nếu ai tu tập bốn nền tảng chánh-niệm này theo đúng cách như vậy được bảy ngày, thì người đó có thể trông đợi chứng ngộ một trong hai thánh quả: đó là “trí- biết cuối-cùng” ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ], hoặc nếu còn chút hơi hướng của sự dính-chấp nào đó, thì là thánh quả Bất-lai.

47. “Do tham chiếu với điều này nên ta đã nói: ‘Này các Tỳ kheo, đây là con đường trực tiếp dẫn tới sự thanh-lọc của chúng sinh, để vượt qua những buồn sầu và ai oán (than khóc), để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để đạt tới phương-cách đích thực, để chứng ngộ Niết-bàn—được gọi là “bốn nền tảng chánh-niệm”.’” Đó là những lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với tuyên thuyết của đức Thế Tôn.

96 • Chương 2

Chương 2. Chương “Tiếng Gầm Sư Tử” (Sīhanāda-vagga)

98 • Chương 2

11. TIỂU KINH TIẾNG GẦM SƯ TỬ (Cūḷasīhanāda Sutta)

1. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, chỉ ở đây có một sa-môn, chỉ ở đây có một sa-môn thứ hai, chỉ ở đây có một sa-môn thứ ba, chỉ ở đây có một sa-môn thứ tư. Những đạo giáo khác không có những sa-môn: đó là cách các thầy nên đúng đắn cất lên tiếng gầm sư tử của mình.166

3. (1) “Này các Tỳ kheo, có thể có những du sĩ khác đạo hỏi rằng: ‘Nhưng dựa trên sức mạnh của [luận cứ] gì hay với sự trợ giúp của [thẩm quyền] gì mà các ngài tuyên bố như vậy?’ Những du sĩ khác đạo mà hỏi như vậy thì họ có thể được trả lời theo cách này: ‘Này các hữu, bốn điều đã được tuyên bố cho chúng tôi bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác; dựa vào sự nhìn thấy những điều này bên trong chúng tôi nên chúng tôi tuyên bố như vầy: “Chỉ ở đây có một sa-môn, chỉ ở đây có một sa-môn thứ hai, chỉ ở đây có một sa-môn thứ ba, chỉ ở đây có một sa-môn thứ tư. Những đạo giáo khác không có những sa-môn”. Bốn đó là gì? (i) Chúng tôi có niềm-tin vào Vị Thầy, (ii) chúng tôi có niềm-tin vào Giáo Pháp, (iii) chúng tôi đã hoàn thiện giới-hạnh, và (iv) những người đồng đạo của chúng tôi trong Giáo Pháp là đáng quý và đáng mến đối với chúng tôi cho dù họ là những người tại gia hay những người xuất gia. Đây là bốn điều được tuyên bố cho chúng tôi bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác; dựa vào sự nhìn thấy những điều này bên trong chúng tôi nên chúng tôi tuyên bố như vậy.’

4. (2) “Này các Tỳ kheo, có thể những tu sĩ khác đạo sẽ hỏi tiếp như vầy: ‘Này các hữu, (i) chúng tôi cũng có niềm-tin vào Vị Thầy, đó là, tin

Vị Thầy của chúng tôi; (ii) chúng tôi cũng có niềm-tin vào Giáo Pháp, đó là, tin vào Giáo Pháp của chúng tôi; (iii) chúng tôi cũng hoàn thiện những giới-hạnh, đó là, những giới-hạnh của chúng tôi; và (iv) những người đồng đạo của chúng tôi trong Giáo Pháp là đáng quý và đáng mến đối với chúng tôi cho dù họ là những người tại gia hay những người xuất gia. Vậy cái gì là sự khác biệt ở đây, cái gì là sự sai khác, cái gì là sự khác nhau giữa các hữu và chúng tôi?’

5. “Những du sĩ khác đạo mà hỏi như vậy thì họ có thể được trả lời theo cách này: ‘Này các hữu, vậy thì, mục-tiêu là một hay nhiều?’ Nếu trả lời đúng, những du sĩ khác đạo đó sẽ trả lời như vầy: ‘Mục-tiêu là một, không phải nhiều’167—‘Nhưng, này các hữu, có phải mục-tiêu đó là cho người còn tham hay hết tham?’ Nếu trả lời đúng, họ sẽ trả lời: ‘Mục-tiêu đó là cho người hết tham, không phải cho người còn tham’ … Nếu trả lời đúng, họ sẽ trả lời: ‘Mục-tiêu đó là cho người hết sân, không phải cho người còn sân’ … Nếu trả lời đúng, họ sẽ trả lời: ‘Mục-tiêu đó là cho người hết si, không phải cho người còn si’ … Nếu trả lời đúng, họ sẽ trả lời: ‘Mục-tiêu đó là cho người hết dục-vọng (ái), không phải cho người còn dục-vọng’ … Nếu trả lời đúng, họ sẽ trả lời: ‘Mục-tiêu đó là cho người hết sự dính- chấp (thủ), không phải cho người còn sự dính-chấp’ … Nếu trả lời đúng, họ sẽ trả lời: ‘Mục-tiêu đó là cho người có tầm-nhìn, không phải cho người không có tầm-nhìn’ … Nếu trả lời đúng, họ sẽ trả lời: ‘Mục-tiêu đó là cho người không còn thuận và nghịch, không phải cho người còn thuận và nghịch’168 … ‘Mục-tiêu đó là

cho người không ưa thích và thích thú sự phóng-tâm này nọ, không phải cho người ưa thích và thích thú sự phóng- tâm này nọ'.169

6. (3) "Này các Tỳ kheo, có hai quan-điểm này: quan-điểm hiện-hữu (hữu kiến) và quan-điểm không hiện-hữu (phi hữu kiến). Những tu-sĩ hay bà-la-môn nào dựa vào quan-điểm hiện-hữu, nhận lấy quan-điểm hiện- hữu, chấp nhận quan-điểm hiện-hữu thì đối nghịch với quan-điểm không hiện-hữu. Những tu-sĩ hay bà-la-môn nào dựa vào quan-điểm không hiện-

hữu, nhận lấy quan-điểm không hiện-hữu, chấp nhận quan-điểm không hiện-hữu thì đối nghịch với quan-điểm hiện-hữu.170

7. "Những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được, đúng như chúng thực là: nguồn-gốc, sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát- khỏi171 đối với [trong trường hợp] hai loại quan-điểm này, là họ còn dính [bị tác động bởi] tham, còn dính sân, còn dính si, còn dính sự dính-chấp, không có tầm-nhìn, cứ còn thuận và nghịch, và họ còn ưa thích và thích thú sự phóng-tâm này nọ. Họ không thoát khỏi sinh, già, chết; không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói vậy.

8. "Những tu sĩ hay bà-la-môn nào hiểu được nguồn-gốc, đúng như chúng thực là: sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] hai loại quan-điểm này, là họ không còn dính [không còn bị tác động bởi] tham, không còn dính sân, không còn dính si, không còn dính sự dính-chấp, có tầm-nhìn, không còn thuận và nghịch, và họ không còn ưa thích và thích thú sự phóng-tâm này nọ. Họ thoát khỏi sinh, già, chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói vậy.

9. (4) "Này các Tỳ kheo, có bốn loại sự dính-chấp (thủ) này. Bốn đó là gì? Sự dính-chấp theo những khoái-lạc giác-quan (dục thủ), sự dính-chấp theo những quan-điểm này nọ (tà-kiến thủ), và sự dính-chấp theo những 'sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới-cấm thủ).

10. "Mặc dù có những tu sĩ và bà-la-môn tuyên bố mình hoàn-toàn hiểu (liễu tri) tất cả mọi sự dính-chấp (thủ), nhưng họ không mô tả đầy đủ về sự hoàn-toàn hiểu tất cả mọi sự dính-chấp.172 Họ chỉ mô tả sự hoàn-toàn hiểu về (i) sự dính-chấp theo những khoái-lạc giác-quan (dục thủ) mà không mô tả về (ii) sự dính-chấp theo những quan-điểm này nọ (tà-kiến thủ), (iii) sự dính-chấp theo những 'sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện' (giới-cấm thủ), và (iv) sự

dính-chấp theo thuyết hữu ngã (quan điểm có cái 'ta' tự lập (tự ngã); ngã- kiến thủ). Bởi vì sao? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó không hiểu được ba trường-hợp sự dính-chấp còn lại đúng như chúng thực là. Do vậy, mặc dù có những tu sĩ và bà-la-môn tuyên bố mình hoàn-toàn hiểu tất cả mọi sự dính-chấp, nhưng họ chỉ mô tả sự hoàn-toàn hiểu về sự dính-chấp (i) chứ không mô tả về sự dính-chấp (ii), sự dính-chấp

(iii), và sự dính-chấp (iv) nói trên.

11. “Mặc dù có những tu sĩ và bà-la-môn tuyên bố mình hoàn-toàn hiểu tất cả mọi sự dính-chấp … nhưng họ chỉ mô tả sự hoàn-toàn hiểu về sự dính-chấp (i) và sự dính-chấp (ii) chứ không mô tả sự hoàn-toàn hiểu về sự dính-chấp (iii) và sự dính-chấp (iv). Bởi vì sao? Bởi vì những tu sĩ và bà-la-môn đó không hiểu được hai trường-hợp sự dính-chấp còn lại đúng như chúng thực là. Do vậy, mặc dù có những tu sĩ và bà-la-môn tuyên bố mình hoàn-toàn hiểu tất cả mọi sự dính-chấp, nhưng họ chỉ mô tả sự hoàn- toàn hiểu về sự dính-chấp (i) và sự dính-chấp (ii) chứ không mô tả sự hoàn-toàn hiểu về sự dính-chấp (iii) và sự dính-chấp (iv) nói trên.

12. “Mặc dù có những tu sĩ và bà-la-môn tuyên bố mình hoàn-toàn hiểu tất cả mọi sự dính-chấp … nhưng họ chỉ mô tả sự hoàn-toàn hiểu về sự dính-chấp (i), sự dính-chấp (ii) và sự dính-chấp (iii) chứ không mô tả sự hoàn-toàn hiểu về sự dính-chấp (iv). Bởi vì sao? Bởi vì những tu sĩ và bà- la-môn đó không hiểu được một trường-hợp sự dính-chấp còn lại đúng như nó thực là. Do vậy, mặc dù có những tu sĩ và bà-la-môn tuyên bố mình hoàn-toàn hiểu tất cả mọi sự dính-chấp, nhưng họ chỉ mô tả sự hoàn- toàn hiểu về sự dính-chấp (i), sự dính-chấp (ii), và sự dính-chấp (iii) chứ không mô tả sự hoàn-toàn hiểu về sự dính-chấp (iv) nói trên.173

13. “Này các Tỳ kheo, trong một Giáo Pháp và Giới Luật như vậy, rõ ràng niềm-tin vào Vị Thầy đã không được định hướng đúng đắn, niềm-tin vào Giáo Pháp đã không được định hướng đúng đắn, sự thực-thi những giới-hạnh đã không được định hướng đúng đắn, và sự thân-mến giữa những đồng đạo trong Giáo Pháp đó đã không được định hướng đúng đắn.

Bởi vì sao? Bởi vì đó là cách khi Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thu- yết một cách tồi tệ và được thuyết giảng một cách tồi tệ, không mang tính giải-thoát, không dẫn tới sự bình-an, được thuyết giảng bởi người không giác-ngộ hoàn toàn (không phải bậc toàn giác).

14. “Này các Tỳ kheo, khi một Như Lai, bậc toàn-giác và giác-ngộ toàn thiện, tuyên bố về sự hoàn-toàn hiểu về tất cả mọi sự dính-chấp, thì bậc ấy mô tả sự hoàn-toàn hiểu về tất cả mọi sự dính-chấp: bậc ấy mô tả về sự dính-chấp (i), sự dính-chấp (ii), sự dính-chấp (iii), và sự dính-chấp (iv).174

15. “Này các Tỳ kheo, trong một Giáo Pháp và Giới Luật như vậy, rõ ràng niềm-tin vào Vị Thầy đã được định hướng đúng đắn, niềm-tin vào Giáo Pháp đã được định hướng đúng đắn, sự thực-thi những giới-hạnh đã được định hướng đúng đắn, và sự thân-mến giữa những đồng đạo trong Giáo Pháp đó đã được định hướng đúng đắn. Bởi vì sao? Bởi vì đó là cách khi Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết một cách hay khéo và được thuyết giảng một cách hay khéo, mang tính giải-thoát, dẫn tới sự bình-an, được thuyết giảng bởi người đã giác-ngộ hoàn toàn (là bậc toàn giác).

16. (5) “Bây giờ, bốn loại sự dính-chấp (thủ) này có cái gì là nguồn gốc của chúng, cái gì là nguyên gốc của chúng, từ cái gì chúng được sinh ra và tạo ra? Bốn loại sự dính-chấp (thủ) có dục-vọng (ái) là nguồn gốc của chúng, dục-vọng là nguyên gốc của chúng, chúng được sinh ra và tạo ra từ dục-vọng.175 Dục-vọng có cái gì là nguồn gốc của nó …? Dục-vọng có cảm-giác (thọ) là nguồn gốc của nó … Cảm-giác có cái gì là nguồn gốc của nó …? Cảm-giác có sự tiếp-xúc (xúc) là nguồn gốc của nó … Sự tiếp- xúc có cái gì là nguồn gốc của nó …? Sự tiếp-xúc có sáu cơ-sở tiếp xúc (sáu căn, sáu nội xứ) là nguồn gốc của nó … Sáu cơ-sở tiếp xúc có cái gì là nguồn gốc của nó …? Sáu cơ-sở tiếp xúc có phần danh-sắc (danh sắc) là nguồn gốc của nó … Phần danh-sắc có cái gì là nguồn gốc của nó …? Phần danh-sắc có thức (thức) là nguồn gốc của nó … Thức có cái gì là nguồn gốc của nó …? Thức có những sự tạo-tác cố ý (hành) là nguồn gốc của nó … Những sự tạo-tác cố ý có cái gì là nguồn gốc của nó …? Những

sự tạo-tác cố ý có sự vô-minh (vô minh) là nguồn gốc của nó, vô-minh là nguyên gốc của nó, chúng được sinh ra và tạo ra từ vô-minh.

17. “Này các Tỳ kheo, khi vô-minh được dẹp bỏ và trí-biết đích thực (minh, chân trí) đã khởi sinh trong một Tỳ kheo, thì với sự phai biến của vô-minh và sự khởi sinh của trí-biết đích thực, người đó (i) không còn dính-chấp theo những khoái-lạc giác quan (dục lạc), (ii) không còn dính- chấp theo những quan-điểm này nọ (tà kiến), (iii) không còn dính-chấp theo ‘sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện’ (giới-cấm thủ), (iv) không còn dính-chấp theo thuyết hữu ngã (ngã kiến).176 Khi người đó không còn dính-chấp, người đó không bị khích-động. Khi người đó không bị khích-động, người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

12. ĐẠI KINH TIẾNG GẦM SƯ TỬ (Mahāsīhanāda Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong một khu vườn bên ngoài cửa thành phía tây.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có Sunakkhatta, người con của dân tộc Licchavi, vừa mới từ bỏ Giáo Pháp và Giới Luật này (bỏ tu).177 Anh ta đã nói lời tuyên bố này trước hội chúng ở Vesālī: “Sa-môn Cồ-Đàm không có trạng thái siêu nhân nào, sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn (sự thấy và sự biết) xứng đáng của những bậc thánh.178 Sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp [chỉ được] búa rèn bằng lý luận, chạy theo dòng truy vấn của chính mình khi nó xảy đến với ông ta, và khi ông ta chỉ dạy Giáo Pháp cho ai, nó dẫn dắt người đó khi người đó thực hành nó để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”179

3. Rồi, vào buổi sáng, ngài Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Vesālī để khất thực. Rồi thầy đã nghe Sunakkhatta, người con của dân tộc Licchavi, đang nói lời tuyên bố này trước hội chúng ở Vesālī. Sau khi đã đi khất thực trong thành Vesālī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, thầy

Xá-lợi-phất đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính chào, thầy ấy ngồi xuống một bên và kể lại cho đức Thế Tôn điều Sunakkhatta đã nói.

4. [Đức Thế Tôn nói:] "Này Xá-lợi-phất, người lầm lạc như Sunakkhat- ta đang tức giận và những lời của anh ta được nói ra từ sự tức giận. Khi nghĩ sẽ hạ bệ uy tín của Như Lai, anh ta thực ra đã (vô tình) đề cao Như Lai; bởi đó chính là lời đề cao Như Lai nên anh ta mới nói: 'Khi ông ta chỉ dạy Giáo Pháp cho ai, nó dẫn dắt người đó khi người đó thực hành nó để dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.'

5. "Này Xá-lợi-phất, người lầm lạc như Sunakkhatta sẽ không bao giờ kết luận về ta như vầy cho đúng theo Giáo Pháp: 'Bậc Thế Tôn đó là bậc đã tu-thành [A-la-hán] và đã giác ngộ toàn thiện [Toàn Giác], đã thành tựu

về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn.'180

6. (1) "Và anh ta sẽ không bao giờ kết luận về ta như vầy cho đúng theo Giáo Pháp: 'Bậc Thế Tôn đó có thể đạt được và dụng được nhiều loại năng-lực siêu thường khác nhau (thần-thông biến hóa, biến hóa thông): như biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; bậc ấy hiện hình và biến hình; bậc ấy đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền tréo chân; bằng tay mình sờ chạm mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và uy lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.'

7. (2) "Và anh ta sẽ không bao giờ kết luận về ta như vầy cho đúng theo Giáo Pháp: 'Với yếu-tố tai thiên-thánh (thiên nhĩ thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, bậc Thế Tôn đó có thể nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần.'

8. (3) "Và anh ta sẽ không bao giờ kết luận về ta như vầy cho đúng theo Giáo Pháp: 'Bậc Thế Tôn đó có thể hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác (tha tâm thông), sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ. Bậc ấy hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm được khuếch đại [bao la, cao rộng, cao vời] là được khuếch đại, một tâm không được khuếch đại là không được khuếch đại; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định,

và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát.'

(Mười năng-lực của một Như Lai)

9. "Này Xá-lợi-phất, Như Lai có mười 'năng-lực của Như Lai', do có- được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng-đầu [đầu đàn, dẫn đầu], cất lên tiếng gầm sư tử trong tất cả các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brahmā.181 Mười đó là gì?

10. (1) "Ở đây, Như Lai hiểu đúng như nó thực là: 'điều có thể là có thể và điều không thể là không thể.'182 Đó là một năng-lực của Như Lai, nhờ phẩm-hạnh của điều này Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí là người đứng-đầu, cất lên tiếng gầm sư tử, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brāhma.

11. (2) "Lại nữa, Như Lai hiểu đúng thực như nó là: 'những quả của những nghiệp đã làm trong quá khứ, trong tương lai, và hiện tại theo cách những tiềm năng xảy ra và những nguyên-nhân.' Đó cũng là một năng-lực của Như Lai ...183

12. (3) "Lại nữa, Như Lai hiểu đúng như nó thực là: 'những đường dẫn tới tất cả những nơi-đến.' Đó cũng là một năng-lực của Như Lai ...184

13. (4) "Lại nữa, Như Lai hiểu đúng như nó thực là 'thế-giới với nhiều yếu-tố khác nhau của nó'. Đó cũng là một năng-lực của Như Lai ...185

14. (5) "Lại nữa, Như Lai hiểu đúng như nó thực là: 'cách những chúng sinh có những khuynh-hướng (căn cơ) khác nhau.' Đó cũng là một năng- lực của Như Lai ...186

15. (6) "Lại nữa, Như Lai hiểu đúng như nó thực là: 'sự phân-bố các căn của những chúng sinh khác, của những người khác.' Đó cũng là một năng-lực của Như Lai ...187

16. (7) "Lại nữa, Như Lai hiểu đúng như nó thực là: 'sự ô-nhiễm, sự thanh-tẩy, và sự thoát-ra đối với những tầng thiền định (sắc giới), những sự giải-thoát, và những tầng chứng đắc (vô sắc giới).' Đó cũng là một năng-lực của Như Lai ...188

17. (8) "Lại nữa, Như Lai (có thể): 'nhớ lại nhiều kiếp quá khứ với những phương diện và đặc điểm của chúng' (túc mạng minh) ... [như kinh MN 04 ở trên, mục 27] ... Đó cũng là một năng-lực của Như Lai ...

18. (9) "Lại nữa, Như Lai (có thể): 'với mắt thiên thánh (thiên nhãn minh), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nhìn thấy những chúng sinh đang chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có ... [như kinh MN 4 ở trên, mục 29] ... Như Lai hiểu cách những chúng sinh chết đi tùy theo những nghiệp của họ.' Đó cũng là một năng-lực của Như Lai ...

19. (10) "Lại nữa, Như Lai: 'bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô- nhiễm (lậu tận minh). Đó cũng là một

năng-lực của Như Lai, nhờ phẩm- hạnh của điều này Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng-đầu, cất lên tiếng gầm sư tử, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brāhma.

20. “Như Lai có mười năng-lực của Như Lai, vì có-được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng-đầu, cất lên tiếng gầm sư tử trong tất cả các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brāhma....

21. “Này Xá-lợi-phất, khi ta biết và thấy như vậy, có ai nói về ta rằng: ‘Sa-môn Cồ-Đàm không có trạng thái siêu nhân nào, sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh. Sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp [chỉ được] búa rèn bằng lý luận, chạy theo dòng truy vấn của chính mình khi nó xảy đến với ông ta’—nếu không dẹp bỏ lời khẳng định đó và trạng thái tâm đó và từ bỏ cách-nhìn đó—thì người đó bị ký thác trong địa ngục như thể đã bị đưa thẳng xuống đó.189 Giống như một

Tỳ kheo có được giới-hạnh, sự định-tâm, và trí-tuệ, thì người đó ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] có thể thụ hưởng trí-biết cuối cùng (thánh quả A-la-hán); còn ai nói như vậy, ta nói rằng, nếu không dẹp bỏ lời khẳng định đó và trạng thái tâm đó và từ bỏ cách-nhìn đó, thì người đó bị ký thác trong địa ngục như thể đã bị đưa thẳng xuống đó.

(Bốn cơ-sở của sự tự-tin)

22. “Này Xá-lợi-phất, Như Lai có bốn cơ-sở của sự tự-tin này, vì có- được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng-đầu, cất lên tiếng gầm con sư tử trong tất cả các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brāhma. Bốn đó là gì?

23. (1) “Ở đây, ta không nhìn thấy có cơ-sở nào để bất kỳ tu sĩ hay bà- la-môn nào hay Ma Vương hay bất cứ ai khác trong thế gian, dựa theo đúng Giáo Pháp, có thể tố cáo ta rằng: ‘Trong khi ông tuyên bố là người đã giác-ngộ toàn thiện nhưng (thực ra) ông không giác-ngộ toàn thiện về những điều đó.’ Và do nhìn thấy không có cơ-sở nào (để bất cứ ai có thể nói) như vậy, nên ta an trú trong sự an-toàn, sự không sợ-hãi, và sự tự-tin.

24. (2) “Ta không nhìn thấy có cơ-sở nào để bất kỳ tu sĩ ... hay bất cứ ai khác trong thế gian, dựa theo đúng Giáo Pháp, có thể tố cáo ta rằng: ‘Trong khi ông tuyên bố ông là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm nhưng (thực ra) ông chưa tiêu diệt hết mọi ô-nhiễm.’ Và do nhìn thấy không có cơ-sở nào (để bất cứ ai có thể nói) như vậy, nên ta an trú trong sự an-toàn, sự không sợ-hãi, và sự tự-tin.

25. (3) “Ta không nhìn thấy có cơ-sở nào để bất kỳ tu sĩ ... hay bất cứ ai khác trong thế gian, dựa theo đúng Giáo Pháp, có thể tố cáo ta rằng: ‘Những điều được ông gọi là những sự cản-trở (chướng ngại) (thực ra) đâu có gây cản trở gì cho người dính líu với chúng.’ Và do nhìn thấy không có cơ-sở nào (để bất cứ ai có thể nói) như vậy, nên ta an trú trong sự an-toàn, sự không sợ-hãi, và sự tự-tin.

26. (4) “Ta không nhìn thấy có cơ-sở nào để bất kỳ tu sĩ … hay bất cứ ai khác trong thế gian, dựa theo đúng Giáo Pháp, có thể tố cáo ta rằng: ‘Khi ông giảng dạy Giáo Pháp cho một người, người đó tu tập theo nhưng việc tu tập đó không dẫn dắt người đó tới sự hoàn toàn diệt-khổ.’ Và do nhìn thấy không có cơ-sở nào (để bất cứ ai có thể nói) như vậy, nên ta an trú trong sự an-toàn, sự không sợ-hãi, và sự tự-tin.

27. “Một bậc Như Lai có bốn loại sự tự-tin như vậy, vì có-được chúng nên bậc ấy đã tuyên bố mình ở vị trí người đứng-đầu, cất lên tiếng gầm con sư tử trong tất cả các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời Brāhma.”

28. “Này Xá-lợi-phất, khi ta biết và thấy như vậy, có ai nói về ta rằng … (như mục 21) … thì người đó bị ký thác trong địa ngục như thể đã bị đưa thẳng xuống đó.

(Tám hội chúng)

29. “Này Xá-lợi-phất, có tám hội chúng này. Tám đó là gì? Hội chúng những thánh nhân, hội chúng những bà-la-môn, hội chúng những gia chủ, hội chúng những tu sĩ, hội chúng những thiên thần cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, hội chúng những thiên thần cõi trời Ba Mươi Ba [Đao-lợi], hội chúng đoàn tùy tùng của Ma Vương (Māra), hội chúng những vị trời Brahmā. Có-được bốn loại sự tự-tin, Như Lai đã đến gặp và tham dự tám hội chúng đó.

30. “Ta nhớ lại đã từng đến gặp nhiều trăm hội chúng của những thánh nhân … nhiều trăm hội chúng những bà-la-môn … nhiều trăm hội chúng những gia chủ … nhiều trăm hội chúng những tu sĩ … nhiều trăm hội chúng những thiên thần cõi trời Tứ Đại Thiên Vương … nhiều trăm hội chúng những thiên thần cõi trời Ba Mươi Ba [Đao-lợi] … nhiều trăm hội chúng đoàn tùy tùng của Ma Vương … nhiều trăm hội chúng những vị trời Brahmā. Và trước đây ta đã từng ngồi với họ ở đó và nói chuyện với họ và thảo luận với họ, nhưng ta không thấy có cơ-sở nào để nghĩ rằng sự

sợ-hãi hay sự ngần-ngại nào xảy đến với ta ở đó. Và sau khi nhìn thấy không có cơ-sở nào cho điều đó, nên ta an trú trong sự an-toàn, sự không sợ-hãi, và sự tự-tin.

31. “Này Xá-lợi-phất, khi ta biết và thấy như vậy, có ai nói về ta rằng … (như mục 21) … thì người đó bị ký thác trong địa ngục như thể đã bị đưa thẳng xuống đó.

(Bốn loại sinh)

32. “Này Xá-lợi-phất, có bốn loại sự sinh này. Bốn đó là gì? Sự sinh từ trứng, sự sinh từ dạ con, sự sinh từ hơi ẩm, và sự sinh tự phát.

33. “Cái gì là sự sinh từ trứng? Có những chúng sinh được sinh ra bằng cách chui ra khỏi vỏ trứng; đây được gọi là sự sinh từ trứng. Cái gì là sự sinh từ dạ con? Có những chúng sinh được sinh ra bằng cách chui ra khỏi bọc nhau (trong bụng mẹ); đây được gọi là sự sinh từ dạ con. Cái gì là sự sinh từ hơi ẩm? Có những chúng sinh được sinh ra trong một con cá thối, trong một xác chết thối, trong cháo thối, trong hầm phân, trong cống thoát; đây được gọi là sự sinh từ hơi ẩm. Cái gì là sự sinh tự phát? Có những thiên

thần, và cư dân trong địa ngục, và một số chúng sinh người, và một số chúng sinh trong những cõi thấp xấu; đây được gọi là sự sinh tự phát. Đây là bốn loại sự sinh.

34. “Này Xá-lợi-phất, khi ta biết và thấy như vậy, có ai nói về ta rằng … (như mục 21) … thì người đó bị ký thác trong địa ngục như thể đã bị đưa thẳng xuống đó.

(Năm nơi-đến và Niết-bàn)

35. “Này Xá-lợi-phất, có năm nơi-đến này. Năm đó là gì? Địa ngục, cõi súc sinh, cõi hồn ma ngạ quỷ, cõi người, và cõi những thiên thần.190

36. (1) “Ta hiểu địa ngục, và đường dẫn tới địa ngục. Và ta cũng hiểu cách một người đã bước vào đường này khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị

tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. (2) “Ta hiểu cõi súc sinh, và đường dẫn tới cõi súc sinh. Và ta cũng hiểu cách một người đã bước vào đường này khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cõi súc sinh. (3) “Ta hiểu cõi hồn ma ngạ quỷ, và đường dẫn tới cõi hồn ma ngạ quỷ. Và ta cũng hiểu cách một người đã bước vào đường này khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cõi hồn ma ngạ quỷ. (4) “Ta hiểu cõi người, và đường dẫn tới cõi người. Và ta cũng hiểu cách một người đã bước vào đường này khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong số loài người. (5) “Ta hiểu những thiên thần, và đường dẫn tới cảnh giới những thiên thần. Và ta cũng hiểu cách một người đã bước vào đường này khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. (6) “Ta hiểu Niết-bàn, và đường dẫn tới Niết-bàn. Và ta cũng hiểu cách một người đã bước vào đường này sẽ, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận).

37. (1) “Bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được người đó như vầy: ‘Người này hành xử như vậy, dẫn dắt bản thân mình như vậy, đã chọn lấy con đường như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.’ Và về sau đó, với (yếu tố) mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), ta nhìn thấy người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, đã bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới,

trong địa ngục, và nếm trải chỉ toàn những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. “Ví dụ có một hầm than sâu hơn chiều cao của một người với đầy than cháy đỏ nhưng không lửa ngọn hay khói; rồi một người đang bị thiêu đốt và kiệt quệ bởi thời tiết nóng bức, mệt mỏi, khô nứt, và khát nước, đến đó bằng con đường một chiều hướng thẳng tới hầm than đó. Rồi một người khác có mắt sáng nhìn thấy anh ta liền nói: ‘Người này hành xử như vậy, dẫn dắt bản thân mình như vậy, đã chọn lấy con đường sẽ dẫn đến hầm than cháy đó’; và rồi sau đó người đó nhìn thấy anh ta đã rớt xuống hầm than và

đang nếm trải chỉ toàn những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Cũng giống như vậy, bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người … chỉ toàn những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận.

38. (2) “Bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được người đó như vầy: ‘Người này hành xử như vậy, dẫn dắt bản thân mình như vậy, đã chọn lấy con đường như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cõi súc sinh.’ Và về sau, với (yếu tố) mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn minh), ta nhìn thấy người đó, khi thân tan rã, sau khi chết, đã bị tái sinh trong cõi súc sinh, và nếm trải chỉ toàn những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. “Ví dụ có một hầm than sâu hơn chiều cao của một người với đầy than cháy đỏ … (như ví dụ kế trên) … đang nếm trải chỉ toàn những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Cũng giống như vậy, bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người … chỉ toàn những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận.

39. (3) “Bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được người đó như vầy: ‘Người này hành xử như vậy, dẫn dắt bản thân mình như vậy, đã chọn lấy con đường như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong cõi hồn ma ngạ quỷ.’ Và về sau …

ta nhìn thấy người đó … đã bị tái sinh trong cõi hồn ma ngạ quỷ, và nếm trải những cảm-giác nhiều đau khổ. “Ví dụ có một cây đang lớn lên trên nền đất gồ ghề với tán lá xơ xác lưa thưa tạo nên bóng mát chỉ lốm đốm; và rồi một người đang bị thiêu đốt và kiệt quệ bởi thời tiết nóng bức, mệt mỏi, khô nứt, và khát nước, đến đó bằng con đường một chiều hướng thẳng tới cây đó. Rồi một người khác có mắt sáng liền nói: ‘Người này hành xử như vậy … nên người đó sẽ đi đến cây đó’; và sau đó, người đó nhìn thấy anh ta đang ngồi hay đang nằm dưới bóng cây đó nếm trải những cảm-giác nhiều đau khổ. Cũng giống như vậy, bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người … những cảm-giác nhiều đau khổ.

40. (4) “Bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được người đó như vầy: ‘Người này hành xử như vậy, dẫn dắt bản thân mình như vậy, đã chọn lấy con đường như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ bị tái sinh trong số loài người.’ Và về sau … ta nhìn thấy người đó … đã bị tái sinh trong số loài người, và nếm trải những cảm-giác nhiều sung sướng. “Ví dụ có một cây đang lớn lên trên nền đất bằng phẳng với tán lá dày đặc tạo nên bóng mát đậm; và rồi một người đang bị thiêu đốt và kiệt quệ bởi thời tiết nóng bức, mệt mỏi, khô nứt, và khát nước, đến đó bằng con đường một chiều hướng thẳng tới cây đó. Rồi một người khác có mắt sáng liền nói: ‘Người này hành xử như vậy … nên người đó sẽ đi đến cây đó’; và sau đó, người đó nhìn thấy anh ta đang ngồi hay đang nằm dưới bóng cây đó nếm trải những cảm-giác nhiều sung sướng. Cũng giống như vậy, bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người … những cảm- giác nhiều sung sướng.

41. (5) “Bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được người đó như vầy: ‘Người này hành xử như vậy, dẫn dắt bản thân mình như vậy, đã chọn lấy con đường như vậy, nên khi thân tan rã, sau

khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời, và đang nếm trải những cảm-giác toàn sung sướng. “Ví dụ có một ngôi nhà, và nó có một gian phòng trên lầu được trét vữa bên trong và bên ngoài, được đóng chặt, được cài thanh cửa chắc chắn, với các cửa sổ được đóng chặt, và bên trong có một cái giường (trường kỷ) được trải bằng thảm, có chăn mền, và tấm phủ, có tấm phủ làm từ da linh dương, có mái che ở trên và có hai gối đỏ đặt ở hai đầu [để gối đầu và chân]; và rồi một người đang bị thiêu đốt và kiệt quệ bởi thời tiết nóng bức, mệt mỏi, khô nứt, và khát nước, đến đó bằng con đường một chiều hướng thẳng tới căn nhà đó. Rồi một người khác có mắt sáng liền nói: ‘Người này hành xử như vậy … nên người đó sẽ đi đến căn nhà đó’; và sau đó, người đó nhìn thấy anh ta đang ngồi hay đang nằm trong gian phòng trên lầu đang nếm trải những cảm-giác toàn sung sướng. Cũng giống như vậy, bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người … những cảm-giác toàn sung sướng.

42. (6) “Bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người, ta hiểu được người đó như vầy: ‘Người này hành xử như vậy, dẫn dắt bản thân mình như vậy, đã chọn lấy con đường như vậy, nên: bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này, người đó sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí- tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận).’ Rồi về sau, ta nhìn thấy người đó: bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này, người đó sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), và đang nếm trải những cảm-giác chỉ toàn sung sướng.191 “Ví dụ có một hồ nước trong sạch, đáng thích, nước mát, trong vắt, có bờ phẳng phiu, thật thú vị, và gần một khu rừng rậm; và rồi một người đang bị thiêu đốt và kiệt quệ bởi thời tiết nóng bức, mệt mỏi, khô nứt, và khát nước, đến đó bằng con đường một chiều hướng thẳng tới hồ nước đó. Rồi một người khác có mắt sáng liền nói: ‘Người này hành xử như vậy …

nên người đó sẽ đi đến căn nhà đó’; và sau đó, người đó nhìn thấy anh ta đá đắm mình trong hồ nước, tắm gội, uống nước hồ, và giải tỏa tất cả mọi sự khổ sở, sự mệt mỏi, và sốt nã, và sau đó lại lên bờ nằm ngồi hoặc nằm dưới tán rừng mát nếm trải những cảm-giác chỉ toàn sung sướng. Cũng giống như vậy, bằng cách dùng tâm mình bao trùm tâm của một người … những cảm-giác chỉ toàn sung sướng.

43. “Này Xá-lợi-phất, khi ta biết và thấy như vậy, có ai nói về ta rằng: ‘Sa-môn Cồ-Đàm không có trạng thái siêu nhân nào, sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh. Sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp [chỉ được] búa rèn bằng lý luận, chạy theo dòng truy vấn của chính mình khi nó xảy đến với ông ta’—nếu không

dẹp bỏ lời khẳng định đó và trạng thái tâm đó và từ bỏ cách-nhìn đó—thì người đó bị ký thác trong địa ngục như thể đã bị đưa thẳng xuống đó. Giống như một Tỳ kheo có được giới-hạnh, sự định-tâm, và trí-tuệ, thì người đó ngay trong kiếp này có thể thụ hưởng trí-biết cuối cùng (thánh quả A-la-hán); còn ai nói như vậy, ta nói rằng, nếu không dẹp bỏ lời khẳng định đó và trạng thái tâm đó và từ bỏ cách-nhìn đó, thì người đó bị ký thác trong địa ngục như thể đã bị đưa thẳng xuống đó.

(Những sự khổ hạnh của vị Bồ-tát)

44. “Này Xá-lợi-phất, ta nhớ lại đã từng sống một đời sống tâm linh có bốn yếu-tố (bốn hạnh). Ta từng là một khổ sĩ—khổ sĩ tột cùng; ta từng là bần thô—bần thô tột cùng; ta từng là cẩn trọng tỉ mỉ—cẩn trọng tỉ mỉ tột cùng; ta từng sống tách-ly (ẩn dật)—tách-ly tột cùng.192

45. (1) “Sự khổ hạnh của ta là như vầy, này Xá-lợi-phất, ta đi khỏa thân, không theo những quy ước tục lệ, liếm bàn tay cho sạch, không đến khi được mời, không dừng khi được yêu cầu; ta không nhận thức ăn được mang cho hay thức ăn được nấu cho mình hay nhận lời mời đến ăn; ta không nhận gì được cho từ trong nồi, trong bát, trước mái hiên nhà, đưa qua cây gậy, đưa qua cái chày, từ hai người đang ăn, từ phụ nữ đang cho

con bú, từ phụ nữ đang ở giữa những đàn ông, từ chỗ thức ăn được quảng bá để phát chẩn, từ chỗ có chó đang chực, từ chỗ có ruồi nhặng đang bu; ta không nhận ăn cá hay thịt, ta không uống rượu nặng, rượu nhẹ, hay thức uống lên men. Ta nhận ăn từ một nhà, ăn một miếng; ta nhận ăn từ hai nhà, ăn hai miếng … ta nhận ăn từ bảy nhà, ăn bảy miếng. Ta sống nhờ một chén một ngày, nhờ hai chén hai ngày … nhờ bảy chén bảy ngày; ta nhận thức ăn một lần mỗi ngày, một lần mỗi hai ngày … một lần mỗi bảy ngày; cứ như vậy thậm chí một lần mỗi hai tuần, ta thực hành theo khổ hạnh chỉ nhận thức ăn sau mỗi khoảng thời gian đã ấn định. Ta là người ăn rau xanh hay hạt kê hay lúa rẫy hay lúa hoang hay rong rêu hay cám gạo hay bọt nước gạo hay bột mè hay cỏ hay phân bò. Ta sống nhờ ăn những rễ cây và trái cây trong rừng; ta sống nhờ ăn trái cây rụng. Ta mặc bằng vải gai thô, hay vải gai thô lẫn lộn, bằng vải liệm người chết bỏ đi, bằng giẻ rách bỏ đi, bằng vỏ cây, bằng da linh dương, bằng những mảnh da linh dương, bằng vải bện từ cỏ kusa, bằng vải bện từ vỏ cây, từ vải bện từ dăm gỗ bào, bằng vải len làm từ tóc, làm từ lông đuôi súc vật, từ lông cánh cú vọ. Ta là người nhổ sạch râu và tóc, thực hành khổ hạnh nhổ râu và tóc. Ta là người luôn đứng, không ngồi. Ta là người ngồi xổm liên tục, cố gắng giữ tư thế ngồi xổm. Ta là người dùng nệm gai nhọn; ta lấy nệm gai nhọn làm giường của mình. Ta sống theo đuổi sự thực hành cách khổ hạnh dầm mình trong nước ba lần một ngày gồm cả buổi tối. Đó là những cách khác nhau ta đã theo đuổi sự thực hành khổ hạnh tra tấn và hành hạ thân thể. Đó là sự thực hành khổ hạnh của ta.

46. (2) “Sự bần thô của ta là như vầy, này Xá-lợi-phất, giống như thân cây xa cừ tindukā, tích lũy qua nhiều năm, lớp vỏ già đóng thành miếng thành bánh; cũng giống như vậy, lớp bụi và đất, tích lũy qua nhiều năm, đóng thành miếng thành đóng trên

thân ta. Ta chẳng bao giờ có ý nghĩ: ‘Ôi, để ta dùng tay phủi bụi đất khỏi thân thể ta, hoặc nhờ người khác dùng tay phủi bụi đất khỏi thân thể ta’—chẳng bao giờ ta nghĩ vậy. Đó là sự bần thô của ta.

47. (3) “Sự cẩn trọng tỉ mỉ của ta là như vầy, này Xá-lợi-phất, ta luôn luôn chú tâm khi bước tới hay bước lui. Ta có sự thương hại ngay cả đối với một giọt nước như vầy: ‘Mình đừng làm gì phương hại đến những chúng sinh siêu nhỏ nằm trong những khe nứt dưới đất.’193 Đó là sự cẩn trọng tỉ mỉ của ta.

48. (4) “Sự tách-ly (ẩn dật) của ta là như vầy, này Xá-lợi-phất, ta chui vào rừng sâu và sống trong đó. Và khi ta thấy một người chăn bò hay người chăn cừu hay có ai đang cắt cỏ hay lượm củi, hay một người ở rừng, thì ta lánh đi từ khu rừng này qua khu rừng khác, từ bụi lùm này qua bụi lùm khác, từ trũng này qua trũng khác, từ gò này qua gò khác. Tại sao vậy? Để họ không nhìn thấy ta hay ta nhìn thấy họ. Giống như một con hươu sống trong rừng, khi nhìn thấy con người, thì nó lẫn trốn từ khu này qua khu rừng khác, từ bụi lùm này qua bụi lùm khác, từ trũng này qua trũng khác, từ gò này qua gò khác; cũng giống như vậy khi ta nhìn thấy một người chăn bò hay người chăn cừu … Đó là sự tách-ly của ta.

49. (5) “Ta đã từng bò vào chuồng bò khi đàn bò đã ra khỏi chuồng và người chăn bò để lại những con bò con còn đang bú, ta ăn phân của chúng. Khi nào phân và nước tiểu của ta còn, ta cũng ăn phân và uống nước tiểu của chính mình. Đó là sự thực hành khổ hạnh ăn uống những thứ thải bẩn.

50. (6) “Ta chui vào trong những khu rừng đáng kinh hãi và sống ở đó—một khu rừng đáng kinh hãi như vậy có thể làm hầu hết tóc trên đầu dựng đứng nếu một người chưa hết tham-dục. Khi những đêm mùa đông giá buốt trong suốt ‘thời gian tám ngày tuyết rơi’, ban đêm ta ở ngoài trời và ban ngày ta ở trong rừng.194 Trong tháng cuối của mùa nóng, ta sống ban ngày ở ngoài trời và ban đêm ở trong rừng. Và lúc đó tự nhiên bài kệ này, chưa từng nghe trước đó, đã xảy đến với ta: ‘Buốt giá ban đêm và thiêu đốt ban ngày, Một mình trong khu rừng đáng khiếp hãi, Khỏa thân ngồi, không có lửa hơ bên cạnh,

Ẩn sĩ cứ theo đuổi sự tìm-cầu.’

51. (7) “Ta có thể làm giường ngủ trong nghĩa địa lấy xương đầu lâu người chết để làm gối. Và những đứa trẻ chăn bò đến nhổ nước miếng lên ta, tiểu tiện lên ta, quăng đồ dơ thúi vào ta, và dùng roi gậy chọt vào tai ta. Nhưng ta nhớ ta không hề phát khởi tâm xấu ác [sân] nào đối với chúng. Đó là sự an trú của ta trong sự buông-xả.

52. (8) “Này Xá-lợi-phất, có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo-thuyết và quan-điểm (cách-nhìn, kiến) như vầy: ‘Sự thanh-lọc sẽ có được thông qua thức ăn.’195 Họ nói: ‘Hãy ăn trái cây kola để sống’ và họ chỉ ăn trái cây kola, họ ăn bột trái cây kola, họ uống nước trái cây kola, và họ chế ra nhiều thức ăn uống hỗn hợp từ trái cây kola. Giờ ta nhớ

lại ta đã từng ăn mỗi ngày chỉ một trái kola. Này Xá-lợi-phất, thầy không nên nghĩ trái kola thời đó to hơn, thầy nên nghĩ trái kola thời đó cũng bằng cỡ trái kola bây giờ. Do chỉ ăn một trái kola mỗi ngày, thân ta ốm đi tới một trạng thái cực kỳ tiều tụy. Bởi do ăn quá ít, nên chân tay của ta thành giống như mấy cọng dây leo hay cọng lá tre. Bởi do ăn quá ít, nên mông đít ta thành teo nhách giống như móng con lạc đà. Bởi do ăn quá ít, nên những đốt xương sống nhô ra như dãy tràng hạt. Bởi do ăn quá ít, nên xương sườn nằm trơ ra như những xà ngang trên mái nát của một nhà kho cũ. Bởi do ăn quá ít nên, nên tia ánh mắt của ta nặng chìm xuống hai hốc mắt, giống như tia nước đã chìm sa dưới giếng sâu. Bởi do ăn quá ít, nên da đầu của ta đã nhăn queo và khô héo như trái khổ qua nhăn queo và khô héo trong nắng gió. Bởi do ăn quá ít, nên da bụng của ta xẹp dính ra sau xương sống của ta, đến nỗi nếu sờ vào da bụng của ta là ta cũng đụng tới xương sống sau lưng, và nếu ta sờ vào xương sống sau lưng thì ta cũng đụng tới da bụng phía trước. Bởi do ăn quá ít, nên khi ta đi đại tiện hay tiểu tiện, ta té ngã úp mặt lên chỗ (tiểu tiện hay đại tiện) đó. Bởi do ăn quá ít, nên khi ta cố xoa dịu thân ta bằng cách xoa tay xoa chân bằng hai bàn tay thì lông tay lông chân cũng rụng rớt khỏi thân khi ta xoa, vì chúng đã mục hư tận gốc.

53.–55. “Này Xá-lợi-phất, có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo-thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Sự thanh-lọc sẽ có được thông qua thức ăn.’ Họ nói: ‘Hãy ăn đậu để sống …’ … ‘Hãy ăn mè để sống’ … ‘Hãy ăn gạo để sống’ và họ ăn gạo, ăn bột gạo, uống nước gạo, và họ chế nhiều thức ăn uống hỗn hợp từ gạo. Giờ ta nhớ lại ta đã từng ăn mỗi ngày chỉ một hạt gạo. Này Xá-lợi-phất, thầy không nên nghĩ hạt gạo thời đó to hơn, thầy nên nghĩ hạt gạo thời đó cũng bằng cỡ trái kola bây giờ. Do chỉ ăn một hạt gạo mỗi ngày, thân ta đạt tới một trạng thái cực kỳ tiều tụy. Bởi do ăn quá ít, nên … lông tay lông chân cũng rụng rớt khỏi thân khi ta xoa, vì chúng đã mục hư tận gốc.

56. “Nhưng, này Xá-lợi-phất, bằng sự dẫn dắt (bản thân) như vậy, bằng sự thực hành như vậy, bằng sự thực hiện những sự khổ hạnh hành xác như vậy, ta đã không đạt tới bất kỳ trạng thái siêu-nhân nào hay bất kỳ sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy) xứng đáng của những bậc thánh. Tại sao như vậy? Bởi vì ta đã không đạt tới trí-tuệ thánh thiện (loại thánh trí đó) khi đạt được là thánh thiện và giúp giải-thoát và dẫn dắt người thực hành đúng theo nó đi đến sự hoàn toàn diệt-khổ.

57. (9) “Này Xá-lợi-phất, có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo-thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Sự thanh-lọc sẽ có được thông qua vòng luân-hồi tái-sinh.’ Nhưng đâu dễ gì tìm thấy một sự tái-sinh nào trong vòng luân- hồi mà ta đã chưa từng trải qua trong suốt chuyến đi dài thăm thẳm này, ngoại trừ (là) những thiên thần thuộc những Cõi trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên) vì nếu ta đã từng trải qua vòng luân-hồi là một thiên thần trong những Cõi trời Trong-Sạch đó, thì ta đã không bao giờ còn quay trở lại thế gian này nữa rồi.196

58. “Có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo-thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Sự thanh-lọc sẽ có được thông qua [một dạng] tái-sinh.’ Nhưng đâu dễ tìm thấy một dạng tái-sinh nào

mà ta đã chưa từng tái sinh trong đó trong suốt chuyến đi dài thăm thẳm này, ngoại trừ (dạng) những thiên thần thuộc những cõi trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên) …

59. “Có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo-thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Sự thanh-lọc sẽ có được thông qua [một dạng] cõi-trú.’ Nhưng đâu dễ tìm thấy dạng cõi-trú nào mà ta đã chưa từng trú ở trong đó trong suốt chuyến đi dài thăm thẳm này, ngoại trừ (cõi) những thiên thần thuộc những cõi trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên) …

60. “Có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo-thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Sự thanh-lọc sẽ có được thông qua sự cúng-tế.’ Nhưng đâu dễ tìm thấy một sự cúng-tế nào đã chưa từng được thực hiện bởi ta trong suốt chuyến đi dài thăm thẳm này, những khi ta đã từng là một vị vua thánh thiện (thánh vương) được phong vương [được xức dầu lên đầu] hay một bà-la-môn giàu có.

61. “Có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo-thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Sự thanh-lọc sẽ có được thông qua sự thờ cúng thần lửa.’ Nhưng đâu dễ tìm thấy một loại thần lửa nào đã chưa từng được thờ cúng bởi ta trong suốt chuyến đi dài thăm thẳm này, những khi ta đã từng là một vị vua thánh thiện [được xức dầu lên đầu] hay một bà-la-môn giàu có.

62. (10) “Này Xá-lợi-phất, có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo-thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Chừng nào người này vẫn còn trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời, thì người đó còn hoàn hảo trong trí-tuệ minh mẫn của mình. Nhưng khi người này đã già, đã gánh nặng năm tháng, đã tới buổi xế chiều của cuộc đời, và đã đến giai đoạn cuối, là 80, 90, hay 100 tuổi, thì sự minh mẫn của trí-tuệ bị mất đi.’ Nhưng các thầy đừng nên coi điều đó là luôn đúng. Giờ ta đã già, đã gánh nặng năm tháng, đã tới buổi xế chiều của cuộc đời, và đã đến giai đoạn cuối: số năm của ta đã qua 80. Giờ, ví dụ ta có bốn đệ tử với tuổi thọ 100 năm, hoàn thiện về sự chánh-niệm, khả năng nhớ, trí nhớ, và sự minh mẫn của trí-tuệ.197 Giống như một cung thủ thuần thục, đã được huấn luyện, thực tập, và thao dợt tới mức độ có thể dễ dàng bắn một mũi tên nhẹ xuyên qua bóng một cây cọ dừa, (bốn đệ tử đó) có sự chánh-niệm, khả năng nhớ, trí nhớ, và sự minh mẫn của trí-tuệ được

(tinh nhạy) tới mức độ như vậy. Nếu như họ liên tục hỏi ta về ‘bốn nền tảng chánh-niệm’, và nếu như ta trả lời họ mỗi khi họ hỏi, và nếu như họ ghi nhớ từng câu trả lời của ta, và nếu như họ không hề hỏi một câu hỏi phụ nào hay dừng lại để ăn, uống, nhai, nếm, đi tiểu tiện, đại tiện, hay nghỉ ngơi để giải tỏa sự buồn ngủ và mệt mỏi. Nếu như vậy, thì sự thuyết giảng của Như Lai về Giáo Pháp, sự giảng giải của Như Lai về những yếu-tố của Giáo Pháp và sự trả lời của Như Lai đối với những câu hỏi vẫn chưa đi đến kết thúc, nhưng trong khi đó bốn đệ tử đó của ta với tuổi thọ 100 năm cũng phải chết khi hết 100 năm. Này Xá-lợi-phất, cho dù các thầy có khiêng ta nằm trên giường đi đây đi đó, thì vẫn không có sự thay đổi trong sự minh mẫn của trí-tuệ của Như Lai.

63. “Nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói: ‘Một chúng sinh không còn bị vô-minh đã xuất hiện trong thế gian vì ích lợi và hạnh phúc của số đông, vì lòng bi-mẫn dành cho thế gian, vì sự tốt lành, ích lợi và hạnh phúc của những thiên thần và loài người’, thì đó thực sự là nói về ta một người nói một cách đúng đắn đã nói điều đó.”

64. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Nāgasamāla đang đứng sau hầu quạt cho đức Thế Tôn.198 Lúc đó thầy ấy đã nói với đức Thế Tôn: “Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn, thật kỳ diệu! Khi con lắng nghe bài thuyết giảng này, lông tóc con dựng đứng. Thưa Thế Tôn, tên của bài thuyết giảng Giáo Pháp này là gì?” “Này Nāgasamāla, nếu đã vậy thì thầy ghi nhớ bài thuyết giảng Giáo Pháp này là ‘Bài Kinh Làm Dựng Lông Tóc’.”199 Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Ngài Nāgasamāla đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

13. ĐẠI KINH KHỔ UẨN (Mahādukkhakkhandha Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Rồi, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Rồi họ nghĩ: “Còn quá sớm để đi khất thực một vòng trong thành Sāvatthī. Hay chúng ta đi đến khu ở (khu vườn, trú xá) của những du sĩ khác đạo.” Nghĩ vậy nên họ đi đến khu ở của các du sĩ khác đạo, và chào hỏi với họ. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Những du sĩ khác đạo nói với họ:

3. “Này các bạn, sa-môn Cồ-Đàm mô tả sự hoàn-toàn hiểu (liễu tri) những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), và chúng tôi cũng làm được vậy; sa- môn Cồ-Đàm mô tả sự hoàn-toàn hiểu thể-sắc (vật chất; sắc giới), và chúng tôi cũng làm được vậy; sa-môn Cồ-Đàm mô tả sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác (thọ), và chúng tôi cũng làm được vậy. Này các bạn, vậy cái gì là sự khác biệt, cái gì là sự sai khác, cái gì là sự khác nhau giữa giáo lý [sự chỉ dạy Giáo Pháp] của sa-môn Cồ-Đàm và giáo lý của chúng tôi, giữa sự chỉ dạy của sa-môn Cồ-Đàm và sự chỉ dạy của chúng tôi?”200

4. Rồi các Tỳ kheo không đồng ý cũng không phản đối với những lời của các du sĩ khác đạo đó. Không đồng ý cũng không phản đối, họ đứng dậy và đi, và nghĩ rằng: “Chúng ta nên tìm hiểu ý nghĩa những lời nói đó khi gặp mặt đức Thế Tôn.”

5. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và kể lại với đức Thế Tôn toàn bộ chuyện xảy ra lúc sáng. [Đức Thế Tôn nói:]

6. “Này các Tỳ kheo, khi các du sĩ khác đạo đó nói như vậy, các thầy nên hỏi họ như vầy: ‘Nhưng này các bạn, cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là

sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những khoái-lạc giác-quan (dục lạc)? Cái gì là thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi đối với thể-sắc (sắc giới)? Cái gì là thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự thoát-khỏi đối với những cảm-giác (thọ)?' "Nếu hỏi như vậy thì những du sĩ khác đạo đó sẽ không giải thích được vấn đề, và gì nữa, họ sẽ gặp phải khó khăn. Bởi vì sao? Vì đó không phải chỗ hiểu biết (trú xứ, lãnh vực) của họ. Này các Tỳ kheo, trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và những trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, ta thấy không có ai có thể giải thích thỏa mãn tâm trí bằng một câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai, hoặc những vị đệ tử của Như Lai, hoặc người đã học từ những vị đệ tử đó.

(Những khoái-lạc giác-quan)

7. [1] "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thỏa-thích trong [trong trường hợp] những khoái-lạc giác-quan (dục lạc)? Này các Tỳ kheo, có năm (sợi) dây (như năm sợi quấn thành sợi dây thừng) khoái-lạc giác-quan. Năm là gì? (1) Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. (2) Những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... (3) Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... (4) Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... (5) Những đối-tượng chạm-xúc nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái-lạc giác-quan. —Vậy đó, sự sướng-khoái và sự vui-thích, khởi sinh tùy thuộc năm dây khoái-lạc giác-quan đó, chính là sự thỏa- thích trong những khoái-lạc giác-quan.

8. [2] (a) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác-quan? Ở đây, này các Tỳ kheo, nói về nghề nghiệp của một người họ tộc nào đó phải theo làm để kiếm sống—dù là nghề kiểm đếm,

nghề tính toán, nghề ước tính, nghề nông, nghề buôn bán, nghề chăn nuôi, nghề săn bắn, nghề làm công vụ cho triều đình, hoặc bất cứ nghề nào— trong nghề nghiệp để kiếm sống người đó phải chịu nóng chịu lạnh; người đó có thể bị thương do tiếp xúc với ruồi muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát; có thể chết vì đói khát. —Vậy đó, đây là một dạng nguy-hại trong [trường hợp] những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được ngay trong kiếp sống này [tại đây và bây giờ]; có những khoái-lạc giác- quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ đơn giản là những khoái-lạc giác-quan.

9. (b) "Nếu người họ tộc đó làm việc, chuyên-cần tu, và nỗ lực như vậy nhưng không thu được của cải vào tay, thì người đó ưu sầu, buồn bã, và ai oán, người đó đấm ngực khóc than, và trở nên quẫn trí, kêu rằng: 'Công việc của tôi là vô ích, nỗ lực của tôi chẳng kết quả gì!' —Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong [trường hợp] những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được ngay trong kiếp sống này; có những khoái-lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ đơn giản là những khoái-lạc giác-quan.

10. (c) “Rồi nếu người họ tộc đó làm việc, chuyên-cần tu, và nỗ lực như vậy, và có thu được nhiều của cải vào tay, thì người đó lại khổ sở và buồn rầu với việc bảo vệ của cải: ‘Làm sao để không bị trộm cướp, không bị vua chúa tịch thu, không bị hỏa hoạn cháy rụi, không bị lũ lụt cuốn đi, và không bị những người thừa kế bất nghĩa chiếm đoạt?’ Và người đó canh phòng và bảo vệ của cải, nhưng (vẫn có thể) bị trộm cướp, hoặc bị vua chúa tịch thu, hoặc bị hỏa hoạn cháy rụi, hoặc bị lũ lụt cuốn đi, hoặc bị những người thừa kế bất nghĩa chiếm đoạt. Và người đó ưu sầu, buồn bã, và ai oán, người đó đấm ngực khóc than, và trở nên quẫn trí, kêu rằng: ‘Tôi không còn của cải nữa!’ —Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong [trường hợp] những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được ngay trong kiếp sống này; có những khoái-lạc giác-quan là nguyên

nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ đơn giản là những khoái-lạc giác-quan.

11. (d) “Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là nguyên nhân, những khoái-lạc giác-quan là nguồn gốc, những khoái-lạc giác-quan là cơ sở, nguyên nhân chỉ đơn giản là những khoái-lạc giác quan, cho nên những vua chúa tranh chấp nhau, những người giai cấp chiến-sĩ tranh chấp nhau, những bà-la-môn tranh chấp nhau, những gia-chủ tranh chấp nhau; mẹ tranh chấp con, con tranh chấp mẹ, cha tranh chấp con, con tranh chấp cha; anh em tranh chấp nhau, chị em tranh chấp nhau; bạn bè tranh chấp nhau. Và trong những cuộc tranh chấp, tranh cãi, và tranh giành, họ đánh nhau bằng tay, bằng đá cục, gậy gộc, hay bằng dao, từ đó họ chuốc lấy sự chết chóc và khổ đau như chết. —Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong [trường hợp] những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được ngay trong kiếp sống này; có những khoái-lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ đơn giản là những khoái-lạc giác-quan.

12. (e) “Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là nguyên nhân, những khoái-lạc giác-quan là nguồn gốc, những khoái-lạc giác-quan là cơ sở, nguyên nhân chỉ đơn giản là những khoái-lạc giác quan, cho nên người ta mang kiếm, khiên, cung, tên, và họ giàn trận hai bên; với cung tên và giáo mác phóng như bay, kiếm vung chém lóe chớp; và rồi họ bị thương bởi cung tên và giáo mác, bị chặt đầu bởi gươm đao; từ đó họ chuốc lấy sự chết chóc và khổ đau như chết. —Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong [trường hợp] những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được ngay trong kiếp sống này; có những khoái-lạc giác- quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ đơn giản là những khoái-lạc giác-quan.

13. (f) “Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta mang kiếm, khiên, cung, tên, và họ tấn công những pháo đài trơn ướt vừa mới trét bùn; với cung tên và giáo mác

phóng như bay, kiếm vung chém lóe chớp; rồi họ bị thương bởi cung tên và giáo mác, bị tạt nước phân bò đun sôi, và bị đè bẹp bởi những thanh chắn cổng thành rơi xuống, và bị chặt đầu bởi gươm đao; từ đó họ chuốc lấy những sự chết chóc và sự khổ đau như chết. —Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong [trường hợp] những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được ngay trong kiếp sống này; có những khoái-lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ đơn giản là những khoái-lạc giác-quan.

14. (g) “Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta đột nhập nhà cửa, cướp bóc của cải, làm nghề trộm cướp, cướp đường, dụ dỗ vợ người khác; và khi bị bắt, họ phải bị rất nhiều hình phạt tàn bạo của vua quan: Họ quất người đó bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu … (tiếp theo liệt kê những hình phạt khủng khiếp)201… và họ dùng kiếm chặt đầu người đó—theo đó người phạm tội phải chuốc lấy sự chết hoặc đau khổ như chết. —Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong [trường hợp] những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ nhìn thấy được ngay trong kiếp sống này; có những khoái-lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ đơn giản là những khoái-lạc giác- quan.

15. (f) “Lại nữa, vì do những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta sống không đức-hạnh trong những hành- động, lời-nói, và tâm-ý. Vì đã làm như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong [trường hợp] những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ trong kiếp sau;202 sự khổ có những khoái-lạc giác-quan là nguyên nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ đơn giản là những khoái-lạc giác-quan.

16. [3] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thoát-khỏi đối với những khoái-lạc giác-quan? Đó là sự loại bỏ tham-muốn và dục-vọng, là sự dẹp bỏ tham-muốn và dục-vọng đối với những khoái-lạc giác-quan.203 Đây chính là sự thoát-khỏi những khoái-lạc giác-quan.

17. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào chưa hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại (trong), và sự thoát-khỏi (đối với) những khoái-lạc giác-quan đúng như chúng thực là, thì không thể nào họ hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan, và do đó không thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan—điều đó là không thể. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại (trong), và sự thoát-khỏi (đối với) những khoái-lạc giác-quan, thì có thể hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan, và do đó có thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan—điều đó là có thể.

(Sắc Thân)

18. [1] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thỏa-thích trong [trong trường hợp] sắc-thân? Giả sử có một cô gái thuộc giai cấp quý-tộc [chiến- sĩ] hay bà-la-môn hay gia-chủ, mười

lăm hay mười sáu tuổi, không quá cao không quá thấp, không quá ốm không quá mập, không quá đen không quá trắng. Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ta đang ở đỉnh cao không?"—"Đúng vậy, thưa Thế Tôn."—"Vậy đó, sự sướng-khoái và sự vui-thích, khởi sinh tùy theo sắc đẹp và sự đáng yêu đó, chính là sự thỏa- thích trong sắc thân.

19. [2] (a) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nguy-hại trong sắc-thân? Sau này người ta thấy cũng người phụ nữ ấy ở tuổi tám mươi, chín mươi, hoặc một trăm tuổi, già nua, thân cong như vòm mái nhà, lưng còm, chống gậy, đi đứng run rẩy, đau đớn; tuổi trẻ và sức lực đã hết, với răng rụng, với tóc bạc thưa thớt hay hói đầu, da nhăn nheo, với tay chân đầy vết khô lác. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu

của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?"—"Đúng vậy, thưa Thế Tôn"—"Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại trong sắc thân.

20. (b) "Lại nữa, người ta có thể nhìn thấy cũng người phụ nữ đó giờ bị bệnh và đau đớn, bệnh yếu trầm trọng, nằm trên phân và nước tiểu của mình, phải nhờ người này người nọ ẫm lên và đặt xuống. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?"—"Đúng vậy, thưa Thế Tôn"—"Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại trong sắc thân.

21. (c) "Lại nữa, người ta có thể thấy cũng người phụ nữ đó giờ là một xác chết bị quăng ra ngoài nghĩa địa; mới chết một, hai, hay ba ngày, thi thể trương lên, tái nhợt, và đang sình. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?"—"Đúng vậy, thưa Thế Tôn"—"Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại trong sắc thân.

22.29. "Lại nữa, người ta có thể nhìn thấy cũng người phụ nữ đó giờ là xác chết bị quăng ra ngoài nghĩa địa; bị xé ăn bởi lũ quạ, diều hâu, kền kền, chó, chó rừng, và các loại giòi bọ … [23] … giờ là một bộ xương dính ít thịt và máu, được dính nhau bằng những sợi gân … [24] … giờ là một bộ xương không thịt còn dính ít máu, được dính nhau bằng những sợi gân … [25] … giờ là một bộ xương không còn thịt và máu, được dính nhau bằng những sợi gân … [26] … giờ là những khúc xương đứt rời nằm rải rác đủ phía … [27] … giờ là những khúc xương khô trắng, có màu vôi vỏ sò … [28] … giờ là một mớ xương khô, nằm đó hơn một năm … [29] … giờ là mớ xương rữa nát và mục tan thành bụi đất. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?"—"Đúng, thưa Thế Tôn"—"Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại trong sắc thân.

30. [3] "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thoát-khỏi đối với sắc-thân? Đó là sự loại bỏ tham-muốn và dục-vọng, là sự dẹp bỏ tham-muốn và dục- vọng đối với sắc-thân. Đây chính là sự thoát-khỏi sắc-thân.

31. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào không hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại (trong), và sự thoát-khỏi (đối với) sắc-thân, đúng như chúng thực là, thì không thể nào họ hoàn-toàn hiểu sắc-thân, và do đó không thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu được sắc- thân—điều đó là không thể. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại (trong), và sự thoát-khỏi (đối với) sắc-thân, đúng như chúng thực là, thì họ có thể hoàn-toàn hiểu sắc-thân, và do đó có thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu được sắc-thân—điều đó là có thể.

(Những Cảm-Giác)

32. [1] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thỏa-thích trong [trong trường hợp] những cảm-giác? Ở đây, này các Tỳ kheo: (i) ‘Với sự tách-ly hoàn toàn khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong Tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi- xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách- ly đó.’204 Trong thời đó (trong thời gian nhập thiền định) người đó không làm [chọn lấy] khổ đau cho mình hay cho người khác, hoặc cho cả mình và người khác. Trong thời đó người đó chỉ cảm nhận loại cảm-giác không có khổ đau. Sự thỏa-thích cao nhất trong những cảm-giác chính là ‘tự-do khỏi khổ đau’, ta nói như vậy.

33.–35. (ii) “Lại nữa: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (iv) ‘Với sự dẹp bỏ

sự sướng và khổ … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) …’ Trong thời đó (trong thời gian nhập thiền định) người đó không làm [chọn lấy] khổ đau cho mình hay cho người khác, hoặc cho cả mình và người khác. Trong thời đó người đó chỉ cảm nhận loại cảm-giác không có khổ đau. Sự thỏa-thích cao nhất trong những cảm- giác chính là ‘sự tự-do khỏi khổ đau’, ta nói như vậy.

36. [2] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nguy-hại trong những cảm- giác? Những cảm-giác đều là vô-thường, khổ, và luôn luôn thay đổi. Đây chính là sự nguy-hại của những cảm-giác.

37. [3] “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thoát-khỏi đối với những cảm-giác? Đó là sự loại bỏ tham-muốn và dục-vọng, là sự dẹp bỏ tham- muốn và dục-vọng đối với những cảm-giác.

38. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào không hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại (trong), và sự thoát-khỏi (đối với) những cảm-giác, đúng như chúng thực là, thì không thể nào họ hoàn-toàn hiểu những cảm- giác, và do đó không thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu được những cảm-giác—điều đó là không thể. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã hoàn-toàn hiểu sự thỏa-thích (trong), sự nguy-hại

(trong), và sự thoát-khỏi (đối với) những cảm-giác, đúng như chúng thực là, thì họ có thể hoàn-toàn hiểu những cảm-giác, và do đó có thể chỉ dạy những người khác để họ hoàn-toàn hiểu được những cảm-giác—điều đó là có thể.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo đã hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn.

14. TIỂU KINH KHỔ UẨN (Cūḷadukkhakkhandha Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Thích- Ca (Sakya), ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.

2. Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-Ca205 đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: “Thưa Thế Tôn, từ lâu con hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn như vầy: ‘Tham là sự ố-nhiễm [sự không hoàn-thiện của tâm] làm ô nhiễm cái tâm, sân là sự ố-nhiễm làm ô nhiễm cái tâm, si là sự ố-nhiễm làm ô nhiễm cái tâm.’ Nhưng trong khi con hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn như vậy, đôi lúc những trạng thái tham, sân, si xâm chiếm tâm con và ở lại trong đó. Thưa Thế Tôn, con phân vân không biết trạng thái nào vẫn chưa được dẹp bỏ ở bên trong bởi con cho nên đôi lúc những trạng thái tham, sân, si đó cứ xâm chiếm tâm con và ở lại trong đó.”206

3. “Này Mahānāma, vẫn còn có một trạng thái chưa được trừ bỏ ở bên trong bởi chú cho nên đôi lúc những trạng thái tham, sân, si đó cứ xâm chiếm tâm chú và ở lại trong đó; bởi vì nếu trạng thái (tham, sân, si) đã được trừ bỏ ở bên trong bởi chú thì giờ chú đâu còn đang sống đời sống tại gia, chú đâu còn đang thụ hưởng những khoái-lạc giác-quan (dục lạc).207 Chính bởi vì trạng thái đó vẫn chưa được trừ bỏ ở bên trong bởi chú cho nên chú vẫn đang sống đời sống tại gia và thụ hưởng những khoái-lạc giác-quan.

4. (a) “Ngay cả khi một đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí- tuệ chánh đúng rằng những khoái-lạc giác quan (dục lạc) chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều sự khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa, nhưng cho tới chừng nào người đó chưa chứng đắc sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, hay

chứng đắc một (trạng thái) bình-an hơn đó, thì người đó vẫn có thể bị hấp dẫn (còn dính) theo những khoái-lạc giác-quan.208 (b) Nhưng khi một đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng thực như nó là, rằng những khoái-lạc giác quan chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều sự khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa, và người đó đã chứng đắc sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh- phúc (lạc) có được từ sự tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, hay chứng đắc một (trạng thái) bình-an hơn đó, thì người đó không còn bị hấp dẫn (hết dính) theo những khoái- lạc giác-quan.

5. (a) “Trước khi ta giác-ngộ, khi ta vẫn còn là một Bồ-tát chưa giác-ngộ toàn thiện, ta cũng nhìn đã thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng, đúng như nó thực là, cách những khoái-lạc giác-quan chỉ mang lại một ít sự thỏa- thích nhưng nhiều sự khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa, nhưng cho tới chừng nào ta chưa chứng đắc sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) có được từ sự tách-ly khỏi những khoái- lạc giác quan, tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, hay chứng đắc một (trạng thái) bình-an hơn đó, thì ta vẫn có thể bị hấp dẫn (còn dính) theo những khoái-lạc giác-quan. (b) Nhưng khi ta đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí- tuệ chánh đúng, đúng thực như nó là, rằng những khoái-lạc giác quan chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều sự khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa, và ta đã chứng đắc sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) có được từ sự tách-ly khỏi những khoái- lạc giác quan, tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, hay đã chứng đắc một (trạng thái) bình-an hơn đó, thì ta không còn bị hấp dẫn (hết dính) theo những khoái-lạc giác-quan.

6. –14. “Và, này Mahānāma, cái gì là sự thỏa-thích trong [trường hợp] những khoái-lạc giác quan? Này Mahānāma, có năm (sợi) dây khoái-lạc giác-quan … [như kinh MN 13 ở trên, Mục 7–15] … – Vậy đó, đây cũng là một dạng nguy-hại trong [trường hợp] những khoái-lạc giác-quan, là một đống khổ trong kiếp sau; sự khổ có những khoái-lạc giác-quan là nguyên

nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân chỉ đơn giản là những khoái-lạc giác-quan.

15. “Bây giờ, này Mahānāma, trong một lần ta đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Lần có một số Ni-kiền- tử (Nigaṇṭha) đang sống ở vùng Núi Đá Đen, trên những triền dốc Isigili, họ đang thực hành (sự khổ hạnh) đứng liên tục, họ từ chối chỗ ngồi, và đang nếm trải sự đau khổ, đau đớn, thấu tận vì sự cố-sức như vậy.209

16. “Rồi, vào buổi cuối chiều, ta ra khỏi chỗ thiền và đi đến chỗ những Ni-kiền-tử đó. Ta đã hỏi họ: ‘Này các bạn, vì sao các bạn thực hành sự đứng liên tục, từ chối chỗ ngồi, và nếm trải những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận vì sự cố-sức như vậy?’

17. “Sau khi điều này được nói ra, họ trả lời: ‘Này bạn, ngài Ni-kiền-tử Nātaputta (tức giáo chủ Đại Thiên) là toàn trí và nhìn thấy tất-cả và tuyên bố sự-biết và sự-thấy toàn vẹn như vầy: “Cho dù ta đang đi hay đang đứng hay đang ngủ hay đang thức, sự-biết và sự-thấy có mặt liên tục và không gián đoạn đối với ta.” Ngài ấy nói rằng: “Này những Ni-kiền-tử, các người đã làm những nghiệp ác trong quá khứ; hãy triệt chúng bằng cách thực hiện những sự hành xác đau đớn. Và nếu các người ngay trong kiếp này [tại đây và bây giờ] giới hạnh về thân, lời-nói, và tâm thì đó là sự không làm những nghiệp ác cho (nghiệp quả) sau này. Như vậy bằng cách tiêu diệt những nghiệp quá khứ bằng sự khổ hạnh và bằng cách không làm những nghiệp mới, thì sẽ không còn hệ quả (nghiệp quả) trong tương lai. Khi không còn hệ quả trong tương lai là có sự diệt

nghiệp. Khi có sự diệt nghiệp là có sự diệt khổ. Khi có sự diệt khổ là có sự diệt thọ [cảm-giác]. Khi có sự diệt thọ là tất cả mọi sự khổ đều đã triệt tiêu.” Đây là [giáo thuyết] chúng tôi đã đồng ý và chấp nhận, và chúng tôi hài lòng với nó.’

18. “Sau khi điều này được nói ra, ta đã nói với họ: ‘Nhưng, này các bạn, các bạn có biết được mình đã hiện hữu trong quá khứ hay không hiện hữu trong quá khứ, hay không?’—‘Không biết được, này bạn’—‘Nhưng,

này các bạn, các bạn có biết được mình có làm những nghiệp ác trong quá khứ và đã không kiêng cữ chúng, hay không?’—‘Không biết được, này bạn’—‘Nhưng, này các bạn, các bạn có biết được mình đã làm những nghiệp ác như vậy và như vậy trong quá khứ, hay không?’—‘Không biết được, này bạn’—‘Nhưng, này các bạn, các bạn có biết được rằng (a) đã có rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu, hay rằng (b) vẫn còn rất nhiều sự khổ cần phải triệt tiêu, hoặc (c) rằng ‘khi nào rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu thì tất cả mọi sự khổ sẽ được triệt tiêu’, hay không?’—‘Không biết được, này bạn’—‘Nhưng, này các bạn, các bạn có biết cái gì là sự dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện và cái gì là sự tu-dưỡng những trạng thái thiện lành ngay trong kiếp này, hay không?’—‘Không biết, này bạn’.

19. “‘Như vậy, này các bạn, dường như các bạn không biết được ‘mình đã hiện hữu trong quá khứ’ hay ‘không hiện hữu trong quá khứ’; cũng không biết được ‘mình có làm những nghiệp ác trong quá khứ và đã không kiêng cữ chúng’ hay không; cũng không biết được rằng (a) đã có rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu, hay rằng (b) vẫn còn rất nhiều sự khổ cần phải triệt tiêu, hoặc (c) rằng ‘khi nào rất nhiều sự khổ đã được triệt tiêu thì tất cả mọi sự khổ sẽ được triệt tiêu’; cũng không biết cái gì là sự dẹp-bỏ những trạng thái bất thiện và cái gì là sự tu-dưỡng những trạng thái thiện lành ngay trong kiếp này. Nếu đã là như vậy, thì những ai là kẻ giết người, những người làm điều ác tay nhốm máu trong thế gian (trong những kiếp trước) khi họ tái sinh trong số loài người (trong kiếp này), họ xuất gia thành những khổ sĩ Ni-kiền-tử.’210

20. “‘Này bạn Cồ-Đàm, sự hạnh-phúc (sướng, lạc) không đạt được thông qua sự hạnh-phúc; sự hạnh-phúc chỉ đạt được thông qua sự đau- khổ. Vì nếu như sự hạnh-phúc đạt được thông qua sự hạnh-phúc, thì chắc có lẽ Vua Seniya Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) đã đạt được sự hạnh-phúc rồi, vì ông ta đang sống trong sự hạnh-phúc lớn lao hơn thầy Cồ-đàm mà.’

“‘Chắc hẳn những vị Ni-kiền-tử ở đây đã thốt ra lời đó một cách vội vã và thiếu sự suy xét. Lẽ ra (quý vị) nên hỏi ta như vầy: “Ai là người sống trong sự hạnh-phúc lớn lao, Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha hay thầy Cồ-Đàm?”’“‘Này bạn Cồ-Đàm, chắc hẳn chúng tôi đã thốt ra lời đó một cách vội vã và thiếu suy xét. Nhưng cứ cho là vậy. Giờ chúng tôi hỏi thầy Cồ-Đàm: Ai là sống trong sự hạnh-phúc lớn lao, Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha hay thầy Cồ-Đàm?’

21. “‘Được rồi, này các vị, để ta hỏi lại các vị một câu hỏi. Cứ trả lời nếu các vị thấy phải. Này các vị, các vị nghĩ sao? Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha có thể sống mà không cử động thân mình hay không nói ra lời, chỉ nếm trải toàn sự hạnh-phúc suốt bảy ngày bảy đêm, hay không?’—‘Không, này bạn Cồ-Đàm’—‘Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha có thể sống mà không cử động thân mình và không nói ra lời, chỉ nếm trải toàn sự hạnh-phúc suốt sáu ngày sáu, năm, bốn, ba, hai ngày hai đêm hay không? … suốt một ngày một đêm hay không?’—‘Không, này bạn’.

22. “‘Nhưng, này các vị, ta thì có thể sống mà không cử động thân mình hay không nói ra lời suốt một ngày một đêm … suốt hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày bảy đêm.211 Này các vị, các vị nghĩ sao? Nếu là như vậy, người sống trong sự hạnh-phúc lớn lao hơn là Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha hay là ta?’ “‘Nếu là như vậy, thầy Cồ-Đàm sống trong sự hạnh-phúc lớn lao hơn Vua Seniya Bimbisāra của xứ Magadha.’” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Ông Mahānāma họ Thích-Ca đã hài lòng và vui mừng với lời kể của đức Thế Tôn.

138 • Chương 2

15. KINH SUY LUẬN (Anumāna Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống ở xứ Bhagga, ở Suṁsumāragira, trong khu rừng Bhesakalā, trong khu Vườn Nai. Ở đó thầy ấy đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo”—“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Mục- kiền-liên đã nói điều này:

2. (I) “Này các đạo hữu, cho dù một Tỳ kheo có yêu cầu như vầy: ‘Mong Thầy hãy khuyên-bảo (chỉ giáo, giáo giới, chỉ thị, khiển trách) tôi,212 tôi cần được khuyên-bảo bởi các quý thầy!’ mà nếu người đó là khó được khuyên-bảo và người đó có những phẩm-chất làm cho mình khó được khuyên-bảo, nếu người đó không kiên nhẫn (không nhẫn nhục) và không nhận lấy sự chỉ dạy (chỉ dẫn, chỉ thị) một cách đúng đắn, thì những đồng đạo trong đời sống tâm linh (đời sống tu hành, phạm hạnh) của người đó sẽ nghĩ rằng người đó không nên được khuyên-bảo hay nên được chỉ-dạy, họ nghĩ người đó là một người không nên được tin tưởng.

3. “Những phẩm-chất nào làm cho người đó khó được khuyên-bảo? (1) Ở một Tỳ kheo có những mong-muốn xấu ác và bị chi phối bởi những mong-muốn xấu ác;213 đây là một phẩm chất làm cho người đó khó được khuyên bảo. (2) Lại nữa, một Tỳ kheo tự khen-mình và chê-bai người khác; đây là một phẩm chất làm cho người đó khó được khuyên bảo. (3) Lại nữa, một Tỳ kheo là tức-giận và bị chi phối bởi sự tức-giận; đây là một phẩm chất … (4) Lại nữa, một Tỳ kheo là tức-giận và thù-hận vì sự tức-giận … (5) Lại nữa, một Tỳ kheo là tức-giận và ngang-ngạnh vì sự tức-giận …

140 • Chương 2

(6) Lại nữa, một Tỳ kheo là tức-giận và thốt ra những lời dựa trên sự tức-giận … (7) Lại nữa, một Tỳ kheo bị khiển-trách và người đó phản kháng người khiển-trách … (8) Lại nữa, một Tỳ kheo, một Tỳ kheo bị khiển-trách và người đó phỉ báng (nhục mạ) người

khiển-trách … (9) Lại nữa, một Tỳ kheo bị khiển-trách và người đó khiển trách lại người khiển-trách … (10) Lại nữa, một Tỳ kheo bị khiển-trách và người đó tránh né quanh co, nói lái qua chuyện khác, và thể hiện sự tức-giận, thù-ghét, và cay-cú … (11) Lại nữa, một Tỳ kheo bị khiển trách, và người đó không chịu giải trình hành vi của mình … (12) Lại nữa, một Tỳ kheo là khinh-thường và xấc-xược … (13) Lại nữa, một Tỳ kheo là ghen-tỵ và hám-lợi … (14) Lại nữa, một Tỳ kheo là lừa-dối và xảo-trá … (15) Lại nữa, một Tỳ kheo là ngang-ngạnh và kiêu-ngạo … (16) Lại nữa, một Tỳ kheo cố chấp những quan-điểm của mình, là người khăng khăng nắm giữ chúng, và khó từ bỏ chúng; đây là một phẩm chất làm cho người đó khó được khuyên-bảo.214 “Này các bạn, đây được gọi là những phẩm chất làm người đó khó được khuyên-bảo.

4. (II) “Này các đạo hữu, dù một Tỳ kheo không yêu cầu như vầy: ‘Mong Thầy hãy khuyên-bảo tôi, tôi cần được khuyên-bảo bởi các quý thầy!’ mà nếu người đó là dễ được khuyên-bảo và người đó có những phẩm-chất làm cho mình dễ được khuyên-bảo, nếu người đó là kiên nhẫn (nhẫn nhục) và nhận lấy sự chỉ dạy (chỉ dẫn, chỉ thị) một cách đúng đắn,

thì những đồng đạo trong đời sống tâm linh của người đó sẽ nghĩ rằng người đó nên được khuyên-bảo hay nên được chỉ-dạy, họ nghĩ người đó là một người nên được tin tưởng.

5. “Những phẩm-chất nào làm cho người đó dễ được khuyên-bảo? (1) Ở một Tỳ kheo không có những mong-muốn xấu ác và không bị chi phối bởi những mong-muốn xấu ác; đây là một phẩm chất làm cho người đó dễ được khuyên bảo. (2) Lại nữa, một Tỳ kheo không tự khen-mình và chê-bai người khác; đây là một phẩm chất làm cho người đó dễ được khuyên bảo. (3) Lại nữa, một Tỳ kheo không tức-giận và không bị chi phối bởi sự tức-giận; đây là một phẩm chất … (4) Lại nữa, một Tỳ kheo không tức-giận và không thù-hận vì sự tứcgiận … (5) Lại nữa, một Tỳ kheo không tức-giận và không ngang-ngạnh vì sự tức-giận … (6) Lại nữa, một Tỳ kheo là tức-giận và thốt ra những lời dựa trên sự tức-giận … (7) Lại nữa, một Tỳ kheo bị khiển-trách và người đó không phản kháng người khiển-trách … (8) Lại nữa, một Tỳ kheo, một Tỳ kheo bị khiển-trách và người đó không phỉ báng người khiển-trách … (9) Lại nữa, một Tỳ kheo bị khiển-trách và người đó không khiển trách lại người khiển-trách … (10) Lại nữa, một Tỳ kheo bị khiển-trách và người đó không tránh né quanh co, nói lái qua chuyện khác, và không thể hiện sự tức-giận, thùghét, và cay-cú …

(11) Lại nữa, một Tỳ kheo bị khiển trách, và người đó giải trình hành vi của mình … (12) Lại nữa, một Tỳ kheo không khinh-thường và xấc-xược … (13) Lại nữa, một Tỳ kheo không ghen-tỵ và hám-lợi … (14) Lại nữa, một Tỳ kheo không lừa-dối và xảo-trá … (15) Lại nữa, một Tỳ kheo không ngang-ngạnh và kiêu-ngạo … (16) Lại nữa, một Tỳ kheo không cố chấp những quan-điểm của mình, là người không khăng khăng nắm giữ chúng, và dễ dàng từ bỏ chúng; đây là một phẩm chất làm cho người đó dễ được

khuyên-bảo. “Này các bạn, đây được gọi là những phẩm chất làm người đó dễ được khuyên-bảo.

6. (III) “Bây giờ, này các đạo hữu, một Tỳ kheo phải suy luận về mình theo cách sau đây: 215 (1) ‘Một người ‘có những mong muốn xấu ác và bị chi phối bởi những mong-muốn xấu ác’ là khó ưa và khó chịu đối với ta. Nếu ta ‘có những mong-muốn xấu ác và bị chi phối bởi những mong-muốn xấu ác’ thì ta sẽ là khó ưa và khó chịu đối với những người khác.’ Một Tỳ kheo biết được điều này thì nên phát tâm mình như vầy: ‘Ta sẽ không có những mong- muốn xấu ác và bị chi phối bởi những mong-muốn xấu ác.’ (2–16) ‘Một người ‘tự khen-mình và chê-bai người khác’ … … ‘Một người ‘cố chấp những quan-điểm của mình, là người khăng khăng nắm giữ chúng, và khó từ bỏ chúng’ là khó ưa và khó chịu đối với ta. Nếu ta ‘cố chấp những quan-điểm của mình, là người khăng khăng nắm giữ chúng, và khó từ bỏ chúng’ thì ta sẽ là khó ưa và khó chịu đối với những người khác.’ Một Tỳ kheo biết được điều này thì nên phát tâm mình như vầy: ‘Ta sẽ không cố chấp những quan-điểm của mình, không khăng khăng nắm giữ chúng, và ta dễ dàng từ bỏ chúng.’

KINH SUY LUẬN • 143

7. “Bây giờ, này các đạo hữu, một Tỳ kheo nên xem xét về mình về mình như vầy: (1) ‘Liệu ta ‘có những mong-muốn xấu ác’ và ta ‘bị chi phối bởi những mong-muốn xấu ác’ hay không?’ Nếu, khi xem xét về mình người đó biết: ‘Ta có những mong-muốn xấu ác và ta bị chi phối bởi những mong-muốn xấu ác’, thì người đó phải cố-gắng để dẹp bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đó. Nhưng nếu, khi xem xét về mình người đó biết: ‘Ta không có những mong-muốn xấu ác và ta không bị chi phối bởi những mong-muốn xấu ác’, thì người đó có thể an trú hạnh phúc và vui lòng, tu tập ngày đêm trong những trạng thái thiện lành. (2–16) Lại nữa, một Tỳ kheo nên xem xét về mình như vầy: ‘Liệu ta có ‘tự khen-mình và chê-bai người khác’? … … ‘Liệu ta có ‘cố chấp những quan-điểm của mình, là người khăng khăng nắm giữ chúng, và khó từ bỏ chúng’ hay không?’ Nếu, khi xem xét về mình người đó biết: ‘Ta có ‘cố chấp những quan-điểm của mình, là người khăng khăng nắm giữ chúng, và khó từ bỏ chúng’, thì người đó phải cố-gắng để dẹp bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đó. Nhưng nếu, khi xem xét về mình người đó biết: ‘Ta không ‘cố chấp những quan-điểm của mình, không khăng khăng nắm giữ chúng, và ta dễ dàng từ bỏ chúng’, thì người đó an trú hạnh phúc và vui lòng, tu tập ngày đêm trong những trạng thái thiện lành.

8. “Này các đạo hữu, khi một Tỳ kheo xem xét về mình như vậy, nếu người đó nhìn thấy những trạng thái bất thiện xấu ác này chưa được trừ bỏ hết bên trong mình, thì người đó nên cố-gắng trừ bỏ hết tất cả chúng. Nhưng, khi xem xét về mình như vậy, nếu người đó nhìn thấy tất cả chúng đã được trừ bỏ bên trong mình, thì người đó sống hạnh phúc và vui lòng, tu tập ngày đêm trong những trạng thái thiện lành.216 - “Giống như khi một phụ nữ [hay đàn ông] còn trẻ, thích những đồ trang sức, khi nhìn khuôn mặt mình trong gương sáng hay trong chậu nước trong, nhìn thấy một vết nhơ hay một khuyết điểm trên mặt, thì người đó cố-gắng loại bỏ nó; nhưng nếu người đó nhìn thấy không có vết

nhơ hay khuyết điểm nào trên mặt, thì người đó hạnh phúc và vui lòng như vầy: 'Thật lợi lạc cho ta có khuôn mặt sạch sẽ'. Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo xem xét về mình như vậy … thì người đó sống hạnh phúc và vui lòng, tu tập ngày đêm trong những trạng thái thiện lành." Đó là những lời thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Đại Mục-kiền-liên.

16. KINH SỰ HOANG DẠI TRONG TÂM (Cetokhila Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. (A) "Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo nào chưa dẹp bỏ năm sự hoang-dại trong tâm và không phá bỏ năm cái-còng trong tâm sẽ đi đến sự phát triển, sự tăng trưởng, và sự hoàn thiện, và sự hoàn thiện trong Giáo Pháp và Giới Luật này—điều đó là không thể.217

3. (I) "Này các Tỳ kheo, cái gì là năm sự hoang-dại trong tâm mà người đó chưa dẹp bỏ? (i) Ở đây, một Tỳ kheo là nghi-ngờ, không chắc chắn, không nhất quyết, và không tự tin về Vị Thầy, và do vậy tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt thành, tận tâm, kiên trì và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì và chuyên-cần tu, nên đây là sự hoang-dại thứ nhất trong tâm mà người đó chưa dẹp bỏ.

4. (ii) "Lại nữa, một Tỳ kheo là nghi-ngờ, không chắc chắn, không nhất quyết, và không tự tin về Giáo Pháp218 … Vì tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành … nên đây là sự hoang-dại thứ hai trong tâm mà người đó chưa dẹp bỏ.

5. (iii) "Lại nữa, một Tỳ kheo là nghi-ngờ, không chắc chắn, không nhất quyết, và không tự tin về Tăng Đoàn … Vì tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành … nên đây là sự hoang-dại thứ ba trong tâm mà người đó chưa dẹp bỏ.

6. (iv) "Lại nữa, một Tỳ kheo là nghi-ngờ, không chắc chắn, không nhất quyết, và không tự tin về sự tu-tập (tu học) … Vì tâm người đó không ngã

về sự nhiệt thành … nên đây là sự hoang-dại thứ tư trong tâm mà người đó chưa dẹp bỏ.

7. (v) "Lại nữa, một Tỳ kheo là tức-giận và khó-chịu với những Tỳ kheo đồng đạo trong đời sống tâm linh, bực bội và cay cú đối với họ, và do vậy tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì. Vì tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì và chuyên-cần tu, nên đây là sự hoang-dại thứ năm trong tâm mà người đó chưa dẹp bỏ. "Đây là năm sự hoang-dại trong tâm mà người đó chưa dẹp bỏ.

8. (II) (i) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm cái-còng trong tâm mà người đó chưa phá bỏ? Ở đây, một Tỳ kheo không hết khỏi tham-dục, tham-muốn, luyến-ái, sự thèm-khát, sốt-não, và dục-vọng đối với những khoái-lạc giác quan (dục lạc), và do vậy tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì. Vì tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì và chuyên-cần tu, nên đây là cái-còng thứ nhất trong tâm mà người đó chưa phá bỏ.

9. (ii) “Lại nữa, một Tỳ kheo, một Tỳ kheo không hết khỏi tham-dục, tham-muốn, luyến-ái, sự thèm-khát, sốt-não, và dục-vọng đối với thân …219 Vì tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành … nên đây là cái còng thứ hai trong tâm mà người đó chưa phá bỏ.

10. (iii) “Lại nữa, một Tỳ kheo không hết khỏi tham-dục, tham-muốn, luyến-ái, sự thèm-khát, sốt-não, và dục-vọng đối với sắc … Vì tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành … nên đây là cái-còng thứ ba trong tâm mà người đó chưa phá bỏ.

11. (iv) “Lại nữa, một Tỳ kheo ăn uống cho thỏa thích cho đến khi bụng căng đầy và khoái thích ngủ, nằm dài, và ngái ngủ … Vì tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành … nên đây là cái-còng thứ tư trong tâm mà người đó chưa phá bỏ

12. (v) “Lại nữa, một Tỳ kheo sống đời sống tâm linh có khát-nguyện (đươc tái sinh) thành những thiên thần (tu tiên) như vầy: ‘Với giới-hạnh

này hay sự giữ-giới này hay sự khổ-hạnh này hay đời sống tâm linh (tu hành) này, ta sẽ trở thành một trời thần [lớn] hay thiên thần [nhỏ hơn]’, và do vậy tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì. Vì tâm người đó không ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì và chuyên-cần tu, nên đây là cái-còng thứ năm trong tâm mà người đó chưa phá bỏ. (chỉ tu tiên, không tu giải-thoát) “Đây là năm cái-còng trong tâm mà người đó chưa phá bỏ.

13. “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo nào chưa dẹp bỏ năm sự hoang-dại trong tâm và không phá bỏ năm cái-còng trong tâm sẽ đi đến sự phát triển, sự tăng trưởng, và sự hoàn thiện, và sự hoàn thiện trong Giáo Pháp và Giới Luật này—điều đó là không thể.

14. (B) “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo nào đã dẹp bỏ năm sự hoang-dại trong tâm và đã phá bỏ năm cái-còng trong tâm sẽ đi đến sự phát triển, sự tăng trưởng, và sự hoàn thiện, và sự hoàn thiện trong Giáo Pháp và Giới Luật này—điều đó là có thể.

15. (I) (i) “Này các Tỳ kheo, cái gì là năm sự hoang-dại trong tâm mà người đó đã dẹp bỏ? Ở đây, một Tỳ kheo là không còn nghi-ngờ, đã chắc chắn, nhất quyết, và tự tin về Vị Thầy, và do vậy tâm người đó ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì và chuyên-cần tu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì và chuyên-cần tu, nên đây là sự hoang-dại thứ nhất trong tâm mà người đó đã dẹp bỏ.

16. (ii) “Lại nữa, một Tỳ kheo là không còn nghi-ngờ, đã chắc chắn, nhất quyết, và tự tin về Giáo Pháp … Vì tâm người đó ngã về sự nhiệt thành … nên đây là sự hoang-dại thứ

hai trong tâm mà người đó đã dẹp bỏ.

17. (iii) “Lại nữa, một Tỳ kheo là không còn nghi-ngờ, đã chắc chắn, nhất quyết, và tự tin về Tăng Đoàn … Vì tâm người đó ngã về sự nhiệt thành … nên đây là sự hoang-dại thứ ba trong tâm mà người đó đã dẹp bỏ.

18. (iv) “Lại nữa, một Tỳ kheo là không còn nghi-ngờ, đã chắc chắn, nhất quyết, và tự tin về sự tu-tập (tu học) … Vì tâm người đó ngã về sự nhiệt thành … nên đây là sự hoang-dại thứ tư trong tâm mà người đó đã dẹp bỏ.

19. (v) “Lại nữa, một Tỳ kheo không tức-giận hay khó-chịu với những Tỳ kheo đồng đạo trong đời sống tâm linh, không hề bực bội hay cay cú gì đối với họ, và do vậy tâm người đó ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì. Vì tâm người đó ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì và chuyên-cần tu, nên đây là sự hoang-dại thứ năm trong tâm mà người đó đã dẹp bỏ. “Đây là năm sự hoang-dại trong tâm mà người đó đã dẹp bỏ.

20. (II) (i) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm cái-còng trong tâm mà người đó đã phá bỏ? Ở đây, một Tỳ kheo đã hết khỏi tham-dục, tham- muốn, luyến-ái, sự thèm-khát, sốt-não, và dục-vọng đối với những khoái- lạc giác quan (dục lạc), và do vậy tâm người đó ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì. Vì tâm người đó ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì và chuyên-cần tu, nên đây là cái-còng thứ nhất trong tâm mà người đó đã phá bỏ.

21. (ii) “Lại nữa, một Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã hết khỏi tham-dục, tham- muốn, luyến-ái, sự thèm-khát, sốt-não, và dục-vọng đối với thân … Vì tâm người đó ngã về sự nhiệt thành … nên đây là cái-còng thứ hai trong tâm mà người đó đã phá bỏ.

22. (iii) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã hết khỏi tham-dục, tham-muốn, luyến- ái, sự thèm-khát, sốt-não, và dục-vọng đối với sắc … Vì tâm người đó ngã về sự nhiệt thành … nên đây là cái-còng thứ ba trong tâm mà người đó đã phá bỏ.

23. (iv) “Lại nữa, một Tỳ kheo không ăn uống cho thỏa thích cho đến khi bụng căng đầy và không khoái thích ngủ, nằm dài, và ngái ngủ … Vì tâm người đó ngã về sự nhiệt thành … nên đây là cái-còng thứ tư trong tâm mà người đó đã phá bỏ

24. (v) “Lại nữa, một Tỳ kheo sống đời sống tâm linh không có khát- nguyện (đươc tái sinh) thành những thiên thần như vầy: ‘Với giới-hạnh này hay sự giữ-giới này hay sự khổ-hạnh này hay đời sống tâm linh (tu hành) này, ta sẽ trở thành một trời thần [lớn] hay thiên thần [nhỏ hơn]’, và do vậy tâm người đó ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì. Vì tâm người đó ngã về sự nhiệt thành, tận tâm, kiên trì và chuyên-cần tu, nên đây là cái-còng thứ năm trong tâm mà người đó đã phá bỏ. (không tu tiên, hướng tới giải-thoát) “Đây là năm cái-còng trong tâm mà người đó đã phá bỏ.

25. “Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo nào đã dẹp bỏ năm sự hoang-dại trong tâm và đã phá bỏ năm cái-còng trong tâm sẽ đi đến sự phát triển, sự tăng trưởng, và sự hoàn thiện, và sự

hoàn thiện trong Giáo Pháp và Giới Luật này—điều đó là có thể.

26. “(i) Người đó tu tập cơ-sở (tạo ra) thần thông [năng lực tâm linh] gồm có sự định-tâm có được nhờ sự mong-muốn và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu (tinh cần hành); (ii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu; (iii) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ [sự trong sạch của] tâm và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu; (iv) người đó tu tập cơ-sở thần thông gồm có sự định-tâm có được nhờ sự điều-tra tìm hiểu (trạch pháp) và sự tạo-tác cố ý của sự chuyên-cần tu. Và (v) sự nhiệt-thành là thứ năm.220

27. “Một Tỳ kheo có được mười lăm yếu-tố gồm cả sự nhiệt-thành như vậy là có khả năng đột phá, có khả năng giác ngộ, và có khả năng chứng đắc ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’.221 - “Ví dụ có một con gà với tám, mười, hay mười hai trứng nó đã che, ấp, và nuôi dưỡng đúng cách. Cho dù nó không ước: ‘Ôi, mong những con gà con của ta sẽ dùng mỏ và móng chân phá vỡ vỏ trứng và chui ra an toàn!’ thì những con gà con cũng có khả năng dùng mỏ và móng chân phá

vỡ vỏ trứng và thoát ra an toàn.222 Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo như vậy có được mười lăm yếu-tố gồm có sự nhiệt-thành như vậy là có khả năng phá-vỡ (vỏ trứng ‘vô-minh’) để thoát ra, có khả năng giác-ngộ, có khả năng đạt tới ‘sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc’.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

17. KINH RỪNG RẬM (Vanapattha Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bài thuyết giảng về rừng rậm. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

3. [1] “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo A sống trong rừng rậm.223 Khi người đó đang sống ở đó, (i) sự chánh-niệm chưa được thiết lập của người đó không được thiết lập, cái tâm chưa đạt định của người đó không đạt định, những ô-nhiễm chưa được tiêu diệt của người đó không được tiêu diệt, người đó không chứng đắc ‘sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói- buộc’ (quả A-la-hán) chưa được chứng đắc; và (ii) phần những thứ cần- thiết để sống mà người xuất gia cần có—như y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang—thì rất khó có được. Tỳ kheo đó nên suy xét như vầy: ‘Tôi đang sống trong rừng rậm này. Khi tôi đang sống ở đây sự chánh-niệm chưa được thiết lập không được thiết lập … tôi sẽ không chứng đắc ‘sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc’ chưa được chứng đắc; và phần những thứ cần-thiết để sống … thì rất khó có được.’ *Tỳ kheo

đó nên rời khỏi khu rừng ngay ngày đó hay ngay đêm đó; người đó không nên tiếp tục sống ở đó. (tu không được, điều kiện sống cũng khó)

4. [2] "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống trong rừng rậm. Khi người đó đang sống ở đó, (i) sự chánh-niệm chưa được thiết lập của người đó không được thiết lập, cái tâm chưa đạt định của người đó không đạt định, những ô-nhiễm chưa được tiêu diệt của người đó không được tiêu diệt, người đó không chứng đắc 'sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc' chưa được chứng đắc; nhưng (ii) phần những thứ cần-thiết để sống ... thì

rất dễ có được. Tỳ kheo đó nên suy xét như vầy: 'Tôi đang sống trong rừng rậm này. Khi tôi đang sống ở đây sự chánh-niệm chưa được thiết lập không được thiết lập ... tôi không chứng đắc 'sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc' chưa được chứng đắc; nhưng phần những thứ cần-thiết để sống ... thì rất dễ có được. Tuy nhiên, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành không phải để có được những thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang. Hơn nữa, khi tôi sống ở đây, sự chánh- niệm chưa được thiết lập của tôi không được thiết lập ... tôi sẽ không chứng đắc 'sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc' chưa được chứng đắc.' Sau khi suy xét như vậy, Tỳ kheo đó nên rời khỏi khu rừng ngay ngày đó hay ngay đêm đó; người đó không nên tiếp tục sống ở đó. (tu không được, dù điều kiện sống dễ)

5. [3] "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống trong rừng rậm. Khi người đó đang sống ở đó, (i) sự chánh-niệm chưa được thiết lập của người đó được thiết lập, cái tâm chưa đạt định của người đó đạt định, những ô- nhiễm chưa được tiêu diệt của người đó được tiêu diệt, người đó chứng đắc 'sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc' chưa được chứng đắc; nhưng (ii) phần những thứ cần-thiết để sống ... thì rất khó có được. Tỳ kheo đó nên suy xét như vầy: 'Tôi đang sống trong rừng rậm này. Khi tôi đang sống ở đây sự chánh-niệm chưa được thiết lập được thiết lập ... tôi chứng đắc 'sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc' chưa được chứng đắc; nhưng phần những thứ cần-thiết để sống ... thì rất khó có được. Tuy nhiên, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành không phải để có được những thứ y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang. Hơn nữa, khi tôi sống ở đây, sự chánh-niệm chưa được thiết lập của tôi được thiết lập ... tôi có thể sẽ chứng đắc 'sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc' chưa được chứng đắc.' Sau khi suy xét như vậy, Tỳ kheo đó nên ở lại khu rừng đó; người đó không nên rời khỏi đó. (tu được, dù điều kiện sống khó)

6. [4] "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống trong rừng rậm. Khi người đó đang sống ở đó, (i) sự chánh-niệm chưa được thiết lập của người đó được thiết lập, cái tâm chưa đạt định của người đó đạt định, những ô-

nhiễm chưa được tiêu diệt của người đó được tiêu diệt, người đó chứng đắc 'sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc' chưa được chứng đắc; nhưng (ii) phần những thứ cần-thiết để sống ... thì rất dễ có được. Tỳ kheo đó nên suy xét như vầy: 'Tôi đang sống trong

rừng rậm này. Khi tôi đang sống ở đây sự chánh-niệm chưa được thiết lập được thiết lập … tôi có thể sẽ chứng đắc 'sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc' chưa được chứng đắc; và phần những thứ cần-thiết để sống … thì rất dễ có được.' *Tỳ kheo đó nên ở lại khu rừng đó tới khi nào còn sống; người đó không nên rời khỏi đó. (tu được, điều kiện sống cũng dễ)

7. –10. [1] "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nương dựa vào một xóm làng …224 (tiếp tục nội dung tương tự như các nhóm mục 3-6 ở trên)

11–14. [1] "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nương dựa vào một thị trấn …
15–18. [1] "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nương dựa vào một thành phố …
19–22. [1] "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nương dựa vào một xứ sở (nước, quốc độ) …

23. [1] "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nương dựa vào một người B … [tiếp tục tương tự như mục 3 [1] ở trên] … *Tỳ kheo đó nên rời khỏi đó ngay ngày đó hay tối đó, không cần xin phép người B; người đó không nên tiếp tục theo người B.

24. [1] "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nương dựa vào một người B … [tiếp tục tương tự như mục 4 [2] ở trên] … Sau khi đã suy xét như vậy, Tỳ kheo đó nên rời khỏi đó sau khi xin phép người B;225 người đó không nên tiếp tục theo người B.

25. [1] "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nương dựa vào một người B … [tiếp tục tương tự như mục 5 [3] ở trên] … Sau khi đã suy xét

như vậy, Tỳ kheo đó nên tiếp tục theo người B; người đó không nên rời bỏ người B.

26. "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống nương dựa vào một người B … [tiếp tục tương tự như mục 6 ở trên] … *Tỳ kheo đó nên tiếp tục theo người B cho tới chừng nào còn sống; người đó không nên rời bỏ người B, ngay cả khi có bị đuổi đi." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

18. KINH HÒN MẬT ONG (Madhupiṇḍika Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân họ tộc Thích-Ca (Sakya) ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi) Nigrodha.

2. Rồi, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kapilavatthu để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Kapilavatthu, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đi đến khu Rừng Lớn để an trú qua ngày, và sau khi đi vô khu Rừng Lớn, đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ gốc cây bilva non để an trú qua ngày.

3. Rồi ông Daṇḍapāni người họ tộc Thích-Ca, khi đang đi dạo mát cũng đi vô khu Rừng Lớn, và sau khi đi vô khu Rừng lớn ông cũng đến chỗ cây bilva non chỗ đức Thế Tôn đang ngồi, và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta đứng qua một bên chống gậy, và hỏi đức Thế Tôn: "Sa-môn khẳng định

điều gì, sa-môn tuyên thuyết điều gì?”226

4. “Này anh bạn, ta khẳng định và tuyên thuyết [giáo lý của ta] theo cách để một người không tranh cãi với bất kỳ ai trong thế gian này có những thiên thần, có Ma Vương (Māra), và trời Brahmā, trong thế hệ này có những thiên thần và loài người; theo cách để những nhận-thức không còn nằm ẩn bên dưới nên “vị bà-la-môn đó” an trú tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan (dục lạc), không còn sự nghi-ngờ, dẹp bỏ lo-âu, không còn dục-vọng được (tái sinh trong) bất kỳ loại hiện-hữu nào.”227

5. Sau khi điều này được nói ra, ông Daṇḍapāni họ Thích-Ca lắc đầu, lè lưỡi, và nhướng mày cho đến khi trán ông nhăn thành ba đường.228 Rồi ông ta bỏ đi, tay chống gậy.

6. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ thiền và đi đến Tịnh Xá Nigrodha, ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và kể lại cho các Tỳ kheo chuyện đã xảy ra trước đó. Rồi một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn:

7. “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào đức Thế Tôn khẳng định và tuyên thuyết [giáo lý của mình] theo cách để một người không tranh cãi với bất kỳ ai trong thế gian này có những thiên thần, có Ma Vương (Māra), và trời Brahmā, trong thế hệ này có những thiên thần và loài người? Và, thưa Thế Tôn, theo cách nào để những nhận-thức không còn nằm ẩn bên dưới nên “vị bà-la-môn đó” sống tách-ly khỏi những khoái-lạc giác quan, không còn sự nghi-ngờ, dẹp bỏ lo-âu, không còn dục-vọng được (tái sinh trong) bất kỳ loại hiện-hữu nào?”

(Tóm lược)

8. “Này Tỳ kheo, đối với cái nguồn qua đó những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng-tâm này nọ bao vây một người: nếu không tìm thấy thứ gì để khoái thích, chào mừng và nắm giữ, thì đó là sự chấm-dứt của khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham, khuynh- hướng tiềm-ẩn tạo ra sân, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự nghi-ngờ, khuynh- hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (ngã mạn), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự vô- minh; đây là sự chấm-dứt những sự chiến đấu [sự dùng gậy gộc và vũ khí], những sự tranh cãi, ẩu đả, tranh chấp, chống đối, sự nói lời độc ác ma mãnh, và sự nói dối nói láo; ở đây những trạng thái bất thiện xấu ác này sẽ chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].”229

9. Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong bậc Phúc Lành đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở của mình.

10. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo đã suy xét: “Bây giờ, này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi

về chỗ trú ở của mình sau khi đã nói bài thuyết giảng ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết. Giờ ai sẽ giảng giải điều này một cách chi tiết?” Rồi họ suy xét: “Ngài Đại

Ca-chiên-diên (Mahā Kaccāna) được khen ngợi bởi vị Sư Thầy (Phật) và được kính trọng bởi những đồng đạo trí hiền của thầy ấy trong đời sống tâm linh.230 Thầy ấy có khả năng giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy ấy và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này."

11. Rồi các Tỳ kheo đó đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói lại chuyện đã xảy ra, và họ nói thêm: "Mong thầy Đại Ca-chiên-diên hãy giảng giải điều đó cho chúng tôi."

12. [Thầy Đại Ca-chiên-diên trả lời:] "Này các đạo hữu, cứ như có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi lại nghĩ rằng gỗ lõi nên được tìm trong phần cành và lá của một cây to (đại thụ) đang đứng có chứa gỗ lõi, sau khi bỏ qua phần gốc và thân của nó. Cũng giống như vậy, các thầy lại nghĩ rằng tôi là người nên được hỏi về ý nghĩa của điều này, sau khi các thầy bỏ qua đức Thế Tôn trong khi các thầy đang trực tiếp gặp mặt vị Sư Thầy. Về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự- thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy là sự-thấy (tầm nhìn), bậc ấy là sự-biết (trí biết), bậc ấy là Giáo Pháp, bậc ấy là bậc thiên thánh;231 bậc ấy là người thuyết, người tuyên thuyết, người làm rõ ý-nghĩa, là bậc ban cho sự Bất- tử, chúa tể của Giáo Pháp, bậc Như Lai. Đó lẽ ra là lúc các thầy đã nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa chi tiết của điều này. Rồi sau khi đức Thế Tôn nói cho các thầy, các thầy đã ghi nhớ nó được rồi."

13. "Chắc chắn đúng là như vậy, này đạo hữu Kaccāna, về sự-biết, đức Thế Tôn biết; về sự-thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy là sự-thấy … bậc Như Lai. Đó lẽ ra là lúc chúng tôi đã nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa chi tiết của điều đó. Rồi sau khi đức Thế Tôn nói cho chúng tôi, chúng tôi đã ghi nhớ nó được rồi. Nhưng vì thầy Đại Ca-chiên-diên đã được vị Sư Thầy khen ngợi và được kính trọng bởi những đồng đạo hiền trí của thầy trong

đời sống tâm linh. Thầy Đại Ca-chiên-diên là có khả năng giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Cho nên chúng tôi mới đến gặp thầy và hỏi thầy về ý nghĩa của điều đức Thế Tôn đã nói ra một cách ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa một cách chi tiết. Vậy mong thầy Đại Ca-chiên-diên hãy giảng giải nó và không coi đây là sự phiền phức."

14. "Được rồi, này các đạo hữu, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ nói."—"Dạ, đạo hữu", các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Đại Ca-chiên- diên đã nói điều này:

(Phân giải)

15. "Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở của mình sau khi đã nói bài thuyết giảng ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, như vầy: 'Này Tỳ kheo, đối với cái nguồn qua đó những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng-tâm này nọ bao vây một người: nếu không tìm thấy thứ gì để khoái thích, chào mừng và nắm giữ, thì đó là sự chấm-dứt của khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân, khuynh- hướng tiềm-ẩn tạo ra những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự

nghi-ngờ, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (ngã mạn), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự vô-minh; đây là sự chấm-dứt những sự chiến đấu … ở đây những trạng thái bất thiện xấu ác này sẽ chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]', thì tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của điều này là như sau:

16. (1) "Tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nên thức mắt khởi sinh. Sự gặp gỡ của ba thứ đó là sự tiếp-xúc. Do có mắt là điều-kiện (duyên) nên có cảm-giác. Khi một người cảm giác (thọ) thứ gì, người đó nhận thức (tưởng) nó. Khi người đó nhận thức thứ gì, người đó suy nghĩ (tầm) về nó. Khi một người nghĩ về thứ gì, người đó phóng phiếc trong tâm (phóng tâm; sự tăng phóng, sự tăng động của tâm). Do đã phóng tâm (thành) thứ gì là cái nguồn, nên có những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra]

từ sự phóng tâm bao vây một người về phương diện những hình-sắc trong quá khứ, tương lai, và hiện tại được nhận biết thông qua mắt.232 "Tùy thuộc vào tai và những âm-thanh … Tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương … Tùy thuộc vào lưỡi và những mùi-vị … Tùy thuộc vào thân và những đối-tượng chạm xúc … Tùy thuộc vào tâm và những đối-tượng của tâm, nên thức tâm khởi sinh. Sự gặp gỡ của ba thứ này là sự tiếp-xúc. Khi một người cảm giác thứ gì, người đó nhận thức nó. Khi người đó nhận thức thứ gì, người đó suy nghĩ về nó. Khi một người nghĩ về thứ gì, người đó phóng phiếc trong tâm. Do đã phóng tâm (thành) thứ gì là cái nguồn, nên có những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng tâm bao vây một người về phương diện những đối-tượng của tâm trong quá khứ, tương lai, và hiện tại được nhận biết thông qua tâm.

17. (2) "Khi có mắt, một hình-sắc, và thức mắt, thì có thể chỉ ra được sự thể hiện (sự có mặt) của sự tiếp-xúc (xúc).233 Khi có sự thể hiện của sự tiếp-xúc, thì có thể chỉ ra được sự thể hiện của cảm-giác (thọ). Khi có sự thể hiện của cảm-giác, thì có thể chỉ ra được sự thể hiện của nhận-thức (tưởng). Khi có sự thể hiện của nhận-thức thì có thể chỉ ra được sự thể hiện của sự nghĩ (tầm). Khi có sự thể hiện của sự nghĩ, thì có thể chỉ ra được sự thể hiện của sự bao vây bằng những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng phiếc của tâm. "Khi có tai, một âm-thanh, và thức tai … Khi có mũi, một mùi- hương, và thức mũi … Khi có lưỡi, một mùi vị, và thức lưỡi … Khi có thân, một đối-tượng chạm xúc, và thức thân … Khi có tâm, một đối-tượng của tâm, và thức tâm, thì có thể chỉ ra sự thể hiện của sự bao vây bằng những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng phiếc của tâm.

18. "Khi không có mắt, không có một hình-sắc, và không có thức mắt, thì không thể chỉ ra được sự thể hiện (có mặt) của sự tiếp-xúc (xúc). Khi không có sự thể hiện của sự tiếp-xúc, thì không thể chỉ ra được sự thể hiện của cảm-giác (thọ). Khi không có sự thể hiện của cảm-giác, thì không thể

chỉ ra được sự thể hiện của nhận-thức (tưởng). Khi không sự thể hiện của nhận-thức thì không thể chỉ ra được sự thể hiện của sự nghĩ (tầm). Khi không có sự thể hiện của sự nghĩ, thì không thể chỉ ra được sự thể hiện của sự bao vây bằng những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng phiếc của tâm. “Khi không có tai, không có một âm-thanh, và không có thức tai … Khi không có mũi, không có một mùi-hương, và không có thức mũi … Khi không lưỡi, không có một mùi vị, và không có thức lưỡi … Khi không có thân, không có một đối-tượng chạm xúc, và không có thức thân … Khi không có tâm, không có một đối-tượng của tâm, và không có thức tâm, thì không thể chỉ ra được sự thể hiện của sự bao vây bằng những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng phiếc của tâm.

19. “Này các đạo hữu, khi đức Thế Tôn đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ trú ở của mình sau khi đã nói bài thuyết giảng ngắn gọn mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết, như vậy: ‘Này Tỳ kheo, đối với cái nguồn qua đó những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng-tâm này nọ bao vây một người: nếu không tìm thấy thứ gì để khoái thích, chào mừng và nắm giữ, thì đó là sự chấm-dứt của khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sân, khuynh- hướng tiềm-ẩn tạo ra những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự nghi-ngờ, khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta (ngã mạn), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra tham-muốn được hiện-hữu (hữu dục), khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự vô-minh; đây là sự chấm-dứt những sự chiến đấu … ở đây những trạng thái bất thiện xấu ác này sẽ chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư]’, thì tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của điều này là như vậy. Bây giờ, này các đạo hữu, nếu các thầy muốn các thầy có thể đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi đức Thế Tôn giảng giải chi các thầy, các thầy nên ghi nhớ nó.”

20. Rồi, các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời phân giải của thầy Đại Ca-chiên-diên, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đến gặp đức Thế Tôn.

Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên và kể lại với đức Thế Tôn toàn bộ chuyện đã xảy ra từ khi đức Thế Tôn đi về chỗ trú ở, và nói thêm: “Thưa Thế Tôn, rồi chúng con đã đến gặp thầy Đại Ca-chiên- diên để hỏi về ý nghĩa của điều này. Thầy Đại Ca-chiên-diên đã phân giải giải ý nghĩa cho chúng con bằng những từ ngữ, câu chữ, và tuyên bố như vầy.”

21. “Này các Tỳ kheo, Đại Ca-chiên-diên là có trí; Đại Ca-chiên-diên có trí-tuệ lớn. Nếu các thầy có hỏi ta về ý nghĩa của điều này, thì ta cũng giảng giải cho các thầy y như cách mà Đại Ca-chiên-diên đã giảng giải nó. Ý nghĩa của điều này là vậy, và các thầy nên ghi nhớ nó như vậy.”

22. Sau khi điều này được nói ra, Ngài Ānanda đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, cứ như có một người đang bị kiệt sức vì đói và yếu gặp được một hòn mật,234 thì người đó sẽ thưởng thức được vị ngọt ngon trong từng miếng khi ăn nó; cũng giống như vậy, thưa Thế Tôn, vị Tỳ kheo nào có trí năng, mỗi khi vị đó bằng trí-tuệ soi xét ý nghĩa của

bài thuyết giảng Giáo Pháp này, thì vị đó sẽ thấy được sự thỏa mãn và sự tự-tin của tâm. Thưa Thế Tôn, tên của bài thuyết giảng Giáo Pháp này là gì?" "Này Ānanda, nếu đã vậy thì thầy ghi nhớ bài thuyết giảng Giáo Pháp này là 'Bài Kinh Hòn Mật'." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

19. KINH HAI LOẠI Ý NGHĨ (Dvedhāvitakka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. "Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta vẫn còn là một Bồ-tát chưa giác-ngộ toàn thiện, ý này đã xảy đến với ta: 'Ta thử chia những ý- nghĩ thành hai loại'.235 Rồi ta đặt những ý nghĩ tham-dục, những ý nghĩ ác-ý, những ý nghĩ hung-dữ qua một bên, và đặt những ý nghĩ từ-bỏ, những ý nghĩ không ác-ý (từ), những ý nghĩ không hung-dữ (bi) qua một bên.236

3. (I) "Khi ta an trú như vậy, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh trong ta. Ta hiểu như vầy: 'Ý nghĩ tham-dục này đã khởi sinh trong ta. Điều này dẫn tới sự khổ đau cho mình, dẫn tới sự khổ đau cho người khác, và dẫn tới sự khổ đau cho cả mình và người khác; nó cản trở trí-tuệ, gây ra những khó-khăn, và dẫn dắt sai lạc khỏi Niết-bàn.' Khi ta suy xét: 'Điều này dẫn tới sự khổ đau cho mình', thì nó lắng lặn trong ta; khi ta suy xét: 'Điều này dẫn tới sự khổ đau cho người khác', thì nó lắng lặn trong ta; khi ta suy xét: 'Điều này dẫn tới sự khổ đau cho mình và người khác', thì nó lắng lặn trong ta; khi ta suy xét: 'Điều này cản trở trí-tuệ, gây ra những khó-khăn, và dẫn dắt sai lạc khỏi Niết- bàn', thì nó lắng lặn trong ta. Mỗi khi một ý nghĩ tham-dục khởi sinh trong ta, ta dẹp bỏ nó, loại bỏ nó, xua tan nó.

4. –5. "Khi ta an trú như vậy, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh trong ta … một ý nghĩ hung-dữ đã khởi sinh trong ta. Ta hiểu như vầy: 'Ý nghĩ hung-dữ này đã khởi sinh trong ta. Điều này dẫn tới sự khổ đau cho mình, dẫn tới sự khổ đau cho người khác, và dẫn tới sự khổ đau cho cả mình và người khác; nó cản trở trí-tuệ, gây ra

những khó-khăn, và dẫn dắt sai lạc khỏi Niết-bàn.' Khi ta suy xét: 'Điều này dẫn tới sự khổ đau cho mình', thì nó lắng lặn trong ta; khi ta suy xét: 'Điều này dẫn tới sự khổ đau cho người khác', thì nó lắng lặn trong ta; khi ta suy xét: 'Điều này dẫn tới sự khổ đau cho mình và người khác', thì nó lắng lặn trong ta; khi ta suy xét: 'Điều này cản trở trí-tuệ, gây ra những khó-khăn, và dẫn dắt sai lạc khỏi Niết-bàn', thì nó lắng lặn trong ta. Mỗi khi một ý nghĩ tham-dục khởi sinh trong ta, ta dẹp bỏ nó, loại bỏ nó, xua tan nó.

6. "Này các Tỳ kheo, điều gì một Tỳ kheo thường xuyên nghĩ và suy ngẫm, nó sẽ thành khuynh-hướng của tâm của người đó. Nếu người đó thường xuyên nghĩ và suy ngẫm về

những ý nghĩ tham-dục, là người đó đã dẹp bỏ ý nghĩ từ-bỏ để tu dưỡng ý nghĩ tham-dục, và sau đó tâm người đó khuynh hướng theo những ý nghĩ tham-dục. Nếu người đó thường xuyên nghĩ và suy ngẫm về những ý nghĩ ác-ý … về những ý nghĩ hung-dữ, là người đó đã dẹp bỏ ý nghĩ không ác-ý (từ) … ý nghĩ không hung-dữ (bi) để tu dưỡng ý nghĩ hung-dữ, và sau đó tâm người đó khuynh hướng theo những ý nghĩ hung-dữ.

7. “Giống như vào tháng cuối của mùa mưa, vào mùa thu, khi mùa vụ dày đặc, một người chăn bò sẽ canh giữ những con bò bằng cách liên tục dùng roi gậy đánh chặn bên này, thúc chặn bên kia, và dùng roi gậy đó để kiểm soát và ngăn chặn những con bò (đi vô ruộng để ăn lúa, bắp …). Vì sao vậy? Vì người đó nhìn thấy mình có thể bị đánh, bị phạt tù, bị phạt tiền, hay bị mắng chửi [nếu để những con bò đi vô ruộng]. Cũng giống như vậy, ta nhìn thấy sự nguy-hại, sự tồi-tệ, và sự ô-nhiễm trong những trạng thái bất thiện, và nhìn thấy niềm hạnh-phúc của sự từ-bỏ và phương diện thanh-lọc trong những trạng thái thiện lành.

8. (II) “Khi ta an trú như vậy, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, một ý nghĩ từ-bỏ đã khởi sinh trong ta. Ta hiểu như vầy: ‘Ý nghĩ từ-bỏ này đã khởi sinh trong ta. Điều này không dẫn tới sự khổ đau cho mình, không dẫn tới sự khổ đau cho người khác, và không dẫn tới sự khổ đau cho cả

mình và người khác; nó trợ giúp trí-tuệ, không gây những khó-khăn, và dẫn dắt tới Niết-bàn.’ Nếu ta nghĩ và suy ngẫm về điều này suốt cả đêm, hay suốt cả ngày, hay thậm chí suốt cả ngày và đêm, ta không thấy có thứ gì để sợ. Nhưng với sự nghĩ và suy ngẫm quá nhiều, ta sẽ làm mệt thân mình, và khi thân mệt mỏi, tâm sẽ bị căng thẳng, và khi tâm bị căng thẳng, nó khó mà định-tâm.’ Vì vậy ta đã ổn định tâm mình, làm nó tĩnh-lặng, đưa nó đến sự nhất-điểm, và tập-trung (định) nó. Vì sao vậy? Vì để cho tâm ta không bị căng thẳng.237

9. –10. “Khi ta an trú như vậy, chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định, một ý nghĩ không ác-ý đã khởi sinh trong ta … ý nghĩ không hung-dữ đã khởi sinh trong ta. Ta hiểu như vầy: ‘Ý nghĩ không hung-dữ này đã khởi sinh trong ta. Điều này không dẫn tới sự khổ đau cho mình, không dẫn tới sự khổ đau cho người khác, và không dẫn tới sự khổ đau cho cả mình và người khác; nó trợ giúp trí-tuệ, không gây những khó-khăn, và dẫn dắt tới Niết-bàn.’ Nếu ta nghĩ và suy ngẫm về điều này suốt cả đêm, hay suốt cả ngày, hay thậm chí suốt cả ngày và đêm, ta không thấy có thứ gì để sợ. Nhưng với sự nghĩ và suy ngẫm quá nhiều, ta sẽ làm mệt thân mình, và khi thân mệt mỏi, tâm sẽ bị căng thẳng, và khi tâm bị căng thẳng, nó khó mà định-tâm.’ Vì vậy ta đã ổn định tâm mình, làm nó tĩnh-lặng, đưa nó đến sự nhất-điểm, và tập-trung (định) nó. Vì sao vậy? Vì để cho tâm ta không bị căng thẳng.

11. “Này các Tỳ kheo, điều gì một Tỳ kheo thường xuyên nghĩ và suy ngẫm, nó sẽ thành khuynh-hướng của tâm của người đó. Nếu người đó thường xuyên nghĩ và suy ngẫm về những ý nghĩ từ-bỏ, là người đó đã dẹp bỏ ý nghĩ tham-dục để tu dưỡng ý nghĩ từ-bỏ,

và sau đó tâm người đó khuynh hướng theo những ý nghĩ từ-bỏ. Nếu người đó thường xuyên nghĩ và suy ngẫm về những ý nghĩ không ác-ý (từ) … về những ý nghĩ không hung-dữ (bi), là người đó đã dẹp bỏ ý nghĩ hung-dữ để tu dưỡng ý nghĩ không ác-ý (từ) … ý nghĩ không hung-dữ (bi), và sau đó tâm người đó khuynh hướng theo những ý nghĩ không hung-dữ (bi).

12. “Giống như trong tháng cuối của mùa nóng, khi tất cả vụ mùa đã gặt hết về trong làng, một người chăn bò sẽ canh giữ những con bò khi (chỉ cần) ngồi dưới một gốc cây hay ngoài trời, vì người đó chỉ cần để-tâm (biết, nhớ) tới những con bò ở ngoài đó [chứ không cần phải đánh chặn chúng đi vô ruộng ăn lúa, bắp …]; cũng giống như vậy, ta cũng chỉ cần chú-tâm (chánh niệm) tới những trạng thái (thiện lành) ở đó.

13. “Sự nỗ-lực (tinh tấn) không mệt mỏi đã được phát khởi trong ta và sự chánh-niệm không ngừng (liền tục, không ngưng) đã được thiết lập, thân ta được tĩnh-lặng và không bị quấy-nhiễu, tâm ta đạt-định và hợp- nhất.

14. –23. “Hoàn toàn tách-ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách-ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … [tiếp tục phần còn lại y hệt từ mục 23–32 trong MN 4 ở trên]… Ta đã trực-tiếp biết: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’

24. “Đây là ‘trí-biết đích thực’ thứ ba (thấy biết những ô-nhiễm đã tận diệt) mà ta đã chứng ngộ vào canh cuối (canh năm) của đêm đó. Sự vô- minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định.

25. “Này các Tỳ kheo, ví như trong một khu rừng có một vùng đầm lầy lớn, gần đó có một bầy hươu sống. Rồi một người xuất hiện, mong muốn chúng bị tàn sát, bị hãm hại, bị giam cầm, và do đó ông ta đóng chặn đường đi an toàn và tốt lành mà bầy hươu thường đi lại một cách vui sướng, và ông ta mở đường đi sai giả, và có chỗ ông ta còn đặt con mồi và có chỗ còn đặt con bù nhìn để làm cho bầy hươu lớn càng lúc càng gặp phải tai họa, khổ nạn, và mất dần. Nhưng có một người khác xuất hiện, mong muốn đàn hươu được tốt lành, được phúc lợi, và được an toàn, và người đó mở lại đường đi an toàn và tốt lành để bầy hươu đi lại một cách

vui sướng, và người đóng bỏ con đường sai giả, và người đó loại bỏ con mồi và tiêu diệt con bù nhìn, để cho đàn hươu lớn càng lúc càng phát triển, gia tăng, và hoàn thiện.

26. “Này các Tỳ kheo, ta mới đưa ra ví dụ này để truyền tải ý nghĩa rằng: ‘Vùng đầm lầy lớn’ là dụ cho những khoái-lạc giác-quan (dục lạc). ‘Bầy hươu lớn’ là dụ cho những chúng sinh. ‘Người mong muốn chúng bị tàn sát, bị hãm hại, và bị giam cầm’ là dụ cho Ma Vương Ác Ma. ‘Đường đi sai giả’ là chỉ con-đường có tám phần sai lạc (Bát tà đạo),

gồm có: cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự tâm-niệm sai lạc, sự định-tâm sai lạc. 'Con mồi' là dụ cho sự khoái-thích và nhục-dục. 'Con bù nhìn' là dụ cho sự vô-minh. 'Người mong muốn chúng được tốt lành, được phúc lợi, và được an toàn' là chỉ Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. 'Đường đi an toàn và tốt lành để cho bầy dê đi lại một cách vui sướng' là chỉ Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo), gồm có: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn; (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh-niệm, chánh-định).

27. "Như vậy, này các Tỳ kheo, con-đường (chánh đạo) an toàn và tốt lành để (chúng sinh) bước đi một cách vui sướng đã được ta mở lại, con- đường sai giả (tà đạo) đã bị đóng lại, con mồi đã bị loại bỏ, con bù nhìn đã bị tiêu diệt."

28. "Này các Tỳ kheo, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong cho các thầy. Này các Tỳ kheo, Đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Này các Tỳ kheo, hãy thiền tập, đừng trì hoãn, nếu không sau này phải hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta cho các thầy."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

20. KINH LOẠI BỎ NHỮNG Ý NGHĨ LÀM XAO LÃNG (Vitakkasaṇṭhāna Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.238 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo theo đuổi cái tâm bậc cao, lúc này lúc khác người đó nên có sự chú-tâm tới năm dấu-hiệu.239 Năm đó là gì?

3. (1) "Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hướng sự chú- tâm (tác ý) tới dấu-hiệu nào đó, và vì do dấu-hiệu đó nên khởi sinh trong người đó những ý-nghĩ (tầm) xấu ác bất thiện kết nối với tham, sân, si, thì người đó nên hướng sự chú-tâm tới những dấu-hiệu khác kết nối với điều thiện lành.240 Khi người tu hướng sự chú-tâm tới điều thiện lành, thì mọi ý-nghĩ bất thiện xấu ác kết nối với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lặn đi. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. - "Giống như một người thợ mộc rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] dùng một cái mộng gỗ tốt đưa vào để đục bỏ, tống bỏ, và loại bỏ cái mộng gỗ hư xấu (đang nằm trong đồ gỗ). Cũng giống như vậy … khi một Tỳ kheo hướng sự chú-tâm tới dấu-hiệu khác nối kết với điều thiện lành … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định.

4. (2) “Nếu, trong khi người đó hướng sự chú-tâm tới dấu-hiệu khác nối kết với điều thiện lành, nhưng bên trong người đó vẫn khởi sinh những ý- nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì người đó nên suy xét sự nguy-hại trong những ý-nghĩ (bất thiện) đó như vầy: ‘Những ý-nghĩ này là bất thiện, đáng chê trách, gây ra khổ đau.’241 Khi người tu suy xét về sự

nguy-hại trong những ý-nghĩ bất thiện đó, thì mọi ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lặn đi. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. - “Giống như có một người nam hay nữ, trẻ, trẻ trung và thích đeo đồ trang sức; người đó sẽ thấy kinh sợ, nhục nhã, và ghê tởm nếu có một xác (thịt) chết của một con rắn hay một con chó hay một con người đang quấn quanh cổ của mình. Cũng giống như vậy … khi một Tỳ kheo suy xét sự nguy-hại trong những ý-nghĩ bất thiện đó … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định.

5. (3) “Nếu, khi người đó đang suy xét sự nguy-hại trong những ý-nghĩ (bất thiện) đó, nhưng bên trong người đó vẫn khởi sinh những ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì người đó nên cố quên những ý- nghĩ đó và không nên hướng sự chú-tâm tới chúng. Khi người tu cố gắng quên những ý-bất thiện đó và không hướng sự chú-tâm tới chúng, thì mọi ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lặn đi. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. - “Giống như một người có mắt sáng nhưng không muốn nhìn những hình-sắc trước mắt, thì người đó chỉ cần nhắm mắt lại hoặc nhìn sang chỗ khác. Cũng giống như vậy … khi một Tỳ kheo cố gắng quên đi những ý- nghĩ bất thiện đó và không hướng sự chú-tâm tới chúng … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định.

6. (4) “Nếu, trong khi người đó đang cố quên đi những ý-nghĩ bất thiện đó và không hướng sự chú-tâm tới chúng, nhưng bên trong người đó vẫn khởi sinh vẫn khởi sinh những ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì người đó nên hướng sự chú-tâm tới sự làm lắng lặng ‘sự tạo- tác ý-nghĩ’ (tầm hành) của (tạo ra) những ý-nghĩ bất thiện đó.242 Khi người tu đang hướng sự chú-tâm tới sự làm lắng lặng ‘sự tạo-tác ý-nghĩ’

của những ý-nghĩ bất thiện đó, thì mọi ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lặn đi. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. - “Giống như một người đang đi nhanh có thể suy xét: ‘Tại sao ta đang đi nhanh? Ta đi chậm thì sao?’, và người đó đi chậm lại; rồi người đó lại suy xét: ‘Tại sao ta đang đi chậm? Nếu ta đứng thì sao?’ và người đó đứng lại; rồi người đó suy xét: ‘Tại sao ta đang

đứng? Nếu ta ngồi xuống thì sao?', và người đó ngồi xuống; rồi người đó lại suy xét: 'Tại sao ta đang ngồi? Nếu ta nằm xuống thì sao?', và người đó nằm xuống. Bằng cách làm như vậy, người đó thay thế những tư thế thô tế (động vọng) bằng những tư thế vi tế (lắng lặng) hơn. Cũng giống như vậy ... khi một Tỳ kheo hướng sự chú-tâm tới sự làm lắng lặng "sự tạo-tác ý-nghĩ" của những ý-nghĩ bất thiện đó ... tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định.

7. (5) "Nếu, trong khi người đó hướng sự chú-tâm tới sự làm lắng lặng 'sự tạo-tác ý-nghĩ' (tầm hành) của những ý-nghĩ bất thiện đó, bên trong người đó vẫn khởi sinh những ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì với răng nghiến lại và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người đó nên kìm hãm, trấn áp cái tâm, lấy tâm đè bẹp tâm. Khi với răng nghiến lại và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người đó kìm hãm, trấn áp cái tâm, lấy tâm đè bẹp tâm,243 thì mọi ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lắng xuống. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. - "Giống như một người lực sĩ nắm chặt một người yếu hơn ở đầu hay vai và trấn dập, kìm hãm, đè bẹp người yếu đó. Cũng giống như vậy ... khi với răng nghiến lại và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người đó kìm hãm, trấn áp cái tâm, lấy tâm đè bẹp tâm ... tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định.

8. "Này các Tỳ kheo, (1) khi một Tỳ kheo đang hướng sự chú-tâm tới dấu-hiệu nào đó, và vì do dấu-hiệu đó nên khởi sinh bên trong người đó những ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si; rồi khi người đó hướng sự chú-tâm tới dấu-hiệu khác nối kết với điều thiện lành, thì mọi ý- nghĩ xấu ác bất thiện đó được loại bỏ, và chúng lặn đi, và bằng việc loại bỏ chúng, tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. (2) Khi người đó suy xét sự nguy-hại trong những ý-nghĩ bất thiện đó, thì ... (3) Khi người đó cố gắng quên những ý-nghĩ bất thiện đó và không hướng sự chú-tâm tới chúng, thì ... (4) Khi người đó hướng sự chú-tâm tới sự làm lắng lặng 'sự tạo-tác ý- nghĩ' (tầm hành) của các ý-nghĩ bất thiện đó, thì ... (5) Khi người đó, với răng nghiến chặt và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người đó kìm hãm, trấn áp cái tâm, lấy tâm đè bẹp tâm, thì mọi ý-nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được loại bỏ bên trong người đó, và chúng lắng xuống. Bằng việc loại bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. "Vị Tỳ kheo này được gọi là "bậc thầy điều phục những dòng ý- nghĩ". Người đó có thể nghĩ bất kỳ ý-nghĩ nào mình muốn nghĩ và sẽ không nghĩ bất kỳ ý-nghĩ nào mình không muốn nghĩ. Người đó đã cắt đứt dục-vọng, đã phá bỏ những gông-cùm, và với sự hoàn toàn thâm-nhập (xuyên phá) sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), người đó đã chấm-dứt sự khổ."244 Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn.

Chương 3. Chương "Những Ví Dụ" (Opamma-vagga)

21. KINH VÍ DỤ CÁI CƯA (Kakacūpama Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ, vào dịp đó có Ngài Moliya Phagguna đang giao lưu rất nhiều với các Tỳ kheo ni.245 Thầy ấy giao lưu rất nhiều với những Tỳ kheo ni đến nỗi hễ ai nói lời chê về những Tỳ kheo ni đó trước mặt thầy ấy, thầy ấy liền nổi giận và khó chịu và phản bác lại điều đó; và nếu có Tỳ kheo nào nói lời chê về thầy Moliya Phagguna trước mặt những Tỳ kheo ni, những Tỳ kheo ni đó liền nổi giận, khó chịu, và phản bác lại điều đó. Thầy Moliya Phagguna đang giao lưu rất nhiều với những Tỳ kheo ni.

3. Rồi một Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn chuyện đã xảy ra.

4. Rồi đức Thế Tôn mới nói với Tỳ kheo đó: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo Moliya Phagguna rằng Sư Thầy cho gọi thầy ấy”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy ấy đáp lại, và thầy ấy đi gặp thầy Moliya Phagguna và nói: “Này đạo hữu Phagguna, Sư Thầy cho gọi thầy đến gặp”—“Được, này đạo hữu”, thầy ấy đáp lại, và thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, thầy ấy ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã hỏi thầy ấy:

5. “Này Phagguna, có đúng là thầy đang giao lưu rất nhiều với những Tỳ kheo ni đến nỗi hễ ai nói lời chê về những Tỳ kheo ni đó trước mặt thầy ấy, thầy ấy liền nổi giận và khó chịu và phản bác lại điều đó; và nếu có Tỳ kheo nào nói lời chê về thầy Moliya Phagguna trước mặt những Tỳ kheo ni, những Tỳ kheo ni đó liền nổi giận, khó chịu, và phản bác lại điều đó? Có phải thầy đang giao lưu rất nhiều với những Tỳ kheo ni, như có vẻ

là vậy?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”—“Này Phagguna, bộ thầy không phải là người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành hay sao?”—“Dạ phải là vậy, thưa Thế Tôn”.

6. “Này Phagguna, điều đó không phù hợp với thầy, một người đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, mà giao lưu rất nhiều với những Tỳ kheo ni. Do vậy, giờ nếu có ai nói lời chê những Tỳ kheo ni đó trước mặt thầy, thì thầy nên dẹp bỏ mọi tham-muốn và ý-nghĩ dựa trên đời sống tại gia. Và ngay đây thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Tâm tôi sẽ không bị tác động, và tôi sẽ không thốt ra lời xấu ác; tôi sẽ an trú bi- mẫn vì phúc-lợi của người đó (người nói lời chê), với một cái tâm từ-ái, không thù-ghét trong lòng.’ Đó là cách thầy nên tu tập bản thân, này Phagguna. “Nếu có ai đánh những Tỳ kheo ni đó bằng tay, bằng đá cục, bằng gậy gộc, hay bằng dao trước mặt thầy, thì thầy nên dẹp bỏ mọi tham-muốn và ý-nghĩ dựa trên đời sống tại gia. Và ngay đây thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Tâm tôi sẽ không bị tác động …’ “Nếu có ai nói lời chê thầy trước mặt thầy, thầy nên dẹp bỏ mọi tham- muốn và ý-nghĩ dựa trên

đời sống tại gia. Và ngay đây thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Tâm tôi sẽ không bị tác động …' "Nếu có ai đánh thầy bằng tay, bằng đá cục, bằng gậy gộc, hay bằng dao trước mặt thầy, thì thầy nên dẹp bỏ mọi tham-muốn và ý-nghĩ dựa trên đời sống tại gia. Và ngay đây thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Tâm tôi sẽ không bị tác động, và tôi sẽ không thốt ra lời xấu ác; tôi sẽ an trú bi- mẫn vì phúc-lợi của người đó (người đánh), với một cái tâm từ-ái, không thù-ghét trong lòng.' Đó là cách thầy nên luyện tập, này Phagguna.

7. Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, có một lần khi những Tỳ kheo đã làm thỏa mãn tâm ta. Ở đây, ta đã nói với các Tỳ kheo như vầy: 'Này các Tỳ kheo, ta ăn một bữa ăn duy nhất (một ngày). Nhờ làm vậy, ta không bị bệnh tật và đau đớn, và ta thụ hưởng sự nhẹ nhàng, sự khỏe mạnh, và sự sống thoải mái. Vậy nên, này các Tỳ

kheo, các thầy nên ăn một bữa duy nhất. Nhờ làm vậy, các thầy không bị bệnh tật và đau đớn, và các thầy thụ hưởng sự nhẹ nhàng, sự khỏe mạnh, và sự sống thoải mái.' Và ta đã không cần phải tiếp tục chỉ thị các Tỳ kheo đó; ta chỉ cần phát khởi sự chánh-niệm bên trong họ.246 Ví dụ có một xe ngựa đang đậu trên đất bằng ở ngã tư đường, được nài những con ngựa thuần chủng, với roi thúc ngựa đã nằm sẵn, nhờ vậy một người huấn luyện ngựa tài giỏi, là người lái xe với những con ngựa sẽ được huấn luyện, sẽ nhảy lên xe, tay trái cầm dây cương, tay phải cầm roi thúc ngựa, có thể lái chiếc xe chạy đi chạy về theo bất cứ đường nào người đó muốn. Cũng giống như vậy, ta không cần phải tiếp tục chỉ thị các Tỳ kheo đó; ta chỉ cần phát khởi sự chánh-niệm bên trong họ.

8. "Vì vậy, này các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ điều gì bất thiện và dành hết mình cho (sự tu tập) những trạng thái thiện lành, vì đó là cách các thầy sẽ đi đến sự phát triển, sự tăng trưởng, và sự hoàn thiện trong Giáo Pháp và Giới Luật này. Ví dụ có một một vườn cây sāla (long thọ) lớn gần một ngôi làng hay thị trấn, và nó bị nghẹt kín bởi loài cỏ thầu dầu, và một người xuất hiện mong muốn có sự tốt đẹp, sự ích lợi, và sự bảo vệ cho khu vườn. Người đó chặt và dẹp bỏ những cành cong hút hết nhựa cây, và người đó làm sạch cỏ bên trong khu vườn và chăm sóc những cành thẳng tốt, nhờ vậy sau đó vườn cây sāla sẽ đi đến phát triển, tăng trưởng, và hoàn thiện. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ điều gì bất thiện và dành hết mình cho (sự tu tập) những trạng thái thiện lành, vì đó là cách các thầy sẽ đi đến sự phát triển, sự tăng trưởng, và sự hoàn thiện trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

9. "Trước đây, này các Tỳ kheo, cũng trong vùng Sāvatthī này có một phụ nữ tại gia tên là Vedehikā. Và tin đồn tốt lành về Phu nhân Vedehikā đã lan truyền như vầy: 'Phu nhân Vedehikā là hiền từ, Phu nhân Vedehikā là nhu mỳ, Phu nhân Vedehikā bình an'. Bấy giờ Phu nhân Vedehikā có một tỳ nữ tên là Kālī, là một người thông minh, nhanh nhẹn, và ngăn nắp trong công việc. Cô tỳ nữ Kālī nghĩ: 'Tin đồn tốt lành về Phu nhân đã lan

truyền như vầy: “Phu nhân Vedehikā là hiền từ, Phu nhân Vedehikā là nhu mỳ, Phu nhân Vedehikā bình an”. Giờ thì sao, bề ngoài phu nhân không thể hiện sự sân giận, nhưng liệu nó thực sự có mặt bên trong phu nhân hay không? Hay là chỉ vì do mọi việc mình làm đều ngăn nắp nên phu nhân không thể hiện sự sân giận mặc dù nó thực sự nó vẫn có bên trong phu nhân? Vậy ta thử kiểm chứng phu nhân.’ “Vậy là tỳ nữ Kālī (cố tình) thức dậy trễ. Rồi Phu nhân Vedehikā nói: ‘Này, Kālī!’—‘Gì vậy, thưa phu nhân?’—‘Có chuyện gì mà cô thức dậy trễ như vậy?’—‘Chẳng có chuyện gì, thưa phu nhân’—‘Chẳng có chuyện gì mà cô lại thức dậy trễ như vậy, con xấu xa kia!’ và phu nhân đã tức giận và khó chịu, và bà ta cau có. Rồi tỳ nữ Kālī nghĩ: ‘Sự thật là bề ngoài phu nhân của mình không thể hiện sự sân giận, nhưng thực sự nó có mặt bên trong cô ta, không phải không có; và bấy lâu này chỉ vì do mọi việc mình làm đều ngăn nắp nên phu nhân không thể hiện sự sân giận mặc dù nó thực sự vẫn có bên trong phu nhân, không phải không có. Vậy ta thử kiểm chứng phu nhân thêm chút nữa.’ “Vậy là tỳ nữ Kālī lại thức dậy trễ. Rồi Phu nhân Vedehikā nói: ‘Này, Kālī!’—‘Gì vậy, thưa phu nhân?’—‘Có chuyện gì mà cô thức dậy trễ như vậy?’—‘Chẳng có chuyện gì, thưa phu nhân’—‘Chẳng có chuyện gì mà cô lại thức dậy trễ nữa như vậy, con xấu xa kia!’ và phu nhân đã tức giận và khó chịu, và bà ta cau có. Rồi tỳ nữ Kālī nghĩ: ‘Sự thật là bề ngoài phu nhân của mình không thể hiện sự sân giận, nhưng thực sự nó có mặt bên trong cô ta, không phải không có; và bấy lâu này chỉ vì do mọi việc mình làm đều ngăn nắp nên phu nhân không thể hiện sự sân giận mặc dù nó thực sự vẫn có bên trong phu nhân, không phải không có. Vậy ta thử kiểm chứng phu nhân thêm chút nữa.’ “Vậy là tỳ nữ Kālī lại thức dậy trễ. Rồi Phu nhân Vedehikā nói: ‘Này, Kālī!’—‘Gì vậy, thưa phu nhân?’—‘Có chuyện gì mà cô thức dậy trễ như vậy?’—‘Chẳng có chuyện gì, thưa phu nhân’—‘Chẳng có chuyện gì mà

cô lại thức dậy trễ nữa như vậy, con xấu xa kia!’ và phu nhân đã tức giận và khó chịu, và lấy cây lăn tròn đánh vào đầu cô tỳ nữ và làm bể đầu cô ta. “Rồi cô tỳ nữ Kālī, với máu chảy từ trên đầu bị bể, đã tố cáo phu nhân với những người hàng xóm: ‘Các cô các bác, hãy coi việc phu nhân đã làm! Các cô các bác, hãy coi việc phu nhân hiền từ đã làm! Các cô các bác, hãy coi việc phu nhân nhu mỳ đã làm! Các cô các bác, hãy coi việc phu nhân bình an đã làm! Làm sao bà ta có thể tức giận và khó chịu với tỳ nữ duy nhất của bà ta khi cô ta thức dậy trễ? Làm sao bà ta có thể lấy cây lăn tròn đánh vô đầu tỳ nữ và làm bể đầu cô ta?’ Rồi sau đó tin xấu về Phu nhân Vedehikā đã lan truyền như vầy: ‘Phu nhân Vedehikā là thô bạo, Phu nhân Vedehikā là bạo lực, Phu nhân Vedehikā là ác ôn.’

10. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có Tỳ kheo bề ngoài cực kỳ hiền từ, cực kỳ nhu mỳ, cực kỳ bình an chừng nào những lời khó chịu chưa chạm tới người đó. Nhưng khi có lời khó chịu chạm tới người đó thì mới hiểu được Tỳ kheo đó có thực sự hiền từ, nhu mỳ, và bình an hay không. Ta không gọi ai là một Tỳ kheo dễ được khuyên-bảo, là người ‘dễ được khuyên-bảo và làm cho bản thân dễ được khuyên-bảo’ chỉ vì để có có

được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang. Bởi vì sao? Bởi vì Tỳ kheo đó đâu phải là 'dễ được khuyên-bảo và làm cho bản thân dễ được khuyên-bảo' khi người đó không có được y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang. Nhưng khi một Tỳ kheo là 'dễ được khuyên-bảo và làm cho bản thân dễ được khuyên-bảo' bởi vì người đó biết tôn vinh, tôn trọng, và kính trọng Giáo Pháp, người đó ta gọi là dễ được khuyên-bảo. Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ là 'dễ được khuyên-bảo và làm cho bản thân dễ được khuyên-bảo' bởi vì chúng ta biết tôn vinh, tôn trọng, và kính trọng Giáo Pháp.' Đó là cách các thầy nên tập luyện, này các Tỳ kheo.

11. "Này các Tỳ kheo, có năm đường (loại, cách) lời-nói mà những người khác có thể dùng để nói với các thầy: (i) lời-nói của họ có thể hợp lúc hay không hợp lúc, (ii) đúng hay không đúng, (iii) nhẹ nhàng hay gắt

gỏng, (iv) có kết nối với sự tốt hay với sự hại, (v) được nói với tâm-từ hay với sự thù-ghét bên trong. Khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể hợp lúc hay không hợp lúc; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể đúng hay không đúng; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể nhẹ nhàng hay gắt gỏng; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể với sự tốt hay với sự hại; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể kết nối với tâm-từ hay với sự thù-ghét. Ngay đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Tâm chúng ta sẽ không bị tác động, và chúng ta sẽ không thốt ra lời xấu ác; chúng ta sẽ an trú bi-mẫn vì phúc-lợi của người đó (người nói), với một cái tâm từ-ái, không thù-ghét trong lòng. Chúng ta sẽ sống bao trùm người đó với một cái tâm từ-ái, và bắt đầu với người đó,247 chúng ta sẽ sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự hung-dữ và không sự ác-ý.' Đó là cách các thầy nên tập luyện, này các Tỳ kheo.

12. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một người đến mang theo một cái cuốc và cái rỗ, và nói: 'Ta sẽ làm đại địa cầu này không còn đất.' Người đó đào xới chỗ này chỗ nọ, nhổ nước miếng chỗ này chỗ nọ, tiểu tiện chỗ này chỗ nọ, miệng nói: 'Cho hết là đất, cho hết là đất!'. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Làm vậy liệu người đó có làm cho đại địa cầu này không còn đất hay không?"—"Không, thưa Thế Tôn. Vì sao vậy? Bởi vì đại địa cầu này là sâu và vô lượng; không dễ gì làm cho nó không còn đất. Rốt cuộc người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi."

13. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm đường lời-nói … [giống mục 11] … Ngay đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Tâm chúng ta sẽ không bị tác động … và bắt đầu từ người đó, chúng ta sẽ an trú bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự hung-dữ và không sự ác-ý.' Đó là cách các thầy nên tập luyện, này các Tỳ kheo.

14. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có người đến mang theo nước màu đỏ đậm, màu vàng đậm (vàng nghệ), màu xanh dương đậm (chàm), hay màu đỏ tươi, và nói: 'Tôi sẽ vẽ những

bức tranh và làm cho những bức tranh xuất hiện trên không gian trống.' Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu người đó có thể vẽ những bức tranh và làm cho những bức tranh xuất hiện trên không gian trống hay không?"—"Không, thưa Thế Tôn. Vì sao? Bởi vì không gian trống là vô hình và không hiện tranh được; không dễ gì vẽ những bức tranh và làm cho những bức tranh xuất hiện trên đó. Rốt cuộc người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi."

15. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm đường lời-nói ... [giống mục 11] ... Ngay đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Tâm chúng ta sẽ không bị tác động ... và bắt đầu từ người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự hung-dữ và không sự ác-ý.' Đó là cách các thầy nên tập luyện, này các Tỳ kheo.

16. "Này các Tỳ kheo Bhikkhus, ví dụ có người đến mang theo cây đuốc rơm đang cháy nói: 'Tôi sẽ đun nóng và đốt cháy sông Hằng bằng cây đuốc đang cháy này.' Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu người đó có thể đun nóng và đốt cháy sông Hằng hay không?"—"Không, thưa Thế Tôn. Vì sao vậy? Bởi vì sông Hằng là sâu và vô lượng; không dễ gì đun nóng và đốt cháy nó bằng một cây đuốc rơm. Rốt cuộc người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi."

17. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm đường lời-nói ... [giống mục 11] ... Ngay đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Tâm chúng ta sẽ không bị tác động ... và bắt đầu từ người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự hung-dữ và không sự ác-ý.' Đó là cách các thầy nên tập luyện, này các Tỳ kheo.

18. "Này các Tỳ kheo, ví dụ có một cái bao da mèo đã được chà xát, được chà xát kỹ, được chà xát kỹ toàn bộ, mềm mại, láng mịn, hết kêu sột soạt, hết kêu rắc rắc, và một người đến với một cây gậy hay một miếng gốm bể, và nói: 'Có một cái bao da mèo đã được chà xát ... hết kêu rắc rắc. Tôi sẽ làm cho nó kêu sột soạt và rắc rắc.' Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Liệu người đó với một cây gậy hay một miếng gốm bể có thể làm cho nó kêu sột soạt hay rắc rắc hay không?"—"Không, thưa Thế Tôn. Vì sao vậy? Bởi vì cái bao da mèo đã được chà xát ... hết kêu sột soạt, hết kêu rắc rắc, không dễ gì dùng cây gậy hay miếng gốm bể đó làm cho nó kêu sột soạt hay kêu rắc rắc. Rốt cuộc người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi."

19. "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm đường lời-nói mà những người khác có thể dùng để nói với các thầy: (i) lời-nói của họ có thể hợp lúc hay không hợp lúc, (ii) đúng hay không đúng, (iii) nhẹ nhàng hay gắt gỏng, (iv) có kết nối với sự tốt hay với sự hại, (v) được nói với tâm-từ hay với sự thù-ghét bên trong. Khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể hợp lúc hay không hợp lúc; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể đúng hay không đúng; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể nhẹ nhàng hay gắt gỏng; khi những người khác nói với các thầy, lời-nói của họ có thể với sự tốt hay với sự hại; khi những người khác nói với

các thầy, lời-nói của họ có thể kết nối với tâm-từ hay với sự thù-ghét. Ngay đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Tâm chúng ta sẽ không bị tác động, và chúng ta sẽ không thốt ra lời xấu ác; chúng ta sẽ an trú bi-mẫn vì phúc-lợi của người đó (người nói), với một cái tâm từ-ái, không thù-ghét trong lòng. Chúng ta sẽ sống bao trùm người đó với một cái tâm từ-ái, và bắt đầu với người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự hung-dữ và không sự ác- ý.' Đó là cách các thầy nên tập luyện, này các Tỳ kheo.

20. "Này các Tỳ kheo, ví dụ ngay cả khi đám kẻ cướp cắt tay chân của các thầy một cách dã man bằng một cái cưa hai đầu, nếu ai có khởi lên

một tâm thù-ghét đối với họ thì coi như người đó không thực hiện lời dạy của ta. Ở đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Tâm chúng ta sẽ không bị tác động, và chúng ta sẽ không thốt ra lời xấu ác; chúng ta sẽ an trú bi-mẫn vì phúc-lợi của người đó (người nói), với một cái tâm từ- ái, không thù-ghét trong lòng. Chúng ta sẽ sống bao trùm người đó với một cái tâm từ-ái, và bắt đầu với người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm toàn thể thế gian với một cái tâm từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không sự hung-dữ và không sự ác-ý.' Đó là cách các thầy nên luyện tập, này các Tỳ kheo.

21. "Này các Tỳ kheo, nếu các thầy luôn giữ lời khuyên này với 'ví dụ cái cưa' một cách thường trực trong tâm, thì các thầy có còn thấy những lời-nói tầm thường hay thô tục nào mà các thầy không thể nhịn được hay không?"—"Dạ không, thưa Thế Tôn"—"Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên giữ lời khuyên này với 'ví dụ cái cưa' một cách thường trực trong tâm. Cách đó sẽ dẫn dắt các thầy tới ích lợi và hạnh phúc dài lâu." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

22. KINH VÍ DỤ CON RẮN (Alagaddūpama Sutta)

(Sự thiết lập)

1. Tôi nghe như vầy.248 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ, vào dịp đó có một quan-điểm độc hại đã khởi sinh trong một Tỳ kheo tên là Ariṭṭha, trước kia là một người săn giết kền kền (linh thứu) như vầy: "Theo tôi hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn rằng: những thứ được đức Thế Tôn gọi là những sự cản-trở thì không có khả năng cản trở người dính líu với chúng."249

3. Một số Tỳ kheo, sau khi nghe điều này, đã đến gặp thầy Ariṭṭha và hỏi thầy ấy: "Này đạo hữu Ariṭṭha, có đúng thiệt có quan-điểm độc hại đó đã khởi sinh trong thầy?" "Chính xác là vậy, này các đạo hữu. Theo tôi hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn rằng, những thứ được đức Thế Tôn gọi là những sự cản-trở thì không có khả năng cản trở người dính líu với chúng." Rồi các Tỳ kheo đó, mong muốn tách (gỡ) thầy ấy ra

khỏi cái quan- điểm độc hại đó, đã nhấn mạnh và vấn hỏi và hỏi chéo thầy ấy như vầy: “Đạo hữu Ariṭṭha, đừng có nói vậy. Đừng diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn; sẽ không tốt lành nếu diễn dịch sai lời đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã không nói như vậy. Vì theo nhiều cách đức Thế Tôn đã khẳng định cách những thứ cản trở là những sự cản-trở, và cách chúng có khả năng cản trở người dính líu với chúng. Đức Thế Tôn đã khẳng định rằng những khoái- lạc giác quan (dục lạc) ‘chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa’. Bằng ví dụ khúc xương không … bằng ví dụ miếng thịt … bằng ví dụ đuốc rơm … bằng ví dụ hố than đang cháy … bằng ví dụ giấc mộng … bằng ví dụ đồ đạc mượn tạm … bằng ví dụ trái cây trên cây … bằng ví dụ

cái dao và thớt của người bán thịt … bằng ví dụ cán gươm … bằng ví dụ đầu rắn, đức Thế Tôn đã khẳng định rằng những khoái-lạc giác quan ‘chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng còn nhiều hơn nữa’.”250 Nhưng dù đã được nhấn mạnh và vấn hỏi và hỏi chéo bởi các Tỳ kheo đó theo cách như vậy, Tỳ kheo Ariṭṭha, trước kia là người săn giết kền kền, vẫn cứng đầu nắm giữ cái quan-điểm độc hại đó và tiếp tục khăng khăng về điều đó.

4. Do các Tỳ kheo đó đã không thể tách thầy ấy khỏi cái quan-điểm độc hại đó, họ đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đã xảy ra, và nói thêm: “Thưa Thế Tôn, do chúng con không thể gỡ Tỳ kheo Ariṭṭha, trước kia là người săn giết kền kền, khỏi cái quan-điểm độc hại đó, nên chúng con đã thưa vấn đề này với đức Thế Tôn.”

5. Rồi đức Thế Tôn mới nói với một Tỳ kheo ở đó: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo Ariṭṭha, trước kia là người săn giết kền kền, rằng Sư Thầy cho gọi thầy ấy.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy ấy đến gặp Tỳ kheo Ariṭṭha và nói: “Này đạo hữu Ariṭṭha, Sư Thầy cho gọi thầy.” “Được, đạo hữu”, thầy ấy đáp lại, và thầy ấy đi đến chỗ đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã hỏi thầy ấy: “Này Ariṭṭha, có đúng cái quan-điểm độc hại sau đây đã khởi sinh trong thầy hay không: ‘Theo tôi hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn rằng: những thứ được đức Thế Tôn gọi là những sự cản-trở thì không có khả năng cản trở người dính líu với chúng’?” “Chính xác là vậy, thưa Thế Tôn. Theo con hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn rằng: những thứ được đức Thế Tôn gọi là những sự cản-trở thì không có khả năng cản trở người dính líu với chúng.”

6. “Này con người lầm lạc kia, từ đâu từ ai mà thầy biết ta chỉ dạy Giáo Pháp theo cách đó? Này người lầm lạc, không phải ta đã từng khẳng định theo nhiều cách rằng: những thứ cản trở là những sự cản-trở và cách chúng có khả năng cản trở người dính líu với chúng, hay sao? Ta đã khẳng định rằng: những khoái-lạc giác quan ‘chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng vẫn còn nhiều hơn nữa’. Bằng ví dụ khúc xương không … bằng ví dụ miếng thịt … bằng ví

dụ đuốc rơm … bằng ví dụ hố than đang cháy … bằng ví dụ giấc mộng … bằng ví dụ đồ đạc mượn tạm … bằng ví dụ trái cây trên cây … bằng ví dụ cái dao và thớt của người bán thịt … bằng ví dụ cán gươm … bằng ví dụ đầu rắn, ta đã khẳng định rằng những khoái-lạc giác quan ‘chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng, và rằng sự nguy-hại trong chúng vẫn còn nhiều hơn nữa’. Nhưng thầy, kẻ lầm lạc, với sự kiến chấp sai lạc của thầy, đã diễn dịch sai về chúng ta, làm tổn hại chính mình, và tích lũy nhiều thất-phước (không công đức); vì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ đau dài lâu cho thầy.”251

7. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Liệu Tỳ kheo Ariṭṭha này, trước kia là người săn giết kền kền, đã thắp lên được một tia sáng trí-tuệ nào trong Giáo Pháp và Giới Luật này hay không?” “Không, thưa Thế Tôn. Làm sao thầy ấy có thể, thưa Thế Tôn.” Sau khi điều này được nói ra, Tỳ kheo Ariṭṭha, trước kia là người săn giết kền kền, đã ngồi im lặng, và mất hết tinh thần, hai vai chùn xuống và đầu gục xuống, buồn bã và không còn đối đáp nữa. Rồi, sau khi biết điều này, đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Này người lầm lạc, thầy sẽ bị nổi tiếng [bị nhìn nhận] bởi chính cái quan-điểm độc hại của mình. Ta sẽ hỏi các Tỳ kheo khác về vấn đề này.”

8. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, các thầy có hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi ta như cách Tỳ kheo Ariṭṭha này, trước kia là người săn giết kền kền, đã hiểu, khi thầy ấy, bằng sự nắm- chấp sai lạc của mình, đã diễn dịch sai về chúng ta, làm tổn hại chính mình và tích lũy nhiều thất-phước, hay không?” “Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì theo nhiều cách đức Thế Tôn đã khẳng định rằng: những thứ cản trở là những sự cản-trở và cách chúng có khả năng cản trở người dính líu với chúng. Đức Thế Tôn đã khẳng định rằng: những khoái-lạc giác quan ‘chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng vẫn còn nhiều hơn nữa’. Bằng ví dụ khúc xương không … ví dụ đầu rắn, đức Thế Tôn đã khẳng định rằng … sự nguy-hại trong chúng vẫn còn nhiều hơn nữa’.” “Tốt, này các Tỳ kheo. Thật tốt lành rằng các thầy đã hiểu được Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy. Vì theo nhiều cách ta đã khẳng định rằng; những thứ cản trở là những sự cản-trở và cách chúng có khả năng cản trở người dính líu với chúng. Ta đã khẳng định rằng: những khoái-lạc giác quan ‘chỉ mang lại một ít sự thỏa-thích nhưng nhiều khổ đau và tuyệt vọng và rằng sự nguy-hại trong chúng vẫn còn nhiều hơn nữa’. Bằng ví dụ khúc xương không … ví dụ đầu rắn, ta đã khẳng định rằng … sự nguy-hại trong chúng vẫn còn nhiều hơn nữa’. Nhưng Tỳ kheo Ariṭṭha này, trước kia là người săn giết kền kền, bằng sự nắm-chấp sai lạc của mình thầy ấy đã diễn dịch sai về chúng ta, làm tổn hại chính mình và tích lũy nhiều thất- phước; vì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ đau dài lâu cho người lầm lạc này.

9. “Này các Tỳ kheo, một người có thể dính vào những khoái-lạc giác quan mà không có những khoái-lạc giác quan, không có những nhận-thức về những khoái-lạc giác-quan, không có những ý-nghĩ về những khoái-lạc giác quan—điều đó là không thể.252

(Ví dụ con rắn)

KINH VÍ DỤ CON RẮN • 189

10. “Ở đây, này các Tỳ kheo, một số kẻ lầm lạc học Giáo Pháp từ nhiều thể loại—kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp—nhưng sau khi đã học Giáo Pháp, họ không xem xét ý nghĩa của những giáo lý bằng trí-tuệ. Do không xem xét ý nghĩa của những giáo lý bằng trí-tuệ, họ không đạt được ‘sự chấp nhận có suy xét’ về chúng. Thay vì vậy, họ chỉ học Giáo Pháp cho có để phê bình người khác và để cãi thắng người khác, chứ họ không trải nghiệm cái sự tốt-lành mà vì lý do đó người ta đã học Giáo Pháp. Những giáo lý đó, đã bị nắm-chấp sai lạc bởi họ, sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ đau dài lâu cho họ.253 Vì sao vậy? Vì do sự nắm-chấp sai lạc của họ về những giáo lý đó. “Ví dụ một người đang cần một con rắn, đang tìm kiếm rắn, đang đi tìm rắn, đã thấy một con rắn lớn và nắm lấy khúc cong (thân) hay cái đuôi của nó. Nó sẽ quay lại và cắn vào bàn tay hay cánh tay hay chân của người đó, và do điều đó người đó bị chết hay bị đau khổ như chết. Vì sao vậy? Vì do sự nắm-lấy con rắn một cách sai lầm của người đó. Cũng giống như vậy, ở đây một số kẻ lầm lạc học Giáo Pháp từ nhiều thể loại … Vì sao vậy? Vì do sự nắm-chấp sai lạc của người đó về những giáo lý đó.

11. “Ở đây, này các Tỳ kheo, một số người họ tộc học Giáo Pháp từ nhiều thể loại—kinh văn xuôi, kinh văn xuôi có kệ, kinh giảng nghĩa, kinh thi kệ, kinh tự cảm hứng nói ra (kinh Phật tự thuyết), kinh trích dẫn, kinh bổn sinh (của Phật), kinh những chuyện tuyệt vời, và kinh vấn đáp—và sau khi đã học Giáo Pháp, họ xem xét ý nghĩa của những giáo lý bằng trí- tuệ. Do có xem xét ý nghĩa của những giáo lý bằng trí-tuệ, họ đạt được ‘sự chấp nhận có suy xét’ về chúng. Họ không học Giáo Pháp cho có để phê bình người khác và để cãi thắng người khác, mà họ trải nghiệm cái sự tốt- lành mà vì đó người ta đã học Giáo Pháp. Những giáo lý đó, đã được nắm

190 • Chương 3

giữ đúng đắn bởi họ, sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ. Vì sao vậy? Vì do sự nắm-giữ đúng đắn của họ về những giáo lý đó. “Ví dụ một người đang cần một con rắn, đang tìm kiếm rắn, đang đi tìm rắn, đã nhìn thấy một con rắn lớn và bắt giữ nó một cách đúng đắn bằng cây có đầu chỉa hai, và sau khi làm vậy, nắm chặt ngay cổ nó một cách đúng đắn. Như vậy cho dù con rắn có quấn riết quanh tay hay cánh tay hay chân người đó, người đó cũng không bị chết hay bị đau khổ như chết. Vì sao vậy? Vì do sự nắm-bắt con rắn một cách đúng đắn của người đó. Cũng giống như vậy, một số người họ tộc học Giáo Pháp từ nhiều thể loại … Vì sao vậy? Vì do sự nắm-giữ một cách đúng đắn của họ về những giáo lý đó.

12. “Bởi vậy, này các Tỳ kheo, khi các thầy hiểu được ý nghĩa của những lời khẳng-định của ta, hãy ghi nhớ chúng đúng như vậy; và khi các thầy không hiểu được ý nghĩa của những lời khẳng-định của ta, hãy hỏi lại ta hay những Tỳ kheo hiền trí khác.

(Ví dụ cái bè)

13. “Này các Tỳ kheo, ta sẽ chỉ cho các thầy cách mà Giáo Pháp giống như cái bè, có mục đích được dùng để vượt qua sông, chứ không phải để nắm giữ.254 Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, ví dụ một người đang trên đường trong chuyến đi nhìn thấy một vùng sông nước lớn, bờ bên này thì quá nguy-hiểm và đáng-sợ và bờ bên kia thì an-toàn và hết sợ-hãi, nhưng không có phà hay cầu để vượt qua bờ bên kia. Rồi người đó nghĩ: ‘Có vùng sông nước lớn này, bờ bên này thì quá nguy-hiểm và đáng-sợ và bờ bên kia thì an-toàn và hết sợ-hãi, nhưng không có phà hay cầu để vượt qua bờ bên kia. Ta thử thu thập cỏ cây cành lá và cột buộc chúng lại thành một cái bè, và nhờ có cái bè và sự nỗ-lực bằng tay và chân của mình (để chèo), ta sẽ vượt qua bờ kia một cách an toàn.’ Và người đó đã thu nhặt cỏ cây cành lá và cột buộc

chúng lại thành một cái bè, và nhờ có cái bè và sự nỗ-lực bằng tay và chân của mình, người đó đã vượt qua bờ kia một cách an toàn. Rồi, sau khi đã vượt qua đến bờ kia một cách an toàn, người đó có thể nghĩ như vầy: ‘Chiếc bè này thật hữu ích cho ta, vì nhờ có nó và sự nỗ-lực bằng tay và chân của mình, ta đã vượt qua đến bờ này một cách an toàn. Vậy ta cứ mang nó trên đầu hay vác nó trên vai, và ta đi những đâu tùy ta muốn.’ Giờ, này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Bằng cách làm vậy, người đó có đang làm điều đúng đắn với chiếc bè đó không?” “Không đúng, thưa Thế Tôn”. “Vậy làm kiểu gì là người đó đang làm điều đúng đắn với chiếc bè đó? Ở đây, này các Tỳ kheo, khi người đó đã vượt qua đến bờ bên kia, người đó có thể nghĩ như vầy: ‘Chiếc bè này thật hữu ích cho ta, vì nhờ có nó và sự nỗ-lực bằng tay và chân của mình, ta đã vượt qua đến bờ này một cách an toàn. Vậy ta kéo nó lên chỗ đất khô hoặc neo nó nổi trên mặt nước, và rồi ta đi những đâu ta muốn.’ Giờ, này các Tỳ kheo, bằng cách làm vậy, người đó có đang làm điều đúng đắn với chiếc bè đó. Vậy là ta đã chỉ cho các thầy thấy cách Giáo Pháp giống như một cái bè, có mục đích được dùng để vượt qua sông, chứ không phải để nắm giữ.

14. “Này các Tỳ kheo, khi các thầy biết Giáo Pháp là giống như một cái bè, các thầy nên dẹp bỏ ngay cả những điều là giáo lý, huống chi những điều ngược với những giáo lý.255

(Những luận-điểm tạo ra những quan-điểm)

15. “Này các Tỳ kheo, có sáu luận-điểm tạo ra những quan-điểm (kiến).256 Cái gì là sáu? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thánh nhân; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thượng nhân, (i) cứ coi sắc-thân (sắc) như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái

‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’257 (ii) Người đó coi cảm-giác (thọ) như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’. (iii) Người đó coi nhận-thức (tưởng) như vầy:

‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’. (iv) Người đó coi những sự tạo-tác cố ý (hành) như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’. (v) Người đó coi thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, thứ được cảm nhận, được nhận biết, được gặp phải, được tìm kiếm, được suy xét bằng tâm như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’.258 Và luận-điểm này tạo ra những quan-điểm, cho rằng: ‘Cái tự ngã là thế giới; sau khi chết ta vẫn là thường hằng, trường tồn, bất diệt, không bị thay đổi; ta sẽ trụ lâu như sự bất diệt vậy.’—điều này người đó cũng coi là ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’.259

16. “Này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thánh nhân; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thượng nhân, thì coi sắc-thân (sắc) như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Người đó coi cảm-giác (thọ) như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Người đó coi nhận-thức (tưởng) như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Người đó coi những sự tạo-tác cố ý (hành) như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Người đó coi thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận, được nhận biết, được gặp phải, được tìm kiếm, được suy xét bằng tâm như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Và luận-điểm này tạo ra những quan-điểm, cho rằng: ‘Cái tự ngã là thế giới; sau khi chết ta vẫn là thường hằng, trường tồn, bất diệt, không bị thay đổi; ta sẽ trụ lâu như sự bất diệt vậy.’— điều này người đó cũng coi là ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’

17. “Vì người đó coi chúng như vậy, nên người đó không bị khích-động về/vì thứ không thực có.”260

(Sự khích động)

18. Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, có thể có sự khích-động [= sự sợ-hãi và dục-vọng] về thứ không thực có (không tồn tại) ở bên ngoài, hay không?” “Có thể vậy, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn trả lời. “Ở đây, này Tỳ kheo, có người nghĩ như vầy: ‘Ôi trời, tôi đã có nó! Ôi trời, giờ tôi không còn có nó! Ôi trời, cầu cho tôi có nó! Ôi trời, tôi không có được nó!’ Rồi người đó buồn, sầu, và ai oán; người đó khóc than, đấm ngực và trở nên quẫn trí. Đây là cách có sự khích-động về thứ không thực có ở bên ngoài.”

19. “Thưa Thế Tôn, có thể không có sự khích-động về thứ không thực có ở bên ngoài, hay không?” “Có thể vậy, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn trả lời. “Ở đây, này Tỳ kheo, có người không nghĩ như vầy: ‘Ôi trời, tôi đã có nó! Ôi trời, giờ tôi không còn có nó! Ôi trời, cầu cho tôi có nó! Ôi trời, tôi không có được nó!’ Rồi người đó không buồn, sầu, và ai oán; người đó không khóc than, đấm ngực và không bị quẫn trí. Đây là cách không có

sự khích-động về thứ không thực có ở bên ngoài.”

20. “Thưa Thế Tôn, có thể có sự khích-động về thứ không thực có ở bên trong, hay không?” “Có thể vậy, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn trả lời. “Ở đây, này Tỳ kheo, có người có quan-điểm như vầy: ‘Cái tự ngã là thế giới; sau khi chết ta vẫn là thường hằng, trường tồn, bất diệt, không bị thay đổi; ta sẽ trụ lâu như sự bất diệt vậy’. Người đó nghe Như Lai hay đệ tử của Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp để loại bỏ tất cả những luận điểm này

nọ, những quyết định, những sự ám muội, những sự cố chấp, và những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên); để làm lắng lặng tất cả những sự tạo- tác cố ý (các hành); để từ bỏ tất cả những sự dính-mắc; để tiêu diệt dục- vọng; để đạt được sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Người đó nghĩ như vầy: ‘Vậy là tôi sẽ bị diệt vong! Vậy là tôi tiêu hủy! Vậy là tôi không còn nữa!’ Rồi người đó buồn, sầu, và ai oán; người đó khóc than, đấm ngực và trở nên quẫn trí. Đây là cách có sự khích-động về thứ không thực có ở bên trong.”

21. “Thưa Thế Tôn, có thể không có sự khích-động về thứ không thực có ở bên trong, hay không?” “Có thể vậy, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn trả lời. “Ở đây, này Tỳ kheo, có người không có quan-điểm như vầy: ‘Cái tự ngã là thế giới; sau khi chết ta vẫn là thường hằng, trường tồn, bất diệt, không bị thay đổi; ta sẽ trụ lâu như sự bất diệt vậy’. Người đó nghe Như Lai hay đệ tử của Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp để loại bỏ tất cả những luận điểm này nọ, những quyết định, những sự ám muội, những sự cố chấp, và những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên); để làm lắng lặng tất cả những sự tạo-tác cố ý (các hành); để từ bỏ tất cả những dính-mắc; để tiêu diệt dục-vọng; để đạt tới sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn. Người đó không nghĩ như vầy: ‘Vậy là tôi sẽ bị diệt vong! Vậy là tôi tiêu hủy! Vậy là tôi không còn nữa!’ Rồi người đó không buồn, sầu, và ai oán; người đó không khóc than, đấm ngực và không bị quẫn trí. Đây là cách không có sự khích-động về thứ không thực có ở bên trong.”

(Vô thường và vô ngã)

22. “Này các Tỳ kheo, các thầy có thể có được thứ sở-hữu là thường hằng, trường tồn, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ lâu như sự bất diệt vậy.261 Nhưng các thầy có thấy thứ sở-hữu nào như vậy không, này các Tỳ kheo?”—“Không, thưa Thế Tôn”—“Tốt, này các Tỳ kheo. Ta

cũng không thấy có thứ sở-hữu nào là thường hằng, trường tồn, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ lâu như sự bất diệt vậy.

23. “Này các Tỳ kheo, các thầy có thể dính-chấp theo thuyết hữu-ngã không làm phát sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng trong người dính-chấp theo nó.262 Nhưng các thầy có thấy thuyết hữu-ngã nào như vậy không, này các Tỳ kheo?”—“Không, thưa Thế Tôn”—“Tốt, này các Tỳ kheo. Ta cũng không thấy thuyết hữu-ngã nào không làm phát sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt

vọng trong người chấp thủ theo nó.

24. “Này các Tỳ kheo, các thầy có thể lấy quan-điểm đó là một chỗ-dựa không làm phát sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng trong người lấy nó là chỗ-dựa.263 Nhưng các thầy có thấy quan-điểm nào là một chỗ-dựa như vậy không, này các Tỳ kheo?”—“Không, thưa Thế Tôn”—“Tốt, này các Tỳ kheo. Ta cũng không thấy quan-điểm nào là một chỗ-dựa không làm phát sinh sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng trong người lấy quan-điểm đó là chỗ-dựa.

25. “Này các Tỳ kheo, nếu có một cái ‘ngã’ đối với ta thì cũng có thứ thuộc về cái ‘ngã’ phải không?”264—“Đúng vậy, thưa Thế Tôn”—“Hoặc, nếu có thứ thuộc về cái ‘ngã’ thì cũng có cái ngã đối với ta phải không?”—“Đúng vậy, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, bởi vì cái ‘ngã’ và thứ thuộc về cái ‘ngã’ không được coi là có thực hay được xác lập, nên cái ‘luận-điểm tạo ra những quan-điểm này’ cho rằng ‘Cái tự ngã là thế giới; sau khi chết ta vẫn là thường hằng, trường tồn, bất diệt, không bị thay đổi; ta sẽ trụ lâu như sự bất diệt vậy.’—có phải là một giáo lý hoàn toàn và toàn bộ ngu xuẩn hay sao?” “Đó có thể là gì khác hơn một giáo lý hoàn toàn và toàn bộ ngu xuẩn, thưa Thế Tôn?”

26. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc-thân (sắc) là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”—“Mà thứ gì vô thường

là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cảm-giác (thọ) là thường hằng hay vô thường? … nhận-thức (tưởng) là thường hằng hay vô thường? … những sự tạo-tác cố-ý (hành) là thường hằng hay vô thường? … thức (thức) là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”, —“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”.

27. “Do vậy, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần— tất cả sắc-thân nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’ “Mọi cảm-giác dù là loại gì … mọi nhận-thức dù là loại gì … mọi sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì … mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần— tất cả cảm-giác … thức nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’’.

28. “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên tỉnh-ngộ [ghê sợ; không còn mê thích] đối với sắc-thân, tỉnh-ngộ đối với cảm-giác, tỉnh-ngộ đối với nhận-thức, tỉnh- ngộ đối với những sự tạo-tác cố-ý, tỉnh-ngộ đối với thức. (tỉnh ngộ với năm uẩn)

29. “Sau khi trở nên tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát.265 Khi tâm được giải thoát thì có sự-biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời

sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’” (A-la-hán)

30. “Này các Tỳ kheo, một A-la-hán được gọi là người đã loại bỏ thanh rào-cản của mình, đã san bằng hào-cản của mình, đã bứng bỏ cột-cản của mình, là người hết dính bản-lề, là bậc thánh nhân đã hạ xuống lá-cờ (biểu ngữ, danh phận) của mình, đã đặt xuống gánh-nặng của mình, là người không còn bị gông-cùm trói buộc.

31. (i) “Và theo cách nào một A-la-hán đã loại bỏ thanh rào-cản của mình? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ vô-minh, đã cắt bỏ tận gốc nó, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người đã loại bỏ thanh rào-cản của mình.

32. (ii) “Và theo cách nào một A-la-hán đã san bằng hào-cản của mình? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ vòng luân-hồi tái-sinh, dẹp bỏ tiến-trình tái- sinh, đã cắt bỏ tận gốc nó … để không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người đã san bằng hào-cản của mình.

33. (iii) “Và theo cách nào một A-la-hán bứng bỏ cột-cản của mình? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ dục-vọng, đã cắt bỏ tận gốc nó … để không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người đã bứng bỏ cột-cản của mình.

34. (iv) “Và theo cách nào một A-la-hán là người hết dính bản-lề? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), đã cắt bỏ tận gốc nó … để không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người hết dính bản-lề.

35. (v) “Và theo cách nào một A-la-hán là bậc thánh nhân đã hạ xuống lá-cờ (biểu ngữ, danh phận) của mình, đã đặt xuống gánh-nặng của mình, là người không còn bị gông-cùm trói buộc? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ

sự tự-ta (ngã mạn), đã cắt bỏ tận gốc nó, đã làm nó thành như gốc trơ của cây cọ chết, đã xóa sổ nó để không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là bậc thánh nhân đã hạ xuống lá-cờ (biểu ngữ, danh phận) của mình, đã đặt xuống gánh-nặng của mình, là người không còn bị gông-cùm trói buộc.”

36. “Này các Tỳ kheo, khi những thiên thần (ở cõi trời) của trời Indra, ở của trời Brahmā và trời Pajāpati tìm kiếm một Tỳ kheo là người đã được giải-thoát trong tâm như vậy, họ chẳng tìm thấy [bất cứ thứ gì để họ có thể nói]: ‘Thức của một người đã đi như vậy là có chỗ này là chỗ-dựa’. Vì sao vậy? Bậc đã đi như vậy, ta nói, là không thể truy dấu được ngay tại đây và bây giờ.266

(Sự diễn dịch sai về Như Lai)

37. “Này các Tỳ kheo, khi nói như vậy, khi tuyên thuyết như vậy, mà ta đã bị diễn dịch một cách vô căn cứ, viễn vong, sai giả, và sai trái bởi một số những tu sĩ và bà-la-môn như vầy: ‘Sa-môn Cồ-đàm là người dẫn dắt lạc đường; ông ta chỉ dạy sự diệt vong, sự hủy diệt, sự kết liễu một chúng sinh hiện hữu.’267 Vì ta không là vậy, vì ta không nói vậy, vì ta không tuyên thuyết như vậy, nên (mới nói) ta đã bị diễn dịch một cách vô căn cứ, viễn vông, sai giả, và sai trái bởi những tu sĩ và bà-la-môn đó như vầy: ‘Sa-môn Cồ-đàm là người dẫn dắt lạc đường; ông ta chỉ dạy sự diệt vong, sự hủy diệt, sự kết liễu mộ chúng sinh hiện hữu.’

38. “Này các Tỳ kheo, cả trước kia và bây giờ điều ta chỉ dạy là ‘sự khổ và sự chấm-dứt khổ’.268 Nếu người khác có lạm dụng, phỉ báng, chửi rủa và chọc phá Như Lai vì điều đó, Như Lai sẽ không vì đó mà cảm thấy sự phiền phức, cay đắng, hay kháng cự trong lòng. Và nếu người khác có vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính Như Lai vì điều đó, Như Lai cũng không vì chuyện đó mà cảm thấy sự thích thú, vui vẻ, hay phấn khởi trong lòng. Nếu người khác vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính Như Lai vì điều đó, Như Lai vì chuyện đó sẽ nghĩ như vầy: ‘Họ làm như

vậy đối với ta cũng chỉ như đối với “thứ đã được hoàn-toàn hiểu trước đây” mà thôi.’269

39. “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu người khác có lạm dụng, phỉ báng, chửi rủa và chọc phá các thầy vì điều đó, các thầy không nên vì đó mà cảm thấy sự phiền phức, cay đắng, hay kháng cự trong lòng. Và nếu người khác có vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính các thầy vì điều đó, các thầy cũng không nên chuyện đó mà cảm thấy sự thích thú, vui vẻ, hay phấn khởi trong lòng. Nếu người khác vinh danh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính các thầy vì điều đó, các thầy vì chuyện đó nên nghĩ như vầy: ‘Họ làm như vậy đối với chúng ta chẳng qua là đối với “thứ đã được hoàn-toàn hiểu trước đây mà thôi.’

(Không phải ‘của-ta’)

40. “Vì vậy, này các Tỳ kheo, thứ gì không phải là ‘của-ta’ [‘của các thầy’], hãy dẹp bỏ nó; sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho các thầy. Cái gì là thứ không phải ‘của- ta’? Sắc-thân (sắc) không phải ‘của-ta’. Hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho các thầy. Cảm-giác (thọ) không phải ‘của-ta’. Hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho các thầy. Nhận-thức (tưởng) không phải ‘của-ta’. Hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho các thầy. Những sự tạo-tác cố ý (hành) không phải ‘của-ta’. Hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho các thầy. Thức (thức) không phải ‘của-ta’. Hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho các thầy.270

41. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Nếu người ta có dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong Khu Vườn Jeta (Kỳ Viên) này, hay đốt sạch chúng, hay làm bất cứ gì họ thích với chúng, các thầy có nghĩ: ‘Người ta đang dọn hết

chúng ta hay đang đốt chúng ta hay đang tùy tiện làm điều họ muốn làm đối với chúng ta, hay không’?”—“Không, thưa Thế Tôn. Vì sao? Bởi vì mấy thứ đó đâu phải là ‘bản thân’ của chúng ta hay thuộc về ‘bản thân’ của chúng ta.”—“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, thứ gì không phải là của-ta, hãy dẹp bỏ nó; sau khi dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến ích- lợi và hạnh-phúc dài lâu cho các thầy. Cái gì là thứ không phải của-ta? Sắc-thân (sắc) không phải ‘của-ta’ … Cảm-giác (thọ) không phải ‘của-ta’ … Nhận-thức (tưởng) không phải ‘của-ta’ … Những sự tạo-tác cố ý (hành) không phải ‘của-ta’ … Thức (thức) không phải ‘của-ta’. Hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh- phúc dài lâu cho các thầy.

(Trong Giáo Pháp này)

42. (i) “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng, khai mở, xác đáng, và không bị chấp vá.271 Trong Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng, khai mở, xác đáng, và không bị chấp vá, những Tỳ kheo nào là những A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô- nhiễm (lậu tận)—đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã tiêu diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, là người đã được giải-thoát hoàn toàn bằng trí-biết cuối-cùng—thì họ không còn vòng luân-hồi nào để hiện thị (trong đó).272

43. (ii) “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp này được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá, những Tỳ kheo nào đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), thì tất cả họ đều tái sinh một cách tự phát (tự động, tự nhiên) trong những cõi trời trong-sạch (tức năm cõi Tịnh cư thiên của những bậc thánh Bất-lai) và từ ở đó họ tiếp tục chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng, chứ không còn quay lại (thế gian) nữa.

44. (iii) “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp này được ta khéo

giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá, những Tỳ kheo nào đã dẹp bỏ được ba gông-cùm thấp hơn và đã làm giảm thiểu tham, sân, và si, thì tất cả họ đều là bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay lại (tái sinh) vào thế gian này một lần nữa trước khi làm nên sự diệt-khổ.

45. (iv) “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp này được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá, những Tỳ kheo nào đã dẹp bỏ được ba gông-cùm thấp hơn (nhưng chưa làm giảm thiểu tham, sân, si), thì tất cả họ đều là bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị rớt lại trong những cõi thấp xấu (súc sinh, ngạ quỷ…), đã định xong vận mệnh, với

sự giác-ngộ là đích-đến của họ.

46. (v) “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp này được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá, những Tỳ kheo nào là người tu trì Giáo-Pháp (người căn trí) hoặc là người tu trì niềm-tin (người căn tín), thì tất cả họ cũng đều lấy sự giác-ngộ là đích-đến của mình.273

47. “Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp này được ta khéo giảng bày như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá, những ai có đủ niềm-tin vào ta, có đủ lòng mến-mộ đối với ta, thì tất cả họ đều có cõi-trời là đích-đến của mình.”274 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

202 • Chương 3

23. KINH GÒ MỐI (Vammika Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó ngài Kumāra Kassapa (Cưu-ma-la Ca-diếp) đang sống trong (ở chỗ được gọi là) Khu Vườn của Người Mù.275 Rồi, khi đêm đã khuya, một thiên thần với sắc đẹp rạng rỡ chiếu sáng khắp Khu Vườn Người Mù đến gặp thầy Kumāra Kassapa và đứng sang một bên.276 Khi đang đứng như vậy, vị thiên thần đã nói với thầy ấy:

2. “Này Tỳ kheo, này Tỳ kheo, gò mối bốc khói ban đêm và bốc cháy ban ngày.277 “Bà-la-môn nói vầy: ‘Dùng dao mà đào, hỡi người trí.’ Khi dùng dao đào người trí thấy một thanh rào-cản: ‘Một thanh rào-cản, thưa ngài.’ “Bà-la-môn nói vầy: ‘Giục bỏ thanh rào-cản; dùng dao đào, hỡi người trí.’ Khi dùng dao đào, người trí thấy một con cóc: ‘Một con cóc, thưa ngài.’ “Bà-la-môn nói vầy: ‘Giục bỏ con cóc; dùng dao đào, hỡi người trí.’ Khi dùng dao đào, người trí thấy một cái nĩa. ‘Một cái nĩa, thưa ngài.’ “Bà-la-môn nói vầy: ‘Giục bỏ cái nĩa; dùng dao đào, hỡi người trí.’ Khi dùng dao đào, người trí nhìn thấy một cái sàng lọc. ‘Một cái sàng lọc, thưa ngài.’ “Bà-la-môn nói như vầy: ‘Giục bỏ cái sàng lọc; dùng dao đào, hỡi người trí.’ Khi dùng dao đào, người trí thấy một con rùa: ‘Một con rùa, thưa ngài.’ “Bà-la-môn nói như vầy: ‘Giục bỏ con rùa; dùng dao đào, hỡi người trí.’ Khi dùng dao đào, người trí thấy một cái dao và thớt của người bán thịt: ‘Một dao và thớt của người bán thịt, thưa ngài.’

204 • Chương 3

“Bà-la-môn nói như vầy: ‘Giục bỏ cái dao và thớt của người bán thịt; dùng dao đào, hỡi người trí.’ Khi dùng dao đào, người trí thấy một miếng thịt: ‘Một miếng thịt, thưa ngài.’ “Bà-la-môn nói như vầy: ‘Giục bỏ miếng thịt; dùng dao đào, hỡi người trí.’ Khi dùng dao đào, người trí thấy một con rắn lớn: ‘Một con rắn lớn (rắn Nāga), thưa ngài.’ “Bà-la-môn nói như vầy: ‘Để yên con rắn lớn; đừng làm hại con rắn lớn; hãy tôn vinh con rắn lớn.’ “Này Tỳ kheo, thầy nên đến gặp đức Thế Tôn để hỏi đức Thế Tôn về câu đố này. Khi đức Thế Tôn nói cho thầy, thầy nên ghi nhớ nó. Này Tỳ kheo, ngoài Như Lai

hay những đệ tử của Như Lai hay người đã học điều đó từ những đệ tử của Như Lai, tôi không thấy ai trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương (Māra), và những vị trời Brahmā (Phạm thiên), trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, có thể có lời giải thích làm thỏa mãn tâm trí." Đó là điều thiên thần đó đã nói, sau khi nói xong vị thiên thần biến mất ngay tại đó.

3. Rồi, khi đêm đã qua, thầy Kumāra Kassapa đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính chào, thầy ấy ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn chuyện đã xảy ra. Rồi thầy ấy hỏi: "Thưa Thế Tôn, cái gì là gò mối, cái gì là bốc khói ban đêm, cái gì là bốc cháy ban ngày? Ai là bà-la-môn đó, ai là người trí? Cái gì là cái dao, cái gì là đào, cái gì là thanh rào-cản, cái gì là con cóc, cái gì là cái nĩa, cái gì là cái sàng lọc, cái gì là con rùa, cái gì là cái dao và thớt của người bán thịt, cái gì là miếng thịt, cái gì là con rắn lớn?"

4. "Này Tỳ kheo, gò mối là một biểu tượng cho thân này, được tạo từ vật chất (thể sắc), gồm bốn yếu-tố lớn (tứ đại), được sinh thành bởi mẹ và cha, được nuôi lớn bằng cơm và cháo,278 và sẽ bị sự vô thường, sẽ bị cọ xát và hư hao, sẽ bị tan hoại và tan rã.

"Điều gì một người nghĩ và suy ngẫm ban đêm dựa trên những hành- động mình đã làm ban ngày là 'sự bốc khói ban đêm'. (nghiệp ban ngày đưa đến tầm-tứ ban đêm) "Những hành-động một người đã làm ban ngày bởi thân, lời-nói, tâm (ba nghiệp thân, miệng, ý) sau khi đã nghĩ và suy ngẫm ban đêm là 'sự bốc cháy ban ngày'. (tầm-tứ ban đêm dẫn đến nghiệp ban ngày) "Bà-la-môn là một biểu tượng cho Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Người trí là một biểu tượng cho một Tỳ kheo trong (giai đoạn) tu học bậc cao (tức học-nhân). Cái dao là một biểu tượng cho trí-tuệ thánh thiện (để cắt đứt trừ bỏ những chướng-ngại, những ô-nhiễm, vô-minh ...). Sự đào là một biểu tượng cho sự phát khởi nỗ-lực (tinh tấn). "Thanh rào-cản là một biểu tượng cho vô-minh.279 'Giục bỏ thanh rào- cả: dẹp bỏ vô-minh. Dùng dao đào (hãy nỗ-lực dùng trí-tuệ), hỡi người trí.' Đây là ý nghĩa. "Con cóc là một biểu tượng cho sự tức-giận và bực-bội. 'Giục bỏ con cóc: dẹp bỏ sự tức-giận và bực-bội. Dùng dao đào, hỡi người trí.' Đây là ý nghĩa. "Cái nĩa là một biểu tượng cho sự nghi-ngờ.280 'Giục bỏ cái nĩa: dẹp bỏ sự nghi-ngờ. Hãy dùng dao đào, hỡi người trí.' Đây là ý nghĩa. "Cái sàng lọc (cản trở vật lớn) là một biểu tượng cho năm chướng-ngại (ngũ cái), gồm có: chướng ngại là tham-dục, chướng ngại là sự ác-ý, chướng ngại là sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, chướng ngại là sự bất-an và hối-tiếc, và chướng ngại là sự nghi-ngờ. 'Giục bỏ cái sàng: dẹp bỏ năm chướng-ngại. Hãy dùng dao đào, hỡi người trí.' Đây là ý nghĩa. "Con rùa là một biểu tượng cho năm-uẩn bị [tác động bởi sự] dính- chấp (năm thủ uẩn),281 gồm có: uẩn sắc-thân bị dính-chấp (sắc uẩn), uẩn cảm-giác bị dính chấp (thọ uẩn), uẩn nhận-thức bị dính-chấp (tưởng uẩn), uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính chấp (hành uẩn), và uẩn thức bị dính

chấp (thức uẩn). 'Giục bỏ con rùa: dẹp bỏ năm-uẩn bị dính chấp. Hãy dùng dao đào, hỡi người trí.' Đây là ý nghĩa. "Cái dao và thớt của người hàng thịt là một biểu tượng cho năm dây khoái-lạc giác-quan (ngũ dục lạc)282—đó là, những hình-sắc được nhận biết

bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục; những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. 'Giục bỏ cái dao và thớt của người hàng thịt: dẹp bỏ năm dây khoái-lạc giác-quan. Hãy dùng dao đào, hỡi người trí.' Đây là ý nghĩa. "Miếng thịt là một biểu tượng cho những khoái-lạc và nhục-dục.283 'Giục bỏ miếng thịt: dẹp bỏ những khoái-lạc và nhục-dục. Hãy dùng dao đào, hỡi người trí.' Đây là ý nghĩa. "Con rắn lớn là một biểu tượng cho một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt những ô-nhiễm (A-la-hán).284 'Để yên con rắn lớn; đừng làm phương hại con rắn lớn; hãy tôn vinh con rắn lớn.' Đây là ý nghĩa." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

24. KINH NHỮNG XE NGỰA CHUYỂN TIẾP (Rathavinīta Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc.

2. Rồi có một số Tỳ kheo đến từ quê hương [của đức Thế Tôn],285 là những người mới trải qua kỳ an cư mùa Mưa (kiết hạ) ở đó, họ đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới hỏi họ: "Này các Tỳ kheo, ai ở quê hương [của ta] được kính trọng bởi những Tỳ kheo ở đó, bởi những đồng đạo của người đó trong đời sống tâm linh, theo cách như vầy: 'Tự mình có ít mong-cầu (thiểu dục), vị ấy thuyết giảng cho các Tỳ kheo về sự ít mong-cầu; tự mình biết hài-lòng (tri túc), vị ấy thuyết giảng cho các Tỳ kheo về sự biết hài-lòng; tự mình sống tách-ly (ẩn dật), người đó thuyết giảng cho các Tỳ kheo về sự sống tách-ly; tự mình cách-ly xã hội (lánh trần), người đó thu- yết giảng cho các Tỳ kheo về sự cách-ly khỏi xã hội; tự mình nỗ-lực (tinh tấn), người đó thuyết giảng cho các Tỳ kheo về sự phát khởi sự nỗ-lực; tự mình chứng đắc giới-hạnh (giới), người đó thuyết giảng cho các Tỳ kheo về sự chứng đắc giới-hạnh; tự mình chứng đắc sự định-tâm (định), người đó thuyết giảng cho các Tỳ kheo về sự chứng đắc sự định-tâm; tự mình; tự mình chứng đắc trí-tuệ (tuệ), người đó thuyết giảng cho các Tỳ kheo về sự chứng đắc trí-tuệ; tự mình chứng đắc sự giải-thoát, người đó thuyết giảng cho các Tỳ kheo về sự chứng đắc sự giải-thoát; tự mình chứng đắc trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy) của sự giải-thoát, người đó thuyết giảng cho các Tỳ kheo về sự chứng đắc trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát;286 vị đó là người khuyên dạy, chỉ báo, hướng dẫn, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ những đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh'?"

"Thưa Thế Tôn, ngài Phú-lâu-na [Puṇṇa Mantāṇiputta] được kính trọng như vậy ở quê hương [của đức Thế Tôn] bởi những Tỳ kheo ở đó, bởi những đồng đạo của thầy ấy trong đời sống tâm linh."287

3. Bấy giờ, vào lúc đó ngài Xá-lợi-phất đang ngồi gần đức Thế Tôn. Rồi ý này đã xảy đến với thầy ấy: "Thật là lợi lạc cho thầy Phú-lâu-na, thật là lợi lạc lớn lao cho thầy ấy rằng

những đồng đạo của thầy ấy trong đời sống tâm linh đã khen ngợi thầy ấy từng điểm trước mặt đức Thế Tôn. Có lẽ lúc nào đó chúng ta sẽ gặp thầy Phú-lâu-na và đàm đạo đôi chút với thầy ấy."

4. Rồi, sau khi đức Thế Tôn đã ở Rājagaha (Vương Xá) một thời gian như mình đã chọn, đức Thế Tôn lại lên đường đi từng chặng để đến Sāvat- thī. Sau khi đã đi bộ từng chặng, cuối cùng đức Thế Tôn đã đến Sāvatthī (Xá-vệ), và ở đó đức Thế Tôn sống trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

5. Thầy Phú-lâu-na đã nghe được: "Đức Thế Tôn đã đến Sāvatthī và đang ở trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Sau khi đã đi bộ từng chặng, cuối cùng thầy ấy đến Sāvatthī, và đi đến Khu Vườn Jeta, Tịnh Xá Cấp Cô Độ, để gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính chào, thầy ấy ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ thầy ấy bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp. Rồi thầy Phú-lâu-na, sau khi được đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp, đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, thầy ấy đi ra và đi đến Khu Vườn Người Mù để an trú qua ngày.

6. Rồi một Tỳ kheo đã đến gặp thầy Xá-lợi-phất và nói: "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, Tỳ kheo Phú-lâu-na mà thầy luôn đề cao vừa mới được chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bởi đức Thế Tôn bằng một bài nói chuyện; sau khi được đã chỉ dạy, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ bởi đức Thế Tôn bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp, thầy ấy đã hài

lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, thầy ấy đi ra và đi đến Khu Vườn Người Mù để an trú qua ngày."

7. Rồi thầy Xá-lợi-phất vội lấy theo tấm lót chỗ ngồi và đi theo thầy Phú-lâu-na, nhìn thấy đầu thầy ấy trong tầm mắt. Rồi thầy Phú-lâu-na đi vô Khu Vườn Người Mù và ngồi xuống dưới một gốc cây để an trú qua ngày. Thầy Xá-lợi-phất cũng đi vô Khu Vườn Người Mù và ngồi xuống dưới một gốc cây để an trú qua ngày.

8. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất đứng dậy khỏi phiên thiền, đến chỗ thầy Phú-lâu-na, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Phú-lâu-na:

9. "Này đạo hữu, có phải đời sống tâm linh được sống theo [dưới] đức Thế Tôn hay không?"—"Đúng vậy, này đạo hữu"—(i) "Nhưng, này đạo hữu, có phải tất cả vì (i) sự thanh lọc về giới-hạnh nên đời sống tâm linh được sống theo đức Thế Tôn?" (nghĩa là: có sống đời sống tâm linh theo thế tôn là chỉ để làm trong sạch đức-hạnh?)—"Không phải vậy, này đạo hữu"—"Vậy có phải tất cả vì (ii) sự thanh lọc về tâm nên đời sống tâm linh được sống theo đức Thế Tôn?"—"Không phải vậy, này đạo hữu"— "Vậy có phải tất cả vì (iii) sự thanh lọc về cách-nhìn (kiến) nên đời sống tâm linh được sống

theo đức Thế Tôn?”—“Không phải vậy, này đạo hữu”—“Vậy có phải tất cả vì (iv) sự thanh lọc bằng sự vượt qua sự nghi- ngờ nên đời sống tâm linh được sống theo đức Thế Tôn?”—“Không phải vậy, này đạo hữu”— “Vậy có phải tất cả vì (v) sự thanh lọc về cái gì là đạo và cái gì không phải là đạo bằng sự-biết và sự-thấy nên đời sống tâm linh được sống theo đức Thế Tôn?”—“Không phải vậy, này đạo hữu”— “Vậy có phải tất cả vì (vi) sự thanh lọc về sự tu-tiến bằng sự-biết và sự- thấy nên đời sống tâm linh được sống theo đức Thế Tôn?”—“Không phải vậy, này đạo hữu”—“Vậy có phải tất cả vì (vii) sự thanh lọc bằng sự-biết

và sự-thấy nên đời sống tâm linh được sống theo đức Thế Tôn?”— “Không phải vậy, này đạo hữu”.288

10. “Này đạo hữu, khi được hỏi … [từng câu hỏi (i) … (vii) ở mục 9], đạo hữu đều trả lời rằng “Không phải vậy, này đạo hữu” (chỗ này người dịch Việt giản lược mục 9). Vậy thì, này đạo hữu, tất cả vì cái gì mà đời sống tâm linh được sống theo đức Thế Tôn?” “Này đạo hữu, tất cả là vì Niết-bàn cuối cùng (bát Niết-bàn) không còn dính-chấp nên đời sống tâm linh mới được sống theo đức Thế Tôn.”289

11. “Nhưng, này đạo hữu, có phải (i) sự thanh lọc về giới-hạnh là Niết- bàn cuối cùng không còn dính-chấp?”—“Không phải vậy, này đạo hữu”— “Vậy có phải (ii) sự thanh lọc về tâm là Niết-bàn cuối cùng không còn dính-chấp?”—“Không phải vậy, này đạo hữu”—“Vậy có phải (iii) sự thanh lọc về cách-nhìn là Niết-bàn cuối cùng không còn dính-chấp?”— “Không phải vậy, này đạo hữu”—“Vậy có phải (iv) sự thanh lọc bằng sự vượt qua sự nghi-ngờ là Niết-bàn cuối cùng không còn dính-chấp?”— “Không phải vậy, này đạo hữu”—“Vậy có phải (v) sự thanh lọc về cái gì là đạo và cái gì không phải là đạo bằng sự-biết và sự-thấy là Niết-bàn cuối cùng không còn dính-chấp?”—“Không phải vậy, này đạo hữu”— “Vậy có phải (vi) sự thanh lọc về sự tu-tiến bằng sự-biết và sự-thấy là Niết-bàn cuối cùng không còn dính-chấp?”—“Không phải vậy, này đạo hữu”—“Vậy có phải (vii) sự thanh lọc bằng sự-biết và sự-thấy là Niết-bàn cuối cùng không còn dính-chấp?”—“Không phải vậy, này đạo hữu”— (viii) “Nhưng, này đạo hữu, có phải Niết-bàn không còn dính-chấp được chứng ngộ không cần có những trạng thái nói trên?’ —“Không phải vậy, này đạo hữu”.

12. “Này đạo hữu, khi được hỏi … [từng câu hỏi (i) … (viii) ở mục 11], đạo hữu đều trả lời rằng “Không phải vậy, này đạo hữu” (chỗ này người dịch Việt giản lược mục 11). Vậy thì, này đạo hữu, tất cả vì cái gì mà đời sống tâm linh được sống theo đức Thế Tôn?”

13. “Này đạo hữu, nếu đức Thế Tôn đã mô tả (i) sự thanh lọc về giới- hạnh là Niết-bàn không còn dính-chấp, thì coi như đức Thế Tôn đã mô tả thứ còn dính sự dính-chấp là Niết-bàn không còn dính-chấp. Nếu đức Thế Tôn đã mô tả (ii) sự thanh lọc về tâm … (iii) sự thanh lọc về cách-nhìn … (iv) sự thanh lọc bằng sự vượt qua sự nghi-ngờ … (v) sự thanh lọc về cái gì là đạo và cái gì không phải là đạo bằng sự-biết và sự-thấy … (vi)

sự thanh lọc về sự tu-tiến bằng sự-biết và sự-thấy … (vii) sự thanh lọc bằng sự-biết và sự-thấy là Niết-bàn cuối cùng không còn dính-chấp, thì coi như đức Thế Tôn đã mô tả thứ còn dính sự dính-chấp là Niết-bàn không còn dính-chấp.290 Và (viii) nếu Niết-bàn cuối cùng không còn dính-chấp được chứng ngộ không cần có những trạng thái nói trên, thì coi như một người phàm thường cũng chứng ngộ được Niết-bàn cuối cùng, vì những người phàm thường thì đâu có những (07) trạng thái (thanh lọc) nói trên (vì họ đâu có tu).

14. “Để nói về nghĩa đó, này đạo hữu, tôi sẽ nói cho thầy một ví dụ, bởi những người trí hiểu được ý nghĩa của một điều khẳng định qua phương tiện ví dụ. Ví dụ như Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Kiều-tất- la) khi đang sống ở Sāvatthī thì có mấy việc khẩn cấp cần giải quyết ở Sāketa, và từ Sāvatthī đến Sāketa đã có bảy (07) xe ngựa tiếp vận (chuyển tiếp, tiếp sức) sẵn sàng đợi nhà vua. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala, sau khi rời khỏi hoàng cung, đã bước lên chiếc xe ngựa tiếp vận thứ nhất, và bằng xe ngựa tiếp vận thứ nhất, nhà vua đã đến chỗ xe ngựa tiếp vận thứ hai; rồi nhà vua bước xuống khỏi xe thứ nhất và bước lên xe thứ hai, và bằng xe tiếp vận thứ hai, nhà vua đến được chỗ xe tiếp vận thứ ba … và bằng xe tiếp vận thứ ba, nhà vua đến được chỗ xe tiếp vận thứ tư … và bằng xe tiếp vận thứ tư, nhà vua đến được chỗ xe tiếp vận thứ năm … và bằng xe tiếp vận thứ năm, nhà vua đến được chỗ xe tiếp vận thứ sáu … và bằng xe tiếp vận thứ sáu, nhà vua đến được chỗ xe tiếp vận thứ bảy, và bằng xe tiếp vận thứ bảy, nhà vua đã đến được tới cửa hoàng cung ở Sāketa. Rồi, sau khi nhà vua đã tới cửa hoàng cung, những thân hữu và

người quen biết, những người thân quyến và họ hàng, sẽ hỏi nhà vua: ‘Thưa đức vua, có phải đức vua đã từ Sāvatthī đến cửa hoàng cung ở Sāketa bằng phương tiện là chiếc xe tiếp vận này?’ Vậy Vua Pasenadi của xứ Kosala sẽ trả lời sẽ trả lời ra sao cho đúng?” “Để trả lời cho đúng, này đạo hữu, ta nên trả lời như vầy: ‘Ở đây, khi đang ở Sāvatthī thì ta có mấy việc khẩn cấp cần giải quyết ở Sāketa, và từ Sāvatthī đến Sāketa đã có bảy (07) xe ngựa tiếp vận sẵn sàng đợi ta. Rồi, sau khi rời khỏi hoàng cung, ta đã bước lên chiếc xe ngựa tiếp vận thứ nhất, và bằng xe ngựa tiếp vận thứ nhất, ta đã đến chỗ xe ngựa tiếp vận thứ hai; rồi ta bước xuống khỏi xe thứ nhất và bước lên xe thứ hai, và bằng xe tiếp vận thứ hai, ta đến được chỗ xe tiếp vận thứ ba … thứ tư … thứ năm … thứ sáu … thứ bảy, và bằng xe tiếp vận thứ bảy, ta đã đến được tới cửa hoàng cung ở Sāketa.’ Để trả lời cho đúng, nhà vua nên trả lời như vậy.”

15. “Cũng giống như vậy, này đạo hữu, (i) sự thanh lọc về giới-hạnh là vì mục đích để có sự thanh lọc về tâm, (ii) sự thanh lọc về tâm vì mục đích để có sự thanh lọc về cách-nhìn, (iii) sự thanh lọc về cách-nhìn là vì mục đích để có sự thanh lọc bằng sự vượt qua sự nghi-ngờ, (iv) sự thanh lọc bằng sự vượt qua sự nghi-ngờ là vì mục đích để có sự thanh lọc về cái gì là đạo và cái gì không phải là đạo bằng sự-biết và sự-thấy, (v) sự thanh lọc về cái gì là đạo và cái gì không phải là đạo bằng sự-biết và sự-thấy là vì mục đích để có sự thanh lọc về sự tu-tiến bằng sự-biết và sự-thấy, (vi) sự thanh lọc về sự tu-tiến bằng sự-biết và sự-thấy là vì mục đích để có sự thanh lọc bằng sự-biết và

sự-thấy, (vii) sự thanh lọc bằng sự-biết và sự- thấy là vì mục đích để chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng không còn dính- chấp, nên đời sống tâm linh được sống theo đức Thế Tôn."

16. Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất mới hỏi thầy Phú- lâu-na Phú-lâu-na: "Tên của quý thầy là gì, và theo cách nào những đồng đạo của thầy trong đời sống tâm linh biết về quý thầy?"291

"Tên tôi là Phú-lâu-na [Puṇṇa], này đạo hữu, và những đồng đạo của tôi trong đời sống tâm linh biết đến tôi là (họ) Mantāṇiputta." "Thật kỳ diệu, này đạo hữu Phú-lâu-na, thật tuyệt vời! Mỗi câu hỏi sâu sắc đều đã được trả lời, theo từng luận điểm, bởi thầy Phú-lâu-na là một đệ tử đầy học-hiểu là người hiểu được Giáo Pháp của Vị Thầy một cách chánh đúng. Thật là lợi lạc cho những người đồng đạo của thầy trong đời sống tâm linh, thật là lợi lạc lớn lao cho họ rằng họ đã có cơ hội gặp gỡ và tôn vinh thầy Phú-lâu-na. Cho dù có cõng thầy Phú-lâu-na trên gối đặt trên đầu đi quanh để những người đồng đạo của thầy ấy trong đời sống tâm linh có được cơ hội gặp gỡ và tôn vinh thầy ấy, thì đó cũng là một lợi lạc cho họ, một lợi lạc lớn lao cho họ. Và đó là một lợi lạc cho chúng tôi, một lợi lạc lớn lao cho chúng tôi rằng ở đây chúng tôi đã có cơ hội gặp gỡ và tôn vinh thầy Phú-lâu-na."

17. Sau khi điều này được nói ra, thầy Phú-lâu-na đã hỏi thầy Xá-lợi- phất: "Tên của quý thầy là gì, và theo cách nào những đồng đạo của thầy trong đời sống tâm linh biết về quý thầy?" "Tên tôi là Upatissa, này đạo hữu, và những đồng đạo của tôi trong đời sống tâm linh biết đến tôi là (họ) Xá-lợi-phất [Sāriputta]." "Thiệt tình, này đạo hữu, nảy giờ chúng tôi không biết mình đang nói chuyện với thầy Xá-lợi-phất, một vị đệ tử tự mình cũng như Vị Thầy.292 Nếu chúng tôi biết trước đây là thầy Xá-lợi-phất, chúng tôi đã không nói nhiều như vậy. Thật kỳ diệu, này đạo hữu, thật tuyệt vời! Mỗi câu hỏi sâu sắc đều đã được trả lời, theo từng luận điểm, bởi thầy Xá-lợi-phất là một đệ tử đầy học-hiểu là người hiểu được Giáo Pháp của Vị Thầy một cách chánh đúng. Thật là lợi lạc cho những đồng đạo của thầy trong đời sống tâm linh, thật là lợi lạc lớn lao cho họ rằng họ đã có cơ hội gặp gỡ và tôn vinh thầy Xá-lợi-phất. Cho dù có cõng thầy Xá-lợi-phất trên gối đặt trên đầu đi quanh để những người đồng đạo của thầy ấy trong đời sống tâm linh có được cơ hội gặp gỡ và tôn vinh thầy ấy, thì đó cũng là một lợi lạc

cho họ, một lợi lạc lớn lao cho họ. Và đó là một lợi lạc cho chúng tôi, một lợi lạc lớn lao cho chúng tôi rằng ở đây chúng tôi đã có cơ hội gặp gỡ và tôn vinh thầy Xá-lợi-phất." Như vậy hai bậc đại chúng sinh này mỗi người đều hoan-hỷ với lời nói của người kia.

25. KINH BẪY MỒI (Nivāpa Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều

này:

2. “Này các Tỳ kheo, một người bẫy nai không đặt bẫy mồi cho đàn nai với ý như vầy: ‘Mong đàn nai thưởng thức miếng mồi mà ta đã đặt và sẽ được sống lâu và đẹp đẽ và bền bỉ dài lâu.’ Một người bẫy nai đặt bẫy mồi cho đàn nai với ý như vầy: ‘Đàn nai sẽ ăn mồi một cách bất cẩn bằng cách đi thẳng vô chỗ bẫy mồi mà ta đã đặt; khi ăn vậy chúng trở nên say sưa; khi chúng say sưa, chúng rớt vào sự lơ là; sau khi chúng bị lơ là, ta có thể làm gì chúng theo ý ta, nhờ bẫy mồi này.’

3. (1) “Rồi đàn nai thứ nhất đã ăn mồi một cách bất cẩn bằng cách đi thẳng vô chỗ bẫy mồi mà người bẫy nai đã đặt; khi ăn vậy chúng trở nên say sưa; khi chúng say sưa, chúng rớt vào sự lơ là; sau khi chúng bị lơ là, ông ta có thể làm gì chúng theo ý ông ta, nhờ bẫy mồi đó. Đó là cách đàn nai thứ nhất không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của người bẫy nai.

4. (2) “Giờ đàn nai thứ hai suy tính như vầy: (i) ‘Đàn nai thứ nhất, do ăn như vậy một cách không cẩn trọng, nên đã không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của người bẫy nai. Vậy thì chúng ta tránh xa miếng mồi đó; tránh xa sự thưởng thức đáng sợ đó, chúng ta hãy đi vô rừng sâu để sống trong đó.’ Và chúng đã làm vậy. (2’) “Nhưng trong tháng cuối cùng của mùa nóng khi cỏ và nước đã hết sạch, thân thể chúng bị ốm đi tới mức cực kỳ tiều tụy; do đó chúng mất hết sức mạnh và năng lượng; khi chúng đã mất hết sức mạnh và năng lượng, chúng đã quay lại chỗ bẫy mồi mà người bẫy nai đã đặt. Chúng ăn mồi một cách bất cẩn bằng cách đi thẳng vô chỗ bẫy mồi mà người bẫy

nai đã đặt; khi ăn vậy chúng trở nên say sưa; khi chúng say sưa, chúng rớt vào sự lơ là; sau khi chúng bị lơ là, ông ta có thể làm gì chúng theo ý ông ta, nhờ bẫy mồi đó. Đó là cách đàn nai thứ hai không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của người bẫy nai.

5. (3) “Giờ đàn nai thứ ba suy tính như vầy: (i) ‘Đàn nai thứ nhất, do ăn như vậy một cách không cẩn trọng, nên đã không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của người bẫy nai. (ii) Đàn nai thứ hai, do có suy tính về cách đàn nai thứ nhất đã không thoát khỏi, và do có kế hoạch, chúng hành động với sự cẩn trọng bằng cách đi vô rừng sâu để sống, nhưng cuối cùng cũng (quay trở lại và) không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của người bẫy nai. Vậy thì chúng ta làm nơi ở trong phạm vi gần chỗ bẫy mồi của người bẫy nai. Rồi, sau khi đã làm vậy, giờ chúng ta sẽ ăn mồi một cách không bất cẩn và không đi vô thẳng chỗ bẫy mồi mà người bẫy nai đã đặt; khi ăn vậy chúng ta sẽ không trở nên say sưa; khi chúng ta không say sưa, chúng ta không sự lơ là; khi chúng không bị lơ là, ông ta không thể làm gì chúng ta theo ý ông ta, dựa vào bẫy mồi đó.’ Và chúng đã làm vậy. (3’) “Nhưng rồi người bẫy nai và những thuộc hạ của ông suy xét như vầy: ‘Những con nai thuộc đàn thứ ba này tinh ranh và xảo quyệt như những thầy bùa và phù thủy. Chúng ăn miếng mồi nhử đã được đặt mà chúng ta không hề biết chúng đến và đi theo cách nào. Vậy thì chúng ta nên đặt bẫy mồi và bao quanh toàn khu vực bằng những rào chắn bằng những cành liễu gai; vậy có lẽ chúng ta sẽ nhìn ra hướng nơi ở của đàn nai thứ ba, nơi chúng sẽ chạy đến đó để trốn.’ Họ làm vậy, và họ nhìn ra nơi ở

của đàn nai thứ ba, nơi chúng đã chạy đến đó để trốn. Và đó là cách đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của người bẫy nai.

6. (4) “Giờ đàn nai thứ tư suy tính như vầy: (i) ‘Đàn nai thứ nhất … (ii) Đàn nai thứ hai … cũng không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của người bẫy nai (người dịch giản lược). Và (iii) đàn nai thứ ba … ăn mồi một cách không bất cẩn … nhưng đã chọn nơi ở của mình trong phạm vi

gần chỗ bẫy mồi, nên cũng không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của người bẫy nai. Vậy thì chúng ta nên chọn nơi ở của chúng ta ở nơi mà người bẫy nai và những thuộc hạ của ông ta không thể tới được. Rồi, sau khi đã làm vậy, giờ chúng ta sẽ ăn mồi một cách không bất cẩn và không đi vô thẳng chỗ bẫy mồi mà người bẫy nai đã đặt; khi ăn vậy chúng ta sẽ không trở nên say sưa; khi chúng ta không say sưa, chúng ta không sự lơ là; khi chúng không bị lơ là, ông ta không thể làm gì chúng ta theo ý ông ta, dựa vào bẫy mồi đó.’ Và chúng đã làm vậy. (4’) “Nhưng rồi người bẫy nai và những thuộc hạ của ông đã suy xét như vầy: ‘Những con nai thuộc đàn thứ tư này tinh ranh và xảo quyệt như những thầy bùa và phù thủy. Chúng ăn miếng mồi nhử đã được đặt mà chúng ta không hề biết chúng đến và đi theo cách nào. Vậy thì chúng ta nên đặt miếng mồi và bao quanh toàn khu vực bằng những rào chắn bằng những cành liễu gai; vậy có lẽ chúng ta sẽ nhìn ra hướng nơi ở của đàn nai thứ tư, nơi chúng sẽ chạy đến đó để trốn.’ Họ đã làm vậy, nhưng họ không nhìn ra nơi ở của đàn nai thứ tư, nơi chúng chạy đến đó để trốn. Rồi người bẫy nai và những thuộc hạ của ông ta đã suy xét như vầy: ‘Nếu chúng ta làm đàn nai thứ tư sợ, thì do sợ chúng sẽ báo động lẫn nhau, và do vậy cả đàn nai sẽ bỏ đi khỏi miếng mồi mà chúng ta đã đặt. Vậy thì chúng ta đối xử đàn nai thứ tư bằng cách bỏ-lơ.’ Và họ đã làm vậy. Và đó là cách đàn nai thứ tư thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của người bẫy nai.

7. “Này các Tỳ kheo, ta đã đưa ra ví dụ này để truyền tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa: ‘Miếng mồi’ là một cách để chỉ năm dây khoái-lạc giác- quan (ngũ dục lạc). ‘Người bẫy nai’ là một cách để chỉ Ma Vương Ác ma. ‘Những người theo người bẫy nai’ là một cách để chỉ những thuộc hạ của Ma Vương. ‘Đàn nai’ là một cách để chỉ những tu sĩ và bà-la-môn.

8. (1) “Giờ, những tu sĩ và bà-la-môn loại một ăn thức ăn một cách bất cẩn bằng cách đi thẳng vô chỗ bẫy mồi và những thứ vật chất của thế gian mà Ma Vương đã đặt; khi ăn như vậy họ trở nên say sưa; khi họ bị say sưa, họ rớt vào sự lơ là; khi họ bị lơ là, Ma Vương có thể làm gì họ theo ý

hắn, nhờ bẫy mồi đó và những thứ vật chất trong thế gian. Đó là cách những tu sĩ và bà-la-môn loại một không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của Ma Vương. Những tu sĩ và bà-la-môn đó giống như đàn nai thứ nhất, ta nói vậy.

9. (2) “Giờ những tu sĩ và bà-la-môn loại hai suy tính: (i) ‘Những tu sĩ và bà-la-môn loại một, do ăn thức ăn một cách bất cẩn như vậy, nên đã không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của Ma Vương. Vậy thì chúng ta hãy tránh xa bẫy thức ăn và những thứ vật chất trong thế gian; tránh xa sự thụ hưởng đáng sợ đó, chúng ta hãy đi vô rừng sâu để sống trong đó.’ Và họ đã làm vậy. Ở đó họ là những người ăn rau xanh hay hạt kê hay lúa rẫy hay lúa hoang hay rong rêu hay cám gạo hay bọt nước gạo hay bột mè hay cỏ hay phân bò. Họ sống nhờ ăn những rễ cây và trái cây trong rừng; họ sống nhờ ăn trái cây rụng. (2’) “Nhưng vào tháng cuối cùng của mùa nóng, khi rau cỏ và nước đã hết sạch, thân thể họ bị ốm đi tới mức cực kỳ tiều tụy; do đó họ mất hết sức mạnh và năng lượng; khi họ đã mất hết sức mạnh và năng lượng, họ mất sự giải-thoát của tâm;293 khi mất sự giải-thoát của tâm, họ quay lại chỗ bẫy mồi mà Ma Vương đã đặt và những thứ vật chất của thế gian; họ ăn thức ăn một cách bất cẩn bằng cách đi thẳng vô chỗ bẫy mồi và những thứ vật chất của thế gian mà Ma Vương đã đặt; khi ăn như vậy họ trở nên say sưa; khi họ bị say sưa, họ rớt vào sự lơ là; khi họ bị lơ là, Ma Vương có thể làm gì họ theo ý hắn, nhờ bẫy mồi đó và những thứ vật chất trong thế gian. Đó là cách những tu sĩ và bà-la-môn loại hai không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của Ma Vương. Những tu sĩ và bà-la-môn đó giống như đàn nai thứ hai, ta nói vậy.

10. (3) “Giờ những tu sĩ và bà-la-môn loại ba suy tính: (i) ‘Những tu sĩ và bà-la-môn loại một, do ăn một cách bất cẩn như vậy, nên đã không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của Ma Vương. (ii) Những tu sĩ và bà- la-môn loại hai, bằng sự suy tính cách mà những tu sĩ và bà-la-môn loại một đã không thoát khỏi, và do có kế hoạch và hành động với sự cẩn trọng

bằng cách đi vô rừng sâu để sống, cũng (quay lại và) không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của Ma Vương. Vậy thì chúng ta cứ chọn nơi ở trong phạm vi gần chỗ bẫy mồi mà Ma Vương đã đặt và những thứ vật chất của thế gian. Rồi, sau khi làm vậy, chúng ta sẽ ăn thức ăn một cách không bất cẩn và không đi thẳng vô chỗ bẫy mồi mà Ma Vương đã đặt và những thứ vật chất của thế gian. Bằng cách ăn như vậy chúng ta sẽ không trở nên say sưa; khi chúng ta không bị say sưa, chúng ta không rớt vô sự lơ là; khi chúng ta không bị lơ là, Ma Vương sẽ không thể làm gì chúng ta theo ý hắn, dựa vào bẫy mồi đó và những thứ vật chất của thế gian.’ Và họ đã làm vậy. (3’) “Nhưng rồi họ đi đến nắm giữ những quan-điểm như là ‘thế giới là bất diệt’, rồi ‘thế giới là không bất diệt’, rồi ‘thế giới là hữu hạn’, rồi ‘thế giới là vô hạn’, rồi ‘linh hồn và thể xác là một’, rồi ‘linh hồn là một thứ và thể xác là thứ khác’, rồi ‘sau khi chết Như Lai còn hiện-hữu’, rồi ‘sau khi chết Như Lai không còn hiện-hữu’, rồi ‘sau khi chết Như Lai vừa hiện- hữu vừa không hiện-hữu’, và ‘sau khi chết Như Lai không hiện-hữu cũng không phải không hiện-hữu’.294 Đó là cách những tu sĩ và bà-la-môn loại ba không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của Ma Vương. Những tu sĩ và bà-la-môn đó giống như đàn nai thứ ba, ta nói vậy.

11. (4) “Giờ những tu sĩ và bà-la-môn loại bốn suy tính: (i) ‘Những tu sĩ và bà-la-môn loại một, do ăn một cách không cẩn trọng như vậy, nên đã không thoát khỏi uy lực và

sự kiểm soát của Ma Vương. (ii) Những tu sĩ và bà-la-môn loại hai, bằng sự suy tính cách mà những tu sĩ và bà-la-môn loại một đã không thoát khỏi, và do có kế hoạch và hành dộng với sự cẩn trọng bằng cách đi vô rừng sâu để sống, nhưng cũng (quay lại và) không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của Ma Vương. Và những tu sĩ và bà-la- môn loại ba, bằng sự suy tính cách (i) những tu sĩ và bà-la-môn loại một không thoát khỏi, và (ii) những tu sĩ và bà-la-môn loại hai cũng không thoát khỏi, và (iii) những tu sĩ và bà-la-môn loại ba, bằng sự suy tính chọn chỗ ở trong phạm vi chỗ bẫy mồi mà Ma Vương đã đặt và những thứ vật

chất của thế gian, và hành động với sự cẩn trọng, nhưng cũng không thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của Ma Vương. Vậy thì chúng ta nên chọn chỗ-ở ở nơi mà Ma Vương và những thuộc hạ của hắn không thể đến đó. Rồi, sau đã làm vậy, chúng ta sẽ ăn thức ăn một cách không bất cẩn và không đi thẳng vô chỗ bẫy mồi mà Ma Vương đã đặt và những thứ vật chất của thế gian. Bằng cách ăn như vậy chúng ta sẽ không trở nên say sưa; khi chúng ta không bị say sưa, chúng ta không rớt vô sự lơ là; khi chúng ta không bị lơ là, Ma Vương sẽ không thể làm gì chúng ta theo ý hắn, dựa vào bẫy mồi đó và những thứ vật chất của thế gian.' Và họ đã làm vậy. Và đó là cách những tu sĩ và bà-la-môn đó thoát khỏi uy lực và sự kiểm soát của Ma Vương. Những Tỳ kheo đó giống như đàn nai loại bốn, ta nói vậy.

12. "Và ở đâu thì Ma Vương và các thuộc hạ của hắn không thể đến đó? (1) Ở đây: 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương, đã trở thành không còn nhìn thấy được đối với Ác Ma bằng cách tước bỏ cơ hội đó khỏi mắt Ma Vương.295

13. (2) "Lại nữa: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét. Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

14. (3) "Lại nữa: 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân

gọi là: 'Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (thân lạc).' Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

15. (4) “Lại nữa: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

16. (5) “Lại nữa: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể- sắc (thuộc sắc-giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa- dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].’ Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

17. (6) “Lại nữa: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’ Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

18. (7) “Lại nữa: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’ Tỳ kheo này được cho được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

19. (8) “Lại nữa: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’ Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương, đã trở thành không còn nhìn thấy được đối với Ác Ma bằng cách tước bỏ cơ hội đó khỏi mắt Ma Vương.

20. (9) “Lại nữa: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự

chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].’ Và người đó đã tiêu diệt mọi ô- nhiễm bằng cách nhìn-thấy bằng trí-tuệ. Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương, đã trở thành không còn nhìn thấy được đối với Ác Ma bằng cách tước bỏ cơ hội đó khỏi mắt Ma Vương, và đã vượt qua khỏi sự dính-mắc với thế giới.”296 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

26. KINH CUỘC TÌM CẦU THÁNH THIỆN (Ariyapariyesanā Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.297 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvatthī (Xá-vệ) để khất thực. Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp Ngài Ānanda và nói với thầy ấy: “Này đạo hữu Ānanda, đã lâu kể từ khi chúng tôi nghe được bài nói chuyện Giáo Pháp từ chính miệng đức Thế Tôn. Này đạo hữu Ānanda, sẽ tốt lành nếu chúng tôi có thể nghe được một bài nói chuyện như vậy.”—“Vậy quý thầy hãy đến nơi ẩn trú (ẩn thất) của bà-la-môn Rammaka. Có lẽ các thầy sẽ được nghe một bài nói

chuyện Giáo Pháp từ chính miệng đức Thế Tôn.”—“Dạ, đạo hữu”, họ đáp lại.

3. Rồi, sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: “Này Ānanda, chúng ta hãy tới Khu Vườn Phía Đông, chỗ Lâu Đài của Mẹ của Migāra (‘Mẹ của Migāra’ là phu nhân Visakkha, nữ đại thí chủ của Đức Phật), để an trú qua ngày.”—“Dạ được, Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Rồi đức Thế Tôn đã đi cùng với thầy Ānanda đến Khu Vườn Phía Đông, chỗ Lâu Đài của Mẹ của Migāra, để an trú qua ngày. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi phiên thiền và nói với thầy Ānanda: “Này Ānanda, chúng ta hãy tới Bãi Tắm Phía Đông để tắm rửa.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Rồi đức Thế Tôn đã cùng đi với thầy Ānanda đến khu Bãi Tắm Phía Đông để tắm rửa. Sau khi tắm xong, đức Thế Tôn lên bờ và đứng trong bộ y che thân và lau tay chân. Rồi thầy Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, chỗ trú ẩn của bà-la-môn Rammaka ở gần đây. Chỗ trú ẩn đó dễ chịu và đáng thích. Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến đó vì lòng bi-mẫn.” Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

4. Rồi đức Thế Tôn đi đến chỗ trú ẩn của bà-la-môn Rammaka. Bấy giờ, vào lúc đó một số Tỳ kheo đang ngồi với nhau trong chỗ trú ẩn đang thảo luận về Giáo Pháp. Đức Thế Tôn đứng ngoài cửa chờ đến khi cuộc thảo luận của họ kết thúc. Khi đức Thế Tôn biết cuộc thảo luận đã xong, đức Thế Tôn tằng hắng và gõ cửa, các Tỳ kheo đã mở cửa cho đức Thế Tôn Đức Thế Tôn bước vào, ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, các thầy đang ngồi với nhau ở đây là vì sự thảo luận gì? Và cuộc thảo luận gì của các thầy đã bị gián đoạn?” “Thưa Thế Tôn, cuộc thảo luận của chúng con về Giáo Pháp đã bị gián đoạn là nói về đức Thế Tôn. Đúng lúc đó Thế Tôn đã đến.” “Tốt, này các Tỳ kheo. Điều đó là phù hợp với các thầy là những người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành đã cùng ngồi với nhau để thảo luận Giáo Pháp. Khi các thầy tụ họp với nhau, các thầy chỉ nên làm hai điều: thảo luận về Giáo Pháp hoặc giữ sự im lặng thánh thiện.298

(Hai sự tìm kiếm)

5. “Này các Tỳ kheo, có hai loại sự tìm-kiếm: sự tìm-kiếm thánh thiện và sự tìm-kiếm không thánh thiện. (1) Và thứ gì là sự tìm kiếm không thánh thiện? Ở đây, (i) một người tự mình (vốn) phải bị [sự] (tái) sinh đi (mà) cứ tìm kiếm thứ cũng phải bị [sự] (tái) sinh; (ii) tự mình phải bị già cứ đi tìm kiếm thứ cũng phải bị già; (iii) tự mình phải bị bệnh cứ đi tìm kiếm thứ cũng phải bị bệnh; (iv) tự mình phải bị chết đi cứ tìm kiếm thứ cũng phải bị chết; (v) tự mình phải bị buồn sầu cứ đi tìm kiếm thứ cũng phải bị buồn sầu; (vi) tự mình phải bị ô nhiễm cứ đi tìm kiếm thứ cũng phải bị ô nhiễm.

6. –11. “Và những gì có thể được cho là phải bị [sự] sinh … 7. bị già … 8. bị bệnh … 9. bị chết … 10. bị buồn sầu … 11. bị ô nhiễm? Vợ và con, đàn ông và đàn bà, người ở, dê và cừu, gà vịt và heo bò, voi, gia cầm gia súc, ngựa đực và ngựa cái, vàng và bạc: những sự thu-nạp (sanh y) đó299

(như những sự sở hữu vật chất trong đời-sống, và sâu xa hơn là sự nhận lấy năm-uẩn, nghiệp, những đối tượng dục lạc, những ô-nhiễm … trong sự-sống) đều phải bị sinh … bị già … bị bệnh … bị chết … bị buồn sầu … bị ô nhiễm; và ai bị trói buộc vào những thứ đó, bị say mê với chúng, và hoàn toàn dính vào chúng, thì là tự mình (vốn) phải bị [sự] sinh … bị già … bị bệnh … bị chết … bị buồn sầu … bị ô nhiễm (mà) cứ đi tìm thứ cũng phải bị [sự] sinh … bị già … bị bệnh … bị chết … bị buồn sầu … bị ô nhiễm. Đây là sự tìm kiếm không thánh thiện. (người dịch giản lược mục 6-11 vì lời kinh trong các mục là tương tự nhau) 300

12. (2) “Và cái gì là sự tìm kiếm thánh thiện? Ở đây, một người tự mình phải bị [sự] (tái) sinh, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị [sự] (tái) sinh, người đó đi tìm sự vô-sinh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự mình phải bị già, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị già, người đó đi tìm sự vô-già an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự mình phải bị chết, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị chết, người đó đi tìm sự bất-tử an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự mình phải bị buồn sầu, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị buồn sầu, người đó đi tìm sự vô-sầu an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự mình phải bị ô nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị ô nhiễm, người đó đi tìm sự vô-nhiễm an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn. Đây là sự tìm kiếm thánh thiện.

(Tìm kiếm sự giác-ngộ)

13. (1) “Này các Tỳ kheo, trước khi giác-ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát chưa giác-ngộ toàn thiện, thì ta cũng bị như vậy: tự ta (vốn) phải bị [sự] (tái) sinh, ta lại đi tìm những thứ cũng phải bị [sự] (tái) sinh; tự ta phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm, ta lại đi tìm những thứ cũng phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm. (2) Nhưng rồi ta đã suy xét như vầy: ‘Tại sao, tự ta đã phải bị sinh, sao ta cứ đi tìm

những thứ cũng phải bị sinh? Tại sao, tự ta đã phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm, sao ta cứ đi tìm thứ cũng phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm? Giá như (phải chi): tự ta phải bị (tái) sinh, sau khi đã hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị (tái) sinh, thì ta nên đi tìm sự vô-sinh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói- buộc, đó là Niết-bàn. Giá như: tự ta đã phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy-hại của những thứ phải bị già, bệnh, chết, phải bị buồn sầu, và bị ô nhiễm, thì ta nên đi tìm sự vô-già, vô-bệnh, bất-tử, vô-sầu, và vô-nhiễm an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn.’

14. (3) “Sau đó, khi ta vẫn còn là một người trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời xuân sắc của cuộc đời, mặc dù cha mẹ ta muốn khác và đã khóc ràn rụa nước mắt trên mặt, nhưng ta đã cạo bỏ râu tóc, khoát áo nâu sòng, và từ bỏ cuộc sống tại gia để đi vào đời sống đời sống xuất gia tu hành.

15. (4) “Này các Tỳ kheo, sau khi đã xuất gia đi tìm kiếm thứ thiện lành, tìm kiếm trạng thái cao nhất của sự bình-an siêu phàm, ta đã đến chỗ ông Ālarā Kālāma và thưa với ông: ‘Này thiện hữu Kālāma, tôi muốn sống đời sống tâm linh theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.’ Ông Alara Kālāma đã trả lời: ‘Quý ngài có thể ở lại đây. Giáo Pháp này là thứ một người có trí có thể chứng nhập và an trú trong đó, tự mình chứng ngộ thông qua sự trực-tiếp biết học thuyết của thầy mình.’ Ta đã mau chóng học Giáo Pháp đó. Chỉ sau mỗi lần mở miệng đọc lại lời giáo lý của vị ấy, ta có thể nói ra với sự-biết và sự chắc-chắn, và ta có thể tuyên bố: ‘Tôi biết và thấy’—và có những người khác ở đó cũng làm được như vậy. “Ta suy xét rằng: ‘Không phải chỉ dựa niềm-tin suông mà Alara Kālāma nói: “Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết, tôi có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này”. Chắc chắn Alara Kālāma an trú trong sự biết và thấy Giáo Pháp này.’ Sau khi suy xét vậy, ta đến gặp Alara Kālāma và hỏi ông rằng: ‘Này thiện hữu Kālāma, theo cách nào

mà ngài tuyên bố rằng ‘bằng cách tự mình chứng ngộ nhờ sự trực-tiếp biết, ngài có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này?’ Khi trả lời ta, ông đã tuyên bố cảnh giới “vô sở hữu xứ ” [cảnh xứ không-có-gì].301 “Ta suy xét rằng: ‘Không phải chỉ Alara Kālāma có niềm-tin, sự nỗ- lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ (tín, tấn, niệm, định, tuệ). Ta cũng có niềm-tin, sự nỗ-lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ. Giá như: ta cố gắng chứng ngộ Giáo Pháp mà ông Alara Kālāma tuyên bố rằng ông có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?’ “Rồi ta nhanh chóng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ nó bằng sự trực-tiếp biết. Sau đó ta đến gặp ông Alara Kālāma và hỏi ông ấy: ‘Này thiện hữu Kālāma, có phải theo cách như vầy mà ngài đã tuyên bố rằng ngài đã chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?— ‘Đúng là cách như vậy, này đạo hữu.’—‘Này đạo hữu, chính theo cách như vậy ta cũng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết.’—‘Đây là một lợi ích cho chúng tôi, này đạo hữu, đây là một lợi ích lớn lao cho chúng tôi khi chúng tôi mới có thêm đạo hữu là một quý thầy như vậy để cho các tu sĩ của chúng tôi noi theo. Vậy đó, Giáo Pháp mà tôi tuyên bố ta đã chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết. Và Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà tôi đã tuyên bố rằng tôi đã chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết đó. Như vậy đạo hữu đã mới biết được Giáo Pháp mà tôi đã biết, và tôi đã biết được Giáo Pháp mà đạo hữu đã mới biết. Tôi biết như vậy, đạo hữu cũng biết như vậy. Đạo hữu biết như vậy, tôi cũng biết như vậy. Này đạo hữu, giờ chúng ta hãy cùng nhau dẫn dắt những người tu ở đây tu tập.’

“Như vậy là Alara Kālāma—vị thầy của ta—đã đặt ta, là học trò của ông, ở cùng vị trí ngang bằng với ông, và ông đã khen thưởng ta danh dự cao nhất đó. Nhưng lúc đó có ý nghĩ này đã xảy đến với ta: ‘Giáo Pháp này không dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí- biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn; nó chỉ dẫn tới sự tái sinh trong “vô sở hữu xứ”.302 Vì không mãn nguyện với Giáo Pháp đó, vì thất vọng với Giáo Pháp đó, nên ta đã rời khỏi nơi đó.

16. (5) “Này các Tỳ kheo, vẫn đi tìm kiếm thứ thiện lành, tìm kiếm trạng thái cao nhất của sự bình-an siêu phàm, ta đã đến gặp ông Uddaka Rāmaputta và nói với ông ấy: ‘Này thiện hữu, tôi muốn sống đời sống tâm linh theo Giáo Pháp và Giới Luật ở đây.’ Ông Uddaka Rāmaputta đã trả lời: ‘Quý ngài có thể ở lại đây. Giáo Pháp này là thứ một người có trí có thể chứng nhập và an trú trong đó, tự mình chứng ngộ thông qua sự trực- tiếp biết về học thuyết của thầy mình.’ Ta đã mau chóng học Giáo Pháp đó. Chỉ sau mỗi lần mở miệng đọc lại lời giáo lý của vị ấy, ta có thể nói ra với sự-biết và sự chắc-chắn, và ta có thể tuyên bố: ‘Tôi biết và thấy’—và có những người khác ở đó cũng làm được như vậy. “Ta suy xét rằng: ‘Không phải chỉ dựa vào niềm-tin suông mà Rāma tuyên bố: “Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết, ta có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này”. Chắc chắn Rāma đã an trú với sự biết và thấy Giáo Pháp này.’ Sau khi suy xét vậy, ta đến gặp ông Uddaka Rāmaputta và hỏi ông: ‘Này thiện hữu, theo cách nào mà Rāma tuyên bố rằng ‘Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết, tôi có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này’? Khi trả lời ta, ông Uddaka Rāmaputta đã tuyên bố “phi tưởng phi phi tưởng xứ ” [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].303 “Ta suy xét rằng: ‘Không phải chỉ Rāma có niềm-tin, sự nỗ-lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ. Ta cũng có niềm-tin, sự nỗ-lực, sự chánh-niệm, sự định-tâm, và trí-tuệ. Giá như: ta cố gắng chứng ngộ Giáo

Pháp mà ông Rāma tuyên bố ông đã có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?’ “Rồi ta nhanh chóng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ nó với sự trực-tiếp biết. Sau đó ta đến gặp ông Uddaka Rāmaputta và hỏi ông: ‘Này đạo hữu, có phải theo cách như vầy mà Rāma đã tuyên bố rằng Rāma đã chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết?—‘Đúng là cách như vậy, này đạo hữu.’—‘Này đạo hữu, chính theo cách như vậy tôi cũng đã chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết.’—‘Đây là một lợi ích cho chúng tôi, này đạo hữu, đây là một lợi ích lớn lao cho chúng ta khi chúng tôi mới có thêm đạo hữu là một quý thầy như vậy để cho các tu sĩ của chúng tôi noi theo. Vậy đó, Giáo Pháp mà tôi tuyên bố tôi đã chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết. Và Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết cũng chính là Giáo Pháp mà tôi đã tuyên bố rằng tôi đã chứng nhập và an

trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết đó. Như vậy đạo hữu đã mới biết được Giáo Pháp mà tôi đã biết, và tôi đã biết được Giáo Pháp mà đạo hữu đã mới biết. Tôi biết như vậy, đạo hữu cũng biết như vậy. Đạo hữu biết như vậy, tôi cũng biết như vậy. Này đạo hữu, giờ chúng ta hãy cùng nhau dẫn dắt những người tu ở đây tu tập.' "Như vậy là Uddaka Rāmaputta—người đồng đạo của ta trong đời sống tâm linh—đã đặt ta ở vị trí của một vị thầy, và ông đã khen thưởng ta danh dự cao nhất đó. Nhưng lúc đó có ý nghĩ này đã xảy đến với ta: 'Giáo Pháp này không dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn; nó chỉ dẫn tới tái sinh trong "phi tưởng phi phi tưởng xứ". Vì không mãn nguyện với Giáo Pháp đó, vì thất vọng với Giáo Pháp đó, nên ta đã rời khỏi nơi đó.

230 • Chương 3

17. (6) "Này các Tỳ kheo, vẫn đi tìm kiếm thứ thiện lành, đi tìm trạng thái cao nhất của sự bình-an siêu phàm, ta đi rong ruổi khắp xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), cuối cùng ta đến chỗ vùng Uruvela gần Senānigama. Ở đó ta nhìn thấy một miếng đất dễ thích, một vườn cây thú vị nằm sát bên con sông nước trong chảy qua với hai bờ êm ả đáng thích, và gần một ngôi làng để đi khất thực. Ta xét thấy rằng: 'Miếng đất này dễ thích, một vườn cây thú vị nằm sát bên con sông nước trong chảy qua với hai bờ êm ả đáng thích, và gần một ngôi làng để đi khất thực. Chỗ này sẽ được dùng làm chỗ cho sự chuyên-cần tu (tinh cần) của một người họ tộc đang quyết tâm chuyên-cần tu.' Và ta ngồi xuống đó và nghĩ rằng: 'Chỗ này sẽ được dùng cho sự chuyên-cần tu.'304

(Sự giác-ngộ)

18. (7) "Rồi, này các Tỳ kheo, tự ta phải bị [sự] (tái) sinh, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong thứ phải bị [sự] (tái) sinh, sau khi đi tìm sự vô- sinh an toàn tối thượng khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự vô-sinh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự ta phải bị già, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong thứ phải bị già, sau khi đi tìm sự vô-sinh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự vô-già an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự ta phải bị bệnh, sau khi hiểu được sự nguy- hại trong thứ phải bị bệnh, sau khi đi tìm sự vô-bệnh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự vô-bệnh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự ta phải bị chết, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong thứ phải bị chết, sau khi đi tìm sự bất- tử an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự bất-tử an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết- bàn; tự ta phải bị buồn sầu, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong thứ phải bị buồn-sầu, sau khi đi tìm sự vô-sầu an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói- buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự vô-sầu an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự ta phải bị ô nhiễm, sau khi hiểu

KINH CUỘC TÌM CẦU THÁNH THIỆN • 231

được sự nguy-hại trong thứ phải bị ô nhiễm, sau khi đi tìm sự vô-nhiễm an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn, ta đã chứng ngộ tới sự vô-nhiễm an toàn

tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn. Trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy) đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải-thoát của ta là không thể lay chuyển. Đây là lần sinh cuối cùng của ta. Từ đây không còn sự tái hiện-hữu nữa.'

19. (8) "Ta đã suy xét: 'Giáo Pháp này ta đã chứng ngộ là thâm sâu, khó nhìn thấy và khó hiểu được; là bình an và siêu phàm, không thể chứng ngộ chỉ bằng sự lý luận, là vi tế, được chứng nghiệm bởi người có trí.305 Nhưng thế hệ (chúng sinh) này khoái thích sự dính-mắc, tìm khoái-lạc trong sự dính-mắc, vui thích sự dính-mắc.306 Thật khó cho một thế hệ như vậy nhìn thấy chân-lý này, được gọi là, tính điều-kiện rõ rệt (nhân duyên), sự khởi-sinh tùy thuộc (lý duyên khởi). Và thật khó để nhìn thấy sự-thật này này, được gọi là, sự làm lắng-lặng mọi sự tạo-tác, sự từ-bỏ mọi sự thu-nạp (sanh y), sự tiêu diệt dục-vọng, sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm- dứt, Niết-bàn. Nếu ta chỉ dạy Giáo Pháp này, những người khác sẽ không hiểu ta, và điều đó sẽ gây mệt mỏi và phiền phức cho ta.' Ngay lúc đó có mấy vần thi kệ bỗng nhiên khởi lên trong ta, chưa từng nghe trước đó: Chán đủ với việc truyền dạy Giáo Pháp Mà ngay cả ta cũng từng khó với tới; Bởi thiên hạ đang sống trong tham và sân Sẽ không bao giờ nhận thức được nó. Người bị nhiễm bởi tham, bị bao bọc bởi bóng tối, Sẽ không bao giờ nhận biết Giáo Pháp thâm sâu này, Nó đi ngược-dòng với thế gian, Nó vi tế, sâu sắc, và khó nhìn thấy được.'

"Sau khi suy xét như vậy, tâm ta ngã về hướng không-làm-gì; nó không ngã theo hướng đi truyền dạy Giáo Pháp.307

20. (9) "Rồi, này các Tỳ kheo, vị trời Brahmā Sahampati bằng tâm mình biết được ý-nghĩ trong tâm ta, và vị trời đã suy xét: 'Thế gian sẽ lạc lối, thế gian sẽ điêu tàn, bởi vì tâm của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, (Phật), ngã theo hướng không-làm-gì và không theo hướng đi truyền dạy Giáo Pháp.' Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi tay hay co tay, vị Trời Sahampati đã biến khỏi cõi trời và xuất hiện trước mặt ta. Vị trời chỉnh lại y trên một vai, và chấp hai tay kính lễ về phía ta, và nói: 'Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy chỉ dạy Giáo Pháp, mong bậc Siêu Phàm hãy chỉ dạy Giáo Pháp. Có những chúng sinh ít có bụi trong mắt đang phí mạng khi không nghe được Giáo Pháp. Sẽ có những người hiểu được Giáo Pháp.' Vị trời Brahmā Sahampati đã nói như vậy, và sau khi nói vị trời nói thêm (bằng thi kệ): 'Ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) Từ xưa đến nay, Chỉ có những giáo lý không tinh khiết, Được chế bởi những người còn dính nhiễm. 'Hãy mở các cửa dẫn tới sự Bất Tử!', Nói cho họ nghe điều đó, Đó là Giáo Pháp, Mà bậc vô-nhiễm đã tìm thấy. 'Giống một người đứng trên đỉnh núi Có thể nhìn thấy mọi người xung quanh, Cũng như vậy, hỡi bậc trí hiền, người nhìn thấy tất cả, Hãy bước lên lâu đài Giáo Pháp. Mong bậc vô-ưu nhìn khắp loài người này, Đang bị bao kín bởi ưu-sầu, dính kẹt trong sinh-già. 'Hãy đứng lên và đi khắp thế gian, Hỡi vị anh hùng chiến thắng, Người dẫn dắt đoàn lữ hành, bậc đã thoát hết nợ nần. Mong Thế Tôn truyền dạy Giáo Pháp,

Sẽ có những người hiểu được.’

21. “Rồi ta đã lắng nghe lời thỉnh cầu của vị Trời, và với lòng bi-mẫn đối với chúng sinh, ta đã nhìn khắp thế gian bằng con mắt của một vị Phật. Sau khi nhìn khắp thế gian bằng con mắt của một vị Phật, ta đã nhìn thấy có những chúng sinh có ít bụi trong mắt và những chúng sinh có nhiều bụi trong mắt; những người có những căn nhạy bén và những người có những căn đần độn, những người phẩm chất tốt và người có phẩm chất xấu, những người dễ dạy và những người khó dạy, và có một số người đã sống nhìn thấy nỗi sợ-hãi và sự tội-lỗi trong thế giới khác. Giống như trong một hồ sen có hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng, có một số hoa sen được sinh ra và lớn lên dưới nước cố gắng ngoi lên nhưng vẫn ở dưới mặt nước, và có một số hoa sen được sinh ra và lớn lên dưới mặt nước nhưng có thể ngoi lên ngang mặt nước, và có một số hoa sen được sinh ra và lớn lên dưới nước nhưng có thể ngoi lên trên mặt nước, ở trên không, không còn bị dính nước. Cũng giống như vậy, sau khi nhìn khắp thế gian bằng con mắt của một vị Phật, ta đã nhìn thấy có những chúng sinh có ít bụi trong mắt và những chúng sinh có nhiều bụi trong mắt; những người có những căn nhạy bén và những người có những căn đần độn, những người phẩm chất tốt và người có phẩm chất xấu, những người dễ dạy và những người khó dạy, và có một số người đã sống nhìn thấy nỗi sợ-hãi và sự tội- lỗi trong thế giới khác. Rồi ta đã trả lời cho vị Trời Sahampati bằng mấy vần kệ sau đây: ‘Giờ mở các cửa dẫn tới sự Bất-Tử, Cho những ai biết nghe và giờ thể hiện niềm-tin. Này vị Trời, vì trước đây ta nghĩ việc này sẽ rắc rối, Nên ta đã không muốn thuyết giảng Giáo Pháp vi tế và siêu phàm này.’

“Rồi vị Trời Sahampati nghĩ rằng: ‘Đức Thế Tôn đã đồng ý với lời thỉnh cầu của mình, đức Thế Tôn sẽ đi dạy Giáo Pháp.’ Và sau khi kính chào ta, giữ ta ở hướng bên phải, vị trời lập tức biến mất ngay tại đó.

22. (10) “Ta đã suy xét như vầy: ‘Ta sẽ dạy Giáo Pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ nhanh chóng hiểu được Giáo Pháp này?’ Rồi ý này đã khởi lên trong ta: ‘Ông Alara Kālāma là có trí, thông minh, và có hiểu biết (có nhận biết, sáng trí); từ lâu ông đã có ít bụi trong mắt. Phải chăng ta sẽ dạy Giáo Pháp cho Alara Kālāma trước tiên. Ông ta sẽ nhanh chóng hiểu nó.’ Rồi các thiên thần đến gặp ta và nói: ‘Thưa Thế Tôn, ông Alara Kālāma đã chết cách đây bảy ngày.’ Và trí-biết và tầm-nhìn đã khởi lên trong ta: ‘Alara Kālāma đã chết cách đây bảy ngày’. Ta nghĩ: ‘Sự mất mát của Alara Kālāma là sự mất mát lớn. Nếu ông ta được nghe Giáo Pháp này, chắc ông ta sẽ nhanh chóng hiểu nó.’

23. “Ta đã suy xét như vầy: ‘Ta sẽ dạy Giáo Pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ nhanh chóng hiểu được Giáo Pháp này?’ Rồi ý này đã khởi lên trong ta: ‘Ông Uddaka Rāmaputta là có trí, thông minh, và có hiểu biết; từ lâu ông ngài đã có ít bụi trong mắt. Phải chăng ta sẽ dạy Giáo Pháp cho Uddaka Rāmaputta trước tiên. Ông ta sẽ nhanh chóng hiểu nó.’ Rồi các thiên thần đến gặp ta và nói: ‘Thưa Thế Tôn, ngài ông Uddaka Rāmaputta đã chết tối qua.’ Và trí-biết và tầm-nhìn đã khởi lên trong ta: ‘Uddaka Rāmaputta đã chết tối qua’. Ta nghĩ: ‘Sự mất mát của Uddaka Rāmaputta là sự mất mát lớn. Nếu ông ta được

nghe Giáo Pháp này, chắc ông ta sẽ nhanh chóng hiểu nó.’

24. “Ta đã suy xét như vầy: ‘Ta sẽ dạy Giáo Pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ nhanh chóng hiểu được Giáo Pháp này?’ Rồi ý này đã khởi lên trong ta: ‘Nhóm năm vị tu sĩ đã theo ta trong thời gian ta đã chuyên-cần tu (tu khổ hạnh hành xác), họ đã giúp ta rất nhiều.308 Phải chăng ta sẽ dạy Giáo Pháp cho họ trước tiên.’ Rồi ta suy nghĩ: ‘Nhóm năm vị tu sĩ đó giờ đang sống ở đâu?’ Và với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn thông), ta đã nhìn thấy họ đang sống ở vùng Bārānasī (Ba-la-

nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (chữ Isipatana có nghĩa là nơi những thiên thần hạ thế).

(Truyền dạy Giáo Pháp)

25. “Rồi, này các Tỳ kheo, sau khi đã lưu lại ở vùng Uruvela trong một thời gian theo ý ta đã định, ta đã lên đường đi bộ từng chặng để đến Bārānasī. Khi đến chặng nằm giữa Gaya và Bodhi, có ông Ājīvaka Upaka nhìn thấy ta trên đường và nói rằng: ‘Này thiện hữu, các căn của ông sáng rõ, màu da của ông trong và sáng. Này thiện hữu, ông đã xuất gia theo ai? Ai là sư thầy của ông? Ông tu hành theo Giáo Pháp của ai?’ Ta đã trả lời ông Ajivaka Upaka bằng mấy vần kệ như sau: ‘Ta là người đã vượt trên tất cả, một bậc hiểu biết tất cả, Không còn dính nhiễm giữa mọi thứ; từ bỏ tất cả, Đã giải-thoát nhờ chấm dứt dục-vọng, Sau khi đã tự mình biết tất cả điều đó. Vậy có ai để ta chỉ người đó là thầy của ta? ‘Ta không có thầy, và không có ai như ta Đang có mặt trong tất cả thế gian này, Với những thiên thần trong đó. Bởi vì ta không có ai là người đối-xứng ta. ‘Vì ta là một A-la-hán trong thế gian, Ta là vị thầy tối cao. Chỉ mình ta là bậc Toàn Giác, Mọi thứ lửa (trong ta) đã bị dập tắt và tắt bặt. ‘Giờ ta đi đến thành Kāsi, Để thiết lập sự chuyển dịch Bánh Xe Giáo Pháp. Trong một thế gian đã bị mù quáng, Ta đi dóng lên tiếng trống của sự Bất Tử.’ (Upaka nói:) ‘Này bạn, theo cách ông tuyên bố,

chắc ông là Bậc Chiến Thắng (trong) Vũ Trụ.’309
‘Bậc chiến thắng là những người giống ta,
Người đã dành được ‘sự tiêu-diệt ô-nhiễm’.
Ta đã đánh bại tất cả mọi trạng thái xấu ác,
Bởi vậy, này Upaka, ta là một bậc chiến thắng.’
“Sau khi lời này đã được nói ra, ông Ajivaka Upaka đã nói: ‘Này bạn, mong điều đó đúng là vậy.’ Sau khi lắc đầu (vì không tin), ông ta rẽ đường khác và đi mất.310

26. “Rồi, này các Tỳ kheo, sau khi đã đi bộ nhiều chặng, ta đã tới Bārānasī, tới khu Vườn Nai ở Isipatana, và ta đã đến chỗ năm vị tu sĩ đó. Các vị tu sĩ đó nhìn thấy ta đang từ xa đi tới, và họ có sự thỏa hiệp với nhau rằng: ‘Này các đạo hữu, kìa là sa-môn Cồ-Đàm, người đang sống kiểu thụ hưởng, người đã bỏ cuộc chuyên-cần tu (tu hành xác khổ hạnh) và đã quay lại đời sống thụ hưởng. Chúng ta chớ nên kính chào hay đứng dậy hay nhận y áo và bình bát của ông ta. Nhưng có thể để cho ông ta một chỗ

ngồi. Nếu ông ta thích, ông ta có thể ngồi xuống.' Tuy nhiên, khi ta tới gần, những vị tu sĩ đó cảm thấy họ không thể giữ đúng như lời thỏa hiệp đó. Một vị đã bước ra gặp ta và nhận lấy bình bát và cà sa của ta, một vị khác chuẩn bị một chỗ ngồi cho ta, và vị khác đưa nước cho ta rửa chân ta; tuy nhiên lúc đó họ vẫn còn gọi ta bằng tên và xưng bằng 'bạn'.311

27. "Lúc đó ta mới nói với họ: 'Này các Tỳ kheo, đừng gọi Như Lai bằng tên và xưng "bạn". Như Lai là một A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hãy lắng nghe, này các Tỳ kheo, sự Bất Tử đã được chứng ngộ. Ta sẽ hướng dẫn các thầy, ta sẽ truyền dạy Giáo Pháp cho các thầy. Sau khi thực hành như đã được hướng dẫn, ngay trong kiếp này, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, các thầy sẽ sớm chứng nhập và an trú trong mục- tiêu tối thượng đó của đời sống tâm linh mà vì (mục-tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.'

KINH CUỘC TÌM CẦU THÁNH THIỆN • 237

"Khi lời này đã được nói ra, nhóm năm vị tu sĩ đã trả lời ta như vầy: 'Này bạn Cồ-đàm, bằng đức-hạnh, sự tu-tập, và sự thực-hiện những việc tu khổ-hạnh mà bạn đã làm trước đây, thì bạn đã không đạt tới những trạng thái siêu nhân nào hay sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh cả.312 Vì bây giờ bạn sống kiểu thụ hưởng, là người đã bỏ cuộc chuyên-cần tu (tu hành xác khổ hạnh) và đã quay lại đời sống đời thụ hưởng, làm sao bạn đạt tới những trạng thái siêu nhân nào hay sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh?' Sau khi lời này đã được nói ra (bởi họ), ta nói với họ rằng: 'Như Lai không sống kiểu thụ hưởng, cũng không từ bỏ sự chuyên-cần tu (tinh cần) và quay lại đời sống thụ hưởng. Như Lai là một A-la-hán, một bậc Toàn Giác. Hãy lắng nghe, này các Tỳ kheo, sự Bất Tử đã được chứng ngộ. Ta sẽ hướng dẫn các thầy, ta sẽ truyền dạy Giáo Pháp cho các thầy … mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc khác nhau đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' "Lần thứ hai nhóm năm vị tu sĩ lại nói với ta: 'Này bạn Cồ-đàm … làm sao bạn đạt tới những trạng thái siêu nhân nào hay sự khác-biệt nào về trí- biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh?' Lần thứ hai ta cũng nói lại với họ rằng: 'Như Lai không sống kiểu thụ hưởng … Ta sẽ hướng dẫn các thầy, ta sẽ truyền dạy Giáo Pháp cho các thầy … mà vì (mục-tiêu) đó những người họ tộc khác nhau đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Lần thứ hai nhóm năm vị tu sĩ lại nói với ta: 'Này bạn Cồ-đàm … làm sao bạn đạt tới những trạng thái siêu nhân nào hay sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh?'

28. "Sau khi điều này được nói ra (bởi họ), ta đã hỏi họ: 'Này các Tỳ kheo, các thầy có từng biết ta đã từng nói như vậy trước đây không?'— 'Chưa từng, thưa ngài.'313—'Này các Tỳ kheo, Như Lai là một A-la-hán, bậc Toàn Giác. Hãy lắng nghe, này các Tỳ kheo, sự Bất Tử đã được chứng ngộ. Ta sẽ hướng dẫn các thầy, ta sẽ truyền dạy Giáo Pháp cho các thầy.

Sau khi thực hành như đã được hướng dẫn, ngay trong kiếp này, bằng sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, các thầy sẽ sớm chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng đó của đời sống tâm linh mà vì đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.'

29. "Ta đã có thể thuyết phục nhóm năm vị Tỳ kheo đó.314 Rồi sau đó, có lúc ta chỉ dạy cho hai vị Tỳ kheo trong khi ba người kia đi khất thực, và sáu người chúng ta đã sống nhờ những thức ăn do ba Tỳ kheo đó đi khất thực mang về. Có lúc ta chỉ dạy cho ba vị Tỳ kheo trong khi hai người kia đi khất thực, và sáu người chúng ta đã sống nhờ những thức ăn do hai Tỳ kheo đó đi khất thực mang về.

30. "Rồi nhóm năm vị Tỳ kheo, đã được ta chỉ dạy và hướng dẫn như vầy: tự họ phải bị [sự] (tái) sinh, sau khi đã hiểu được sự nguy-hại trong thứ phải bị [sự] (tái) sinh, họ đi tìm sự vô-sinh an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự họ phải bị già, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị già, họ đi tìm sự vô-già an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự họ phải bị chết, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị chết, họ đi tìm sự bất-tử an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự họ phải bị buồn sầu, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị buồn sầu, họ đi tìm sự vô-sầu an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc, đó là Niết-bàn; tự họ phải bị ô nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy-hại trong những thứ phải bị ô nhiễm, họ đi tìm sự vô-nhiễm an toàn tối thượng thoát khỏi sự trói- buộc, đó là Niết-bàn. Trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy) đã khởi sinh trong họ như vầy: 'Sự giải-thoát này là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của chúng ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu nữa.'

(Khoái lạc giác quan)

31. "Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác quan (ngũ dục lạc).315 Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục

dục. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai … Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi … Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … Những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục. Đây là năm dây khoái-lạc giác quan.

32. "Những tu sĩ và bà-la-môn nào bị trói buộc với năm dây khoái-lạc giác quan (dục lạc), bị say mê với chúng và hoàn toàn dính vào chúng, và họ hưởng dụng chúng mà không nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng hay không hiểu được sự thoát-khỏi chúng, thì họ có thể được hiểu là: 'Đã gặp phải tai họa, đã gặp phải khổ nạn, Ác Ma có thể làm bất cứ gì với họ theo ý hắn.' Ví dụ có một con nai rừng đã bị trói nằm trên một đống bẫy sập; nó có thể được hiểu là: 'Đã gặp phải tai họa, đã gặp phải khổ nạn, ông thợ săn có thể làm bất cứ gì với nó theo ý ông ta.' Cũng giống như vậy, những tu sĩ và bà-la-môn bị trói buộc với năm dây khoái-lạc giác quan … thì họ có thể được hiểu là: 'Đã gặp phải tai họa, đã gặp phải khổ nạn, Ác Ma có thể làm bất cứ gì với họ theo ý hắn.'

33. “Những tu sĩ và bà-la-môn nào không bị trói buộc với năm dây khoái-lạc giác quan, không bị say mê với chúng và hoàn toàn không dính vào chúng, và họ sử dụng chúng sau khi nhìn thấy sự nguy-hại trong chúng và sau khi hiểu được sự thoát-khỏi chúng, thì họ có thể được hiểu là: ‘Không gặp phải tai họa, không gặp phải khổ nạn, Ác Ma không thể làm gì họ theo ý hắn.’316 Ví dụ có một con nai rừng không đã bị trói nằm trên một đống bẫy sập; nó có thể được hiểu là: ‘Không gặp phải tai họa, không gặp phải khổ nạn, ông thợ săn không thể làm gì nó theo ý ông ta.’ Cũng giống như vậy, những tu sĩ và bà-la-môn không bị trói buộc với năm dây khoái-lạc giác quan … thì họ có thể được hiểu là: ‘Không gặp phải tai họa, không gặp phải khổ nạn, Ác Ma không thể làm gì họ theo ý hắn.’

34. “Ví dụ có một con nai rừng đang đi trong rừng sâu: nó đi một cách tự tin, đứng một cách tự tin, ngồi một cách tự tin, nằm một cách tự tin. Vì sao vậy? Bởi vì nó ở ngoài tầm giăng bẫy của thợ săn. Cũng giống như

vậy: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương, đã trở thành không còn nhìn thấy được đối với Ác Ma bằng cách tước bỏ cơ hội đó khỏi mắt Ma Vương.317

35. (2) “Lại nữa: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét. Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

36. (3) “Lại nữa: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’ Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

37. (4) “Lại nữa: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

38. (5) “Lại nữa: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể- sắc (thuộc sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa- dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên

xứ [cảnh xứ không gian vô biên].’ Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

39. (6) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’ Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

40. (7) “Lại nữa: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’ Tỳ kheo này được cho được cho là đã bịt mắt Ma Vương …

41. (8) “Lại nữa: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’ Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương, đã trở thành không còn nhìn thấy được đối với Ác Ma bằng cách tước bỏ cơ hội đó khỏi mắt Ma Vương.

42. (9) “Lại nữa: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].’ Và những ô-nhiễm (lậu hoặc) của người đó đã được tiêu diệt bằng sự nhìn-thấy bằng trí-tuệ. Tỳ kheo này được cho là đã bịt mắt Ma Vương, đã trở thành không còn nhìn thấy được đối với Ác Ma bằng cách tước bỏ cơ hội đó khỏi mắt Ma Vương.318 Người đó đi một cách tự tin, đứng một cách tự tin, ngồi một cách tự tin, nằm một cách tự tin. Vì sao vậy? Bởi vì người đó ở ngoài tầm bẫy của Ác Ma.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

27. TIỂU KINH VÍ DỤ DẤU CHÂN VOI (Cūḷahatthipadopama Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.319 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ, vào lúc giữ trưa, có bà-la-môn tên Jāṇussoṇi đang đi trên chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi những con ngựa cái trắng. Ông ta nhìn thấy du sĩ Pilotika đang đi tới từ xa, và hỏi du sĩ: “Thầy Vacchāyana đi đâu về vào lúc giữa trưa như vậy?”320 “Thưa ngài, tôi đang đi về từ chỗ gặp sa-môn Cồ-Đàm.” “Thầy Vacchāyana nghĩ gì về sự sáng suốt của trí-tuệ của sa-môn Cồ- Đàm? Ông ta là người hiền trí, có phải vậy không?” “Thưa ngài, tôi là ai mà biết được sự sáng suốt của trí-tuệ của sa-môn Cồ-Đàm? Chắc chắn phải là người ngang bằng với bậc ấy thì mới biết được sự sáng suốt của trí-tuệ của bậc ấy.” “Thầy Vacchāyana đang khen ngợi sa-môn Cồ-Đàm với lời khen ngợi cao nhất đó.” “Thưa ngài, tôi là ai mà khen ngợi sa-môn Cồ-Đàm? Sa-môn Cồ-Đàm được khen ngợi bởi những người được khen ngợi nhất trong số những thiên thần và loài người.” “Thầy Vacchāyana nhìn thấy những lý do gì mà có niềm-tin chắc chắn về sa-môn Cồ-Đàm đến mức như vậy?”

3. “Thưa ngài, giả sử có một người săn voi khôn khéo đi vô khu rừng voi và nhìn thấy một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn. Người đó có thể đi đến kết luận rằng: ‘Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.’ Cũng giống như vậy, khi tôi nhìn thấy bốn dấu chân của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận rằng: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo

Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.’ Bốn (dấu chân) đó là gì?

4. “Thưa ngài, tôi đã thấy nhiều bậc thánh nhân thông thái, những người rất khôn khéo, có hiểu biết về những giáo thuyết của những người khác, biện lý sắc xảo như chẻ được sợi tóc; họ đến đây đến đó, đả kích những quan-điểm của những người khác bằng trí khôn sắc xảo của họ. Khi họ nghe tin: ‘Sa-môn Cồ-Đàm sẽ tới một ngôi làng hay một thị trấn nào đó’, họ sắp đặt (chuẩn bị) một vấn đề như vầy: ‘Chúng ta sẽ tới gặp sa- môn Cồ-Đàm để hỏi ông ta câu hỏi này. Nếu bị hỏi như vầy, ông ta sẽ trả lời như vầy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách này; còn nếu bị hỏi như vậy, ông ta sẽ trả lời như vậy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách kia.’ “Rồi họ nghe tin: ‘Sa-môn Cồ-Đàm đã tới một ngôi làng hay thị trấn.’ Họ đi tới gặp sa-môn Cồ-Đàm, và sa-môn Cồ-Đàm đã hướng dẫn, khởi xướng, phát khởi, và làm hoan hỷ họ bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp. Sau khi họ được hướng dẫn, được khởi xướng, được phát khởi, và được làm hoan hỷ như vậy bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp, họ thậm chí không còn muốn hỏi bậc ấy những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ giáo thuyết của bậc ấy nữa? Sự thật là, họ đã trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi tôi nhìn thấy dấu chân thứ nhất này của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.’

5. “Lại nữa, tôi đã thấy nhiều bà-la-môn thông thái, những người rất khôn khéo ... Sự thật là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi tôi nhìn thấy dấu chân thứ hai của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện ... ’.

6. “Lại nữa, tôi đã thấy nhiều gia chủ thông thái, những người rất khôn khéo ... Sự thật là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi

tôi nhìn thấy dấu chân thứ ba của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện ... ’.

7. “Lại nữa, tôi đã thấy nhiều tu sĩ (sa-môn) thông thái, những người rất khôn khéo ... họ thậm chí không còn muốn hỏi bậc ấy những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ giáo thuyết của bậc ấy nữa? Sự thật là, họ đã hỏi xin sa-môn Cồ-Đàm cho phép họ từ bỏ đời sống gia đình để đi sống đời xuất gia, và sa-môn Cồ-Đàm đã cho phép họ xuất gia tu hành. Sau một thời gian, sau khi họ đã xuất gia, sống một mình, lui

về (thu mình), chuyên chú (tu tập), nhiệt thành, và kiên định, bằng cách tự mình chứng ngộ trí-biết trực tiếp nên ngay trong kiếp này [ngay bây giờ và tại đây] họ chứng nhập và an trú trong những mục-tiêu tối thượng đó của đời sống tâm linh (sự giác ngộ, sự giải thoát), mà vì (mục tiêu) đó những người họ tộc đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống đời xuất gia tu hành. Họ đã nói như vầy: 'Chúng tôi đã từng quá lầm lạc, chúng tôi đã từng quá điêu tàn, bởi trước kia chúng tôi cứ tuyên bố mình là tu sĩ (sa-môn) dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những tu sĩ; chúng tôi cứ tuyên bố mình là những bà-la-môn dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những bà-la-môn; chúng tôi cứ tuyên bố mình là những A-la-hán dù lúc đó chúng tôi không thực sự là những A-la-hán. Nhưng bây giờ chúng tôi mới là những tu sĩ, giờ chúng tôi mới là những bà-la-môn (đích thực), giờ chúng tôi mới là những A-la-hán.' Khi tôi nhìn thấy dấu chân thứ tư của sa-môn Cồ-Đàm, tôi đã đi đến kết luận rằng: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.'"

8. Khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇi đã bước xuống khỏi chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi những con ngựa trắng, và xếp phần y trên qua một vai, ông ta chắp hai tay hướng về hướng đức Thế Tôn (đang ở), và ông đã thốt ra những lời sau đây ba lần: "Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la- hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn

Giác! Có lẽ một ngày nào đó chúng ta sẽ đến gặp Thầy Cồ-đàm và có cuộc đàm đạo với bậc ấy."

9. Rồi bà-la-môn Jāṇussoṇi đã đến gặp đức Thế Tôn và kính chào chào đức Thế Tôn. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và kể lại toàn bộ câu chuyện giữa ông với du sĩ Pilotika (như trên). Lúc đó, đức Thế Tôn nói với ông: "Này bà-la-môn, tới chỗ này chuyện ví dụ về dấu chân voi vẫn chưa được nói đầy đủ chi tiết. Để biết nó một cách đầy đủ chi tiết, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói."—"Dạ, thưa Thầy Cồ-đàm", bà-la-môn Jāṇussoṇi đáp lại.

10. "Này bà-la-môn, (1) giả sử có một người săn voi đi vô khu rừng voi và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn. Một thợ săn voi khôn khéo sẽ không vội kết luận: 'Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.' Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có nhiều con voi cái nhỏ cũng để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. (2) Người thợ săn lần theo dấu chân và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn, nhiều chỗ cọ xát với phần cao của các cây xung quanh. Một thợ săn khôn khéo vẫn chưa vội đi đến kết luận: 'Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.' Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có những con voi cái có ngà và để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. (3) Người thợ săn lại lần theo dấu chân và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn, và có nhiều chỗ cọ xát với phần cao của các cây xung quanh, và có những dấu cắt xát bằng ngà voi. Một thợ săn khôn khéo vẫn chưa vội đi

đến kết luận: ‘Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.’ Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có nhiều con voi cái cao cũng có ngà lớn và để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. (4) Người thợ săn tiếp tục lần theo dấu chân và nhìn thấy một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn, và có nhiều chỗ cọ xát với phần cao của các cây xung quanh, và có những dấu cắt xát bằng ngà voi, và nhiều cành cây bị gãy đổ. Và anh ta nhìn thấy một con voi đực lớn đang dưới gốc cây,

hoặc đang ở chỗ trống, hoặc đang đi quanh, hoặc đang ngồi, hoặc đang nằm. Lúc đó anh ta mới đi đến kết luận: ‘Đó là một con voi đực lớn.’

11. “Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, một Như Lai xuất hiện trong thế gian, là bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã hoàn thiện trí-biết đích thực (chân trí), là bậc phúc lành, bậc hiểu biết những thế giới, là người dẫn dắt tối thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc giác-ngộ [Phật], bậc thế tôn Sau khi đã chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong quần thể này có những tu sĩ và bà- la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành lúc giữa, và tốt lành lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh được toàn thiện và tinh khiết.

12. “Ví dụ một gia chủ [hay con trai của ông ta] hay người được sinh ra trong họ tộc khác nghe được Giáo Pháp đó. Khi nghe Giáo Pháp người đó đạt được niềm-tin vào Như Lai. Có được niềm-tin đó, người đó suy xét như vầy: ‘Đời sống tại gia là chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia thì rộng mở. Không dễ gì sống ở nhà mà có thể dẫn dắt một đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết như một vỏ sò được chà trắng. Hay ta cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Rồi sau đó, sau khi đã dẹp bỏ một gia sản nhỏ hay gia sản lớn, người đó đã cạo bỏ râu tóc, khoát cà sa màu vàng úa, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

13. “Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-tập và lối-sống của những Tỳ kheo; (1) sau khi dẹp bỏ việc sát-sinh, người đó kiêng cữ sự sát- sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, hiền hậu, người đó sống tha thương bi-mẫn với tất cả chúng sinh. (2) Sau khi dẹp bỏ gian-cắp, người đó kiêng cữ sự gian-cắp (lấy những thứ không được cho); chỉ nhận lấy thứ được cho, chỉ trông chờ thứ được cho; bằng sự không gian-cắp người đó sống an trú trong sự trong-sạch (thanh khiết). (3) Sau khi dẹp bỏ việc

dâm-dục (quan hệ giới tính), người đó giữ giới sống độc-thân, sống tách- ly, kiềm chế và không làm hành vi tính dục nào. “(4) Sau khi dẹp bỏ việc nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo; người đó chỉ nói sự thật, nói theo sự thật, (làm người) đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người lừa dối trong đời. (5) Sau khi dẹp bỏ lời nói hiểm-độc, người đó kiêng cữ sự nói lời hiểm-độc; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người khác, người đó không mách đi kể lại

những chuyện làm chia rẽ người khác với người này; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó ưa thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (6) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ sự nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, lễ độ, được số đông mong muốn, và được số đông hài lòng. (7) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cữ sự nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói như đáng nghe đáng nhớ, hợp lý, đúng mực, và có ích lợi. "(8) Người đó kiêng cữ sự phá-hoại hạt giống và cây cối. Người đó chỉ ăn mỗi ngày một bữa, kiêng cữ sự ăn ban đêm hoặc ăn ngoài giờ thích hợp (phi thời).321 (9) Người đó kiêng cữ sự tham gia hoặc đi coi múa, hát, nhạc, kịch và những màn diễn không phù hợp. (10) Người đó kiêng cữ sự đeo vòng hoa, sự làm đẹp bản thân bằng dầu thơm nước hoa, sự tôn tạo mình bằng son phấn. (11) Người đó kiêng cữ sự dùng ghế ngồi và giường nằm cao và sang. (12) Người đó kiêng cữ sự nhận vàng bạc. Người đó kiêng cữ sự nhận gạo, đậu, ngũ cốc chưa được nấu chín. Người đó kiêng cữ sự nhận thịt sống. Người đó kiêng cữ sự nhận lấy phụ nữ và thiếu nữ. Người đó kiêng cữ sự nhận người nô lệ phục dịch dù là nam hay nữ. Người đó kiêng cữ sự nhận dê hay cừu. Người đó kiêng cữ sự nhận gà vịt (gia cầm) hay heo. Người đó kiêng cữ sự nhận voi, trâu, bò, ngựa hay

ngựa cái (gia súc). Người đó kiêng cữ sự nhận ruộng đồng hay đất đai. (13) Người đó kiêng cữ sự làm những việc lặt vặt đây đó (không phải phận sự) hoặc đi báo tin cho người này người nọ (theo kiểu rảnh rang, ngoài phận sự). (14) Người đó kiêng cữ sự mua bán buôn bán. (15) Người đó kiêng cữ sự cân gian, đong lận, lừa lọc tiền bạc. (16) Người đó kiêng cữ sự chấp nhận tiền đút lót, sự lừa gạt, lừa đảo, và gian trá. (17) Người đó kiêng cữ sự làm tổn hại, giết hại, bắt cóc, cướp bóc, chiếm đoạt, và bạo hành.

14. "Người đó hài lòng với y phục che thân, hài lòng với thức ăn được cho (khất thực) để nuôi giữ bụng (khỏi đói yếu), và dù đi bất cứ đâu, người đó cũng chỉ có hai thứ đó mà thôi. Giống như chim trời, dù bay đi đâu cũng chỉ mang theo hai cánh để bay; tương tự vậy, một Tỳ kheo Tỳ kheo biết hài lòng với y phục để che thân và thức ăn được cho để giữ bụng, và dù có đi tới đâu người đó cũng chỉ mang theo y phục và bình bát khất thực. Sau khi có được một mớ (tập hợp, đống, uẩn) đức-hạnh (giới hạnh) như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình niềm hạnh-phúc (là) phi tội lỗi đó.

15. "Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét (tướng chung và tướng riêng) của chúng.322 Vì nếu người đó để căn mắt không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn mắt. "Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi- hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm nhận một đối-tượng chạm-xúc bằng thân … Khi

nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đường-nét của chúng. Bởi vì, nếu người đó để căn tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó,

người đó phòng hộ căn mắt, người đó đảm nhận việc kiềm chế căn. Sau khi có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình một niềm hạnh-phúc thanh trong (không bị ố nhiễm, không vẩn đục).

16. “Người đó trở thành người hành động với sự rõ-biết (tỉnh giác) khi đang đi tới hoặc đang đi lại; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang nhìn thẳng hoặc đang nhìn hướng khác; người hành động với sự rõ- biết hoàn toàn khi đang co hoặc đang duỗi tay chân; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang mặc y phục hoặc khi đang mang cà sa và bình bát; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang ăn, khi đang uống, đang nhai, hoặc đang nếm; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang đi tiểu tiện hoặc khi đang đi đại tiện; người hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang bước đi, khi đang đứng, đang ngồi, đang nằm, đang thức dậy, đang nói, hoặc khi đang im lặng.

17. “Sau khi có được một mớ (đống, uẩn) đức-hạnh thánh thiện như vậy, và có được sự kiềm-chế thánh thiện của các (sáu) căn như vậy, và có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết thánh thiện như vậy, người đó lui về một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm.

18. “Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Dẹp bỏ (i) sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm-muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn.323 “Sau khi đã dẹp bỏ (ii) sự ác-ý và sân-giận (sân) người đó an trú với một cái tâm không còn ác-ý (vô sân), tha thương bi-mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và sân-giận.

“Sau khi đã dẹp bỏ (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ người đó an trú không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức về ánh-sáng, có chánh-niệm và rõ- biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. “Sau khi đã dẹp bỏ (iv) sự bất-an và hối-tiếc người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. “Sau khi đã dẹp bỏ (v) sự nghi-ngờ, người đó an trú sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn rối bối rối về những trạng thái bất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

19. “Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại như vậy, đó là những ô- nhiễm làm suy yếu trí-tuệ: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục-lạc), tách ly khỏi những trạng

thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' "Này bà-la-môn, điều này (bước tu này) được gọi là dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết 'cọ xát' bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai, nhưng một đệ tử thánh thiện không vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.'324

20. (2) "Lại nữa: 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.' "Này bà-la-môn, điều này (bước tu này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…'.

252 • Chương 3

21. (3) "Lại nữa: 'Với sự phai biến (lọc bỏ) luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: "Người đó buông xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc".' "Này bà-la-môn, điều này (bước tu này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…'.

22. (4) "Lại nữa: 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.' "Này bà-la-môn, điều này này (bước tu này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…'.

23. (5) "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị ố nhiễm, đã loại hết ô-nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhớ-lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh). Người đó đã nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn ra, nhiều đại kiếp thế giới co lại và giãn ra: (người đó nhớ rõ): … [tiếp tục giống y mục 27, kinh MN 04 ở trên] … Như vậy, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.

TIỂU KINH VÍ DỤ DẤU CHÂN VOI • 253

"Này bà-la-môn, điều này (loại trí-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc

giác-ngộ toàn thiện…’.

24. (6) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của chúng sinh (thiên nhãn minh). Như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình như vầy: … [tiếp tục giống y mục 29, kinh MN 04 ở trên] … Như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp của mình như vậy. “Này bà-la-môn, điều này (loại trí-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện…’.

25. (7) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). Người đó hiểu đúng như chúng thực là: ‘Đây là khổ. Đây là nguồn-gốc khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ.’ Người đó hiểu đúng như chúng thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm. Đây là nguồn gốc những ô-nhiễm. Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm. Đây là con- đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm.’

“Này bà-la-môn, điều này (loại trí-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết ‘cọ xát’ bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai, nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.’ Lúc này vị đệ tử thánh thiện đó vẫn còn đang trên tiến trình đi đến kết luận như vậy.325

26. (8) “Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải-thoát khỏi sự ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi sự ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi sự ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Tâm được giải- thoát.’ Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ “Này bà-la-môn, điều này (sự thấy-biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết ‘cọ xát’ bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai. Tới lúc này một vị đệ tử thánh thiện mới đi đến kết luận rằng: ‘Đức Thế Tôn là bậc giác-ngộ toàn thiện, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, Tăng Đoàn

đang tu tập phương cách tốt lành.’326 Này bà-la-môn, đến lúc này chuyện ví dụ về dấu chân voi đã được nói đầy đủ chi tiết.”

27. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇi đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu thưa Thầy Cồ- đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như Thầy đã đang dựng đứng lại thứ đã bị quăng đổ, khai mở điều đã bị che dấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ- đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ- đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến cuối đời.”

28. ĐẠI KINH VÍ DỤ DẤU CHÂN VOI (Mahāhatthipadopama Sutta)

1. Tôi nghe như vầy.327 Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvat- thī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo”— “Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

2. “Này các đạo hữu, giống như dấu chân của mọi sinh vật khi bước đi để lại đều có thể nằm lọt trong dấu chân voi, và do vậy dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu trong mọi dấu chân vì kích cỡ lớn của nó; cũng giống như vậy, mọi trạng thái thiện lành đều có thể nằm trong Bốn Diệu Đế.328 Bốn đó là gì? Trong diệu đế về sự khổ, trong diệu đế về nguồn-gốc khổ, trong diệu đế về sự chấm-dứt khổ, và trong diệu đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

3. “Và cái gì là diệu đế về sự khổ (Diệu Đế 1, khổ đế)? Sinh là khổ, già là khổ, chết là khổ; sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng là khổ; không được cái mình muốn là khổ; nói ngắn gọn, năm uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp là khổ.

4. “Và cái gì là năm uẩn (đống) bị dính-chấp? Đó là: uẩn sắc-thân bị dính-chấp (sắc uẩn), uẩn cảm-giác bị dính chấp (thọ uẩn), uẩn nhận-thức bị dính-chấp (tưởng uẩn), uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính-chấp (hành uẩn), và uẩn thức bị dính-chấp (thức uẩn).

5. “Và cái gì là uẩn sắc-thân bị dính chấp? Đó là bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và thể-sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó. Và cái gì là bốn yếu-tố lớn? Đó là yếu-tố đất, yếu-tố nước, yếu-tố nhiệt (lửa), yếu-tố khí (gió).

(Yếu-tố đất)

6. “Này các đạo hữu, cái gì là yếu-tố đất? Yếu-tố đất có thể là thuộc bên-trong hay bên-ngoài. Cái gì là yếu-tố đất bên-trong? Mọi thứ ở bên-

trong, thuộc về bản thân, là thể cứng, được làm cứng, bị dính-chấp; thứ thuộc sắc-uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp; đó là, tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, ruột, màng treo, thành phần của bao tử, phân, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên-trong, thuộc bản thân, là thể cứng, được làm cứng, và bị

dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố đất bên-trong.329 Giờ thì cả yếu-tố đất bên-trong và yếu-tố đất bên-ngoài đều chỉ là yếu-tố đất.330 Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải 'của- ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'.' Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh-ngộ (không còn mê thích; tỉnh mộng) với yếu-tố đất và làm cho tâm chán-bỏ đối với yếu-tố đất.

7. "Giờ, tới một lúc khi yếu-tố nước bị xáo trộn và rồi yếu-tố đất ở bên- ngoài biến mất.331 Ngay cả yếu-tố đất ở bên-ngoài này, nó to lớn vĩ mô như vậy, còn được nhìn thấy là vô-thường, phải bị hủy hoại, biến mất, và biến đổi, nói chi tới thân này, bị dính-chấp bởi dục-vọng và chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn? Nên không thể coi (thân) đó là 'ta', hay 'của- ta', 'bản ngã của ta'.332

8. "Vậy thì, nếu những người khác có sỉ nhục, mắng, chửi, và chọc phá một Tỳ kheo [là người đã nhìn thấy yếu-tố đất này đúng như nó thực là], thì Tỳ kheo đó biết hiểu như vầy: 'Cảm-giác (thọ) khổ đau này, được sinh ra từ sự tiếp-xúc mắt, đã khởi sinh trong tôi. Đó là tùy thuộc, không phải độc lập. Tùy thuộc vào cái gì? Tùy thuộc vào sự tiếp-xúc (xúc).'333 Rồi người đó nhìn thấy sự tiếp-xúc đó là vô-thường, cảm-giác đó là vô-thường, nhận-thức đó là vô-thường, những sự tạo-tác cố ý đó là vô- thường, và thức đó là vô-thường; (sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô- thường). Và tâm người đó, sau khi đã lấy một yếu-tố làm 'chỗ-dựa khách quan' của nó, nhập vào [chỗ-dựa khách quan mới đó] và đạt được sự tự- tin, sự ổn-định, và sự quả-quyết.334

9. "Bây giờ, nếu những người khác có tấn công Tỳ kheo đó theo những cách mình không muốn, không mong, và khó chịu bằng sự tiếp-xúc bằng nắm đấm, đá cục, gậy gộc, hay dao kiếm, thì Tỳ kheo đó biết hiểu như vầy: 'Thân này vốn có bản chất để tiếp xúc với những nắm đấm, đá cục, gậy gộc, và dao kiếm tấn công nó.335 Nhưng điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong "ví dụ cái cưa" (kinh MN 21 ở trên) rằng: "Này các Tỳ kheo, ngay cả khi đám kẻ cướp cắt tay chân của các thầy một cách dã man bằng một cái cưa hai đầu, nếu ai có khởi lên một tâm thù-ghét đối với họ thì coi như người đó không thực hiện lời dạy của ta."336 Do vậy sự nỗ-lực (tinh tấn) không mệt mỏi nên được phát khởi trong ta và sự chánh-niệm liền tục (không gián đoạn) được thiết lập, thân ta sẽ được tĩnh lặng và không bị quấy động, thân ta đạt định và hợp nhất. Và giờ cứ để sự tiếp- xúc bằng nắm đấm, đá cục, gậy gộc, và dao kiếm tấn công thân này; bởi vì giáo lý này của những vị Phật đang được thực hành (bởi ta).'

10. "Khi Tỳ kheo đó tưởng niệm như vậy về Phật, Pháp, Tăng, nếu sự buông-xả được trợ giúp bởi những điều (trạng thái) thiện không được thiết lập bên trong Tỳ kheo đó, thì Tỳ kheo đó phát khởi một 'cảm-nhận về cấp-bách' như vầy: 'Điều đó là mất mát cho ta, điều đó là không lợi lạc cho ta, điều đó là tệ cho ta, điều đó là không tốt cho ta, rằng khi ta tưởng niệm như vậy về Phật, Pháp, Tăng mà sự buông-xả được trợ giúp bởi những điều thiện không được thiết lập bên trong ta.'337 Giống như khi một cô con dâu nhìn thấy cha chồng, cô ta phát khởi 'một cảm-nhận về sự cấp- bách' [để phụng sự làm vui

lòng ông ta]; cũng giống như vậy khi một Tỳ kheo tưởng niệm như vậy về Phật, Pháp, Tăng, nếu sự buông-xả được trợ giúp bởi những điều thiện không được thiết lập bên trong Tỳ kheo đó, thì Tỳ kheo đó phát khởi 'một cảm-nhận về sự cấp-bách'. Nhưng nếu, khi người đó tưởng niệm như vậy về Phật, Pháp, Tăng mà sự buông-xả được trợ giúp bởi những điều thiện được thiết lập bên Tỳ kheo đó, thì Tỳ kheo đó hài lòng với điều đó. Đến thời điểm này, này các Tỳ kheo, nhiều (sự tu tập) đã được làm xong bởi Tỳ kheo đó.

(Yếu-tố nước)

11. "Này các đạo hữu, cái gì là yếu-tố nước? Yếu-tố nước có thể là thuộc bên-trong hay bên-ngoài. Cái gì là yếu-tố nước bên-trong? Mọi thứ ở bên-trong, thuộc bản thân, là nước, là thể nước, và bị dính-chấp; đó là, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước nhày, nước bọt, nước mũi, nhớt các khớp xương, nước tiểu, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên-trong, thuộc bản thân, là thể nước, như nước, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố nước bên-trong. Giờ thì cả yếu-tố nước bên-trong và bên-ngoài đều chỉ là yếu-tố nước. Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'.' Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh-ngộ với yếu-tố nước và làm cho tâm mình chán-bỏ đối với yếu-tố nước.

12. "Giờ, tới một lúc khi yếu-tố nước ở bên-ngoài bị xáo trộn. Nó cuốn đi những làng mạc, thị trấn, thành phố, huyện lỵ, và những xứ sở. Tới một lúc khi nước trong đại dương cạn xuống một trăm do-tuần, hai trăm do- tuần, ba trăm do-tuần, bốn trăm do-tuần, năm trăm do-tuần, sáu trăm do- tuần, bảy trăm do-tuần. Tới một lúc khi nước trong đại dương chỉ còn sâu bằng bảy cây cọ dừa, sáu cây cọ dừa ... hai cây cọ dừa, chỉ bằng một cây cọ dừa, chỉ bằng một cây cọ dừa. Tới một lúc nước trong đại dương chỉ còn sâu bằng bảy thân người, sáu thân người ... hai thân người, chỉ bằng một thân người [một fathom]. Đến một lúc nước trong đại dương còn sâu bằng nửa thân người, chỉ bằng ngang hông, chỉ bằng ngang đầu gối, chỉ bằng ngang ống chân. Tới một lúc nước trong đại dương không còn đủ [để làm ướt] quá một lóng ngón tay. Ngay cả yếu-tố nước ở bên-ngoài này, nó to lớn vĩ mô như vậy, còn được nhìn thấy là vô-thường, phải bị hủy hoại, biến mất, và biến đổi, nói chi tới thân này, bị dính-chấp bởi dục-vọng và chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn? Nên không thể coi (thân) đó là 'ta', hay 'của-ta', 'bản ngã của ta'.

13. –15. "Vậy thì, nếu những người khác có sỉ nhục, mắng, chửi, và chọc phá một Tỳ kheo [là người đã nhìn thấy yếu-tố đất này đúng như nó thực là], thì Tỳ kheo đó biết hiểu như vầy: ... [tiếp tục lời kinh giống mục 8-10 kế trên] ... Đến thời điểm này cũng vậy, này các Tỳ kheo, nhiều (sự tu tập) đã được làm xong bởi Tỳ kheo đó.

(Yếu-tố lửa)

16. “Này các Tỳ kheo, cái gì là yếu-tố lửa [nhiệt]? Yếu-tố lửa là thuộc về bên-trong hay bên-ngoài. Cái gì là yếu-tố lửa ở bên-trong? Mọi thứ ở bên-trong, thuộc về bản thân, là lửa, là thể nhiệt, và bị dính-chấp; đó là, thứ bởi nó thân người được làm ấm, già đi, và được tiêu hao, và thứ bởi nó những thứ được ăn vào, được uống vào, được tiêu dùng, và được nếm sẽ được tiêu hóa hoàn toàn, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên-trong, thuộc bản thân, là lửa, là thể nhiệt, và bị dính-chấp: đây được gọi là yếu-tố lửa ở bên-trong. Giờ thì cả yếu-tố lửa bên-trong và ở bên-ngoài đều chỉ là yếu- tố lửa. Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh-ngộ với yếu-tố lửa và làm cho tâm mình chán-bỏ đối với yếu-tố lửa.

17. “Giờ, tới một lúc khi yếu-tố lửa ở bên-ngoài bị xáo trộn. Nó đốt hết những làng mạc, thị trấn, thành phố, huyện lỵ, và những xứ sở. Nó sẽ tắt đi khi hết nhiên liệu cháy chỉ khi nó gặp phải cỏ xanh, hay đường đi, hay núi đá, hay nước, hay chỗ trống không ngoài trời. Tới một lúc (lửa không còn) khi người ta phải (tuyệt vọng) cố làm ra lửa bằng một cọng lông gà hay sợi dây gân (do dù biết đó là những thứ không bao giờ bắt lửa). Ngay cả yếu-tố lửa ở bên-ngoài này, nó to lớn vĩ mô như vậy, còn được nhìn thấy là vô-thường, phải bị hủy hoại, biến mất, và biến đổi, nói chi tới thân này, bị dính-chấp bởi dục-vọng và chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn? Nên không thể coi (thân) đó là ‘ta’, hay ‘của-ta’, ‘bản ngã của ta’.

18–20. “Vậy thì, nếu những người khác có sỉ nhục, mắng, chửi, và chọc phá một Tỳ kheo [là người đã nhìn thấy yếu-tố đất này đúng như nó thực là], thì Tỳ kheo đó biết hiểu như vầy: … [tiếp tục lời kinh giống mục 8-10 kế trên] … Đến thời điểm này cũng vậy, này các Tỳ kheo, nhiều (sự tu tập) đã được làm xong bởi Tỳ kheo đó.

(Yếu-tố gió)

21. “Này các đạo hữu, cái gì là yếu-tố gió [khí]? Yếu-tố gió có thể là thuộc bên-trong hay bên-ngoài. Cái gì là yếu-tố gió ở bên-trong? Mọi thứ ở bên-trong, thuộc bản thân, là gió, thể khí, và bị dính-chấp; đó là, những hơi gió đi lên, những hơi gió đi xuống, những hơi gió trong bụng, những hơi gió trong ruột, những hơi gió luồn trong tứ chi, hơi thở-vô và hơi thở- ra, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên-trong, thuộc về bản thân, là gió, thể khí, và bị dính-chấp. Đây được gọi là yếu-tố gió ở bên-trong. Giờ thì cả yếu-tố gió ở bên-trong và ở bên-ngoài đều chỉ là yếu-tố gió. Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.’ Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí- tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh-ngộ với yếu-tố gió và làm cho tâm mình chán-bỏ đối với yếu-tố gió.

22. “Giờ, tới một lúc khi yếu-tố gió ở bên-ngoài bị xáo trộn. Nó cuốn bay những làng mạc, thị trấn, thành phố, huyện lỵ, và những xứ sở. Tới một lúc vào tháng cuối cùng của mùa nóng (khi gió không còn), người ta phải tìm kiếm chút gió bằng những

phương tiện như quạt hay ống thổi, và ngay cả những cọng rơm ở đầu mép mái tranh cũng không lay động chút nào. Ngay cả yếu-tố gió ở bên-ngoài này, nó to lớn vĩ mô như vậy, còn được nhìn thấy là vô-thường, phải bị hủy hoại, biến mất, và biến đổi, nói chi tới thân này, bị dính-chấp bởi dục-vọng và chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn? Nên không thể coi (thân) đó là 'ta', hay 'của-ta', 'bản ngã của ta'.

ĐẠI KINH VÍ DỤ DẤU CHÂN VOI • 261

23. –25. "Vậy thì, nếu những người khác có sỉ nhục, mắng, chửi, và chọc phá một Tỳ kheo [là người đã nhìn thấy yếu-tố đất này đúng như nó thực là], thì Tỳ kheo đó biết hiểu như vầy: … [tiếp tục lời kinh giống mục 8-10 kế trên] … Đến thời điểm này cũng vậy, này các Tỳ kheo, nhiều (sự tu tập) đã được làm xong bởi Tỳ kheo đó.

26. "Này các đạo hữu, giống như một khoảng không được bao quanh bởi gỗ và cây leo, rơm rạ và đất sét, nó sẽ thành được gọi là 'cái nhà'; cũng giống như vậy, khi một khoảng không được bao bọc bởi xương và gân, thịt và da, nó sẽ thành được gọi là 'sắc thân'.338

27. "Này các đạo hữu, (i) nếu ở bên-trong có mắt tốt [nguyên vẹn, không bị hư; mắt sáng], nhưng không có những hình-sắc bên ngoài đi vào tầm mắt, và không có sự tham gia [có ý thức] tương ứng, thì (sẽ) không có (không thể hiện) phần tương ứng của thức.339 (ii) Nếu ở bên-trong có mắt tốt, và những hình-sắc ở bên ngoài có đi vào tầm mắt, nhưng không có sự tham gia [có ý thức] tương ứng, thì cũng không có phần tương ứng của thức. (iii) Nhưng khi ở bên-trong có mắt tốt, và những hình-sắc bên ngoài đi vào tầm mắt, và có sự tham gia [có ý thức] tương ứng, thì có (thể hiện) phần tương ứng của thức.

28. "Thể-sắc trong thứ đã đi đến hình thành như vậy là nằm trong uẩn- sắc bị [tác động bởi sự] dính-chấp (sắc thủ-uẩn).340 Cảm-giác trong thứ đã đi đến hình thành như vậy là nằm trong uẩn cảm-giác bị dính-chấp (thọ thủ-uẩn). Nhận-thức trong thứ đã đi đến hình thành như vậy là nằm trong uẩn nhận-thức bị dính-chấp (tưởng thủ-uẩn). Những sự tạo-tác cố ý trong thứ đã đi đến hình thành như vậy là nằm trong uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính-chấp (hành thủ-uẩn). Thức trong thứ đã đi đến hình thành như vậy là nằm trong uẩn thức bị dính-chấp (thức thủ-uẩn). Người đó hiểu được như vầy: 'Đây, đúng thực, là cách đi đến hình thành sự bao gồm, sự tập hợp, sự tổ hợp các thứ thành năm uẩn bị dính-chấp này (năm thủ-uẩn). Giờ điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn: "Ai nhìn thấy 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi) là nhìn thấy Giáo Pháp; ai nhìn thấy Giáo Pháp

262 • Chương 3

là nhìn thấy 'sự khởi-sinh tùy thuộc'."341 Và năm uẩn bị dính-chấp này là khởi-sinh một cách tùy thuộc. Sự tham-muốn (dục), sự mê-đắm (mắc), sự khuynh-hướng (miên), và sự nắm-giữ (chấp) dựa trên năm uẩn bị dính- chấp này là nguồn-gốc của sự khổ.342 Sự loại bỏ tham-muốn và nhục-dục, sự dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối vơi năm uẩn bị dính-chấp này, là sự chấm-dứt khổ.' Đến thời điểm này cũng vậy, này các Tỳ kheo, nhiều (sự tu tập) đã được làm xong bởi Tỳ kheo đó.343

29. –30. “Này các đạo hữu, (i) nếu ở bên-trong có tai tốt, nhưng không có những âm-thanh đi vào tầm tai … [tiếp tục lời tương tự như trong mục 27–28] … Đến thời điểm này cũng vậy, này các Tỳ kheo, nhiều (sự tu tập) đã được làm xong bởi Tỳ kheo đó.

31. –32. “Này các đạo hữu, (i) nếu ở bên-trong có mũi tốt, nhưng không có những âm-thanh đi vào tầm mũi … [tiếp tục lời tương tự như trong mục 27–28] … Đến thời điểm này cũng vậy, này các Tỳ kheo, nhiều (sự tu tập) đã được làm xong bởi Tỳ kheo đó.

33. –34. “Này các đạo hữu, (i) nếu ở bên-trong có lưỡi tốt, nhưng không có những mùi-vị đi vào tầm lưỡi … [tiếp tục lời tương tự như trong mục 27–28] … Đến thời điểm này cũng vậy, này các Tỳ kheo, nhiều (sự tu tập) đã được làm xong bởi Tỳ kheo đó.

35. –36. “Này các đạo hữu, (i) nếu ở bên-trong có thân tốt, nhưng không có những đối-tượng hữu hình chạm xúc đi vào tầm thân … [tiếp tục lời tương tự như trong mục 27–28] … Đến thời điểm này cũng vậy, này các Tỳ kheo, nhiều (sự tu tập) đã được làm xong bởi Tỳ kheo đó.

37. “Này các đạo hữu, (i) nếu ở bên-trong có tâm tốt, nhưng không có những đối-tượng tâm ở bên ngoài đi vào tầm tâm, và không có sự tham gia [có ý thức] tương ứng, thì không có (không thể hiện) phần tương ứng của thức.344 (ii) Nếu ở bên-trong có tâm tốt, và những đối-tượng tâm ở bên ngoài đi vào tầm tâm, nhưng không có sự tham gia [có ý thức] tương ứng, thì cũng không có (không thể hiện) phần tương ứng của thức.345 (iii) Nhưng khi ở bên-trong có tâm tốt, và những đối-tượng tâm ở bên ngoài có

đi vào tầm tâm, và có sự tham gia [có ý thức] tưởng ứng, thì có (thể hiện) phần tương ứng của thức.

38. “Thể-sắc trong thứ đã đi đến hình thành như vậy là nằm trong uẩn (đống) sắc bị [tác động bởi sự] dính-chấp (sắc thủ-uẩn). Cảm-giác trong thứ đã đi đến hình thành như vậy là nằm trong uẩn cảm-giác bị dính-chấp (thọ thủ-uẩn). Nhận-thức trong thứ đã đi đến hình thành như vậy là nằm trong uẩn nhận-thức bị dính-chấp (tưởng thủ-uẩn). Những sự tạo-tác cố ý trong thứ đã đi đến hình thành như vậy là nằm trong uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính-chấp (hành thủ-uẩn). Thức trong thứ đã đi đến hình thành như vậy là nằm trong uẩn thức bị dính-chấp (thức thủ-uẩn). Người đó hiểu được như vầy: ‘Đây, đúng thực, là cách đi đến hình thành sự bao gồm, sự tập hợp, sự tổ hợp các thứ thành năm uẩn bị dính-chấp này (năm thủ-uẩn). Giờ điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn: “Ai nhìn thấy ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) là nhìn thấy Giáo Pháp; ai nhìn thấy Giáo Pháp là nhìn thấy ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’.” Và năm uẩn bị dính-chấp này là khởi-sinh một cách tùy thuộc. Sự tham-muốn (dục), sự mê-đắm (mắc), sự khuynh-hướng (miên), và sự chấp-giữ (chấp) dựa trên năm uẩn bị dính- chấp này là nguồn-gốc của sự khổ. Sự loại bỏ tham-muốn và nhục-dục, sự dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính-chấp này, là sự chấm-dứt khổ.’ Đến thời điểm này cũng vậy, này các Tỳ kheo, nhiều (sự tu tập) đã được làm xong bởi Tỳ kheo đó. Đó là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy

Xá-lợi-phất.

29. ĐẠI KINH VÍ DỤ GỖ LÕI (Mahāhatthipadopama Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu), lúc đó không lâu sau khi thầy Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) đã bỏ đi.346 Ở đó, khi đề cập đến Devadatta, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:

2. (1) “Này các Tỳ kheo, ở đây có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như vầy: ‘Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].’ Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh [lợi lộc, vinh dự, và danh tiếng]. (ii) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi như) ý-nguyện (ban đầu) của mình đã được hoàn thành. (iii) Chính do như vậy, người đó ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: ‘Tôi đã đạt được lợi, vinh, danh, nhưng những tu sĩ khác thì chưa đạt được gì, chưa được ai biết đến.’ Như vậy người đó trở nên say-sưa với sự lợi, vinh, danh đó; bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật; người đó sống trong sự khổ. - “Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, người đó chỉ cắt lấy các cành và lá mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: ‘Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, anh ta đến chỗ cây to có gỗ lõi và bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ

trong và phần vỏ ngoài, anh ta chỉ cắt lấy các cành và lá mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.’ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có một người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành … [như trên] … người đó sống trong sự khổ. Tỳ kheo này được gọi là người chỉ lấy phần cành và lá của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó.

3. (2) “Này các Tỳ kheo, ở đây có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như vầy: ‘Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].’ Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý- nguyện (ban đầu) của mình

chưa được hoàn thành. (iii) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. Người đó không bị say-sưa với sự lợi, vinh, danh; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật và không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "Giới- hạnh". (iv) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần giới- hạnh đó, và (coi như) ý-nguyện (ban đầu) của mình đã được hoàn thành. (v) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đắc được phần giới-hạnh; tôi có tính-cách (đức hạnh) tốt; nhưng những tu sĩ khác thì thiếu giới-hạnh (không đức hạnh), có tính-cách xấu.' Như vậy người đó trở nên say-sưa với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật, người đó sống trong sự khổ. - "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần vỏ ngoài mang về,

trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … anh ta chỉ cắt lấy phần vỏ ngoài mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.' Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có một người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành … người đó sống trong sự khổ. Tỳ kheo này được gọi là người chỉ lấy phần vỏ ngoài của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó.

4. (3) "Này các Tỳ kheo, ở đây có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như vầy: 'Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].' Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý- nguyện (ban đầu) của mình vẫn chưa được hoàn thành … Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "Giới-hạnh". (iii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần giới- hạnh đó, và (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành. (iv) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân và không chê bai những người khác. Vị tu sĩ đó không bị say-sưa với sự chứng đắc về phần "Giới-hạnh"; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật và không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc phần "Định-tâm" (thiền định). (v) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần định-tâm đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình đã được hoàn thành. (f) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đã đạt-định; tâm tôi đã được hợp-nhất; nhưng những tu sĩ khác thì có tâm phân-tán, với tâm của họ lăng

xăng chạy nhảy.’ Như vậy người đó trở nên say-sưa với

sự chứng đắc phần định-tâm đó, bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật, người đó sống trong sự khổ. - “Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ ngoài, và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần vỏ trong mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: ‘Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … anh ta chỉ cắt lấy phần vỏ trong mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù người đó có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.’ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có một người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành … người đó sống trong sự khổ. Tỳ kheo này được gọi là người chỉ lấy phần vỏ trong của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó.

5. (4) “Này các Tỳ kheo, ở đây có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như vầy: ‘Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].’ Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình chưa được hoàn thành.… Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần “Giới-hạnh”. (iii) Người đó có hài lòng với phần chứng đắc về giới-hạnh đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành … Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần “Định-tâm” (thiền định). (iv) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc phần định-tâm đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành. (v) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. Như vậy người đó không

bị say-sưa với sự chứng đắc về phần định-tâm; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật, không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới Trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy).347 (vi) (nhưng) Người đó đắc chí hài lòng với trí-biết và tầm-nhìn đó, và (coi) ý-nguyện của mình đã được hoàn thành. (vii) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: ‘Tôi sống biết và thấy, nhưng những tu sĩ khác sống không biết và không thấy.’ Người đó trở nên say-sưa bởi cái trí-biết và tầm-nhìn đó, bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật, người đó sống trong sự khổ. - “Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lơi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi lõi, phần vỏ ngoài, phần vỏ trong, và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần gỗ mềm mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một

người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: ‘Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … anh ta chỉ cắt lấy phần gỗ mềm mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.’ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có một người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành … người đó sống trong sự khổ. Tỳ kheo này được gọi là người chỉ lấy phần gỗ mềm trong của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó.

6. (5) “Này các Tỳ kheo, ở đây có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như vầy: ‘Tôi là một nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].’ Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-

nguyện (ban đầu) của mình chưa được hoàn thành.… Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần “Giới-hạnh”. (iii) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, nhưng (coi) ý- nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành … Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc phần “Định-tâm” (thiền định). (iv) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc phần định-tâm đó, và nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành … Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới “Trí-biết và tầm-nhìn”. (v) Người đó hài lòng với trí-biết và tầm-nhìn đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành. (vi) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. Như vậy người đó không bị say-sưa với trí-biết và tầm-nhìn đó; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật, không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Rồi tiếp tục Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới “Sự giải-thoát vĩnh viễn”. Và không thể nào vị Tỳ kheo đó còn bị rớt khỏi sự giải-thoát vĩnh viễn đó.348 - “Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đi đến chỗ một cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người sáng mắt nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: ‘Anh này biết rõ đâu là phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong, phần vỏ ngoài, và phần cành và lá. Vì vậy, khi đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, anh ta đi đến chỗ cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ làm được.’ Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có một người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành … Khi người đó Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới “sự giải-thoát vĩnh viễn”. Và không thể nào vị Tỳ kheo đó còn bị rớt khỏi sự giải-thoát vĩnh viễn đó.

7. “Vậy đó, này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh không phải lấy sự ‘Lợi, vinh, danh’ là ích-lợi của nó, hoặc sự chứng đắc phần “Giới-hạnh” là ích- lợi của nó, hoặc sự chứng đắc phần “Định-tâm” (thiền định) là ích-lợi của

nó, hoặc "Trí-biết và tầm-nhìn" (trí tuệ) là ích-lợi của nó. Mà chính "Sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm" này mới là mục-tiêu của đời sống tâm linh, là gỗ-lõi (cốt-lõi) của nó, và là kết-cuộc của nó."349 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn.

30. TIỂU KINH VÍ DỤ GỖ LÕI (Cūḷasāropama Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Lúc đó có bà-la-môn tên Pingalakoccha đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-Đàm, có những những tu sĩ và bà-la-môn này, mỗi họ là, người đứng đầu một giáo đoàn, người đứng đầu một giáo phái, đạo sư của một giáo phái, một người sáng lập nổi tiếng và danh tiếng của một giáo phái được nhiều người coi là một vị thánh—đó là, Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambalin, Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Belaṭṭhiputta, và Nigaṇṭha Nātaputta.350 Có phải tất cả họ đều có trí-biết trực tiếp như họ đã tuyên bố, hay không ai trong họ có trí-biết trực tiếp, hay trong số họ có người không và có người có trí-biết trực tiếp?" "Đủ rồi, này bà-la-môn!—(vấn đề) 'Có phải tất cả họ đều có trí-biết trực tiếp như họ đã tuyên bố, hay không ai trong họ có trí-biết trực tiếp, hay trong số họ có người không và có người có trí-biết trực tiếp?'—Cứ để vấn đề đó như vậy! Ta sẽ chỉ dạy Giáo Pháp cho ông, này bà-la-môn. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói"351—"Được, thưa ngài", bà-la-môn Pingalakoccha đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

3. (1) "Này bà-la-môn, ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, người đó chỉ cắt lấy các cành và lá mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, anh ta đến chỗ cây to có gỗ lõi và bỏ qua hết phần

gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, anh ta chỉ cắt lấy các cành và lá mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.'

4. (2) "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần vỏ ngoài mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … anh ta chỉ

cắt lấy phần vỏ ngoài mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.'

5. (3) "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ ngoài, và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần vỏ trong mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … anh ta chỉ cắt lấy phần vỏ trong mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù người đó có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.'

6. (4) "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lơi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi lõi, phần vỏ ngoài, phần vỏ trong, và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần gỗ mềm mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … anh ta chỉ cắt lấy phần gỗ mềm mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.'

7. (5) "Ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đi đến chỗ một cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người sáng mắt nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này biết rõ đâu là phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong, phần vỏ ngoài, và phần cành và lá. Vì vậy, khi đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, anh ta đi đến chỗ cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ làm được.'

8. (1) "Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, ở đây có người vì có niềm- tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét như vầy: 'Tôi là nạn nhân của sự sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là nạn nhân của sự khổ, là con mồi của sự khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể biết được, chứng ngộ được].' Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh [lợi lộc, vinh dự, và danh tiếng]. (ii) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi như) ý-nguyện (ban đầu) của mình đã được hoàn thành. (iii) Chính do như vậy, người đó ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đã đạt được lợi, vinh, danh, nhưng những tu sĩ khác thì chưa đạt được gì, chưa được ai biết đến.' - Vì vậy người đó không phát khởi mong-muốn để tu tập, người đó không tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn sự 'lợi, vinh, danh'; người đó chùng lại và buông lơi.352 Ta nói rằng người này giống như người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, người đó chỉ cắt lấy các cành và lá mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi; và do vậy, dù anh ta có định làm

cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.

9. (2) “Ở đây, này bà-la-môn, có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét: ‘Tôi là một nạn nhân của sinh, già, và chết, của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được.’ Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình chưa được hoàn thành. (iii) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. Người đó không bị say-sưa với sự lợi, vinh, danh; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật và không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần “Giới-hạnh”. (iv) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, và (coi như) ý-nguyện (ban đầu) của mình đã được hoàn thành. (v) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: ‘Tôi đắc được phần giới-hạnh; tôi có tính-cách (đức hạnh) tốt; nhưng những tu sĩ khác thì thiếu giới-hạnh (không đức hạnh), có tính-cách xấu.’ - Vì vậy người đó không phát khởi mong-muốn để tu tập, người đó không tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn sự chứng đắc về phần giới- hạnh; người đó chùng lại và buông lơi. Ta nói rằng người này giống như người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần vỏ ngoài mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi; và do vậy, dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.

10. (3) “Ở đây, này bà-la-môn, có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét: ‘Tôi là một nạn nhân của sinh, già, và chết, của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm

được. Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình vẫn chưa được hoàn thành … Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần “Giới-hạnh”. (iii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, và (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành. (iv) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân và không chê bai những người khác. Vị tu sĩ đó không bị say-sưa với sự chứng đắc về phần “Giới-hạnh”; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật và không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc phần “Định-tâm” (thiền định). (v) (rồi) Người đó đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về phần định-tâm đó, và (coi)

ý-nguyện (ban đầu) của mình đã được hoàn thành. (f) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đã đạt-định; tâm tôi đã được hợp-nhất; nhưng những tu sĩ khác thì có tâm phân-tán, với tâm của họ lăng xăng chạy nhảy.' Vì vậy người đó không phát khởi mong- muốn để tu tập, người đó không tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn sự chứng đắc về phần định-tâm; người đó chùng lại và buông lơi. Ta nói rằng người này giống như người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ ngoài và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần vỏ trong mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi; và do vậy, dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.

11. (4) "Ở đây, này bà-la-môn, có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó đã suy xét: 'Tôi là một nạn nhân của sinh, già, và chết, của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắc chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được.' Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí sự lợi, vinh, danh đó, và (coi) ý-

nguyện (ban đầu) của mình chưa được hoàn thành.... Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "Giới-hạnh". (iii) Người đó có hài lòng với phần chứng đắc về giới-hạnh đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành ... Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần "Định-tâm" (thiền định). (iv) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc phần định-tâm đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành. (v) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. Như vậy người đó không bị say-sưa với sự chứng đắc về phần định-tâm; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật, không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới "Sự-biết và sự-thấy" (trí tuệ). (f) (nhưng) Người đó đắc chí hài lòng với sự-biết và sự-thấy đó, và (coi) ý-nguyện của mình đã được hoàn thành. (g) Chính do như vậy, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi sống biết và thấy, nhưng những tu sĩ khác sống không biết và không thấy.' Vì vậy người đó không phát khởi mong-muốn để tu tập, người đó không tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn sự chứng đắc về phần sự-biết và sự-thấy; người đó chùng lại và buông lơi. Ta nói rằng người này giống như người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần vỏ trong, phần vỏ ngoài và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy phần gỗ mềm mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi; và do vậy, dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.

12. (5) "Ở đây, này bà-la-môn, có người họ tộc vì có niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó suy xét: 'Tôi là một nạn nhân của sinh, già, chết; của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắc chắn rằng sự chấm-dứt toàn bộ đống khổ này là

có thể làm được.’ Khi xuất gia tu hành như vậy, (i) người đó đạt được lợi, vinh, danh. (ii) (nhưng) Người đó không đắc chí hài lòng với sự lợi, vinh, danh đó, và

TIỂU KINH VÍ DỤ GỖ LÕI • 279

(coi) ý-nguyện (ban đầu) của mình chưa được hoàn thành.… Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt được sự chứng đắc về phần “Giới-hạnh”. (iii) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc về phần giới-hạnh đó, nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành … Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc phần “Định-tâm” (thiền định). (iv) Người đó có hài lòng với sự chứng đắc phần định-tâm đó, và nhưng (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành … Rồi Sau khi chuyên chú tu tập, người đó đạt tới “Sự-biết và sự-thấy”. (f) Người có hài lòng với sự-biết và sự-thấy đó, và (coi) ý-nguyện của mình vẫn chưa được hoàn thành. (g) Chính nhờ như vậy, người đó không ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. – Vì vậy người đó (tiếp tục) phát khởi sự mong-muốn để tu-tập và tạo sự nỗ-lực (tinh tấn) để chứng ngộ những trạng thái những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn phần sự- biết và sự-thấy; người đó không chùng lại hay buông lơi. – “Nhưng, này bà-la-môn, cái gì là những trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn ‘sự-biết và sự-thấy’ đó?

13. “Ở đây, này bà-la-môn: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác- quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Đây là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn ‘sự-biết và sự-thấy’ đó.353

14. (2) “Lại nữa: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan- hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét. Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn ‘sự-biết và sự-thấy’ đó.

280 • Chương 3

15. (3) “Lại nữa: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), một Tỳ kheo an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm sự sướng bằng thân (thân lạc); người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông-xả và có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc).’ Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn ‘sự-biết và sự-thấy’ đó. 16. (4) “Lại nữa: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả. Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn ‘sự-biết và sự-thấy’ đó.

17. (5) “Lại nữa: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể- sắc (thuộc sắc giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn

chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa- dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] 'không gian là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong không vô biên xứ [cảnh xứ không gian vô biên].' Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

18. (6) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'thức là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].' Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

19. (7) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] 'không-có-gì', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].' Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

TIỂU KINH VÍ DỤ GỖ LÕI • 281

20. (8) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].' Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

21. (9) "Lại nữa: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].' Đây cũng là một trạng thái cao hơn và siêu xuất hơn 'sự-biết và sự-thấy' đó.

22. "Này bà-la-môn, ta nói rằng người này giống như người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đi đến chỗ một cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Và do vậy, dù anh ta có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ làm được.'

23. "Vậy đó, này bà-la-môn, đời sống tâm linh không phải lấy sự 'Lợi, vinh, danh' là ích-lợi của nó, hoặc sự chứng đắc phần "Giới-hạnh" là ích- lợi của nó, hoặc sự chứng đắc phần "Định-tâm" (thiền định) là ích-lợi của nó, hoặc "Sự-biết và sự-thấy" là ích-lợi của nó. Mà chính "Sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm" này mới là mục-tiêu của đời sống tâm linh, là gỗ- lõi (cốt lõi) của nó, và là kết-cuộc của nó."

24. Sau khi điều này được nói ra, bà-la-môn Pingalakoccha đã nói với đức Thế Tôn: "Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, cứ như Thầy đang dựng đứng lại những thứ đã bị quăng đổ, phơi bày những điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong bóng tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời."

282 • Chương 3

31. TIỂU KINH Ở GOSINGA (Cūḷagosinga Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Nādikā trong Ngôi Nhà Gạch.

2. Bấy giờ, lúc đó có ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha), ngài Nandiya, và ngài Kimbila đang sống trong Khu Vườn trong Rừng Cây Sāla ở Gos- inga.354

3. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ thiền và đi đến chỗ Khu Vườn trong Rừng Cây Sāla Gosinga. Người gác khu vườn nhìn thấy đức Thế Tôn đang đến từ xa đã nói với đức Thế Tôn: “Đừng vô khu vườn này, này sa-môn. Có ba người họ tộc ở đây đang tìm kiếm sự tốt- lành cho mình. Đừng quấy rầy họ.”

4. Thầy A-nậu-lâu-đà nghe người gác vườn đang nói với đức Thế Tôn liền nói với ông ta: “Này thiện hữu gác vườn, đừng chặn đức Thế Tôn ở ngoài. Đó là Vị Thầy của chúng tôi, là đức Thế Tôn, người vừa đến đó.” Rồi thầy A-nậu-lâu-đà đến chỗ thầy Nandiya và thầy Kimbila và nói họ: “Các vị, hãy ra ngoài, hãy ra ngoài! Vị Thầy của chúng ta, đức Thế Tôn, vừa mới đến.”

5. Rồi cả ba người đã ra gặp đức Thế Tôn. Một người nhận lấy bình bát và cà sa, một người chuẩn bị chỗ ngồi, một người đặt chậu nước để rửa hai chân của mình. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị và rửa chân. Rồi ba vị thầy đó kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Sau khi họ đã ngồi, đức Thế Tôn đã nói với họ: “Ta hy vọng các thầy đang duy trì tốt, này A-nậu-lâu-đà, ta hy vọng các thầy đều sống an ổn, ta hy vọng các thầy không có khó khăn về khất thực thức ăn.” “Thưa Thế Tôn, chúng con đang duy trì tốt, chúng con sống an ổn, chúng con không có khó khăn về khất thực thức ăn.”

6. “Này A-nậu-lâu-đà, ta hy vọng các thầy đang sống trong sự hòa hợp, không có sự tranh cãi, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ.” “Chắc chắn là vậy, thưa Thế Tôn, chúng con đang sống trong sự hòa hợp, không có sự tranh cãi, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ.” “Nhưng, này A-nậu-lâu-đà, theo cách nào các thầy sống được như vậy?”

7. “Thưa Thế Tôn, về điều đó, con nghĩ như vầy: ‘Đó là lợi ích cho ta, đó là lợi ích lớn cho ta, rằng ta đang sống với những người đồng-tu như vậy trong đời sống tâm linh.’ Con giữ (duy trì) hành vi thân từ-ái đối với các quý thầy cả khi đang ở chung và khi đang ở riêng; con giữ hành vi lời- nói từ-ái đối với các quý thầy cả khi đang ở chung và khi đang ở riêng; con giữ hành vi tâm từ-ái đối với các quý thầy cả khi đang ở chung và khi đang ở riêng.355 Con suy xét: ‘Tại sao ta không dẹp qua điều ta muốn làm và làm những điều các quý thầy muốn làm?’ Rồi con dẹp qua điều mình muốn làm và làm những điều các quý thầy muốn làm. Thưa Thế Tôn, chúng con khác nhau về thân thể,

nhưng giống nhau về tâm ý." Thầy Nandiya và thầy Kimbila mỗi người cũng nói giống như vậy, và nói thêm: "Thưa Thế Tôn, đó là cách chúng con đang sống trong sự hòa hợp, không có sự tranh cãi, hòa hiền với nhau như sữa với nước, nhìn nhau bằng những ánh mắt thân từ."

8. "Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà. Ta hy vọng các thầy đều an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định." "Chắc chắn là vậy, thưa Thế Tôn, chúng con sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định." "Nhưng, này A-nậu-lâu-đà, theo cách nào các thầy sống như vậy?"

9. "Thưa Thế Tôn, khi nói về điều này, bất cứ ai trong chúng con sau khi đi khất thực ngoài làng trở về trước tiên sẽ lo chuẩn bị các chỗ

ngồi, chuẩn bị nước để uống và rửa (chân), và chuẩn bị chỗ bỏ rác (giỏ, chậu, thùng, ống nhổ... để chứa rác đồ ăn, đồ bỏ đi sau khi ăn). Bất cứ ai về sau nếu muốn ăn sẽ ăn phần thức ăn còn lại; nếu không ăn thì người đó sẽ vứt bỏ chỗ thức ăn đó ở chỗ nào không có cỏ cây đang sống hoặc chỉ bỏ xuống nước nếu không có sinh vật sống (trong nước). Rồi người đó lo dọn dẹp các chỗ ngồi và dọn dẹp chỗ nước để uống và để rửa chân. Người đó chùi rửa và dọn dẹp chỗ bỏ rác, và quét sạch chỗ ngồi ăn (giống như khu ngồi ăn hoặc phòng ăn trong tu viện hay chùa... thời nay). Ai thấy nước uống hoặc nước để tắm rửa hoặc nước trong nhà vệ sinh còn ít hay bị hết thì sẽ tự giác đổ cho đầy lại. Nếu chúng (đồ chứa nước) quá nặng đối với người đó, người đó sẽ ra hiệu bằng tay gọi người khác đến góp tay cùng khiêng chuyển; nhưng chỉ vì mấy việc đó chúng con không cần nói thành lời (tức hiểu nhau ngay, không cần kêu, ới hay giải thích cho bị ồn ào). Rồi năm ngày một lần, chúng con ngồi lại với nhau suốt đêm để thảo luận (đàm đạo) về Giáo Pháp. Đó là cách chúng con sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định."

10. "Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà. Nhưng khi các thầy an trú chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định như vậy, các thầy có chứng đắc trạng thái siêu nhân nào, hay sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy) xứng đáng của những bậc thánh, hay sự an trú thư thái nào, hay không?" "Tại sao không, thưa Thế Tôn? Ở đây, thưa Thế Tôn, nếu muốn chúng con làm được: (1) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, chúng con chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.' Thưa Thế Tôn, đây là một trạng thái siêu nhân, một sự khác-biệt về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh, một sự an trú thư thái, mà chúng con đã chứng đắc khi đang sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định."

11.–13. "Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà. Nhưng có trạng thái siêu nhân nào khác, hay sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh, hay sự an trú thư thái nào mà các thầy đã chứng đắc bằng cách vượt trên sự an trú (mới nói) đó, bằng cách làm cho sự an trú đó lắng lặn, hay không?" "Tại sao không, thưa Thế Tôn? Ở đây, thưa Thế Tôn, nếu muốn chúng con làm được: (2) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và

sự soi-xét (tứ), chúng con chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (3) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … chúng con chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (4) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ) … chúng con chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … Thưa Thế Tôn, đây là một trạng thái siêu nhân khác, một sự khác-biệt khác về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh, một sự an trú thư thái khác mà chúng con đã chứng đắc bằng cách vượt trên sự an trú kế trước, bằng cách làm cho sự an trú kế trước lắng lặn.”

14. “Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà. Nhưng có trạng thái siêu nhân nào khác … mà các thầy đã chứng đắc bằng cách vượt trên sự an trú (mới nói) đó, bằng cách làm cho sự an trú đó lắng lặn?” “Tại sao không, thưa Thế Tôn? Ở đây, thưa Thế Tôn, nếu muốn chúng con làm được: (5) ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc-giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, chúng con chứng nhập và an trú trong cảnh xứ (cơ sở) không gian vô biên (không vô biên xứ).’ Thưa Thế Tôn, đây là một trạng thái siêu nhân khác … mà chúng con đã chứng đắc bằng cách vượt trên sự an trú kế trước, bằng cách làm cho sự an trú kế trước lắng lặn.”

15. –17. “Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà. Nhưng có trạng thái siêu nhân nào khác … mà các thầy đã chứng đắc bằng cách vượt trên sự an trú (mới nói) đó, bằng cách làm cho sự an trú đó lắng lặn?” “Tại sao không, thưa Thế Tôn? Ở đây, thưa Thế Tôn, nếu muốn chúng con làm được: (6) Bằng sự hoàn toàn vượt trên không vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, chúng con chứng nhập và an trú trong thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên].’ … (7) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ, [nhận thức rằng:] ‘không-có-gì’, chúng con chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ không-có-gì].’ … (8) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên vô sở hữu xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong phi tưởng phi phi tưởng xứ [cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức].’ Thưa Thế Tôn, đây là một trạng thái siêu nhân khác … mà chúng con đã chứng đắc bằng cách vượt trên sự an trú kế trước, bằng cách làm cho sự an trú kế trước lắng lặn.”

18. “Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà. Nhưng có trạng thái siêu nhân nào khác, sự khác biệt nào khác về trí-biết và tầm-nhìn, sự an trú nào khác mà các thầy đã chứng đắc bằng cách vượt trên sự an trú (mới nói) đó, bằng cách làm cho sự an trú đó lắng lặn?” “Tại sao không, thưa Thế Tôn? Ở đây, thưa Thế Tôn, nếu muốn chúng con làm được: (9) ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên phi tưởng phi phi tưởng xứ, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái diệt thọ tưởng [sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác].’ Và chúng con đã tiêu diệt mọi ô- nhiễm bằng cách nhìn thấy bằng trí-tuệ. Thưa Thế Tôn, đây là một trạng thái siêu nhân khác, một sự khác-biệt khác về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh, một sự an trú thư thái khác mà chúng con đã chứng đắc bằng cách vượt trên sự an trú kế trước, bằng cách làm cho sự an trú kế trước lắng

lặn. Và, thưa Thế Tôn, chúng con không thấy có sự an trú nào cao hơn hay siêu xuất hơn trạng thái này nữa." "Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà. Không còn sự an trú nào cao hơn và siêu xuất hơn trạng thái (mới nói) đó."

19. Rồi, sau khi đức Thế Tôn đã hướng dẫn, thúc giục, khởi xướng, và làm hoan hỷ thầy A-nậu-lâu-đà, thầy Nandiya, và thầy Kimbila bằng một bài thuyết giảng Giáo Pháp, đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi khỏi.

20. Sau khi đi cùng đi tiễn đức Thế Tôn một đoạn và quay trở lại, thầy Nandiya và thầy Kimbila mới hỏi thầy A-nậu-lâu-đà: "Chúng tôi chưa từng trình báo cho thầy A-nậu-lâu-đà rằng chúng tôi đã đạt tới những sự chứng đắc đó và những sự an trú đó, vậy sao thầy A-nậu-lâu-đà, trước mặt đức Thế Tôn, đã gán cho chúng tôi tới mức đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận) như vậy?" "Các quý thầy chưa từng trình báo với ta rằng các thầy đã đạt tới những sự chứng đắc và những sự an trú như vậy. Nhưng bằng cách dùng tâm của tôi bao trùm tâm các thầy, tôi biết rằng các thầy đã đạt tới những sự chứng đắc đó và những sự an trú đó. Và những thiên thần cũng trình báo với tôi rằng: 'Các quý thầy này đã đạt tới những sự chứng đắc đó và những sự an trú đó.' Vì vậy tôi đã tuyên bố điều đó luôn khi tôi được hỏi trực tiếp bởi đức Thế Tôn."

21. Rồi quỷ thần (dạ-xoa) Dīgha Parajana356 đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính lễ đức Thế Tôn, quỷ thần đứng qua một bên, và nói: "Thưa Thế Tôn, đó là ích lợi cho dân chúng Vajji (Bạt-kỳ), đó là ích lợi lớn cho dân chúng Vajji, rằng Như Lai, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đang sống giữa họ và ba người họ tộc, ngài A-nậu-lâu-đà, ngài Nandiya, và ngài Kimbila!" Khi nghe được lời tán dương từ quỷ thần Dīgha Parajana, các địa thần cũng tán dương: "Đó là ích lợi cho dân chúng Vajji (Bạt-kỳ), đó là ích lợi lớn cho dân chúng Vajji, rằng Như Lai, đã tu thành (A-la-hán) và bậc bậc toàn-giác, đang sống giữa họ và ba người họ tộc, ngài A-nậu-lâu- đà, ngài Nandiya, và ngài Kimbila!" Khi nghe được lời tán dương từ những địa thần, những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương … những thiên thần của cõi trời Dạ-ma (Yāma) … những thiên thần của cõi trời Đâu-suất (Tusita) … những thiên thần vui thích sáng tạo (hóa lạc

thiên) … những thiên thần kiểm soát những sự sáng tạo của những thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên) … những thiên thần của gia quyến tùy tùng của trời Brahmā (Phạm chúng thiên) cũng tán dương: "Đó là ích lợi cho dân chúng Vajji (Bạt-kỳ), đó là ích lợi lớn cho dân chúng Vajji, rằng Như Lai, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đang sống giữa họ và ba người họ tộc, ngài A-nậu-lâu-đà, ngài Nandiya, và ngài Kimbila!" Như vậy, ngay khoảnh khắc đó, ngay thời khắc đó, những quý thầy đó đã được biết đến ở tận cõi trời Brahma (Phạm thiên giới).

22. [Đức Thế Tôn nói:] "Thật đúng vậy, này Dīgha, thật đúng vậy! Và nếu họ tộc nào (những dòng họ, gia đình nào) từ đó ba người họ tộc đó đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành như vậy mà ghi nhớ họ với một trái tim tự-tin, thì điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho họ tộc đó. Và nếu gia quyến bà con của

họ tộc nào … thôn làng nào … thị trấn nào … thành phố nào … xứ sở nào từ đó ba người họ tộc đó đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành như vậy mà ghi nhớ họ với một trái tim tự-tin, thì điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho xứ sở đó. Nếu tất cả những thánh nhân ghi nhớ ba người họ tộc đó với trái tim tự-tin, thì điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh- phúc dài lâu cho những bậc thánh đó. Nếu những bà-la-môn … tất cả những thương-nhân … tất cả những công nhân ghi nhớ ba người họ tộc đó với trái tim tự-tin, thì điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho những công nhân đó. Nếu thế gian này, có những thiên thần, Ma Vương, và những vị trời Brahmā, thế hệ này có những những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người ghi nhớ ba người họ tộc đó với trái tim tự-tin, thì điều đó sẽ dẫn đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho thế gian. Này Dīgha, hãy nhìn coi cách mà ba người họ tộc đó đang tu tập vì ích-lợi và hạnh-phúc của số đông, vì lòng bi-mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, vì ích-lợi và hạnh-phúc của những thiên thần và loài người.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

32. ĐẠI KINH Ở GOSINGA (Cūḷagosinga Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống trong Khu Vườn trong Rừng Cây Sāla ở Gosinga, cùng với một số vị đệ tử trưởng lão rất nổi tiếng—đó là, ngài Xá-lợi-phất, ngài Đại Mục-kiền-liên, ngài Đại Ca-diếp, ngài A-nậu-lâu-đà, ngài Revata, ngài Ānanda, và các vị đệ tử trưởng lão rất nổi tiếng khác.

2. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Mục-kiền-liên ra khỏi phiên thiền, đi đến chỗ thầy Đại Ca-diếp, và nói với thầy ấy: “Đạo hữu Ca-diếp, chúng ta hãy đến chỗ thầy Xá-lợi-phất để nghe Giáo Pháp.”—“Dạ, đạo hữu”, thầy Đại Ca-diếp đáp lại. Rồi thầy Đại Mục-kiền-liên, thầy Đại Ca- diếp, và thầy A-nậu-lâu-đà đã đến chỗ thầy Xá-lợi-phất để nghe Giáo Pháp.

3. Thầy Ānanda nhìn thấy họ đang đi đến chỗ thầy Xá-lợi-phất để nghe Giáo Pháp. Ngay đó thầy ấy đến chỗ thầy Revata và nói: “Này đạo hữu Revata, những vị chân nhân đang đến chỗ thầy Xá-lợi-phất để nghe Giáo Pháp. Chúng ta hãy đến chỗ thầy Xá-lợi-phất để nghe Giáo Pháp.”—“Dạ, đạo hữu”, thầy Revata đáp lại. Rồi thầy Revata và thầy Ānanda đã đến chỗ thầy Xá-lợi-phất để nghe Giáo Pháp.

4. Thầy Xá-lợi-phất nhìn thấy thầy Revata và thầy Ānanda đang đến, và nói với thầy Ānanda: “Mời thầy Ānanda vô, đón chào thầy Ānanda, vị hầu cận của đức Thế Tôn, người luôn gặp mặt đức Thế Tôn. Này đạo hữu Ānanda, chỗ Rừng cây Sāla ở Gosinga này thật đáng thích, đêm có trăng sáng, những cây sāla đều đang nở hoa, và mùi hương tuyệt trần như đang bay tỏa khắp bầu không khí. Này đạo hữu Ānanda, loại Tỳ kheo nào có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này?” “Ở đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo đã học hiểu nhiều, ghi nhớ những điều đã học, và củng cố những điều đã học. Đó là những giáo

lý tốt lành từ đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, và chúng cho thấy một đời sống tâm linh toàn-thiện và thanh-khiết—những giáo lý như vậy người đó đã học hiểu nhiều, đã ghi nhớ, đã thông thuộc bằng miệng, đã điều tra tìm hiểu bằng tâm, đã thâm nhập bằng cách-nhìn (chánh kiến). Và người đó đã chỉ dạy Giáo Pháp cho bốn loại hội chúng bằng những câu và chữ tròn đầy và mạch lạc để (dẫn tới sự) loại bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên).357 Loại Tỳ kheo đó có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này."

5. Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Re- vata như vầy: "Này đạo hữu Revata, thầy Ānanda vừa mới phát biểu theo cảm hứng riêng của mình.358 Giờ chúng tôi xin hỏi thầy Revata: Này đạo hữu Revata, chỗ Rừng cây Sāla ở Gosinga này thật đáng thích, đêm có trăng sáng, những cây sāla đều đang nở hoa, và mùi hương tuyệt trần như đang bay tỏa khắp bầu không khí. Này đạo hữu Revata, loại Tỳ kheo nào có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này?" "Ở đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo ưa thích sự thiền tập một mình và thích thú sự thiền tập một mình; người đó hết mình (tu tập) vì sự tĩnh-lặng bên trong của tâm, không lơ là sự thiền tập, có được sự minh- sát, và ở trong những chòi trống.359 Loại Tỳ kheo đó có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này."

6. Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy A- nậu-lâu-đà: "Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, thầy vừa mới phát biểu theo cảm hứng riêng của mình. Giờ chúng tôi xin hỏi thầy A-nậu-lâu-đà: Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, chỗ Rừng cây Sāla ở Gosinga này thật đáng thích … Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, loại Tỳ kheo nào có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này?" "Ở đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn thông), một Tỳ kheo quan sát được một ngàn thế giới. Giống như một người có mắt sáng, sau khi người đó leo lên phòng mái thượng của cung điện thì có thể nhìn thấy một ngàn vành

bánh xe; cũng giống như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, một Tỳ kheo quan sát được một ngàn thế giới.360 Loại Tỳ kheo đó có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này."

7. Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Đại Ca-diếp như vầy: "Này đạo hữu Ca-diếp, thầy A-nậu-lâu-đà vừa mới phát biểu theo cảm hứng riêng của mình. Giờ chúng tôi xin hỏi thầy Đại Ca- diếp: Này đạo hữu Ca-diếp, chỗ Rừng cây Sāla ở Gosinga này thật đáng thích … Này đạo hữu Ca-diếp, loại Tỳ kheo nào có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này?" "Ở đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, (i) một Tỳ kheo tự mình là người sống tu trong rừng và nói lời đề cao sự sống tu trong rừng; (ii) người đó tự mình là người chỉ ăn thức ăn khất thực và nói lời đề cao sự chỉ ăn thức ăn khất thực; (iii) người đó tự mình là người mặc y phục được may từ giẻ rách và nói lời đề cao về sự mặc y phục được may từ giẻ rách; (iv) người đó tự mình là người chỉ có ba bộ y phục và nói lời đề cao sự chỉ có ba bộ y phục;361 (v) người đó tự mình có ít ước-muốn (thiểu dục) và nói lời đề cao sự ít ước-muốn; (vi) người đó tự mình biết hài-lòng và nói

lời đề cao sự biết hài-lòng (với những thứ hay điều kiện sống mình đang có); (vii) người đó tự mình sống tách-ly (ẩn dật) và nói lời đề cao với sự sống tách- ly; (viii) người đó tự mình cách-ly khỏi xã hội (lánh trần) và nói lời đề cao sự cách-ly khỏi xã hội; (ix) người đó tự mình nỗ-lực (tinh tấn) và nói lời đề cao với sự phát khởi nỗ-lực; (x) người đó tự mình chứng đắc phần giới- hạnh và nói lời đề cao với sự chứng đắc phần giới-hạnh; (xi) người đó tự mình chứng đắc phần định-tâm và nói lời đề cao với sự chứng đắc phần định-tâm; (xii) người đó tự mình chứng đắc phần trí-tuệ và nói lời đề cao với sự chứng đắc phần trí-tuệ; (xiii) người đó tự mình chứng ngộ sự giải- thoát và nói lời đề cao sự chứng ngộ sự giải-thoát; (xiv) người đó tự mình chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát và nói lời đề cao sự chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Loại Tỳ kheo đó có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này."

8. Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Đại Mục-kiền-liên như vầy: "Này đạo hữu Mục-kiền-liên, thầy Đại Ca-diếp vừa mới phát biểu theo cảm hứng riêng của mình. Giờ chúng tôi xin hỏi thầy Đại Mục-kiền-liên: Này đạo hữu Mục-kiền-liên, chỗ Rừng cây Sāla ở Gosinga này thật đáng thích … Này đạo hữu Mục-kiền-liên, loại Tỳ kheo nào có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này?" "Ở đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, hai Tỳ kheo tham gia đàm đạo về Vi Diệu Pháp362 và họ hỏi lẫn nhau, và mỗi người được hỏi đều trả lời chứ không bị bí hay khựng lời, và sự đàm đạo của họ cứ trôi chảy theo dúng Giáo Pháp. Loại Tỳ kheo đó có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này."

9. Sau khi điều này được nói ra, thầy Đại Mục-kiền-liên nói tiếp với thầy Xá-lợi-phất như vầy: "Này đạo hữu Xá-lợi-phất, chúng tôi vừa mới phát biểu theo cảm hứng riêng của chúng tôi. Giờ chúng tôi xin hỏi thầy Xá-lợi-phất: Này đạo hữu Xá-lợi-phất, chỗ Rừng cây Sāla ở Gosinga này thật đáng thích … Này đạo hữu Xá-lợi-phất, loại Tỳ kheo nào có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này?" "Ở đây, này đạo hữu Mục-kiền-liên, một Tỳ kheo vận dụng sự làm-chủ đối với tâm mình, người đó không để tâm vận dụng sự làm-chủ với mình. Buổi sáng, người đó an trú trong sự an trú hay sự chứng đắc nào người đó muốn an trú trong buổi sáng; buổi trưa, người đó an trú trong sự an trú hay sự chứng đắc nào người đó muốn an trú trong buổi trưa; buổi chiều, người đó an trú trong sự an trú hay sự chứng đắc nào người đó muốn an trú trong buổi chiều. Ví dụ có một ông vua [hay quan đại thần] có đầy một tủ quần áo đủ màu khác nhau. Buổi sáng ông ta có thể mặc bộ quần áo nào ông ta thích mặc trong buổi sáng; buổi trưa ông ta có thể mặc bộ quần áo nào ông ta thích mặc trong buổi trưa; buổi chiều ông ta có thể mặc bộ quần áo nào ông ta thích mặc trong buổi chiều. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo vận dụng sự làm-chủ đối với tâm của mình, người đó không để tâm vận dụng sự làm-chủ với mình. Buổi sáng … buổi trưa … buổi chiều người đó an

trú trong sự an trú hay sự chứng đắc nào người đó muốn an trú trong buổi chiều. Loại Tỳ kheo đó có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này."

10. Rồi thầy Xá-lợi-phất nói với các quý thầy đó như vầy: “Này các đạo hữu, tất cả chúng ta vừa mới phát biểu theo cảm hứng riêng của chúng ta. Chúng ta hãy đến gặp đức Thế Tôn và thưa lại vấn đề này cho đức Thế Tôn. Khi đức Thế Tôn trả lời ra sao, chúng ta hãy ghi nhớ.”—“Dạ, đạo hữu”, họ đáp lại. Rồi các quý thầy đó đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên. Thầy Xá-lợi-phất mới thưa lại (đầy đủ câu chuyện) với đức Thế Tôn:

11. “Thưa Thế Tôn, thầy Revata và thầy Ānanda đã đến chỗ con để nghe Giáo Pháp. Con nhìn thấy họ đang đến và đã nói với thầy Ānanda: ‘Mời thầy Ānanda vô, đón chào thầy Ānanda … Này đạo hữu Ānanda, chỗ Rừng cây Sāla ở Gosinga này thật đáng thích … Này đạo hữu Ānan- da, loại Tỳ kheo nào có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này?” Khi được hỏi như vậy, thưa Thế Tôn, thầy Ānanda đã trả lời: ‘Ở đây, này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều … [tiếp tục lời thầy Ānanda như mục 4 ở trên] … Loại Tỳ kheo đó có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này.” “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất. Ānanda, nếu nói đúng, nên nói như thầy ấy đã nói. Vì thầy Ānanda đã học hiểu nhiều, nhớ những điều mình đã học, và củng cố những điều mình đã học. Đó là những giáo lý tốt lành từ đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, và chúng cho thấy một đời sống tâm linh toàn-thiện và thanh-khiết—những giáo lý như vậy người đó đã học hiểu nhiều, đã ghi nhớ, đã thông thuộc bằng miệng, đã điều tra tìm hiểu bằng tâm, đã thâm nhập bằng cách-nhìn (chánh kiến). Và thầy ấy đã chỉ dạy Giáo Pháp cho bốn loại hội chúng bằng những câu và chữ tròn đầy và mạch lạc để (dẫn tới sự) loại bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên).”

12. … (về sự trả lời của thầy Revata, Phật nói:) (người dịch giản lược)

298 • Chương 4

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất. Revata, nếu nói đúng, nên nói như thầy ấy đã nói. Vì thầy Revata ưa thích sự thiền tập một mình, và thích thú sự thiền tập một mình; hết mình (tu tập) vì sự tĩnh-lặng bên trong của tâm, không lơ là sự thiền tập, có được sự minh-sát, và ở trong những chòi trống.”

13. … (về sự trả lời của thầy A-nậu-lâu-đà, Phật nói:) “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất. A-nậu-lâu-đà, nếu nói đúng, nên nói như thầy ấy đã nói. Vì, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (thiên nhãn thông), thầy A-nậu-lâu-đà quan sát được một ngàn thế giới.”

14. … (về sự trả lời của thầy Đại Ca-diếp, Phật nói:) “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất. Ca-diếp, nếu nói đúng, nên nói như thầy ấy đã nói. Vì thầy Ca-diếp (i) tự mình là một người sống tu trong rừng và nói lời đề cao sự sống tu trong rừng … (xiv) thầy ấy tự mình đã chứng ngộ trí- biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát và nói lời đề cao sự chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.”

15. … (về sự trả lời của thầy Đại Mục-kiền-liên, Phật nói:) “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất. Mục-kiền-liên, nếu nói đúng, nên nói như thầy ấy đã nói. Vì thầy Mục-kiền-liên là một người đàm đạo về Vi Diệu Pháp.”

16. Sau khi điều này được nói ra, thầy Đại Mục-kiền-liên đã thưa với đức Thế Tôn: (về sự trả lời của thầy Xá-lợi-phất) … (về sự trả lời của thầy Xá-lợi-phất, Phật nói:)

“Tốt, tốt, này Mục-kiền-liên. Xá-lợi-phất, nếu nói đúng, nên nói như thầy ấy đã nói. Vì thầy Xá-lợi-phất vận dụng được sự làm-chủ đối với tâm, thầy ấy không để tâm vận dụng sự làm-chủ đối với mình. Buổi sáng, thầy ấy an trú trong sự an trú hay sự chứng đắc nào thầy ấy muốn an trú trong buổi sáng; buổi trưa, thầy ấy an trú trong sự an trú hay sự chứng đắc

nào thầy ấy muốn an trú trong buổi trưa; buổi chiều, thầy ấy an trú trong sự an trú hay sự chứng đắc nào thầy ấy muốn an trú trong buổi chiều.”

17. Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, vậy trong chúng con ai là người nói hay khéo?” “Này Xá-lợi-phất, tất cả các thầy đều nói hay khéo, mỗi người nói theo cách của riêng mình. Vậy các thầy cũng nên nghe từ ta loại Tỳ kheo nào có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này. Ở đây, này Xá-lợi-phất: một Tỳ kheo, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, quyết tâm rằng: ‘Ta sẽ không bỏ tư thế ngồi thiền này cho đến khi nào thông qua sự không còn dính-chấp, tâm ta được giải- thoát khỏi mọi ô-nhiễm.’ Loại Tỳ kheo đó có thể chiếu sáng khu Rừng cây Sāla Gosinga này.”363 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

33. ĐẠI KINH VỀ NGƯỜI CHĂN BÒ (Mahāgopālaka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “(I) (A) “Này các Tỳ kheo, có mười một yếu-tố, một người chăn bò là không khả năng chăn nuôi một đàn bò. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một người chăn bò không có sự hiểu-biết về sắc-thân; (2) người đó không giỏi khéo về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của những con bò?); (3) người đó không trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó không băng bó vết thương; (5) người đó không xông khói chuồng trại (để đuổi côn trùng); (6) người đó không biết chỗ bãi cạn (chỗ nước cạn, cồn chìm; để cho đàn bò có thể lội qua sông); (7) người đó không biết thứ nước gì (đàn bò) đã uống; (8) người đó không biết đường (để bò đi); (9) người đó không khéo giỏi về những đồng cỏ (cho bò ăn); (10) người đó vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó không có thêm sự tôn trọng những con bò đực là những con bò cha và bò dẫn đầu của đàn. Có mười một yếu-tố này, một người chăn bò là không khả năng chăn nuôi đàn bò.

3. (I) (B) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có mười một phẩm-chất, một Tỳ kheo là không khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật

này. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo không có sự hiểu-biết về sắc-thân; (2) người đó không thiện khéo về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của người tu?); (3) người đó không trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó không băng bó vết thương; (5) người đó không xông khói chuồng trại; (6) người đó không biết chỗ bãi cạn; (7) người đó không biết thứ nước gì mình đã uống; (8) người đó không biết đường đi; (9) người đó không khéo giỏi về những đồng cỏ; (10) người đó vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó không có sự kính-trọng

nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha (sư phụ) và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Có mười một phẩm-chất này, một Tỳ kheo là không khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật này.

4. (1) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là không có sự hiểu-biết về sắc- thân? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu được đúng như nó thực là: 'Mọi sắc-thân dù là loại nào đều là bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và sắc-thân có từ bốn yếu-tố lớn đó.' Chính theo cách này một Tỳ kheo không có sự hiểu-biết về sắc-thân.

5. (2) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là không thiện khéo về những đặc-tính? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu được đúng như nó thực là: 'Một người ngu được đặc-trưng bởi những hành-động của mình; một người trí được đặc-trưng bởi những hành-động của mình.' Chính theo cách này một Tỳ kheo là không thiện khéo về những đặc-tính.364

6. (3) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là không trừ bỏ trứng ruồi? Ở đây, một Tỳ kheo dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó không dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết thúc nó, và xóa sổ nó. Người đó dung dưỡng một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh … một ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh … những trạng thái bất thiện xấu ác mỗi khi chúng khởi sinh; người đó không dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không trừ bỏ trứng ruồi.

7. (4) "Và theo cách nào một Tỳ kheo là không băng bó vết thương? Ở đây, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của chúng. Thậm chí, khi người đó để căn-mắt không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, người đó không tu tập sự kiềm-chế đối với mắt; người đó không phòng hộ căn-mắt; người đó không đảm nhận việc kiềm-chế căn-mắt. Sau khi nghe một âm- thanh bằng tai … Sau khi ngửi một mùi-hương bằng mũi … Sau khi nếm một mùi-vị bằng lưỡi … Sau khi cảm nhận một đối-tượng chạm xúc bằng

thân … Sau khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm của nó. Thậm chí, khi người đó để căn-tâm không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, người đó không tu tập sự kiềm-chế đối với tâm; người đó

không phòng hộ căn-tâm; người đó không đảm nhận việc kiềm-chế căn-tâm. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không băng bó vết thương.

8. (5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không xông khói chuồng trại? Ở đây, một Tỳ kheo không chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như mình đã nghe được và học được. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không xông khói chuồng trại.

9. (6) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không biết chỗ nước cạn (để vượt qua bờ bên kia)? Ở đây, một Tỳ kheo không thỉnh thoảng đến gặp những Tỳ kheo là những bậc đã học-hiểu nhiều, là những người thừa kế của di sản (tức Phật Pháp), những người thiện thạo về Giáo Pháp, những người thiện thạo về giới-luật, những người thiện thạo về đại-cương (những toát-yếu, matika, mẫu-đề của Giáo Pháp),365 và vấn hỏi với họ: ‘Thưa thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’. Rồi (do vậy người đó không có cơ hội được) những vị thầy đó sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ cho người đó những điều chưa được làm rõ, và xua tan sự bối-rối của người đó về nhiều luận điểm còn làm bối rối. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không biết chỗ nước cạn.

10. (7) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không biết thứ nước gì mình đã uống? Ở đây, khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được chỉ dạy, một Tỳ kheo không đạt được niềm cảm-hứng về ý nghĩa, không đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, không đạt được sự vui mừng hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp.366 Chính theo cách này một Tỳ kheo là không biết thứ gì mình đã uống.

11. (8) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không biết đường đi? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu được con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo) đúng như nó thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không biết đường đi.

12. (9) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không khéo giỏi về những đồng cỏ? Ở đây, một Tỳ kheo không hiểu được bốn nền tảng chánh-niệm (Tứ niệm xứ) đúng nhưng chúng thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không khéo giỏi về những đồng cỏ.367

13. (10) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là vắt sữa khô kiệt? Ở đây, khi những gia chủ đầy niềm-tin (thành tín) mời một Tỳ kheo nhận lấy y-phục, thức-ăn khất thực, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh, người đó nhận lấy một cách không tiết độ (lấy nhiều, vét sạch). Chính theo cách một Tỳ kheo là vắt sữa khô kiệt.

14. (11) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không có sự kính-trọng nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha (sư phụ) và người dẫn dắt của Tăng Đoàn? Ở đây, một Tỳ kheo không duy trì những hành-vi từ-ái bằng thân, lời-nói và tâm ở những chỗ chung và chỗ riêng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Chính theo cách này một Tỳ kheo là không có sự kính-trọng nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn.

“Có mười một phẩm-chất này, một Tỳ kheo là không khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật này.

15. (II) (A) “Này các Tỳ kheo, có được mười một yếu-tố, một người chăn bò là có khả năng chăn nuôi một đàn bò. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một người chăn bò có sự hiểu-biết về sắc-thân; (2) người đó khéo giỏi về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của những con bò?); (3) người đó trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó biết băng bó vết thương; (5) người đó xông khói chuồng trại (để đuổi côn trùng); (6) người đó biết chỗ bãi cạn

(để cho đàn bò có thể đi qua sông); (7) người đó biết thứ nước gì (đàn bò) đã uống; (8) người đó biết rành đường đi (để bò đi); (9) người đó khéo giỏi về những đồng cỏ (cho bò ăn); (10) người đó không vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó có thêm sự tôn trọng những con bò đực là những con bò cha và bò dẫn đầu của đàn. Có được mười một yếu-tố này, một người chăn bò là có khả năng chăn nuôi đàn bò.

16. (B) “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có được mười một phẩm-chất, một Tỳ kheo là có khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật này. Mười một đó là gì? Ở đây, (1) một Tỳ kheo có sự hiểu-biết về sắc-thân; (2) người đó thiện khéo về những đặc-tính (hình tướng, tính cách của người tu?); (3) người đó trừ bỏ trứng ruồi; (4) người đó biết băng bó vết thương; (5) người đó xông khói chuồng trại; (6) người đó biết chỗ bãi cạn (để vượt qua bờ bên kia); (7) người đó biết thứ nước gì mình đã uống; (8) người đó biết rành đường đi; (9) người đó khéo giỏi về những đồng cỏ; (10) người đó không vắt sữa khô kiệt; và (11) người đó có sự kính-trọng nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Có được mười một phẩm-chất này, một Tỳ kheo là có khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật này.

17. (1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là có sự hiểu-biết về sắc-thân? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Mọi sắc-thân dù là loại nào đều là bốn yếu tố lớn (tứ đại) và sắc-thân có từ bốn yếu-tố lớn đó.’ Chính theo cách này một Tỳ kheo có sự hiểu-biết về sắc-thân.

18. (2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là thiện khéo về những đặc- tính? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Một người ngu được đặc-trưng bởi những hành-động của mình; một người trí được đặc- trưng bởi những hành-động của mình.’ Chính theo cách này một Tỳ kheo là thiện khéo về những đặc-tính.

19. (3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là trừ bỏ trứng ruồi? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó dẹp bỏ nó, xua tan nó, kết thúc nó, và xóa sổ nó. Người đó không dung dưỡng một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh … một ý nghĩ gây-hại đã khởi sinh … những trạng thái bất thiện xấu ác mỗi khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, kết thúc chúng, và xóa sổ chúng. Chính

theo cách này một Tỳ kheo là trừ bỏ trứng ruồi.

20. (4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết băng bó vết thương? Ở đây, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của chúng. Bởi vì, nếu người đó để căn-mắt không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, nên người đó tu tập sự kiềm-chế đối với mắt; người đó phòng hộ căn-mắt; người đó đảm nhận việc kiềm-chế căn-mắt. Sau khi nghe một âm-thanh bằng tai … Sau khi ngửi một mùi-hương bằng mũi … Sau khi nếm một mùi-vị bằng lưỡi … Sau khi cảm nhận một đối-tượng chạm xúc bằng thân … Sau khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của nó. Bởi vì, nếu người đó để căn-tâm không được phòng hộ, những trạng thái bất thiện xấu ác như thèm-muốn (tham) và phiền-bực (sân) sẽ xâm chiếm người đó, nên người đó tu tập sự kiềm-chế đối với tâm; người đó phòng hộ căn-tâm; người đó đảm nhận việc kiềm-chế căn-tâm. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết băng bó vết thương.

21. (5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là xông khói chuồng trại? Ở đây, một Tỳ kheo chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác một cách chi tiết như mình đã nghe được và học được. Chính theo cách này một Tỳ kheo là xông khói chuồng trại.

22. (6) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết chỗ nước cạn (để vượt qua bờ bên kia)? Ở đây, một Tỳ kheo thỉnh thoảng đến gặp những Tỳ kheo là những bậc đã học hiểu nhiều, là những người thừa kế của di sản

(tức Phật Pháp), những người thiện thạo về Giáo Pháp, những người thiện thạo về giới-luật, những người thiện thạo về đại-cương (toát yếu, matika, của Giáo Pháp), và vấn hỏi với họ: ‘Thưa thầy, điều này là sao? Ý nghĩa của điều này là gì?’ Rồi những vị thầy đó sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ cho người đó những điều chưa được làm rõ, và xua tan sự bối-rối của người đó về nhiều luận điểm còn làm bối rối. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết chỗ nước cạn.

23. (7) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết thứ nước gì mình đã uống? Ở đây, khi Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được chỉ dạy, một Tỳ kheo đạt được niềm cảm-hứng về ý nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng về Giáo Pháp, đạt được sự vui mừng hoan-hỷ kết nối với Giáo Pháp. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết thứ gì mình đã uống.

24. (8) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là biết rành đường đi? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu biết con-đường tám phần thánh thiện (Bát thánh đạo) đúng như nó thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là biết rành đường đi.

25. (9) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là giỏi khéo về những đồng cỏ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được bốn nền tảng chánh-niệm (Tứ niệm xứ) đúng nhưng chúng thực là. Chính theo cách này một Tỳ kheo là khéo giỏi về những đồng cỏ.

26. (10) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là không vắt sữa khô kiệt? Ở đây, khi những gia chủ đầy niềm-tin (thành tín) mời một Tỳ kheo nhận lấy y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh, người đó nhận lấy một cách tiết độ (chỉ lấy vừa đủ, không vét sạch). Chính theo cách một Tỳ kheo là không vắt sữa khô kiệt.

27. (11) “Và theo cách nào một Tỳ kheo là có sự kính-trọng nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha (sư phụ) và người dẫn dắt của Tăng Đoàn? Ở đây, một Tỳ kheo biết

duy trì những hành-vi từ-ái bằng thân, lời-nói và tâm ở những chỗ chung và chỗ riêng đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. Chính theo cách này một Tỳ kheo là có sự kính-trọng nhiều hơn đối với những Tỳ kheo trưởng lão đã xuất gia thâm niên, là những người cha và người dẫn dắt của Tăng Đoàn. “Khi một Tỳ kheo được mười một phẩm-chất này, người đó có khả năng trưởng thành, tiến bộ, và hoàn thiện trong Giáo Pháp và giới luật này.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

34. TIỂU KINH VỀ NGƯỜI CHĂN BÒ (Cūḷagopālaka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Vajji (Bạt-kỳ), ở Ukkācelā, bên bờ sông Hằng. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, xưa có một người chăn bò ngu ngốc người Ma- kiệt-đà (Magadha), vào tháng cuối của mùa mưa, vào mùa thu, người đó không xem xét bờ bên này hay bờ bên kia của sông Hằng, lùa đại đàn bò băng qua bờ bên kia thuộc nước Videha ở khúc không có bãi cạn. Rồi đàn bò dính kẹt nhau giữa dòng sông Hằng, và chúng gặp phải tai họa và khổ nạn. Vì sao vậy? Vì người chăn bò ngu ngốc người Ma-kiệt-đà, vào tháng cuối của mùa mưa, vào mùa thu, người đó không xem xét bờ bên này hay bờ bên kia của sông Hằng, mà lùa đại đàn bò băng qua bờ bên kia thuộc nước Videha ở khúc không có bãi cạn.

3. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với những tu sĩ và bà-la- môn nào không thiện khéo về thế giới này và thế giới khác, không thiện khéo về lãnh cõi của Ma Vương, không thiện khéo về lãnh cõi của Thần Chết và thứ bên ngoài lãnh cõi của Thần Chết—điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho những người lắng nghe họ và đặt niềm- tin vào họ.

4. “Này các Tỳ kheo, xưa có một người chăn bò khôn ngoan người Ma- kiệt-đà (Magadha), vào tháng cuối của mùa mưa, vào mùa thu, người đó xem xét kỹ bờ bên này hay bờ bên kia của sông Hằng, rồi lùa đàn bò băng qua bờ bên kia thuộc nước Videha ở khúc có bãi cạn. Người đó lùa [làm cho] những con bò đực, là những bò cha và bò dẫn đầu của đàn, lội xuống trước, và chúng rẽ [bằng ngực] dòng nước sông Hằng và qua được bờ bên kia một cách an toàn. Kế tiếp, người đó lùa những con bò mạnh và

những con sẽ được thuần hóa lội xuống, và chúng cũng rẽ dòng nước sông Hằng

và qua được bờ bên kia một cách an toàn. Kế tiếp, người đó lùa những con bò cái tơ và những con bò đực tơ lội xuống, và chúng cũng rẽ dòng nước sông Hằng và qua được bờ bên kia một cách an toàn. Kế tiếp, người đó lùa những con bò con và những con yếu lội xuống, và chúng cũng rẽ dòng nước sông Hằng và qua được bờ bên kia một cách an toàn. Lúc đó, có một con bò non mới được sinh ra, và nhờ được bò mẹ rền giọng thúc giục, nó cũng rẽ dòng nước sông Hằng và qua được bờ bên kia một cách an toàn. Vì sao vậy? Bởi vì người chăn bò khôn ngoan người Ma-kiệt-đà, vào tháng cuối của mùa mưa, vào mùa thu, người đó xem xét kỹ bờ bên này hay bờ bên kia của sông Hằng, rồi lùa đàn bò băng qua bờ bên kia thuộc nước Videha ở khúc có bãi cạn.

5. “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, với những tu sĩ và bà-la-môn nào thiện khéo về thế giới này và thế giới khác, thiện khéo về lãnh cõi của Ma Vương, thiện khéo về lãnh cõi của Thần Chết và thứ bên ngoài lãnh cõi của Thần Chết—điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho những người lắng nghe họ và đặt niềm-tin vào họ.

6. “Này các Tỳ kheo, giống như những con bò đực, là những bò cha và bò dẫn đầu của đàn, rẽ dòng nước sông Hằng và qua được bờ bên kia một cách an toàn; cũng giống như vậy, những Tỳ kheo nào là những A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã phá hủy những gông-cùm (trói buộc) sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn được giải- thoát thông qua trí-biết cuối cùng—bằng cách rẽ dòng nước của Ma Vương họ đã đến được bờ bên kia một cách an toàn.

7. “Giống như những con bò mạnh và bò sẽ được thuần hóa rẽ dòng nước sông Hằng và qua được bờ bên kia một cách an toàn; cũng giống như vậy, những Tỳ kheo nào, với sự đã phá hủy năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), sẽ tái sinh một cách tự phát [trong những cõi trời Trong Sạch (Tịnh cư thiên)] và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng chứ

không còn quay lại thế gian—bằng cách rẽ dòng nước của Ma Vương họ sẽ đến được bờ bên kia một cách an toàn.

8. “Giống như những con bò cái tơ và bò đực tơ rẽ dòng nước sông Hằng và qua được bờ bên kia một cách an toàn; cũng giống như vậy, những Tỳ kheo nào, với sự đã phá hủy ba gông-cùm thấp hơn và đã làm giảm thiểu tham, sân, si, sẽ là bậc Nhất-lưu, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa để làm nên sự diệt-khổ—bằng cách rẽ dòng nước của Ma Vương họ đã đến được bờ bên kia một cách an toàn.

9. “Giống như những con bò con và bò yếu rẽ dòng nước sông Hằng và qua được bờ bên kia một cách an toàn; cũng giống như vậy, những Tỳ kheo nào, với sự đã phá hủy ba gông-cùm thấp hơn, sẽ là bậc Nhập-lưu, không còn bị rớt lại trong những cõi thấp xấu (súc sinh, ngạ quỷ…), đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến của

họ—bằng cách rẽ dòng nước của Ma Vương họ đã đến được bờ bên kia một cách an toàn.

10. “Giống như con bò non mới được sinh ra, nhờ bò mẹ rền giọng thúc giục, cũng rẽ dòng nước sông Hằng và qua được bờ bên kia một cách an toàn; cũng giống như vậy, những Tỳ kheo nào là người tu trì theo Giáo Pháp (căn trí) và người tu trì theo niềm-tin (căn tín)—bằng cách rẽ dòng nước của Ma Vương họ đã đến được bờ bên kia một cách an toàn.368

11. “Này các Tỳ kheo, ta đây thiện khéo (giỏi biết) về thế giới này và thế giới khác, thiện khéo về lãnh cõi của Ma Vương, thiện khéo về lãnh cõi của Thần Chết và thứ bên ngoài lãnh cõi của Thần Chết. Điều đó sẽ dẫn tới ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu cho những người lắng nghe ta và đặt niềm-tin vào ta.”

12. Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, vị
Sư Thầy đã nói thêm như vầy:
“Cả thế giới này và thế giới bên kia
Đều được mô tả bởi người biết,
Và những gì còn nằm trong tầm tay của Ma Vương

Và những gì nằm ngoài cõi Thần Chết.
Trực-tiếp biết tất cả thế giới,
Bậc Giác-Ngộ là người hiểu
Đã mở cánh cửa đi tới trạng thái Bất Tử
Thông qua đó có thể đạt tới Niết-bàn;
Vì dòng nước cản của Ma Vương đã được rẽ qua,
Dòng nước đã bị chặn, lau sậy của nó đã bị loại bỏ;
Này các Tỳ kheo, hãy vui mừng mạnh mẽ,
Và đặt trái tim của mình ở nơi có sự an toàn.”

35. TIỂU KINH SACCAKA (Cūḷasaccaka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có Saccaka là con trai của một Ni-kiền-tử (Ni- gaṇṭha) đang ngụ ở Vesālī, là một người tranh biện và một người diễn thuyết khôn khéo được nhiều người coi như một vị thánh.369 Anh ta đã nói lời tuyên bố này trước hội chúng Vesālī: “Tôi không thấy có tu sĩ hay bà- la-môn nào, là người đứng đầu một giáo đoàn, người đứng đầu một giáo phái, đạo sư của một giáo phái, một người sáng lập nổi tiếng và danh tiếng của một giáo phái, thậm chí người tuyên bố là đã tu-thành [A-la-hán] và đã giác-ngộ toàn thiện [bậc toàn-giác], mà người đó không run chuyển, run sợ, và run rẩy, và toát mồ hôi nách khi tham gia vào sự tranh luận với tôi. Ngay cả tôi có tham gia tranh luận với một cây cột vô cảm vô tình, cây cột đó còn run chuyển, run sợ, và run rẩy như thể nó tham gia vào sự tranh luận với tôi, huống chi nói đến một con người?”

3. Rồi, vào buổi sáng, ngài Assaji mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Vesālī để khất thực.370 Rồi Saccaka con của Ni-kiền-tử đang đi bộ dạo trong thành Vesālī, khi nhìn thấy thầy Assaji đang đi đến từ xa, anh ta đến chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta đứng qua một bên, và nói với thầy ấy:

4. "Thầy Assaji, theo cách nào sa-môn Cồ-đàm giáo huấn những đệ tử của ông ta? Và theo cách nào sự chỉ dẫn của sa-môn Cồ-đàm được trình bày cho những đệ tử của ông ta?" "Đây là cách đức Thế Tôn giáo huấn những đệ tử của mình, này Aggi- vessana, và đây là cách sự chỉ dẫn của đức Thế Tôn được trình bày cho những đệ tử của mình: (Đức Thế Tôn nói:) 'Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô-thường, cảm-giác là vô-thường, nhận-thức là vô-thường, những sự tạo-

tác cố ý là vô-thường, thức là vô-thường. Này các Tỳ kheo, sắc-thân không phải là cái 'ta' (vô ngã), cảm-giác không phải là cái 'ta', nhận-thức không phải là cái 'ta', những sự tạo-tác cố ý không phải là cái 'ta', thức không phải là cái 'ta'. Tất cả mọi sự tạo-tác đều là vô-thường; tất cả mọi thứ đều là vô-ngã.'371 Đó là cách đức Thế Tôn giáo huấn cho những đệ tử của mình, và đó là cách sự chỉ dẫn của đức Thế Tôn được trình bày cho những đệ tử của mình." "Nếu chúng tôi nghe được điều sa-môn Cồ-đàm khẳng định, chắc chúng tôi đã thực sự nghe cái điều không thể đồng ý. Có lẽ lúc nào khác chúng tôi gặp sa-môn Cồ-đàm và thảo luận với ông ta. Có lẽ chúng tôi sẽ gỡ ông ta khỏi cái quan-điểm xấu ác đó."

5. Bấy giờ, lúc đó có năm trăm người Licchavi đã gặp nhau trong hội trường vì công việc hay vấn đề khác. Rồi Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã đến gặp họ và nói: "Hãy đến coi, này những thiện giả Licchavi, hãy đến coi! Hôm nay sẽ có cuộc đối thoại giữa tôi và sa-môn Cồ-đàm. Nếu sa- môn Cồ-đàm vẫn khăng khăng bảo lưu trước mặt tôi điều đã được bảo lưu trước mặt tôi bởi một trong những đệ tử nối tiếng của ông ta, là Tỳ kheo tên Assaji: thì giống như một người khỏe mạnh có thể túm lấy lông con cừu có lông dài và lôi tới, lôi lui và quay quần nó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ lôi tới, lôi lui, và quay quần ông ta. Giống như một thợ nấu rượu khỏe mạnh quăng một cái sàng hèm to vào trong bể nước, và túm lấy góc của nó và lôi tới, lôi lui, và quay quần nó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ lôi tới, lôi lui, và quay quần ông ta. Giống như một thợ trộn hèm nấu rượu túm lấy góc một cái rỗ lọc và xốc xuống, xốc lên và xốc ngược nó lên; cũng như vậy, cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ xốc xuống, xốc lên và xốc ngược ông ta. Và giống như một con voi sáu mươi tuổi nhảy ào xuống ao sâu và nghịch chơi trò cạ rửa bằng cây gai dầu dưới đó; cũng như vậy, trong cuộc tranh luận tôi sẽ chơi trò cạ rửa bằng cây gai dầu với sa-môn Cồ-đàm.372 Hãy đến coi, này những thiện giả Licchavi, hãy đến coi! Hôm nay sẽ có cuộc đối thoại giữa tôi và sa- môn Cồ-đàm."

6. Lúc đó một số người Licchavi đã nói: “Ai là sa-môn Cồ-đàm mà có thể bác bỏ được những điều khẳng định của Saccaka con trai của Ni-kiền- tử? Ngược lại thì có, Saccaka con trai Ni-kiền-tử sẽ bác bỏ những điều khẳng định của sa-môn Cồ-đàm.” Và một số người Licchavi khác nói: “Ai là Saccaka con trai Ni-kiền-tử mà có thể bác bỏ những điều khẳng định của đức Thế Tôn? Ngược lại thì có, đức Thế Tôn sẽ bác bỏ những điều khẳng định của Saccaka con trai Ni-kiền-tử.” Rồi Saccaka con trai của Ni- kiền-tử đã cùng với năm trăm người Licchavi đi đến Hội Trường Mái Nhọn trong khu Rừng Lớn.

7. Bấy giờ, lúc đó có một số Tỳ kheo đang đi qua đi lại ở ngoài trời. Rồi Saccaka con trai Ni-kiền-tử đến gặp họ và hỏi: “Này các ngài, Thầy Cồ-Đàm đang ở đâu? Chúng tôi muốn gặp Thầy Cồ-Đàm.” “Đức Thế Tôn đã đi vô khu Rừng Lớn, này Aggivessana, và đang ngồi dưới một gốc cây để an trú qua ngày.”

8. Rồi Saccaka con trai Ni-kiền-tử, cùng với đoàn lớn người Licchavi đi theo, đi vô khu Rừng Lớn và đến gặp đức Thế Tôn. Anh ta chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên. Một số người xưng tên họ của mình trước mặt đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên chào hỏi qua lại; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên.

9. Sau khi Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã ngồi xuống, anh ta nói với đức Thế Tôn: “Tôi muốn hỏi Thầy Cồ-Đàm về một số luận điểm, nếu Thầy Cồ-Đàm ban cho đặc ơn bằng một câu trả lời cho câu hỏi.” “Cứ hỏi điều mình muốn, này Aggivessana.” “Theo cách nào Thầy Cồ-Đàm giáo huấn những đệ tử của mình? Và theo cách nào sự chỉ dẫn của Thầy Cồ-Đàm được trình bày cho những đệ tử của mình?”

“Đây là cách ta giáo huấn những đệ tử của ta, này Aggivessana, và đây là cách sự chỉ dẫn của ta được trình bày cho những đệ tử của ta: (Ta nói:) ‘Này các Tỳ kheo, sắc-thân là vô-thường, cảm-giác là vô-thường, nhận- thức là vô-thường, những sự tạo-tác cố ý là vô-thường, thức là vô-thường. Này các Tỳ kheo, sắc-thân không phải là cái ‘ta’ (vô ngã), cảm-giác không phải là cái ‘ta’, nhận-thức không phải là cái ‘ta’, những sự tạo-tác cố ý không phải là cái ‘ta’, thức không phải là cái ‘ta’. Tất cả mọi sự tạo-tác đều là vô-thường; tất cả mọi thứ đều là vô-ngã.’ Đó là cách ta giáo huấn cho những đệ tử của mình, và đó là cách sự chỉ dẫn của ta được trình bày cho những đệ tử của ta.”

10. “Thầy Cồ-Đàm, một ví dụ đã xảy đến với tôi.” “Hãy giải thích ví dụ đó xảy đến với anh ra sao, này Aggivessana”, đức Thế Tôn nói. “Giống như những hạt giống và cây cối, dù là loại gì, đều đạt tới sự lớn lên, sự tăng trưởng, và sự chín muồi, tất cả đều làm vậy tùy thuộc vào mặt đất, dựa vào mặt đất; và giống như khi những công việc khó nhọc được hoàn thành, dù là loại việc gì, tất cả đều được làm dựa vào mặt đất, dựa trên mặt đất—cũng giống như vậy, này thầy Cồ-Đàm, một người có sắc- thân (sắc) là cái ‘ta’ (ngã), và dựa trên sắc-thân người đó tạo ra công đức hay thất đức. Một người có cảm-giác (thọ) là cái ‘ta’, và dựa trên cảm-giác người đó tạo ra công đức hay thất đức. Một người có nhận-thức (tưởng) là cái ‘ta’, và dựa trên nhận-thức người đó tạo ra công đức hay thất đức. Một người có những sự tạo-tác cố ý (hành) là cái ‘ta’, và dựa trên

những sự tạo-tác cố ý người đó tạo ra công đức hay thất đức. Một người có thức (thức) là cái 'ta', và dựa trên thức người đó tạo ra công đức hay thất đức."

11. "Này Aggivessana, có phải anh đang khẳng định như vầy: 'Sắc-thân là cái 'ta' (ngã) của ta, cảm-giác là cái 'ta' của ta, nhận-thức là cái 'ta' của ta, những sự tạo-tác cố ý là cái 'ta' của ta, thức là cái 'ta' của ta'?" "Tôi khẳng định như vầy, này Thầy Cồ-Đàm: 'Sắc-thân là bản ngã của ta, cảm-giác là bản ngã của ta, nhận-thức là bản ngã của ta, những sự tạo-

tác cố ý là bản ngã của ta, thức là bản ngã của ta.' Và số đông lớn này cũng khẳng định như vậy."373 "Số đông lớn này thì liên quan gì đến anh, này Aggivessana? Mình nói mình chịu, chỉ nên quơ chính mình vào trong sự khẳng định của mình." "Được thôi, thầy Cồ-Đàm, tôi khẳng định như vầy: 'Sắc-thân là bản ngã của ta, cảm-giác là bản ngã của ta, nhận-thức là bản ngã của ta, những sự tạo-tác cố ý là bản ngã của ta, thức là bản ngã của ta.'"

12. "Trong trường hợp đó, này Aggivessana, đến lượt ta sẽ hỏi anh một câu hỏi. Cứ trả lời theo ý anh. Anh nghĩ sao, này Aggivessana? Một vị vua được phong vương [được xức dầu trên đầu]—ví dụ như Vua Ba-tư-nặc (Pasenadi) của xứ Kiều-tất-la (Kosala) hay A-xà-thế (Ajātasattu) của xứ Ma-kiệt-đà (Magadha)—thực thi quyền thống trị của mình trong lãnh thổ của mình để xử tội những người nên bị xử tội, hình phạt những người nên bị hình phạt, và trục xuất những người nên bị trục xuất, có đúng không?" "Thầy Cồ-Đàm, một vị vua được phong vương—ví dụ như Vua Ba-tư- nặc của xứ Kiều-tất-la hay A-xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà—sẽ thực thi quyền thống trị của mình trong lãnh thổ của mình để xử tội những người nên bị xử tội, hình phạt những người nên bị hình phạt, và trục xuất những người nên bị trục xuất. Vì ngay cả những cộng đồng [tập quyền thiểu số] và những xã hội [cộng hòa] của những người Bạt-kỳ (Vajji) và những người Ma-la (Malla) cũng thực thi quyền thống trị của mình trong lãnh thổ của mình để xử tội những người nên bị xử tội, hình phạt những người nên bị hình phạt, và trục xuất những người nên bị trục xuất; nói chi đến một bậc vị vua được phong vương như Vua Ba-tư-nặc của xứ Kiều-tất-la hay A- xà-thế của xứ Ma-kiệt-đà mà không làm như vậy. Thầy Cồ-Đàm, vị vua đó sẽ thực thi như vậy, và vị vua đó xứng quyền thực thi như vậy."

13. "Anh nghĩ sao, này Aggivessana? Khi anh nói như vầy: 'Sắc-thân là bản ngã của ta', vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với sắc-thân đó để có thể khiến nó: 'Này, sắc-thân của ta phải như vầy; thân sắc của ta không

được như vầy' hay không?"374 Sau khi điều này được nói ra, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã im lặng. Lần thứ hai đức Thế Tôn hỏi lại câu hỏi, Saccaka con trai Ni-kiền-tử vẫn im lặng. Rồi đức Thế Tôn nói với anh ta: "Này Aggivessana, giờ hãy trả lời. Giờ không phải lúc anh im lặng. Nếu có ai khi được hỏi một câu hỏi hợp lý tới lần thứ ba bởi Như Lai mà người đó vẫn không trả lời, đầu của người đó sẽ bể ra thành bảy

mảnh đây đó.”

14. Bấy giờ, ngay lúc đó có một quỷ thần sấm sét tay cầm lưỡi thần sét đang cháy, cháy rực, đỏ rực xuất hiện lơ lửng trên đầu của Saccaka con trai Ni-kiền-tử, nghĩ rằng: “Nếu Saccaka con trai Ni-kiền-tử này, khi được hỏi một câu hỏi hợp lý đến lần thứ ba bởi đức Thế Tôn mà vẫn không trả lời, ta sẽ chẻ đầu nó ra thành bảy mảnh đây đó.”375 Đức Thế Tôn đã nhìn thấy quỷ thần sấm sét và Saccaka con trai Ni-kiền-tử cũng nhìn thấy. Sac- caka con trai Ni-kiền-tử đã hoảng sợ, hoảng hốt, và khiếp đảm. Đành tìm nơi trú ẩn, nơi tị nạn, nơi nương tựa ở đức Thế Tôn, anh ta nói: “Thầy Cồ- Đàm, hãy hỏi lại, tôi sẽ trả lời.”

15. “Anh nghĩ sao, này Aggivessana? Khi anh nói như vầy: ‘Sắc-thân là bản ngã của ta’, vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với sắc-thân đó để có thể khiến: ‘Này, sắc-thân của ta phải như vầy; thân sắc của ta không được như vầy’ hay không?”—“Không, thưa Thầy Cồ-Đàm.”

16. “Này Aggivessana, hãy chú tâm, hãy chú tâm vào cách anh trả lời! Điều anh nói sau không giống với điều anh đã nói trước, hay điều anh đã nói trước giống với điều anh nói sau. Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Khi anh nói như vầy: ‘Cảm-giác là bản ngã của ta’, vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với cảm-giác đó để có thể khiến nó: ‘Này, cảm-giác của ta phải như vầy; cảm-giác của ta không được như vầy’ hay không?”—“Không, thưa Thầy Cồ-Đàm.”

17. “Này Aggivessana, hãy chú tâm, hãy chú tâm vào cách anh trả lời! Điều anh nói sau không giống với điều anh đã nói trước, hay điều anh đã nói trước giống với điều anh nói sau. Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Khi

anh nói như vầy: ‘Nhận-thức là bản ngã của ta’, vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với nhận-thức đó để có thể khiến: ‘Này, nhận-thức của ta phải như vầy; nhận-thức của ta không được như vầy’ hay không?”—“Không, thưa Thầy Cồ-Đàm.”

18. “Này Aggivessana, hãy chú tâm, hãy chú tâm vào cách anh trả lời! Điều anh nói sau không giống với điều anh đã nói trước, hay điều anh đã nói trước giống với điều anh nói sau. Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Khi anh nói như vầy: ‘Những sự tạo-tác cố ý là bản ngã của ta’, vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với những sự tạo-tác cố ý đó để có thể khiến: ‘Này, những sự tạo-tác cố ý của ta phải như vầy; những sự tạo-tác cố ý của ta không được như vầy’ hay không?”—“Không, thưa Thầy Cồ-Đàm.”

19. “Này Aggivessana, hãy chú tâm, hãy chú tâm vào cách anh trả lời! Điều anh nói sau không giống với điều anh đã nói trước, hay điều anh đã nói trước giống với điều anh nói sau. Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Khi anh nói như vầy: ‘Thức là bản ngã của ta’, vậy anh có thực thi quyền hành gì đối với thức đó để có thể khiến: ‘Này, thức của ta phải như vầy; thức của ta không được như vầy’ hay không?”—“Không, thưa Thầy Cồ-Đàm.”

20. “Này Aggivessana, hãy chú tâm, hãy chú tâm vào cách anh trả lời! Điều anh nói sau không giống với điều anh đã nói trước, hay điều anh đã nói trước giống với điều anh nói sau. Này Aggivessana, anh nghĩ sao, sắc- thân là thường hằng hay vô-thường?”—“Vô-thường, thưa Thầy Cồ- Đàm”—“Thứ gì vô-thường là sướng hay khổ?”—“Khổ, thưa Thầy Cồ- Đàm”—“Thứ là vô-thường, khổ, và phải bị biến đổi thì có đáng được coi như vầy: ‘‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’ hay không?”—“Không, thưa Thầy Cồ-Đàm.” “Này Aggivessana, anh nghĩ sao, cảm-giác là thường hằng hay vô- thường? … nhận-thức là thường hằng hay vô-thường? … những sự tạo-tác cố ý là thường hằng hay vô-thường? … thức là thường hằng hay vô-thường?”—“Vô-thường, thưa Thầy Cồ-Đàm”—“Thứ gì vô-thường là

sướng hay khổ?”—“Khổ, thưa Thầy Cồ-Đàm”—“Thứ là vô-thường, khổ, và phải bị biến đổi thì có đáng được coi như vầy: ‘‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’ hay không?”—“Không, thưa Thầy Cồ- Đàm.”

21. “Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Khi một người cố chấp thứ khổ (năm uẩn), nương dựa vào thứ khổ, nắm giữ thứ khổ, và coi thứ gì khổ là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, thì người đó có thể nào tự mình hoàn-toàn hiểu sự khổ hay có thể nào an trú với/trong sự hoàn toàn diệt-khổ hay không?” “Làm sao có thể được, thưa Thầy Cồ-Đàm. Không thể nào, thưa Thầy Cồ-Đàm.” {“Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Nếu là như vậy, anh còn cố chấp thứ khổ, nương dựa vào thứ khổ, nắm giữ thứ khổ, và coi thứ gì khổ là như vầy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’’, nữa hay không?” “Làm sao tôi có thể, thưa Thầy Cồ-Đàm. Không thể nào, thưa Thầy Cồ-Đàm.”}376

22. “Điều đó giống như, ví dụ có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy một rìu bén và đi vô rừng. Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối. Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi. Cũng giống như vậy, này Aggivessana, khi anh được thúc ép, được hỏi, được hỏi chéo bởi ta về sự khẳng định của anh, thì anh trở thành rỗng tuếch, trống rỗng, và bị sai lầm. Nhưng chính anh lại nói lời tuyên bố này trước hội chúng ở Vesālī: ‘Tôi không thấy có tu sĩ hay bà-la-môn nào, là người đứng đầu một giáo đoàn, người đứng đầu một giáo phái, đạo sư của một giáo phái, một người sáng lập nổi tiếng và danh tiếng của một giáo phái, thậm chí người tuyên bố là đã tu-thành [A-la-hán] và đã giác-ngộ toàn thiện [bậc toàn-giác], mà người đó không

run chuyển, run sợ, và run rẩy, và toát mồ hôi nách khi tham gia vào sự tranh luận với tôi. Ngay cả tôi có tham gia tranh luận với một cây cột vô cảm vô tình, cây cột đó còn run chuyển, run sợ, và run rẩy như thể nó tham gia vào sự tranh luận với tôi, huống chi nói đến một con người?’ Giờ thì những giọt mồ hôi trên trán anh và chúng đã thấm ướt áo ngoài và chảy rớt xuống đất. Nhưng giờ không có mồ hôi nào trên thân ta.” Và

đức Thế Tôn đã để lộ thân màu vàng kim của mình cho hội chúng thấy. Sau khi điều này được nói ra, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã ngồi im lặng, và mất hết tinh thần, hai vai chùn xuống và đầu gục xuống, buồn bã và không còn đối đáp nữa.

23. Rồi ông Dummukha, một người con của dân tộc Licchavi, sau khi nhìn thấy Saccaka con trai Ni-kiền-tử trong tình trạng như vậy, đã nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-Đàm, một ví dụ đã xảy đến với tôi." "Hãy giải thích ví dụ đó xảy đến với anh ra sao, này Dummukha", đức Thế Tôn nói. "Thưa ngài, ví dụ không xa một khu làng hay thị trấn có một cái ao có một con cua trong đó. Và rồi một đám trẻ trai hay gái từ làng hay thị trấn đến chỗ cái ao, lội xuống nước, và bắt con cua lên khỏi nước và đặt nó trên đất khô. Và hễ con cua cục cựa thò ra chân nào, họ cắt nó, bẻ gảy nó, và đập nó bằng gậy gộc và đá cục, đến nỗi con cua với tất cả chân đều bị cắt, bị bẻ, và bị đập bằng gậy gộc và đá cục, không còn có thể quay trở lại ao nước như trước đó. Cũng giống như vậy, tất cả những sự cong vẹo, những sự uốn éo, và những sự lập lờ của Saccaka con trai Ni-kiền-tử đều đã bị cắt bỏ, bị bẻ gảy, và bị đập tan bởi đức Thế Tôn, và giờ anh ta không còn có thể trở lại gần đức Thế Tôn để tranh biện nữa.

24. Sau khi điều này được nói ra, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã nói với anh ta: "Khoan đã, này Dummukha, khoan đã! Chúng tôi đâu đang nói với anh, ở đây chúng tôi đang nói với Thầy Cồ-Đàm mà."

322 • Chương 4

[Rồi Saccaka nói]: "Thưa Thầy Cồ-Đàm, xin hãy bỏ quá chuyện vừa rồi giữa chúng tôi và ông bà-la-môn tầm thường này. Tôi nghĩ đó (lời của Dummukha) chỉ là chuyện sàm nhảm vô bổ. Giờ thì, theo cách nào một đệ tử của Thầy Cồ-Đàm là người thực hiện sự chỉ dẫn của thầy ấy, là người đáp ứng theo lời khuyên dạy của thầy ấy, là người đã vượt qua sự nghi- ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ (can đảm, bản lĩnh), và không còn nhờ dựa (phụ thuộc) những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy?"377 "Ở đây, này Aggivessana, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một đệ tử nhìn thấy tất cả mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'. Mọi cảm-giác dù là loại gì … Mọi nhận-thức dù là loại gì … Mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì … Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một đệ tử nhìn thấy tất cả mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'. Chính theo cách này một đệ tử của ta là người thực hiện sự chỉ dẫn của ta, là người đáp ứng theo lời khuyên dạy của ta, là người đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn sự bối-rối, đã đạt được sự dạn-dĩ, và không còn nhờ dựa những người khác về (để hiểu, tin) Giáo Pháp của Vị Thầy?"

25. "Thưa Thầy Cồ-Đàm, theo cách nào một Tỳ kheo là một A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã

đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của họ, đã tiêu diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng?" "Ở đây, này Aggivessana, mọi sắc-thân dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu,

xa hay gần—một Tỳ kheo nhìn thấy tất cả mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'. Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Mọi sự tạo-tác cố ý dù là loại gì ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, nhược hay ưu, xa hay gần—một Tỳ kheo nhìn thấy tất cả mọi sắc-thân đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của-ta', đây không phải là cái 'ta', đây không phải 'bản ngã của ta'. Chính theo cách này một Tỳ kheo của ta là một A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của họ, đã tiêu diệt những gông-cùm của (trói buộc) sự hiện- hữu, và đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng."

26. "Khi tâm của một Tỳ kheo được giải-thoát như vậy, người đó có- được ba phẩm-chất cao nhất [không thể vượt trên, vô thượng]: tầm-nhìn cao nhất, sự tu-tập cao nhất, và sự giải-thoát cao nhất.378 Khi một Tỳ kheo được giải-thoát như vậy, người đó vẫn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính Như Lai như vầy: 'Đức Thế Tôn đã sự giác-ngộ và bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp chỉ vì (để dẫn tới) sự giác-ngộ. Đức Thế Tôn đã được thuần-phục và bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp vì để thuần-phục con người. Đức Thế Tôn đã đạt tới sự bình-an và bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp vì (để đạt tới) sự bình-an. Đức Thế Tôn đã vượt qua bờ và bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp để vượt qua bờ (đáo bỉ ngạn). Đức Thế Tôn đã chứng ngộ Niết-bàn và bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp để chứng ngộ Niết-bàn.'"

27. Sau khi điều này được nói ra, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đáp lại: "Thưa Thầy Cồ-Đàm, chúng tôi đã quá liều lĩnh và trơ tráo khi nghĩ chúng tôi có thể tấn công Thầy Cồ-Đàm trong cuộc tranh luận. Một người có thể tấn công một con voi dữ và tìm thấy sự an toàn, nhưng người đó không thể tấn công Thầy Cồ-Đàm và tìm thấy sự an toàn. Một người có thể tấn công một con rắn độc và tìm thấy sự an toàn, nhưng người đó không thể

tấn công thầy Cồ-Đàm và tìm thấy sự an toàn. Chúng tôi đã quá liều lĩnh và trơ tráo khi nghĩ chúng tôi có thể tấn công Thầy Cồ-Đàm trong cuộc tranh luận. "Kính mong đức Thế Tôn cùng với Tăng Đoàn nhận từ tôi lời mời để dùng bữa trưa ngày mai." Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

28. Rồi, sau khi biết đức Thế Tôn đã đồng ý, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã nói với những người Licchavi: "Xin hãy nghe tôi, những đồng bào Lic- chavi. Sa-môn Cồ-Đàm cùng với Tăng Đoàn những thiện Tỳ kheo đã được tôi mời đến dùng bữa trưa ngày mai. Quý vị có thể mang đến bất cứ thứ gì mà quý vị nghĩ là phù hợp cho đức Thế Tôn."

29. Rồi, khi đêm đã qua, những người Licchavi đã mang đến năm trăm phần cơm trịnh trọng (đúng nghi lễ) được nấu với sữa để làm thức ăn cúng dường. Rồi Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã cho dọn sẵn các món ăn đủ loại trong trang viên của anh ta và đến giờ thông báo với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-Đàm, bữa ăn đã sẵn sàng.”

30. Rồi, lúc đó buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi cùng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo đến chỗ trang viên của Sac- caka con trai Ni-kiền-tử, đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rồi tự tay mình, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã phục vụ và làm vui lòng Tăng Đoàn các Tỳ kheo được dẫn đầu bởi đức Thế Tôn với nhiều món ăn ngon khác nhau. Sau khi đức Thế Tôn đã ăn xong và để bình bát qua một bên, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã chọn chỗ ngồi thấp hơn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thầy Cồ-Đàm, cầu cho công đức (phước đức) và những công quả (phước quả) của hành động cúng dường này có thể mang lại hạnh phúc cho những người cúng dường.” “Này Aggivessana, công đức nào có được từ việc bố thí cho một người nhận như anh—là người chưa hết tham, chưa hết sân, chưa hết si—sẽ dành cho những người bố thí. Và công đức nào có được từ việc bố thí cho

những người nhận như ta—là người đã hết tham, hết sân, hết si—sẽ dành cho anh.”379

36. ĐẠI KINH SACCAKA (Mahāsaccaka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn, trong Hội Trường Mái Nhọn.

2. Bấy giờ, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Vesālī để khất thực.

3. Lúc đó, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đang đi bộ dạo, và anh ta đi tới chỗ Hội Trường Mái Nhọn trong khu Rừng Lớn.380 Ngài Ānanda nhìn thấy anh ta đang đến từ xa và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đây có Saccaka con trai Ni-kiền-tử đang đến, là một người tranh biện và một người diễn thuyết khôn khéo được nhiều người coi là một vị thánh. Anh ta muốn hạ uy tín Đức Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn ngồi xuống một chút vì lòng bi-mẫn.”381 Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Rối Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, anh ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

4. “Thầy Cồ-Đàm, có một số những tu sĩ [sa-môn] và bà-la-môn là người sống theo đuổi sự tu-tập về thân, nhưng không phải sự tu-tập về tâm.382 Họ bị tiếp xúc bởi cảm-giác đau đớn của thân. Trong quá khứ, khi người bị tiếp xúc bởi cảm-giác đau đớn của thân, hai đùi cứng ngắt, tim vỡ ra, miệng học máu, và người đó thành điên khùng, mất trí. Do vậy cái tâm phải phục tùng theo thân, thân nắm sự làm-chủ đối với tâm. Vì sao vậy? Bởi vì tâm đã không được tu tập. Nhưng có những tu sĩ và bà-la-môn là người sống theo

đuổi sự tu-tập về thân, nhưng không phải sự tu-tập về tâm. Họ bị tiếp xúc bởi cảm-giác đau đớn của thân. Trong quá khứ, khi người bị tiếp xúc bởi cảm-giác đau đớn của thân, hai đùi cứng ngắt, tim vỡ ra, miệng học máu, và người đó thành điên khùng, mất trí. Do vậy cái tâm phải phục tùng theo thân, thân nắm sự làm-chủ đối với tâm. Vì sao vậy? Bởi vì tâm đã không được tu tập. Thầy Cồ-Đàm, ý này đã xảy đến

với tôi: 'Chắc chắn những đệ tử của Thầy Cồ-Đàm sống theo đuổi sự tu- tập tâm, chứ không phải sự tu-tập thân.'"

5. "Nhưng, này Aggivessana, anh đã học được về sự tu-tập thân là gì?" "Đó là, ví dụ như, Nanda Vaccha, Kisa Sankicca, Makkhali Gosāla.383 Họ đi khỏa thân, không theo những quy ước tục lệ, liếm bàn họ cho sạch, không đến khi được mời, không dừng khi được yêu cầu; họ không nhận thức ăn được mang cho hay thức ăn được nấu cho mình hay nhận lời mời đến ăn; họ không nhận gì được cho từ trong nồi, trong bát, trước mái hiên nhà, đưa qua cây gậy, đưa qua cái chày, từ hai người đang ăn, từ phụ nữ đang cho con bú, từ phụ nữ đang ở giữa những đàn ông, từ chỗ thức ăn được quảng bá để phát chẩn, từ chỗ có chó đang chực, từ chỗ có ruồi nhặng đang bu; họ không nhận ăn cá hay thịt, họ không uống rượu nặng, rượu nhẹ, hay thức uống lên men. Họ nhận ăn từ một nhà, ăn một miếng; họ nhận ăn từ hai nhà, ăn hai miếng ... họ nhận ăn từ bảy nhà, ăn bảy miếng. Họ sống nhờ một chén một ngày, nhờ hai chén hai ngày ... nhờ bảy chén bảy ngày; họ nhận thức ăn một lần mỗi ngày, một lần mỗi hai ngày ... một lần mỗi bảy ngày; cứ như vậy thậm chí một lần mỗi hai tuần, họ thực hành theo khổ hạnh chỉ nhận thức ăn sau mỗi khoảng thời gian đã ấn định."

6. "Nhưng họ có sống còn với sự ăn quá ít như vậy không, Aggivessa- na?" "Không, Thầy Cồ-Đàm, nhiều lúc họ dùng những thức ăn ngon cứng, ăn thức ăn ngon mềm, ăn những thứ tuyệt ngon, uống những thứ tuyệt ngon. Nhờ đó họ lấy lại được sức mạnh, củng cố bản thân, và trở nên béo mập." "Này Aggivessana, những gì họ từ bỏ trước đó, sau đó họ tích cóp lại. Đó là cách có sự tăng và sự giảm của thân này. Nhưng, này Aggivessana, anh đã học được về sự tu-tập tâm là gì?" Khi Saccaka con trai Ni-kiền-tử được hỏi bởi đức Thế Tôn về sự tu-tập tâm là gì, anh ta đã không thể trả lời.

7. Rồi đức Thế Tôn mới nói với anh ta: "Này Aggivessana, những điều anh vừa nói về sự tu-tập thân thì không phải là sự tu-tập thân theo như Giáo Pháp trong Giới-Luật của Thánh Nhân. Do anh không biết sự tu-tập thân là gì thì làm sao anh hiểu được sự tu-tập tâm là gì? Tuy nhiên, này Aggivessana, về cách nào một người là chưa tu-tập về thân và chưa tu-tập về tâm, và một người là đã tu-tập về thân và đã tu-tập về tâm, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói"—"Được, thưa ngài", Saccaka con trai Ni-kiền-tử đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

8. "Này Aggivessana, theo cách nào là một người chưa tu-tập về thân và chưa tu-tập về tâm? Ở đây, này Aggivessana, cảm-giác sướng (dễ chịu) khởi sinh trong một người phàm phu không được chỉ dạy. Bị tiếp xúc với cảm-giác sướng đó, người đó ham muốn

sự sướng và tiếp tục thèm khát sự sướng. Rồi cảm-giác sướng của người đó chấm dứt. Khi chấm dứt cảm- giác sướng, thì cảm-giác khổ (khó chịu) khởi sinh. Bị tiếp xúc bởi cảm- giác khổ đó, người đó buồn sầu, ưu phiền, và ai oán; người đó khóc lóc đấm ngực và trở nên quẩn trí. (i) Khi cảm-giác sướng đó đã khởi sinh trong người đó, nó xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó bởi vì thân không được tu-tập. (ii) Và khi cảm-giác khổ đó đã khởi sinh trong người đó, nó xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó bởi vì tâm chưa được tu- tập. Bất cứ ai mà trong người đó, theo cách thức kép (hai-sự) này, (i) cảm- giác sướng đã khởi sinh xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó bởi vì thân chưa được tu-tập và (ii) cảm-giác khổ đã khởi sinh xâm chiếm tâm người đó và ở lại trong đó bởi vì tâm chưa được tu-tập, thì như vậy là chưa tu-tập về thân và chưa tu-tập về tâm. (Thân chưa tu tập nên thấy sướng ham muốn sự sướng; tâm chưa tu tập nên thấy khổ buồn sầu, ưu phiền …)

9. “Và, này Aggivessana, theo cách nào là một người đã tu-tập về thân và đã tu-tập về tâm? Ở đây, này Aggivessana, cảm-giác sướng (dễ chịu) khởi sinh trong một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy. Bị tiếp xúc với cảm-giác sướng đó, người đó không ham muốn sự sướng và không tiếp

tục thèm khát sự sướng. Rồi cảm-giác sướng của người đó chấm dứt. Khi chấm dứt cảm-giác sướng, thì cảm-giác khổ (khó chịu) khởi sinh. Bị tiếp xúc bởi cảm-giác khổ đó, người đó không buồn sầu, ưu phiền, và ai oán; người đó không khóc lóc đấm ngực và không trở nên quẩn trí. (i) Khi cảm-giác sướng đó đã khởi sinh trong người đó, nó không xâm chiếm tâm người đó và không ở lại trong đó bởi vì thân đã được tu-tập. (ii) Và khi cảm-giác khổ đó đã khởi sinh trong người đó, nó không xâm chiếm tâm người đó và không ở lại trong đó bởi vì tâm đã được tu-tập. Bất cứ ai mà trong người đó, theo cách thức kép (hai-sự) này, (i) cảm-giác sướng đã khởi sinh không xâm chiếm tâm người đó và không ở lại trong đó bởi vì thân đã được tu-tập và (ii) cảm-giác khổ đã khởi sinh không xâm chiếm tâm người đó và không ở lại trong đó bởi vì tâm đã được tu-tập, thì như vậy là đã tu-tập về thân và đã tu-tập về tâm.”384 (Thân đã tu tập nên thấy sướng không ham muốn sự sướng; tâm đã tu tập nên thấy khổ không buồn sầu, ưu phiền …)

10. “Tôi có sự niềm-tin vào Thầy Cồ-Đàm như vầy: ‘Thầy Cồ-Đàm đã tu-tập về thân và đã tu-tập về tâm.’” “Chắc chắn vậy, này Aggivessana, lời của anh có vẻ chọc ghẹo và vô lễ, nhưng ta vẫn trả lời anh. Vì ta đã cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, nên đâu thể nào có vụ (i) cảm-giác sướng đã khởi sinh xâm chiếm tâm ta và ở lại trong đó, hoặc (ii) cảm-giác khổ đã khởi sinh xâm chiếm tâm ta và ở lại trong đó.”

11. “[1] Bộ chưa từng khởi sinh trong Thầy Cồ-Đàm một cảm-giác rất rất sướng (cực sướng) đến nỗi nó có thể xâm chiếm tâm thầy Cồ-Đàm và ở lại trong đó, hay sao? [2] Bộ chưa từng khởi sinh trong Thầy Cồ-Đàm một cảm-giác rất rất khổ (cực khổ) đến nỗi nó có thể xâm chiếm tâm thầy Cồ-Đàm và ở lại trong đó, hay sao?”

12. “Tại sao không, này Aggivessana?385 Này Aggivessana, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ta đã nghĩ:

‘Đời sống tại gia là quá chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia thì như bầu không khí rộng mở. Nếu đang sống tại gia thì không dễ gì dẫn dắt đời sống tâm linh được trong sạch và hoàn hảo như một vỏ sò được chà trắng. Giá như: ta cạo bỏ râu tóc, mặc cà sa màu vàng úa, và từ bỏ đời sống tại gia để sống đời xuất gia.’

13.–16. “Rồi sau đó, khi ta vẫn còn là một người trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời … [tiếp tục y hệt kinh MN 26 ở trên, mục 14.–17.] … Và ta ngồi xuống đó và nghĩ rằng: ‘Chỗ này sẽ được dùng cho sự chuyên-cần tu.’

17. (i) “Bấy giờ có ba ví dụ này khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó. Ví dụ có một khúc cây tươi đang nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: ‘Ta sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo nhiệt.’ Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra nhiệt bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây tươi đang nằm dưới nước, hay không?” “Không được, Thầy Cồ-đàm. Tại sao không? Bởi vì đó là một khúc cây tươi ướt, và nó đang nằm dưới nước. Làm vậy thì cuối cùng người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi.” “Cũng giống như vậy, này Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà-la- môn vẫn không sống với thân tách-ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), và những khoái-lạc giác-quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát, và cơn sốt đi tìm khoái-lạc giác-quan của họ vẫn chưa được hoàn toàn loại bỏ và khống chế ở bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì đã cố sức (tu hành), họ vẫn không thể đạt được trí-biết và tầm-nhìn (sự-biết và sự-thấy), và sự giác-ngộ cao nhất. Đây là ví dụ đầu tiên đã khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó.

18. (ii) “Lại nữa, này Aggivessana, một ví dụ thứ hai đã khởi lên trong ta, ta chưa từng nghe trước đó. Ví dụ có một khúc cây tươi ướt đang nằm

trên đất khô, không nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: ‘Tôi sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo nhiệt.’ Này Aggivessana, anh nghĩ sao? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra nhiệt bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây tươi đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, hay không?” “Không được, Thầy Cồ-đàm. Vì sao? Bởi vì đó là một khúc cây tươi ướt, ngay cả khi nó có nằm trên đất khô, không nằm dưới nước. Làm vậy thì cuối cùng người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi.” “Cũng giống như vậy, này Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà-la-môn sống với thân tách-ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc),386 nhưng khoái-lạc giác-quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát, và cơn sốt đi tìm khoái-lạc giác-quan của họ vẫn chưa được hoàn toàn loại bỏ và khống chế ở bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì đã cố sức (tu khổ hạnh), họ vẫn không thể đạt được trí-biết và tầm-nhìn, và sự giác-ngộ

cao nhất. Đây là ví dụ thứ hai đã tự khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó.

19. (iii) “Lại nữa, này Aggivessana, một ví dụ thứ ba đã khởi lên trong ta, ta chưa từng nghe trước đó. Ví dụ có một khúc cây khô không còn mủ tươi đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: ‘Tôi sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo nhiệt.’ Này Ag- givessana, anh nghĩ sao? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra nhiệt bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây khô không còn mủ tươi đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, hay không?” “Được, Thầy Cồ-đàm. Tại sao được? Bởi vì đó là một khúc cây khô không còn mủ tươi và nó đang nằm trên dất khô, không nằm dưới nước.” “Cũng giống như vậy, này ông Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà- la-môn sống với thân tách-ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), và những khoái-lạc giác-quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát, và cơn sốt đi tìm khoái-lạc giác-quan của họ đã được hoàn toàn loại bỏ và khống

chế ở bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì cố sức (tu khổ hạnh), họ vẫn có thể đạt được trí-biết và tầm-nhìn, và sự giác-ngộ cao nhất. Đây là ví dụ thứ ba đã khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó. 387

20. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: với răng cắn chặt và lưỡi đè chặt lên trên vòm miệng, ta lấy tâm cố ép, trấn dập và đè bẹp cái tâm.’ Nghĩ vậy nên ta đã làm: với răng cắn chặt và lưỡi đè chặt lên trên vòm miệng, ta đã lấy tâm cố ép, cố đè và đè bẹp cái tâm. Trong khi ta làm như vậy, mồ hôi đã vã ra từ hai nách của ta. Giống như một kẻ to mạnh túm lấy đầu và vai của một người nhỏ yếu và ép, trấn dập và đè bẹp anh ta. Cũng giống như vậy, với răng cắn chặt và lưỡi đè chặt lên trên vòm miệng, ta đã lấy tâm cố ép, cố đè và đè bẹp cái tâm, và mồ hôi vã ra từ hai nách của ta. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm tâm ta và ở lại trong đó.388

21. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta tu tập thiền nín-thở.’ Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng và mũi. Trong khi ta làm vậy, có một tiếng gió lớn bụp bung ra hai lổ tai. Giống như tiếng bụp lớn khi hai ống bể của người thợ rèn mỗi lần được thổi hơi. Cũng giống vậy, trong khi ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng và mũi, có một tiếng gió lớn bụp bung ra hai lổ tai. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

22. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta tu tập thêm thiền nín-thở.’ Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, những tiếng gió mạnh

cắt xuyên trong đầu. Giống như một kẻ to

mạnh đang đâm vào đầu ta bằng mũi kiếm sắc bén. Cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai của ta, có những hơi gió mạnh cắt xuyên trong đầu. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

23. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta tu tập thêm thiền nín-thở.’ Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có những đau buốt trong đầu ta. Giống như có một kẻ to mạnh đang siết chặt đầu ta bằng một sợi nịt da. Cũng giống vậy, trong khi ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai, có những đau buốt trong đầu ta. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

24. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta tu tập thêm thiền nín-thở.’ Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có những hơi gió mạnh cắt rọc bụng của ta. Giống như một người bán thịt rành nghề [hay người phụ của ông ta] cắt rọc bụng con bò bằng một cái dao sắc bén của người hàng thịt. Cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai của ta, có những hơi gió mạnh cắt rọc bụng của ta. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

25. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như ta tu tập thêm thiền nín-thở.’ Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có một sự nóng cháy dữ dội trong thân của ta. Giống như có hai kẻ to mạnh nắm chặt một người nhỏ yếu bằng cả hai và nướng anh ta trên một hố lửa than đang cháy. Cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai của ta, có một sự nóng cháy trong thân ta. Nhưng cho dù sự nỗ-lực (tinh tấn) đã được phát khởi không ngớt trong ta, và cho dù sự chánh-niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. - Nhưng cảm-giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

26. “Bấy giờ, khi các thiên thần nhìn thấy ta như vậy, một số họ đã nói: ‘Sa-môn Cồ-Đàm chết rồi.’ Các thiên thần khác lại nói: ‘Sa-môn Cồ-Đàm chưa chết, ông ấy sắp

chết.’ Và các thiên thần khác lại nói: ‘Sa-môn Cồ- Đàm không phải đã chết hay sắp chết; vị ấy là một A-la-hán, bởi vì cách như vậy là cách những A-la-hán sống qua.’

27. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta thực hành sự nhịn ăn hoàn toàn.’ Rồi có các thiên thần đến gặp ta và nói: ‘Này thiện nhân, đừng thực hành kiểu tuyệt thực. Nếu ngài làm vậy, chúng tôi sẽ rót thức ăn nhà trời qua các lổ chân lông trên da ngài, như vậy sẽ giúp ngài sống được.’ Ta đã suy xét rằng: ‘Nếu ta tuyên bố mình có thể tuyệt thực trong khi các thiên thần lại rót thức ăn nhà trời qua các lổ chân lông trên da ta và giúp ta sống được, như vậy là ta nói dối.’ Do vậy ta đã từ chối các thiên thần đó, ta nói: ‘Không cần.’

28. “Ta đã nghĩ rằng: ‘Giá như: ta chỉ ăn ít, mỗi lần ăn một chút thôi, dù đó là canh đậu que hay canh đậu lăng hay canh đậu hạt xanh.’ Nghĩ vậy nên ta đã ăn ít, mỗi lần ăn một chút, dù đó là canh đậu que hay canh đậu lăng hay canh đậu hạt xanh. Trong khi ta làm vậy, thân thể ta thành ốm nhách. Bởi do ăn quá ít, nên chân tay của ta thành giống như mấy cọng dây leo hay cọng lá tre. Bởi do ăn quá ít, nên mông đít ta thành teo nhách

giống như móng con lạc đà. Bởi do ăn quá ít, nên những đốt xương sống nhô ra như dãy tràng hạt. Bởi do ăn quá ít, nên xương sườn nằm trơ ra như những xà ngang trên mái nát của một nhà kho cũ. Bởi do ăn quá ít nên, nên tia ánh mắt của ta nặng chìm xuống hai hốc mắt, giống như tia nước đã chìm sa dưới giếng sâu. Bởi do ăn quá ít, nên da đầu của ta đã nhăn queo và khô héo như trái khổ qua nhăn queo và khô héo trong nắng gió. Bởi do ăn quá ít, nên da bụng của ta xẹp dính ra sau xương sống của ta, đến nỗi nếu sờ vào da bụng của ta là ta cũng đụng tới xương sống sau lưng, và nếu ta sờ vào xương sống sau lưng thì ta cũng đụng tới da bụng phía trước. Bởi do ăn quá ít, nên khi ta đi đại tiện hay tiểu tiện, ta té ngã úp mặt lên chỗ (đại tiện hay tiểu tiện) đó. Bởi do ăn quá ít, nên khi ta cố xoa dịu thân ta bằng cách xoa tay xoa chân bằng hai bàn tay thì lông tay lông chân cũng rụng rớt khỏi thân khi ta xoa, vì chúng đã mục hư tận gốc.

29. “Bấy giờ, khi người ta nhìn thấy ta như vậy, một số họ đã nói: ‘Sa- môn Cồ-Đàm có da đen.’ Những người khác lại nói: ‘Sa-môn Cồ-Đàm không phải da đen, ông ấy da nâu.’ Và những người khác lại nói: ‘Sa-môn Cồ-Đàm không phải da đen hay da nâu, ông ấy có da vàng.’ Như vậy đã quá rõ, màu da tươi sáng ngày nào của ta đã tàn hoại do ta ăn uống quá ít.

30. “Ta đã nghĩ rằng: ‘So với những cảm-giác mà các tu sĩ hay bà-la- môn trong quá khứ đã nếm trải đau đớn, nghiến răng, nhức nhói thì đây là tột cùng; không có gì cùng cực đau đớn hơn cảnh này (của ta). Và so với những gì các tu sĩ hay bà-la-môn trong hiện tại đang nếm trải những cảm- giác đau đớn, nghiến răng, nhức nhói do cố sức (tu hành), đây là tột cùng; không có gì cùng cực đau đớn hơn cảnh này (của ta). “Nhưng với cách tu cực hình khổ hạnh như vậy, ta đã không đạt tới những trạng thái siêu nhân nào hay sự khác-biệt nào về trí-biết và tầm- nhìn xứng đáng của những bậc thánh. Phải chăng có một con-đường khác dẫn tới giác-ngộ?’

31. “Ta đã suy xét: ‘Ta nhớ lại thời nhỏ, khi cha ta là một người họ tộc Thích-Ca (Sakya) lúc đó đang bận việc, lúc đó ta đang ngồi dưới bóng

một cây táo hồng: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’389 Phải chăng đây là con-đường (để tu tập) dẫn đến giác- ngộ?’ Rồi lần theo trí nhớ đó, cuối cùng ta đi tới nhận biết rằng: ‘Đây đúng thực là con-đường dẫn đến giác-ngộ.’

32. “Ta đã nghĩ: ‘Tại sao ta phải sợ loại sự sướng (lạc) vốn không liên quan gì với những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) và những trạng thái bất thiện?’ Ta đã nghĩ rằng: ‘Ta không sợ loại sự sướng đó vốn không liên quan gì với những khoái-lạc giác-quan và những trạng thái bất thiện.’390

33. “Ta đã suy xét rằng: ‘Không dễ gì đạt tới sự sướng (lạc, hạnh phúc) nào với một thân thể quá ốm yếu tàn tạ. Giá như: ta ăn mấy thứ thức ăn chắc bụng—như cơm và cháo.’ Nghĩ như vậy nên ta đã ăn lại mấy thức ăn chắc bụng—như cơm và cháo. Rồi, bấy giờ năm vị tu sĩ kia (tức nhóm bạn tu có ngài Kiều-trần-như) đang kỳ vọng ở ta, trong đầu họ đang nghĩ: ‘Nếu sa-môn Cồ-Đàm của chúng ta chứng đắc trạng thái cao siêu nào thì vị ấy sẽ báo cho chúng ta biết.’ Nhưng khi thấy ta ăn cơm và cháo, năm vị tu sĩ đó đã khinh khi và rời bỏ ta, trong đầu họ nghĩ: ‘Sa-môn Cồ-Đàm giờ sống theo kiểu thụ hưởng; ông ấy đã từ bỏ sự chuyên-cần tu (tu khổ hạnh) và quay lại sống hưởng thụ.’

34. “Lúc đó sau khi ta đã ăn lại thức ăn chắc bụng và đã lấy lại sức; rồi sau đó ta: (1) “Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi- xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách- ly đó.’ - Nhưng cảm-giác sướng (lạc) đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.391

35. –37. “Rồi sau đó: (2) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (3) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … (4) ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng- khổ … ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … - Nhưng cảm-giác sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.

38. (5) “Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh-lọc, và sáng tỏ, không còn dính nhiễm, không còn sự ố-nhiễm [sự không hoàn thiện], dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới trí-biết về sự nhớ- lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh). Ta đã nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của ta; đó là một lần sinh, hai lần sinh … [Tiếp tục giống

kinh MN 4 ở trên, mục 27.] … Như vậy đó, ta đã nhớ lại những tổng quan và chi tiết của những cõi kiếp quá khứ của ta.

39. “Đây là “trí-biết đích thực” đầu tiên (thấy biết những cõi kiếp trong quá khứ của mình) mà ta đã chứng ngộ vào canh một của đêm đó. Sự vô- minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh; điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định. - Nhưng cảm-giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.

40. (6) “Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh-lọc, và sáng tỏ, không còn dính nhiễm, không còn sự ố-nhiễm [sự không hoàn thiện], dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới trí-biết về sự nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh (thiên nhãn minh). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người … [Tiếp tục giống kinh MN 4 ở trên, mục 29.] … Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái

sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình như vậy.

41. “Đây là “trí-biết đích thực” thứ hai (thấy biết những sự sinh-tử của chúng sinh) ta đã chứng ngộ được vào canh giữa (canh ba) của đêm đó. Sự vô-minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định. - Nhưng cảm-giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.

42. (7) “Khi tâm của ta đã được như vậy, đã đạt-định, được thanh-lọc, và sáng tỏ, không còn dính nhiễm, không còn sự ố-nhiễm [sự không hoàn thiện], dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận minh). Ta đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ … ‘Đây là nguồn-gốc khổ’ … ‘Đây là sự chấm- dứt khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’. Ta đã trực-tiếp biết, đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô-nhiễm’ … ‘Đây là nguồn-gốc những ô-nhiễm’ … ‘Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm’ … ‘Đây là con- đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm’.

43. “Sau khi ta đã biết và đã thấy như vậy, tâm ta được giải-thoát khỏi ô- nhiễm do/của tham-dục (dục lậu), khỏi ô-nhiễm do/của sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi ô-nhiễm do/của vô-minh (vô-minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Tâm được giải-thoát.’ Ta đã trực-tiếp biết rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.

44. “Đây là “trí-biết đích thực” thứ ba (thấy biết những ô-nhiễm đã tận diệt) mà ta đã chứng ngộ vào canh cuối (canh năm) của đêm đó. Sự vô- minh u tối đã bị xua tan và loại trí-biết đích thực (chân trí, minh) đã khởi

sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định. Nhưng cảm- giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó”.

45. “Này Aggivessana, ta nhớ đã dạy Giáo Pháp cho một hội chúng mấy trăm người, và rồi thậm chí mỗi người lại nghĩ về ta như vầy: ‘Sa-môn Cồ-đàm đang chỉ dạy Giáo Pháp cho riêng tôi.’ Nhưng không nên coi điều đó là vậy; Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác chỉ để ban cho họ sự hiểu-biết. Sau khi thời thuyết giảng đã xong, này Aggivessana, ta sẽ ổn định tâm ta ở bên trong, đưa nó đến sự nhất-điểm, và định tâm trên dấu-hiệu (tướng) của sự định-tâm như trước đó, ta an trú một cách ổn định trong (trạng thái) đó.”392 “Về vấn đề này Thầy Cồ-Đàm có thể được tin tưởng đúng là một bậc A-la-hán và đã giác-ngộ toàn thiện. Nhưng Thầy Cồ-Đàm có nhớ mình có ngủ ban ngày hay không?”393

46. “Này Aggivessana, ta nhớ vào tháng cuối của mùa nóng, sau khi trở về sau một vòng khất thực, sau khi ăn trưa, ta gấp tư áo cà sa (làm gối?) và nằm xuống nghiêng bên phải, một cách có chánh-niệm và rõ-biết đầy đủ (tỉnh giác), ta nằm ngủ.” “Một số những tu sĩ và bà-la-môn gọi đó là sự an trú trong ngu-mờ (si), thưa Thầy Cồ-Đàm.” “Theo cách đó thì không phải một người là ngu-mờ hay không ngu- mờ, này Aggivessana. Về cách một người ngu-mờ hay không ngu-mờ, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

47. “Này Aggivessana, người ta gọi là ngu-mờ (si) là người chưa trừ bỏ những ô-nhiễm [(là những thứ) làm ô nhiễm (cái tâm), đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai]; vì chính sự không trừ bỏ những ô-nhiễm nên

một người là ngu-mờ. Còn người ta gọi là không ngu-mờ (vô si) là người đã trừ bỏ những ô-nhiễm [(là những thứ) làm ô nhiễm (cái tâm), đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai]; vì chính sự đã trừ bỏ những ô-nhiễm nên một người là không ngu-mờ. Này Aggivessana, Như Lai đã trừ bỏ những ô-nhiễm [(là những thứ) làm ô nhiễm (cái tâm), đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai]; Như Lai đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Giống như một cây cọ có phần thân ngọn đã bị chặt đi thì không còn khả năng lớn lên nữa; cũng giống như vậy, Như Lai đã trừ bỏ những ô-nhiễm [(là những thứ) làm ô-nhiễm (cái tâm) … đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai.”

48. Sau khi điều này được nói ra, Saccaka con trai Ni-kiền-tử đã nói: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-Đàm, thật tuyệt vời là cách Thầy Cồ-Đàm đã lần này lần khác bị nói một cách xúc phạm, bị tấn công bằng những lời lẽ vô lễ mà màu da của thầy vẫn sáng và sắc mặt của thầy vẫn trong, một bậc đã tu-thành [A-la-hán] và đã giác-ngộ toàn thiện [toàn-giác] được trông đợi là như vậy. Thầy Cồ-Đàm, tôi nhớ lại đã từng tham gia tranh luận với ông Pūraṇa Kassapa, rồi ông ta nói tránh né vòng vo, lái đề tài đối thoại qua hướng khác, và thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. Nhưng khi Thầy Cồ-Đàm bị nói một cách xúc phạm, bị tấn công bằng những lời lẽ vô lễ, màu da của thầy vẫn sáng và sắc mặt của thầy vẫn trong, một bậc đã tu- thành và đã giác-ngộ toàn thiện được trông đợi là như vậy. Tôi nhớ đã từng tham gia tranh luận với ông Makkhali Gosāla … Ajita … Kesa- kambalin … Pakudha … Kaccāyana … Sanjaya Belaṭṭhiputta … Ni-kiền- tử Nātaputta, rồi ông ta nói tránh né vòng vo, lái đề tài đối thoại qua hướng khác, và thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. Nhưng khi Thầy Cồ-Đàm bị nói một cách xúc phạm, bị tấn công bằng những lời lẽ vô lễ, màu da của thầy vẫn sáng và sắc mặt của thầy vẫn trong, một bậc đã tu- thành và đã giác-ngộ toàn thiện được trông đợi là như vậy. Và giờ, Thầy

Cồ-Đàm, chúng tôi phải đi đây. Chúng tôi bận bịu và có nhiều việc phải làm.” “Giờ là lúc, này Aggivessana, hãy làm những gì anh thấy phù hợp.” Rồi Saccaka con trai Ni-kiền-tử, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời thuyết của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi khỏi.394

37. TIỂU KINH TIÊU DIỆT DỤC VỌNG (Cūḷataṇhāsankhaya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông, chỗ Lâu Đài của Mẹ của Migāra (‘Mẹ của Migāra’ là phu nhân Visakkha, nữ đại thí chủ của Đức Phật). 2. Rồi vị trời Đế-thích (Sakka), vua [người trị vì] của những thiên thần, đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, vị trời đứng sang một bên, và hỏi: “Thưa Thế Tôn, nói ngắn gọn, theo cách nào là một Tỳ kheo được giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận, diệt dục), là người đã đạt tới kết-cuộc tột cùng (rốt ráo), sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc, đời sống tâm linh tột cùng, mục-tiệu tột cùng; người đó là hạng-nhất trong những thiên thần và loài người.?”395 3. “Ở đây, này vua của những thiên thần, một Tỳ kheo đã nghe được rằng chẳng có thứ gì đáng để cố chấp vào nó. Khi một Tỳ kheo đã nghe được chẳng có thứ gì đáng để cố chấp vào nó, thì người đó trực-tiếp biết mọi thứ; sau khi đã trực-tiếp biết mọi thứ, người đó hoàn-toàn hiểu mọi thứ, hiểu mọi cảm-giác người đó cảm nhận, dù là sướng hay khổ hay trung tính [không khổ không sướng], người đó an trú quán sát sự vô-thường trong những cảm-giác đó, quán sát sự phai-biến, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ. Sau khi quán sát như vậy, người đó không dính-chấp vào thứ gì trong thế gian. Khi người đó không dính-chấp (vô thủ), người đó không bị khích-động (động vọng). Khi người đó không bị khích-động, người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn.396 Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Nói

ngắn gọn, này vua của những thiên thần, chính theo cách này là một Tỳ kheo được giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng, là người đã đạt tới kết-cuộc tột cùng, sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc, đời sống tâm linh

tột cùng, mục-tiệu tột cùng; người đó là hạng-nhất trong số những thiên thần và loài người." 4. Rồi trời Đế-thích, vua của những thiên thần, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải của mình, và biến mất ngay tại đó. 5. Bấy giờ, vào lúc đó có ngài Đại Mục-kiền-liên đang ngồi không xa đức Thế Tôn. Rồi thấy ấy đã suy xét: "Liệu vì trời thần đó có thấm nhập được ý nghĩa của lời dạy của đức Thế Tôn hay không, sau khi vị ấy vui mừng như vậy? Hay ta sẽ tìm hiểu rằng vị trời có hay không." 6. Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay, thầy Đại Mục-kiền-liên biến mất khỏi chỗ Lâu Đài của Mẹ của Migāra trong Khu Vườn Phía Đông và hiện ra trước mặt những thiên thần trong cõi trời Ba Mươi Ba (Đao-lợi). 7. Bấy giờ, lúc đó vị trời Sakka, vua của những thiên thần, đã được trang bị và được chu cấp với năm loại nhạc trời, và vị trời đang thưởng thức nó trong khu vườn Nhất Liên Lạc Viên (khu vườn vui sướng có tên là một bông sen). Khi nhìn thấy thầy Đại Mục-kiền-liên đang đi tới từ xa, vị trời liền tắt nhạc, ra gặp thầy Đại Mục-kiền-liên, và nói với thầy ấy: "Nào, đức ngài Mục-kiền-liên! Xin chào đón, thầy Mục-kiền-liên! Thưa ngài Mục-kiền-liên, đã lâu kể từ lúc thầy đã có cơ hội đến đây. Xin mời ngồi, thưa ngài Mục-kiền-liên; chỗ ngồi đã sẵn sàng." Thầy Đại Mục-kiền-liên ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và trời Đế- thích chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên. Thầy Đại Mục-kiền- liên mới hỏi vị trời: 8. "Này Kosiya,397 theo cách nào đức Thế Tôn đã khẳng định với ngài một cách ngắn gọn về sự giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng? Sẽ tốt lành nếu chúng tôi cũng nghe được lời khẳng định đó." "Thưa đức ngài Mục-kiền-liên, chúng tôi quá bận bịu, chúng tôi có nhiều việc phải làm, không phải chỉ vì những việc của chúng tôi, mà cũng

vì việc của những thiên thần của cả cõi trời Ba Mươi Ba. Bên cạnh đó, thưa ngài Mục-kiền-liên, điều được nghe rõ, được học rõ, được chú tâm rõ, được ghi nhớ rõ, lại bất ngờ biến mất khỏi chúng tôi. Thưa ngài Mục- kiền-liên, điều đó đã từng xảy ra khi cuộc chiến bùng phát giữa những thiên thần và những quỷ thần A-tu-la.398 Trong cuộc chiến đó, những thiên thần đã thắng và những quỷ thần A-tu-la đã thua. Sau khi tôi đã thắng và trở về như người chiến thắng, tôi đã cho xây Cung Điện Vejayanta. Thưa đức ngài Mục-kiền-liên, Cung Điện Vejayanta có một trăm tòa tháp, và mỗi tòa tháp có bảy trăm phòng thượng, và mỗi phòng thượng có bảy tiên nữ, và mỗi tiên nữ có bảy người hầu. Ngài có muốn coi qua sự đẹp đẽ của Cung Điện Vejayanta không, thưa ngài Mục-kiền-liên?" Thầy Đại Mục- kiền-liên đồng ý trong im lặng. 9. Rồi, trời Đế-thích, vua của những thiên thần, và vua trời Vessa- vaṇa,399 đã đi đến Cung Điện Vejayanta, nhường bước cho thầy Đại Mục- kiền-liên đi trước. Khi những cô hầu của trời Đế-thích nhìn thấy thầy Đại Mục-kiền-liên đi đến từ xa, họ cảm thấy ngượng ngùng và xấu hổ nên họ đi về phòng của mình. Giống như một cô con dâu cảm thấy ngượng ngùng và

xấu hổ khi nhìn thấy cha chồng của mình; cũng giống như vậy, khi những cô hầu của trời Đế-thích nhìn thấy thầy Đại Mục-kiền-liên đi đến từ xa, họ cảm thấy ngượng ngùng và xấu hổ nên họ đi về phòng của mình. 10. Rồi trời Đế-thích, vua của những thiên thần, và trời Vessavaṇa, đã đưa thầy Đại Mục-kiền-liên đi dạo quanh và khám phá Cung Điện Vejayanta: “Này đức ngài Mục-kiền-liên, hãy nhìn coi sự đẹp đẽ của Cung Diện Vejayanta! Này đức ngài Mục-kiền-liên, hãy nhìn coi sự đẹp đẽ của Cung Diện Vejayanta!”. “Chỗ này ghi công ngài Kosiya là người trước đây đã tạo công đức; và mỗi khi loài người nhìn thấy thứ gì đẹp đẽ khả ái, họ nói: ‘Thưa ông bà, chỗ này ghi công những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba!’ Nó ghi công ngài Kosiya là người trước đây đã tạo công đức.”

11. Rồi thầy Đại Mục-kiền-liên đã suy xét như vầy: “Vị thần trời này đang sống một cách quá lơ tâm phóng dật. Để coi ra sao nếu ta thử quấy động ‘một cảm-nhận về sự cấp-bách’ trong vị trời này?” Rồi thầy Đại Mục-kiền-liên đã thực hiện một chiêu thức thần thông bằng ngón chân mình thầy làm cho Cung Điện Vejayanta rung chuyển, lắc lư, và rúng động.400 Đế-thích và trời Vessavaṇa và những thiên thần cõi trời Ba Mươi Ba lòng đầy sự ngạc nhiên và sửng sốt, và họ đã nói: “Thưa các ngài, thật kỳ diệu, thật tuyệt vời, là năng lực và uy lực vị sa-môn này có được, rằng chỉ bằng ngón chân mà vị ấy đã làm cõi trời rung chuyển, lắc lư, và rúng động!” 12. Khi thầy Đại Mục-kiền-liên biết trời Đế-thích, vua của những thiên thần, đã bị quấy động tới ‘một cảm-nhận về sự cấp-bách’ đến nỗi tóc của vị trời đã dựng đứng, thầy mới hỏi vị trời: “Này Kosiya, theo cách nào đức Thế Tôn đã khẳng định với ngài một cách ngắn gọn về sự giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng? Sẽ tốt lành nếu chúng tôi cũng được nghe lời khẳng định đó.” “Thưa đức ngài Mục-kiền-liên, tôi đã đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính lễ đức Thế Tôn, tôi đã đứng sang một bên và hỏi: ‘Thưa Thế Tôn … [lặp lại câu hỏi như mục 2 ở trên] … những thiên thần và loài người?’. Sau khi điều này được nói ra, thưa ngài Mục-kiền-liên, đức Thế Tôn đã nói với tôi rằng: ‘Ở đây, này vua của những thiên thần … [lặp lại như mục 3 ở trên] … những thiên thần và loài người.’ Đó là cách đức Thế Tôn đã khẳng định cho tôi một cách ngắn gọn về sự giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng, thưa ngài Mục-kiền-liên.” 13. Rồi thầy Đại Mục-kiền-liên hài lòng và vui mừng với lời nói của trời Đế-thích, vua của những thiên thần. Rồi, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, thầy ấy biến mất khỏi cõi trời Ba Mươi Ba và hiện ra trong Khu Vườn Phía Đông, chỗ Lâu Đài của Mẹ của Migāra. 14. Rồi, không lâu sau khi thầy Đại Mục-kiền-liên đã đi, những vị tiên hầu cận của trời Đế-thích, vua của những thiên thần, đã hỏi vị trời: “Thưa

trời, có phải đó là vị thầy của trời, bậc Thế Tôn lúc nãy?”—“Không phải, này các tiên, đó không phải là vị thầy của ta, bậc Thế Tôn lúc nãy. Đó là một trong những người đồng-đạo của ta trong đời sống tâm linh, ngài Đại Mục-kiền-liên.”401—“Thưa đức trời, điều đó là ích-lợi cho trời rằng người đồng-đạo đó của trời trong đời sống tâm linh thật là hùng mạnh và uy lực. Ôi, như vậy thì đức Thế Tôn (tức Phật), vị thầy của trời, còn

hùng mạnh và uy lực đến mức nào!” 15. Rồi thầy Đại Mục-kiền-liên đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ, thầy ấy ngồi xuống một bên, và hỏi đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, Thế Tôn có nhớ đã khẳng định một cách ngắn gọn về sự giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng—cho một trong những vị trời thần nổi tiếng với nhiều tùy tùng quyến thuộc—hay không?” “Ta có nhớ đã làm vậy, này Mục-kiền-liên. Ở đây, Đế-thích, vua của những thiên thần, đã đến gặp ta, và sau khi kính lễ ta, vị trời đứng qua một bên và hỏi: ‘Thưa Thế Tôn, nói ngắn gọn theo cách nào là một Tỳ kheo được giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng (ái tận), là người đã đạt tới kết- cuộc tột cùng (rốt ráo), sự an-toàn tối thượng thoát khỏi mọi sự trói-buộc, đời sống tâm linh tột cùng, mục-tiệu tột cùng, người đó là bậc hạng-nhất trong số những thiên thần và loài người?’ Sau khi điều này được nói ra, ta đã nói với vị trời: ‘Ở đây, này vua của những thiên thần, một Tỳ kheo đã nghe được rằng chẳng có thứ gì đáng để cố chấp vào nó. Khi một Tỳ kheo đã nghe được chẳng có thứ gì đáng để cố chấp vào nó, thì người đó trực- tiếp biết mọi thứ; sau khi đã trực-tiếp biết mọi thứ, người đó hoàn-toàn hiểu mọi thứ, hiểu mọi cảm-giác người đó cảm nhận, dù là sướng hay khổ hay trung tính, người đó an trú quán sát sự vô-thường trong những cảm- giác đó, quán sát sự phai-biến, quán sát sự chấm-dứt, quán sát sự từ-bỏ. Sau khi quán sát như vậy, người đó không dính-chấp vào thứ gì trong thế gian. Khi người đó không dính-chấp (vô thủ), người đó không bị khích- động. Khi người đó không bị khích-động, người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận, đời sống tâm linh đã được

sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Nói ngắn gọn, này vua của những thiên thần, chính theo cách này là một Tỳ kheo được giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng … người đó là hạng-nhất trong số những thiên thần và loài người.’ Đó là cách ta nhớ mình đã khẳng định một cách ngắn gọn cho Đế-thích, vua của những thiên thần, về sự giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Đại Mục-kiền-liên đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

38. ĐẠI KINH TIÊU DIỆT DỤC VỌNG (Mahātaṇhāsankhaya Sutta)

(Sự thiết lập)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ, lúc đó có một quan-điểm độc hại đã khởi sinh trong một Tỳ kheo tên là Sāti, con trai của một ngư dân, như vầy: “Theo tôi hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, chính cùng một thức này cứ chạy và lang thang trong vòng luân hồi tái sinh, không phải thức nào khác.”402

3. Một số Tỳ kheo, sau khi nghe điều này, đã đến gặp thầy Sāti và hỏi thầy ấy: “Này đạo hữu Sāti, có đúng thiệt có quan-điểm độc hại đó đã khởi sinh trong thầy?” “Chính xác là vậy, này các đạo hữu. Theo tôi hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, chính cùng một thức này cứ chạy và lang thang trong vòng luân hồi tái sinh, không phải thức

nào khác.” Rồi các Tỳ kheo đó, mong muốn gỡ thầy ấy ra khỏi cái quan-điểm độc hại đó, đã nhấn mạnh và vấn hỏi và hỏi chéo thầy ấy như vầy: “Đạo hữu Sāti, đừng có nói vậy. Đừng diễn dịch sai lời của đức Thế Tôn; sẽ không tốt lành nếu diễn dịch lời đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã không nói như vậy. Vì trong nhiều bài thuyết giảng đức Thế Tôn đã khẳng định rằng ‘thức là khởi-sinh tùy thuộc, bởi vì nếu không có một điều-kiện (duyên) thì không có sự khởi-sinh của thức.’” Nhưng dù đã được nhấn mạnh và vấn hỏi và hỏi chéo bởi các Tỳ kheo đó theo cách như vậy, Tỳ kheo Sāti, con trai một ngư dân, vẫn cứng đầu nắm giữ cái quan-điểm độc hại đó và tiếp tục khăng khăng về điều đó.

4. Do các Tỳ kheo đó đã không thể gỡ thầy ấy khỏi cái quan-điểm độc hại đó, họ đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đã xảy ra, và nói thêm: “Thưa Thế

Tôn, do chúng con không thể gỡ Tỳ kheo Sāti, con trai một ngư dân, khỏi cái quan-điểm độc hại đó, nên chúng con đã thưa vấn đề này với đức Thế Tôn.”

5. Rồi đức Thế Tôn mới nói với một Tỳ kheo ở đó: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo Sāti, con trai một ngư dân, rằng Sư Thầy cho gọi thầy ấy.”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại, và thầy ấy đến gặp Tỳ kheo Sāti và nói: “Này đạo hữu Sāti, Sư Thầy cho gọi thầy.” “Được, đạo hữu”, thầy ấy đáp lại, và thầy ấy đi đến chỗ đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã hỏi thầy ấy: “Này Sāti, có đúng cái quan-điểm độc hại sau đây đã khởi sinh trong thầy hay không: ‘Theo tôi hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn, chính cùng một thức này cứ chạy và lang thang trong vòng luân hồi tái sinh, không phải thức nào khác.’?” “Chính xác là vậy, thưa Thế Tôn. Theo con hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn rằng chính cùng một thức này cứ chạy và lang thang trong vòng luân hồi tái sinh, không phải thức nào khác.” “Này Sāti, thức là gì?” “Thưa Thế Tôn, có phải đó là cái (chủ thể) nói và cảm-nhận và nếm- trải những (nghiệp) quả của những hành-động (nghiệp) tốt và xấu lúc này lúc nọ hay không.”403 “Này con người lầm lạc kia, từ đâu từ ai mà thầy biết ta chỉ dạy Giáo Pháp theo cách đó? Này người lầm lạc, không phải ta đã từng khẳng định trong nhiều bài thuyết giảng rằng ‘thức là khởi-sinh tùy thuộc, bởi vì nếu không có một điều-kiện (duyên) thì không có sự khởi-sinh của thức’, hay sao? Nhưng thầy, kẻ lầm lạc, bằng sự kiến chấp sai lạc của thầy, đã diễn dịch sai về chúng ta, làm tổn hại chính mình, và tích lũy nhiều thất-phước (không công đức); vì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ đau dài lâu cho thầy.”

6. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Liệu Tỳ kheo Sāti, con trai một ngư dân, đã thắp được một tia sáng trí-tuệ nào trong Giáo Pháp và Giới Luật này hay không?” “Không, thưa Thế Tôn. Làm sao thầy ấy có thể, thưa Thế Tôn.” Sau khi điều này được nói ra, Tỳ kheo Sāti, con trai một ngư dân, đã ngồi im lặng, và mất hết tinh thần, hai vai chùn xuống và đầu gục xuống, buồn bã và không còn đối đáp nữa. Rồi, sau khi biết điều này, đức Thế Tôn đã nói với Sāti: “Này

người lầm lạc, thầy sẽ bị nổi tiếng [bị nhìn nhận] bởi chính cái quan-điểm độc hại của mình. Ta sẽ hỏi các Tỳ kheo khác về vấn đề này.”

7. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, các thầy có hiểu Giáo Pháp được chỉ dạy bởi ta như cách Tỳ kheo Sāti này, con một ngư dân, đã hiểu, bởi sự nắm-chấp sai lạc của mình thầy ấy đã diễn dịch sai về chúng ta, làm tổn hại chính mình và tích lũy nhiều thất- phước?” “Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì trong nhiều bài thuyết giảng Thế Tôn đã khẳng định rằng: ‘thức là khởi-sinh tùy thuộc, bởi vì nếu không có một điều-kiện (duyên) thì không có sự khởi-sinh của thức.’” “Tốt, này các Tỳ kheo. Thật tốt lành rằng các thầy đã hiểu được Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy như vậy. Vì trong nhiều bài thuyết giảng ta đã khẳng định rằng: ‘thức là khởi-sinh tùy thuộc, bởi vì nếu không có một điều-kiện (duyên) thì không có sự khởi-sinh của thức.’ Nhưng Tỳ kheo Sāti, con một ngư dân, bởi sự nắm-chấp sai lạc của mình thầy ấy đã diễn dịch sai về chúng ta, làm tổn hại chính mình và tích lũy nhiều thất-phước; vì điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ đau dài lâu cho người lầm lạc này.

(Tính điều-kiện của thức)

8. “Này các Tỳ kheo, thức được coi (xét, tính, gọi tên) bởi loại điều- kiện (duyên) dựa vào đó nó khởi sinh. Khi thức khởi sinh tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nó được coi là thức-mắt; khi thức khởi sinh tùy thuộc vào tai và những âm-thanh, nó được coi là thức-tai; khi thức khởi sinh tùy thuộc vào mũi và những mùi-hương, nó được coi là thức-mũi; khi thức khởi sinh tùy thuộc vào lưỡi và những mùi-vị, nó được coi là thức-lưỡi; khi thức khởi sinh tùy thuộc vào thân và những thứ hữu-hình chạm xúc, nó được gọi là thức-thân; khi thức khởi sinh tùy thuộc vào tâm và những đối-tượng của tâm, nó được coi là thức-tâm.

“Giống như lửa được coi (gọi tên) bởi loại điều-kiện dựa vào đó nó cháy—khi lửa cháy tùy thuộc vào củi cây, nó được coi là lửa củi cây; khi lửa cháy tùy thuộc vào củi bó, nó được coi là lửa củi bó; khi lửa cháy tùy thuộc vào cỏ khô, nó được coi là lửa cỏ khô; khi lửa cháy tùy thuộc vào phân bò, nó được coi là lửa phân bò; khi lửa cháy tùy thuộc vào rơm, nó được coi là lửa rơm; khi lửa cháy tùy thuộc vào cao su, nó được coi là lửa cao su—Cũng giống như vậy, thức được coi bởi loại điều-kiện (duyên) dựa vào đó nó khởi sinh.404 Khi thức khởi sinh tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc, nó được coi là thức-mắt … khi thức khởi sinh tùy thuộc vào tâm và những đối-tượng của tâm, nó được coi là thức-tâm.

(Những câu hỏi chung về sự hiện-hữu)

9. “Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy: ‘Đây (đã) ắt sẽ hiện thành’?”405—“Dạ có, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy: ‘Sự khởi-sinh của nó xảy ra với đó là dưỡng-chất’?”—“Dạ có, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy: ‘Với sự chấm dứt dưỡng- chất đó, thứ đã hiện thành sẽ bị chấm dứt’?”—“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

10. “Này các Tỳ kheo, có phải sự nghi-ngờ khởi sinh khi một người không chắc-chắn như vầy: ‘Có phải đây (đã) ắt sẽ hiện thành’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, có phải sự nghi-ngờ khởi sinh khi một người không chắc-chắn như vầy: ‘Có phải sự khởi-sinh của nó

xảy ra với đó là dưỡng-chất’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, có phải sự nghi-ngờ khởi sinh khi một người không chắc chắn như vầy: ‘Với sự chấm dứt dưỡng-chất đó, thứ đã hiện thành sẽ bị chấm dứt’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

11. “Này các Tỳ kheo, có phải sự nghi-ngờ được dẹp bỏ trong một người nhìn thấy, đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây ắt sẽ hiện thành’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, có phải sự nghi-ngờ được dẹp bỏ trong một người nhìn thấy, đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Sự khởi-sinh của nó xảy ra với đó là dưỡng-chất’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, có phải sự nghi-ngờ được dẹp bỏ trong một người nhìn thấy, đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Với sự chấm dứt dưỡng chất đó, thứ đã hiện thành sẽ bị chấm dứt’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

12. “Này các Tỳ kheo, có phải các thầy như vậy không còn sự nghi-ngờ ở đây: ‘Đây ắt sẽ hiện thành’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, có phải các thầy như vậy không còn sự nghi-ngờ ở đây: ‘Sự khởi- sinh của nó xảy ra với đó là dưỡng-chất’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”— “Này các Tỳ kheo, có phải các thầy như vậy không còn sự nghi-ngờ ở đây: ‘Với sự chấm dứt dưỡng chất đó, thứ đã hiện thành sẽ bị chấm dứt’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

13. “Này các Tỳ kheo, có phải các thầy đã nhìn thấy rõ, đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Đây ắt sẽ hiện thành’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, có phải các thầy đã nhìn thấy rõ, đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Sự khởi-sinh của nó xảy ra với đó là dưỡng-chất’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, có phải các thầy đã nhìn thấy rõ, đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng như vầy: ‘Với sự chấm dứt dưỡng chất đó, thứ đã hiện thành sẽ bị chấm dứt’?”—“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

14. “Này các Tỳ kheo, tầm-nhìn (sự-thấy) này, được thanh lọc và sáng tỏ, nếu các thầy cố chấp vào nó, ôm ấp nó, trân quý nó, và coi nó như một của-cải, thì như vậy các thầy đâu hiểu được rằng ‘Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn giống như một chiếc bè, được dùng cho mục đích để vượt qua bờ bên kia, chứ không phải để nắm giữ’, phải không?”406—“Nếu vậy là không hiểu, thưa Thế Tôn”—“Này các Tỳ kheo, tầm-nhìn này, được thanh lọc và sáng tỏ, nếu các thầy không cố chấp vào nó, không ôm ấp nó, không trân quý nó, và không coi nó như một của-cải, thì như vậy các thầy đã hiểu được rằng ‘Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn giống như một chiếc bè, được dùng cho mục đích để vượt qua bờ bên kia, chứ không phải để nắm giữ’, phải không?”—“Nếu vậy là đã hiểu được, thưa Thế Tôn”.

(Dưỡng chất và sự khởi-sinh tùy thuộc)

15. “Này các Tỳ kheo, có bốn loại dưỡng-chất để duy trì những chúng sinh đã được hiện thành (có mặt, sinh ra) và trợ giúp cho những chúng sinh sắp được hiện thành. Bốn đó là gì? Đó là: (i) thức ăn vật chất là dưỡng chất, dù thô hay tinh (đoàn thực); (ii) tiếp-xúc là thứ hai (xúc thực); (iii) sụ cố-ý của tâm (tư thực); và (iv) thức là thứ tư (thức thực).407

16. “Giờ, này các Tỳ kheo, bốn loại dưỡng-chất này có thứ gì là nguồn gốc của chúng, thứ gì là nguyên gốc của chúng; từ thứ gì chúng được sinh ra và tạo ra? (i) Bốn loại dưỡng-chất này có dục-vọng (ái) là nguồn gốc của chúng, dục-vọng là nguyên gốc của chúng, từ dục-vọng chúng được sinh ra và tạo ra. Và dục-vọng này có thứ gì là nguồn gốc của nó …? (ii) Dục-vọng có cảm-giác (thọ) là nguồn gốc của nó … Và cảm-giác này có thứ gì là nguồn gốc của nó …? (iii) Cảm-giác có sự tiếp-xúc (xúc) là nguồn gốc của nó … Và sự tiếp-xúc này có thứ gì là nguồn gốc của nó …? (iv) Sự tiếp-xúc có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ) là nguồn gốc của nó … Và sáu cơ-sở cảm nhận này có thứ gì là nguồn gốc của nó …? (v) Sáu cơ-sở cảm nhận có phần danh-sắc (tâm-thân) là nguồn gốc của nó … Và phần danh-sắc này có thứ gì là nguồn gốc của nó …? (vi) Phần danh-sắc

có thức là nguồn gốc của nó … Và thức này có thứ gì là nguồn gốc của nó …? (vii) Thức có những sự tạo-tác cố ý (hành) là nguồn gốc của nó … Và những sự tạo-tác cố ý này có thứ gì là nguồn gốc của nó, thứ gì là nguyên gốc của nó; từ thứ gì chúng được sinh ra và tạo ra? (viii) Những sự tạo-tác cố ý có vô-minh là nguồn gốc của nó, vô-minh là nguyên gốc của nó; chúng được sinh ra và tạo ra từ vô-minh.

(Giảng giải chiều tới về sự khởi-sinh)

17. “Vậy đó, này các Tỳ kheo: Do có vô-minh là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý (hành); do có những sự tạo-tác cố-ý là điều-kiện nên có thức; do có thức là điều-kiện nên có phần danh-sắc; do có phần danh-sắc là điều-kiện nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu nội xứ); do có sáu cơ-sở cảm nhận là điều-kiện nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều-kiện nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện nên có sự dính-chấp (thủ); do có sự dính-chấp là điều-kiện nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện nên có sự-sinh (sinh); do có sự sinh- ra là điều-kiện, nên xảy ra sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.

(Chiều ngược lại về sự khởi-sinh: những câu hỏi)

18. (1) “‘Do có sự-sinh (sinh) là điều-kiện (duyên), nên có sự già-chết’: điều này đã được nói như vậy. Giờ, này các Tỳ kheo, sự già-chết có sự- sinh là điều-kiện (duyên) phải không, hay các thầy hiểu sao trong trường hợp này?” “Sự già-chết có sự-sinh là điều-kiện, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: ‘Do có sự-sinh là điều-kiện, nên có sự già-chết.’” (2) “‘Do có sự hiện-hữu (hữu) là điều-kiện, nên có sự-sinh’: … sự-sinh có sự hiện-hữu là điều-kiện phải không, hay các thầy hiểu sao trong

trường hợp này?”

“Sự-sinh có sự hiện-hữu là điều-kiện, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: ‘Do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự- sinh.’” (3) “‘Do có sự dính-chấp (thủ) là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu’: … sự hiện-hữu có sự dính-chấp là điều-kiện phải không …?” “Sự hiện-hữu có sự dính-chấp là điều-kiện, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: ‘Do có sự dính-chấp là điều-kiện, nên có sự hiện-hữu.’” (4) “‘Do có dục-vọng (ái) là điều-kiện, nên có sự dính-chấp’: … sự dính-chấp có dục-vọng có là điều-kiện phải không …?” “Sự dính-chấp có dục-vọng là điều-kiện, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: ‘Do có dục-vọng là điều-kiện, nên có sự dính-chấp.’” (5) “‘Do có cảm-giác (thọ) là điều-kiện, nên có dục-vọng’: … dục- vọng có cảm-giác là điều-kiện phải không …?” “Dục-vọng có cảm-giác là điều-kiện, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: ‘Do có cảm-giác là điều-kiện, nên có dục-vọng.’” (6) “‘Do có sự tiếp-xúc (xúc) là điều-kiện, nên có cảm-giác: … cảm- giác có sự tiếp-xúc là điều-kiện phải không …?” “Cảm-giác có sự tiếp-xúc là điều-kiện, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: ‘Do có sự tiếp-xúc là điều-kiện, nên có cảm- giác.’” (7) “‘Do có sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu xứ) là điều-kiện, nên có sự tiếp- xúc’: … sự tiếp-xúc có sáu cơ-sở cảm-nhận là điều-kiện phải không …?” “Sự tiếp-xúc có sáu cơ-sở cảm-nhận là điều-kiện, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: ‘Do có sáu cơ-sở cảm-nhận là điều- kiện, nên có sự tiếp-xúc.’”

(8) “‘Do có phần danh-sắc (tâm-thân) là điều-kiện, nên có sáu cơ-sở cảm-nhận’: … sáu cơ-sở cảm-nhận có phần danh-sắc là điều-kiện phải không …?” “Sáu cơ-sở cảm-nhận có phần danh-sắc là điều-kiện, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: ‘Do có phần danh-sắc là điều- kiện, nên có sáu cơ-sở cảm-nhận.’” (9) “‘Do có thức (thức) là điều-kiện, nên có phần danh-sắc’: … phần danh-sắc có thức là điều-kiện phải không …?” “Phần danh-sắc có thức là điều-kiện, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: ‘Do có thức là điều-kiện, nên có phần danh- sắc.’” (10) “‘Do có những sự tạo-tác cố ý (hành) là điều-kiện, nên có thức: … thức có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện phải không …?” “Thức có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: ‘Do có những sự tạo-tác cố ý là điều-kiện, nên có thức.’” (11) “‘Do có vô-minh (vô minh) là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác cố ý’: điều này đã được nói như vậy. Giờ, này các Tỳ kheo, những sự tạo- tác cố ý có vô-minh là điều-kiện phải không, hay các thầy hiểu sao trong trường hợp này?” “Những sự tạo-tác cố ý có vô-minh là điều-kiện, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: ‘Do có vô-minh là điều-kiện, nên có những sự tạo-tác cố ý.’”

(Tóm lược về sự khởi-sinh)

19. “Tốt, này các Tỳ kheo. Các thầy nói như vầy và ta cũng nói như vầy: ‘Khi thứ này có mặt, thứ kia xảy ra; khi có sự khởi sinh thứ này, thứ kia khởi sinh.’408 Đó là: ‘Do có vô-minh là điều-kiện (duyên) nên có [sinh ra] những sự tạo-tác cố-ý (hành); do có

những sự tạo-tác cố-ý là điều-kiện

nên có thức; do có thức là điều-kiện nên có phần danh-sắc; do có phần danh-sắc là điều-kiện nên có sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do có sáu cơ- sở cảm nhận là điều-kiện nên có cảm-giác (thọ); do có cảm-giác là điều- kiện nên có dục-vọng (ái); do có dục-vọng là điều-kiện nên có sự dính- chấp (thủ); do có sự dính-chấp là điều-kiện nên có sự hiện-hữu (hữu); do có sự hiện-hữu là điều-kiện nên có sự-sinh (sinh); do có sự sinh-ra là điều-kiện, nên xảy ra sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.' Đó là nguồn-gốc (chiều khởi sinh) của toàn bộ đống khổ này.

(Giảng giải chiều tới về sự chấm-dứt)

20. "Nhưng (ngược lại): 'Với sự phai biến sạch sẽ và chấm dứt của vô- minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý (hành); khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý thì chấm dứt thức; khi chấm dứt thức thì chấm dứt phần danh-sắc; khi chấm dứt phần danh-sắc thì chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); khi chấm dứt sáu cơ-sở cảm-nhận thì chấm dứt cảm-giác (thọ); khi chấm dứt cảm-giác thì chấm dứt dục-vọng (ái); khi chấm dứt dục-vọng thì chấm dứt sự dính-chấp (thủ); khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu); khi chấm dứt sự hiện-hữu thì chấm dứt sự-sinh (sinh); khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt (không còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.' Đó là sự chấm-dứt (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đống khổ này."

(Chiều ngược lại về sự chấm-dứt: những câu hỏi)

21. (1) "'Do (có sự) chấm-dứt của sự-sinh, nên (có sự) chấm-dứt sự già-chết': điều này đã được nói như vậy. Giờ, này các Tỳ kheo, có phải sự già-chết chấm dứt do sự-sinh chấm dứt hay không, hay các thầy hiểu sao trong trường hợp này?" "Sự già-chết chấm dứt khi sự-sinh chấm dứt, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: 'Do sự-sinh chấm dứt, nên sự già-chết chấm dứt (không còn).'"

(2) "'Do (có sự) chấm dứt sự hiện-hữu (hữu), nên (có sự) chấm dứt sự- sinh' ... (3) 'Do chấm dứt sự dính-chấp (thủ), nên chấm dứt sự hiện-hữu' ... (4) 'Do chấm dứt dục-vọng (ái), nên chấm dứt sự dính-chấp' ... (5) 'Do chấm dứt cảm-giác (thọ), nên chấm dứt dục-vọng' ... (6) 'Do chấm dứt sự tiếp-xúc (xúc), nên chấm dứt cảm-giác' ... (7) 'Do chấm dứt sáu cơ-sở cảm-nhận (nội xứ, giác quan), nên chấm dứt sự tiếp-xúc' ... (8) 'Do chấm dứt phần danh-sắc (tâm-thân), nên chấm dứt sáu cơ-sở cảm-nhận' ... (9) 'Do chấm dứt thức (thức), nên chấm dứt phầm danh-sắc' ... (10) 'Do chấm dứt những sự tạo-tác cố ý (hành), nên chấm dứt thức' ... (11) 'Do chấm dứt vô-minh (vô minh), nên chấm dứt những sự tạo-tác cố ý': điều này đã được nói như vậy. Giờ, này các Tỳ kheo, có phải những sự tạo-tác cố ý chấm dứt do vô-minh chấm dứt hay không, hay các thầy hiểu sao trong trường hợp này?" "Những sự tạo-tác cố ý chấm dứt do vô-minh chấm dứt, thưa Thế Tôn. Chúng con hiểu trường hợp này như vầy: 'Do vô-minh chấm dứt, nên những sự tạo-tác cố ý chấm dứt (không còn).'"

(Tóm lược về sự chấm-dứt)

22. “Tốt, này các Tỳ kheo. Các thầy nói như vầy, và ta cũng nói như vầy: ‘Khi thứ này không có mặt, thứ kia không xảy ra; khi có sự chấm dứt thứ này, thứ kia chấm dứt.’ Đó là: ‘Do (có sự) chấm dứt vô-minh, nên (có sự) chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý (hành); do chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý, nên chấm dứt thức; do chấm dứt thức, nên chấm dứt phần danh-sắc; do chấm dứt phần danh-sắc, nên chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận (sáu xứ); do chấm dứt sáu cơ-sở cảm nhận, nên chấm dứt cảm-giác (thọ); do chấm dứt cảm-giác, nên chấm dứt dục-vọng (ái); do chấm dứt dục-vọng, nên chấm dứt sự dính-chấp (thủ); do chấm dứt sự dính-chấp, nên chấm dứt sự hiện-hữu (hữu); do chấm dứt sự hiện-hữu, nên chấm dứt sự-sinh (sinh); do chấm dứt sự sinh-ra, nên chấm dứt sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.’ Đó là sự chấm-dứt (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đống khổ này.

(Sự hiểu-biết cá nhân)

23. (i) “Này các Tỳ kheo, sau khi đã biết và thấy theo cách này, giờ các thầy có còn chạy lại quá khứ như vầy: ‘Chúng ta đã hiện hữu trong quá khứ? Chúng ta không hiện hữu trong quá khứ? Chúng ta là gì trong quá khứ? Chúng ta ra sao trong quá khứ? Sau khi đã hiện hữu là gì, chúng ta đã trở thành gì trong quá khứ?’, hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”— (ii) “Sau khi đã biết và thấy theo cách này, giờ các thầy có còn chạy tới tương lai như vầy: ‘Chúng ta sẽ hiện hữu trong tương lai? Chúng ta sẽ không hiện hữu trong tương lai? Chúng ta sẽ là gì trong tương lai? Chúng ta sẽ ra sao trong tương lai? Sau khi sẽ hiện hữu là gì, chúng ta sẽ trở thành gì trong tương lai?’, hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”— (iii) “Sau khi đã biết và thấy theo cách này, giờ các thầy có còn ở bên trong nghi-ngờ về hiện tại như vầy: ‘Tôi hiện hữu? Tôi không hiện hữu? Tôi là gì? Tôi ra sao? Sự hiện-hữu này đã có từ đâu? Rồi nó sẽ đi đâu?’, hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”.

24. (iv) “Này các Tỳ kheo, sau khi đã biết và thấy theo cách này, giờ các thầy có còn nói như vầy: ‘Vị Thầy được kính trọng bởi chúng ta. Chúng ta nói và làm theo chỉ vì sự kính trọng đối với Vị Thầy’, hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”— (v) “Sau khi đã biết và thấy theo cách này, giờ các thầy có còn nói như vầy: ‘Bậc Sa-Môn nói điều này, và chúng ta nói theo bởi do sự thúc ép của Sa-Môn đó’, hay không?”409— “Không, thưa Thế Tôn”— (vi) “Sau khi đã biết và thấy theo cách này, giờ các thầy có còn quay lại những giới-cấm (thủ), những cuộc tranh-luận rần rần, và ‘những tướng-mạo phúc lành’ của những tu sĩ và bà-la-môn phàm thường và coi những thứ đó là cốt-lõi [của đời sống tâm linh] nữa hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”—“Có phải giờ các thầy chỉ nói về điều các thầy tự mình đã biết, đã thấy, và đã hiểu?”—“Đúng vậy, thưa Thế Tôn”.

25. “Tốt, này các Tỳ kheo. Vậy là các thầy đã được hướng dẫn bởi ta bằng Giáo Pháp này, (Giáo Pháp) là có thể nhìn thấy được ngay trong kiếp

này, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, dẫn dắt hướng thượng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí. Bởi do tham chiếu với điều (nhân duyên) này nên (ta) nói rằng: 'Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp này có thể nhìn thấy được ngay trong kiếp này, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, dẫn dắt hướng thượng, được tự thân chứng nghiệm bởi người có trí.'

(Vòng luân-hồi tái sinh: từ thụ thai đến trưởng thành)

26. "Này các Tỳ kheo, sự ra đời của một phôi thai xảy ra thông qua sự hợp nhau của ba thứ.410 Ở đây, có sự giao hợp của cha và mẹ, nhưng mẹ không ở trong thời có thể thụ thai, và gandhabba (dòng thức tái sinh; 'hương ấm')411 không có mặt—trong trường hợp này không có sự hình thành (ra đời) của một bào thai. Ở đây, có sự giao hợp của cha và mẹ, và người mẹ đang trong thời có thể thụ thai, nhưng gandhabba không có mặt—trong trường hợp này cũng không có sự hình thành của một bào thai. Nhưng khi có sự giao hợp của cha và mẹ, và người mẹ đang trong thời có thể thụ thai, và gandhabba có mặt, thông qua sự hợp nhau của ba thứ này thì sự hình thành một bào thai xảy ra.

27. "Người mẹ mang bào thai trong dạ con suốt chín tháng hay mười tháng với nhiều sự lo lắng, như một gánh nặng. Rồi, vào cuối chín tháng hay mười tháng, người mẹ hạ sinh với nhiều lo lắng, như một gánh nặng. Rồi, sau khi đứa bé được sinh ra, người mẹ nuôi dưỡng nó bằng máu của mình, vì sữa mẹ được gọi là máu của mẹ theo Giới-Luật của Thánh Nhân.

28. "Sau khi đứa bé lớn lên và các căn của nó trưởng thành, đứa bé chơi đùa với những trò chơi như trò chơi cày đất, trò chơi khăng, trò chơi lộn nhào, trò chơi cối xay gió, trò chơi xe cộ, và trò chơi cung tên.

29. "Sau khi đứa bé lớn lên và các căn của nó trưởng thành [hơn nữa] (thành một thanh niên), người thanh niên hưởng thụ năm dây khoái-lạc giác quan được cho và được chu cấp, với những những hình-sắc được nhận biết bởi mắt … những âm-thanh được nhận biết bởi tai … những

mùi-hương được nhận biết bởi mũi … những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi … những thứ hữu-hình chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến tham dục, khiêu gợi nhục dục.

(Sự liên tục vòng luân-hồi)

30. "Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó ham thích theo nó nếu nó là dễ chịu (đẹp, dễ ưa, hấp dẫn); người đó ghét bực nó nếu nó là khó chịu (xấu, khó ưa, gớm ghiếc). Người đó sống với 'sự chánh-niệm về thân' không được thiết lập, với một cái tâm hạn chế, và người đó không hiểu được đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, về sự giải-thoát của tâm (sạch nhiễm) và sự giải-thoát bằng trí-tuệ trong đó những trạng thái bất thiện xấu ác đã chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư hơi hướng]. Người đó luôn thích và ghét, thuận và nghịch, bất kể cảm-giác nào người đó cảm

nhận—dù sướng hay khổ hay không khổ không sướng—người đó thích thú cảm-giác đó, chào đón nó, và cứ nắm giữ theo nó.412 Khi người đó làm vậy, khoái-lạc khởi sinh trong người đó. Giờ khoái-lạc trong những cảm-giác là sự dính-chấp. Do có sự dính-chấp (thủ) là điều-kiện (duyên), nên có sự hiện-hữu [sẽ đi đến hiện thành]; do có sự hiện-hữu (hữu) là điều-kiện, nên có sự-sinh; do có sự-sinh (sinh) là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy đến. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.

"Khi nghe một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm một mùi vị bằng lưỡi … Khi tiếp xúc một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, người đó ham thích theo nó nếu nó là dễ chịu; người đó ghét bực nó nếu nó là khó chịu … Giờ khoái-lạc trong những cảm-giác là sự dính-chấp. Do có sự dính-chấp (thủ) là điều-kiện (duyên), nên có sự hiện-hữu [sẽ đi đến hiện thành]; do có sự hiện-hữu (hữu) là điều-kiện, nên có sự-sinh; do có sự-sinh là điều-kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ,

ưu phiền, và tuyệt vọng xảy đến. Đó là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.

(Sự chấm dứt vòng luân-hồi: sự tu-tập tiến dần)

31.–38. "Ở đây, này các Tỳ kheo, một Như Lai xuất hiện trong thế gian, là bậc đã tu-thành [A-la-hán] và đa giác-ngộ toàn thiện [bậc toàn-giác] … [lời kinh giống như kinh MN 27, mục 11–18] … người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

39. "Sau khi đã như vậy dẹp bỏ năm chướng-ngại này, là những sự ố- nhiễm [sự không hoàn thiện] của tâm làm suy yếu trí-tuệ: (i) 'Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … (ii) 'Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai … (iii) 'Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba … (iv) 'Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … ta chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư … trạng thái không còn khổ hay sướng, và có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.

(Sự chấm dứt vòng luân-hồi: sự chấm-dứt hoàn toàn)

40. "Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không ham thích theo nó nếu nó là dễ chịu (đẹp, dễ ưa, hấp dẫn); người đó cũng không ghét bực nó nếu nó là khó chịu (xấu, khó ưa, gớm ghiếc). Người đó sống với 'sự chánh-niệm về thân' được thiết lập, với một cái tâm vô lượng, và người đó hiểu được đúng như nó thực là, bằng trí-tuệ chánh đúng, về sự giải-thoát của tâm (sạch nhiễm) và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ trong đó những trạng thái bất thiện xấu ác đã chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư hơi hướng].413 Sau khi dẹp bỏ sự thích và ghét, thuận và nghịch, bất kể cảm-giác nào người đó cảm nhận—dù sướng hay khổ hay không khổ không sướng—người đó không thích thú cảm-giác đó, không chào đón nó, và không nắm giữ nó.414 Khi người không đó làm vậy, khoái-lạc trong

những cảm-giác chấm dứt trong người đó. Do chấm dứt sự khoái-lạc của người đó, nên chấm dứt sự dính-chấp (thủ); khi chấm dứt sự dính-chấp, thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu); khi chấm dứt sự hiện-hữu, thì chấm dứt sự- sinh (sinh); khi chấm dứt sự-sinh, thì chấm dứt (không còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự chấm- dứt của toàn bộ đống khổ này.

"Khi nghe một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm một mùi-vị bằng lưỡi … Khi tiếp xúc một thứ hữu-hình chạm xúc bằng thân … khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, người đó không ham thích theo nó nếu nó là dễ chịu; người đó cũng không ghét bực nó nếu nó là khó chịu … Do chấm dứt khoái-lạc của người đó, nên chấm dứt sự dính-chấp (thủ); khi chấm dứt sự dính-chấp, thì chấm dứt sự hiện-hữu (hữu); khi chấm dứt sự hiện-hữu, thì chấm dứt sự- sinh (sinh); khi chấm dứt sự-sinh, thì chấm dứt (không còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng không còn xảy đến. Đó là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.

(Kết luận)

41. "Này các Tỳ kheo, hãy ghi nhớ [bài thuyết giảng] này của ta một cách ngắn gọn là "sự giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng"; nhưng [ghi nhớ rằng] Tỳ kheo Sāti, con trai một ngư dân, là đã bị dính mắc trong bầu lưới lớn của dục-vọng, trong sự giam hãm của dục-vọng." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

39. ĐẠI KINH Ở ASSAPURA (Mahā-Assapura Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Anga, ở một thị trấn của người Anga tên là thị trấn Assapura. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. "Này các Tỳ kheo, 'sa-môn, sa-môn' (tu sĩ, ẩn sĩ), đó là cách người ta nhận thức các thầy. Và khi các thầy được hỏi 'Ông là ai?', các thầy tuyên bố mình là sa-môn. Bởi đó là chữ (danh xưng) các thầy được chỉ định và là chữ các thầy tuyên bố mình là đó, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ đảm nhận và tu tập những điều làm nên một sa- môn, những điều làm nên một bà-la-môn (chân chính, đích thực),415 để cho danh xưng của chúng ta là đúng thực và sự tuyên bố của chúng ta là thực chất, và để cho sự cúng dường những y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang mà chúng ta sử dụng sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao cho những thí chủ, và để cho sự xuất-gia tu hành của chúng ta không phải là vô ích hão huyền mà đầy kết quả và phì nhiêu.'

(Hành vi và sự mưu sinh)

3. [1] "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều làm nên một sa-môn, làm nên một bà-la-môn? Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Chúng ta sẽ có được sự biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái.'416 "Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy có thể nghĩ như vầy: [i] 'Chúng ta "có được sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái". Bấy nhiêu là đủ nhiều, bấy nhiêu đã xong,

mục-tiêu của đời sống sa- môn đã đạt tới, không còn gì để chúng ta làm thêm nữa', và các thầy nghỉ ngơi hài lòng với bấy nhiêu đó. Này các Tỳ kheo, ta báo với các thầy, ta tuyên bố với các thầy: Các thầy là người tìm kiếm phẩm cấp sa-môn, đừng

bỏ ngang mục-tiêu của đời sống sa-môn trong khi còn thêm nhiều điều cần phải được làm (phải được tu tập).417

4. [2] "Cái gì là còn thêm nhiều điều cần phải được làm? Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Hành vi thân (thân hạnh) của chúng ta phải được thanh lọc (thanh tịnh), rõ ràng và minh bạch, không vết lỗi và được kiểm chế, và chúng ta sẽ không tự khen mình có được hành vi thân được thanh lọc và chê bai người khác.' "Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy có thể nghĩ như vầy: [ii] 'Chúng ta "có được sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái", và "hành vi thân của chúng ta được thanh lọc". Bấy nhiêu là đủ nhiều, bấy nhiêu đã xong, mục-tiêu của đời sống sa-môn đã đạt tới, không còn gì để chúng ta làm thêm nữa', và các thầy nghỉ ngơi hài lòng với bấy nhiêu đó. Này các Tỳ kheo, ta báo với các thầy, ta tuyên bố với các thầy: Các thầy là người tìm kiếm phẩm cấp sa-môn, đừng bỏ ngang mục-tiêu của đời sống sa-môn trong khi còn thêm nhiều điều cần phải được làm.

5. [3] "Cái gì là còn thêm nhiều điều cần phải được làm? Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Hành vi lời-nói (khẩu hạnh) của chúng ta phải được thanh lọc, rõ ràng và minh bạch, không vết lỗi và được kiểm chế, và chúng ta sẽ không tự khen mình có được hành vi lời- nói được thanh lọc và chê bai người khác.' "Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy có thể nghĩ như vầy: [iii] 'Chúng ta "có được sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái", và "hành vi thân và hành vi lời-nói của chúng ta được thanh lọc". Bấy nhiêu là đủ nhiều …', ', và các thầy nghỉ ngơi hài lòng với bấy nhiêu đó. Này các Tỳ kheo, ta báo với các thầy, ta tuyên bố với các thầy: Các thầy là người tìm kiếm phẩm cấp sa-môn, đừng bỏ ngang mục-tiêu của đời sống sa-môn trong khi còn thêm nhiều điều cần phải được làm.

6. [4] "Cái gì là còn thêm nhiều điều cần phải được làm? Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Hành vi tâm (tâm hạnh) của chúng ta phải được thanh lọc, rõ ràng và minh bạch, không vết lỗi và được

kiểm chế, và chúng ta sẽ không tự khen mình có được hành vi tâm được thanh lọc và chê bai người khác.' "Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy có thể nghĩ như vầy: [iv] 'Chúng ta "có được sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái", và "hành vi thân và hành vi lời-nói và hành vi tâm của chúng ta được thanh lọc". Bấy nhiêu là đủ nhiều …', và các thầy nghỉ ngơi hài lòng với bấy nhiêu đó. Này các Tỳ kheo, ta báo với các thầy, ta tuyên bố với các thầy: Các thầy là người tìm kiếm phẩm cấp sa-môn, đừng bỏ ngang mục-tiêu của đời sống sa-môn trong khi còn thêm nhiều điều cần phải được làm.

7. [5] “Cái gì là còn thêm nhiều điều cần phải được làm? Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Sự mưu-sinh của chúng ta phải được thanh lọc, rõ ràng và minh bạch, không vết lỗi và được kiểm chế, và chúng ta sẽ không tự khen mình có được hành vi tâm được thanh lọc và chê bai người khác.’

“Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy có thể nghĩ như vầy: [v] ‘Chúng ta “có được sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái”, và “hành vi thân và hành vi lời-nói và hành vi tâm và sự mưu-sinh của chúng ta được thanh lọc”. Bấy nhiêu là đủ nhiều …’, và các thầy nghỉ ngơi hài lòng với bấy nhiêu đó. Này các Tỳ kheo, ta báo với các thầy, ta tuyên bố với các thầy: Các thầy là người tìm kiếm phẩm cấp sa-môn, đừng bỏ ngang mục-tiêu của đời sống sa-môn trong khi còn thêm nhiều điều cần phải được làm.

(Sự kiềm chế các căn cảm-nhận)

8. [6] “Cái gì là còn thêm nhiều điều cần phải được làm? Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận (giác quan). Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, chúng ta sẽ không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm (tướng và nét) của chúng. Bởi vì, nếu chúng ta để căn-mắt không được phòng hộ, thì

những trạng thái xấu ác bất thiện có thể xâm chiếm chúng ta, chúng ta sẽ tu tập cách kiềm chế nó, chúng ta sẽ phòng hộ căn-mắt, chúng ta đảm nhận việc kiềm chế căn-mắt. “Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi- hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm nhận một đối-tượng chạm-xúc bằng thân … Khi nhận biết một đối-tượng của tâm bằng tâm, chúng ta không nắm giữ những dấu-hiệu và đặc-điểm của chúng. Bởi vì, nếu chúng ta để căn-tâm không được phòng hộ, thì những trạng thái xấu ác bất thiện như sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-bực (ưu) có thể xâm chiếm (tâm) chúng ta; chúng ta sẽ tu tập cách kiềm chế nó, chúng ta sẽ phòng hộ căn-tâm, chúng ta đảm nhận việc kiềm chế căn-tâm.’

“Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy có thể nghĩ như vầy: (vi) ‘Chúng ta “có được sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái”, và “hành vi thân và hành vi lời-nói và hành vi tâm và sự mưu-sinh của chúng ta được thanh lọc”, và chúng ta “đã phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận”. Bấy nhiêu là đủ nhiều …’, và các thầy nghỉ ngơi hài lòng với bấy nhiêu đó. Này các Tỳ kheo, ta báo với các thầy, ta tuyên bố với các thầy: Các thầy là người tìm kiếm phẩm cấp sa-môn, đừng bỏ ngang mục-tiêu của đời sống sa-môn trong khi còn thêm nhiều điều cần phải được làm.

(Tiết độ trong ăn uống)

9. [7] “Cái gì là còn thêm nhiều điều cần phải được làm? Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ tiết độ trong ăn uống. Sau khi suy xét một cách khôn khéo, chúng ta dùng thức ăn: (i) không phải vì sự khoái thích thức ăn, (ii) không phải ăn để say sưa, (iii) không phải ăn để có sắc đẹp hay (iv) để làm thân thể hấp dẫn

mà (v) (cho mục đích) chỉ để giúp duy trì thân thể được sống, (vi) khỏi bị nguy hại, và (vii) để trợ giúp đời sống tâm linh (nuôi thân để tu hành); (viii) người đó tâm niệm rằng: 'Bằng cách như vậy tôi kết thúc cái cảm-giác

(đói khát, yếu, đuối, khổ sở, bệnh) đã có trước đó, và không tạo ra cảm- giác mới. Và tôi sẽ được khỏe mạnh, và không bị chê trách [không tội lỗi] (vì ăn uống thiếu chánh niệm), và sống được an ổn.'

"Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy có thể nghĩ như vầy: [vii] 'Chúng ta "có được sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái", và "hành vi thân và hành vi lời-nói và hành vi tâm và sự mưu-sinh của chúng ta được thanh lọc", và chúng ta "đã phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận", và chúng ta "đã tiết độ trong ăn uống". Bấy nhiêu là đủ nhiều …', và các thầy nghỉ ngơi hài lòng với bấy nhiêu đó. Này các Tỳ kheo, ta báo với các thầy, ta tuyên bố với các thầy: Các thầy là người tìm kiếm phẩm cấp sa-môn, đừng bỏ ngang mục-tiêu của đời sống sa-môn trong khi còn thêm nhiều điều cần phải được làm.

(Sự tỉnh thức)

10. [8] "Cái gì là còn thêm nhiều điều cần phải được làm? Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: 'Chúng ta sẽ hết mình vì sự tỉnh-thức. Trong ban ngày, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, chúng ta sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh đầu (canh một) của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, chúng ta sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại. Trong canh giữa (canh hai) chúng ta sẽ nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế sư tử nằm với chân trái đặt trùng lên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi để ý trong tâm về thời điểm thức dậy. Sau khi thức dậy, trong canh ba của đêm, khi đang đi tới hay đang đi lại hay đang ngồi, chúng ta sẽ thanh lọc tâm mình khỏi những trạng thái chướng ngại.'

"Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy có thể nghĩ như vầy: [viii] 'Chúng ta "có được sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái", và "hành vi thân và hành vi lời-nói và hành vi tâm và sự mưu-sinh của chúng ta được thanh lọc", và chúng ta "đã phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận", và chúng ta "đã tiết độ trong ăn uống", và chúng ta "đã

hết mình vì sự tỉnh-thức". Bấy nhiêu là đủ nhiều …', và các thầy nghỉ ngơi hài lòng với bấy nhiêu đó. Này các Tỳ kheo, ta báo với các thầy, ta tuyên bố với các thầy: Các thầy là người tìm kiếm phẩm cấp sa-môn, đừng bỏ ngang mục-tiêu của đời sống sa-môn trong khi còn thêm nhiều điều cần phải được làm.

(Sự chánh-niệm và sự rõ-biết)

11. [9] “Cái gì là còn thêm nhiều điều cần phải được làm? Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết hoàn toàn (tỉnh-giác; ý thức rõ, thường biết). Chúng ta sẽ hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang đi tới hay đang đi lại; chúng ta sẽ hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang nhìn thẳng hay đang nhìn ngang; chúng ta sẽ hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang co hay đang duỗi chân tay; chúng ta sẽ hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang mặc đồ và khi đang mang theo cà sa và bình bát; chúng ta sẽ hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang ăn, đang uống, đang nhai thức ăn, và đang nếm; chúng ta sẽ hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang tiểu tiện và đang đại tiện; chúng ta sẽ hành động với sự rõ-biết hoàn toàn khi đang bước đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm ngủ, đang thức dậy, đang nói, và đang giữ im lặng.’

“Bây giờ, này các Tỳ kheo, các thầy có thể nghĩ như vầy: [ix] ‘Chúng ta “có được sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái”, và “hành vi thân và hành vi lời-nói và hành vi tâm và sự mưu-sinh của chúng ta được thanh lọc”, và chúng ta “đã phòng hộ các cửa của các căn cảm-nhận”, và chúng ta “đã tiết độ trong ăn uống”, và chúng ta “đã hết mình vì sự tỉnh-thức”, và chúng ta “có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết hoàn toàn”. Bấy nhiêu là đủ nhiều …’, và các thầy nghỉ ngơi hài lòng với bấy nhiêu đó. Này các Tỳ kheo, ta báo với các thầy, ta tuyên bố với các thầy: Các thầy là người tìm kiếm phẩm cấp sa-môn, đừng bỏ ngang mục-tiêu của đời sống sa-môn trong khi còn thêm nhiều điều cần phải được làm.

(Dẹp bỏ những chướng-ngại)

12. [10] “Cái gì là còn thêm nhiều điều cần phải được làm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo lui về ở một nơi trú ở tách-ly (ẩn dật) như: ở trong rừng, dưới gốc cây, trên núi, khe núi, hang động bên sườn núi, khóm rừng rậm, chỗ hoang trống, chỗ đống rơm.

13. [11] “Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Dẹp bỏ (i) sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm-muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. “Sau khi đã dẹp bỏ (ii) sự ác-ý và sân-giận (sân) người đó an trú với một cái tâm không còn ác-ý (vô sân), tha thương bi-mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và sân-giận. “Sau khi đã dẹp bỏ (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ người đó an trú không còn sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, nhận thức về ánh-sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. “Sau khi đã dẹp bỏ (iv) sự bất-an và hối-tiếc người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. “Sau khi đã dẹp bỏ (v) sự nghi-ngờ, người đó an trú sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn rối bối rối về những trạng thái bất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ. (Mục 13. này giống hệt mục 18 của kinh MN 27 ở kế trên, được lặp lại đầy đủ.)

14. “Này các Tỳ kheo, giả sử có một người đi vay tiền để làm ăn, và việc làm ăn thành công nên người đó có thể trả hết nợ nần cũ, và vẫn còn dư đủ tiền để nuôi giữ người vợ; khi suy xét về điều này, anh ta thấy vui mừng và đầy sung sướng. Hoặc giả sử có một người bị bệnh, đau khổ và bệnh yếu như sắp chết, và ăn uống không được và thân thể không còn sức, nhưng sau đó người đó hồi phục hết bệnh và ăn uống được trở lại và thân

lấy lại sức; khi suy xét về điều này, người đó thấy vui mừng và đầy sung sướng. Hoặc giả sử có một người bị bắt tù, nhưng sau đó người đó được thả ra, được an toàn và an ninh, không bị mất mát tài sản; khi suy xét về điều này, người đó thấy vui mừng và đầy sung sướng. Hoặc giả sử có một người là nô lệ, không tự lập được mà phụ thuộc vào người ta, không được tự do đi đâu theo ý mình, nhưng sau đó người đó được giải thoát khỏi sự nô lệ, được tự lập, độc lập khỏi người ta, làm người tự do có thể đi đâu theo ý mình; khi suy xét về điều này, người đó thấy vui mừng và đầy sung sướng. Hoặc giả sử có một người có nhiều tài sản và của cải lỡ đi lạc vào con đường xuyên qua sa mạc, nhưng sau đó người đó băng qua được khỏi sa mạc, được an toàn và an ninh, không bị mất mát tài sản; khi suy xét về điều này, người đó thấy vui mừng và đầy sung sướng. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi năm chướng-ngại này còn chưa được dẹp bỏ bên trong mình, thì một Tỳ kheo nhìn thấy năm chướng-ngại đó lần lượt như một món-nợ, một căn-bệnh, một lao-tù, một sự nô-lệ, và như một con-đường (khó khổ rủi ro) băng qua sa mạc. Nhưng khi năm chướng-ngại này đã được loại bỏ bên trong mình, thì Tỳ kheo đó nhìn thấy đó như một sự hết nợ-nần, sự hết căn-bệnh, sự thoát khỏi lao-tù, sự tự do khỏi đời nô- lệ, và như một vùng đất của sự an-toàn (hết bị sa mạc).418

(Bốn tầng thiền định)

15. [12] “Sau khi đã trừ bỏ năm chướng-ngại, đó là những ô-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ: (1) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý- nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Người đó tạo được niềm hoan-hỷ và hạnh- phúc được sinh ra từ sự tách ly, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách ly đó.

- “Giống như một người thợ tắm rành nghề [hay người phụ việc của ông ta] đổ dồn bột tắm vào một thau kim loại, và rưới đều nước, nhào nặn đều cho đến khi hơi nước ướt thấm hết cục bột tắm đó, nhào thấm ướt nó, và làm thấm đẫm nó từ bên trong và bên ngoài, nhưng cục bột nhào không rỉ nước ra. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách ly, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tách ly đó.

16. (2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.’ Người đó tạo được niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định đó. - “Giống như có một hồ nước, mạch nước chảy vào từ bên dưới, và không có dòng chảy vào nào từ phía đông, tây, nam, hoặc bắc, và cũng không được bổ sung nước mưa trong mọi lúc, rồi mạch nước mát chảy vào từ bên dưới làm cho nước mát ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm cái hồ, tới mức không có một chỗ nào của cả hồ không được thấm đẫm bởi nước mát. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tạo được niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có một bộ phận nào của toàn thân này không được thấm đẫm bởi niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự đạt định đó.

17. (3) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Với sự phai biến (lọc bỏ) luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái

mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh-phúc (tâm lạc) (tâm lạc).’ Người đó tạo được niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ. - “Giống như trong một hồ sen có bông sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng, nhiều cây sen được sinh ra và lớn lên trong nước nằm chìm dưới mặt nước, và nước mát ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm chúng từ ngọn tới gốc, tới mức không có một bộ phận nào của những cây sen đó không được thấm đẫm bởi nước mát. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tạo được niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi niềm hạnh-phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan-hỷ.

18. (4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Người đó ngồi thấm đẫm thân này bằng một cái tâm tinh khiết sáng tỏ, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi cái tâm tinh khiết sáng tỏ đó. - “Giống như một người đang ngồi được quấn kín bằng vải trắng từ đầu đến chân, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm (bao trùm, phủ kín) bởi vải trắng. Cũng giống như vậy, người đó ngồi thấm đẫm thân

này bằng một cái tâm tinh khiết sáng tỏ, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi cái tâm tinh khiết sáng tỏ đó.

(Ba loại trí-biết đích thực)

ĐẠI KINH Ở ASSAPURA • 375

19. (5) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ố nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhớ lại những cõi kiếp quá khứ (túc mạng minh). Người đó đã nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh … [giống mục 27, kinh MN 04 ở trên] … Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng. - “Giống như một người đi từ làng mình qua làng khác và quay trở về lại làng mình. Người đó có thể nhớ lại: ‘Tôi đã đi từ làng mình qua làng đó, và ở đó tôi đã đứng như vậy, đã ngồi như vậy, đã nói như vậy, đã im lặng như vậy; và từ làng đó tôi đã qua làng khác nữa, và ở đó tôi đã đứng như vậy … đã im lặng như vậy; và từ làng đó tôi đã quay trở lại làng mình.’ Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ của mình … (người đó nhớ được) ‘Một lúc đó tôi được đặt tên như vậy … Như vậy đó, tôi đã nhớ lại những tổng quan và chi tiết của những cõi kiếp quá khứ của tôi.’ Như vậy đó, người đó nhớ lại những cõi kiếp quá khứ của mình với những phương diện và đặc điểm của chúng.

20. (6) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của những chúng sinh (thiên nhãn minh). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … [giống mục 27, kinh MN 04 ở trên] … Như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp (hành động) của mình như vậy.

376 • Chương 4

- “Giống như có hai ngôi nhà có cửa và một người có mắt sáng đứng giữa hai ngôi nhà, người đó nhìn thấy mọi người đi vào và đi ra hai ngôi nhà, đi qua đi lại hai ngôi nhà. Cũng giống như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh … và người đó hiểu biết cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, chuyển kiếp) tùy theo những nghiệp của mình như vậy.

21. (7) “Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới trí-biết về sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận minh). (i) Người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ …

‘Đây là nguồn- gốc khổ’ … ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’ … ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’. Người đó hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là những ô- nhiễm’ … ‘Đây là nguồn gốc những ô-nhiễm’ … ‘Đây là sự chấm-dứt những ô-nhiễm’ … ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô- nhiễm’. (8) “Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải- thoát khỏi sự ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu), khỏi sự ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu), và khỏi sự ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu). Khi tâm đã được giải-thoát, thì có sự-biết: ‘Tâm được giải-thoát.’ (ii) Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’ - “Giống như có một hồ nước trên núi, kín đáo, trong sạch, trong suốt, và không bị quấy đục, đến mức một người sáng mắt đứng trên bờ có thể nhìn thấy những con sò con ốc, đá sỏi, đá cuội, và thấy cả đàn cá bơi lội và nằm nghỉ, thì người đó có thể nghĩ (hiểu): ‘Đây là hồ nước, kín đáo,

trong sạch, trong suốt, và không bị quấy đục, và có những con sò con ốc, đá sỏi, đá cuội, và có cả đàn cá bơi lội và nằm nghỉ’. Cũng giống như vậy, (i) một Tỳ kheo hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ … ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt những ô-nhiễm’. (ii) Người đó hiểu: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái hiện-hữu (tái sinh) nào nữa.’

(A-la-hán)

22. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo như vậy được gọi là một sa-môn, một bà-la-môn, người đã được tắm gội, người đã đạt tới trí-biết, là một trí giả thánh thiêng, một bậc thánh, một A-la-hán.419

23. “Và theo cách nào một Tỳ kheo là một sa-môn? Người đó đã làm lắng lặng những trạng thái xấu ác (đã) làm ô nhiễm (cái tâm), đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai. Đó là cách một Tỳ kheo được gọi là một sa- môn.

24. “Và theo cách nào một Tỳ kheo là một bà-la-môn? Người đó đã tống khứ những trạng thái xấu ác … dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai. Đó là cách một Tỳ kheo được gọi là một bà-la-môn.

25. “Và theo cách nào một Tỳ kheo là một người đã được tắm gội?420 Người đó đã tắm gội sạch hết những trạng thái xấu ác … dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai. Đó là cách một Tỳ kheo được gọi là một người đã được tắm gội.

26. “Và theo cách nào một Tỳ kheo là một người đã đạt tới trí-biết? Người đó đã biết những trạng thái xấu ác … dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai. Đó là cách một Tỳ kheo được gọi là một người đã đạt tới trí-biết.

27. “Và theo cách nào một Tỳ kheo được gọi là một trí giả thánh thiêng?421 Những trạng thái xấu ác … dẫn tới sự sinh, già, chết trong

tương lai, đã trút khỏi người đó. Đó là cách một Tỳ kheo được gọi là một trí giả thánh thiêng.

28. “Và theo cách nào một Tỳ kheo được gọi là một bậc thánh? Những trạng thái xấu ác … dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai, đã rời xa khỏi người đó. Đó là cách một Tỳ kheo được gọi là một bậc thánh.

29. “Và theo cách nào một Tỳ kheo được gọi là một A-la-hán? Những trạng thái xấu ác (đã) làm ô nhiễm (cái tâm), đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai, đã rời xa khỏi người đó. Đó là cách một Tỳ kheo được gọi là một A-la-hán.” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

40. TIỂU KINH Ở ASSAPURA (Cūḷa-Assapura Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ của người Anga, ở một thị trấn của họ tên là Assapura. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, ‘sa-môn, sa-môn’ (tu sĩ, ẩn sĩ), đó là cách người ta nhận thức các thầy. Và khi các thầy được hỏi ‘Ông là ai?’, các thầy tuyên bố mình là sa-môn. Bởi đó là chữ (danh xưng) các thầy được chỉ định và là chữ các thầy tuyên bố mình là đó, các thầy nên tu tập bản thân như vầy: ‘Chúng ta sẽ đảm nhận và thực hành cách thức phù hợp đối với sa-môn,422 để cho danh xưng của chúng ta là đúng thực và sự tuyên bố của chúng ta là thực chất, và để cho sự cúng dường những y-phục, thức-ăn, chỗ-ở, và thuốc-thang chúng ta sử dụng sẽ mang lại phước-quả và ích-lợi lớn lao cho những thí chủ, và để cho sự xuất-gia tu hành của chúng ta không phải là vô ích hão huyền mà đầy kết quả và phì nhiêu.’

3. (I) “Này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo không thực hành cách thức phù hợp đối với sa-môn? Chừng nào một Tỳ kheo là người còn thèm-muốn chưa dẹp bỏ sự thèm-muốn, người có một cái tâm ác-ý chưa dẹp bỏ sự ác-ý, người sân-giận chưa dẹp bỏ sự sân-giận, người thù-hận chưa dẹp bỏ sự thù-hận, người khinh-thường chưa dẹp bỏ sự khinh- thường, người xấc-xược chưa dẹp bỏ sự xấc-xược, người ghen-tỵ chưa dẹp bỏ sự ghen-tỵ, người hám-lợi chưa dẹp bỏ sự hám-lợi, người lừa-dối chưa dẹp bỏ sự lừa-dối, người xảo-trá chưa dẹp bỏ sự xảo-trá, người có những ước-muốn xấu ác chưa dẹp bỏ những ước-muốn xấu ác, người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) chưa dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc,423 thì chừng đó người đó đã không thực hành cách thức phù hợp đối với sa-môn, ta nói, bởi do sự không dẹp bỏ được những vết-nhơ đó đối với sa-môn, những lỗi-lầm đó đối với sa-môn, những sự rác-rưởi đó đối với sa-môn, chúng là

nền tảng cho sự tái-sinh trong một trạng thái đày đọa và những hậu quả của chúng sẽ được nếm trải trong một nơi-đến bất hạnh.

4. “Ví dụ có một vũ khí tên là mataja, được mài rất sắc bén cả hai cạnh của lưỡi, rồi được bọc trong lớp vỏ chấp vá (hậu quả trước sau gì cũng cắt đứt tay người cầm nó). Ta nói rằng sự xuất gia của một Tỳ kheo như vậy là giống như ví dụ đó.

5. “Ta không nói phẩm cấp sa-môn sẽ có được từ một người mặc cà sa được làm từ giẻ rách chỉ nhờ sự mặc cà sa làm từ giẻ rách; hay có được từ từ một khổ sĩ khỏa thân chỉ nhờ việc khỏa thân … từ một người để đống lớp đất bụi trên người chỉ nhờ vào việc để đống lớp đất bụi trên người … từ nghi lễ tắm gội chỉ nhờ vào sự tắm gội … từ người sống dưới gốc cây chỉ nhờ vào việc sống dưới gốc cây … từ người sống ngoài trời chỉ nhờ vào việc sống ngoài trời … từ người thực hành khổ hạnh đứng liên tục chỉ nhờ vào sự đứng liên tục … từ người nhận thức ăn sau những khoảng thời gian đã định (như 1 hay 2, hay … 15 ngày 1 lần) chỉ nhờ vào sự nhận thức ăn sau những khoảng thời gian đã định … từ người tụng đọc thần chú chỉ nhờ vào sự tụng đọc thần chú; hay có được từ một người để tóc búi chỉ nhờ sự để tóc búi; ta không nói vậy.

6. “Này các Tỳ kheo, nếu chỉ nhờ vào sự mặc cà sa được làm từ giẻ rách mà một người mặc áo cà sa làm từ giẻ rách trở thành ‘người thèm- muốn dẹp bỏ được sự thèm-muốn, người có một cái tâm ác-ý dẹp bỏ được sự ác-ý đã dẹp bỏ sự ác-ý … người có cách-nhìn sai lạc dẹp bỏ được cách- nhìn sai lạc’, thì chắc những đạo-hữu và những người đồng-tu của người đó, những người thân quyến và họ hàng của người đó, sẽ làm cho người đó một áo cà sa từ giẻ rách ngay sau khi người đó được sinh ra và giúp cho người đó nhận lãnh được cà sa làm từ giẻ rách như vầy: ‘Này con thân yêu, hãy là một người mặc cà sa làm từ giẻ rách, để mà sau này, chỉ nhờ vào sự mặc cà sa làm từ giẻ rách thì ‘khi con thèm-muốn con sẽ dẹp bỏ sự thèm-muốn, khi con có một cái tâm ác-ý con sẽ dẹp bỏ sự ác-ý … khi con có cách-nhìn sai lạc con sẽ dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc’. Nhưng ta nhìn thấy

ở đây có những người mặc cà sa làm từ giẻ rách nhưng vẫn là người còn thèm-muốn, là người có một cái tâm ác-ý … là người có cách-nhìn sai lạc; và đó là lý do tại sao ta không nói phẩm cấp sa-môn sẽ có được từ một người mặc cà sa được làm từ giẻ rách chỉ nhờ vào sự mặc cà sa làm từ giẻ rách. “Nếu chỉ nhờ vào sự khỏa thân mà một người khỏa thân trở thành ‘một người thèm-muốn dẹp bỏ được sự thèm-muốn … Nếu chỉ nhờ vào sự để đống lớp bụi đất … Nếu chỉ nhờ vào nghi lễ tắm gội … Nếu chỉ nhờ vào sự sống dưới gốc cây … Nếu chỉ nhờ vào sự sống ở ngoài trời … Nếu chỉ nhờ vào sự khổ hạnh đứng liên tục … Nếu chỉ nhờ vào sự nhận thức ăn sau những khoảng thời gian đã định … Nếu chỉ dựa vào sự đọc tụng thần chú … Nếu chỉ dựa vào sự để tóc búi mà một người để tóc búi trở thành ‘một người thèm-muốn dẹp bỏ được sự thèm-muốn … … Nhưng ta nhìn thấy ở đây có những người để tóc búi nhưng vẫn là người còn thèm-muốn, là người có một cái tâm ác-ý … là người có cách-nhìn sai lạc; và đó là lý do tại sao ta không nói phẩm cấp sa-môn sẽ có được từ một người để tóc búi chỉ nhờ vào sự để tóc búi.

7. (II) “Này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo thực hành cách thức phù hợp đối với sa-môn? Khi một Tỳ kheo là người đã từng thèm- muốn và đã dẹp bỏ sự

thèm-muốn, người đã có một cái tâm ác-ý và đã dẹp bỏ sự ác-ý, người đã sân-giận và đã dẹp bỏ sự sân-giận, người đã thù-hận và đã dẹp bỏ sự thù-hận, người đã khinh-thường và dẹp bỏ sự khinh- thường, người đã xấc-xược và dẹp bỏ sự xấc-xược, người đã ghen-tỵ và đã dẹp bỏ sự ghen-ty, người đã hám-lợi và đã dẹp bỏ sự hám-lợi, người đã lừa-dối và đã dẹp bỏ sự lừa-dối, người đã xảo-trá và đã dẹp bỏ sự xảo-trá, người đã có những ước-muốn xấu ác và đã dẹp bỏ những ước-muốn xấu ác, người đã có cách-nhìn sai lạc và đã dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc, thì người đó đã thực hành cách thức phù hợp đối với sa-môn, ta nói, bởi nhờ sự đã dẹp bỏ được những vết-nhơ đó đối với sa-môn, những lỗi-lầm đó đối với sa-môn, những sự rác-rưởi đó đối với sa-môn, chúng là nền tảng cho sự

tái-sinh trong một trạng thái đày đọa và những hậu quả của chúng sẽ được nếm trải trong một nơi-đến bất hạnh.

8. “Người đó nhìn thấy mình được thanh-lọc khỏi tất cả những trạng thái xấu ác bất thiện, người đó nhìn thấy mình được giải-thoát khỏi chúng. Khi người đó nhìn thấy điều này, niềm-vui được sinh ra trong người đó. Khi người đó vui-vẻ, niềm hoan-hỷ (hỷ) được sinh ra trong người đó; trong một người hoan-hỷ, thân được tĩnh-lặng (khinh an); người có thân được tĩnh-lặng thì cảm thấy hạnh-phúc (sướng, lạc); trong một người cảm thấy hạnh-phúc, tâm trở nên đạt-định (định).

9. “Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la [được khuếch đại, cao rộng, cao vời], vô lượng, không còn thù ghét, không còn ác-ý.

10.–12. “Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … với một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn thù ghét, không còn ác-ý.

13. “Ví dụ có một cái hồ có nước trong sạch, mát, dễ chịu, trong suốt, có bờ phẳng phiu, đáng thích thú. Nếu một người, bị thiêu đốt và kiệt sức bởi trời nóng bức, mệt đuối, khô nứt, và khát nước, đi đến từ phía đông hay phía tây hay phía bắc hay phí nam hoặc từ đâu đến, sau khi đến được hồ nước người đó sẽ giải được cơn khát và cơn sốt do trời nóng bức. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu có ai từ một họ tộc giai cấp chiến-sĩ [quý tộc, vua chúa] đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu

hành, và sau khi gặp được Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai, tu tập tâm-từ, tâm-bi, tâm-hỷ, tâm xả, và nhờ đó đạt được sự bình-an, thì người đó đã thực hành cách phù hợp đối với sa-môn, bởi nhờ có sự bình-an bên trong đó, ta nói vậy. “Và nếu có ai từ một họ tộc gia cấp bà-la-môn đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành … Nếu có ai từ một họ tộc giai cấp thương-nông … Nếu có ai từ một họ tộc giai cấp bần-lao hạ tiện … Nếu có ai từ bất kỳ họ tộc nào đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và sau khi gặp được Giáo Pháp và giới luật được tuyên thuyết bởi Như Lai, tu tập tâm-từ, tâm-bi, tâm-hỷ, tâm xả, và nhờ đó đạt được sự bình-an, thì người đó đã thực hành cách phù hợp đối với sa-môn, bởi nhờ có sự bình-an bên trong đó, ta nói vậy.

14. “Này các Tỳ kheo, nếu có ai từ một họ tộc giai cấp chiến-sĩ [vua chúa, quý tộc] đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, đó là sự không còn những dòng chảy-vào [những ô-nhiễm, lậu hoặc] thông qua sự (đã) tiêu diệt những dòng chảy-vào đó, thì người đó là một sa-môn nhờ có sự (đã) tiêu diệt những dòng chảy-vào.424 “Và nếu có ai từ một họ tộc gia cấp bà-la-môn đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành … Nếu có ai từ một họ tộc giai cấp thương-nông … Nếu có ai từ một họ tộc giai cấp bần-lao hạ tiện … Nếu có ai từ bất kỳ họ tộc nào đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, và bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, đó là sự không còn những dòng chảy- vào [những ô-nhiễm, lậu hoặc] thông qua sự (đã) tiêu diệt những dòng chảy-vào đó, thì người đó là một sa-môn nhờ có sự (đã) tiêu diệt những dòng chảy-vào.”

384 • Chương 4

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

Chương 5. Chương Nhỏ Về Các Cặp (Cūḷayamaka-vagga)

386 • Chương 5

41. KINH NHỮNG BÀ-LA-MÔN Ở SĀLĀ (Sāleyyaka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đi du hành trong xứ Kosala (Kiều-tất-la) cùng với một Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo, và cuối cùng đã tới một ngôi làng của những bà-la-môn người Kosala tên là làng Sālā.

2. Những gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā đã nghe rằng: “Sa-môn Cồ- Đàm, người con họ tộc Thích-Ca đã xuất gia khỏi dòng họ Thích-Ca, đang đi du hành trong nước Kosala cùng với Tăng Đoàn nhiều Tỳ kheo và mới vừa đến làng Sālā. Tin tốt lành về Thầy Cồ-đàm đang được lan truyền như vầy: ‘Đức Thế Tôn đó là bậc đã tu-thành [A-la-hán] và đã giác-ngộ toàn thiện [Toàn Giác], đã thành tựu về trí-biết đích thực (chân trí, minh) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết (những) thế giới, người dẫn dắt tối

thượng (vô song) của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ [Phật], bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công bố lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt lành lúc đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy cho thấy một đời sống tâm linh là toàn thiện và tinh khiết.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la-hán đó."

3. Rồi các gia chủ bà-la-môn của làng Sālā đã đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính lễ đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chào hỏi qua lại, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ đứng từ xa chấp tay kính chào về phía đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số tự xưng tên và họ trước mặt đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuông một bên.

4. Sau khi đã ngồi xuống, họ nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, nguyên-nhân (nhân) và điều-kiện (duyên) nào là lý do có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, trong địa ngục? Và nguyên-nhân và điều-kiện nào là lý do có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời?"

5. "Này các gia chủ, bởi lý do là hành-vi không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Bởi lý do là hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời."

6. "Chúng tôi không hiểu được ý-nghĩa chi tiết lời nói đó của Thầy Cồ- đàm, trong đó thầy đã nói vắn tắt nhưng không phân giải chi tiết. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp cho chúng tôi để chúng tôi có thể hiểu được ý-nghĩa chi tiết của lời nói đó của thầy." "Này các gia chủ, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa ngài", họ đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

7. (I) "Này các gia chủ, có ba loại hành-vi của thân (thân hành) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp. Có bốn loại hành-vi của lời-nói (khẩu hành) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp. Có ba loại hành-vi của tâm (tâm hành) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp.

8. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi thân không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây có người sát- sinh; người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. (2) Người đó gian-cắp; lấy trộm lấy cắp tài

sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (3) Người đó tà- dâm tà dục; người có quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ, người phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và thậm chí những người phụ nữ đã đính hôn. Đó là cách có ba loại hành-vi thân (hành-động) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp.

9. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có bốn loại hành-vi lời-nói không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây có người nói-dối nói láo; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, hoặc tới chỗ phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: 'Này anh, hãy nói những gì anh biết'; không biết, nhưng người đó lại nói 'Tôi biết', hoặc có biết, nhưng người đó lại nói 'Tôi không biết'; không nhìn thấy, nhưng người đó lại nói 'Tôi nhìn thấy', hoặc có nhìn thấy, nhưng người đó lại nói 'Tôi không nhìn thấy'; người nói sai sự thật với sự ý thức hoàn toàn (cố ý) vì lợi ích của mình, hay vì lợi ích người khác, hoặc chỉ vì lợi ích nhỏ nhặt nào đó. (2) Người đó nói lời ma-mãnh; người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa. (3) Người đó nói lời gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, bộc lộ sự sân-giận, không dẫn tới sự tập-trung (định tâm). (4) Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói phù phiếm chẳng sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc không thích hợp người đó nói những lời không đáng nói, không hữu lý, không chừng mực, và không ích lợi. Đó là cách có bốn loại hành-vi miệng (lời-nói) không đúng đắn, hành- vi không đúng theo Giáo Pháp.

10. "Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi tâm không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây có người thèm- muốn (tham). Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vầy: 'Làm sao những gì của họ là của ta!'. (2) Hoặc người đó có một cái tâm ác-ý (sân, ác) và những ý-định thù ghét như vầy: 'Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!'. (3) Hoặc người đó có cách-nhìn sai lạc (tà-kiến) theo kiểu như vầy: (đối với người đó) ['Không thứ gì (cần nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có chúng sinh nào được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và đi công bố lại (cho những người khác) về thế

giới này và thế giới khác.’]425 Đó là cách có ba loại hành-vi tâm (tâm-ý) không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp.

11. (II) “Này các gia chủ, có ba loại hành-vi thân (thân hạnh) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. Có bốn loại hành-vi lời-nói (khẩu hạnh) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. Có ba loại hành-vi tâm (tâm hạnh) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

12. “Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi thân đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó kiêng cữ sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi-mẫn với mọi chúng sinh đang sống. (2) Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cữ sự lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (3) Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cữ sự quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân

của họ; phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và cả những người phụ nữ đã đính hôn. Đó là cách có ba loại hành-vi thân (hành-động) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

13. “Và, này các gia chủ, theo cách nào là có bốn loại hành-vi lời-nói đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cữ sự nói-dối nói láo; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, hoặc tới chỗ phường hội của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: ‘Này anh, hãy nói những gì anh biết’; không biết, người đó nói ‘Tôi không biết’, hoặc có biết, người đó nói ‘Tôi biết’; không nhìn thấy, người đó nói ‘Tôi không nhìn thấy’, hoặc có nhìn thấy, người đó nói ‘Tôi có nhìn thấy’; người không nói sai sự thật với sự ý thức hoàn toàn (cố ý) vì lợi ích của mình, hay vì lợi ích người khác, hoặc chỉ vì lợi ích nhỏ nhặt nào đó. (2) Sau khi dẹp bỏ lời nói ma-mãnh, người đó kiêng cữ lời nói ma-mãnh; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (3) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gỏng nạt nộ, người đó kiêng cữ sự nói lời nói gắt-gỏng nạt nộ; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng. (4) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm- phào tán dóc, người đó kiêng cữ sự nói lời lời nói tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc thích hợp, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào lúc thích hợp người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, hữu lý, đúng mực, và có ích lợi. Đó là cách có bốn loại hành-vi miệng (lời-nói) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

14. “Và, này các gia chủ, theo cách nào là có ba loại hành-vi tâm đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp? (1) Ở đây, có người không thèm-muốn

(không tham); người đó không thèm muốn tài sản và đồ đạc của người khác với ý như vầy: ‘Làm sao những gì của họ là của ta!’. (2) Tâm của người đó không có sự ác-ý (không sân, không ác), và người đó có những ý-định phi thù phi ghét như vầy: ‘Cầu cho mọi chúng sinh không còn thù hận, khổ đau và lo âu! Cầu cho họ sống hạnh phúc!’. (3) Và người đó có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) như vầy: (đối với người đó) [‘Có thứ (cần) được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi, bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được dâng hiến hy sinh; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng trí-biết trực tiếp và công bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’] Đó là cách có ba loại hành-vi tâm (tâm-ý) đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp. “Do vậy, này các gia chủ, bởi do hành-vi đúng đắn như vậy, bởi do hành-vi đúng theo Giáo Pháp như vậy, nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

15. “Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: ‘Ôi, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh vào chỗ những người quý-tộc [giai cấp chiến- sĩ] giàu có (phát đạt)!’, thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những người quý-tộc giàu có. Vì sao được vậy? Bởi vì người đó sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

16. –17 “Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: ‘Ôi, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh vào chỗ những bà-la-môn giàu có … những gia chủ giàu có!’, thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết,

người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những bà-la-môn giàu có … những gia chủ giàu có. Vì sao được vậy? Bởi vì người đó sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

18. –42. “Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: ‘Ôi, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh (a) (i) trong số những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương! … (ii) những thiên thần của cõi trời Ba Mươi Ba (Tāvatimsa, Đao-lợi) … (iii) những thiên thần của cõi trời Yāma (Dạ- ma) … (iv) những thiên thần của cõi trời Tusita (Đâu-suất) … (v) trong cõi trời của những thiên thần thích sáng tạo (Hóa lạc thiên) … (vi) trong cõi trời của những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên) … (b) (i) trong số những thiên thần là tùy tùng của Trời Brāhma (Phạm chúng thiên) …

(0) trong số những thiên thần phát quang426… (ii) những thiên thần phát quang hạn lượng (thiểu quang thiên) … (iii) những thiên thần phát quang vô lượng (vô lượng quang thiên) … (iv) những thiên thần phát quang thành dòng (quang âm thiên) … (0) trong số những thiên thần có hào quang (như hào quang xung quanh đầu) … (v) những thiên thần có hào quang hạn lượng (thiểu tịnh thiên) … (vi) những thiên thần có hào quang vô lượng (vô lượng tịnh thiên) … (vii) những thiên thần có hào quang chói lọi (biến tịnh thiên) … (viii) những thiên thần có phúc quả lớn (quảng quả thiên) … (c) (i) trong số những thiên thần ở cõi trời bền chắc (vô đọa thiên) [aviha] … (ii) những thiên thần ở cõi trời tịch tịnh (vô phiền thiên) [atappa] … (iii) những thiên thần ở cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) [suddassa, dành cho những bậc thánh Bất-lai] … (iv) những thiên thần ở cõi trời quang đãng (thiện kiến thiên) [sudassi] … (v) những thiên thần ở cõi trời tối cao (vô song thiên, sắc cứu kính thiên) [akanittha] … (d) (i) trong số những thiên thần thuộc cảnh xứ không-gian vô biên (không vô biên xứ) … (ii) những thiên thần thuộc cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ) … (iii) những thiên thần thuộc cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ) … (iv) những thiên thần thuộc cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-

thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ)!’, thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ). Vì sao được vậy? Bởi vì người đó sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.

43. “Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước rằng: ‘Ôi, cầu mong tôi có thể ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của-tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận)!’, thì có thể rằng, ngay trong kiếp này, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, người đó sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của-tâm sạch nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ với sự (đã) tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận). Vì sao vậy? Bởi do nhờ người đó sống giữ theo hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp.”427

44. Sau khi lời này được nói ra, những gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như Thầy đang dựng đứng lại thứ đã bị quăng đổ, khai mở những thứ bị che dấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng có thể nhìn thấy mọi thứ. Nay chúng tôi xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm chấp nhận chúng con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ nay đến cuối đời.”

42. KINH NHỮNG BÀ-LA-MÔN Ở VERAÑJA (Verañjaka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc.

2. Bấy giờ, vào lúc đó có một số gia chủ bà-la-môn đang viếng thăm Sāvatthī vì công việc hay lý do khác.

3. –44. [Bài kinh này nội dung giống hệt kinh MN 41 kế trên, chỉ khác nhau ở chỗ: cụm chữ trong kinh kế trên "hành-vi không đúng đắn, hành-vi không đúng theo Giáo Pháp" [Mục 7–10] và "hành-vi đúng đắn, hành-vi đúng theo Giáo Pháp" [Mục 11–14] được thay thế trong kinh này là "người có hành-vi không đúng đắn, người không tuân giữ hành-vi đúng theo Giáo Pháp" [Mục 7–10] và "người có hành-vi đúng đắn, người tuân giữ hành-vi đúng theo Giáo Pháp" [Mục 11–14]; và địa danh "làng Sālā" ở kinh trên được thay bằng "làng Verañja" trong kinh này.]

396 • Chương 5

43. ĐẠI KINH VẤN ĐÁP (Mahāvedalla Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, ngài Đại Câu-hi-la (Mahā Koṭṭhita) ra khỏi chỗ thiền, đến gặp ngài Xá-lợi-phất, và chào hỏi qua lại với thầy ấy.428 Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy Câu-hi-la ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

(Trí tuệ)

2. "Này đạo hữu, thường nghe nói 'người vô trí, người vô trí'. Chiếu theo cái gì để nói là 'người vô trí'?" "Này đạo hữu, đó là 'người không hiểu một cách có trí, người không hiểu một cách có trí'; bởi vậy nên nói là 'người vô trí'. Và người đó không hiểu cái gì một cách có trí? Người không hiểu một cách có trí: 'Đây là khổ'; người đó không hiểu một cách có trí: Đây là nguồn-gốc khổ'; người đó không hiểu một cách có trí: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'; người đó không hiểu một cách có trí: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ'. Này đạo hữu, đó là 'người không hiểu một cách có trí, người không hiểu một cách có trí'; bởi vậy nên nói là 'người vô trí'." "Tốt, này đạo hữu", thầy Đại Câu-hi-la hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất. Sau khi nói vậy, thầy ấy hỏi thêm câu hỏi:

3. "Này đạo hữu, thường nghe nói 'người có trí, người có trí'. Chiếu theo cái gì để nói là 'người có trí'?" "Này đạo hữu, đó là 'người hiểu một cách có trí, người hiểu một cách có trí'; bởi vậy nên nói là 'người có trí'. Và người đó hiểu cái gì một cách có trí? Người hiểu một cách có trí: 'Đây là khổ'; người đó hiểu một cách có trí: Đây là nguồn-gốc khổ'; người đó hiểu một cách có trí: 'Đây là sự chấm-dứt khổ'; người đó hiểu một cách có trí: 'Đây là con-đường dẫn tới

398 • Chương 5

sự chấm dứt khổ'. Này đạo hữu, đó là 'người hiểu một cách có trí, người hiểu một cách có trí'; bởi vậy nên nói là 'người có trí'."429

(Thức)

4. “Này đạo hữu, thường nghe nói ‘thức, thức’. Chiếu theo cái gì là ‘thức’?” “Này đạo hữu, ‘nó nhận biết, nó nhận biết’; bởi vậy nên nói là ‘thức’.430 Nó nhận biết cái gì? Nó nhận biết: ‘[Đây là] sướng’; nó nhận biết: ‘[Đây là] khổ’; nó nhận biết: ‘[Đây là] không khổ không sướng’. Này đạo hữu, ‘nó nhận biết, nó nhận biết’; bởi vậy nên nói là ‘thức”.431

5. “Này đạo hữu, thường nghe nói ‘trí-tuệ và thức, trí-tuệ và thức’. Chiếu theo cái gì là ‘trí-tuệ và thức’?”—Những trạng thái này là dính nhau hay rời nhau? Có thể nào tách riêng mỗi trạng thái ra để mô tả sự khác nhau giữa chúng?” “Này đạo hữu, trí-tuệ và thức—những trạng thái này là dính nhau, không phải rời nhau, và không thể nào tách riêng mỗi trạng thái để mô tả sự khác nhau giữa chúng. Bởi vì điều gì một người hiểu một cách có trí, điều đó người đó nhận biết, và điều gì người đó nhận biết, điều đó người đó hiểu. Bởi vậy những trạng thái này là dính nhau, không phải rời nhau, và không thể nào tách riêng mỗi trạng thái để mô tả sự khác nhau giữa chúng.”432

6. “Này đạo hữu, cái gì là sự khác nhau giữa trí-tuệ và thức, khi những trạng thái này là dính nhau, không phải rời nhau?” “Này đạo hữu, sự khác nhau giữa trí-tuệ và thức, khi những trạng thái này là dính nhau, không phải rời nhau, là chỗ này: trí-tuệ thì cần được tu tập (thiền tập), thức thì cần được hiểu hoàn-toàn (liễu tri).”433

(Cảm giác)

7. “Này đạo hữu, thường nghe nói ‘cảm-giác, cảm-giác’. Chiếu theo cái gì là ‘cảm-giác’?”

“Này đạo hữu, ‘nó cảm nhận, nó cảm nhận’; bởi vậy nên nói là ‘cảm- giác’ (sự cảm nhận, thọ). Nó cảm nhận cái gì? Nó cảm nhận sướng, nó cảm nhận khổ, nó cảm nhận không khổ không sướng. Này đạo hữu, ‘nó cảm nhận, nó cảm nhận’; bởi vậy nên nói là ‘cảm-giác’.”434

(Nhận thức)

8. “Này đạo hữu, thường nghe nói ‘nhận-thức, nhận-thức’. Chiếu theo cái gì là ‘nhận-thức’?” “Này đạo hữu, ‘nó nhận thức, nó nhận thức’; bởi vậy nên nói là ‘nhận-thức’ (sự nhận thức, tưởng). Nó nhận thức cái gì? Nó nhận thức xanh, nó nhận thức vàng, nó nhận thức đỏ, và nó nhận thức trắng. Này đạo hữu, ‘nó nhận thức, nó nhận thức’; bởi vậy nên nói là ‘nhận-thức’.”435

9. “Này đạo hữu, cảm-giác, nhận-thức, và thức—những trạng thái này là dính nhau hay rời nhau? Có thể nào tách riêng mỗi trạng thái ra để mô tả sự khác nhau giữa chúng?” “Này đạo hữu, cảm-giác, nhận-thức, và thức—những trạng thái này là dính nhau, không phải rời nhau, và không thể nào tách riêng mỗi trạng thái để mô tả sự khác nhau giữa chúng. Bởi vì điều gì một người cảm nhận (thọ), điều đó người đó nhận thức (tưởng); và điều gì người đó nhận thức, điều đó người đó nhận biết (thức). Bởi vậy những trạng thái này là dính nhau, không phải rời nhau, và không thể nào tách riêng mỗi trạng thái để mô tả sự khác nhau giữa chúng.”436

(Chỉ có thể biết bởi tâm)

10. “Này đạo hữu, cái gì có thể được biết bởi thức-tâm (HV: tâm thức) thanh tịnh (đã được thanh lọc) được giải thoát khỏi năm căn?” “Này đạo hữu, bởi thức-tâm thanh tịnh được giải thoát khỏi năm căn nên cảnh xứ không-gian vô biên (không vô biên xứ) có thể được biết như vầy: ‘Không-gian là vô biên’; cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ) có

thể được biết như vầy: ‘Thức là vô biên’; và cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ) có thể được biết như vầy: ‘Không-có-gì’.” 437

11. “Này đạo hữu, bằng cái gì một người hiểu một trạng thái có thể được biết?” “Này đạo hữu, một người hiểu một trạng thái có thể được biết bằng con mắt trí-tuệ (tuệ nhãn).” 438

12. “Này đạo hữu, cái gì là mục đích của trí-tuệ?” “Này đạo hữu, mục đích của trí-tuệ là sự trực-tiếp biết, mục đích của nó là sự hoàn-toàn hiểu, mục đích của nó là sự từ-bỏ.” 439

(Chánh kiến)

13. “Này đạo hữu, có bao nhiêu điều-kiện (duyên) để làm khởi sinh chánh-kiến (cách-nhìn đúng đắn)?” “Này đạo hữu, có hai điều-kiện để làm khởi sinh chánh-kiến: tiếng nói của người khác (sự chỉ dạy của người khác như sư thầy, sư huynh, người chỉ giáo) và sự chú-tâm một cách khôn khéo (như lý tác ý). Đây là hai điều-kiện để làm khởi sinh chánh-kiến.” 440

14. “Này đạo hữu, có bao nhiêu yếu-tố mà chánh-kiến được trợ giúp khi nó có ‘sự giải-thoát của tâm’ là kết quả của nó, ‘sự giải-thoát của tâm’ là kết quả và ích lợi của nó?” “Này đạo hữu, chánh-kiến được trợ giúp bởi năm yếu-tố khi nó có ‘sự giải-thoát của tâm’ là kết quả của nó, ‘sự giải-thoát của tâm’ là kết quả và ích lợi của nó. Ở đây, này đạo hữu, chánh-kiến được trợ giúp bởi giới- hạnh (giới), sự học-hiểu (văn), sự thảo luận (vấn), sự vắng-lặng (định, thiền định), và sự minh-sát (tuệ, thiền quán). Chánh-kiến được trợ giúp bởi năm yếu-tố này khi nó có ‘sự giải-thoát của tâm’ là kết quả của nó, ‘sự giải-thoát của tâm’ là kết quả và ích lợi của nó.” 441

(Sự hiện hữu)

15. “Này đạo hữu, có bao nhiêu loại sự hiện-hữu?” “Này đạo hữu, có ba loại sự hiện-hữu: sự hiện-hữu dục-giới, sự hiện- hữu sắc-giới, và sự hiện-hữu vô-sắc giới.”

16. “Này các đạo hữu, theo cách nào sự tái hiện-hữu trong tương lai được tạo ra?” “Này đạo hữu, sự tái hiện-hữu trong tương lai được tạo ra thông qua sự khoái-thích cái này cái kia (khoái-lạc giác quan, dục lạc) thuộc phần những chúng sinh bị cản trở bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng.”442

17. “Này đạo hữu, theo cách nào sự tái hiện-hữu trong tương lai không được tạo ra?” “Này đạo hữu, với sự phai biến của vô-minh, với sự khởi sinh trí-biết đích thực (chân trí, minh), và với sự chấm dứt dục-vọng, thì sự tái hiện- hữu trong tương lai không còn được tạo-ra.”

(Tầng thiền định thứ nhất)

18. “Này đạo hữu, cái gì là tầng thiền định thứ nhất?” “Ở đây, này đạo hữu: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý- nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Đây được gọi là tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền).”

19. “Này đạo hữu, tầng thiền định thứ nhất có bao nhiêu yếu-tố?” “Này đạo hữu, tầng thiền định thứ nhất có năm yếu-tố. Ở đây, khi một Tỳ kheo đã chứng nhập trong tầng thiền định thứ nhất thì xảy ra (i) ý-nghĩ được áp dụng (tầm), (ii) ý-nghĩ được duy trì (tứ), (iii) sự hoan-hỷ (hỷ), (iv) sự sướng (lạc), và (v) sự hợp-nhất của tâm. Đó là cách tầng thiền định thứ nhất có năm yếu-tố.”

20. “Này đạo hữu, trong tầng thiền định thứ nhất bao nhiêu yếu-tố được dẹp bỏ và bao nhiêu yếu-tố được có?” “Này đạo hữu, trong tầng thiền định thứ nhất năm yếu-tố được dẹp bỏ và năm yếu-tố được có. Ở đây, khi một Tỳ kheo đã chứng nhập trong tầng thiền định thứ nhất, tham-dục được dẹp bỏ, sự ác-ý được dẹp bỏ, sự đờ- đẫn và buồn-ngủ được dẹp bỏ, sự bất-an và hối-tiếc được dẹp bỏ, và sự nghi-ngờ được dẹp bỏ (năm chướng-ngại được dẹp bỏ), và trong đó xảy ra ý-nghĩ được áp dụng (tầm), ý-nghĩ được duy trì (tứ), sự hoan-hỷ (hỷ), sự sướng (lạc), và sự hợp-nhất của tâm. Đó là cách trong tầng thiền định thứ nhất có năm yếu-tố được dẹp bỏ và năm yếu-tố được có.”

(Năm căn)

21. “Này đạo hữu, năm căn này mỗi căn có một lĩnh vực riêng, một trú xứ riêng, và không trải nghiệm lẫn lộn những lĩnh vực và trú xứ của căn khác; đó gồm: căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, và căn thân. Giờ thì, trong năm căn này, mỗi căn có một lĩnh vực riêng, một trú xứ riêng, và không trải nghiệm lẫn lộn những lĩnh vực và trú xứ của căn khác, cái gì là chỗ-dựa của chúng, cái gì trải nghiệm những lĩnh vực và trú xứ của chúng?”443 “Này đạo hữu, năm căn này mỗi căn có một lĩnh vực riêng, một trú xứ riêng, và không trải nghiệm lẫn lộn những lĩnh vực và trú xứ của căn khác; đó gồm: căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, và căn thân. Giờ thì, trong năm căn này, mỗi căn có một lĩnh vực riêng, một trú xứ riêng, và không trải nghiệm lẫn lộn những lĩnh vực và trú xứ của căn khác, có tâm là chỗ-dựa của chúng, và tâm nếm trải những lĩnh vực và trú xứ của chúng.”

22. “Này đạo hữu, như đối với năm căn này—đó là, căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, và căn thân—năm căn này trụ được dựa vào cái gì?”

“Này đạo hữu, như đối với năm căn này—đó là, căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, và căn thân—năm căn này trụ được dựa vào sức-sống (sinh lực).”444 “Này đạo hữu, sức-sống thì trụ được dựa vào cái gì?” “Sức-sống trụ được dựa vào nhiệt.”445 “Này đạo hữu, nhiệt trụ được dựa vào cái gì?” “Nhiệt trụ được dựa vào sức-sống.” “Này đạo hữu, chúng tôi mới hiểu thầy Xá-lợi-phất đã nói: ‘Sức-sống trụ được dựa vào nhiệt’, giờ chúng tôi lại nghe thầy nói: ‘Nhiệt trụ được dựa vào sức-sống’. Vậy nghĩa của những câu này là gì?” “Trong trường hợp đó, này đạo hữu, tôi sẽ cho thầy một ví dụ, vì những người có trí ở đây hiểu được ý nghĩa của một điều khẳng định qua phương tiện ví dụ. Giống như ngọn đèn dầu đang cháy, sự phát nhiệt của nó được thấy là dựa vào lửa của nó, và lửa của nó được thấy là dựa vào sự phát nhiệt của nó; cũng giống như vậy, sức-sống trụ được dựa vào nhiệt và nhiệt trụ được dựa vào sức sống.”

(Những sự tạo tác sức sống)

23. “Này đạo hữu, có phải những sự tạo-tác sức-sống (hành sinh mạng) là những thứ có thể được cảm nhận hay những sự tạo-tác sức-sống là một thứ và những thứ được cảm nhận là thứ khác?” “Này đạo hữu, những sự tạo-tác sức-sống không phải là những thứ có thể được cảm nhận.446 Nếu mà những sự tạo-tác sức-sống là những thứ có thể được cảm nhận, thì một Tỳ kheo đã chứng nhập trong ‘sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ (diệt thọ tưởng) sẽ không còn được thấy thoát ra khỏi trạng thái đó nữa (tức thân chết luôn). Nhưng bởi vì những sự tạo-tác sức-sống là một thứ và những thứ có thể được cảm nhận là thứ khác, nên một Tỳ kheo đã chứng nhập trong ‘sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ có thể được thấy thoát ra khỏi trạng thái đó.”

24. “Này đạo hữu, khi thân này bị tước đi bao nhiêu trạng thái thì nó thành thứ bị bỏ đi và vứt đi, nằm vô tri vô giác như một khúc cây?”447 “Này đạo hữu, khi thân này bị tước đi ba trạng thái—sức-sống, nhiệt, và thức—thì nó thành thứ bỏ đi và vứt đi, nằm vô tri vô giác như một khúc cây.”

25. “Này đạo hữu, cái gì là sự khác nhau giữa người đã chết, người đã kết thúc thời mạng (tuổi thọ) so với một Tỳ kheo đã chứng nhập trong ‘sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ (diệt thọ tưởng)?” “Này đạo hữu, trong trường hợp người đã chết, người đã kết thúc thời mạng thì những sự tạo-tác của thân (thân hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của tâm (tâm hành) đã chấm dứt và lắng lặn; sức-sống của người đó đã cạn kiệt, nhiệt của người đó đã tiêu tan, và các căn của người đó đã hoàn toàn tan rã. Trong trường hợp một Tỳ kheo đã chứng nhập trong ‘sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’ (diệt thọ tưởng) thì những sự tạo-tác của thân (thân hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành) đã chấm dứt và lắng lặn, những sự tạo-tác của tâm (tâm hành) đã chấm dứt và lắng lặn; nhưng sức-sống của vị ấy không cạn kiệt, nhiệt của người đó không tiêu tan, và các căn của vị ấy trở nên cực kỳ sáng trong.448 Đây là sự khác nhau giữa người đã chết, người đã kết thúc thời mạng so với một Tỳ kheo đã chứng nhập trong ‘sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác’.”

(Sự giải-thoát của tâm)

26. “Này đạo hữu, có bao nhiêu điều-kiện để đạt tới ‘sự giải-thoát của tâm không còn khổ và sướng’?” “Này đạo hữu, có bốn điều-kiện để đạt tới sự giải-thoát của tâm không còn khổ và sướng, ở đây: ‘(i) Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và (ii) với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ

tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và có (iii) sự chánh- niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ (iv) sự buông-xả (tuyệt vời).’ Đây là bốn điều-kiện để đạt tới sự giải-thoát của tâm không còn sướng và khổ.”

27. “Này đạo hữu, có bao nhiêu điều-kiện để đạt tới (chứng đắc) sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm?” “Này đạo hữu, có hai điều-kiện để đạt tới sự giải-thoát vô dấu-hiệu (vô tướng) của tâm: (i) sự không chú-tâm tới tất cả những dấu-hiệu và (ii) sự chú-tâm tới yếu-tố vô dấu-hiệu. Đây là hai điều-kiện để đạt tới sự giải- thoát vô dấu-hiệu của tâm.”449

28. “Này đạo hữu, có bao nhiêu điều-kiện để duy trì (chứng nhập và an trú) trong sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm?” “Này đạo hữu, có ba điều-kiện để duy trì trong sự giải-thoát vô dấu- hiệu của tâm: (i) sự không chú-tâm tới tất cả những dấu-hiệu, (ii) sự chú- tâm tới yếu-tố vô dấu-hiệu, và (iii) sự quyết định trước [về khoảng thời gian nhập trú trong đó]. Đây là ba điều-kiện để duy trì trong sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm.”

29. “Này đạo hữu, có bao nhiêu điều-kiện để thoát ra khỏi sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm?” “Này đạo hữu, có hai điều-kiện để thoát ra khỏi sự giải-thoát vô dấu- hiệu của tâm: (i) sự chú-tâm tới tất cả những dấu-hiệu và (ii) sự không chú-tâm tới yếu-tố vô dấu-hiệu. Đây là hai điều-kiện để thoát ra khỏi sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm.”

30. “Này đạo hữu, (i) sự giải-thoát vô lượng của tâm, (ii) sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì, (iii) sự giải-thoát của tâm bằng sự trống- không, và (iv) sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm: những trạng thái này là khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi, hay chúng giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi?”

“Này đạo hữu, (i) sự giải-thoát vô lượng của tâm, (ii) sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì, (iii) sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không, và (iv) sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm: (1) có một cách theo đó những trạng thái này là khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi, và (2) có một cách chúng giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi.”

31. (1) “Này đạo hữu, theo cách nào những trạng thái đó là khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi? “(i) Này các đạo hữu, cái gì là ‘sự giải-thoát vô lượng của tâm’? Ở đây, một Tỳ kheo an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên,

dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. "Người đó an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, người đó sống bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. "Đây được gọi là 'sự giải-thoát vô lượng của tâm'.

32. "(ii) Và, này đạo hữu, cái gì là 'sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì'? Ở đây: 'Bằng sự hoàn toàn vượt trên thức vô biên xứ [cảnh xứ thức vô biên], ý thức rằng 'không-có-gì', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong vô sở hữu xứ [cảnh xứ 'không-có-gì'].' Đây được gọi là 'sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì'.

33. (iii) "Và, này đạo hữu, cái gì là 'sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không [tánh không]'? Ở đây, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng hay

đến một gốc hay một chòi trống, quán chiếu như vầy: "Đây là sự không- có [trống không] cái 'ta' nào (vô ngã) hoặc cái thuộc về cái 'ta' (vô ngã sở)." Đây là 'sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không'.450

34. (iv) "Và, này đạo hữu, cái gì là 'sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm'? Ở đây, với sự không chú-tâm tới tất cả những dấu-hiệu, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu (vô tướng định) của tâm. Đây được gọi là 'sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm'.451 - "Đây là cách theo đó những trạng thái này là khác nhau về nghĩa và khác nhau về tên gọi.

35. (2) "Và, này đạo hữu, theo cách nào những trạng thái này là giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi? (i) "Tham là một tác giả (cái làm ra, làm nên) của sự đo lường, sân là một tác giả của sự đo lường, si là một tác giả của sự đo lường.452 Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Trong tất cả các loại của 'sự giải-thoát vô lượng của tâm', thì 'sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm' được tuyên bố là tốt nhất (bậc nhất). Bây giờ thì sự giải- thoát bất lay chuyển của tâm là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si.453

36. (ii) "Tham là một thứ, sân là một thứ, si là một thứ.454 Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Trong tất cả các loại 'sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì', thì 'sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm' được tuyên bố là tốt nhất.455 Bây giờ thì sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si.

37. (iii) “Tham là một tác giả (cái làm ra, làm nên) của những dấu-hiệu (các tướng), sân là tác giả của những dấu-hiệu, si là tác giả của những

dấu-hiệu.456 Trong một Tỳ kheo là người đã tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận), thì những thứ này đều đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc cây cọ chết, đã bị xóa sổ để chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Trong tất cả các loại ‘sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm’, thì ‘sự giải- thoát bất lay chuyển của tâm’ được tuyên bố là tốt nhất.457 Bây giờ thì ‘sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm’ là trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si. - “Đây là cách theo đó những trạng thái đó là giống nhau về nghĩa và chỉ khác nhau về tên gọi.” 458 Đó là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Thầy Đại Đại Câu-hi-la hài lòng và vui mừng với những lời của thầy Xá-lợi-phất.

44. TIỂU KINH VẤN ĐÁP (Cūḷavedalla Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có đệ tử tại gia là Visākha đã đến gặp Tỳ kheo ni Dhammadinnā,459 và sau khi kính lễ ni ấy, ông ta ngồi xuống một bên và hỏi ni ấy:

(Danh tính)

2. “Thưa ni, thường nghe nói ‘danh-tính, danh-tính’. Cái gì được đức Thế Tôn gọi là danh-tính (tự thân, thân ta)?” “Này đạo hữu Visākha, năm uẩn này bị [tác động bởi sự] dính-chấp (năm thủ uẩn) được đức Thế Tôn gọi là danh-tính; đó gồm: uẩn sắc-thân bị dính-chấp (sắc uẩn), uẩn cảm-giác bị dính-chấp (thọ uẩn), uẩn nhận- thức bị dính-chấp (tưởng uẩn), uẩn những sự tạo-tác cố ý bị dính-chấp (hành uẩn), và uẩn thức bị dính-chấp (thức uẩn). Năm uẩn bị dính-chấp được đức Thế Tôn gọi là danh-tính.”460 “Thật tốt lành, thưa ni”, đệ tử tại gia Visākha hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo ni Dhammadinnā. Sau khi nói vậy, ông ta hỏi ni ấy thêm một câu hỏi:

3. “Thưa ni, thường nghe nói ‘nguồn gốc của danh-tính, nguồn gốc của danh-tính’. Cái gì được đức Thế Tôn gọi là nguồn gốc của danh-tính?” “Đạo hữu Visākha, đó là dục-vọng [sự thèm khát], nó đưa đến sự tái hiện-hữu, được đi kèm bởi khoái-lạc và nhục-dục, và sự khoái-thích cái này cái nọ; đó là, dục-vọng khoái-lạc giác quan (dục ái), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), và dục-vọng muốn không hiện-hữu (phi hữu ái). Đây được đức Thế Tôn gọi là nguồn gốc của danh-tính.”

4. “Thưa ni, thường nghe nói ‘sự chấm dứt danh-tính, sự chấm dứt danh-tính’. Cái gì được đức Thế Tôn gọi là sự chấm dứt danh-tính?” “Đạo hữu Visākha, đó là sự phai biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và sự chấm dứt, sự bỏ đi, sự từ bỏ, sự buông bỏ, và sự tống bỏ dục-vọng đó. Đây được đức Thế Tôn gọi là sự chấm dứt danh-tính.”

5. “Thưa ni, thường nghe nói ‘con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh- tính, con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh-tính’. Cái gì được đức Thế Tôn gọi là con-đường dẫn tới sự

chấm dứt danh-tính?" "Đạo hữu Visākha, đó chính là Bát Thánh Đạo (con đường tám phần thánh thiện); đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn."

6. "Thưa ni, có phải sự dính-chấp (chấp thủ, thủ) là một với năm uẩn bị dính-chấp, hay sự dính-chấp là thứ khác với năm uẩn bị dính-chấp?" "Đạo hữu Visākha, sự dính-chấp đó không phải là một với năm uẩn bị dính-chấp, cũng không phải sự dính-chấp đó là thứ khác với năm uẩn bị dính-chấp. Chính sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính- chấp mới là sự dính-chấp ở đó."461

(Quan điểm có danh-tính)

7. "Thưa ni, theo cách nào 'quan-điểm có danh-tính' (thân kiến) được hình thành?" "Ở đây, này đạo hữu Visākha, một người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thánh nhân; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thượng nhân; cứ coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc- thân ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong sắc-thân.

"Người đó cứ coi cảm-giác là cái 'ta' ... nhận-thức là cái 'ta' ... những sự tạo-tác cố-ý là cái 'ta' ... thức là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Đó là cách quan-điểm có danh-tính (thân kiến) được hình thành." 462

8. "Thưa ni, theo cách nào quan-điểm có danh tính không đi đến hình thành?" "Ở đây, này đạo hữu Visākha, một một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thánh nhân; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thượng nhân; không coi sắc-thân là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc-thân, hoặc nghĩ sắc-thân ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong sắc- thân. "Người đó không coi cảm-giác là cái 'ta' ... nhận-thức là cái 'ta' ... những sự tạo-tác cố-ý là cái 'ta' ... thức là cái 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Đó là cách quan-điểm có cái ta (thân kiến) không đi đến hình thành."

(Bát thánh đạo)

9. "Thưa ni, cái gì là Bát Thánh Đạo?" "Đạo hữu Visākha, đó đơn giản là con đường tám phần thánh thiện; gồm có: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành- động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn."

10. "Thưa ni, Bát Thánh Đạo là có điều-kiện (hữu vi) hay không có điều-kiện (vô vi)?" "Đạo hữu Visākha, Bát Thánh Đạo là có điều-kiện."

11. “Thưa ni, có phải ba uẩn (ba phần tu-tập) nằm trong Bát Thánh Đạo hay Bát Thánh Đạo nằm trong ba uẩn?” 463

“Đạo hữu Visākha, ba uẩn không nằm trong Bát Thánh Đạo, mà Bát Thánh Đạo nằm trong ba uẩn (ba phần tu-tập). Lời-nói đúng đắn, hành- động đúng đắn, và sự mưu-sinh đúng đắn (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh)—những trạng thái này là nằm trong uẩn/phần/nhóm ‘Giới- hạnh’. Sự nỗ-lực đúng đắn, sự tâm-niệm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn (chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định)—những trạng thái này nằm trong uẩn/phần/nhóm ‘Định-tâm’. Cách-nhìn đúng đắn và ý-định đúng đắn (chánh kiến và chánh tư duy)—những trạng thái này nằm trong uẩn/phần/nhóm ‘trí-tuệ’.”

(Sự định tâm)

12. “Thưa ni, cái gì là sự định-tâm? Cái gì là cơ-sở cho sự định-tâm? Cái gì là trang-bị cho sự định-tâm? Cái gì là sự tu-tập sự định-tâm?” Đạo hữu Visākha, sự hợp-nhất của tâm là sự định-tâm; ‘bốn nền tảng chánh-niệm’ (tứ niệm xứ) là cơ-sở của sự định-tâm; bốn sự chuyên-cần tu đúng đắn (bốn sự tu tập lặp đi lặp lại; tứ chánh-cần) là trang-bị cho sự định-tâm, và sự tu-dưỡng đúng đắn những trạng thái này là sự tu-tập sự định-tâm.”464

(Những sự tạo tác)

13. “Thưa ni, có bao nhiêu sự tạo-tác (hành)?” “Đạo hữu Visākha, có ba sự tạo-tác này: sự tạo-tác của thân (thân hành), sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành), và sự tạo-tác của tâm (tâm hành.”

14. “Nhưng thưa ni, cái gì là sự tạo-tác của thân? Cái gì là sự tạo-tác của lời-nói. Cái gì là sự tạo-tác của tâm? “Sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân; ý-nghĩ được áp dụng (tầm) và ý-nghĩ được duy trì (tứ) là sự tạo-tác của lời nói; nhận-thức (tưởng) và cảm-giác (thọ) là sự tạo-tác của tâm.”465

15. “Nhưng, thưa ni, tại sao sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân? Tại sao ý-nghĩ được áp dụng (tầm) và ý-nghĩ được duy trì (tứ) là sự tạo- tác của lời-nói? Tại sao nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm?” “Đạo hữu Visākha, sự thở-vào và thở-ra là thuộc thân, những trạng thái này gắn liền với thân; đó là lý do tại sao sự thở-vào và thở-ra là sự tạo-tác của thân. Người tu áp dụng ý-nghĩ trước và sau đó duy trì ý-nghĩ, và tiếp theo người đó phát thành lời-nói; đó là lý do tại sao ý-nghĩ được áp dụng (tầm) và ý-nghĩ được duy trì (tứ) là sự tạo-tác của lời-nói. Nhận-thức (tưởng) và cảm-giác (thọ) là thuộc tâm, những trạng thái này gắn liền với tâm; đó là lý do tại sao nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm.”466

(Sự chứng đắc sự chấm-dứt)

16. “Thưa ni, theo cách nào sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng) sẽ diễn ra?” “Đạo hữu Visākha, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc sự chấm-dứt

nhận-thức và cảm-giác, thì điều này không xảy ra đối với người đó: 'Tôi sẽ chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác' hay 'tôi đang chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác' hay 'tôi đã chứng đắc sự chấm- dứt nhận-thức và cảm-giác'; mà tâm người đó đã được tu tập trước đó theo cách để dẫn người đó đến trạng thái đó." 467

17. "Thưa ni, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng), thì trạng thái nào trong ba sự tạo-tác đó chấm dứt trước?" "Đạo hữu Visākha, khi một Tỳ kheo đang chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, thì sự tạo-tác của lời-nói chấm dứt trước, sau đó là sự tạo-tác của thân, và sau đó là sự tạo-tác của tâm."468

18. "Thưa ni, sự thoát-ra khỏi sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng định) sẽ xảy ra theo cách nào?"

"Đạo hữu Visākha, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, điều này không xảy đến với người đó: 'Tôi sẽ thoát ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm- giác' hay 'Tôi đang thoát ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác' hay 'Tôi đã thoát ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác'; mà tâm người đó đã được tu tập trước đó theo cách để nó dẫn người đó đến trạng thái đó." 469

19. "Thưa ni, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, trạng thái nào trong ba sự tạo-tác đó sẽ khởi sinh trước trong người đó?" "Đạo hữu Visākha, khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, sự tạo-tác của tâm (tâm hành) sẽ khởi sinh trước, tiếp theo là sự tạo-tác của thân (thân hành), và sau cùng là sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành)." 470

20. "Thưa ni, sau khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, có bao nhiêu loại sự tiếp-xúc tiếp xúc người đó?" "Đạo hữu Visākha, sau khi một Tỳ kheo đang thoát-ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, có ba loại sự tiếp-xúc tiếp xúc người đó: sự tiếp-xúc trống-không, sự tiếp-xúc không dấu-hiệu (vô tướng), sự tiếp-xúc không mong-cầu (vô nguyện)." 471

21. "Thưa ni, sau khi một Tỳ kheo đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, tâm người đó nghiêng về cái gì, hướng về cái gì, và ngã về cái gì?" "Đạo hữu Visākha, sau khi một Tỳ kheo đã thoát ra khỏi trạng thái chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác, tâm người đó nghiêng về sự tách-ly, hướng về sự tách-ly, và ngã về sự tách-ly." 472

(Cảm giác)

22. "Thưa ni, có bao nhiêu loại cảm-giác?" "Đạo hữu Visākha, có ba loại cảm-giác: cảm-giác sướng (dễ chịu), cảm-giác khổ (khó chịu), và cảm-giác không khổ không sướng (trung tính)."

23. “Nhưng, thưa ni, cái gì là cảm-giác sướng? Cái gì là cảm-giác khổ? Cái gì là cảm-giác không khổ không sướng?” “Đạo hữu Visākha, mọi sự được cảm nhận bởi thân hay bởi tâm là sướng và dễ chịu là cảm-giác sướng. Mọi sự được cảm nhận bởi thân và bởi tâm là khổ và khó chịu là cảm-giác khổ. Mọi sự được cảm nhận bởi thân và bởi tâm là không khó chịu và không dễ chịu là cảm-giác không khổ không sướng.”

24. “Thưa ni, cái gì là sướng và cái gì là khổ đối với cảm-giác sướng? Cái gì là sướng và cái gì là khổ đối với cảm-giác khổ? Cái gì là sướng và cái gì là khổ đối với cảm-giác không khổ không sướng?” “Đạo hữu Visākha, cảm-giác sướng là sướng khi nó còn (trụ) và là khổ khi nó thay đổi (biến). Cảm-giác khổ là khổ khi nó còn và là sướng khi nó thay đổi. Cảm-giác không khổ không sướng là sướng khi có sự-biết [về nó] và là khổ khi không có sự-biết [ngu mờ về nó].”

(Những khuynh hướng tiềm ẩn)

25. “Thưa ni, cái gì là những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên) nằm dưới cảm-giác sướng? Cái gì là những khuynh-hướng tiềm ẩn nằm dưới cảm-giác khổ? Cái gì là những khuynh-hướng tiềm ẩn nằm dưới cảm-giác không khổ không sướng?” “Đạo hữu Visākha, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham (tùy miên tham) nằm dưới cảm-giác sướng. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân (tùy miên sân) nằm dưới cảm-giác khổ. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si (tùy miên si) nằm dưới cảm-giác không khổ không sướng.” 473

26. “Thưa ni, có phải khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham nằm dưới tất cả cảm-giác sướng? Có phải khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân nằm dưới tất cả cảm-giác khổ? Có phải khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si nằm dưới tất cả cảm-giác không khổ không sướng?” “Đạo hữu Visākha, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham không nằm dưới tất cả cảm-giác sướng. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân không nằm dưới tất cả cảm-giác khổ. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si không nằm dưới cảm-giác không khổ không sướng.”

27. “Thưa ni, cái gì nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác sướng? Cái gì nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác khổ? Cái gì nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác không khổ không sướng?” “Đạo hữu Visākha, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác sướng. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác khổ. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra si nên được dẹp bỏ đối với cảm-giác không khổ không sướng.”

28. “Thưa ni, có phải khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham cần phải được dẹp bỏ đối với tất cả cảm-giác sướng? Có phải khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân cần phải được dẹp bỏ đối với tất cả cảm-giác khổ? Có phải khuynh- hướng tiềm ẩn tạo ra si cần phải được dẹp bỏ đối với tất cả cảm-giác không khổ không sướng?” “Đạo hữu Visākha, khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham không cần phải được dẹp bỏ đối với tất cả cảm-giác sướng. Khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân không cần phải được dẹp bỏ đối với tất cả cảm-giác khổ. Khuynh- hướng tiềm ẩn tạo ra si không cần phải được dẹp bỏ đối với tất

cả cảm- giác không khổ không sướng. “Ở đây, này đạo hữu Visākha: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác- quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-

phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Bằng cách đó người đó dẹp bỏ tham, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra tham không còn nằm dưới đó. 474 “Ở đây, một Tỳ kheo xem xét như vầy: ‘Khi nào ta sẽ chứng nhập và an trú trong cơ-sở đó mà những bậc thánh hiện giờ chứng nhập và an trú trong đó?’ Trong một người đã phát khởi một mong-muốn (hạnh nguyện) có được những sự giải-thoát tốt thượng như vậy, thì sự ưu-tư sẽ khởi sinh do có sự mong-muốn đó là điều-kiện (duyên). Với sự đó người tu dẹp bỏ sân, và khuynh-hướng tiềm ẩn tạo ra sân không còn nằm dưới đó. 475 “Ở đây: ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn hỷ hay ưu), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Với sự đó người tu dẹp bỏ si, và khuynh-hướng tiềm ẩn tại ra si không còn nằm dưới đó.” 476

(Những đối tác)

29. “Thưa ni, cái gì là đối tác của cảm-giác sướng?” 477 “Đạo hữu Visākha, cảm-giác khổ là đối tác của cảm-giác sướng.” “Cái gì là đối tác của cảm-giác khổ?” “Cảm-giác sướng là đối tác của cảm-giác khổ.” “Cái gì là đối tác của cảm-giác không khổ không sướng?” “Sự ngu-si (sự không-biết) là đối tác của cảm-giác không khổ không sướng.” 478 “Cái gì là đối tác của sự ngu-si?” “Trí-biết đích thực (chân trí, minh) là đối tác của sự ngu-si (vô minh).” “Cái gì là đối tác của trí-biết đích thực (minh)?” “Sự giải-thoát là đối tác của trí-biết đích thực.”

“Cái gì là đối tác của sự giải-thoát?” “Niết-bàn là đối tác của sự giải-thoát.” “Thưa ni, cái gì là đối tác của Niết-bàn?” “Đạo hữu Visākha, đạo hữu đã đẩy giới hạn của sự hỏi quá xa; đạo hữu đã không thể nắm được giới hạn đối với sự hỏi.479 Bởi vì, này đạo hữu Visākha, đời sống tâm linh có nền tảng là Niết-bàn, dẫn tới đỉnh cao là Niết-bàn, kết cuộc là Niết-bàn. Đạo hữu Visākha, nếu muốn đạo hữu có thể đến gặp và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của điều này. Khi đức Thế Tôn giảng giải cho đạo hữu, đạo hữu nên ghi nhớ điều đó.”

(Kết luận)

30. Rồi đệ tử tại gia Visākha, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời giảng của Tỳ kheo ni Dhammadinnā, ông đứng dậy khỏi chỗ ngồi và kính lễ ni, giữ ni ở hướng bên phải mình và đi ra; và ông đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, ông ngồi xuống một bên và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đàm đạo với Tỳ kheo ni Dhammadinnā. Sau khi ông thưa xong, đức Thế Tôn đã nói với ông:

31. “Này Visākha, Tỳ kheo ni Dhammadinnā là có trí, Tỳ kheo ni Dhammadinnā có trí-tuệ lớn lao (đại trí). Nếu chú có hỏi ta về ý nghĩa của điều này, ta cũng giảng giải cho chú y hệt như cách Tỳ kheo ni Dhammadinnā đã giảng giải nó. Ý nghĩa của điều đó là như vậy, và chú nên ghi nhớ nó.” 480 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Đệ tử tại gia Visākha hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

45. TIỂU KINH NHỮNG CÁCH NHẬN LẤY CÁC THỨ (Cūḷadhammasamādāna Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, có bốn cách nhận lấy các thứ (theo bốn cách khác nhau). Bốn đó là gì? Có cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín thành quả khổ trong tương lai. Có cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín thành quả khổ trong tương lai. Có cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín thành quả sướng trong tương lai. Có cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín thành quả sướng trong tương lai.

3. (1) “Này các Tỳ kheo, cái gì là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín thành quả khổ trong tương lai? Này các Tỳ kheo, có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Chẳng có nguy-hại gì trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc)’. Họ cứ ngấu nghiến những khoái-lạc giác quan và đeo theo những phụ nữ lang thang (giang hồ) với tóc búi trên đầu. Lúc đó họ nói như vầy: ‘Sự đáng-sợ trong tương lai’ mà những tu sĩ và bà-la-môn đã nhìn thấy trong những khoái-lạc giác quan là gì khi họ nói về sự dẹp-bỏ những khoái-lạc giác quan và mô tả sự hoàn- toàn hiểu về những khoái-lạc giác quan? Ở đây sự chạm vào cánh tay với lông tơ mềm mại của người phụ nữ lang thang này là rất sung sướng mà!’ Như vậy họ đã ngấu nghiến những khoái-lạc giác quan, và sau khi làm vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, họ tái sinh trong một cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Ở đó họ nếm trải chỉ toàn những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận. Rồi lúc đó họ mới nói: ‘Thì ra chính đây là ‘sự đáng-sợ trong tương lai’ mà những tu sĩ và bà-la-môn đó đã nhìn thấy trong những khoái-lạc giác quan khi họ nói về sự dẹp-bỏ những khoái-lạc giác quan và mô tả sự hoàn-toàn hiểu về

những khoái-lạc giác quan. Bởi vì do những khoái-lạc giác quan, chính do những khoái-lạc giác quan, nên giờ chúng ta đang nếm trải những cảm- giác đau khổ, đau đớn, thấu tận.’

4. “Này các Tỳ kheo, giả sử trong tháng cuối của mùa nóng, một vỏ trái cây leo māluva bung ra và hạt cây leo māluva rớt xuống gốc một cây sāla. Rồi một thiên thần đang sống trong cây đó thấy sợ hãi, lo ngại, và hoảng sợ; nhưng những bạn bè và đồng hữu, những người thân và họ hàng của thiên thần đó—gồm những thiên thần (sống trong) vườn, những thiên thần hoa viên, những thiên thần cây, và những thiên thần đang trú ở trong những cây thảo dược, trong cỏ, trong cây thân mộc trong rừng—đã họp lại để

trấn an [bảo đảm] với thiên thần đó như vầy: ‘Đừng có sợ hãi, đừng có sợ hãi. Hy vọng sẽ có chim công tới ăn hạt cây leo māluva đó thôi, hoặc thú hoang khác sẽ ăn nó, hoặc lửa rừng sẽ đốt cháy nó, hoặc người đi rừng sẽ nhặt nó đi, hoặc những con kiến trắng sẽ nuốt chửng nó, hoặc có thể hạt đó bị lép (không nảy mầm).’ Nhưng rồi chẳng có chim công tới ăn hạt cây leo māluva đó, chẳng có thú hoang khác ăn nó, chẳng có lửa rừng đốt cháy nó, chẳng có người đi rừng nhặt nó, chẳng có kiến trắng nuốt chửng nó, và thực ra đó là hạt chắc (có thể nảy mầm). Rồi, sau khi được tưới ẩm bởi nước mưa từ những đám mây mưa, hạt đó đến lúc mọc lên và dây leo có những lông tơ mềm mại của cây leo māluva quấn lấy xung quanh cây sāla đó. Lúc này thiên thần đang sống trong cây sāla nghĩ rằng: ‘“Sự đáng- sợ trong tương lai” mà họ đã nhìn thấy trong hạt cây leo māluva là gì khi họ họp lại để trấn an ta như vậy? Ở đây sự tiếp xúc với dây leo có những lông tơ mềm mại của cây leo māluva thì thật dễ chịu mà!’ Nhưng rồi sau đó, cây leo đó quấn bọc hết thân cây, chằng chịt làm thành cả tán che ở trên nó, và chằng chịt làm thành những bức màn che xung quanh nó, và chia cách những cành nhánh của cây. Rồi lúc này thiên thần sống trong cây mới nhận ra: ‘Thì ra đây chính là ‘sự đáng-sợ trong tương lai’ mà họ đã nhìn thấy trong hạt giống cây leo māluva đó. Bởi chính từ cái hạt giống cây leo māluva đó mà giờ tôi nếm trải (cảm nhận) những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận.’

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có những tu sĩ và bà-la-môn có giáo thuyết và quan-điểm như vầy: ‘Chẳng có nguy-hại gì trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc)’ … Rồi lúc đó họ mới nói: ‘Thì ra chính đây là ‘sự đáng-sợ trong tương lai’ mà những tu sĩ và bà-la-môn đó đã nhìn thấy trong những khoái-lạc giác quan … nên giờ chúng ta đang nếm trải những cảm-giác đau khổ, đau đớn, thấu tận.’ Đây được gọi là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín thành quả khổ trong tương lai.

5. (2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín thanh quả khổ trong tương lai? Ở đây, này các Tỳ kheo, có những người đi khỏa thân, không theo những quy ước tục lệ, liếm bàn tay cho sạch, không đến khi được mời, không dừng khi được yêu cầu … [giống nội dung mục 45, kinh 12 ở trên] … Người đó sống theo đuổi sự thực hành cách khổ hạnh dầm mình trong nước ba lần một ngày gồm cả buổi tối. Đó là những cách khác nhau người đó đã theo đuổi sự thực hành khổ hạnh tra tấn và hành hạ thân thể. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Đây được gọi là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín thành quả khổ trong tương lai.

6. (3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín thành quả sướng trong tương lai? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người trong bản chất có tham-dục mạnh, và người đó thường xuyên trải nghiệm sự đau khổ và ưu buồn được sinh ra từ tham-dục; trong bản chất người đó có sân-hận mạnh, và người đó thường xuyên trải nghiệm sự đau khổ và ưu buồn được sinh ra từ sân-hận; trong bản chất người đó có sự ngu-si mạnh, và người đó thường xuyên trải nghiệm sự đau khổ và ưu phiền được sinh ra từ sự ngu-si. Nhưng trong sự khổ đau và ưu buồn, khóc than với

nước mắt giàn giụa, người đó lại dẫn dắt một đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây được gọi

là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín thành quả sướng trong tương lai.

7. (4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín thành quả sướng trong tương lai? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người trong bản chất không có tham-dục mạnh, và người đó không thường xuyên trải nghiệm sự đau khổ và ưu buồn được sinh ra từ tham- dục; trong bản chất người đó không có sân-hận mạnh, và người đó không thường xuyên trải nghiệm sự đau khổ và ưu buồn được sinh ra từ sân-hận; trong bản chất người đó không có sự ngu-si mạnh, và người đó không thường xuyên trải nghiệm sự đau khổ và ưu phiền được sinh ra từ sự ngu- si. Rồi: (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền) … (ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền) … (iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ) … (iv) người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) … ‘Với sự dẹp bỏ sự sướng-khổ … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền) … Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây được gọi là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín thành quả sướng trong tương lai. “Này các Tỳ kheo, đây là bốn cách nhận lấy các thứ (theo bốn cách khác nhau).” Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

46. ĐẠI KINH NHỮNG CÁCH NHẬN LẤY CÁC THỨ (Mahādhammasamādāna Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, hầu hết chúng sinh đều có ước muốn, mong muốn, và khao khát này: ‘Mong sao những điều không ước, không mong, không dễ chịu gia giảm và những điều được ước, được mong, và dễ chịu gia tăng!’ Nhưng cho dù chúng sinh có ước muốn, mong muốn, và khao khát như vậy, mà những điều không ước, không mong, không dễ chịu cứ gia tăng và những điều được ước, được mong, và dễ chịu bị gia giảm. Giờ, này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ cái gì là lý do để xảy ra như vậy?” “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, có sự nương dựa vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Này các Tỳ kheo, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(Hai loại người)

3. (1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người phàm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thánh nhân; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thượng nhân, không biết được những điều gì nên (được) tu dưỡng và những điều gì không nên (được) tu dưỡng; người đó không biết được những điều gì nên

(được) làm theo và những điều gì không nên (được) làm theo. Do không biết được như vậy, nên người đó tu dưỡng những điều không nên tu dưỡng và không tu dưỡng những điều nên tu dưỡng; người đó không làm theo những điều nên làm theo và không làm theo những điều nên làm theo.481 Chính do người đó làm như vậy, nên những điều không ước, không mong, và không dễ chịu cứ gia tăng đối với mình và những điều được ước, được mong, và dễ chịu lại bị gia giảm. Vì sao vậy? Vì điều đó xảy ra đối với người không nhìn thấy.

4. (2) “Một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thánh nhân; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những thượng nhân, biết được những điều nên tu dưỡng và những điều không nên tu dưỡng; người đó biết được những điều nên làm theo và những điều không nên làm theo. Do biết được như vậy, nên người đó tu dưỡng những điều nên tu dưỡng và không tu dưỡng những điều không nên tu dưỡng; người đó làm theo những điều nên làm theo và không làm theo những điều không nên làm theo. Chính nhờ người đó làm như vậy nên những điều không ước, không mong, và không dễ chịu được gia giảm đối với mình và những điều được ước, được mong, và dễ chịu được gia tăng. Vì sao vậy? Vì điều đó xảy ra đối với người nhìn thấy.

5. “Này các Tỳ kheo, có bốn cách nhận lấy các thứ. Bốn đó là gì? Có cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín thành quả khổ trong tương lai. Có cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín thành quả khổ trong tương lai. Có cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín thành quả sướng trong tương lai. Có cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín thành quả sướng trong tương lai.

(Người vô minh)

6. (1) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, một người là vô-minh, không biết được đây là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành khổ

trong tương lai, người đó không hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Đây là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành khổ trong tương lai.’ Do không biết được điều này, không hiểu được điều này đúng như nó thực là, nên người vô-minh tu dưỡng nó và không tránh bỏ nó; bởi do người đó làm vậy, nên những điều không ước, không mong, không dễ chịu cứ gia tăng đối với mình và những điều được ước,

được mong, và dễ chịu bị gia giảm. Vì sao vậy? Điều đó xảy ra đối với người không nhìn thấy.

7. (2) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, một người là vô-minh, không biết được đây là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín muồi thành khổ trong tương lai, người đó không hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Đây là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín muồi thành khổ trong tương lai.’ Do không biết được điều này, không hiểu được điều này đúng như nó thực là, nên người vô-minh tu dưỡng nó và không tránh bỏ nó; bởi do người đó làm vậy, nên những điều không ước, không mong, không dễ chịu cứ gia tăng đối với mình và những điều được ước, được mong, và dễ chịu bị gia giảm. Vì sao vậy? Điều đó xảy ra đối với người không nhìn thấy.

8. (3) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, một người là vô-minh, không biết được đây là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai, người đó không hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Đây là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai.’ Do không biết được điều này, không hiểu được điều này đúng như nó thực là, nên người vô-minh không tu dưỡng nó mà tránh nó; bởi do người đó làm vậy, nên những điều không ước … cứ gia tăng đối với mình và những điều được ước … bị gia giảm. Vì sao vậy? Điều đó xảy ra đối với người không nhìn thấy.

9. (4) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, một người là vô-minh, không biết được đây là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai, người đó không hiểu được điều này đúng như nó

thực là: ‘Đây là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai.’ Do không biết được điều này, không hiểu được điều này đúng như nó thực là, nên người vô-minh không tu dưỡng nó mà tránh nó; bởi do người đó làm vậy, nên những điều không ước … cứ gia tăng đối với mình và những điều được ước … bị gia giảm. Vì sao vậy? Điều đó xảy ra đối với người không nhìn thấy.

(Người trí)

10. (1) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, một người là có trí, biết được đây là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành khổ trong tương lai, người đó hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Đây là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành khổ trong tương lai.’ Do biết được điều này, hiểu được điều này đúng như nó thực là, nên người trí không tu dưỡng nó mà tránh nó; bởi nhờ người đó làm vậy, nên những điều không ước, không mong, không dễ chịu được gia giảm đối với mình và những điều được ước, được mong, và dễ chịu được gia tăng. Vì sao vậy? Điều đó xảy ra đối với người nhìn thấy.

11. (2) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, một người là có trí, biết được đây là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín muồi thành khổ trong tương lai, người đó hiểu được điều này đúng như nó thực là: ‘Đây là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín

muồi thành khổ trong tương lai.' Do biết được điều này, hiểu được điều này đúng như nó thực là, nên người trí không tu dưỡng nó mà tránh nó; bởi nhờ người đó làm vậy, nên những điều không ước, không mong, không dễ chịu được gia giảm đối với mình và những điều được ước, được mong, và dễ chịu được gia tăng. Vì sao vậy? Điều đó xảy ra đối với người nhìn thấy.

12. (3) "Bây giờ, này các Tỳ kheo, một người là có trí, biết được đây là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai, người đó hiểu được điều này đúng như nó thực là: 'Đây là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai.' Do biết được điều này, hiểu được điều này đúng như nó thực là, nên

người trí không tránh bỏ mà tu dưỡng nó; bởi nhờ người đó làm vậy, nên những điều không ước … được gia giảm đối với mình và những điều được ước … được gia tăng. Vì sao vậy? Điều đó xảy ra đối với người nhìn thấy.

13. (4) "Bây giờ, này các Tỳ kheo, một người là có trí, biết được đây là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai, người đó hiểu được điều này đúng như nó thực là: 'Đây là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai.' Do biết được điều này, hiểu được điều này đúng như nó thực là, nên người trí không tránh bỏ mà tu dưỡng nó; bởi nhờ người đó làm vậy, nên những điều không ước … được gia giảm đối với mình và những điều được ước … được gia tăng. Vì sao vậy? Điều đó xảy ra đối với người nhìn thấy.

(Bốn cách)

14. (1) "Này các Tỳ kheo, cái gì là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành khổ trong tương lai? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người khi khổ đau và ưu buồn đã sát-sinh, và người đó nếm trải sự khổ đau và ưu buồn có sự sát-sinh là điều-kiện (duyên). Khi khổ đau và ưu buồn người đó gian-cắp … hành vi sai trái trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc) … nói-dối nói láo … nói lời độc-ác … nói lời gắt-gỏng nạt nộ … nói lời tầm-phào tán dóc … có một cái tâm ác-ý … nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và người đó nếm trải sự khổ đau và ưu buồn có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Đây được gọi là cách nhận lấy những thứ khổ và chín muồi thành khổ trong tương lai.

15. (2) "Này các Tỳ kheo, cái gì là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín muồi thành khổ trong tương lai? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người khi sướng và vui đã sát-sinh, và người đó nếm trải sự sướng và vui có sự sát-sinh là điều-kiện (duyên). Khi sướng và vui người đó gian-cắp … hành vi sai trái trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc) … nói-dối

nói láo … nói lời độc-ác … nói lời gắt-gỏng nạt nộ … nói lời tầm-phào tán dóc … có một cái tâm ác-ý … nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và người đó nếm trải sự sướng và vui có cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều- kiện (duyên). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục. Đây được gọi là cách nhận lấy những thứ khổ và chín muồi thành khổ trong tương lai.

16. (3) “Này các Tỳ kheo, cái gì là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người khi khổ đau và ưu buồn biết kiêng cữ sát-sinh, và người đó nếm trải sự sướng và vui có sự kiêng cữ sát-sinh là điều-kiện (duyên). Khi khổ đau và ưu buồn, người đó biết kiêng cữ gian-cắp … hành vi sai trái trong những khoái-lạc giác quan (dục lạc) … nói-dối nói láo … nói lời độc-ác … nói lời gắt-gỏng nạt nộ … nói lời tầm-phào tán dóc … có một cái tâm ác-ý … nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và người đó nếm trải sự sướng và vui có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời. Đây được gọi là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai.

17. (4) “Này các Tỳ kheo, cái gì là cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người khi sướng và vui biết kiêng cữ sát-sinh, và người đó nếm trải sự sướng và vui có sự kiêng cữ sát-sinh là điều-kiện (duyên). Khi sướng và vui, người đó biết kiêng cữ gian-cắp … hành vi sai trái trong những khoái- lạc giác quan (dục lạc) … nói-dối nói láo … nói lời độc-ác … nói lời gắt- gỏng nạt nộ … nói lời tầm-phào tán dóc … có một cái tâm ác-ý … nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và người đó nếm trải sự sướng và vui có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, thậm chí trong

một cõi trời. Đây được gọi là cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai.

(Những ví dụ)

18. (1) “Này các Tỳ kheo, ví dụ có nước khổ qua tẩm thuốc độc, và một người đến là người muốn sống, không muốn chết, muốn sướng và tránh khổ, và họ nói với anh ta: ‘Này bạn tốt, nước khổ qua này tẩm thuốc độc. Uống nó nếu anh muốn; khi uống nó, màu, mùi, và vị của nó sẽ không dễ chịu với anh, và sau khi uống nó anh sẽ chết hoặc đau đớn như chết.’ Rồi anh ta uống nó chứ không biết suy-xét và không tránh-bỏ nó. Khi anh ta uống nó, màu, mùi, và vị của nó không dễ chịu với với anh ta, và sau khi uống nó, anh ta chết hoặc đau đớn như chết. Ta nói rằng đây cũng giống như cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành khổ trong tương lai.

19. (2) “Ví dụ có một cái ly bằng đồng chứa thức uống có màu, mùi, và vị ngon, và một người đến là người muốn sống, không muốn chết, muốn sướng và tránh khổ, và họ nói với anh ta: ‘Này bạn tốt, ly đồng chứa thức uống có màu, mùi, và vị ngon nhưng nó có

tẩm thuốc độc. Uống nó nếu anh muốn; khi uống nó, màu, mùi, và vị của nó sẽ dễ chịu với anh, nhưng sau khi uống nó anh sẽ chết hoặc đau đớn như chết.' Rồi anh ta uống nó chứ không biết suy-xét và không tránh-bỏ nó. Khi anh ta uống nó, màu, mùi, và vị của nó dễ chịu với với anh ta, nhưng sau khi uống nó, anh ta chết hoặc đau đớn như chết. Ta nói rằng đây cũng giống như cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín muồi thành khổ trong tương lai.

20. (3) "Ví dụ có nước tiểu lên men trộn với nhiều thứ dược liệu, và một người đến là người bị bệnh vàng da, và họ nói với anh ta: 'Này bạn tốt, chỗ nước tiểu lên men này trộn với nhiều thứ thảo dược. Uống nó nếu anh muốn; khi uống nó, màu, mùi, và vị của nó sẽ không dễ chịu đối với anh, nhưng sau khi uống nó anh sẽ khỏe mạnh.' Rồi anh ta uống nó sau khi biết suy-xét và không tránh-bỏ nó. Khi anh ta uống nó, màu, mùi, và vị của nó

không dễ chịu với với anh ta, nhưng sau khi uống nó, anh ta khỏe mạnh. Ta nói rằng đây cũng giống như cách nhận lấy những thứ khổ bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai.

21. (4) "Ví dụ có sữa đông, mật ong, váng sữa, và mật đường trộn với nhau, và một người đến là người bị bệnh kiết lỵ, và họ nói với anh ta: 'Này bạn tốt, đây là sữa đông, mật ong, váng sữa, và mật đường trộn với nhau. Uống nó nếu anh muốn; khi uống nó, màu, mùi, và vị của nó sẽ dễ chịu với anh, và sau khi uống nó anh sẽ khỏe mạnh.' Rồi anh ta uống nó sau khi biết suy-xét và không tránh-bỏ nó. Khi anh ta uống nó, màu, mùi, và vị của nó dễ chịu với với anh ta, và sau khi uống nó, anh ta khỏe mạnh. Ta nói rằng đây cũng giống như cách nhận lấy những thứ sướng bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai.

22. "Giống như, trong mùa thu, vào tháng cuối của mùa mưa, khi trời trong và không mây, mặt trời mọc lên trái đất sẽ bằng sự tỏa sáng và sự chiếu sáng và sự phát sáng của nó xua tan màn đêm tối khỏi không gian. Cũng giống như vậy, cách nhận lấy những thứ là sướng bây giờ và chín muồi thành sướng trong tương lai sẽ bằng sự tỏa sáng và sự chiếu sáng và sự phát sáng của nó xua tan mọi giáo thuyết khác của những tu sĩ và bà-la- môn phàm thường."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

47. KINH NGƯỜI TRA XÉT (Vīmaṁsaka Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một người tra-xét, nhưng không biết cách đo lường tâm của người khác (bằng tâm của mình),482 thì người đó nên điều tra Như Lai để tìm

hiểu Như Lai có phải đã giác-ngộ hoàn toàn hay không.”

3. “Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.” “Vậy thì, này các Tỳ kheo, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.” “Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói điều này:

4. “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một người tra-xét, nhưng không biết cách đo lường tâm của người khác, thì nên điều tra Như Lai về hai loại trạng thái, những trạng thái có thể nhận biết được bằng mắt và bằng tai, như vầy: ‘Có những trạng thái ô nhiễm nào có thể nhận biết bằng mắt (hành-động) hay bằng tai (lời-nói) được tìm thấy trong Như Lai’ hay không?’483 Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Không có những trạng thái ô nhiễm nào nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.’

5. “Sau khi biết được điều này, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Có những trạng thái hỗn-hợp (lúc trong sạch, lúc ô nhiễm) nào có thể nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai’

hay không?484 Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Không có những trạng thái hỗn-hợp nào nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.’

6. Sau khi biết được điều này, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Có trạng thái thanh-sạch (đã thanh tẩy, đã sạch nhiễm) nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai’ hay không?’ Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Có những trạng thái thanh-sạch nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.’

7. “Sau khi biết được điều này, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Bậc Như Lai này đã chứng đắc trạng thái thiện lành này từ lâu, hay chỉ mới chứng?’ Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Bậc Như Lai này đã chứng đắc trạng thái thiện lành này từ lâu, không phải mới chứng.’

8. “Sau khi biết được điều này, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Bậc Như Lai này đã nổi tiếng và có danh tiếng, vậy có sự nguy-hại nào [liên quan tới sự nổi tiếng và danh tiếng] được tìm thấy trong bậc ấy, hay không?’ Bởi vì, này các Tỳ kheo, khi một tu sĩ chưa được nổi tiếng và chưa có danh tiếng thì những mối nguy-hại [liên quan tới sự nổi tiếng và danh tiếng, ví dụ như phát sinh tính tự cao, tự đại…] không được tìm thấy trong tu sĩ đó.485 Người đó điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Bậc Như Lai này đã nổi tiếng và có danh tiếng, nhưng những sự nguy-hại [liên quan tới sự nổi tiếng và danh tiếng] không được tìm thấy trong bậc ấy.’

9. “Sau khi biết được điều này, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Có phải rằng: bậc Như Lai này giữ giới không phải do sự sợ-hãi, không phải giữ giới do có sự sợ-hãi, và tránh bỏ sự hưởng thụ khoái-lạc giác-quan (dục lạc) bởi vì bậc ấy không còn nhục-dục (vô dục) thông qua sự (đã) tiêu diệt nhục-dục (diệt dục)?’ Khi điều tra Như

Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Đúng vậy: bậc Như Lai này giữ giới không phải do sự sợ-

KINH NGƯỜI TRA XÉT • 433

hãi, không phải giữ giới do có sự sợ-hãi, và tránh bỏ sự hưởng thụ khoái- lạc giác-quan (dục lạc) bởi vì bậc ấy không còn nhục-dục (vô dục) thông qua sự tiêu diệt nhục-dục (diệt dục).’

10. “Bây giờ, này các Tỳ kheo, nếu ai có hỏi vị Tỳ kheo đó như vầy: ‘Những lý do của thầy là gì và những bằng chứng của thầy là gì mà thầy đã nói rằng: “Bậc (Như Lai) này giữ giới không phải do sự sợ-hãi, không phải giữ giới do có sự sợ-hãi, và tránh bỏ sự hưởng thụ khoái-lạc giác- quan (dục lạc) bởi vì bậc ấy không còn nhục-dục thông qua sự tiêu diệt nhục-dục”?’—Để trả lời một cách đúng đắn, vị Tỳ kheo đó nên trả lời như vầy: ‘Cho dù bậc ấy (Như Lai) đang ở chung Tăng Đoàn hay ở một mình, trong đó có những Tỳ kheo hành xử đúng đắn (hành thiện), có những Tỳ kheo hành xử không đúng đắn (hành ác), và có những Tỳ kheo lo chỉ dạy cho nhóm Tỳ kheo khác,486 trong khi có những Tỳ kheo được thấy chỉ lo mấy thứ vật chất, và có những Tỳ kheo không bị ô nhiễm bởi những thứ vật chất, cho dù vậy bậc ấy (Như Lai) vẫn không khinh khi ai vì những điều đó.487 Và tôi đã nghe và học được điều này từ chính miệng của đức Thế Tôn: “Ta giữ giới không phải do sự sợ-hãi, không phải giữ giới do có sự sợ-hãi, và tránh bỏ sự hưởng thụ khoái-lạc giác-quan (dục lạc) bởi vì ta không còn nhục-dục (vô dục) thông qua sự tiêu diệt nhục-dục (diệt dục).”’

11. “Này các Tỳ kheo, Như Lai cần phải được chất vấn thêm như vầy: ‘Có những trạng thái ô-nhiễm nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai’ hay không?’ Như Lai sẽ trả lời như vầy: ‘Không có những trạng thái ô-nhiễm nào nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.

12. “Nếu hỏi rằng: ‘Có những trạng thái hỗn-hợp nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai’ hay không?’ Như Lai sẽ trả lời như vầy: ‘Không có những trạng thái hỗn-hợp nào nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.’

434 • Chương 5

13. “Nếu hỏi rằng: ‘Có những trạng thái thanh-sạch nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai’ hay không?’ Như Lai sẽ trả lời như vầy: ‘Có những trạng thái thanh-sạch nhận biết được bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai. Chúng là đường-đi của ta và trú-xứ của ta, nhưng ta không nhận chúng là ta, (không đồng hóa chúng với ta).488

14. “Này các Tỳ kheo, một người đệ tử nên đến gặp Vị Thầy đã nói ra những điều như vậy để nghe học Giáo Pháp (từ Vị Thầy đó). Vị Thầy đó sẽ chỉ dạy cho người đó Giáo Pháp theo trình tự từ thấp tới cao, từ cao tới siêu xuất hơn, với những mặt tối và mặt sáng đối tác của nó. Khi Vị Thầy chỉ dạy Giáo Pháp cho một Tỳ kheo theo cách như vậy, và thông qua sự trực-tiếp biết về một giáo lý nào đó ở đây trong Giáo Pháp đó, thì vị Tỳ

kheo đó sẽ đi đến (rút ra) một kết luận về những giáo lý.489 Vị Tỳ kheo đó đặt niềm-tin vào Vị Thầy như vầy: 'Đức Thế Tôn là bậc Toàn Giác, Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, Tăng Đoàn đang thực hành cách-thức tốt lành.'

15. "Bây giờ, này các Tỳ kheo, nếu ai có hỏi vị Tỳ kheo đó như vầy: 'Những lý do của thầy là gì và những bằng chứng của thầy là gì mà thầy đã nói rằng: "Đức Thế Tôn là bậc toàn-giác, Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, Tăng Đoàn đang thực hành cách- thức tốt lành"?'—Để trả lời một cách đúng đắn, vị Tỳ kheo đó nên trả lời như vầy: 'Ở đây, này các bạn, tôi đã đến gặp đức Thế Tôn để được nghe Giáo Pháp. Đức Thế Tôn đã chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo trình tự từ thấp tới cao, từ cao tới siêu xuất hơn, với những mặt tối và mặt sáng đối lập của nó. Khi đức Thế Tôn chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo cách như vậy, thông qua sự tự-biết trực tiếp ở đây về một giáo lý nào đó trong Giáo Pháp đó, tôi đã đi đến (rút ra) một kết luận về những giáo lý. Tôi đã đặt niềm- tin vào Vị Thầy như vầy: "Đức Thế Tôn là bậc toàn-giác, Giáo Pháp được giảng bày một cách hay khéo bởi đức Thế Tôn, Tăng Đoàn đang thực hành cách-thức tốt lành".'

16. "Này các Tỳ kheo, khi niềm-tin của bất cứ ai đã được gieo trồng, đã được bắt rễ, và đã được thiết lập vào Như Lai thông qua những lý lẽ, những thuật ngữ, và những câu chữ như vậy, thì niềm-tin của người đó coi đã được dựa trên những lý lẽ, được bắt rễ từ sự-thấy, là vững chắc;490 nó không thể bị phá hoại bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn nào hay trời thần nào hay Ma Vương hay bất kỳ ai trong thế gian. Này các Tỳ kheo, đó là cách điều tra về Như Lai theo đúng như Giáo Pháp, và đó là cách Như Lai được điều tra một cách khéo léo theo đúng như Giáo Pháp." Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

48. KINH NHỮNG NGƯỜI KOSAMBI (Kosambiya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita.

2. Bấy giờ, vào dịp đó có những Tỳ kheo ở Kosambī đã đang tranh luận và cãi vã và rớt vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những 'mũi dao' lời-nói. Họ không thuyết phục được bên kia và cũng không chịu thuyết phục bởi bên kia; họ không khuyên bảo được bên kia và cũng không chịu khuyên bảo bởi bên kia.491

3. Rồi một Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn về chuyện đang xảy ra.

4. Rồi đức Thế Tôn đã nói một Tỳ kheo: "Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với họ là Sư Thầy cho gọi họ."—"Dạ, thưa Thế Tôn", Tỳ kheo đó đáp lại và đi đến chỗ các Tỳ kheo và nói với họ: "Này các vị, Sư Thầy mới cho gọi các thầy." "Được, đạo hữu", họ đáp lại, và họ đến chỗ đức Thế Tôn, sau khi kính lễ đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên. Rồi Đức Thế Tôn đã hỏi họ:

“Này các Tỳ kheo, có đúng là các thầy đã đang tranh luận và cãi vã và rớt vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những ‘mũi dao’ lời-nói. Họ không thuyết phục được bên kia và cũng không chịu thuyết phục bởi bên kia; họ không khuyên bảo được bên kia và cũng không chịu khuyên bảo bởi bên kia?” “Dạ đúng vậy, thưa Thế Tôn”.

5. “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao? Khi các thầy dính vào sự tranh luận và cãi vã và rớt vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau

bằng những ‘mũi dao’ lời-nói, thì trong thời đó có thầy có giữ được những hành-vi từ-ái bằng thân, lời-nói, và tâm ở chỗ chung và chỗ riêng đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh, hay không?” “Không, thưa Thế Tôn”.

“Vậy thì, này các Tỳ kheo, khi các thầy dính vào sự tranh luận và cãi vã và rớt vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những ‘mũi dao’ lời-nói, trong thời đó các thầy có giữ được những hành-vi từ-ái bằng thân, lời-nói, và tâm ở chỗ chung và chỗ riêng đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Này những người lầm lạc, các thầy có thể biết được gì, các thầy có thể nhìn thấy gì mà các thầy dính vào sự tranh luận và cãi vã và rớt vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những ‘mũi dao’ lời-nói như vậy? Rằng các thầy không thuyết phục được bên kia và cũng không chịu thuyết phục bởi bên kia; các thầy không khuyên bảo được bên kia và cũng không chịu khuyên bảo bởi bên kia? Này những người lầm lạc, rằng điều đó sẽ dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho các thầy.”

6. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: “Này các Tỳ kheo, có sáu nguyên tắc để hòa-hợp492 tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. Sáu đó là gì? (1) “Ở đây, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình đều giữ những hành-vi thân từ-ái đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Đây là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. (2) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình đều giữ những hành-vi lời-nói từ-ái đối với những người đồng đạo

của mình trong đời sống tâm linh. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết. (3) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình đều giữ những hành-vi tâm từ-ái đối với những người đồng đạo của mình trong đời sống tâm linh. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo chia sẻ chứ không giữ lại những lợi lộc chân chính đã có được một cách chân chính (đúng theo Giáo Pháp), ngay cả thức ăn có được trong bình bát, và dùng những thứ đó chung với những đồng đạo của mình. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết. (5)

“Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình cùng có chung với những đồng đạo của mình loại giới-hạnh (có tính chất) lành mạnh, không sứt mẻ, không ô nhiễm, không vết nhơ, hướng tới giải thoát, được khen ngợi bởi bậc hiền trí, không dính chấp, dẫn đến sự định tâm. Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến … sự đoàn kết. (6) “Lại nữa, một Tỳ kheo khi ở chỗ chung và cả khi ở chỗ riêng một mình cùng có chung với những đồng đạo của mình cách-nhìn thánh thiện và mang tính giải-thoát (chánh kiến), và dẫn dắt một người tu tập đúng theo nó đi đến sự hoàn toàn diệt-khổ.493 Đây cũng là một nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. “Đây là sáu nguyên tắc để hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và đưa đến sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. 7. “Trong sáu nguyên tắc để hòa-hợp, thứ chính yếu, thứ gắn bó nhất, thứ đoàn kết nhất chính là cách-nhìn thánh thiện và mang tính giải-thoát, và nó dẫn dắt một người tu tập đúng theo nó đi đến sự hoàn toàn diệt-khổ.

Giống như thứ chính yếu, thứ gắn kết nhất, thứ đoàn kết nhất của một ngôi nhà mái nhọn chính là đỉnh mái nhà; cũng giống như vậy, trong sáu nguyên tắc để hòa-hợp, thứ chính yếu, thứ gắn bó nhất, thứ đoàn kết nhất chính là cách-nhìn thánh thiện và mang tính giải-thoát …

8. “Và theo cách nào cách-nhìn là thánh thiện và mang tính giải-thoát dẫn dắt một người tu tập đúng theo nó đi đến sự hoàn toàn diệt-khổ? (i) “Ở đây, một Tỳ kheo đi vô rừng, hay tới một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống, suy xét như vầy: ‘Có sự ám-muội nào chưa được dẹp bỏ trong ta để nó ám muội tâm ta nên ta không thể biết hay thấy những sự việc đúng như chúng thực là?’ Nếu một Tỳ kheo bị ám muội bởi tham-dục (tham), thì tâm người đó bị ám muội. Nếu người đó bị ám muội bởi sự ác- ý (sân), thì tâm người đó bị ám muội. Nếu người đó bị ám muội bởi sự đờ- đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên), thì tâm người đó bị ám muội. Nếu người đó bị ám muội bởi sự bất-an và hối-tiếc (trạo cử hối quá), thì tâm người đó bị ám muội. Nếu người đó bị ám muội bởi sự nghi-ngờ (nghi), thì tâm người đó bị ám muội. Nếu một Tỳ kheo mải mê trong sự suy đoán về thế giới này, thì tâm người đó bị ám muội. Nếu một Tỳ kheo mải mê trong sự suy đoán về thế giới khác, thì tâm người đó bị ám muội. Nếu một Tỳ kheo dính vào sự tranh luận và cãi vã và rớt vào những cuộc tranh chấp, đâm chọt lẫn nhau bằng những ‘mũi dao’ lời-nói, thì tâm người đó bị ám muội. “Người đó hiểu như vầy: ‘Không có sự ám-muội nào chưa được dẹp bỏ trong ta để nó có thể ám muội tâm ta làm ta không thể biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Tâm ta được khéo thiết lập để tỉnh thức (giác ngộ) tới sự-thật.’494 Đây là trí-biết đầu tiên được chứng ngộ bởi người đó, nó (trí-biết đó) là thánh thiện, siêu thế, không có được bởi người phàm thường.

9. (ii) “Lại nữa, một một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: ‘Khi tôi theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng cách-nhìn này, liệu tôi có tự mình đạt được sự vắng-lặng (định), liệu tôi có đạt được sự dập-tắt (diệt dục)?’.

“Người đó hiểu như vầy: ‘Khi tôi theo đuổi, tu tập, và tu dưỡng cách- nhìn này, tôi tự mình đạt được sự vắng-lặng, tôi tự mình đạt được sự dập- tắt.’ Đây là trí-biết thứ hai được chứng ngộ bởi người đó, nó là thánh thiện, siêu thế, không có được bởi người phàm thường.

10. (iii) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: ‘Có tu sĩ hay bà-la-môn nào bên ngoài [ngoài Tăng Đoàn của Phật] có được cách-nhìn như vậy mà tôi có được?’ Người đó hiểu như vầy: ‘Không có tu sĩ hay bà- la-môn nào bên ngoài [ngoài Tăng Đoàn của Phật] có được cách-nhìn như vậy mà tôi có được.’ Đây là trí-biết thứ ba được chứng ngộ bởi người đó, nó là thánh thiện, siêu thế, không có được bởi người phàm thường.

11. (iv) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: ‘Liệu tôi có được đặc-tính495 của một người có được cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)?’ Cái gì là đặc-tính của người có được cách-nhìn đúng đắn? Đây là đặc-tính của người có được cách-nhìn đúng đắn: mặc dù người đó có thể phạm vào (các) tội mà tội đó có một phương tiện để phục hồi đã được đặt ra,496 người đó vẫn lập tức thú tội, nói ra (không che giấu), và công khai nó cho Sư Thầy hoặc những đồng đạo hiền trí trong đời sống tâm linh, và sau khi đã làm vậy, người đó bước vào sự kiềm-chế trong tương lai. Giống như một đứa bé non nớn đang nằm sẽ lập tức rút lại khi tay hay chân nó chạm phải hòn than lửa; cũng giống như vậy, đó là đặc-tính của một người có được cách-nhìn đúng đắn. “Người đó hiểu như vầy: ‘Tôi có được đặc-tính của một người có được cách-nhìn đúng đắn.’ Đây là trí-biết thứ tư được chứng ngộ bởi người đó, nó là thánh thiện, siêu thế, không có được bởi người phàm thường.

12. (v) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: ‘Liệu tôi có được đặc-tính của một người có được cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)?’ Cái gì là đặc-tính của người có được cách-nhìn đúng đắn? Đây là đặc-tính của người có được cách-nhìn đúng đắn: mặc dù người đó có thể hoạt bát (làm) những việc khác nhau cho những người đồng đạo của mình trong

đời sống tâm linh, nhưng người đó vẫn có sự coi-trọng nhiệt tâm đối với việc tu tập phần giới-hạnh bậc cao (giới), tu tập phần tâm bậc cao (định), và tu tập phần trí-tuệ bậc cao (tuệ). Giống như một con bò mẹ có con bò con, khi nó đang gặm cỏ nó vẫn luôn để tâm chú ý tới con của nó; cũng giống như vậy, đó là đặc-tính của một người có được cách-nhìn đúng đắn.

13. “Người đó hiểu như vầy: ‘Tôi có được đặc-tính của một người có được cách-nhìn đúng đắn.’ Đây là trí-biết thứ năm được chứng ngộ bởi người đó, nó là thánh thiện, siêu thế, không có được bởi người phàm thường.

14. (vi) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: ‘Liệu tôi có được sức-mạnh của một người có được cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)?’ Cái gì là sức-mạnh của người có được cách-nhìn đúng đắn? Đây là sức- mạnh của người có được cách-nhìn

đúng đắn: khi Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được giảng dạy, người đó chú ý nó, chú tâm tới nó, gia nhập nó với tất cả tâm trí, nghe Giáo Pháp với một cái tai nhiệt tình. “Người đó hiểu như vầy: ‘Tôi có được sức-mạnh của một người có được cách-nhìn đúng đắn.’ Đây là trí-biết thứ sáu được chứng ngộ bởi người đó, nó là thánh thiện, siêu thế, không có được bởi người phàm thường.

15. (vii) “Lại nữa, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: ‘Liệu tôi có được sức-mạnh của một người có được cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)?’ Cái gì là sức-mạnh của người có được cách-nhìn đúng đắn? Đây là sức- mạnh của người có được cách-nhìn đúng đắn: khi Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai đang được giảng dạy, người đó đạt được niềm cảm-hứng trong ý-nghĩa, đạt được niềm cảm-hứng trong Giáo Pháp, đạt được niềm hoan-hỷ nối kết (câu hữu) với Giáo Pháp.497 “Người đó hiểu như vầy: ‘Tôi có được sức-mạnh của một người có được cách-nhìn đúng đắn.’ Đây là trí-biết thứ bảy được chứng ngộ bởi

người đó, nó là thánh thiện, siêu thế, không có được bởi người phàm thường.

16. “Khi một đệ tử thánh thiện như vậy có được bảy yếu-tố đó, người đó đã khéo léo tìm ra đặc-tính để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Khi một đệ tử thánh thiện như vậy có được bảy yếu-tố đó, người đó có được thánh quả Nhập-lưu.” 498 Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn.

49. KINH LỜI MỜI CỦA MỘT VỊ TRỜI (X) (Brahmanimantanika Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Jeta, trong Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo”—“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. “Này các Tỳ kheo, trong một lần ta đang sống ở Ukkaṭṭhā, trong Khu Vườn Subhaga, dưới gốc cây sāla hoàng gia.499 Bấy giờ, lúc đó có một quan-điểm độc hại đã khởi sinh trong vị Trời Brahmā Baka (Phạm thiên Baka) như vầy: ‘Đây là thường hằng, đây là trường tồn, đây là bất diệt, đây là tất cả, đây không bị phai biến; vì đây là nơi người ta không sinh không già không chết không qua đời không tái hiện, và không có sự giải thoát nào bên trên này nữa.’500

3. “Bằng tâm mình ta biết ý nghĩ này trong tâm của Trời Brahmā Baka, vì vậy nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, ta biến mất khỏi gốc cây sāla hoàng gia trong Khu Vườn Subhaga ở Ukkaṭṭhā và hiện ra trong cõi trời của vị Trời đó. Trời Brahmā Baka nhìn thấy ta đang đến từ xa và thưa: ‘Nào, mời Ngài! Đón chào Ngài! Thưa ngài, đã lâu từ lần trước ngài có cơ hội đến đây. Giờ, thưa ngài: “Đây là thường hằng, đây là trường tồn, đây là bất diệt, đây là tất cả, đây không bị phai biến; vì đây là nơi chúng sinh không sinh không già không chết không qua đời không tái hiện, và không có sự giải thoát nào bên trên này nữa.”’

4. “Sau khi điều này được nói ra, ta đã nói với Trời Brahmā Baka: ‘Vị Trời đáng kính đã sa ngã trong vô-minh; vị ấy đã sa ngã trong vô-minh nên mới nói về thứ vô-thường là thường hằng, thứ biến hoại là trường tồn, thứ không bất-diệt là bất diệt, thứ không hoàn toàn là tất cả, thứ phải bị phai biến là không bị phai biến, nơi chúng sinh bị sinh, già, chết, qua đời, và tái sinh là nơi chúng sinh không sinh không già không chết không qua

đời không tái hiện; và trong khi có sự giải thoát vượt trên chỗ này, vị ấy lại nói không có sự giải thoát nào bên trên này nữa.’

5. “Rồi Ma Vương Ác Ma đã bắt (nhập vào) một thành viên thuộc Hội Chúng của Vị Trời501 và (khiến thành viên đó) nói với ta: ‘Này Tỳ kheo, này Tỳ kheo, đừng có chê bai vị Trời, đừng chê bai vị Trời; bởi vì vị Trời này là bậc Trời Lớn (Đại Phạm thiên), bậc Thống Trị, bậc Tối Hạn (không thể vượt qua), bậc có Tầm-Nhìn bất khả sai, bậc Nắm Giữ Chủ Quyền, đấng Tạo Ra Trời và đấng Sáng Tạo, đấng Bảo Hộ Tối Cao, là Thầy và Cha của chúng sinh đã từng có và có thể có. Trước thời của ông, này Tỳ kheo, có những tu sĩ và bà-la-môn trong thế gian là những người đã lên án đất và kinh tởm với đất,502 lên án nước và kinh tởm với nước, lên án lửa và kinh tởm với lửa, lên án khí và kinh tởm với khí, lên án chúng sinh và kinh tởm với chúng sinh, lên án những thiên thần và kinh tởm với những thiên thần, lên án vị Trời Pajāpati và kinh tởm với vị Trời Pajāpati, lên án vị Trời Brahmā và kinh tởm với vị Trời Brahmā; và khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị thiết lập trong một thân thấp kém.503 Trước thời của ông, này Tỳ kheo, cũng có những tu sĩ và bà-la-môn trong thế gian là những người đề cao đất và vui thích với đất,504 đề cao nước và vui thích với nước, đề cao lửa và vui thích với lửa, đề cao khí và vui thích với khí, đề cao chúng sinh và vui thích với chúng sinh, đề cao những thiên thần và vui thích với những thiên thần, đề cao vị Trời Pajāpati và vui thích với vị Trời Pajāpati, đề cao vị Trời Brahmā và vui thích với vị Trời Brahmā; và khi thân tan rã, sau khi chết, họ được thiết lập trong một thân cao thượng.505 Do vậy, này Tỳ kheo, ta nói với ngài điều này: Hãy chắc chắn chỉ làm theo lời vị Trời Brahmā nói; không bao giờ làm sai lời của vị Trời Brahmā. Nếu ngài làm quá lời của vị Trời Brahmā, này Tỳ kheo, thì giống như một người dùng gậy gộc đánh đuổi nữ thần may mắn khi nữ thần đến gần, hoặc giống như một người với tay chân hụt khỏi mặt đất khi người đó tuột rớt xuống vực sâu, điều như vậy sẽ xảy đến với ngài, này Tỳ kheo. Hãy chắc chắn chỉ làm theo lời vị Trời Brahmā nói; không bao giờ làm sai lời của vị Trời Brahmā. Này Tỳ kheo, bộ ngài không nhìn thấy Hội Chúng

của vị Trời Brahmā đang ngồi ở đây hay sao?’ Và như vậy Ma Vương Ác Ma đã gọi ta chứng kiến Hội Chúng của Trời Brahmā.506

6. “Sau khi điều này được nói ra, ta mới nói với Ma Vương Ác Ma: ‘Ta biết ngươi, này Ác Ma. Đừng có nghĩ rằng ta không biết ngươi. Ngươi là Ma Vương, Ác Ma, và vị Trời Brahmā và Hội Chúng của Trời Assembly và những thành viên của Hội Chúng của Trời

Brahmā ở đây đều đã sa vào tay ngươi, họ đã bị sa vào quyền lực của ngươi. Này Ác Ma, ngươi nghĩ rằng ta cũng sẽ sa vào tay ngươi, cũng sẽ bị nằm trong quyền lực của ngươi; nhưng ta đã không sa vào tay ngươi, này Ác Ma, ta đã không sa vào quyền lực của ngươi.'

7. "Sau khi điều này được nói ra, vị Trời Brahmā Baka nói với ta: 'Thưa ngài, tôi nói về thứ thường hằng nó là thường hằng, về thứ trường tồn nó là trường tồn, về thứ tất cả nó là tất cả, về thứ không bị phai biến là nó không phải bị phai biến, về nơi chúng sinh không bị sinh, không già, không chết không qua đời không tái hiện là nói về nơi chúng sinh không bị sinh, không già, không chết không qua đời không tái hiện; và không có sự giải thoát nào bên trên chỗ này nữa, tôi nói không có sự giải thoát nào vượt trên chỗ này nữa. Trước thời của ngài, này Tỳ kheo, có những tu sĩ và bà-la-môn trong thế gian với sự tu khổ-hạnh của họ kéo dài suốt trọn đời. Họ đã biết được, khi có sự giải thoát khác bên trên thì có sự giải thoát khác bên trên, và khi không có sự giải thoát nào trên nữa thì không có sự giải thoát nào trên nữa. Cũng giống như vậy, này Tỳ kheo, tôi nói ngài điều này: Ngài sẽ không tìm thấy sự giải-thoát nào trên nữa, và cuối cùng ngài chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và thất vọng mà thôi. Nếu ngài nắm giữ đất, thì ngài sẽ gần với tôi, ở trong trú xứ của tôi, để tôi thực thi ý chí của tôi và trừng phạt.507 Nếu ngài nắm giữ nước … lửa … khí … chúng sinh … Trời Pajāpati … Trời Brahmā, thì ngài sẽ gần với tôi, ở trong trú xứ của tôi, để tôi thực thi ý chí của tôi và trừng phạt.'

8. "'Này Trời Brahmā Baka, ta cũng biết điều đó. Nếu ta nắm giữ đất, thì ta sẽ gần với ngài, ở trong trú xứ của ngài, để ngài thực thi ý chí của

ngài và trừng phạt. Nếu ta nắm giữ nước … lửa … khí … chúng sinh … những thiên thần … Trời Pajāpati … Trời Brahmā, thì ta sẽ gần với ngài, ở trong trú xứ của ngài, để ngài thực thi ý chí của ngài và trừng phạt.' Thêm nữa, ta hiểu được tầm với và ảnh hưởng của ngài rộng tới như vầy: Vị Trời Brahmā Baka có nhiều sức mạnh này, nhiều uy lực này, nhiều ảnh hưởng này.' "Theo ngài, làm sao ngài hiểu được tầm với và ảnh hưởng của ta rộng tới đâu?'

9. "'Bao xa mặt trời và mặt trăng tuần hoàn,
Tỏa sáng và chiếu sáng bốn phương,
Khắp một ngàn thế giới như vậy,
Quyền thống trị của ngài với tới bấy nhiêu xa.
Và ở đó ngài biết rõ người cao và người thấp,
Và người có tham-dục và người hết tham-dục,
Trạng thái là như vầy, hoặc trạng thái như vậy,
Biết rõ sự đến và sự đi của những chúng sinh.
"Này Trời Brahmā, ta hiểu được tầm với và ảnh hưởng của ngài rộng tới như vầy: Vị Trời Brahmā Baka có nhiều sức mạnh này, nhiều uy lực này, nhiều ảnh hưởng này.508

10. “‘Nhưng, này Trời Brahmā Baka, có ba thân khác mà ngài không biết hay thấy, và ta thì biết và thấy. Có thân được gọi là [những thiên thần] Phát Quang Thành Dòng (Quang âm thiên), từ cõi đó ngài đã qua đời và tái hiện ở đây.509 Bởi vì ngài đã sống ở đây quá lâu, nên trí nhớ của ngài đã sa sút, và do vậy ngài không biết hay thấy điều đó. Như vậy, này Trời Brahmā, nói về trí-biết trực tiếp ta đâu chỉ đứng ngang với trình độ của ngài, vậy sao ta có thể biết ít hơn ngài? Thay vì vậy, ta biết nhiều hơn ngài.510 “‘Có thân được gọi là [những thiên thần] Hào Quang Chói Lọi (Biến tịnh thiên) … Có thân được gọi là [những thiên thần] Phước Quả Lớn Lao

(Quảng quả thiên). Ngài không biết và không thấy, nhưng ta thì biết và thấy điều đó. Như vậy, này Trời Brahmā, nói về trí-biết trực tiếp ta đâu chỉ đứng ngang với trình độ của ngài, vậy sao ta có thể biết ít hơn ngài? Thay vì vậy, ta biết nhiều hơn ngài.

11. “‘Này Trời Brahmā, sau khi đã trực-tiếp biết đất là đất, và sau khi đã trực-tiếp biết thứ không cùng bản thể với tính chất đất của đất, ta đã không tuyên bố là đất, ta không tuyên bố ở trong đất, ta không tuyên bố ở ngoài đất, ta không tuyên bố đất là ‘của-ta’, ta không xác nhận đất.511 Như vậy, này Trời Brahmā, nói về trí-biết trực tiếp ta đâu chỉ đứng ngang với trình độ của ngài, vậy sao ta có thể biết ít hơn ngài? Thay vì vậy, ta biết nhiều hơn ngài.

10.–23. “‘Này Trời Brahmā, sau khi đã trực-tiếp biết nước là nước … lửa là lửa … khí là khí … … chúng sinh là chúng sinh … những thiên thần là những thiên thần … Trời Pajāpati là Trời Pajāpati … Trời Brahmā là Trời Brahmā … những thiên thần Phát Quang Thành Dòng là những thiên thần Phát Quang Thành Dòng … những thiên thần Hào Quang Chói Lọi là những thiên thần Hào Quang Chói Lọi … những thiên thần Phước Quả Lớn Lao là những thiên thần Phước Quả Lớn Lao … những thiên thần Trời Trên là những thiên thần Trời Trên (Bá chủ thiên) … tất cả là tất cả, và sau khi đã trực-tiếp biết thứ không cùng bản thể với tính chất tất cả của sự tất-cả, ta đã không tuyên bố là tất cả, ta không tuyên bố ở trong tất cả, ta không tuyên bố ở ngoài tất cả, ta không tuyên bố tất cả là ‘của-ta’, ta không xác nhận tất cả. Như vậy, này Trời Brahmā, nói về trí-biết trực tiếp ta đâu chỉ đứng ngang với trình độ của ngài, vậy sao ta có thể biết ít hơn ngài? Thay vì vậy, ta biết nhiều hơn ngài.’

24. “‘Thưa ngài, nếu như đó không cùng bản thể với tính chất tất cả của sự tất-cả, vậy hóa ra nó thành trống không và trống rỗng đối với ngài hay sao!’ 512

25. “‘Thức không hiện thị,

Vô biên, chiếu sáng khắp nơi: 513 đó không có cùng bản thể với tính chất đất của đất, đó không có cùng bản thể với tính chất nước của nước … đó không phải cùng bản thể với tính chất tất cả của sự tất-cả.’

26. “‘Thưa ngài, tôi sẽ biến mất khỏi ngài’. “‘Hãy biến mất khỏi ta nếu ngài có thể, này Trời Brahmā Baka.’ “Rồi Trời Brahmā Baka nói: ‘Tôi sẽ biến mất khỏi sa-môn Cồ-đàm,

Tôi sẽ biến mất khỏi sa-môn Cồ-đàm', nhưng sau đó không thể biến mất. Lúc đó ta mới nói: 'Này Trời Brahmā Baka, ta sẽ biến mất khỏi ngài'. "'Hãy biến mất khỏi tôi nếu ngài có thể, này ngài Cồ-đàm' "Rồi ra đã thực hiện một màn thần thông làm cho Trời Brahmā và Hội Chúng của Trời Brahmā chỉ còn nghe giọng nói của ta chứ không còn nhìn thấy ta. Sau khi đã biến mất, ta thốt ra lời thi kệ:

27. "'Sau khi đã nhìn thấy sự đáng-sợ trong sự hiện-hữu; Và sau khi [đã nhìn thấy] rằng sự hiện-hữu sẽ chấm dứt, Ta không đón chào bất kỳ loại hiện-hữu nào, Ta cũng không dính chấp theo sự vui-thích.'514

28. "Lúc đó vị Trời Brahmā và Hội Chúng của Trời Brahmā và những thành viên của Hội Chúng đó đã ngạc nhiên bởi sự thần diệu và sự tuyệt vời, họ nói: 'Thật kỳ diệu, thưa ngài, thật tuyệt vời là nghị lực lớn lao và uy lực lớn lao của sa-môn Cồ-đàm! Trước đây chúng tôi chưa từng nhìn thấy hay nghe thấy có tu sĩ hay bà-la-môn nào có được loại nghị lực và uy lực lớn lao có được bởi Sa-môn Cồ-đàm, người đã xuất gia từ một họ tộc Thích-Ca (Sakya). Thưa các ngài, mặc dù đã sống trong một thế hệ vui thích sự hiện-hữu, thích thú với sự hiện-hữu, vui mừng với sự hiện-hữu, nhưng bậc ấy đã đoạn tuyệt sự hiện-hữu với gốc rễ của nó.'

29. "Rồi Ma Vương Ác Ma đã bắt (nhập vào) một thành viên của Hội Chúng của Trời Brahmā Baka và (khiến thành viên đó) nói với ta: 'Này

ngài, nếu đó là cái ngài biết, nếu đó là cái ngài đã khám phá, thì đừng hướng dẫn cho những đệ tử [tại gia] của ngài hay những đệ tử xuất gia, đừng chỉ dạy Giáo Pháp cho những người [tại gia] đang khao khát thành những đệ tử [tại gia] hay đệ tử xuất gia. Này Tỳ kheo, trước thời của ngài có những tu sĩ và bà-la-môn trong thế gian tuyên bố đã tu-thành và bậc toàn-giác, và họ đã hướng dẫn những đệ tử [tại gia] của họ và hay những đệ tử xuất gia, họ đã chỉ dạy Giáo Pháp cho những người [tại gia] khao khát thành những đệ tử [tại gia] hay đệ tử xuất gia; và khi thân tan rã, sau khi chết, họ đã trở thành được thiết lập trong một thân thấp xấu (cảnh giới khổ đau đày đọa). Này Tỳ kheo, trước thời của ngài có những tu sĩ và bà- la-môn trong thế gian tuyên bố đã tu-thành và bậc toàn-giác, nhưng họ đã không hướng dẫn những đệ tử [tại gia] của họ hay những đệ tử xuất gia, họ đã không chỉ dạy Giáo Pháp cho những người [tại gia] khao khát thành những đệ tử [tại gia] hay đệ tử xuất gia; và khi thân tan rã, sau khi chết, họ đã trở thành được thiết lập trong một thân cao thượng (cảnh giới cõi trời). Do vậy, này Tỳ kheo, tôi nói với ngài điều này: Này Tỳ kheo, ngài phải chắc chắn luôn an trú 'không-làm-gì', cứ dành hết cho sự lạc trú ngay trong kiếp này [ở đây và bây giờ]; tốt hơn là không công khai (những gì đã khám phá) cho ai khác, và do vậy, này ngài, đừng có chỉ dạy cho bất cứ ai khác.' 515

30. "Sau khi điều này được nói ra, ta đã nói với Ma Vương Ác Ma: 'Ta biết ngươi, này Ác Ma. Đừng có nghĩ ta không biết ngươi. Ngươi là Ma Vương, Ác Ma. Ngươi nói điều đó như vậy là không có sự bi-mẫn đối với ích-lợi của họ, ngươi nói điều đó như vậy là không có sự bi-mẫn đối với ích-lợi của họ. Này Ác Ma, ngươi đang nghĩ như vầy:

“Những ai mà sa- môn Cồ-đàm truyền dạy Giáo Pháp sẽ không thoát khỏi lãnh địa của ta.” Này Ác Ma, những tu sĩ và bà-la-môn ‘của ngươi’, những người tuyên bố bậc toàn-giác, là không phải giác-ngộ toàn thiện. Nhưng ta, người tuyên bố bậc toàn-giác, là bậc toàn-giác. Này Ác Ma, nếu Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho những đệ tử, thì Như Lai vẫn là vậy, và nếu Như Lai không chỉ dạy Giáo Pháp cho những đệ tử, thì Như Lai vẫn là như vậy.516 Này Ác

Ma, nếu Như Lai hướng dẫn những đệ tử, thì Như Lai vẫn là vậy, và nếu Như Lai không hướng dẫn những đệ tử, thì Như Lai vẫn là như vậy. Vì sao vậy? Bởi vì Như Lai đã trừ bỏ những ô-nhiễm (là những thứ) làm ô nhiễm (cái tâm), đưa đến sự tái hiện-hữu, mang lại rắc rối, chín muồi thành sự khổ đau, và dẫn tới sự sinh, già, chết trong tương lai; bậc ấy đã cắt bỏ chúng tận gốc, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai. Ví như một cây cọ có phần thân trên đã bị cắt đi thì không còn khả năng mọc lên nữa; cũng giống như vậy, Như Lai đã cắt bỏ tận gốc những ô-nhiễm (là những thứ) làm ô nhiễm, đã làm chúng thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ chúng để không còn khởi sinh trong tương lai.’”

31. Vậy đó, bởi vì Ma Vương đã không thể đối đáp lại nữa, và bởi vì [chuyện kinh bắt đầu] bằng lời mời của vị Trời Brahmā nên bài thuyết giảng này được đặt tên là “Thể Theo Lời Mời Của Một Vị Trời Brahmā.”

50. KINH LỜI QUỞ TRÁCH MA VƯƠNG (Māratajjanīya Sutta)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần có Ngài Đại Mục-kiền-liên đang sống trong nước Bhagga, ở Suṁsumāragira, trong khu Rừng Bhesakaḷā, trong khu Vườn Nai.

2. Bấy giờ, vào lúc đó thầy Đại Mục-kiền-liên đang đi lên đi xuống ở ngoài trời. Và lúc đó Ma Vương Ác Ma đã chui vào bụng thầy Mục-kiền- liên và chui xuống ruột. Rồi thầy Mục-kiền-liên suy xét: “Tại sao bụng của ta nặng nề quá? Ai cũng sẽ nghĩ nó đang chứa đầy hạt đậu.” Vì vậy thầy bỏ đi dạo và đi về chỗ trú, ở đó thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn.

3. Sau khi thầy ngồi xuống, thầy mới chú-tâm tới thân mình và nhìn thấy Ma Vương Ác Ma đã chui vào bụng mình và chui xuống ruột. Khi thầy nhìn thấy điều này, thầy nói: “Hãy chui ra, này Ác Ma! Hãy chui ra, này Ác Ma! Đừng chọc phá Như Lai, đừng chọc phá đệ tử của Như Lai, nếu không điều đó sẽ dẫn đến sự nguy-hoại và khổ-đau dài lâu cho ngươi.”

4. Rồi Ma Vương Ác Ma nghĩ: “Sa-môn này không biết ta, ông ta không nhìn thấy ta khi ông ta nói như vậy. Ngay cả thầy của ông ta (tức Phật) còn không thấy ta nhanh như vậy, làm sao một đệ tử có thể biết ta như vậy?”

5. Rồi thầy Mục-kiền-liên mới nói: “Dù vậy ta vẫn biết ngươi, này Ác Ma. Đừng có nghĩ ta không biết ngươi. Ngươi là Ma Vương Ác Ma. Này Ác Ma, ngươi đang nghĩ như vầy: ‘Sa-môn này không biết ta, ông ta không nhìn thấy ta khi ông ta nói như vậy. Ngay cả thầy của ông ta còn không thấy ta nhanh như vậy, làm sao một đệ tử có thể biết ta như

vậy?’”

6. Rồi Ma Vương Ác Ma nghĩ: “Sa-môn này biết ta, ông đã nhìn thấy ta khi ông nói như vậy”, và do vậy hắn đã chui ra khỏi miệng của thầy Mục- kiền-liên và đứng dựa vào thanh chắn cửa.

7. Thầy Mục-kiền-liên nhìn thấy hắn đứng đó và nói: “Ta cũng nhìn thấy ngươi ở đó, này Ác Ma. Đừng có nghĩ ta không nhìn thấy ngươi. Ngươi đang đứng dựa thanh chắn cửa, này Ác Ma.

8. “Này Ác Ma, đã từng có lần trong tiền kiếp lúc đó ta là Ma Vương tên Dūsī517 và ta có một em gái của ta tên là Kālī. Ngươi là con của cô ta, ngươi từng là cháu cậu của ta.

9. “Bấy giờ, vào thời đó có Đức Phật Câu-lưu-tôn [Đức Thế Tôn Kaku- sandha], bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã xuất hiện trong thế gian đó.518 Đức Phật Câu-lưu-tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, có một cặp phúc lành hai đại đệ tử tên là Vidhura và Sañjīva. Trong tất cả những đệ tử của Đức Phật Câu-lưu-tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, không có ai sánh bằng Ngài Vidhura về chỉ dạy Giáo Pháp. Đó là cách mà Ngài Vidhura đã được gọi bằng tên ‘Vidhura’ (Người vô đối) đó.519 Còn Ngài Sañjīva thì, sau khi đi vô rừng hay đến chỗ gốc cây hay một chòi, có thể chứng nhập trong trạng thái “diệt thọ tưởng” [sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác].

10. “Này Ác Ma, từng xảy ra một lần rằng Ngài Sañjī ngồi dưới một gốc cây và chứng nhập trong trạng thái ‘diệt thọ tưởng’. Một số người chăn bò, chăn cừu, dân cày, và khách lữ hành nhìn thấy Ngài Sañjīva đang ngồi dưới một gốc cây sau khi đã chứng nhập trong trạng thái ‘diệt thọ tưởng’, và họ nghĩ rằng: ‘Thật kỳ diệu, này các ông; thật tuyệt vời, này các ông! Sa-môn này đã chết khi đang ngồi. Hãy thiêu xác ông ta.’ Rồi họ thu nhặt cỏ, củi, và phân bò, và sau khi chất đống quanh người Ngài Sañjīva, họ đốt lửa và bỏ đi.

11. “Bấy giờ, này Ác Ma, khi đêm đã hết, Ngài Sañjīva thoát ra khỏi trạng thái chứng thiền đó.520 Ngài giũ áo cà sa, và rồi, trời đã sáng, ngài mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng để khất thực. Những người chăn bò, chăn cừu, dân cày, và khách lữ hành đó nhìn thấy Ngài

Sañjīva đang đi khất thực, và họ nghĩ: ‘Thật kỳ diệu, này các ông; thật tuyệt vời, này các ông! Vị sa-môn đã chết khi ngồi giờ đã sống trở lại!’ Đó là cách mà Ngài Sañjīva đã được gọi bằng tên ‘Sañjīva’ (Người sống sót) đó.521

12. “Sau đó, này Ác Ma, Ma Vương Dūsī đã suy tính như vầy: ‘Có những Tỳ kheo đức-hạnh có phẩm tính tốt, nhưng ta không biết sự đến hay sự đi của họ. Vậy giờ ta bắt (nhập vào, thu phục) những gia chủ bà-la- môn và sai họ: “Nào, hãy nhục mạ, mắng, chửi, và chọc phá những Tỳ kheo đức-hạnh có phẩm tính tốt; rồi có lẽ, khi họ bị nhục mạ, mắng, chửi, và chọc phá bởi các ông, sẽ có sự thay đổi trong tâm của họ thì lúc đó

Ma Vương Dūsī có thể tìm thấy cơ hội (để chi phối họ).”’522

13. “Rồi, này Ác Ma, Ma Vương Māra Dūsī đã bắt những gia chủ bà- la-môn và sai họ: ‘Nào, hãy nhục mạ, mắng, chửi, và chọc phá những Tỳ kheo đức-hạnh có phẩm tính tốt; rồi có lẽ, khi họ bị nhục mạ, mắng, chửi, và chọc phá bởi các ông, sẽ có sự thay đổi trong tâm của họ thì lúc đó Ma Vương Dūsī có thể tìm thấy cơ hội (chi phối họ).’ Rồi, khi Ma Vương Dūsī đã bắt những gia chủ bà-la-môn, và họ đã nhục mạ, mắng, chửi, và chọc phá những Tỳ kheo đức-hạnh có phẩm tính tốt như vầy:523 ‘Những sa-môn đầu trọc này, là dòng giống nô bộc đen thủi được sinh từ bàn chân của Người Thân Tộc,524 cứ tuyên bố rằng: “Chúng tôi là những người thiền, chúng tôi là những người thiền!” và với hai vai rũ xuống, đầu cúi xuống, và tất cả mềm nhũng, họ thiền, thiền trước, thiền ngoài, và thiền sai.525 Giống như con cú trên cành cây khi đang rình một con chuột thì như thiền, thiền trước, thiền ngoài, và thiền sai, hoặc giống như một con chó rừng (giả can) bên bờ sông khi đang rình một con cá thì như thiền, thiền trước, thiền ngoài, và thiền sai, hoặc giống như con mèo, khi đang rình một con chuột ở đầu hẻm hay cống rảnh hay thùng rác thì như thiền, thiền trước, thiền ngoài, và thiền sai, hoặc giống như con lừa không chở đồ khi đang đứng cạnh cột cửa hay thùng rác hay cống rảnh thì như thiền, thiền trước, thiền ngoài, và thiền sai. Cũng giống như vậy, những sa-môn

đầu trọc này, là dòng giống nô bộc đen thủi được sinh từ bàn chân của Người Thân Tộc, cứ tuyên bố rằng: “Chúng tôi là những người thiền, chúng tôi là những người thiền!” và với hai vai rũ xuống, đầu cúi xuống, và tất cả mềm nhũn, họ thiền, thiền trước, thiền ngoài, và thiền sai.’ Bấy giờ, này Ác Ma, trong thời đó hầu hết những chúng sinh (bà-la-môn) đó, khi thân tan rã, sau khi chết, họ đã bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

14. “Lúc đó Đức Phật Câu-lưu-tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã nói với các Tỳ kheo như vầy: ‘Này các Tỳ kheo, Ma Vương Dūsī đã bắt những gia chủ bà-la-môn và sai họ: “Nào, hãy nhục mạ, mắng, chửi, và chọc phá những Tỳ kheo … lúc đó Ma Vương Dūsī có thể tìm thấy cơ hội (để chi phối họ).” Này các Tỳ kheo, hãy an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, các thầy an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý. “Hãy an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự bi- mẫn (tâm bi) … sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, trên, dưới, dọc, ngang, và khắp mọi nơi, và đối với tất cả cũng như đối với bản thân mình, các thầy an trú bao trùm toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn … sự tùy-hỷ … sự buông-xả, rộng lớn, bao la, vô lượng, không còn hung-dữ, không còn ác-ý.’ 526

15. “Vậy đó, này Ác Ma, khi những Tỳ kheo đó đã được khuyên dạy và chỉ thị như vậy bởi Đức Phật Câu-lưu-tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, thì sau đó, họ đã đi vô rừng hoặc

đến một gốc cây hoặc một chòi trống, họ đã an trú bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự từ-ái (tâm từ) … với một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) … với một cái tâm thấm

đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) … với một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả) … không còn hung-dữ, không còn ác-ý.’

16. “Rồi, này Ác Ma, lúc đó Ma Vương Dūsī lại suy tính như vầy: ‘Cho dù ta có làm gì như ta đang làm, ta vẫn không biết được sự đến và sự đi của những Tỳ kheo đức-hạnh có phẩm tính tốt này. Vậy giờ ta nên bắt những gia chủ bà-la-môn và sai họ: “Nào, hãy tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những Tỳ kheo đức-hạnh có phẩm tính tốt; rồi có lẽ, sau khi họ được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính bởi các ông, sẽ có sự thay đổi trong tâm của họ thì lúc đó Ma Vương Dūsī có thể tìm thấy cơ hội (để chi phối họ).”’527

17. “Rồi, này Ác Ma, Ma Vương Dūsī bắt những gia chủ bà-la-môn và sai họ: “Nào, hãy tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những Tỳ kheo đức-hạnh có phẩm tính tốt; rồi có lẽ, sau khi họ được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính bởi các ông, sẽ có sự thay đổi trong tâm của họ thì lúc đó Ma Vương Dūsī có thể tìm thấy cơ hội (để chi phối họ).” Rồi, sau khi Ma Vương đã bắt những gia chủ bà-la-môn và sai họ, họ đã tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những Tỳ kheo đức-hạnh có phẩm tính tốt. Bấy giờ, này Ác Ma, trong thời đó hầu hết những chúng sinh (bà-la-môn) đó, khi thân tan rã, sau khi chết, họ đã bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, thậm chí trong địa ngục.

18. “Lúc đó Đức Phật Câu-lưu-tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã nói với các Tỳ kheo như vầy: ‘Này các Tỳ kheo, Ma Vương Dūsī đã bắt những gia chủ bà-la-môn và sai họ: “Nào, hãy tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những Tỳ kheo … lúc đó Ma Vương Dūsī có thể tìm thấy cơ hội (để chi phối họ).” Này các Tỳ kheo, hãy an trú (i) quán sát sự ô-uế (không sạch, không hấp dẫn) trong thân, (ii) nhận thức sự gớm-ghiếc (đáng ghê tởm) trong thức ăn, (iii) nhận thức sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, (iv) quán sát tính vô-thường trong tất cả những sự tạo- tác.’528

19. “Vậy đó, này Ác Ma, khi những Tỳ kheo đó đã được khuyên dạy và chỉ thị như vậy bởi Đức Phật Câu-lưu-tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, thì sau đó, họ đã đi vô rừng hoặc đến một gốc cây hoặc một chòi trống, họ đã an trú (i) quán sát sự ô-uế (không sạch, không hấp dẫn) trong thân, (ii) nhận thức sự gớm-ghiếc (đáng ghê tởm) trong thức ăn, (iii) nhận thức sự không thích-thú trong toàn bộ thế gian, (iv) quán sát tính vô-thường trong tất cả những sự tạo-tác.’.

20. “Rồi, vào buổi sáng, Đức Phật Câu-lưu-tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn- giác, mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô làng để khất thực, cùng với ngài Vidhura là người hầu cận của mình.

21. “Lúc đó Ma Vương Māra Dūsī đã bắt một bé trai (và khiến) nó cầm một cục đá đánh vào đầu ngài Vidhura và làm rách đầu chảy máu. Với máu chảy từ trên đầu, ngài Vidhura vẫn theo sát Đức Phật Câu-lưu-tôn, bậc A-la-hán và bậc toàn-giác. Rồi Đức Phật Câu-lưu-tôn, bậc A-la-hán, bậc toàn-giác, đã quay lại và nhìn Ma Vương với một cái nhìn của voi: ‘Ma Vương Dūsī không biết giới hạn là gì.’ Và với cái nhìn đó, này Ác Ma, Ma Vương Dūsī đã rớt ngay tại đó và và tái hiện trong Đại Địa Ngục.529

22. “Bây giờ, này Ác Ma, có ba tên gọi của Đại Địa Ngục: địa ngục của sáu cơ-sở tiếp xúc (sáu giác-quan), địa ngục của sự đóng ghim bằng cọc sắt, và địa ngục tự mình cảm nhận.530 Rồi, này Ác Ma, những người cai ngục đã đến nói với ta (tức thầy Mục-kiền-liên lúc đó là Ma Vương Dūsī): ‘Này ngài, khi các cọc ghim đụng nhau trong tim ngài, thì ngài sẽ biết được: “Mình đã bị nướng trong địa ngục một ngàn năm.”’

23. “Này Ác Ma, đã nhiều năm, đã nhiều trăm năm, đã nhiều ngàn năm, ta đã bị nướng trong Đại Địa Ngục đó. Đã nhiều triệu năm ta đã bị nướng trong những khu phụ cận (nằm bọc quanh) Đại Địa Ngục đó, nếm trải cảm-giác được gọi là sự nổi lên (hiện thành, hiện ra) từ sự chín muồi (của nghiệp?).531 Này Ác Ma, lúc đó thân ta có cùng dạng thân người, nhưng đầu ta có hình dạng đầu cá.

24. Địa ngục nào có thể được sánh với,
Nơi nướng cháy Dūsī,
Kẻ tấn công vị đệ tử Vidhura
Và bà-la-môn Câu-lưu-tôn [Kakusandha]?532
Những cọc thép, thậm chí tới một trăm,
Mỗi người chịu đau đớn riêng;
Những thứ này có thể sánh với địa ngục,
Nơi nướng Dūsī,
Kẻ tấn công vị đệ tử Vidhura
Và bà-la-môn Câu-lưu-tôn.
Này Hắc Ma, người phải bị khiếp khổ,
Bởi đã tấn công một Tỳ kheo như vậy,
Là một đệ tử của bậc Giác Ngộ,
Bậc ấy trực-tiếp biết điều này.
25. “Giữa đại dương có những lâu đài,
Trường tồn cả đại kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu.
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.
Này Hắc Ma, người phải bị khiếp khổ …
Bậc ấy trực-tiếp biết điều này.

26. “Ta là người, sau khi được giáo giới
Bởi đích thân bậc Giác Ngộ (Phật Thích-Ca),
Đã làm rung chuyển Lâu Đài của Mẹ của Migāra
Bằng ngón chân mình, cả Tăng Đoàn chứng kiến.533
Này Hắc Ma, người phải bị khiếp khổ ...
Bậc ấy trực-tiếp biết điều này.
460 • Chương 5

27. “Ta là người, vận dụng chắc chắn
Sức mạnh những thần thông,
Làm rung chuyển Cung Điện Vejayanta
Bằng ngón chân, để đánh động những thiên thần:534
Này Hắc Ma, người phải bị khiếp khổ ...
Bậc ấy trực-tiếp biết điều này.
28. “Ta là người, trong cung điện đó,
Đã đặt câu hỏi này cho Đế-thích (Sakka):
‘Vậy thì, này đạo hữu, ông có biết
Sự giải-thoát trong sự tiêu diệt sạch dục-vọng?’
Rồi Đế-thích đã trả lời
Đúng với câu hỏi đã đặt ra cho ông:535
Này Hắc Ma, người phải bị khiếp khổ ...
Bậc ấy trực-tiếp biết điều này.
29. “Ta là người nghĩ đến việc đặt câu hỏi này
Cho Trời Brahmā trong Sảnh Đường Sudhamma ở cõi trời:
‘Này đạo hữu, trong ngài có còn thấy tà-kiến
Mà ngài đã từng chấp nhận?
Ngài có nhìn thấy sự chiếu sáng
Vượt trên sự chiếu sáng trong cõi trời Brahmā?’
Rồi Trời Brahmā đã trả lời câu hỏi của ta
Một cách đúng thực và đúng theo thứ tự:
‘Thưa thầy, không còn tìm thấy trong tôi,
Loại tà-kiến mà tôi từng chấp giữ;
Đúng thực tôi nhìn thấy sự chiếu sáng
Vượt trên sự chiếu sáng trong cõi trời Brahmā.
Hôm nay, làm sao tôi có thể còn cố chấp
Rằng tôi là thường hằng và bất diệt?’536
Này Hắc Ma, người phải bị khiếp khổ ...
KINH LỜI QUỞ TRÁCH MA VƯƠNG • 461

Bậc ấy trực-tiếp biết điều này.

30. “Ta là người, bằng sự giải-thoát,
Đã chạm tới đỉnh Núi Sineru (Tu-di),
Đã ghé thăm khu vườn của những người Pubbavideha
Và mọi nhân chủng sống trên mặt đất.537
Này Hắc Ma, người phải bị khiếp khổ,
Bởi đã tấn công một Tỳ kheo như vậy,
Là một đệ tử của bậc Giác Ngộ,
Bậc ấy trực-tiếp biết điều này.
31. “Đâu bao giờ tìm thấy thứ lửa nào
Có ý định: ‘Ta sẽ đốt cháy kẻ ngu’,
Nhưng một kẻ ngu là kẻ tấn công lửa,
Thì sẽ bị đốt cháy bởi chính hành động đó của mình.
Tương tự giống ngươi, này Ma Vương:
Bằng sự tấn công Như Lai,
Chả khác một kẻ ngu chơi đùa với lửa
Là ngươi tự đốt cháy chỉ chính mình.
Bằng sự tấn công Như Lai,
Ngươi đã tạo nhiều thất-phước.
Này Ác Ma, có phải ngươi tưởng rằng
Ý chí xấu ác của ngươi không chín muồi thành (quả báo) hay sao?
Làm những điều ác như vậy, ngươi tích lũy nghiệp ác,
Sẽ kéo dài đau đớn, này Kẻ Tạo Nên Sự Kết Thúc!
Này Ma Vương, hãy tránh mặt Như Lai,
Không trêu chọc phá hại những Tỳ kheo.”
Vậy đó, vị Tỳ kheo (Mục-kiền-liên) đã trừng phạt Ma Vương,
Trong khu rừng rậm Bhesakaḷā.
Ngay đó hồn ma u ám đó,
Đã biến mất tức thời ngay tại đó.
462 • Chương 5

HẾT QUYỂN 1

BẢNG VIẾT TẮT (trong phần CHÚ THÍCH)

∗ AN = Aṇguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi (Tăng Chi Kinh Bộ) BBS = Burmese-script Buddhasāsana Samiti: Ấn bản Kết Tập Kinh Điển Phật Giáo bằng tiếng Miến Điện BPS = Buddhist Publication Society: Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan CPD = Critical Pāli Dictionary: Tự Điển Pāli Phê Bình (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch) Cv = Cūḷavagga: phần Tiểu Phẩm (thuộc bộ Hợp Phần, thuộc Luật Tạng) Dhp = Dhammapada: tập kinh Pháp Cú ∗ DN = Dīgha Nikāya: Bộ Kinh Dài (Trường Kinh Bộ) Jāt hay Ja: = Jātaka: tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật (thuộc KN) Kh = Khandhaka: bộ Hợp Phần (bộ thứ hai thuộc Luật Tạng) MA = Majjhima Nikāya

Aṭṭhakathā: Luận Giảng Trung Kinh Bộ (Hầu hết những chú-giải trong bản dịch này là của MA). Miln = Milindapañha: tập Milinda Vấn Đáp (thuộc KN) MLS = Middle Length Sayings: Bộ Kinh Trung bản dịch của Horner. * MN = Majjhima Nikāya: Bộ Kinh Trung Ms: bản dịch Bộ Kinh Trung bằng chữ viết tay của nhà sư Ñāṇamoli MṬ = Majjhima Nikāya Ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh Trung Mv = Mahāvagga: phần Đại Phẩm (thuộc bộ Hợp Phần, thuộc Luật Tạng) Ñm = Bhikkhu Ñāṇamoli: người dịch Bộ Kinh Trung với bản thảo Ms nói trên Pāc = Pācittiya: phần Ưng Đối Trị (phần thứ nhất, thuộc bộ Phân Tích Giới Bổn, thuộc Luật Tạng)

Pār = Pārājika: phần Bất Cộng Trụ (phần thứ hai, thuộc bộ Phân Tích Giới Bổn, thuộc Luật Tạng) PED = Pali-English Dictionary: Tự Điển Pali-Anh (của PTS) PTS = Pali Text Society: Hội Kinh Điển Pali Pṭs = Paṭisambhidāmagga: bộ Phân Tích Đạo (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng) Pug = Puggalapaññatti: bộ Nhân Chế Định (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng) SBJ = Sinhala-script Buddha Jayanti Tripitaka Series: phiên bản Trung Kinh Bộ bằng tiếng Tích Lan * SN = Saṁyutta Nikāya: Bộ Kinh Liên-Kết (Tương Ưng Kinh Bộ) Sn = Sutta Nipāta: tập Kinh Tập (thuộc KN) Thag = Theragāthā: Trưởng Lão Kệ (thuộc KN) Ud = Udāna: tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy (thuộc KN) Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: Chú Giải tập kinh Ud Vbh = Vibhanga: bộ Phân Tích (thuộc Vi Diệu Pháp Tạng) Vin = Vinaya Piṭaka: Luật Tạng Vsm = Visuddhimagga: Thanh Tịnh Đạo

PHẦN CHÚ THÍCH

Kinh 01: 1 [Để coi cách xử lý đầy đủ hơn về bài kinh khó hiểu và quan trọng này, mời

đọc bài tham luận “Bài Kinh về Gốc-Rễ của Sự Hiện-Hữu” của nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Bồ-Đề [Bhikkhu Bodhi; TKBĐ]. Bài viết này, ngoài bản dịch bài kinh, là một tham luận nghiên cứu phân tích dài về ý nghĩa về mặt triết học và những đoạn trích phong phú từ các luận giảng rất hữu ích đã được tích cóp xung quanh bài kinh.

- (Nhà sư dịch giả Ñanamoli [Ñm] là người đã dịch dang dở Bộ Kinh MN này và thầy TKBĐ đã dựa trên bản dịch đó, tiếp tục hiệu đính, dịch, và hoàn thiện bản dịch Bộ Kinh này). Cách diễn dịch của Ñm trong Ms về bộ kinh này là mang tính phỏng đoán cao; như vậy, trong khi tôi vẫn giữ nguyên hầu hết những thuật-ngữ của thầy ấy, tôi đã thay bằng cách diễn dịch của tôi về cú pháp để đưa đến ý nghĩa phù hợp với các diễn dịch truyền thống và điều đó cũng được bảo đảm bằng lời kinh gốc Pāli.]

- (Kinh này và một số kinh khác, như MN 49 ở cuối Quyển 1 này, được người dịch Việt đánh dấu (X) để người đọc nhớ đó là một trong vài bài kinh có những khái niệm trừu tượng hơi khó hiểu khi mới đọc, ví dụ như: sự nhận- thức về đất, nước... hay sự nắm-giữ về đất, nước... và những khái-niệm trừu tượng khác. Theo lời thầy TKBĐ trong phần “Tóm Tắt” kinh này: “Đây là một trong mấy bài kinh thâm sâu nhất và khó đọc nhất trong Kinh Tạng Pali, và do vậy xin gợi ý rằng những người đọc nhiệt tình nên chỉ đọc qua đại ý của bài kinh đầu tiên này ngay khi bước vào đọc Bộ Kinh MN, và sẽ quay lại đọc kỹ chi tiết của nó sau khi đã đọc hết bộ kinh.”).] (1) 2 [MA giải thích Đức Phật đã nói bài kinh này để xua tan tính tự-cao đã khởi

sinh trong 500 Tỳ kheo ở đó; họ tự cao vì nghĩ mình đã có đủ sự uyên bác và nắm vững về những giáo lý của Phật. Những Tỳ kheo đó trước kia từng là những bà-la-môn học thạo về kinh điển Vệ-đà (Veda), và những lời nói ẩn ý của Phật có thể đã được Phật cố ý nói ra để thử coi họ có còn dính-chấp những quan-điểm bà-la-môn hay không.] (2)

3 [Nguyên văn cụm chữ này: sabbadhammamūlapariyāya. MṬ giải thích chữ

"tất cả" (sabba) đang được dùng ở đây theo một nghĩa hạn chế là để chỉ "tất cả cái danh tánh 'cá-thể'" (sakkāyasabba), đó là, liên quan tới tất cả những trạng-thái và hiện-tượng (dhammā) có trong năm-uẩn bị [tác động bởi sự] dính-chấp (năm thủ uẩn) [coi kinh MN 28.4]. Những trạng thái siêu-thế— những thánh đạo, thánh quả, và Niết-bàn—không bao gồm trong này. "Gốc- rễ của tất cả"—đó là, điều-kiện đặc biệt để duy trì sự liên-tục của tiến trình tái hiện-hữu—mà MṬ giải thích là dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), và những quan-điểm này nọ (tà kiến) [vốn là nguồn mạch nằm bên dưới "sự nhìn-nhận này nọ", và tới phiên những thứ này lại có vô-minh nằm lót bên dưới] đã được gợi ý trong bài kinh bởi cụm chữ "người đó chưa hoàn-toàn hiểu (chưa liễu ngộ) điều đó.".] (3) 4 [Chữ "người phàm phu không được chỉ dạy" (assutavā puthujjana) là chỉ

những người bình thường, không có thành tựu về sự học-hiểu và về tâm-linh theo Giáo Pháp của bậc thánh nhân, và để cho bản thân mình bị chi phối bởi những ô-nhiễm và những tà-kiến. Coi thêm bài viết "Bài Kinh về Gốc-Rễ của Sự Hiện-Hữu" của TKBĐ, trang 40–46.] (4) 5 [Nguyên văn câu chỗ này: paṭhaviṁ paṭhavito sanjānāti. Mặc dù sự nhận-

thức "đất là đất" mới đọc nghĩa đen nghe có nghĩa như một sự nhìn thấy đối- tượng đúng như nó thực là [đó là mục-tiêu của thiền-tuệ (minh sát) của Phật giáo], nhưng ngữ cảnh ở đây lại cho thấy rằng cái sự nhận-thức "đất là đất" của người phàm-phu đã cho thấy sự nhìn-nhận đã hơi sai lệch về đối-tượng rồi; và một sự sai-lệch sẽ được thổi lên thành sự diễn-dịch sai khi tiến trình nhận-biết bước vào chặng "nhìn-nhận". MA giải thích rằng một người phàm phu nắm giữ cách diễn đạt theo quy ước "đây là đất" này và đem áp dụng điều này vào đối-tượng, rồi nhận-thức nó thông qua một "sự đảo điên của nhận-thức" (sannāvipallāsa). Thuật ngữ 'sự đảo điên của nhận-thức' (đảo lộn, điên đảo, lệch lạc, méo mó) được giải thích là nhận-thức thứ vô-thường là thường-hằng, thứ khổ là sướng, thứ vô-ngã là bản-ngã, và thứ ô-uế là thứ đẹp-đẽ [như kinh AN 4:49]. Ñm đọc đuôi chữ -to của tiếng Pāli như có nghĩa là sự phái-sinh và do vậy đã dịch cụm chữ này là: "Từ đất người đó có đối- tượng nhận-thức là đất.".] (5) 6 [Động từ "nhìn-nhận" (mannati) trong tiếng Pāli [có gốc từ của nó là man

(nghĩ)] thường được dùng trong các kinh Pāli để chỉ cách-nghĩ sai lệch (nghĩ lầm, nhận lầm)—đó là sự nghĩ hay ý nghĩ đã gán cho đối-tượng của nó những

tính-chất và một ý-nghĩa vốn không có thực từ bản thân đối-tượng đó, mà từ những sự tưởng-tượng chủ quan (vọng tưởng) của người nghĩ. Nói ngắn gọn, sự sai lệch về nhận-biết được đưa vào bởi sự nhìn-nhận gồm có cách-nhìn có cái 'ta' (ngã kiến) xía vào sự trải-nghiệm vốn đã hơi bị làm sai lệch bởi sự nhận-thức tự phát. Theo những luận giảng, hành vi nhìn-nhận bị chi phối bởi 03 sự ô-nhiễm, chúng chịu trách nhiệm cho nhiều cách mà sự nhìn-nhận sẽ thể hiện—đó là dục-vọng (taṇhā, ái), sự tự-ta (māna, ngã mạn), và những quan-điểm này nọ (diṭṭhi, tà-kiến).

- MA phân tích đoạn lời kinh này như vầy: "Sau khi nhận-thức đất bằng sự nhận-thức bị đảo điên, rồi người phàm phu nhìn-nhận nó—diễn dịch và phân biệt nó—thông qua những khuynh-hướng (papanca) tăng phóng thô tế của dục-vọng, sự tự-ta, và tà-kiến, mà ở đây được gọi là "những sự nhìn-nhận" … Người đó hiểu nó theo những cách đảo lộn trái khác [với thực tại]."

- Về 04 cách nhìn-nhận (mannanā): Phật đã chỉ ra sự nhìn-nhận bất kỳ đối- tượng nào đều có thể xảy ra theo một trong 04 cách, được diễn tả bởi lời kinh như một 'khuôn-mẫu 4-điều' về ngôn ngữ: quy nhận, định vị, chỉ nguồn, và chiếm hữu. Cái ý nghĩa sơ khai của 'khuôn-mẫu'—cũng ẩn nghĩa khó hiểu trong tiếng Pāli—dường như là thuộc về bản thể học. Tôi coi khuôn-mẫu này thể hiện những cách khác nhau mà một người phàm phu cố gắng gán cho cái cảm-nhận do tưởng tượng về cái 'ta' một mối quan-hệ giữa mình [như chủ- thể của sự nhận-biết] và những hiện-tượng được nhận-thức [như đối-tượng của chủ-thể]. Theo 'khuôn-mẫu 4-điều' này, mối quan hệ này có thể là sự nhận-là (đồng hóa, nhận dạng là) ["người đó nhìn-nhận X"] hoặc là sự thừa- tự ["người đó nhìn-nhận trong X"], hoặc đơn giản chỉ là sự chiếm-hữu ["người đó nhìn-nhận X là 'của-ta'"]. Nhưng cần phải có sự cân nhắc kỹ- càng khi dịch những cụm chữ này. Tiếng Pāli không cung cấp một đối-tượng trực tiếp nào cho điều thứ hai và thứ ba, và điều này cho thấy rằng cái tiến trình [nó vận hành trong cái sự nhìn-nhận] xảy ra từ một mức độ sâu hơn và tổng quát hơn mức độ liên quan để tạo ra một cách-nhìn rõ rệt về cái 'ta' (ngã), như đã được mô tả trong ví dụ trong kinh MN 2.8 hoặc MN 44.7.

- Hành vi nhìn-nhận như vậy dường như gồm toàn bộ phạm-vi nhận thức nhuốm màu chủ-quan, từ những cảm-xúc và ý-nghĩ trong đó cái sự cảm-nhận về một danh-tính hay cá-thể là cái 'ta' (thân kiến) là mới khởi sự hình thành những cấu trúc về mặt trí thức trong đó nó đã được phân giải một cách đầy đủ. Tuy nhiên, Ñm thì hiểu rằng đối-tượng tiềm ẩn của sự nhìn-nhận chính là

bản thân sự nhận-thức, và do vậy thầy ấy đã dịch là: "sau khi đã có từ đất một nhận-thức về đất, người đó nhìn-nhận [đó là] đất, người đó nhìn-nhận [đó là] trong đất, người đó nhìn-nhận [đó là khác với] đất" … vân vân.

- Cụm chữ thứ năm "người đó thích thú X" rõ ràng kết nối sự nhìn-nhận với dục-vọng, mà trong kinh khác có định nghĩa [dục-vọng] là sự "thích thú hay tìm khoái-lạc chỗ này chỗ nọ". Hơn nữa, điều này gợi ý chỉ ra cái sự nguy- hại trong tiến trình ý-nghĩ của người phàm phu, bởi vì dục-vọng đã được Đức Phật chỉ ra là nguồn-gốc của sự khổ.

- MA có đưa ra nhiều ví dụ để minh họa tất cả những kiểu nhìn-nhận khác nhau, và những ví dụ này rõ ràng đã xác lập rằng đối-tượng nhắm tới của sự nhìn-nhận là sự cảm-nhận về cái 'ta' bị đặt sai chỗ.] (6) 7 [MA khẳng định rằng người hoàn-toàn hiểu đất hiểu được vậy nhờ 03 loại

sự hoàn-toàn hiểu: (i) sự hoàn-toàn hiểu về điều đã được biết (nātapa- rinnā)—đó là định nghĩa về yếu-tố đất theo cách đặc-tính riêng, chức-năng, sự thể-hiện, và nguyên-nhân cận kề của nó; (ii) sự hoàn-toàn hiểu bằng cách soi-xét (tīraṇaparinnā)—đó là sự quán xét yếu-tố đất theo cách 03 đặc-tính chung là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'; và (iii) sự hoàn-toàn hiểu là (đồng nghĩa) sự dẹp-bỏ (pahānaparinnā)—đó là sự dẹp-bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với yếu-tố đất thông qua thánh đạo cao nhất [tức thánh đạo A-la-hán]. (7) 8 [Chữ gốc là bhūtā. MA nói rằng những "chúng-sinh" ở đây là chỉ riêng

những chúng-sinh sống bên dưới cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, là cấp thấp nhất trong những cõi trời dục-giới; còn những chúng-sinh (thiên thần) ở tầng cao hơn thì được nói trong những mục tiếp theo. MA ví dụ sự áp dụng 03 loại sự nhìn-nhận trong tình huống này như sau: (i) Khi một người bị dính buộc theo chúng-sinh là hệ quả của sự nhìn, sự nghe…, hoặc những tham-muốn được tái sinh trong một bậc cấp chúng-sinh nào đó (ví dụ một hạng thiên thần nào đó), thì đây là sự nhìn-nhận do dục-vọng (ái). (ii) Khi người đó tự coi mình là tốt hơn, hoặc bằng, hoặc thấp hơn người khác, thì đây là sự nhìn-nhận do sự tự-ta (ngã mạn). (iii) Và khi người đó nghĩ "Những chúng-sinh đều thường hằng, ổn định, và bất diệt" (thường kiến)…. thì đây là sự nhìn- nhận do những quan-điểm sai lạc (tà kiến).] (8) 9 [MA giải thích: đây là những thiên-thần của 06 cõi trời dục-giới, không tính

Ma Vương [Māra] và tùy tùng của hắn ở trong cõi thiên-thần nắm quyền kiểm soát những sáng tạo của những thiên-thần khác. Coi thêm trong phần

Phần Chú Thích • 469

Giới Thiệu về vũ trụ học Phật giáo, trang 45–48 (bản tiếng Anh của TKBĐ).] (9) 10 [Prajāpati nghĩa là: vua của sự sáng-tạo, là một danh từ được ghi trong

kinh điển Vệ-đà (Veda) cho tới những vị thần trời Indra, Agni, vân vân được coi là cao nhất trong những thần thánh theo kinh điển Vệ-đà.

- Nhưng theo luận giảng MA thì chữ Pajāpati ở đây là tên của Ma Vương [Māra] bởi vì hắn là người cai trị "thế hệ" (pajā) chúng-sinh này gồm có những chúng-sinh.] (10) 11 [Trời Brahmā (Phạm thiên) ở đây là chỉ Mahābrahmā (Đại Phạm thiên), là

vị trời đầu tiên được sinh ra vào lúc bắt-đầu một chu-kỳ vũ trụ và tuổi thọ của vị trời này là nguyên một chu-kỳ vũ trụ đó. Những Quan Triều của trời Brahmā và hàng Nội Các triều đình của trời Brahmā—là những thiên-thần có cấp bậc được quyết định bởi sự chứng đắc tầng thiền định thứ nhất—cũng bao gồm trong chữ "Trời Brahmā" được ghi trong mục này.] (11) 12 [MA nói rằng: Khi nói những chữ này là bao gồm tất cả những chúng-sinh

cư ngụ trong cảnh giới của tầng thiền định thứ hai—những thiên-thần có Hào Quang Hữu Hạn và những thiên-thần có Hào Quang Vô Lượng—cũng nằm trong số này, bởi tất cả những hạng thiên-thần này đều ngụ trong cùng một cảnh giới tầng thiền định thứ hai.] (12) 13 [MA: Khi nói những chữ này là bao gồm tất cả những chúng-sinh có trong

cảnh giới của tầng thiền định thứ ba—những thiên thần có Hào Quang Hữu Hạn và những thiên thần có Hào Quang Vô Lượng—đều nằm trong số này.] (13) 14 [Đây là những thánh thần trong cảnh giới của tầng thiền định thứ tư.] (14)

15 [Chữ gốc là Abhibhū, tạm dịch là Trời Trên hay Bá Chủ Thiên. MA nói

chữ này là một cách để chỉ cõi không-có nhận-thức (phi tưởng), được gọi như vậy bởi vì nó vượt-khỏi (abhibhavati) 04 uẩn phi vật-chất (vô sắc). Sự nhận dạng này bởi MA nghe có vẻ chủ-quan, đặc biệt chữ "abhibhū" là một danh từ số ít giống đực. Trong các kinh khác [như MN 49.5] chữ này xuất hiện như một phần trong tuyên bố của trời Phạm thiên Baka đối với sự bá chủ thần

quyền, nhưng MA đã từ chối xác nhận Abhibhū là trời Phạm thiên này, điều này như một sự dư thừa.] (15) 16 [Mục này và 03 mục kế tiếp là nói về sự nhìn-nhận trong liên hệ với 04

cảnh giới hiện-hữu phi vật-chất (vô-sắc)—đó là những cảnh giới đối ứng của 04 tầng chứng đắc vô-sắc. Tới mục 18 thì xong hết phần "sự nhìn-nhận theo cách những cảnh giới hiện-hữu".] (16) 17 [Trong bốn phần này, những hiện-tượng tạo nên thân-kiến [quan-điểm có

danh-tính (cái 'ta', cá thể)] được coi là những đối-tượng của nhận-thức được phân thành 04 loại là thứ được nhìn-thấy, thứ được nghe-thấy, thứ được cảm- nhận, và thứ được nhận-biết. Ở đây, được cảm-nhận (muta) biểu nghĩa dữ liệu về mùi-hương, mùi-vị, và sự chạm-xúc; được nhận-biết (vinnāta) là dữ liệu về sự xem xét nội-tâm, ý-nghĩ trừu tượng, và sự tưởng-tượng. Những đối-tượng của nhận-thức được "nhìn-nhận" khi chúng được nhận biết theo kiểu 'của-ta', cái 'ta', và 'bản ngã' của ta, hoặc theo những cách khác tạo ra (03 loại ô-nhiễm lớn là) dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn), và những quan- điểm sai lạc (tà-kiến).] (17) 18 [Mục này, và mục kế tiếp, những hiện-tượng có chứa thân-kiến (danh-tính

cái 'ta') được đối xử bằng 02 cách—bằng cách sự hợp-nhất (thành một) và bằng cách sự đa-dạng (thành nhiều). MA báo cho chúng ta rằng, sự nhấn mạnh vào sự hợp-nhất (ekatta) là đặc tính của một người chứng-đắc những tầng thiền định (jhāna), trong đó tâm diễn ra theo một cách thức duy nhất vào một đối-tượng duy nhất. Còn sự nhấn mạnh vào sự đa-dạng (nānatta) có được trong trường hợp người không chứng-đắc thiếu sự trải-nghiệm hợp-nhất đủ mạnh (áp đảo, tràn ngập) của những tầng thiền định. Những sự nhìn-nhận nhấn mạnh sự đa-dạng đi đến sự diễn đạt về những triết lý đa-nguyên; còn những sự nhìn-nhận nhấn mạnh sự hợp-nhất thì đi đến sự diễn đạt về

những triết lý nhất-nguyên.] (18) 19 [Trong mục này, tất-cả những hiện-tượng của thân-kiến (danh-tính cái 'ta'

được gom lại với nhau và được thể hiện bằng 1-phần duy nhất. Ý tưởng về tính tất-cả (toàn thể) có thể tạo thành một cơ sở cho những triết lý thuộc loại phiếm-thần hay nhất-nguyên, dựa trên mối quan hệ được đặt ra giữa cái 'ta' (tự ngã) và tất-cả (toàn thể).] (19) 20 [MA hiểu chữ "Nibbāna" ở đây là chỉ 05 loại trạng thái "Niết-bàn tối

thượng tại đây và bây giờ" thuộc trong số "62 loại tà-kiến" được nói trong

Kinh Phạm Võng (Brahmajāla Sutta; DN 1.3.19–25/i.36–38), trong đó, Niết- bàn được nhận lầm là (i) sự sung-sướng tràn đầy về khoái-lạc giác-quan (dục lạc) hoặc là (ii) trạng thái sung-sướng của 04 tầng thiền định sắc-giới (jhāna). (iii) Khi thụ hưởng sự sung-sướng này, hoặc khi tìm cầu thèm khát trạng thái này, là người đó nhìn-nhận nó bằng dục-vọng (ái). (iv) Khi tự hào bản thân về sự chứng đắc trạng thái sung-sướng này, là người đó nhìn-nhận bằng sự tự-ta (ngã mạn). (v) Còn nắm giữ cái 'Niết-bàn bị nhận lầm là 'sướng, thường-hằng, bản ngã, đẹp đẽ', là người đó nhìn-nhận nó bằng những quan- điểm sai lầm (tà-kiến).] (20) 21 [Bậc học-nhân (sekha) là đệ tử đang ở trong giai đoạn tu-tập bậc cao (trong

dòng thánh đạo), là những người đang ở từ chặng thánh đạo Nhập-lưu cho tới thánh đạo A-la-hán—nhưng vẫn còn tu tập thêm để đạt tới mục-tiêu là thánh quả A-la-hán, là 'sự an-toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc'. MN 53 rõ ràng đã nói rõ những sự tu-tập mà những bậc học-nhân còn phải thực hiện.

Bậc A-la-hán đôi khi được gọi là bậc vô học-nhân (asekha), nghĩa là "người đã vượt qua sự tu-tập" (không còn tu học nữa, đã tu xong) theo nghĩa đã hoàn thành sự tu-tập Bát Thánh Đạo. Ñm diễn dịch chữ sekha là "khởi sự" và chữ asekha as "lão luyện"; cả hai chữ đã được [TKBĐ] thay đổi ở đây để tránh những hàm ý kiểu 'bí truyền' của chúng.] (21) 22 [Cần để ý chỗ này: đối với người phàm phu thì lời kinh dùng chữ "nhận-

thức" mỗi cơ-sở như đoạn trên, còn ở đây bậc học-nhân thì lời kinh dùng chữ "trực-tiếp biết" (abhijānāti). MA giải thích là: người đó biết chúng bằng trí- biết đặc biệt, biết chúng đúng theo bản chất thực của chúng là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. Ñm đã dịch lời kinh như vầy: "Từ đất người đó có sự trực-tiếp biết về đất.".] (22) 23 [Những bậc học-nhân được Đức Phật thúc giục phải kiềm chế khỏi sự

nhìn-nhận này nọ và sự thích-thú bởi vì những khuynh-hướng dẫn tới những tiến-trình tâm này vẫn còn có bên trong người đó. (i) Bằng sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, người đó đã phá bỏ gông-cùm "thân-kiến" (danh-tính cái 'ta') và nhờ vậy không còn nhìn-nhận theo kiểu những quan-điểm sai lạc (tà-kiến). (ii) Nhưng những ô-nhiễm như dục-vọng (ái) và sự tự-ta (ngã mạn) thì chỉ được bứng bỏ bởi chặng thánh đạo A-la-hán, và do vậy bậc học-nhân (sekha) vẫn còn dính những sự nhìn-nhận mà những ô-nhiễm đó vẫn có thể làm khởi sinh.

- Trong khi sự trực-tiếp biết (abhinnā) là phần (phận, trú xứ, lãnh địa) của cả bậc học-nhân và A-la-hán, thì sự hoàn-toàn hiểu (parinnā) là phần của riêng bậc A-la-hán, vì nó liên quan tới sự hoàn-toàn dẹp-bỏ tất cả mọi ô-nhiễm.] (23) 24 [Đoạn này là đoạn kinh "mẫu" thường dùng để mô tả về một bậc A-la-hán,

được lặp lại y hệt trong nhiều bài kinh khác nhau.] (24) 25 [Khi vô-minh đã được xóa bỏ nhờ sự chứng đắc sự hoàn-toàn hiểu (liễu

ngộ), thì những khuynh-hướng vi tế nhất tạo ra dục-vọng và sự tự-ta cũng bị bứng bỏ sạch sẽ. Nhờ đó bậc A-la-hán không còn dính vào sự nhìn-nhận này nọ hay sự thích-thú nào nữa.] (25) 26 [Mục này, và hai mục kế sau, được nói ra để cho thấy bậc A-la-hán không

còn nhìn-nhận này nọ không phải chỉ vì bậc ấy đã hoàn-toàn hiểu đối-tượng đó mà vì bậc ấy đã bứng sạch ba gốc-rễ bất thiện (3 căn bất thiện)—tham, sân, và si. Cụm chữ "thoát-khỏi/ không-còn/ hết tham thông qua sự tiêu diệt tham" được dùng để nhấn mạnh rằng bậc A-la-hán là không chỉ vô-tham tạm thời mà đã hoàn toàn tiêu diệt nó tận mức căn cơ của nó. Cách luận giải tương tự đối với sân và si.] (26) 27 [Như Lai [Tathāgata] là chữ Phật thường hay dùng để tự xưng mình, coi

phần Giới Thiệu, trang 24 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ). Những luận giảng đã đưa ra phần từ-nguyên dài và chi li của chữ này. Đoạn chú giải đó đã được TKBĐ dịch trong bài viết về kinh "Phạm Võng" bởi TKBĐ, trang 331–44.] (27) 28 [Nguyên văn câu cuối này là: Parinnātantaṁ tathāgatassa. Tất cả BBS và

SBJ và MA đều đọc như vậy, mặc dù PTS đọc đơn giản là parinnātaṁ. MA giải nghĩa là: "hoàn-toàn hiểu đến tận kết cuộc, hoàn-toàn hiểu đến tận biên cùng, hoàn-toàn hiểu không còn tàn-dư (sạch sẽ, không sót)." Điều này giải thích rằng, trong khi những vị Phật và những đệ tử A-la-hán đều giống nhau về sự đã dẹp-bỏ tất cả mọi ô-nhiễm, vẫn có sự khác-biệt về tầm (phạm vi) hiểu của họ: những đệ tử có thể chứng ngộ Niết-bàn sau khi đã hiểu bằng sự nhìn-thấu (minh sát) một số sự tạo-tác (hành) nào đó, còn các vị Phật thì hoàn-toàn hiểu tất cả mọi sự tạo-tác (tất cả mọi hành), không ngoại trừ loại nào.] (28)

29 [Hai mệnh đề sau chỗ này là "sự nén" quá ngắn về công thức "khởi-sinh

tùy thuộc" (paṭicca samuppāda; duyên khởi) thường được trình bày dưới dạng 12 yếu tố nhân-duyên (Vòng Nhân Duyên) [như trong kinh MN 38] (và trong cả Chương 12 của Bộ Kinh SN). Như MA đã diễn dịch, "sự thích-thú" (vui thích, ham thích, khoái lạc) chính là dục-vọng của kiếp trước đã mang vào trở-thành "sự khổ" của năm-uẩn trong kiếp này; chính sự "trở-thành" (hữu), là phương diện của nghiệp quyết định đối với kiếp này, đã gây ra sự tái-sinh (sinh) thành sự sống kiếp này, theo sau là sự già-chết. Đoạn kinh này chỉ ra cái "nguyên-nhân" để Đức Phật loại bỏ sự nhìn-nhận này nọ bằng cách thâm-nhập 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi) vào cái đêm Phật giác- ngộ. Sự đề cập về "sự thích-thú" (nandī) là gốc-rễ của sự khổ đã liên đới lại với tên của bài kinh;

thêm nữa, bằng cách nói lại lời kinh lúc đầu rằng người phàm phu thích-thú đất ... đã chỉ ra sự khổ chính là chuỗi hệ-quả vô cùng của sự thích-thú (khoái lạc, ham muốn, dục vọng).] (29) 30 [MA giải thích chuỗi ý tưởng như vầy: Như Lai không nhìn-nhận và không

thích-thú đất bởi vì Như Lai đã hiểu sự thích-thú là gôc-rễ của sự khổ đau. Thêm nữa, bằng sự hiểu 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi), Như Lai đã hoàn toàn dẹp bỏ dục-vọng mà ở đây được gọi là "sự thích-thú" và đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng. Do vậy Như Lai không còn nhìn- nhận đất hay thích-thú đất.] (30) 31 [Những Tỳ kheo không vui mừng hay hài lòng với lời dạy của Phật rõ ràng

là do bài kinh đã thọc quá sâu vào những vùng mềm yếu nhất của sự tự-ta (ngã mạn) của họ và có lẽ là những quan-điểm bà-la-môn còn sót lại trong họ. Về sau luận giảng MA đã nói cho chúng ta rằng: sau khi sự tự-hào của họ đã được hạ xuống, Đức Phật đã nói cho những Tỳ kheo này bài kinh "Đền Gotamaka" (Gotamaka Sutta; AN 3:125) để dẫn họ tới thánh quả A-la-hán, và sau khi nghe bài kinh này tất cả họ đều chứng ngộ thành A-la-hán. (Mời quý vị đọc lại kinh AN 3:125 và chú thích trong đó. Bộ Kinh Tăng Chi (AN) và Bộ Kinh Liên-Kết (SN) đã được dịch ra tiếng Việt phổ thông bởi cùng người dịch Bộ Kinh Trung (MN) này).] (31)

Kinh 02 32 [Những ô-nhiễm (āsava), (HV: lậu hoặc), là phần những ô-nhiễm có mặt ở

tầng sâu nhất và gốc rễ nhất, như đã được thảo luận trong phần Giới Thiệu, trang 38 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ). MA chú giải rằng: những sự kiềm-

chế (saṁvara) gồm có 05-phần: nhờ giới-hạnh, sự chánh-niệm, sự hiểu-biết, sự nỗ-lực, và sự kiên-nhẫn. Trong bài kinh này, (i) sự kiềm-chế nhờ giới- hạnh được minh họa bằng sự tránh-né những chỗ-ngồi và chỗ-ở không phù hợp [mục 19]; (ii) sự kiềm-chế nhờ sự chánh-niệm bằng sự kiềm-chế các căn cảm-nhận [mục 12]; (iii) sự kiềm-chế nhờ sự hiểu-biết bằng thuật-ngữ được lặp lại nhiều lần là "sự suy-xét một cách khôn khéo" (mà người dịch Việt dịch chung là "sự chú-tâm kỹ càng" = sự tác-ý, sự suy-xét, sự quán-chiếu một cách khôn khéo, kỹ càng, đúng theo Giáo Pháp, đúng theo lẽ tự nhiên; (HV: như lý tác-ý); (iv) sự kiềm-chế nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) bằng cách loại-bỏ những ý-nghĩ bất thiện [mục 20]; và (v) sự kiềm-chế nhờ sự kiên nhẫn chịu đựng bằng đoạn kinh nói về sự kiên nhẫn chịu-đựng [mục 18].

+ (Về chỗ này, mời quý vị tham khảo thêm chú thích về bài kinh này bởi tiến sĩ nhà sư Wapola Rahula trong quyển sách của ngài "Những Điều Phật Đã Dạy" như sau: {{Kinh tên là "Sabbāsava-Sutta" (Tất Cả Những Ô-Nhiễm). Theo tiếng Pāli, từ 'sabb' nghĩa là: tất cả. Từ 'āsava': trong kinh này bao hàm nhiều nghĩa sâu rộng về tâm lý học và đạo đức, hơn là nghĩa thông thường của nó. Các nghĩa như là: 'dòng chảy vào', hay 'dòng chảy ra' hàm chỉ "những ô-nhiễm" (chảy vào tâm hay từ tâm chảy ra, như theo một số giảng luận); (HV: những lậu-hoặc). Ở đây nó được dùng một cách hình tượng và nó bao hàm cả 02 nghĩa: (i) "những âu-lo về mặt tâm lý" và (ii) "những phiền-khổ, khó-chịu về thân và những sự khó-khăn, khó-khổ về điều- kiện sinh sống", như bạn sẽ được thấy

kinh mô tả ở phần sau. [W. Rahula].

(Do vậy, tác giả đã phân dịch chữ "sabbāsava" là "tất cả những ô-nhiễm" (bản dịch tiếng Anh của thầy W. Rahula ghi: "All cares and troubles")— mặc dù nghĩa chữ của nó (có thể dịch bằng danh từ phổ thông như trên) là "Tất Cả Những Ô-Nhiễm" (HV: Tất Cả Lậu Hoặc).

(Bản dịch Việt lần trước ghi tên kinh theo nghĩa chủ-đề của nó là kinh "Diệt- trừ những âu-lo và phiền-não". Tuy nhiên, như sau này xem xét lại bản dịch và chú thích thầy W. Rahula như vậy, thấy ý dịch của thầy là: "kiềm chế", "loại bỏ", "dẹp bỏ" mà theo nghĩa bài kinh là bao gồm cả 02 ý: (i) Phòng ngừa, ngăn ngừa, ngăn chặn không cho những ô-nhiễm chưa khởi sinh khởi sinh; phòng ngừa không cho những ô-nhiễm đã khởi sinh gia tăng thêm; (ii) Diệt trừ, loại bỏ, trừ bỏ, dẹp bỏ những ô-nhiễm đã khởi sinh. Do vậy, người dịch đã tạm dịch lại là "phòng trừ", gồm cả 02 ý "phòng ngừa" và "diệt trừ" những ô-nhiễm khác nhau như đại ý của bài kinh).}} (32)

Phần Chú Thích • 475

33 [(i) Sự chú-tâm kỹ càng là cách dịch nghĩa bao hàm của chữ "yoniso mana-

sikāra" (bởi người dịch Việt dựa theo cách dịch của thầy TKBĐ trong bản dịch tiếng Anh của các bộ kinh của mình. Tùy theo từng ngữ cảnh riêng có thể dịch là "sự tác-ý, hay suy-xét, hay quán-chiếu một cách khôn khéo"; (HV): như lý tác-ý). Ở đây giải nghĩa sự chú-tâm (tác ý) là phương tiện đúng đắn (upāya), là đang đúng đường hướng (patha). Nó diễn tả cách chú-tâm hay tác-ý hay suy-xét hay quán-chiếu một đối-tượng hay một sự gì đúng với sự thật; đúng với sự thật đó là: "thứ vô-thường là vô-thường, khổ là khổ, vô- ngã là vô-ngã, thứ ô-uế là thứ ô-uế" (vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh). (ii) Còn ngược lại là sự chú-tâm không kỹ càng (ayoniso manasikāra), nghĩa là "sự tác-ý, hay suy-xét, hay quán-chiếu một cách không khôn khéo". Ở đây giải nghĩa sự chú-tâm (tác ý) là phương tiện sai trái, là đang sai đường hướng (uppatha), trái với sự thật; trái với sự thật đó là: "coi thứ vô-thường là thường hằng, thứ khổ-đau là sung sướng, thứ vô-ngã là bản ngã, và thứ ô-uế là đẹp- đẽ" (thường, lạc, ngã, tịnh). MA nói với chúng ta rằng sự chú-tâm không kỹ càng (phi như lý tác-ý) là gốc-rễ của vòng luân-hồi hiện hữu, bởi vì nó gây cho vô-minh và dục-vọng gia tăng; còn sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác-ý) là gốc-rễ của sự giải-thoát khỏi luân-hồi hiện hữu, vì nó dẫn tới sự tu tập Bát Thánh Đạo. MA tóm lược luận điểm của đoạn kinh này như vầy: sự diệt trừ những ô-nhiễm là dành cho những người biết cách phát khởi sự chú-tâm kỹ càng và những người nhìn thấy thấy được như vậy thì sự chú-tâm không kỹ càng không khởi sinh.] (33) 34 [06 trong những sự phòng trừ này [(2)-(7)]—trừ (1) sự phòng trừ những ô-

nhiễm bằng cách nhìn-thấy—cũng đã được giảng giải trong giáo lý về sự phòng trừ những ô-nhiễm trong kinh AN 6:58.] (34) 35 [Chữ "nhìn-thấy" (dassana) ở đây là chỉ thánh đạo Nhập-lưu (sotāpattimagga)—thánh đạo siêu-thế thứ nhất trong 04 thánh đạo—được chỉ ra như vậy vì nó đưa ra bóng dáng đầu tiên về Niết-bàn. Ba thánh đạo cao hơn được gọi là thánh đạo tu-dưỡng (bhāvanā) vì chúng tu dưỡng tầm-nhìn của Niết-bàn cho tới lúc tất cả những ô-nhiễm bị xóa sạch.] (35) 36 [Theo MA sự khác-biệt ở

đây chính là về cách thức chú-tâm (tác ý, suy

xét, quán xét). Cách chú-tâm là cơ-sở nhân duyên tạo ra những trạng thái tâm bất thiện thì nên tránh bỏ, và cách chú-tâm là cơ-sở nhân duyên tạo ra những trạng thái tâm thiện lành thì nên tu dưỡng. Nguyên lý này được áp dụng từ mục này cho tới mục 9 luôn.] (36)

476 • Phần Chú Thích

37 [MA mô tả sự gia tăng những ô-nhiễm thông qua sự chú-tâm không kỹ

càng (không khôn khéo; phi như lý tác ý) như sau: Khi người đó chú-tâm tới sự thỏa-thích trong 05 dây dục-lạc (khoái-lạc giác quan), thì ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu) khởi sinh và gia tăng; khi người đó chú-tâm tới sự thỏa- thích trong những trạng thái cao-siêu [các tầng thiền định (jhāna)], thì ô- nhiễm do/của sự hiện-hữu (hữu lậu) khởi sinh và gia tăng; và khi người đó chú-tâm tới thứ gì thế-tục thông qua bốn "sự đảo-điên của nhận-thức" (nhận lầm, tưởng lầm) [coi thứ gì là: thường-hằng, sung sướng, bản ngã, và đẹp đẽ (thường, lạc, ngã, tịnh)], thì ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu) khởi sinh và gia tăng.] (37) 38 [Theo MA, đoạn kinh này được nói để chỉ ra những ô-nhiễm của/do những

quan-điểm này nọ (tà-kiến lậu; diṭṭhāsava) [vốn không được nói thẳng ra trong bài kinh như 03 loại ô-nhiễm mới được nói trong chú thích kế trên] dưới cái tiêu đề "sự nghi-ngờ". Tuy nhiên, có lẽ chính xác hơn nếu nói rằng những ô-nhiễm do tà-kiến (tà-kiến lậu), được chỉ ra bởi mục 8, là thể hiện sự chú-tâm không kỹ càng (không khôn khéo; phi như lý tác-ý) dưới dạng sự nghi-ngờ. Nhiều loại sự nghi-ngờ khác nhau đã thai nghén cùng với những quan-điểm sai lạc (tà kiến) sẽ dẫn đến sự biểu hiện rõ ràng trong phần/mục tiếp theo.] (38) 39 [Trong 06 quan-điểm này, 02 loại đầu thể hiện sự nghịch-lý nhau của tư

tưởng bất-diệt và tư tưởng diệt-vong; nên nhớ cái quan-điểm cho rằng "không có bản ngã trong ta" không phải là học thuyết vô-ngã của Đức Phật mà đó chỉ là tư tưởng duy-vật coi 'cá nhân' của mình chính là thân và do đó sẽ bị diệt vong sau khi thân chết. 03 quan-điểm tiếp theo có thể được hiểu là khởi sinh từ sự quan sát tinh vi hơn về mặt triết lý rằng sự trải-nghiệm có một cấu trúc phản ánh được xây sẵn bên trong để giúp cho thức [là khả năng của tâm] trở nên nhận biết về chính nó, về những nội dung của nó, và về thân mà chúng tương quan tương tức với nhau. Dính vào cuộc tìm kiếm "bản chất đích thực" của mình, người phàm phu nhận mình (cái 'ta', tự ngã) là cả hai phương diện trải nghiệm [quan-điểm (iii)], hoặc chỉ là người quan sát [quan- điểm (iv)], hoặc chỉ là cái được quan sát [quan-điểm (v)]. Quan điểm cuối cùng là phiên bản đầy đủ của tư tưởng bất-diệt trong đó tất cả mọi sự bảo lưu đều bị giục bỏ.] (39) 40 [Bản ngã là người nói thể hiện quan-niệm có cái 'ta' là tác-nhân (tác giả,

người làm) của hành-động; cái 'ta-là' là người cảm nhận, quan-niệm có cái

Phần Chú Thích • 477

‘ta’ là chủ-thể thụ động. “Ở đây ở kia” hay “chỗ này chỗ nọ” gợi ý rằng cái ‘ta’ (bản ngã) là một thực-thể truyền kiếp giữ nguyên ‘danh tánh’ của mình trong suốt những sự ‘đầu thai’ khác nhau. Quan-điểm này cũng được chấp giữ bởi Tỳ kheo Sāti trong kinh MN 38, mục 2.] (40) 41 [Đây dĩ nhiên là công thức Bốn Diệu Đế, được coi là chủ-đề của thiền-quán

và minh-sát. MA nói rằng cho tới lúc chứng thánh đạo Nhập-lưu thì sự chú- tâm biểu thị cho sự minh-sát (vipassanā), nhưng sau khi đã chứng thánh đạo thì nó được gọi là trí thánh đạo. Sự minh-sát trực tiếp hiểu 02 Diệu Đế đầu tiên, vì phạm vi đối-tượng của nó là những hiện-tượng thuộc tâm và vật chất nằm trong sự khổ và nguồn-gốc của nó; nó chỉ có thể biết 02 Diệu Đế sau một cách thực chứng. Trí thánh đạo lấy sự thật về sự chấm-dứt khổ làm đối- tượng của nó, hiểu nó bằng cách thâm nhập nó như đối-tượng (ārammaṇa). Trí thánh đạo thực hiện 04 chức năng đối với 04 diệu đế: nó hoàn toàn hiểu sự thật về khổ, trừ bỏ nguồn-gốc khổ, chứng ngộ sự chấm-dứt khổ, và tu tập con đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ.] (41) 42 [Thánh đạo Nhập-lưu có chức năng phá bỏ 03 gông-cùm đầu tiên trói buộc

(một người) trong vòng luân-hồi (saṁsāra). MA nói rằng thân-kiến và giới- cấm thủ, thuộc nhóm ô-nhiễm do tà-kiến (tà-kiến lậu), chúng vừa là những ô- nhiễm (lậu hoặc) vừa là những gông-cùm (kiết sử), trong khi đó sự nghi-ngờ [thông thường] chỉ được xếp loại là một gông-cùm chứ không phải ô-nhiễm; nhưng do ở đây nó nằm trong số “những ô-nhiễm nên được phòng trừ bằng cách nhìn-thấy”, cho nên nó có thể được coi là một loại ô-nhiễm.] (42) 43 [Nếu “sự phòng trừ những ô-nhiễm” ở đây được hiểu theo nghĩa nghiêm

ngặt là sự phá-bỏ tột cùng, thì chỉ có 02 phương-pháp được nói trong kinh này có hiệu lực như vậy—đó là bằng cách nhìn-thấy và bằng cách tu-tập— trong đó nằm giữa chúng là 04 thánh đạo siêu thế. 05 phương pháp còn lại không thể trực tiếp phá-bỏ những ô-nhiễm, nhưng chúng có thể dùng để kiểm soát những ô-nhiễm trong những giai đoạn tu tập ban đầu và xúc tiến cho sự cuối cùng bứng-bỏ chúng bằng những thánh đạo siêu thế.] (43) 44 [Yếu-tố (giác chi) ban đầu chịu trách nhiệm cho việc thực hành sự kiềm-

chế các căn cảm-nhận chính là sự chánh-niệm. Một công thức đầy đủ hơn về sự kiềm-chế các căn cảm-nhận đã được trình bày trong nhiều bài kinh khác— như kinh MN 27.15—và được phân tích chi tiết trong quyển Thanh Tịnh Đạo, Vsm I, trang 53–59. MA giải thích chữ “sốt-não” (hay sốt não)

(pariḷāha) trong đoạn này có nghĩa là sốt-não những ô-nhiễm và những [nghiệp] quả của chúng.] (44) 45 [Những mục 1316 (hay (i)-iv)) dưới đây đã trở thành những công-thức

tiêu chuẩn mà các Tỳ kheo dùng trong sự suy-xét quán-chiếu về những thứ thiết-yếu trong đời sống tu hành của mình. Chúng được giải thích chi tiết trong Vsm I, 85–97.] (45) 46 [Những chỗ ngồi không thích hợp là 02 loại chỗ ngồi bị cấm trong Giới

Luật Tỳ Kheo [Pātimokkha]—sự ngồi với phụ nữ ở nơi bị che khuất thuận tiện cho sự quan hệ bất chính và sự ngồi với phụ nữ ở nơi riêng tư. Nơi không thích hợp gồm cả nơi không thích hợp để đi đến khất thực, và nhiều nơi không thích hợp có được nói trong Vsm I, 45.] (46) 47 [Ba loại ý nghĩ bất thiện đầu là—tham-dục, sự ác-ý, và sự hung-dữ—tạo

thành phần ý-nghĩ sai trái hay ý-định sai trái (tà tư duy), là ngược lại với chi phần chánh tư-duy của Bát Thánh Đạo. Ba loại tà tư-duy và chánh tư-duy cũng được nói chi tiết hơn trong kinh MN 19.] (47) 48 [(i)-(vii) là chỉ 07 chi giác-ngộ (thất giác chi; satta bojjhangā), nằm trong

tổng số 37 phần tu (37 phần trợ đạo) dẫn tới giác-ngộ, và được nói chi tiết hơn trong kinh MN 10, mục 42 và MN 118, mục 29–40. Phần này trong kinh này giải thích riêng 07 chi giác-ngộ là những sự trợ-giúp cho sự tu tập những thánh đạo siêu-thế cao hơn, nhờ đó những ô-nhiễm chưa được bứng bỏ bởi thánh đạo đầu tiên sẽ bị bứng bỏ. Chữ sự tách-ly, hay sự sống tách-ly, hay sự ẩn-dật (viveka), sự chán-bỏ (virāga), và sự chấm-dứt (nirodha) đều có thể được hiểu là chỉ Niết-bàn. Cách dùng của những chữ này trong ngữ cảnh này là biểu nghĩa rằng sự tu-tập 07 chi giác-ngộ là định hướng tới Niết-bàn là mục-tiêu của nó trong suốt những giai-đoạn ban đầu của thánh đạo, và là mục-tiêu của nó cùng với những thánh đạo siêu-thế. MA luận giải chữ vossagga, được dịch là "sự từ-bỏ", có 02 nghĩa là "sự từ-bỏ" (pariccāga) [như từ bỏ, trừ bỏ, hay dẹp bỏ những ô-nhiễm] và "sự chứng-nhập" (pakkhandana) [như nghĩa chứng nhập Niết-bàn].] (48) 49 [Những ô-nhiễm của/do tham-dục (dục lậu) được bứng bỏ bởi thánh đạo

Bất-lai; những ô-nhiễm của/do sự hiện-hữu (hữu lậu) chỉ được bứng bỏ ở thánh đạo cuối cùng; còn những ô-nhiễm của/do vô-minh (vô-minh lậu) chỉ được bứng bỏ bằng thánh quả A-la-hán.] (49)

50 [10 gông-cùm (kiết sử) phải bị phá hủy thì mới đạt tới sự giải-thoát, như đã

được liệt kê theo thứ tự trong phần Giới Thiệu, trang 42–43 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ). Sự tự-ta (ngã mạn), ở mức độ vi tế nhất, chính là sự tự-ta của cái 'ta' (tự ngã, ta-đây) vốn luôn bám trong sự liên-tục của tâm cho tận khi nào người tu chứng thánh quả A-la-hán. "Sự xuyên-thấu sự tự-ta" hay sự xuyên-phá sự ngã-mạn (mānābhisamaya) có nghĩa là nhìn thấu sự tự-ta và dẹp-bỏ nó, cả hai điều này đều được hoàn thành cùng một lúc bởi chặng thánh đạo A-la-hán. Tỳ kheo "đã làm nên sự chấm-dứt khổ" theo nghĩa là người đó đã chấm-dứt "sự khổ của vòng luân-hồi (vaṭṭadukkha).] (50)

Kinh 03 51 [MA: Phật đã nói bài kinh này bởi vì lúc đó có nhiều Tỳ kheo trở nên phấn

khởi với những lợi lộc và vinh danh (mà những thí chủ) dành cho Tăng Đoàn; họ xao lãng sự tu tập tâm linh. Đức Phật rõ ràng không thể đưa ra giới luật cấm các Tỳ kheo sử dụng những thứ thiết-yếu (y phục, thức ăn, chỗ ở, thuốc men) nhưng Phật muốn chỉ ra sự tu tập của những người thừa tự về Giáo Pháp cho những Tỳ kheo biết khát nguyện

nhiệt thành trong sự tu-tập.] (51) 52 [MA diễn dịch rằng: 05 phẩm chất này sẽ dần dần hoàn thiện tất cả những

giai-đoạn tu tập dẫn tới đỉnh cao là thánh quả A-la-hán.] (52) 53 [Những Tỳ kheo trưởng lão (thera) là những người có hơn 10 tuổi hạ kể từ

khi lúc thụ giới (upasampadā); những Tỳ kheo trung niên là có từ 5-9 tuổi hạ; những Tỳ kheo thiếu niên [mới] là có ít hơn 5 tuổi hạ.] (53) 54 [Những phẩm chất xấu-ác ở đây, và trong những mục sau, được đưa vào để

chỉ ra những trạng thái được nói đến ở mục 6 ở trên với câu: “Họ không dẹp bỏ những điều Vị Thầy bảo họ dẹp bỏ.” Những phẩm chất xấu-ác đó cũng là những yếu-tố khiến cho một Tỳ kheo trở thành ‘người thừa tự về những thứ vật chất’ chứ không là một ‘người thừa tự về Giáo Pháp’. Trong kinh MN 7.3 có 16 phẩm chất như vậy, với “sự ác-ý” thay thế cho “sân”, lại được gọi là “những sự ố-nhiễm” tức là “những sự không hoàn thiện làm ô nhiễm cái tâm” (cittass’ upakkilesā). Coi thêm chú thích 87 bên dưới.] (54) 55 [Bát Thánh Đạo được đưa vào ở đây để cho thấy việc tu-tập con đường đó

sẽ làm cho một người trở thành ‘người thừa tự về Giáo Pháp’. Sự phản đề

giữa những ô-nhiễm và đạo đã khẳng định lại theo một góc độ mới sự tương- phản giữa “những người thừa tự về những thứ vật chất” và “những người thừa tự về Giáo Pháp” mà vì lẽ này Đức Phật đã khai mở bài kinh này.] (55)

Kinh 04 56 [MA nói rằng Jāṇussoṇi không phải là tên mà là một tước danh có nghĩa là

“giáo sĩ hoàng gia” (purohita, quan tuyên úy, quan tế lễ) được nhà vua ban cho ông. Kinh MN 27 cũng được Phật nói cho bà-la-môn Jāṇussoṇi này.] (56) 57 [Nguyên văn câu này: Bhoto Gotamassa sā janatā diṭṭhānugatiṁ āpajjati.

Ñm đã dịch: “Những người này có làm theo những ý-chỉ theo quan-điểm của Thầy Cồ-đàm không?” Và nữ tiến sĩ Horner ở PTS thì dịch là: “Những người này có bắt chước theo những quan-điểm của Thầy Cồ-đàm được tôn vinh hay không?” [MLS 1:22]. MA cũng giải nghĩa câu này: “Những người này có cùng quan-điểm, ý-kiến, và tầm-nhìn như Thầy Cồ-đàm hay không?” Tuy nhiên, sẽ rõ nghĩa hơn rất nhiều nếu trong ngữ cảnh này không đọc chữ diṭṭha như một thể sandhi của chữ diṭṭhi, mà như một quá khứ phân từ, và đọc cụm chữ này theo nghĩa là “làm theo/ noi theo những gì họ đã nhìn thấy về Thầy Cồ-đàm”, tức noi theo tấm gương của Phật. Nghĩa này rõ ràng cần phải là như vậy như sự đòi hỏi bởi cụm chữ đó trong các kinh SN ii.203, AN i.126, và AN iii.108, 251.] (Lưu ý: các số kinh trích dẫn này được ghi bởi TKBĐ, khác với cách ghi số kinh của bản dịch của TKBĐ và người dịch không tìm ra chính xác đó là các kinh nào trong các bộ kinh SN, AN). (57) 58 [Ñm ban đầu đã dịch cụm chữ này là “sự hoàn thiện về sự-hiểu” và cụm

chữ tương ứng trong mục kế trước là “sự hoàn thiện về định-tâm”. Tuy nhiên, do sẽ không phù hợp nếu gán sự hoàn-thiện cho sự định-tâm (samādhi) hay trí-tuệ (pannā)

đối với vị Bồ-tát lúc chưa giác-ngộ toàn thiện, cho nên tôi đã chọn dịch đuôi chữ sampanna từ đầu tới cuối với nghĩa là "có-được" hay "sở-hữu". MA chú giải đây không phải là trí-tuệ minh-sát hay thánh đạo, mà chỉ là loại trí-tuệ xác định được bản chất của đối-tượng của nó (ārammaṇà vavatthānapannā).] (58) 59 [Theo hệ thống năm tháng cổ Ấn Độ mà Phật giáo tính theo, một năm được

chia thành 03 mùa—mùa lạnh, mùa nóng, và mùa mưa—mỗi mùa 04 tháng. Mỗi 04 tháng lại được chia thành 8 nửa-tháng (pakkha), nửa-tháng thứ ba và nửa-tháng thứ bảy gồm có 14 ngày, và những nửa-tháng khác có 15 ngày.

Trong mỗi nửa-tháng, đêm trăng rằm và đêm trăng mới (kế sau rằm) [cho dù rớt vào đêm thứ 14 hay thứ 15] và đêm bán-nguyệt [đêm thứ 8] thì được coi là đặc biệt phúc lành. Trong đạo Phật, những ngày này sau đó trở thành ngày Bố-tát (Uposatha), là những ngày kiêng chay giữ giới. Vào những ngày trăng tròn (Rằm) và những ngày trăng mới (Mồng một), những Tỳ kheo ôn tụng những điều giới-luật thuộc Pātimokkha [Giới Bổn Tỳ Kheo], và những người tại gia thì đến thăm viếng các tịnh xá, tu viện, chùa chiền để lắng nghe kinh kệ và thiền tập, (và họ giữ Tám Giới (Bát quan trai giới) trong những ngày này thay vì Năm Giới như thường ngày).] (59) 60 [Có 04 tư thế (iriyāpatha) thường được nói đến trong Phật giáo là tư thế đi,

đứng, ngồi, và nằm.] (60) 61 [Bắt đầu từ mục 22 này, Phật chỉ ra tiến trình tu-tập đã dẫn Phật tới đỉnh-

cao của sự vô-si.] (61) 62 [MA nói rằng chỗ này có nghĩa là vị Bồ-tát đã tu tập 04 tầng thiền định

(jhāna) dùng 'sự chánh-niệm hơi-thở' là chủ-đề (đề mục) thiền của mình.] (62) 63 [Đoạn này được giảng giải chi tiết trong Vsm XIII, 13–71.] (63)

64 [Đoạn này được giảng giải chi tiết trong Vsm XIII, 72–101.] (63)

65 [MA chú giải: Sau khi đã chỉ ra Bốn Diệu Đế với tính chất của chúng [đó

là, những chân lý về sự khổ], đoạn kinh này nói về những ô-nhiễm (lậu hoặc) là cách để chỉ về những Diệu Đế một cách gián tiếp theo cách diễn đạt bằng những ô-nhiễm (thay vì theo cách diễn đạt bằng những thứ khác như (sự chấm dứt) tham, sân, si; hay sự vô-minh …).] (65) 66 [Theo MA, cụm chữ "Khi ta đã biết và đã thấy như vậy", là nói về minh-

sát tuệ và đạo, đã đạt tới đỉnh cao của nó trong thánh đạo A-la-hán; cụm chữ "tâm ta đã được giải thoát" là chỉ khoảng khắc của thánh quả; và cụm chữ "có sự-biết: 'Nó đã được giải thoát'" là chỉ trí-biết hồi nhớ lại [coi Vsm XXII, 20–21], cũng như vậy câu tiếp theo bắt đầu bằng mệnh đề "Ta đã trực- tiếp biết".] (66) 67 [Đây là đoạn kinh "mẫu" trong kinh điển để chỉ sự tuyên bố về trí-biết cuối

cùng, tức thánh quả A-la-hán. MA chú giải câu "Sinh đã tận diệt" có nghĩa là

bất kỳ sự (tái) sinh nào trước kia đã từng khởi sinh nếu đạo không được tu thành giờ đã trở thành bất khả năng khởi sinh nhờ sự đã tu thành thánh đạo. "Đời sống tâm linh (phạm hạnh, thiêng liêng, thánh thiện) đã được sống" chính là đời sống tâm linh của thánh đạo (maggabrahmacariya). Cụm chữ "những gì cần phải làm đã làm xong" (kataṁ karaṇīyaṁ) là hàm chỉ 04 chức năng tu tập của thánh đạo—hoàn-toàn hiểu sự khổ, trừ bỏ nguồn-gốc khổ, chứng ngộ sự diệt-khổ, và tu tập (bát thánh) đạo—giờ đã được hoàn thành đối với mỗi chặng của 04 chặng thánh đạo siêu-thế. Cụm chữ thứ tư "nāparaṁ itthattāya" (i) đã được MA giải nghĩa như vầy: "Giờ ta không cần thiết phải tu tập đạo nữa để đạt tới 'một trạng thái như vậy' như vậy; tức Phật không cần phải tu nữa để đạt được 16 chức năng của [của thánh đạo] hay đạt được sự tiêu diệt ô-nhiễm. (ii) Hay nói cách khác: sau 'một trạng thái như vậy', chẳng hạn sự liên tục của năm-uẩn giờ đang xảy ra, nhưng sẽ không có sự liên tục của năm-uẩn đối với ta (tức sẽ không còn tái hiện-hữu bằng cơ chế năm-uẩn nào nữa). Năm uẩn này, sau khi chúng đã được hoàn-toàn hiểu, giờ chỉ đứng đó như những cây đã bị cắt rễ. Với sự chấm-dứt của thức cuối cùng, chúng sẽ tắt bặt như lửa không còn nhiên liệu để cháy." Tôi đã chọn cách dịch nghĩa thứ hai này, nhưng coi chữ itthattāya là một từ chỉ định. Nguyên văn cụm từ này có nghĩa là "trạng thái này" hay "trạng thái như vậy" hàm chỉ một trạng thái cụ thể của sự hiện-hữu. Ñm đã dịch là: "Không còn gì hơn (trạng thái) này nữa."]

- (Có thể dịch theo nghĩa chữ là "không còn đi đến trạng thái hiện-hữu nào nữa", nhưng người dịch Việt chọn ghi là "không còn trở lại trạng thái hiện- hữu nào nữa" với hàm nghĩa không còn những trạng thái hiện-hữu như đã từng xảy ra từ vô thủy, tức không còn tái sinh lại trong cõi chúng sinh hiện- hữu nào nữa). (67) 68 [MA giải nghĩa là: Phật có 'sự bi-mẫn đối với những thế hệ tương lai" (i)

trước tiên có nghĩa là đối với những thế hệ Tỳ kheo sau thời Phật, và (ii) thứ hai là để sau này sau khi họ nhìn thấy việc Đức Phật đã lui về trú sống ở những nơi rừng sâu hẻo lánh (thiếu thốn điều kiện sống) như vậy, thì họ sẽ làm theo gương Phật, và nhờ vậy mới tăng tiến nhanh trong sự tu tập để mau dẫn tới mục tiêu 'diệt-khổ'. (Ý nghĩa câu này cũng được nói và hiểu tương tự trong một bài kinh mà người nói điều này với Phật là thầy A-nậu-lâu-đà khi Phật hỏi vì sao thầy ấy chọn cách sống tu trong rừng và giữ 13 giới tu khổ hạnh (đầu-đà).).] (68)

Kinh 05 69 ["Người" (puggala) ở đây do thầy Xá-lợi-phất nói. MA đã nhặt lấy chữ

này để giảng giải rộng ra rằng: Đức Phật có một giáo lý 02-phần—(i) phần giáo lý theo quy ước (sammutidesanā) diễn tả theo những thuật ngữ như những con người, những chúng sinh, những phụ nữ và đàn ông ... vân vân, và (ii) giáo lý tột cùng (paramatthadesanā) chỉ diễn tả theo những thuật ngữ mang giá trị bản thể học, ví dụ như các uẩn, các yếu-tố (giới), các căn cảm- nhận (xứ), vô-thường, khổ, vô-ngã ... vân vân. Phật giảng dạy giáo lý của mình bằng nhiều cách khác nhau tùy theo và phù hợp với loại người nghe vì mục đích để giúp người nghe thấu hiểu ý nghĩa của Giáo Pháp, xua tan sự si- mê, và đạt tới sự khác-biệt (chứng ngộ). Việc dùng chữ "người" ở đây

không phải có nghĩa là một ‘con người cố định’ hay một ‘bản ngã’; “người” ở đây chỉ là cách dùng theo quy ước thế gian.] (69) 70 [Tướng đẹp hay dấu-hiệu đẹp (subhanimitta) là một đối-tượng hấp dẫn, là

cơ sở phát sinh tham-dục. Đức Phật nói rằng chính do sự chú-tâm không kỹ càng (không khôn khéo; phi như lý tác ý) tới hình tướng đẹp (sự đẹp, nét đẹp, sự hấp dẫn, nét hấp dẫn, nét gợi dục, người hấp dẫn, bộ phận thân hấp dẫn…) là thức-ăn (āhāra, thực dưỡng) cho sự khởi sinh tham-muốn nhục dục chưa khởi sinh, và cho sự phát triển và gia tăng tham-muốn nhục dục đã khởi sinh; [coi thêm kinh SN 46:02, Quyển 5).] (70) 71 [Đây là những sự thực-hành “nghiêm cứng” (hạnh đầu-đà) của các tu sĩ

nhận lãnh những giới tu này. Người sống tu trong rừng, người ăn thức ăn khất thực, người đi khất thực từng mỗi nhà, người mặc y phục làm từ giẻ rách … đều đã được giảng giải trong Vsm II.] (71) 72 [Có những cách thực-hành “mềm mỏng” hơn những giới tu này sẽ được

nói đến trong mục 29 bên dưới, thường được coi là những dấu-hiệu của sự ít nhiệt thành chuyên-cần tu (thiếu tinh cần) vì mục-tiêu tu hành.] (72) 73 [Những người theo đạo Jain hay Kỳ-na giáo của giáo chủ Ni-kiền-tử được

gọi là những Ājīvaka hay Ājīvika, những người ngoại đạo, là những người thuộc những giáo phái chống đối Phật, họ dạy giáo lý hành-xác khổ hạnh dựa trên triết lý tiệm cận với cái chết. Quý vị có thể đọc thêm quyển Lịch Sử và Giáo Lý của những Ājīvika của học giả Basham.] (73)

74 (Nghĩa là: Thầy Xá-lợi-phất đã nói bài thuyết pháp ngay sau khi ý nghĩ về

“ví dụ” trên vừa đi qua tâm của thầy Mục-kiền-liên, cứ như thầy ấy đọc được ý nghĩ của thầy Mục-kiền-liên vậy.)

[Ở đây, những đại từ sở hữu bổ nghĩa cho cái ‘tâm’ [hay trái tim] ở đây không phải từ chữ gốc Pāli, nhưng nghĩa của cụm chữ này phải được hiểu dựa theo sự xem xét các ví dụ. Giống như Samīti liền đẽo gọt hết những khuyết-điểm của vành bánh xe cứ như anh ta bằng tâm mình đã biết được tâm [tim] của Paṇḍuputta vậy; tương tự thầy Xá-lợi-phất đã đẽo gọt hết những khuyết-điểm của những Tỳ kheo cứ như thầy ấy bằng tâm [tim] mình biết rõ mong-muốn của thầy Mục-kiền-liên là loại bỏ những khuyết-điểm của những Tỳ kheo vậy. MLS [1:40] đã hiểu sai khi dịch là: “bởi vì thầy ấy bằng tâm [tim] của mình biết tâm [tim] của họ”, tức đề cập tới những Tỳ kheo là vị- ngữ trước chứ không phải là thầy Mục-kiền-liên vị ngữ.] (74) 75 [Nguyên văn của “chúng sinh lớn” là mahā-nāga. Chữ nāga là chỉ loại

chúng sinh giống-rồng trong thần thoại Ấn Độ cổ đại được cho là cư trú ở những vùng thấp (bí mật) trên trái đất và là những con vật bảo vệ những kho báu bí mật. + Chữ này cũng được dùng để chỉ bất kỳ sinh vật to lớn vĩ đại nào, chẳng hạn như (rồng), voi có ngà, hay rắn hổ chúa, hay mãng xà, và còn được dùng để chỉ một Tỳ kheo là bậc A-la-hán. Coi thêm Dhp, chương 23, Nāgavagga.]

(Tóm lại, đại ý của bài kinh này là: (a) cho dù người tu sống tách-ly thanh bần ở những nơi lánh trần trong rừng núi để tu là đáng quý, nhưng người tu vẫn còn những mong-muốn bất thiện [những ố-nhiễm] thì không đáng được khen ngợi bởi những đồng đạo; (b) cho dù sống tu trong làng hay gần phố chợ, nhưng người tu biết dẹp bỏ những mong-muốn bất thiện thì đáng được khen ngợi bởi những đồng đạo. Cả hai sự đều cần thiết, nhưng sự tách-ly tâm (tu tâm) là quan trọng hơn sự chỉ tách-ly thân (tu tâm).) (75)

Kinh 06 76 [MA nói rằng cách dùng chữ sampannasīlā (được dịch ở đây là "có được

giới-hạnh") có thể có nghĩa là (i) "hoàn thiện về giới-hạnh" (paripuṇṇasīlā) hay (ii) "được phú cho giới-hạnh" (sīlasamangino).

- Pātimokkha là những điều luật của Giới Luật Tăng Đoàn, trong đó phiên bản Pāli gồm có 227 điều luật.

- "Nơi nương dựa" hay "nơi nương tựa" hay "trú xứ" (gocara) ở đây hàm chỉ một nơi (khu vực, vùng) tốt hay phù hợp để khất thực thức ăn; mặc dù nó cũng có thể có nghĩa là "cách cư-xử" của một Tỳ kheo, như uy nghi hay phong thái tĩnh-lặng và tự-chủ của người đó. Những thuật ngữ chính trong đoạn kinh này cũng được giảng giải trong Vsm I, 43–52. (Thầy Thích Minh Châu đã dịch là "uy nghi").] (76) 77 [MA: Đoạn điều-kiện ["thì người đó nên hoàn thành đầy đủ những giới-

luật…"] được lặp lại trong từng mục tiếp theo [19 mục từ (a)–(s)] để nói ra/ bao gồm hết cả những sự tu-tập thuộc "Ba Phần Tu-Tập" [giới, định, tuệ].

- Riêng cụm chữ "hoàn thành đầy đủ những giới-luật" có nghĩa là phần tu- tập giới-hạnh bậc cao (adhisīlasikkhā; giới); cụm chữ "tận tụy hết mình vì (để đạt được) sự tĩnh-lặng bên trong của tâm, không lơ lảng việc thiền tập" là chỉ sự tu tập sự định-tâm hay còn gọi là phần tu-tập tâm bậc cao (adhicit- tasikkhā; định); và cụm chữ "có được trí-tuệ" là chỉ phần tu-tập trí-tuệ bậc cao (adhipannāsikkhā; tuệ).

- Cụm chữ "sống trong những chòi trống" là kết hợp 02 phần tu-tập sau, vì người tu sống trong chòi trống (chòi hoang, nơi hẻo lánh, sơn cốc…) là để tu tập sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ).] (77) 78 [Nghĩa là, nếu những người thân đã bị tái sinh trong cõi hồn ma ngạ quỷ

hoặc trong những cõi thiên thần bậc thấp tưởng nhớ những Tỳ kheo đức-hạnh với niềm-tin, thì niềm-tin đó sẽ trở thành nguồn công-đức cho họ; nguồn đó sẽ bảo vệ họ khỏi những sự tái-sinh đày đọa và trở thành một điều-kiện tích cực để hướng tới và đạt tới Niết-bàn.] (78) 79 [04 tầng chứng đắc vô-sắc giới với đầy đủ công thức của chúng được nói

trong kinh MN 08.8–11, MN 25.16–19 … vân vân. MA giải nghĩa chữ "thân" là "thân của tâm" (tâm thân; nāmakāya).] (79) 80 [03 gông-cùm (kiết sử) bị phá bỏ bởi bậc Nhập-lưu là thân-kiến (cách-nhìn

có danh-tính ‘cái ta’, quan-điểm thân này là ‘ta’), sự nghi-ngờ, và giới-cấm thủ (‘sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm ky, cúng bái, và những thệ nguyện’; như cũng được nói đến trong kinh MN 02.11 ở trên.] (80)

81 [Sau khi đã tiêu diệt 03 gông-cùm thấp hơn (nhẹ hơn, đầu tiên), bậc Bất-lai

tiêu diệt thêm 02 gông-cùm thấp hơn là tham-dục và sự ác-ý. Bậc thánh Bất- lai được tái sinh trong vùng đặc biệt của thế giới trời Brahma (Phạm thiên giới) – được gọi là những (05) Cõi Trời Trong Sạch (Tịnh cư thiên), và từ ở cõi đó họ sẽ làm nên sự chấm-dứt khổ và chứng ngộ Niết-bàn.] (81) 82 [Từ mục 14–19 là trình bày 06 loại trí-biết trực tiếp (abhinnā). Coi lại phần

Giới Thiệu, trang 37 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ); về chi tiết, mời coi Vsm XII và XIII.] (82) 83 [MA: Trong đoạn kinh này, chữ “tâm” và “trí-tuệ” lần lượt biểu thị cho

định và tuệ kết nối (câu hữu) với thánh quả A-la-hán. Định (sự định-tâm) được gọi là “sự giải-thoát của tâm” (cetovimutti) bởi vì tâm được giải-thoát khỏi tham (tham dục); còn tuệ (trí tuệ, minh sát tuệ) được gọi là “sự giải- thoát nhờ trí-tuệ” (pannāvimutti) bởi vì tâm được giải thoát khỏi si (vô minh). Định thường là kết quả của sự vắng-lặng (tĩnh lặng; thiền định); còn tuệ là kết quả của sự minh-sát (thiền quán). Nhưng chúng đi cặp với nhau và được mô tả là trạng thái vô-nhiễm hay vô-lậu (anāsava), chúng đều là kết quả của sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) bằng thánh đạo A-la-hán siêu thế.] (83)

Kinh 07 84 [Về bài kinh này, và kinh kế tiếp, có những giới-thiệu rất hữu ích và những

chú-giải chi tiết bởi nhà sự Trưởng Lão Nyanaponika trong bài viết mang tựa “Kinh Ví Dụ Về Tấm Vải và Kinh Về Sự Thanh Tẩy” (The Discourse on the Cloth and The Discourse on Effacement).] (84) 85 [Một nơi-đến xấu hay bất-hạnh (duggati) là sự tái-sinh trong 03 cõi thấp

xấu đày đọa là địa ngục, cảnh giới ngạ quỷ, và cảnh giới súc sinh. Còn một nơi-đến tốt hay hạnh-phúc (sugati) là sự tái sinh trong cõi người hay trong những cõi trời.] (85) 86 [(Ở đây, tương ứng với sự không-sạch của tấm vải, nên tạm dịch là sự

không-sạch của tâm, là tạm dịch chữ cittassa upakkilesā (= sự ố-nhiễm của tâm, như cách ghi trong các kinh Chương 27 của SN).

- Quý vị cần lưu ý rằng: chữ upakkilesā này (i) có lúc được dùng với nghĩa là những sự ố-nhiễm theo nghĩa là = sự không hoàn-thiện của/trong thiền-định [như trong kinh MN 128, mục 27-30]; (ii) có lúc được dùng với nghĩa là sự

ố-nhiễm theo nghĩa là = sự không hoàn-thiện của/trong thiền-quán (minh sát) [như được ghi trong Vsm XX, 105]; và (iii) có lúc được dùng với nghĩa là những ô-nhiễm nhỏ (= sự ố-nhiễm) khởi sinh từ 03 gốc-rễ bất thiện—tham, sân, si— để chỉ cái cách-thức của chúng hay những phái-sinh của chúng. Trong đoạn kinh này thì nó đang được dùng với nghĩa thứ (iii), nhưng vẫn giữ sự nối-kết với 02 nghĩa đầu, và được tạm dịch là “những

sự không-sạch (sự ố-nhiễm) làm ô nhiễm cái tâm".] (86) 87 [MA đã đưa ra những sự phân-biệt mang tính giả định giữa sự thèm-muốn

(abhijjhā) và sự tham-lam bất chính (visamalobha), nhưng rồi lại chỉ ra rằng, theo quan điểm của phần tu-học bậc cao thì tất cả mọi sự tham đều là bất chính, và do vậy 02 chữ trên chỉ là 02 tên khác nhau của cùng một yếu-tố tâm (tâm sở) là tham hay tham-dục mà thôi.

- Ở đây, tôi trích đoạn những chú giải của MA về những tính từ chỉ sự không- sạch [ố-nhiễm] mới nói, như sau: sự thù-ghét (upanāha) có sau khi sự tức- giận bao bọc hoài hoài cái tâm. Sự khinh-thường (makkha) sự coi thường giá trị những ích-lợi được người khác trao cho mình (chê bai). Sự xấc-xược (paḷāsa) là sự giả định (yugaggāha) khởi sinh khi một người đặt mình ngang hàng với người khác có những phẩm-chất ưu trội hơn mình. Sự ghen-tỵ (issā) là sự thù ghét với những vinh dự, thành công… của người khác. Sự hám-lợi (macchariya) là sự không muốn chia sẻ lợi lạc tài vật mình có cho những người khác. Sự ngang-bướng (thambha) là sự không uyển chuyển, sự cứng nhắc, sự cứng đầu, sự ngang ngạnh. Sự ganh-đua (sārambha) là sự cố qua mặt, sự hơn thua, cố hạ bệ, cố vượt qua người khác, cố vượt qua những thành-tựu của người khác (vì sự ganh tỵ). Một số sự ô-nhiễm này cũng được định nghĩa trong Vbh §§845–46, 891–94.] (87) 88 [MA nói rằng sự dẹp-bỏ (hay trừ-bỏ) được nói ở đây nên được hiểu là "sự

dẹp-bỏ bằng cách bứng-bỏ tận gốc" (samucchedappahāna): đó là sự hoàn- toàn xóa bỏ tận gốc bằng thánh đạo siêu-thế. 16 sự ô-nhiễm (lậu hoặc) đó được dẹp-bỏ bởi thánh đạo theo thứ tự sau đây:

1. Thánh đạo Nhập-lưu dẹp bỏ: sự khinh thường, sự xấc xược, sự hám lợi, sự lừa dối, sự xảo trá.

2. Thánh đạo Bất-lai dẹp bỏ: sự ác ý và tức giận, sự thù ghét, sự lơ tâm phóng dật.

3. Thánh đạo A-la-hán dẹp bỏ: sự thèm muốn và sự tham lam bất chính, sự ngang bướng, sự ganh đua, sự tự dại, sự kiêu ngạo, sự phù phiếm.

- MA vẫn bảo thủ, bằng cách tham chiếu với những nguồn chú giải cổ xưa, rằng đoạn kinh này đang mô tả về thánh đạo Bất-lai. Như vậy chúng ta phải hiểu rằng những ô-nhiễm [sẽ được hoàn-toàn dẹp bỏ bởi thánh đạo A-la-hán] tới lúc này chỉ mới được dẹp bỏ một phần, theo cách thể hiện còn thô tế của chúng.] (88) 89 [Niềm-tin bất lay chuyển (aveccappasāda) vào Phật, Pháp, Tăng là thuộc

tính của một đệ tử thánh thiện ở mức độ tối thiểu là Nhập-lưu, niềm-tin của người đó là hoàn thiện bởi vì người đó đã tự mình nhìn thấy chân-lý của Giáo Pháp. Những công thức để tưởng niệm Phật, Pháp, Tăng cũng được giải thích dài trong Vsm VII.] (89) 90 [Cách dịch này là theo cách đọc chữ yatodhi và sự chú giải của MA về chỗ

này có nghĩa là 'sự dẹp-bỏ từng phần những ô-nhiễm' bằng 03 thánh đạo đầu tiên, khác với với 'sự dẹp-bỏ toàn bộ (anodhi) những ô-nhiễm' bằng thánh đạo thứ tư/ cuối cùng

(A-la-hán).

- Ñm thì đọc chữ này là yathodhi và dịch là: “Và bất cứ gì [từ những sự bất hoàn-thiện đó] có, theo giới-hạn [được thiết lập bởi bất kỳ thánh đạo nào trong ba thánh đạo đầu tiên mà người đó đạt được], đã được giục bỏ, đã được bỏ đi [mãi mãi], đã được buông bỏ, dẹp bỏ, từ bỏ.” Những sự khác-nhau về cách dịch dường như đã có từ thời cổ xưa, vì MA cũng nhận ra điều này.] (90) 91 [Nguyên văn câu này là: Labhati atthavedaṁ labhati dhammavedaṁ. Nhà sư Nyanaponika đã dịch nghĩa là: “Người đó đạt được sự nhiệt thành đối với mục-tiêu, đạt được sự nhiệt thành đối với Giáo Pháp.” MA giải thích chữ veda có nghĩa là niềm-vui và sự hiểu-biết kết nối (câu hữu) với niềm-vui đó, và nói rằng: “Atthaveda là niềm cảm-hứng khởi sinh trong một người xét lại (ôn lại, nhớ lại, quán chiếu lại) niềm-tin bất lay chuyển của mình; dhammaveda là niềm cảm-hứng khởi sinh trong một người xét lại “sự dẹp-bỏ từng phần những ô-nhiễm”, là nhân của niềm-tin bất lay chuyển.”] (91) 92 [Những chữ Pāli tương ứng, ở dạng danh từ, lần lượt là: pāmojja, sự vui-

vẻ; pīti, sự hoan-hỷ (hỷ); passaddhi, sự tĩnh-lặng (khinh an); sukha, sự sướng, sự hạnh phúc (lạc); samādhi, sự định-tâm (định).

- Sự tĩnh-lặng là, bằng sự loại-bỏ những phiền-quấy vi tế trong thân và tâm kết nối với (câu hữu) niềm-vui và hoan-hỷ, đưa đến sự sướng (lạc) và sự tĩnh- lặng (khinh an) chuẩn bị cho tâm đã được sự định-tâm (định) sâu hơn.] (92) 93 [Ba chữ “giới-hạnh như vậy (giới), một trạng-thái [định-tâm] như vậy

(định), và trí-tuệ như vậy (tuệ)” trong tiếng Pāli lần lượt là: evaṁsīlo evaṁd- hammo evaṁpanno. Chữ giữa [một trạng thái], trong ngữ cảnh này, rõ ràng là nói về phần thứ hai trong “Ba Phần Tu-Tập” đó là phần định-tâm (thiền- định), mặc dù thật là khó hiểu được tại sao bài kinh không dùng luôn chữ samādhi (sự định-tâm như vậy) cho rõ lẹ.

- Luận giảng về kinh MN 123.2 có giải nghĩa cách diễn đạt song hành ‘samādhi-pakkha-dhammā’ là: ‘những trạng thái thuộc về sự định-tâm”.] (93) 94 [Lời kinh chỗ này nhấn mạnh sự chứng-ngộ thánh quả Bất-lai của người

đó. Vì bậc Bất-lai đã bứng sạch gông cùm tham-dục, nên thức ăn ngon không thể cản trở bậc ấy trên bước đường còn lại đi đến thánh đạo và thánh quả A- la-hán cuối cùng.] (94) 95 [Các mục từ 13–16 trình bày những công thức tiêu chuẩn của kinh điển về

“04 sự an-trú cõi trời” hay 04 phạm trú (brahmavihāra), còn gọi là 04 tâm vô-lượng. Nói ngắn gọn, tâm-từ (mettā) là sự thương mến, sự mong muốn ích-lợi và hạnh-phúc cho những người khác; tâm-bi (karuṇā) là sự cảm thông tha thương đối với người khác khi họ gặp sự khổ đau; tâm tùy-hỷ (muditā) là vui mừng với những đức-hạnh, công-đức, và thành-đạt của người khác; và tâm buông-xả (upekkhā) là sự không còn thiên vị, chấp nê, so sánh, đối đãi, phân biệt này nọ đối với những chúng sinh [nhưng không phải là sự thờ ơ, lãnh đạm, bất chấp… theo nghĩa tiêu cực; mà là sự không còn phân-biệt đối xử hay thiên vị đối với mọi người khác; sự coi họ cũng như mình; không chấp chê,

không ích kỷ này nọ].

- Để coi giảng giải đầy đủ hơn về 04 tâm vô-lượng này, mời đọc Vsm IX.] (95) 96 [MA: Mục này 17 này chỉ sự tu tập thiền quán minh-sát của bậc thánh Bất-

lai và mục 18 tiếp theo là chỉ sự chứng ngộ A-la-hán của người đó. Cụm chữ "Có sự này" là chỉ sự-thật về khổ (Diệu Đế 1); "có sự tệ hơn (nhược)" là chỉ

sự-thật về nguồn-gốc khổ (Diệu Đế 2); "có sự tốt hơn (ưu)" là chỉ sự-thật về con-đường (đạo) dẫn tới sự diệt-khổ (Diệu Đế 4); và "ở bên trên có sự thoát- khỏi vượt trên toàn bộ 'cảnh giới của những nhận-thức' này" là chỉ Niết-bàn, là sự diệt-khổ (Diệu Đế 3).] (96) 97 [MA: Phật dùng cụm chữ "sự tắm gội bên-trong" này để làm phát khởi sự

chú-ý của bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đang ngồi gần đó trong hội chúng và ông ta là người tin rằng nghi thức tắm gội (dưới sông hồ) có thể làm trong- sạch tâm của con người. Phật đã tiên đoán được rằng bà-la-môn này sẽ có niềm cảm hứng để thụ giới và gia nhập Tăng Đoàn, và sau đó sẽ chứng ngộ A-la-hán.] (97) 98 [Đây là tên những con sông và bãi sông được nhiều người tin là sẽ mang

lại sự thanh-lọc cho con người.] (98) 99 [Kinh gốc Pāli có ghi chữ phaggu, là một ngày thanh-lọc của những bà-la-

môn trong tháng Phagguna (tháng Hai–tháng Ba), và chữ uposatha (bố-tát) là ngày lễ trai giới được quy định theo âm lịch. Mời coi lại chú thích số 59 ở trên.] (99) 100 [Sự xuất-gia (pabbajjā) là sự thụ-giới chính thức của việc bước vào đời

sống xuất gia tu hành trở thành một sa-si (sāmaṇera); sự thụ-giới toàn bộ hay đại thọ giới (upasampadā) là sự thụ-nhận chính thức toàn bộ "Giới-luật Tỳ kheo" để trở thành một Tỳ kheo, một thành viên của Tăng Đoàn.] (100)

Kinh 08 101 [Coi chú thích số 84 ở trên.] (101)

102 (*) (Trong bản dịch Việt các bộ kinh, chữ "kính lễ" hay "kính chào" là

chữ dịch chung, đồng nghĩa với các chữ: "lễ lạy, lễ chào, kính lạy, lạy chào, xá chào, hay cúi chào…" tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chấp lại đặt lên trán, trên sóng mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là "quỳ xá" hay "quỳ lạy" thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế "quỳ".)

- [Theo MA: Những quan-điểm liên quan với những giáo thuyết về bản ngã (attavādapaṭisaṁyuttā) là 20 loại thân-kiến được liệt kê trong kinh MN 44.7 bên dưới, mặc dù nó cũng có thể được hiểu là bao gồm những ngã thuyết phức tạp hơn được nói trong kinh MN 102. Những quan-điểm liên quan với

những học thuyết về thế giới (lokavādapaṭisaṁyuttā) là 08 quan-điểm: thế giới là bất diệt, không bất diệt, cả hai, hoặc không phải bất diệt cũng không phải không bất diệt; thế giới là hữu hạn, không hữu hạn, cả hai, hoặc không phải hữu hạn cũng không phải

không hữu hạn. Coi kinh MN 63 và MN 72 để thấy Phật bác bỏ những quan-điểm này.] (102) 103 [MA: Câu hỏi này chỉ một người vừa mới đạt đến những giai-đoạn bắt

đầu tu tập thiền-quán (minh sát) mà chưa chứng ngộ Nhập-lưu. Loại sự dẹp- bỏ được thảo luận ở đây là sự dẹp-bỏ bằng sự xóa-bỏ, chỉ có thể làm được bởi thánh đạo Nhập-lưu (tức chỉ khi chứng thánh đạo Nhập-lưu thì mới có sự xóa-bỏ đó). Thầy Đại Cunda đặt ra câu hỏi này bởi vì có một số người thiền đã đánh giá quá cao thành-tựu của mình, họ nghĩ rằng họ đã dẹp-bỏ những quan-điểm (tà kiến) đó nhưng thực ra họ chưa xóa-bỏ chúng được.] (103) 104 [MA giải thích chữ "khởi sinh" (uppajjanti) ở đây chỉ sự khởi sinh của

những quan-điểm chưa khởi sinh trước đó; "nằm ẩn dưới" (anusenti) là chỉ sự gom tụ sức mạnh của chúng thông qua sự cố-chấp vào chúng liên tục; và "được thực hiện" (samudācaranti) là chỉ sự đạt tới sự thể hiện bằng thân và lời-nói.

- Cái "đối-tượng" chúng dựa vào chính là năm-uẩn (khandha) hợp thành một 'con người' hay một 'cá thể' hay một 'chúng sinh' gồm có: sắc-thân, cảm- giác, nhận-thức, những sự tạo-tác của tâm, và thức (sắc, thọ, tưởng, hành, thức).] (104) 105 [Bằng câu này Phật đã chỉ ra phương-tiện nhờ đó những quan-điểm này

nọ (tà kiến) được xóa-bỏ, đó là: quán niệm về năm uẩn là "không phải của ta"... vân vân, bằng trí-tuệ minh-sát dẫn tới đỉnh là thánh đạo Nhập-lưu.] (105) 106 [MA giải thích rằng: sau khi đã trả lời câu hỏi của vị Trưởng Lão, giờ

Phật nói về một loại người khác tự đánh giá cao về mình—đó là những người chứng đắc (một trong) 08 tầng chứng đắc thiền định và họ tin rằng họ đang thực hành "sự thanh-tẩy" (sallekha) đích thực. Chữ sallekha, nguyên gốc nó có nghĩa là sự khắc khổ hay sự thực hành khổ hạnh, ở đây được dùng bởi Phật để biểu nghĩa là "sự thanh-tẩy" hay "sự loại-bỏ tận gốc" những ô-nhiễm. Mặc dù 08 tầng chứng đắc trong những kinh khác được đặt một cách chắc chắn trong 'chương trình tu-tập' của đạo Phật [như kinh MN 25.12–19, MN

26.34–41), nhưng ở đây trong kinh này chúng không nên được gọi là "sự thanh-tẩy" (lậu đoạn) bởi vì những Tỳ kheo chứng đắc chúng đã không dùng chúng làm cơ-sở cho sự thiền-quán (minh sát)—chẳng hạn như được mô tả trong kinh MN 52 và MN 64—mà chỉ được gọi là phương-tiện để thụ hưởng niềm hạnh-phúc và bình-an (hiện tại lạc trú).] (106) 107 [Bắt đầu chỗ này là 44 "cách thức thanh-tẩy" được Phật nói ra, và chúng

rớt vào một số "phần" giáo-lý cố định đã được đặt tên (ví dụ như 10 đường nghiệp thiện ...). Những cách-thức nào không được đề cập ở đây thì không phù hợp cho "phần" giáo-lý cố định nào cả.

Mục (2)–(11) là thuộc 10 đường nghiệp (kammapatha) bất thiện và thiện— coi kinh MN 9 kế dưới, mục 4, mục 6;

Mục (12)–(18) là 07 chi-phần cuối của con đường tám phần—Bát tà đạo và Bát chánh đạo—chi-phần đầu tiên là trùng với (11);

Mục (19)–(20) đôi khi được đưa thêm vào cả 02 con đường tám phần—Bát tà đạo và Bát chánh đạo—coi thêm kinh MN 117, mục 34–36;

Mục (21)–(23) là 03 chướng-ngại cuối trong 05 chướng-ngại (triền cái)—coi thêm kinh MN 10, mục 36—còn 02 chướng-ngại đầu tiên là trùng với (9) và (10);

Mục (24)–(33) là 10 trong 16 sự không-sạch [sự không hoàn-thiện] làm ô nhiễm cái tâm, như mới được nói trong kinh MN 7, mục 3 kế trên.

Mục (37)–(43) là 07 phẩm-chất xấu và 07 phẩm-chất tốt (saddhammā) đã được nói trong kinh MN 53, mục 11–17 bên dưới.] (107) 108 [MṬ diễn dịch rằng: sự không hung-dữ hay hiền từ (avihiṁsā), là đồng

nghĩa với sự bi-mẫn (tha thương), được đề cập ngay từ đầu bởi vì nó là gốc rễ của tất cả mọi đức-hạnh, đặc biệt là nhân gốc của đạo-đức.] (108) 109 [MA giải thích: Đây là một sự mô tả về những người khăng khăng nắm

giữ theo một quan-điểm (kiến-chấp nặng) mà họ đã có, họ cứ chấp rằng “Chỉ điều này là sự thật”; ngay cả khi Phật kêu từ bỏ họ không từ bỏ nó mà còn lý sự tranh luận về nó với Phật.] (109)

110 (Nghĩa nôm na là: nếu khuynh-hướng (xu hướng, thiên hướng, sự ngã

hướng, bản năng) của tâm ngã theo những điều thiện là đã rất ích-lợi cho người tu, thì những hành-vi của thân và lời-nói mà phù hợp (đúng) theo những điều thiện thì còn ích-lợi lớn lao hơn nhiều).

[MA giải thích: Khuynh-hướng của tâm là rất ích-lợi bởi vì nó chỉ kéo theo sự ích-lợi và hạnh-phúc, và bởi vì nó là nguyên nhân của những hành-động (nghiệp) tiếp theo sẽ phù hợp (đúng theo) với khuynh-hướng thiện đó; (khuynh-hướng thiện của tâm sẽ làm khởi sinh những hành-động thiện; thiên hướng của tâm tạo ra nghiệp tương ứng).] (110) 111 [Chữ “đã được dập tắt” là dịch chữ Pāli parinibbuto, vốn cũng có nghĩa là

“đã chứng ngộ Niết-bàn”; và chữ “giúp dập tắt” là dịch chữ Pāli pa- rinibbāpessati, vốn cũng có nghĩa là “giúp chứng ngộ Niết-bàn” hoặc “đưa đến Niết-bàn”. Nguyên cụm chữ Pāli parinibbānaya (nhờ đó để dập tắt nó) cũng có thể dịch là “để chứng ngộ Niết-bàn”. Mặc dù trong cả 03 trường hợp, cách dịch thay thế như vầy sẽ là quá mạnh so với ngữ nghĩa của chữ gốc; hàm ý của nó cho dù vậy vẫn không đủ để chúng ta dịch mạnh và thẳng luôn là “đã chứng ngộ Niết-bàn”, “giúp chứng ngộ Niết-bàn”, và “để chứng ngộ Niết-bàn”.] (111) 112 [MA chỉ ra rằng câu này có thể được hiểu theo 02 cách: (1) người bản

thân mình không còn sự hung-dữ có thể dùng sự không hung-dữ (hiền từ) đó của mình để giúp dập tắt sự hung-dữ của người khác (tha cách); và (2) người bản thân mình hung-dữ có thể tu tập sự không hung-dữ để dập tắt tánh tình hung-dữ đó của mình

(chủ cách).

- Và tất cả những chi-mục tiếp theo cũng có thể được hiểu theo 02 nghĩa tha cách và chủ cách như vậy.] (112) 113 [MA: Trách nhiệm của người thầy bi-mẫn là (truyền dạy) Giáo Pháp đúng

đắn (chánh Pháp); ngoài đó ra là sự tu-tập là công việc của những đệ tử.] (113)

Kinh 09 114 [MA giải thích: Cách-nhìn đúng đắn hay chánh-kiến có 02 loại: thế tục và

siêu thế.

- Chánh-kiến thế tục lại có 02 loại: (i) cách-nhìn (kiến) cho rằng "nghiệp tạo ra nghiệp quả", lý này được Phật giáo nắm giữ và có thể có cả những người không theo đạo Phật cũng tán thành, và (ii) là cách-nhìn đúng bằng Bốn Diệu Đế, là giáo lý riêng của Giáo Pháp của Đức Phật.

- Chánh-kiến siêu thế là sự-hiểu Bốn Diệu Đế đạt được bằng cách thâm nhập 04 thánh đạo và thánh quả. Vấn đề thầy Xá-lợi-phất đặt ra ở đây là liên quan đến bậc học-nhân (sekha), là thánh đệ tử vẫn còn đang tu học, là người có được loại chánh-kiến siêu thế dẫn dắt một cách bất thoái chuyển đến sự giải- thoát. Điều này được hàm ý bởi cụm chữ "niềm-tin bất thoái chuyển" và "đã đạt tới Giáo Pháp đích thực này".] (114) 115 [Ở đây sự bất thiện (akusala) được giảng giải bằng "mười đường nghiệp

bất thiện". 03 đường đầu thuộc về hành-động của thân (thân nghiệp), 04 đường giữa là hành-động của lời-nói (khẩu nghiệp), và 03 đường cuối là hành-động của tâm (tâm nghiệp). 10 đường bất thiện này được nói đầy đủ hơn trong kinh MN 41, mục 8–10.] (115) 116 [Những đây được gọi là những gốc-rễ của sự bất thiện bởi vì chúng động

cơ cho tất cả những hành-động bất thiện. Một bài nghiên cứu đầy đủ chi tiết và thông tin về những gốc-rễ này và những gốc-rễ đối-trị của nó đã được viết bởi nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera, có tên là "Những Gốc Rễ Thiện và Ác".] (116) 117 [10 đường nghiệp thiện này cũng được nói lại trong kinh MN 41, mục 12–

14.] (117) 118 [MA giải thích sự-hiểu của người đệ tử về 04 điều này theo cách diễn đạt

bằng Bốn Diệu Đế như vầy: tất cả những đường nghiệp là sự-thật về khổ (Diệu Đế 1); những gốc-rễ thiện và bất thiện là sự-thật về nguồn-gốc khổ (Diệu Đế 2); sự không xảy-ra của những loại nghiệp và những gốc-rễ của chúng là sự-thật về sự chấm-dứt khổ (Diệu Đế 3); và con-đường thánh đạo để chứng ngộ sự chấm-dứt khổ là sự-thật về đạo (Diệu Đế 4). Tới mức độ này là mô tả một thánh đệ tử (học nhân) đang ở trong 03 chặng thánh đạo đầu (từ Nhập-lưu tới Bất-lai)—đó là người đã đạt tới chánh-kiến siêu thế nhưng chưa loại bỏ hết sạch mọi ô-nhiễm.] (118) 119 [Đoạn từ "thì người đó hoàn toàn … làm nên sự diệt-khổ" chỉ ra việc tu đã

được hoàn thành bằng các chặng thánh đạo Bất-lai và A-la-hán—đó là sự

loại-bỏ những ô-nhiễm vi tế nhất và cứng đầu nhất và sự thành tựu trí-biết cuối cùng. Ở đây, những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra tham và sân đã được loại bỏ bởi thánh đạo Bất-lai, còn khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra quan-điểm này nọ (tà kiến) và sự tự-ta (ngã mạn) và sự vô-minh được loại bỏ bằng thánh đạo A-la-hán. MA giải thích cụm chữ "khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra quan-điểm này nọ (tà kiến) và sự tự-ta (ngã mạn)" (asmī ti diṭṭhimānānusaya) nên được dịch nghĩa là "khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta như một quan-điểm (tà kiến)" bởi vì nó cũng giống như quan-điểm có cái 'ta' (thân kiến), nó cũng xảy ra khi chấp nhận ý niệm có 'cái ta' (ngã chấp) vậy.] (119) 120 [Ở đây tôi coi chữ sambhavesīnam là một trường hợp (hiếm khi) là phân

từ chủ động tương lai trong đuôi chữ -esin. [Coi thêm học giả Norman, trong quyển Elders' Verses I : Theragāthā (Trưởng Lão Kệ), chú thích 527, và học giả Gelger, trong quyển A Pāli Grammar (Văn Phạm Tiếng Pāli), 193A.] Những luận sư, là những người tôi làm theo trong lần biên tập thứ nhất của bộ kinh này, đã coi đuôi chữ -esin là một sự thành lập tính từ từ chữ esati (tìm kiếm), và do vậy họ đã giải thích cụm chữ này có nghĩa là "những người đang tìm kiếm sự hiện-hữu mới". Mời coi thêm chú thích 514 bên dưới.

- Dưỡng-chất hay thực-dưỡng (āhāra) ở đây nên được hiểu theo nghĩa rộng là điều-kiện nổi bật (duyên chính, điều-kiện rõ rệt) để liên tục sự-sống cá thể. 04 loại dưỡng-chất là: (i) Thức ăn vật chất (kabalinkāra āhāra; đoàn thực) là điều-kiện quan trọng cho thân thể vật chất; sự tiếp-xúc (xúc thực) là điều-kiện cho cảm-giác, sự cố-ý (tư thực) là điều-kiện cho thức, và thức (thức thực) là điều-kiện cho phần danh-sắc, là cơ chế tâm-sinh lý của toàn thể một 'sự- sống' cá thể.

- Dục-vọng (ái) được gọi là nguồn-gốc của dưỡng-chất theo nghĩa là dục- vọng của kiếp hiện-hữu trước là nguồn gốc của sự hiện-hữu hiện tại với sự phụ thuộc vào và sự liên tục tiêu thụ 04 loại dưỡng-chất trong kiếp này để liên tục 'sự-sống' của nó. Nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera có viết về các kinh, với nhiều chú giải, về 04 loại dưỡng-chất này trong luận văn mang tên Bốn Dưỡng Chất Của Sự Sống (The Four Nutriments of Life).] 121 [Bắt đầu 12 phần kế tiếp (từ [4]–[16]), theo chiều đảo ngược, là sự trình

bày và xem xét từng chi phần của vòng 12 nhân-duyên [sự khởi sinh tùy- thuộc, hay vòng duyên khởi]. Những (12) thuật ngữ (tên 12 chi phần) của

toàn bộ vòng 12 nhân-duyên đã được giải thích ngắn gọn trong phần Giới Thiệu, trang 30–31 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ). Chú giải chi tiết có trong Vsm XVII. Ở đây, mỗi chi phần cũng đều được nói theo 'khuôn mẫu 04-điều' (sự, nguồn, diệt, đạo) của Bốn Diệu Đế.] (121) 122 [Chỗ này nói về năm uẩn. Coi thêm kinh MN 10.38 kế dưới và kinh MN

44.2 bên dưới.] (122) 123 [Sáu cơ-sở để tiếp-xúc (sáu xứ) ở đây là chỉ sáu giác-quan (sáu nội xứ) sẽ

được liệt kê trong mục 50 bên dưới.] (123) 124 [03 loại sự hiện-hữu có được giải thích trong phần Giới Thiệu, trang 46–

48 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ), thảo luận về vũ trụ học của Phật giáo.

- Ở đây, "sự hiện-hữu" nên được hiểu theo cả 02 nghĩa là những cõi giới thực của sự tái sinh và những loại nghiệp tạo ra sự tái sinh vào những cõi giới đó.] (124) 125 [(iii) 'sự dính-chấp sai lạc mê tín vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và

những thệ nguyện' (giới-cấm thủ) là quan điểm cho rằng sự thanh-lọc có thể đạt được bằng những tục lệ bên ngoài bản thân mình (ngoại tâm), ví dụ như những lễ nghi, cúng tụng (cúng sao, cúng tế; cúng cầu, cúng giải, cúng rửa, cúng siêu, cúng ngừa, cúng chặn …), hoặc những nghi luật khắc khe khổ hạnh đối với bản thân; hoặc (iv) sự dính-chấp theo thuyết có 'ngã' (ngã- thuyết thủ) đồng nghĩa với quan-điểm có danh-tánh cái 'ta' (thân kiến), trong 1 hay 20 dạng của nó [được nói trong kinh MN 44.7]; bao gồm cả sự dính- chấp vào tất cả những loại quan-điểm khác [ngoài 02 loại giới-cấm thủ và thân kiến được nói riêng ở trên]. Những sự dính-chấp (thủ) dù là dạng nào cũng thể hiện sự làm tăng thêm dục-vọng, và dục-vọng là điều-kiện (duyên) của nó (sự dính-chấp).] (125) 126 [Dục-vọng vì những đối-tượng của tâm (dhammataṇhā) là dục-vọng vì tất

cả những đối-tượng của thức, ngoài những đối-tượng của năm loại thức giác- quan kia (thức mắt… thức thân). Ví dụ như: dục-vọng muốn được những cảnh tượng mộng tưởng và những hình ảnh của tâm, muốn được những ý tưởng trừu tượng và những hệ luận trí thức, muốn được những cảm-giác và những trạng thái cảm xúc… vân vân.] (126)

127 [Sự tiếp-xúc (phassa) được định nghĩa trong kinh MN 18.16 là sự gặp-

nhau của cơ-sở tiếp xúc (nội xứ, giác quan), đối-tượng của nó (ngoại xứ) và thức. Sự gặp nhau của 03 thứ này là sự tiếp-xúc.] (127) 128 [Cơ-sở tâm hay tâm xứ (manāyatana) là danh từ chung để chỉ tất cả

những loại thức. Một phần của cơ-sở này—là "thứ liên-tục sự hiện-hữu" (bhavanga) hay siêu thức—là "cửa" để khởi sinh thức của tâm (tâm thức). Coi thêm chú thích 130 bên dưới.] (128) 129 [Phần "tâm-thân" hay "danh-sắc" (nāmarūpa) là một thuật ngữ ô dù bao

trùm để chỉ cái cơ-chế tâm lý-sinh lý (của một 'cá thể', một 'chúng sinh'); ngoại trừ thức.

- 05 yếu-tố tâm (tâm sở) được đề cập dưới phần danh (nāma) là không thể thiếu đối với thức, và do vậy chúng thuộc về tất cả sự trải nghiệm có ý thức. Còn 04 yếu-tố lớn (tứ đại) thuộc vật chất thì cụ thể đại diện cho những thể vật chất căn bản như thể cứng, thể lỏng, thể nhiệt, thể khí (đất, nước, lửa, gió). Thể vật chất tức phần sắc là có từ những yếu-tố tứ đại này là gồm có: (i) chất-liệu của 05 căn cảm-nhận (05 giác-quan ở thân); tính luôn 05 đối-tượng giác quan—hình sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị,

[những thứ hữu hình là 03 yếu-tố đất, lửa, và khí (?)]; (ii) căn mạng sống thuộc về vật chất (tức căn mạng của sắc thân), những tinh cốt dinh dưỡng, sự quyết định giới tính, và những loại hiện-tượng vật chất khác. Coi thêm trong phần Giới Thiệu, trang 56 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ).] (129) 130 [Thức (của) tâm hay tâm-thức (manovinnāṇa) gồm tất cả các thức, trừ 05

loại thức kia thuộc thân (thức-mắt … thức-thân). Nó gồm cả thức của những tâm ảnh, những ý tưởng trừu tượng, và những trạng thái bên trong của tâm, và gồm cả thức trong sự quán chiếu về những đối-tượng giác quan.] (130) 131 [Trong phạm vi (ngữ cảnh, giáo lý) 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (duyên khởi)

thì những sự tạo-tác [hành] (sankhārā) là những sự cố-ý (tư) thiện và bất thiện, hoặc nói gọn, đó là nghiệp (kamma). Những sự tạo-tác của thân (thân hành) là sự cố-ý được thể hiện thông qua thân, những sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành) là sự cố-ý được thể hiện thông qua lời-nói, những sự tạo-tác của tâm (tâm hành) là sự cố-ý vẫn còn nằm bên-trong chưa thể hiện ra thành hành-vi của thân hay bằng lời-nói.] (131)

132 [Nên ghi nhớ rằng: Vô-minh là điều-kiện (duyên) làm khởi sinh những ô-

nhiễm (lậu hoặc), thì tới phiên những ô-nhiễm—tính luôn cả ô-nhiễm của/do vô-minh (vô minh lậu)—cũng là điều-kiện (duyên) làm khởi sinh vô-minh. (Có vô-minh là có ô-nhiễm; còn ô-nhiễm là còn vô-minh. Hết ô-nhiễm là hết vô-minh; hết vô-minh là hết ô-nhiễm). MA nói rằng "sự tác-động này của vô-minh" nên được hiểu có nghĩa là vô-minh trong mọi kiếp hiện-hữu là do tác động bởi vô-minh của kiếp hiện-hữu trước đó. Bởi do như vậy, nên mới có kết luận (bởi Phật) rằng vô-minh là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được, và do vậy vòng luân-hồi (saṁsāra) là không có điểm khởi thủy có thể nhận biết được.] (132)

Kinh 10 133 [Đây là một trong những bài kinh quan trọng nhất trong Tam Tạng Kinh

Pāli, chứa đựng những lời tuyên thuyết toàn diện nhất về con đường trực-tiếp nhất để chứng ngộ mục-tiêu của Phật giáo.

Bài kinh này hầu như giống với kinh DN 22, chỉ khác trong DN 22 phần nói về Bốn Diệu Đế được phân tích mở rộng thêm nhiều (do vậy nó mới được kết tập trong Bộ Các Kinh Dài là DN).

- Bài kinh này, cùng với luận giảng về nó, với những trích đoạn phong phú từ "Tiểu luận giảng" khó hiểu nhưng soi sáng ra nhiều ý nghĩa, đã được trình bày trong bản dịch của nhà sư trưởng lão Soma Thera, có tên là "Con đường Chánh-Niệm". Nhà sư trưởng lão Nyanapnika Thera cũng có một bản dịch kinh này cùng với phần chú giải hiện đại cũng giảng giải sáng tỏ và sâu sắc từng giáo lý của bài kinh, trong quyển sách có tên "Trái Tim Của Thiền Phật Giáo".] (133) 134 [Thị trấn này được nhiều học giả nói là nằm gần thủ đô Delhi ngày nay.]

(134) 135 (Trước hết, mời quý vị đọc chú thích chỗ này trong quyển "Trích Chọn

Các Kinh Theo Những Chủ-Đề Giáo Lý" của TKBĐ được ghi như vầy: [Nguyên văn tiếng Pāli là "ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo". Hầu hết các dịch giả đều hiểu câu này như một lời tuyên bố rằng "các nền tảng chánh- niệm" (satipaṭṭhāna) là con đường duy nhất. Nhà sư trưởng lão Soma Thera đã dịch: "Này các Tỳ kheo, đây là con đường duy nhất", và trưởng lão Nyanaponika Thera thì dịch: "Này các Tỳ kheo, đây là con đường độc nhất".

Phần Chú Thích • 499

Tuy nhiên, trong kinh MN 12.37–42 thì chữ "ekāyana magga" có ngữ nghĩa rõ ràng là "một con đường đi theo một hướng duy nhất", và có lẽ đây cũng là ngữ nghĩa phù hợp nhất so với các diễn dịch khác! Ý nghĩa chỉ đơn giản như là: "các nền tảng chánh-niệm" (satipaṭṭhāna) đi về một hướng, đó là đi về hướng để "làm trong-sạch chúng sinh ..." hay để dẫn tới "sự thanh-lọc của chúng sinh ... cho tới sự chứng ngộ Niết-bàn".])

[Tiếng Pāli của câu này là "ekāyano ayaṁ bhikkhave maggo", và hầu hết những dịch giả đều hiểu câu này muốn nói Các Nền Tảng Chánh Niệm hay Các Niệm Xứ (satipaṭṭhāna) là một con đường độc nhất. Do vậy nhà sư trưởng lão Soma đã dịch là: "Đây là con đường độc nhất", và trưởng lão Nyanaponika cũng dịch là: "Đây là con đường duy nhất". Tuy nhiên, nhà sư dịch giả từ đầu của bộ kinh này là Ñm đã chỉ ra rằng cụm chữ ekāyana mag- ga như trong kinh MN 12.37–42 theo ngữ cảnh đó có nghĩa rõ rệt không thể nghi ngờ là "một con đường chỉ đi về một hướng", và do đó thầy ấy đã dịch cụm chữ theo nghĩa này. Tuy vậy, trong bản dịch này ở đây [của Ñm và đã được biên tập hiệu đính bởi TKBĐ] thì ghi là "con đường trực tiếp", đó là sự cố gắng bảo lưu ý nghĩa cho được trực-nghĩa hơn (với nghĩa nôm na là 'con đường một hướng trực tiếp dẫn tới Niết-bàn').

- MA giải thích ekāyana magga là con đường duy nhất, không phải con đường được phân nhiều nhánh hay phân nhánh; vì nó là một con đường phải được bước đi bởi chính một mình mình, không thể có người đồng hành trên 'con đường (tu tâm) của mình'; và là con đường đi tới một mục-tiêu, Niết- bàn. Mặc dù không có căn cứ nào từ Kinh Tạng hay các luận giảng để ủng hộ, nhưng ý kiến cho rằng satipaṭṭhāna được gọi là ekāyana magga, con đường trực tiếp hay trực chỉ, là (mục đích) để phân biệt với cách tu (gián tiếp) khác là thiền-định thông qua sự chứng đắc những tầng thiền định (jhāna) hoặc những phạm-trú (brahmavihāra). Những phần tu gián tiếp đó không nhất nhất sẽ dẫn đến mục-tiêu mà chỉ dẫn người tu tới những đường phụ nằm sát con-đường chính là satipaṭṭhāna, và từ đó satipaṭṭhāna sẽ dẫn người tu đi một hướng trực tiếp tới mục-tiêu cuối cùng.] (135) 136 [Chữ satipaṭṭhāna là một thuật ngữ chữ ghép. Phần đầu là chữ sati, nghĩa

gốc của nó là "sự nhớ", nhưng trong cách dùng tiếng Pāli của Phật giáo thì nó thường xuyên có nghĩa rộng hơn nhiều là "sự chú-tâm được hướng vào hiện- tại"—và do vậy một cách dịch khác là "sự chánh-niệm". Phần hai thì được giải thích theo 02 cách: (i) là dạng thu ngắn của chữ upaṭṭhāna, có nghĩa là

500 • Phần Chú Thích

“sự thiết lập” hay “sự thành lập” [sự chánh-niệm], và (ii) là chữ paṭṭhāna, có nghĩa là “lãnh địa, trú xứ, xứ” hay “nền tảng” [của sự chánh-niệm]. Do vậy bốn satipaṭṭhāna có thể được hiểu là (i) 04 phương-cách để thiết-lập sự chánh-niệm hay (ii) 04 nền-tảng (lãnh địa, trú xứ, cơ sở) của sự chánh-niệm, sẽ được giảng rộng ra trong những phần tiếp theo của bài kinh. Nghĩa thứ nhất (i) có vẻ là nguồn gốc chính xác về mặt từ nguyên [cũng được xác nhận bởi nguồn tiếng Phạn là smṛtyupasthāna], nhưng những luận sư Pāli, tuy thừa nhận cả 02 nghĩa, vẫn thiên vị theo nghĩa thứ hai (ii) nhiều hơn.] (136) 137 [MA nói rằng trong ngữ cảnh này, chữ “Tỳ kheo” là một thuật ngữ chỉ một

người nhất thiết nhiệt thành để hoàn thành sự tu-tập giáo pháp: “Ai nhận lãnh sự tu-tập… thì ở đây được bao gồm dưới danh từ “Tỳ kheo”. (Nghĩa là chữ “Tỳ kheo” ở đây là tính gồm cả những người tại gia nhiệt thành tu tập Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm; chứ không phải kinh này chỉ được nói cho các Tỳ kheo hay giáo pháp trong kinh này chỉ được dùng và thực hành bởi các Tỳ kheo).] (137) 138 [Sự lặp lại của cụm chữ “quán sát thân trong thân” (kāye kāyānupassī),

theo luận giảng MA, có mục-đích là để quyết định rõ ràng về đối-tượng để quán sát (thiền quán, quán niệm) và để tách biệt đối-tượng đó khỏi những đối-tượng khác vốn có thể làm lẫn lộn, rối tâm. Do vậy, (i) trong cách tu này, thân nên được quán sát đúng như nó là vậy, và không để những cảm-giác, ý nghĩ và những cảm-xúc xía vô nó. (ii) Cụm chữ cũng có nghĩa rằng thân nên được quán sát đơn giản chỉ là thân chứ không phải là một người nam, một người nữ, là ‘ta’, hay ‘một chúng sinh’.

Những cách suy-xét tương tự vậy cũng được áp dụng cho những chỗ lặp lại (điệp khúc) trong 03 nền tảng chánh-niệm còn lại (những cảm-giác, tâm, và những đối-tượng của tâm).

- “Sự thèm-muốn và sự buồn-phiền” (tham và ưu) theo MA là chỉ tham-dụcvà sự ác-ý, là 02 chướng-ngại chính trong 05 chướng-ngại cần phải được chinh phục để sự tu-tập được thành công, đã được liệt kê riêng ở mục 36 bên dưới.] (138) 139 [Cấu-trúc của bài kinh này là khá đơn giản. Tiếp theo phần dẫn nhập (mở

đầu), toàn bộ bài kinh được phân thành 04 PHẦN là 04 nền tảng chánh-niệm:

I. Quán Sát THÂN, gồm 14 bài thực hành: (1) sự chánh-niệm hơi-thở; (2) sự quán sát bố tư-thế; (3) sự rõ-biết hoàn toàn (tỉnh giác); (4) sự chú-tâm tới sự không-sạch ô-uế của các bộ phận của thân; (5) sự chú-tâm tới các yếu-tố lớn (tứ đại); (9-14) sự quán sát về 09 giai đoạn tử thi ở nghĩa địa—09 giai đoạn tan rã hư hoại của thân sau khi chết.

II. Quán Sát NHỮNG CẢM-GIÁC, được coi là 01 bài thực hành.

III. Quán Sát TÂM, cũng được coi là 01 bài thực hành.

IV. Quán Sát NHỮNG ĐỐI-TƯỢNG CỦA TÂM, gồm có 05 chi-phần—năm chướng-ngại; năm uẩn; sáu cơ-sở cảm-nhận; bảy chi giác-ngộ; và Bốn Diệu Đế—được coi như 05 bài thực hành.

Như vậy bài kinh nói ra tất cả 21 bài thực hành về sự quán-sát (thiền quán). Mỗi bài thực hành lại có 02 phương-diện: (i) sự thực hành căn bản được giải thích trước và (ii) phần bổ sung thêm về sự minh-sát [không thể thiếu và đều có giống nhau đối với tất cả mọi bài thực hành nói trên] để chỉ ra cách sự quán-sát được tu tập để làm sâu sắc sự-hiểu về những hiện-tượng dưới sự điều tra tìm hiểu (trạch pháp).

Cuối cùng bài kinh kết luận với một lời tuyên bố bảo đảm trong đó Phật đích thân xác nhận hiệu-quả của pháp-tu này bằng cách tuyên bố những kết-quả của sự thực hành liên tục là thánh quả A-la-hán hoặc Bất-lai.] (139) 140 [Sự thực hành 'sự chánh-niệm hơi-thở' (ānāpānasati) là không dính líu sự

cố ý để điều tiết hay tác động hơi-thở như kiểu người ta làm trong môn khí công hay yoga kiểm soát hơi-thở (hatha yoga), mà là sự nỗ lực được duy trì để cố định sự ý-thức rõ (để ý biết rõ, 'nhìn') vào hơi-thở khi nó đi vô và đi ra theo nhịp tự nhiên của nó. Sự chánh-niệm được thiết lập ở giữa hai lỗ mũi hay ở giữa môi trên hay chỗ nào có sự tiếp-xúc của hơi-thở được cảm nhận rõ nhất (như bụng); chỉ để-ý đến (nhận biết, ghi nhận) độ ngắn dài của hơi-thở chứ không phải kiểm soát nó một cách có ý thức.

- Toàn bộ phương pháp tu tập thiền "sự chánh-niệm hơi-thở" đã được nói đầy đủ chi tiết trong một kinh riêng là kinh MN 118.

- Có một quyển tuyển chọn các kinh có nói về chủ đề này bởi chính nhà sư Ñāṇamoli có tên là "Chánh-Niệm Về Hơi-Thở". Coi thêm Vsm VIII, 145– 244.] (140) 141 [MA giải thích "trải nghiệm toàn thân" (sabbakāyapaṭisaṁvedī) có nghĩa

là người thiền trở nên ý thức rõ từng hơi-thở vô và hơi-thở-ra suốt toàn bộ chu kỳ 03-chặng của nó là chặng đầu, giữ, và cuối. Trong ấn bản đầu tiên tôi làm theo sự chú giải này và thêm vào trong ngoặc thành như vầy: "toàn thân [của hơi-thở]", Tuy nhiên, sau này xem xét lại thấy cách dịch nghĩa này dường như mình ép nghĩa, và do vậy giờ tôi chọn dịch nghĩa theo đúng nghĩa chữ được viết trong kinh gốc. Cũng khó nhìn ra cách nào àm chữ paṭisaṁvedī có thể có nghĩa là "ý-thức rõ về" hay 'để ý biết rõ' khi nó dựa trên một động từ là "trải nghiệm".] (141) 142 ["Sự tạo-tác của thân" hay thân hành (kāyasankhāra) được định nghĩa

trong kinh MN 44.13 chính là sự-thở vô-và-ra. Như vậy suy ra, theo MA chú giải, thì khi tu tập đúng đắn và thành công phương pháp này thì sự-thở của người thiền cành lúc càng trở nên nhẹ đi, tĩnh lặng, và bình an.] (142) 143 [MA chú giải: "ở bên trong" nghĩa là: quán sát hơi-thở trong chính thân

mình. Còn "ở bên ngoài": quán sát hơi-thở xảy ra trong thân người khác. "Ở bên trong và bên ngoài": quán sát hơi-thở của chính mình và hơi-thở trong thân người khác lần lượt lẫn nhau, bằng sự chú-tâm liền tục không gián đoạn.

Sự giải thích tương tự cũng áp dụng cho những điệp khúc bên dưới của mỗi phần "nền tảng chánh-niệm" còn lại, ngoại trừ là sự quán-sát những cảm- giác, tâm, và những đối-tượng của tâm "ở bên-ngoài" là không có, nếu có thì chỉ là do suy-luận chứ

không phải sự trải-nghiệm của người thiền [trừ khi người thiền có được loại thần thông thần giao cách cảm hay tha-cảm].] (143) 144 [Cụm chữ samudayadhammānupassī kāyasmiṁ viharati thường được dịch là "người đó an trú quán sát trong thân những yếu-tố đang khởi sinh của nó" [như tôi đã biên tập như vậy trong lần ấn bản đầu tiên] với giả định rằng toàn cụm chữ có một chữ số nhiều là samudayadhammā. Tuy nhiên, một nghĩa số nhiều như vậy không phải quyết định, và sẽ phù hợp hơn nếu dịch theo cách dùng đuôi chữ -dhamma ở chỗ khác ở đó nó có nghĩa là "tùy thuộc theo", "bị dính theo" hay "có bản chất của". Sự chú giải của luận giảng về những yếu-tố tác động đối với mỗi "nền tảng chánh-niệm" (mỗi niệm xứ)

không hàm nghĩa là luận giảng đã hiểu đuôi chữ -dhamma có nghĩa là những yếu-tố tác động thực sự.

- MA giải thích rằng "bản chất khởi sinh" (samudayadhamma) của thân có thể được quan sát (i) trong chính sự khởi-sinh có điều-kiện (duyên sinh) của nó thông qua vô-minh, dục-vọng, và dưỡng-chất, cũng như trong (ii) sự khởi- sinh của những hiện-tượng trong từng mỗi giây-khắc (sát-na) trong thân. Trong trường hợp "sự chánh-niệm hơi-thở", điều-kiện bổ sung là bộ máy hô hấp sinh vật lý.] (144) 145 [MA giải thích câu này có nghĩa là: Vì mục-đích để có được mức độ của

sự-biết và của sự chánh-niệm càng lúc càng rộng hơn và càng lúc càng cao hơn.] (145) 146 [Sự hiểu về những tư-thế của thân được nói đến trong bài thực hành này

không phải là sự biết tự nhiên thông thường của chúng ta về hành-vi thân của chúng ta, mà đó là sự ý-thức rõ, sát sao, và kỹ càng về thân trong mọi tư-thế, cùng với sự xem-xét có phân tích nhằm xua tan sự si-mê về một cái 'ta' (ngã) là tác nhân của những động tác của thân; (thiền quán để phá ngã kiến).] (146) 147 [Sự rõ-biết, sự biết rõ ràng, sự ý-thức rõ, sự tỉnh-giác là dịch chữ sampa-

janna, nó cũng được dịch bởi một số nhà sư là "sự hiểu, sự hiểu-biết rõ ràng" [Soma, Nyanaponika]. Thuật ngữ này được phân tích trong các luận giảng thành 04 loại: (i) sự ý thức hoàn toàn về mục-đích của hành-động của mình; (ii) sự ý thức hoàn toàn về sự phù-hợp của phương-tiện của mình; (iii) sự ý thức hoàn toàn về trú-xứ, đó là: không dẹp bỏ đề-mục thiền trong những việc làm hằng ngày của mình (tức thiền quán trong mọi hành-vi sinh hoạt hàng ngày); và (iv) sự ý thức hoàn toàn về thực-tại, đó là: sự-biết rằng đằng sau những hành-vi hoạt động của mình là không-có cái 'ta' (bản ngã) thường hằng nào cả, (rằng mọi sự là vô ngã). Mời đọc thêm các quyển Con Đường Chánh-Niệm của nhà sư Soma, trang 60–100; Trái Tim Của Thiền Phật Giáo của nhà sư Nyanaponika, trang 46–55.] (147) 148 [Nguyên thủy danh sách này có 31 bộ phận của thân, trong những kinh

sách Pāli về sau có thêm "não" vào danh sách thành 32 bộ phận. Mọi chi tiết về sự thiền quán về những bộ phận của thân này đã được giảng giải một cách chi tiết trong Vsm VIII, 42–144.] (148)

149 [04 yếu-tố lớn (tứ đại) này đã được giảng giải bởi Phật giáo như là những

thuộc-tính căn bản của vật chất—đó là: thể cứng, thể lỏng, thể nhiệt, và thể khí, (được gọi nôm na là đất, nước, lửa, gió). Sự giảng giải chi tiết về chúng cũng có trong Vsm XI, 27–117.] (149) 150 [Chữ "như thể" (seyyathāpi), (hay "như thể, giống như"), gợi ý rằng cách

thiền này, và những bước tiếp theo sau, khi thiền không cần thiết phải thực tế quan sát một xác chết thật trước mặt, mà có thể thực hiện một cách tưởng tượng (quán tưởng) như thể mình đang nhìn thấy xác chết trước mặt. Chữ "thân y hệt này" hay "thân này" dĩ nhiên là chỉ thân của người thiền—nó cũng là thân cùng-loại với thân của xác chết đó.] (150) 151 [Mỗi loại trong 04 loại thân (5), (6), (7), và cả 03 loại (7), (8), (9) bên

dưới, có thể được coi là mỗi đề-mục thiền riêng biệt và đầy đủ; hoặc cũng có thể coi tất cả chúng là một bộ đề-mục tiến dần để thiền tạo ấn tượng cho cái tâm về sự vô thường biến đổi và sự mong manh tan rã của thân.

- Tiến trình tiếp tục từ mục 26–30. Danh sách xương ở đây được dịch từ phiên bản lặp lại của ấn bản BBS.] (151) 152 [Cảm-giác (vedanā) biểu thị chất lượng ảnh hưởng của sự trải nghiệm; có

thể là những cảm-giác thuộc thân và thuộc tâm, dễ chịu, khó chịu, hoặc trung tính (không dễ chịu không khó chịu). Có những ví dụ về những dạng cảm- giác "thế tục" và cảm-giác "phi thế tục" được nói trong kinh MN 137.9–15 dưới những tiêu đề của 06 loại vui, buồn, và buông-xả lần lượt được dựa trên đời sống tại gia và đời sống xuất gia.] (152) 153 [Những điều-kiện (duyên) cho sự khởi-sinh và biến-diệt của cảm-giác là

cũng giống như sự khởi-sinh và biến-diệt của những hiện-tượng thuộc thân [coi lại chú thích 144], chỉ khác là thay vì "thức ăn" cho thân giờ được đổi thành "sự tiếp-xúc" cho cảm-giác, vì sự tiếp-xúc chính là điều-kiện (duyên) làm khởi sinh cảm-giác (xúc duyên thọ); [coi thêm kinh MN 9.42].] (153) 154 [Tâm ở đây là citta, là một đối-tượng để thiền quán chỉ tcái trạng-thái

chung và mức độ chung của thức. Vì bản thân thức, trong bản chất của nó, là sự thuần-biết hay sự nhận-biết một đối-tượng, tính chất của mỗi trạng thái tâm được quyết định bởi những yếu-tâm (tâm sở) kết nối (câu hữu) với nó, như tham, sân, si hoặc những yếu-tố ngược lại là vô-tham, vô-sân, vô-si đã được nói đến trong bài kinh.] (154)

155 [Những ví dụ về tâm (citta) được nói trong đoạn kinh này là các trạng thái

tâm đối ngược nhau—lành mạnh và không lành mạnh, thiện và bất thiện, hoặc đã được tu tập và chưa được tu tập. Tuy nhiên, chỉ có cặp tâm "bị co lại" và "bị xao lãng" tuy đối ngược nhau nhưng cả 02 đều thuộc loại tâm không thiện—tâm "bị co lại" (hay thụ động) là do chướng-ngại thứ ba "buồn ngủ và đờ đẫn" và tâm "bị xao lãng" là do chướng-ngại thứ tư "bất-an và hối-tiếc". Luận giảng MA giải thích tâm "được khuếch

đại" (bao la) và tâm "không thể vượt trên" (vô thượng) là trạng thái tâm thuộc cảnh giới những tầng thiền định sắc-giới và vô-sắc giới; tâm "không được khuếch đại" (không) và tâm "còn có thể vượt trên" (chưa vô thượng) là thuộc tâm thức của cảnh dục-giới. Luận giảng MA cũng nói cái "tâm đã được giải thoát" nên được hiểu là một trạng thái tâm "chỉ là tạm thời và phần nào thoát khỏi những ô-nhiễm" bởi vì nhờ nó đang (i) ở trong tiến trình thiền quán minh-sát, hoặc đang (ii) ở trong trạng thái tầng thiền định. Vì sự tu tập "Các Nền tảng Chánh-niệm" (satipaṭṭhāna) là thuộc giai đoạn ban đầu (còn đang tu tập) của con đường đạo, cho nên luận giảng mới nói chúng ta không nên hiểu cái "tâm đã được giải thoát" ở đây là tâm đã được giải thoát rốt ráo bằng sự chứng ngộ các chặng thánh đạo siêu-thế (ví dụ như tâm của bậc thánh A-la-hán) mà đó chỉ là "sự giải thoát lâm thời và phần nào"). Tuy nhiên, dù đúng hay sai, sự diễn dịch giải thích như vậy cũng không nên bị bỏ qua; (tùy quý vị nên suy xét ý kinh chỗ này!).] (155) 156 [Những điều-kiện (duyên) cho sự khởi-sinh và biến-diệt của tâm cũng

giống như những điều-kiện đối với thân, chỉ khác là thay vì "thức ăn" cho thân giờ được đổi thành phần "danh-sắc" cho thức, bởi vì phần danh-sắc chính là điều-kiện làm khởi sinh thức (danh-sắc duyên thức); [coi thêm kinh dài DN 152, mục 2/ii.63].] (156) 157 [Chữ "những giáo pháp" ở đây là tạm dịch từ cái chữ nổi tiếng và đa hình

thái là chữ dhammā. (Nhiều nhà sư học giả đã dịch luôn là "các pháp", hoặc "những hiện-tượng", hay "những hiện-tượng thuộc tâm"). Trong ngữ cảnh này chữ dhammā có thể được hiểu là bao gồm tất cả những hiện-tượng được xếp loại theo cách những hạng mục của Giáo Pháp [Giáo Pháp là giáo lý về thực tại của Đức Phật]. Sự thiền quán này đạt tới đỉnh cao của nó bằng việc thâm-nhập giáo lý của phần cốt lõi của Giáo Pháp—đó là Bốn Diệu Đế.] (157)

158 [Năm chướng-ngại (pancanīvaraṇā, ngũ cái) là những cản-trở bên trong

đối với sự tu tập sự định-tâm (định) và minh-sát (tuệ) của tâm. (i) Tham-dục khởi sinh là do/ thông qua sự chú-tâm (tác ý) không khôn khéo (không kỹ càng; phi như lý tác ý) tới một đối-tượng hấp dẫn nhục dục, và nó sẽ được dẹp-bỏ bằng cách thiền quán về một đối-tượng sự không hấp dẫn không sạch [như trong mục §10 và mục các §14–3]; (ii) sự ác-ý khởi sinh là do/ thông qua sự chú-tâm không khôn khéo tới một đối-tượng đáng chê đáng ghét, và nó sẽ được dẹp-bỏ bằng sự tu tập tâm-từ; (iii) sự đờ-đẫn và buồn-ngủ (hôn trầm thụy miên) khởi sinh là do sự nhàm-chán và lười-biếng, và nó sẽ được dẹp-bỏ bởi sự phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn); (iv) sự bất-an và hối tiếc (trạo hối) khởi sinh do sự suy-xét không khôn khéo về những ý-nghĩ phiền quấy, và nó sẽ được dẹp-bỏ bởi sự suy-xét khôn khéo về sự tĩnh-lặng; và (v) sự nghi-ngờ khởi sinh do sự suy-xét không khôn khéo về những vấn đề đáng nghi ngờ, và nó sẽ được dẹp-bỏ bằng sự học-hiểu, sự tìm-hiểu, sự điều-tra. Những chướng-ngại sẽ hoàn toàn bị bứng sạch bởi những chặng thánh đạo siêu-thế. Để coi đầy đủ về những cách và những chặng thánh đạo mà những chướng-ngại bị bứng bỏ, mời đọc thêm quyển "Con Đường

Chánh-Niệm” của nhà sư Soma, trang 119–130; và quyển “Năm Chướng-Ngại” của nhà sư Nyanaponika Thera; và đọc thêm các kinh bên dưới MN 27.18 và MN 39.13–14.] (158) 159 [Năm-uẩn bị tác động bởi sự dính-chấp, gọi tắt là năm-uẩn bị dính chấp

(năm thủ-uẩn; panc’upādānakkhandhā) là năm nhóm yếu-tố tạo nên một cá- thể hiện hữu hay một ‘cá nhân’, hay một ‘con người’. các uẩn đã được thảo luận trong phần Giới Thiệu, trang 26–27, (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ) và đã được phân tích và giảng giải dưới dạng sự khởi-sinh và sự biến-diệt (sinh- diệt) trong kinh MN 109, mục 9.] (159) 160 [Những cơ-sở bên trong (sáu nội xứ, sáu giác quan) là sáu cơ-sở cảm-

nhận; còn sáu cơ-sở bên ngoài (sáu ngoại xứ) là những đối-tượng của mỗi chúng (sáu đối-tượng giác quan). Gông-cùm khởi sinh tùy thuộc vào những cặp có thể được hiểu theo cách của 10 gông-cùm đã được giải thích trong phần Giới Thiệu, trang 42–43 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ), hoặc đơn giản hơn theo cách của sự hấp-dẫn (tham), sự đáng ghét (sân), và sự ngu-mờ (si) nằm ẩn bên dưới.] (160)

161 [Kinh MN 118.29–40 có giảng giải cách bảy chi giác-ngộ được khai mở

theo trình tự tiến dần. Để đọc sự giảng giải chi tiết hơn, mời đọc thêm quyển “Bảy Chi giác-ngộ” của nhà sư trưởng lão Piyadassi Thera.] (161) 162 [“Sự điều-tra những trạng thái” hay “trạch pháp” (dhammavicaya) có

nghĩa là sự soi xét kỹ bằng sự chánh-niệm về những những hiện-tượng (giáo pháp) thuộc tâm và thuộc thân được thể hiện đối với tâm của người thiền.] (162) 163 [Các luận giảng đều giải thích chi tiết những điều-kiện đưa đến sự chín

chắn trưởng thành của những chi giác-ngộ. Coi thêm quyển Con Đường Chánh-Niệm (The Way of Mindfulness), trang 134–149.] (163) 164 [Phần nền tảng chánh-niệm thứ tư [sự thiền quán về những giáo pháp

(quán pháp)] đạt đến đỉnh-cao bằng sự-hiểu Giáo Pháp trong công thức cốt lõi của nó là Bốn Diệu Đế. Phiên bản dài của kinh này là Đại Kinh Các Nền Tảng Chánh-Niệm (Mahāsatipaṭṭhāna), kinh DN 22, đã đưa ra những định nghĩa mở rộng hơn và có thêm những đoạn điệp khúc sau mỗi Diệu Đế. (Coi thêm chú thích 133 ở kinh MN 10 ở trên).] (164) 165 [Trí-biết cuối cùng (annā) là trí-biết của A-la-hán về sự giải-thoát cuối

cùng. Thánh quả Bất-lai (anāgāmitā) dĩ nhiên là trạng thái của bậc thánh Bất- lai, người được tái sinh trong một cõi cao hơn (trong 01 trong 05 cõi trời Trong-Sạch, Tịnh cư thiên) và từ ở đó người đó chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng chứ không còn quay lại thế giới cõi người này nữa.] (165)

Kinh 11 166 [Chữ “chỉ ở đây” có nghĩa chỉ có trong Tăng Đoàn của Đức Phật. Bốn sa-

môn (samaṇa) được nói là bốn cấp bậc thánh đệ tử—Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất- lai, và A-la-hán. “Tiếng gầm sư tử” (sīhanāda), theo MA, là tiếng gầm của uy-quyền và sự không sợ-hãi, là tiếng gầm không thể bị lẫn lộn với tiếng khác. Liên quan với lời tuyên bố của Phật, mời coi thêm phần thảo luận với Ngài Subhadda trong Đại Kinh

Bát-Niết-Bàn (Mahāparinibbāna Sutta), DN 16, mục 5.27/ ii.151–52).] (166) 167 [MA giải thích: Mặc dù những người theo các đạo giáo khác đều tuyên bố

thánh quả A-la-hán—[được hiểu với nghĩa chung là sự toàn-thiện về tâm

linh]—là mục-tiêu, nhưng họ đều lại chỉ ra những sự chứng-đắc khác (như chứng đắc thiền định) là mục-tiêu cộng với những quan-điểm này nọ (tà kiến) của họ. Như vầy: những bà-la-môn thì tuyên bố cõi trời Brahma (Phạm thiên giới) là cảnh giới mục-tiêu; những ẩn sĩ khổ sĩ thì uyên bố cõi những thiên thần phát quang thành dòng (Quang âm thiên) là cảnh giới mục-tiêu; những du sĩ thì tuyên bố cõi những thiên thần hào quang rực rỡ (Quang minh thiên) là cảnh giới mục-tiêu, và những người ngoại đạo (Ājīvaka) thuộc giáo phái Ni-kiền-tử thì lại tuyên bố trạng thái không còn nhận-thức (phi tưởng), mà họ tưởng tượng là "cái tâm vô hạn", là cảnh giới mục-tiêu."] (167) 168 ["Thuận và nghịch" (anurodhapaṭivirodha) có nghĩa là phản ứng với sự

hấp-dẫn bằng tham và với sự đáng-ghét bằng sân. (Thuận và nghịch là thấy sướng, đẹp… liền tham theo; thấy khổ, xấu… liền sân bực).] (168) 169 [Sự phóng-tâm là tạm dịch chữ papanca (sự phóng-tâm thuộc/theo khái

niệm này nọ, thuộc/theo ý-niệm này nọ của người đó). Theo MA, sự phóng- tâm ở đây là hành-vi của tâm bị quản thúc bởi dục-vọng và những tà-kiến. Để thêm chi tiết về thuật ngữ quan trọng này, mời đọc thêm chú thích 229 bên dưới.] (169) 170 [Quan-điểm hiện-hữu hay hữu kiến (bhavadiṭṭhi) là tư tưởng trường tồn

bất diệt, niềm tin có một cái 'ta' (ngã, linh hồn) bất diệt và truyền kiếp; còn quan-điểm không hiện-hữu hay phi-hữu kiến (vibhavadiṭṭhi) là tư tưởng diệt vong, sự từ-chối mọi nguyên lý về sự liên-tục là cơ sở cho sự tái-sinh và nghiệp-báo. Việc nhận lấy một trong hai quan-điểm này dẫn tới việc đối- nghịch với quan-điểm còn lại; điều này lọt vào trường hợp mới nói trên là "người còn thuận và nghịch".] (170) 171 [Nguồn-gốc (samudaya) của những quan-điểm này, MA đưa ra 08 điều-

kiện là nguồn-gốc: năm uẩn, sự vô-minh, sự tiếp-xúc, nhận-thức, ý-nghĩ, sự chú-tâm không khôn khéo (phi như lý tác ý), sự có bạn xấu, và lời của người khác. Sự biến-mất (atthangama) của chúng là thánh đạo Nhập-lưu, ở đó người tiêu đã đạt tới chánh-kiến, đã bứng bỏ mọi tà-kiến này nọ. Sự thỏa- thích (assāda) có thể được hiểu là sự thỏa mãn nhu cầu tâm lý mà chúng mang lại (như khoái, thích, sướng, vui…); sự nguy-hại (ādīnava) là sự trói buộc liên tục mà chúng đưa đến (tức sau sự thỏa-thích là những hệ quả, hệ lụy, khổ, chán, ghét, bực… khi chúng không còn); sự thoái-khỏi (nissaraṇa) khỏi chúng là Niết-bàn.] (171)

172 [MA giải nghĩa sự hoàn-toàn hiểu (parinnā; liễu ngộ) ở đây là sự vượt

qua, sự vượt trên (samatikkama), theo cái ý nghĩa theo luận giảng của chữ pahānaparinnā (sự hoàn-toàn hiểu là đồng nghĩa với sự dẹp-bỏ). Coi chú thích số 7 ở

trên.] (172) 173 [Đoạn kinh này cho thấy sự khác-biệt quan trọng giữa giáo lý của Phật so

với những giáo lý của các đạo khác ở chỗ Phật có "sự hoàn-toàn hiểu về sự dính-chấp theo thuyết hữu-ngã". Điều này có nghĩa là chỉ riêng Đức Phật có thể chỉ ra cách để vượt qua tất cả quan-điểm có cái 'ta' (ngã kiến) bằng cách tu tập sự thâm nhập và nhìn thấu sự thật vô-ngã.

Do những đạo sư khác thiếu sự-hiểu về sự vô-ngã, cho nên sự tuyên bố của họ về sự hoàn-toàn hiểu về 03 sự dính-chấp (i), (ii), và (iii) cũng còn đáng ngờ, (vì nếu không hiểu sự thật vô-ngã thì cũng khó hoàn-toàn hiểu 03 sự dính-chấp đó).] (173) 174 [MA giải thích câu này nghĩa là: Đức Phật đã dạy cách mà (i) sự dính-

chấp theo những khoái-lạc giác-quan (dục thủ) [được hiểu là bao gồm tất cả mọi sự tham-dục, theo MṬ] sẽ được trừ bỏ bởi thánh đạo A-la-hán, còn 03 sự dính-chấp (ii), (iii), và (iv) được trừ bỏ bởi thánh đạo Nhập-lưu.] (174) 175 [Đoạn kinh này được nói ra để chỉ cách mà sự dính-chấp (thủ) sẽ được trừ

bỏ. Tiếp tục theo vòng nhân-duyên (sự khởi-sinh tùy thuộc): sự dính-chấp được truy nguyên theo từng mắc-xích tới tận nguyên nhân gốc rễ của nó là vô-minh, và rồi sự tiêu diệt vô-minh (vô-minh diệt) cho thấy có nghĩa là sự bứng sạch sự dính-chấp (thủ diệt).] (175) 176 [Thành ngữ Pāli ở đây là "n'eva kāmupādānaṁ upādiyati" được dịch theo nghĩa chữ của nó là: "Người đó không dính-chấp theo sự dính-chấp theo những khoái-lạc giác quan (dục thủ)", nhưng cách dịch này có thể làm che mờ hơn là chuyển tải "ý nghĩa" của nó. Chữ upādāna (sự dính-chấp, sự chấp- thủ, thủ) trong tiếng Pāli là đối-tượng của chính cái thể động từ của nó, trong khi trong tiếng Anh (hay tiếng Việt) thì chữ "sự dính-chấp" không phải như vậy. Có một thời khi đang dịch bộ kinh MN này, nhà sư Ñm đã cố giải quyết vấn đề chỗ này bằng cách vay mượn một nghĩa khác của chữ upādāna là "nhiên liệu" và đã dịch là: "người đó không còn dính-chấp theo những khoái- lạc giác-quan [là nhiên liệu cho] sự dính-chấp." Tuy nhiên cách dịch này cũng gần như làm che mờ ý nghĩa của lời kinh gốc, và do vậy tôi đã cố gắng

giải quyết khó khăn chỗ này bằng cách dịch thẳng ra theo đúng "hàm nghĩa" chứ không bám theo "nghĩa chữ" của thành ngữ Pāli này.] (176)

Kinh 12 177 [Kinh Sunakkhatta Sutta (MN 105) đã được Phật nói cho Sunakkhatta, rõ

ràng đó là lúc trước khi Sunakkhatta gia nhập Tăng Đoàn. Câu chuyện về sự bỏ tu hoàn tục của Sunakkhatta có ghi trong kinh dài Pāṭika Sutta (DN 24). Thầy ấy đã bất mãn và rời bỏ Tăng Đoàn bởi vì Phật không chịu biểu diễn những màn thần-thông cho thầy ấy và cũng không nói cho thầy ấy biết về sự khởi-đầu của mọi sự (vì sự khởi-đầu của mọi sự là không thể nào nhận biết được, theo lý Duyên Khởi).] (177) 178 [Những trạng thái siêu nhân (uttari manussadhammā) là những trạng-thái,

những đức-hạnh, hay những sự chứng-đắc cao hơn những đức-hạnh của người thường chỉ gồm có 10 đường nghiệp thiện [coi MN 09.6]; những trạng thái siêu nhân gồm có:

những tầng thiền định (jhāna), sáu loại trí-biết (minh), và những thánh đạo và thánh quả. “Sự khác-biệt về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh” (alamariyanāṇadassanavisesa) là cụm chữ thường được dùng trong các kinh, để chỉ tất cả những trình độ bậc cao của trí-biết về thiền (thiền trí) là đặc tính của bậc thánh nhân. Ở đây, theo MA, thì cụm chữ này có nghĩa chỉ riêng phần thánh đạo siêu-thế, mà Sunakkhatta đang phủ nhận rằng Đức Phật không có.] (178) 179 [Điểm chính của sự phê phán của anh ta là Đức Phật dạy một giáo thuyết

chỉ do Phật chế tác ra từ ý nghĩ chứ không phải loại Giáo Pháp do Phật chứng ngộ nhờ loại trí-tuệ siêu việt siêu thoát.

- Rõ ràng anh ta đã tin rằng chúng sinh được dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt- khổ [là mục-tiêu] tiểu nhược so với sự chứng đắc những năng lực thần-thông. (Anh ta coi tu thần-thông là quan trọng hơn tu giải-thoát).] (179) 180 [Tiếp theo dưới đây là đoạn dùng để bác bỏ những lời phê phán của

Sunakkhatta về Đức Phật. Các mục 6–8 nói về 03 loại trí-biết trực tiếp (ab- hinnā) đầu tiên; còn 03 loại cuối cùng được coi là năng-lực cuối cùng trong 10 năng-lực của Như Lai. Theo MA, năng-lực nên được hiểu là năng-lực của trí-biết (nāṇabala) được chứng ngộ bởi tất cả những vị Phật là kết quả của tiến trình tích lũy công-đức của họ. Trong bộ Pháp Tụ (Vibhanga) (§§809–

31/440–51), là một quyển thuộc Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka), có phân tích đầy đủ về những loại năng-lực của trí-biết này.] (180) 181 [Về sự “cất lên tiếng gầm sư tử” của Phật, mời coi thêm kinh SN 22:78

(Quyển 3, 84–86). Bánh xe của Trời Brahmā là tối thượng, là bậc nhất, là bánh xe siêu xuất nhất, chính là bánh xe Giáo Pháp (dhammacakka; pháp luân xa) với 02 ý nghĩa của nó là: (i) trí-biết thâm nhập sự-thật (trí chứng ngộ) và (ii) trí-biết về cách thuyết giảng Giáo Pháp (trí thuyết pháp), theo MA.] (181) 182 (Để biết thêm chi tiết, xin đọc lại kinh MN 115, các mục 12–19.) [Trong

Vbh §809 đã giải nghĩa loại trí-biết này bằng cách trích dẫn một đoạn dài từ kinh MN 115.12–17. Tuy nhiên, MA thì giải thích khác, coi đây là trí-biết về mối tương quan giữa những nhân và những quả của chúng (trí về lý nhân- quả).] (182) 183 [Loại trí-biết này có thể được minh họa bằng “sự phân-giải về nghiệp” bởi

Đức Phật trong các kinh MN 57, MN 135, và MN 136.

- MA giải thích “tiềm-năng xảy ra” hay “khả năng xảy ra” (ṭhāna) là cảnh giới, những tình huống hoàn cảnh, thời gian, và sự nỗ lực; tức là chỉ những yếu-tố có thể ngăn chặn hoặc xúc tác tạo ra kết quả (nghiệp quả). Còn “những nguyên-nhân” (hetu) chính là hành-động đã làm, chính là nghiệp (kamma). (Nghiệp là nhân).] (183) 184 [Loại trí-biết này sẽ được nói rõ trong các mục 35–42 bên dưới.] (184)

185 [Sự hiểu-biết của Như Lai về nhiều loại yếu-tố (giới; thành tố, thành phần)

cấu thành nên thế giới, được thấy có ghi trong kinh MN 115.4–9.] (185) 186 [Luận giảng [Vibh §813] giải thích rằng Như Lai hiểu biết rõ rằng những

chúng sinh có những khuynh-hướng hướng lên (tốt hơn, cao hơn) hoặc hướng-xuống (xấu hơn, nhược hơn), và rằng những chúng sinh có xu-hướng giao lưu với những người thuộc cùng loại người như mình (như kiểu: áo đen thường đi với áo đen, áo trắng thường đi với áo trắng; người xấu ác thường giao lưu người xấu ác, người tốt thiện thường giao lưu người tốt thiện).] (186)

187 [Vbh §§814–27 có phân tích chi tiết. MA thì chỉ nói một cách ngắn gọn

rằng Phật hiểu biết rõ về sự bố-trí cao-thấp của năm căn (cao hơn và thấp hơn) của những chúng sinh khác nhau như: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.] (187) 188 [Theo Vibh §828: sự ô-nhiễm (saṅkilesa) là một yếu tố gây ra sự suy đồi;

còn sự thanh-tẩy (vodāna) là yếu tố tạo nên sự tốt đẹp, siêu xuất; còn sự thoát-ra (vuṭṭhāna) thì có nghĩa bao gồm cả sự thanh tẩy ô-nhiễm và sự thoát-ra khỏi trạng thái các tầng thiền định sắc-giới hay tầng chứng đắc vô- sắc nào đó.

- Còn 08 sự giải-thoát (vimokkha) thì có được ghi trong các đoạn kinh DN 15, mục 35, DN 16, mục 3.33, MN 77, mục 22, MN 137, mục 26…v.v…

- 09 tầng chứng-định (samāpatti) là bao gồm: 04 tầng thiền định sắc giới (jhana), 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới, và tầng chấm-dứt cảm-giác và nhận- thức (diệt thọ tưởng định); coi thêm kinh MN 25, mục 12–20.] (188) 189 [Cụm chữ thành ngữ yathābhataṁ nikkhitto evaṁ niraye là hơi bị tối nghĩa; cách dịch nghĩa này là theo sự giải nghĩa của luận giảng như vầy: “Người đó sẽ bị đọa trong địa ngục như thể bị lôi đi và đưa xuống đó bởi những giám ngục của địa ngục”.] (189) 190 [Trong truyền thống Phật giáo sau này, những quỷ thần a-tu-la (asura), là

“những chúng sinh đối nghịch với những thiên thần”, còn được đưa thêm vào để tạo ra một cõi mới, và do vậy có tới 06 nơi-đến (06 cõi tái sinh).] (190) 191 [MA: Ngay cả sự sung sướng hạnh phúc (lạc) ở cõi trời cũng được mô tả

là chỉ toàn sung sướng, nhưng ý nghĩa thực không phải rốt ráo là vậy. Vì niềm hạnh-phúc (lạc) cõi trời không phải là hạnh-phúc tối thượng bởi vẫn còn những sốt-não (tham dục…) ở đó. Nhưng niềm hạnh-phúc của Niết-bàn là chân phúc tối thượng về mọi phương diện vì nó có được thông qua sự dập tắt tất cả mọi sốt-não (tham, sân, si).] (191) 192 [Tới đoạn này, như MA giải thích, Đức Phật kể lại chuyện thời trước mình

đã từng tu hành xác khổ hạnh, bởi vì Sunakkhatta là người rất khâm phục cách tu hành xác cực đoan đó [như trong kinh dài Pāṭika Sutta đã cho thấy điều đó] và Phật muốn cho mọi người biết rằng không ai có thể tu hành xác tới mức độ cùng cực nhất của nó như Phật đã từng làm. Những mục tiếp theo

này cũng nên được đối chiếu với các kinh MN 4, mục 20 và MN 36, mục 20– 30 để có thể hình dung toàn bộ bức tranh về vị Bồ-tát đã nếm trải sự hành xác khổ hạnh cùng cực nhất (trước khi giác-ngộ).] (192) 193 [Nghĩa ở đây có lẽ là: sự thương hại của vị khổ sĩ là hướng tới những vi

sinh vật nằm trong những khe nứt dưới đất có thể bị tổn thương hay bị chết bởi giọt nước thả xuống một cách bất cẩn vô ý tứ [chứ không phải hướng tới những vi sinh vật nằm trong giọt nước như đã được dịch trong ấn bản đầu tiên của bản dịch].] (193) 194 [MA nói rằng "tám ngày tuyết rơi" (antaraṭṭhaka himapātasamaya) xảy ra

suốt 04 ngày cuối của tháng Magha và 04 ngày đầu của tháng Phagguna [gần cuối tháng 2]. Tuy nhiên, giai đoạn giá lạnh nhất của vùng Nam Á thường rơi vào cuối tháng 12 hay đầu tháng 1.] (194) 195 [Đó là, họ nắm giữ quan-điểm cho rằng chúng sinh được thanh lọc bởi

những 'thực đơn' đặc biệt để giảm thiểu tối đa lượng thức ăn ăn vào.] (195) 196 [Tái sinh trong một trong 05 Cõi trời Trong-Sạch (Tịnh Cư Thiên; suddhāvāsa) chỉ có thể là những bậc thánh Bất-lai. Chỉ có cõi này là Phật chưa tái sinh trong đó, bởi cõi Tịnh cư thiên là chỗ tái sinh của bậc thánh Bất- lai, không còn quay lại thế gian nữa. (Phật thì như bậc Nhất-lai, đã quay lại thế gian một lần cuối và từ cõi người chứng ngộ thành bậc A-la-hán và Vị Phật Toàn Giác).]

- (Nghĩa của mục này là: tiến trình tái-sinh đâu phải là cách để thanh lọc chúng sinh; bởi vì Phật đã trải qua tất cả những cõi kiếp (trừ cõi Tịnh cư thiên) nhưng sau khi trải qua những sự tái-sinh trong luân-hồi thăm thẳm đó đâu thấy có được sự thanh-lọc nào.) (196) 197 [Nguyên văn Pāli của những chữ này là: sati, gati, dhiti, pannāveyyattiya.

MA chú giải sati là khả năng nắm bắt trong tâm một trăm hay một ngàn câu chữ khi chúng được nói ra; gati là khả năng trói buộc chúng và lưu giữ chúng trong tâm; dhiti là khả năng tụng đọc lại những điều đã được nắm bắt và lưu giữ; và pannāveyyattiya là khả năng nhận thấy ý nghĩa và lý giải của những câu chữ đó.] (197)

198 [Ngài Nāgasamāla từng là người hầu cận của Phật trong suốt 20 năm đầu,

(sau đó là Ngài Ananda).] (198) 199 [Nguyên văn là: Lomahaṁsanapariyāya. Bài kinh này cũng được nhắc

đến với tên như vậy trong tập "Mi Tiên Vấn Đạo" (Miln 398) và trong luận giảng về Bộ Kinh Dài (DN).] (199)

Kinh 13 200 [Theo luận giảng MA [và Ps]: "Sự hoàn-toàn hiểu" (pariññā) ở đây có

nghĩa là sự vượt-qua (samatikkama) hay sự dẹp-bỏ (pahāna). Những du sĩ giáo phái khác (ngoại đạo) coi sự hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) là đồng nghĩa với sự chứng đắc tầng thiền định thứ nhất (hoàn toàn tách-ly khỏi dục-lạc); sự hoàn-toàn hiểu về thể-sắc (sắc giới) là đồng nghĩa với sự chứng đắc những tầng thiền

định vô-sắc [đạt tới những cảnh vô-sắc giới], và sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác đồng nghĩa cảnh giới không còn nhận-thức [phi tưởng; là một cảnh giới trong đó sự nhận-thức tạm thời bị khống chế, không còn có mặt]. Nhưng đối với Đức Phật thì khác: sự hoàn- toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan (dẹp bỏ tham-dục) là giai đoạn thánh đạo hướng tới thánh quả Bất-lai (phá bỏ gông cùm tham-dục), và sự hoàn- toàn hiểu thể-sắc và cả sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác là chặng thánh đạo hướng tới thánh quả A-la-hán.] (200) 201 [Trong kinh gốc, chỗ này là một đoạn dài mô tả về những nhục hình đau

đớn và khủng khiếp nhất trong những thời phong kiến cổ đại. Tiếp theo liệt kê những hình phạt có những tên lạ khác nhau …]. (Bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu ghi tiếp như vầy: "họ dùng hình phạt bối đồi hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la hầu khẩu hình... Hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa)... chúc thủ hình (đốt tay)... khu hành hình (lấy rơm bện lại rồi siết chặt)... bì y hình (lấy vỏ cây làm áo)... linh dương hình (hình phạt con dê núi)... câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt)... tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền)... khối trấp hình... chuyển hình... cao đạp đài... họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong.") (201) 202 [Lưu ý chỗ này: những sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác-quan (dục

lạc) vừa được kể ra ở trên được gọi là "một đống khổ ngay trong kiếp sống này" (sanditṭhiko dukkhakkhandho); còn mục 15. này thì sự khổ này được gọi

là "một đống khổ trong kiếp sau" (samparāyiko dukkhakkhandho), tức do sống thiếu đức-hạnh trong ba nghiệp (hành-động, lời-nói, tâm) nên nghiệp xấu sẽ báo ứng thành quả xấu đến tận kiếp sau.] (202) 203 [MA nói rằng Niết-bàn là sự loại-bỏ và sự dẹp-bỏ tham-muốn và nhục-

dục đối với khoái-lạc giác-quan. Chỗ này cũng bao gồm thánh đạo Bất-lai là chặng thánh đạo để hoàn thành sự dẹp-bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với khoái-lạc giác-quan (chặng thánh đạo diệt tham-dục).] (203) 204 [Để phơi bày sự nguy-hại trong những cảm-giác, Phật đã chọn loại 'khoái-lạc thế tục' tinh lọc nhất và cao siêu nhất, đó là niềm hạnh-phúc và bình-an của những tầng thiền định (jhāna), và chỉ ra rằng ngay cả những trạng thái siêu an lạc đó cũng đều là vô-thường, tạm thời, do vậy là bất toại nguyện.] (204)

Kinh 14 205 [Ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-Ca là em chú bác của Phật

(cha của ông là Amitodana, là chú ruột của Phật), và là anh ruột của 02 vị Tỳ kheo nổi tiếng là Anuruddha (A-nậu-lâu-đà) và Ānanda. Ông Mahānāma đã chọn ở lại tại gia để người em Anuruddha đi tu. Câu chuyện của ông đã được kể trong quyển sách Cuộc Đời Của Đức Phật bởi nhà sự dịch giả bộ kinh này là Tỳ Kheo Ñāṇamoli, trang 80–81.]

- (Còn Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) và công chúa Yasodraha (Da-du-đà-la, vợ của Phật) cũng là em chú bác của Phật (cha của họ là Suppabuddha, cũng là một chú ruột của

Phật). Như vậy Mahānāma, thầy A-nậu-lâu-đà, thầy Ānanda và Đề-bà-đạt-đa, Da-du-đà-la đều là em chú bác của Phật.) (205) 206 [Theo luận giảng MA, cư sĩ Mahānāma (Đại Danh) từ lâu đã chứng ngộ

thánh quả Nhất-lai, (theo định nghĩa công thức) là trạng thái chỉ mới làm giảm thiểu tham, sân, si chứ chưa bứng sạch 03 gốc rễ bất thiện đó. MA nói chỗ này ông đã có một ý-niệm lầm tưởng rằng tham, sân, si đã được bứng sạch bởi chặng thánh đạo Nhất-lai. Do vậy khi ông thấy chúng vẫn còn khởi lên trong tâm mình, ông nhận ra chúng vẫn chưa được trừ bỏ, nên ông đã tham vấn Phật về nguyên nhân chúng vẫn còn khởi sinh như vậy. Có những vị thánh đệ tử của Phật cũng đã từng nhầm tưởng (ngộ nhận) rằng những ô-

nhiễm của mình đã được trừ bỏ bởi chặng thánh đạo nào đó (nhưng thực ra thì chưa).] (206) 207 [Từ cái ý đang thảo luận về sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác-quan

(dục lạc): có lẽ "trạng thái" (dhamma) mà ông Mahānāma chưa trừ bỏ hết chính là tham-dục, nó giữ ông ta trong đời sống tại gia và thụ hưởng những khoái-lạc giác-quan.] (207) 208 [Câu "sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) có được từ sự tách-ly khỏi

những khoái-lạc giác quan (dục lạc)" là yếu-tố hỷ và lạc thuộc tầng thiền định thứ nhất và thứ hai; còn trạng thái "bình-an hơn đó" chính là những tầng thiền định cao hơn (thứ ba và tư). Từ đoạn kinh này có lẽ một đệ tử có thể chứng đắc tới thánh đạo và thánh quả (siêu-thế) thứ hai mà không cần phải kinh qua tầng thiền định thế-tục. (Nghĩa là, một đệ tử tại gia có thể một lúc chứng đắc thánh đạo và thánh quả Nhất-lai (là siêu-thế) chứ không cần phải qua chặng thánh đạo Nhập-lưu (còn thế-tục, chưa vào dòng thánh đạo siêu- thế).] (208) 209 [Những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha), tức những người theo đạo Jain của vị đạo

sư là Ni-kiền-tử Nātaputta (Nigaṇṭha Nātaputta) [ông cũng được biết đến với tên là ông Mahāvīra (Đại Thiên)], nhấn mạnh sự thực hành sự khổ hạnh hành xác để lột bỏ dần những nghiệp xấu ác được tích lũy trong quá khứ và tiền kiếp. Mục đích của đoạn kinh này, theo luận giảng MA, là để chỉ ra sự thoát- khỏi, đã không được họ chỉ ra cùng lúc với sự thỏa-thích và sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan. (Thông thường 03 chữ này đi chung trong công thức 'sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi' đối với một sự bất thiện nào đó). Đức Phật đã đưa vào chỗ này sự khổ hạnh hành xác của đạo Jain để chứng tỏ giáo lý của Phật là con đường "trung-đạo" tránh bỏ 02 loại cực đoan là sự đắm chìm trong những khoái-lạc giác quan và sự khổ hạnh hành xác.] (209) 210 [Những Ni-kiền-tử nắm giữ quan-điểm rằng "mọi sự một người trải nghiệm đều do nghiệp quá khứ." Nếu đúng là như vậy [Đức Phật ở đây luận ra rằng] thì những sự đau đớn thấu tận mà họ phải bị khi họ đang thực hành sự khổ hạnh hành xác có lẽ là nghiệp quả của những nghiệp ác rất nặng mà họ đã gây ra trong những kiếp trước; (tức Phật dùng ngay cái quan-điểm về nghiệp của họ để luận ra cho họ thấy nguyên nhân (nghiệp nhân) của sự nếm trải đau đớn mà họ đang thực hành).] (210)

211 [MA chú giải rằng: chỗ này nói về sự trải-nghiệm niềm hạnh-phúc của sự

chứng quả của Phật, tức sự chứng quả A-la-hán (arahattaphalasamāpatti).] (211)

Kinh 15 212 [Nguyên văn là vadantu, nghĩa gốc là "để họ nói với tôi", có hàm nghĩa là:

"Để họ nói với tôi theo cách chỉ dẫn và giáo giới" (MA), tiếng Việt có thể dịch là: khuyên bảo, chỉ giáo, chỉ dẫn, chỉ thị, răn dạy hay khiển trách, tùy theo ngữ cảnh.] (212) 213 ["Những mong-muốn xấu ác" đã được nói ra chi tiết trong kinh MN 5 ở

trên, từ mục 10–29.] (213) 214 [Về sự cố chấp những quan-điểm của mình: mời coi lại kinh MN 08, mục

12, chi mục (44), và chú thích 109 ở đó.] (214) 215 [Chính từ đoạn này (suy luận về mình) cho nên bài kinh MN 15 này có tên

là kinh "Suy Luận".] (215) 216 [MA nói: Những người Phật tử thời xưa cổ thường gọi bài kinh này là

kinh "Bhikkhupātimokkha" (kinh Giới Bổn Tỳ Kheo). Một Tỳ kheo nên xem xét về mình 03 lần hàng ngày theo cách được mô tả trong kinh. Nếu người đó không thể làm 03 lần một ngày, thì có thể làm 02 lần một ngày, hoặc tối thiểu cũng phải được 01 lần một ngày.] (216)

Kinh 16 217 [MA giải thích chữ cetokhila (sự hoang-dại trong tâm) như là 'thứ cứng

đầu', 'thứ bỏ đi' hay như 'gốc cây chết trơ' trong tâm (tức vô dụng và không thể cải tạo hay hồi phục hay phát triển được). MA giải thích chữ cetaso vini- bandha là thứ gì trói chặt cái tâm, như sự siết chặt trong nắm tay, do vậy gọi là "cái-còng trong tâm".

- "Năm sự hoang-dại trong tâm" là gồm 04 dạng nghi-ngờ (về Phật, Pháp, Tăng, sự tu-tập), và 01 dạng sân (bực tức với những người đồng đạo, đồng tu); còn "năm cái-còng trong tâm" là gồm 05 dạng tham (tham về sắc-thân của mình, tham sắc-thân người khác, tham dục-lạc, tham ăn-uống, và tham ngủ).] (217)

- (Nhân tiện 05 điều (i)-(v) cũng có ghi trong kinh AN 5:205 và cũng có trong AN 10:14, trong đó bản dịch gọi là "năm sự cằn-cỗi của tâm".) 218 [MA giải thích chữ Giáo Pháp (Dhamma) ở đây là = [phần giáo-lý thuộc

kinh điển + sự thâm-nhập tới những thánh đạo, quả, và Niết-bàn]. Còn chữ Giáo Pháp là sự thực-hành được nói riêng ngay bên dưới chính là phần tu- học (sikkhā)—đó là Ba Phần Tu-Học "giới, định, tuệ".] (218) 219 ["Thân" ở đây là chỉ thân thể của mình, còn "sắc" (rupa) được nói ngay

bên dưới là chỉ những sắc-thân ở bên ngoài, tức thân thể của người khác.] (219) 220 [Bốn cơ-sở thần thông (iddhipāda, tứ thần túc) là nằm trong 37 phần tu

trợ giúp tới giác-ngộ (37 phần bồ-đề); chúng là nền tảng đặc biệt cho 05 loại trí-biết trực tiếp (abhinnā) thế tục. Theo MA, sự nhiệt-thành (ussoḷhi) ở đây chính là = sự nỗ-lực (tinh tấn) vốn được áp dụng khắp mọi lúc.] (220) 221 [Mười lăm yếu-tố ở đây là gồm: sự dẹp-bỏ 05 sự hoang-dại trong tâm, sự

phá-bỏ 05 cái-còng trong tâm, và 05 điều mới được nói ra ở mục 26. "'sự an- toàn thoát khỏi mọi sự trói-buộc'" (anuttara yogakkhema) là chỉ thánh quả A-la-hán, như đã được định nghĩa trong kinh MN 1, mục 27.] (221) 222 [Ví dụ con gà này cũng có trong kinh MN 53, mục 19–22 nói về đến sự

đột-phát của người tu để đạt tới 03 loại trí-biết (tevijjā; tam minh).] (222)

Kinh 17 223 [Quý vị sẽ thấy "khuôn-mẫu" như nhóm mục 3–6 có thể được hiểu nôm

na như vầy: (i) Tu không được, điều kiện sống cũng khó: nên bỏ đi; (ii) Tu không được, nhưng điều kiện sống dễ: nên bỏ đi; (iii) Tu được, nhưng điều kiện sống khó: nên ở lại tu; (iv) Tu được, và điều kiện sống cũng dễ: càng nên ở lại tu.] (223) 224 [Từ mục 7–22 nội dung tương tự "khuôn-mẫu" như nhóm mục 3-6 ở trên

nói về 'khu rừng', giờ nói về làng, thị trấn, thành phố, và xứ sở (mà một Tỳ kheo đang trú ở đó để tu).] (224) 225 [PTS ghi ở đây chữ anāpucchā (không xin phép) có lẽ là do bị nhầm. BBS

và SBJ đều ghi là āpucchā (sau khi đã xin phép) có vẻ đúng hơn. Vì người

mà Tỳ kheo đó nương dựa vào—có thể là một người sư thầy, sư huynh, đồng đạo, hay một thí chủ tại gia—đã chu cấp những thứ cần thiết cho mình sống tu trước giờ, thì mình nên biết hơn và lễ độ xin phép người đó trước khi rời đi.] (Tên B là do người dịch Việt đặt để khỏi nhầm, và để dễ phân biệt khi so chiếu chú thích với kinh tương ứng là AN 9:06 có người thứ nhất là Tỳ kheo A). (225)

Kinh 18 226 [Daṇḍapāni, tên ông có nghĩa là "gậy trong tay" (có thể dịch là 'ông cầm

gậy', 'ông chống gậy'), có tên như vậy là do ông thường đi lại một cách phô trương với cây gậy mạ vàng của mình mặc dù ông vẫn còn trẻ mạnh chưa cần phải chống gậy. Theo luận giảng MA thì ông đã cùng phe với Devadatta (Đề- bà-đạt-đa), người tư thù với Phật, trong thời gian Devadatta tạo ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.

- Ở đây, cách ông ta hỏi mà không xưng hô thưa gửi, chỉ hỏi một cách kiêu ngạo và cố ý trêu chọc, gây sự với Phật.] (226) 227 [Phần đầu Phật trả lời thẳng lại thái độ thái quá của ông Daṇḍapāni. MA

trích dẫn chỗ này liên quan tới kinh SN 22:94: "Này các Tỳ kheo, ta không tranh chấp với thế gian [tức: thế giới chúng sinh]; mà ngược lại, thế gian tranh chấp với ta. Một người chủ trương theo Giáo Pháp thì không tranh chấp với bất cứ ai trong thế gian này." Phần thứ hai được cho có nghĩa là: đối với bậc A-la-hán [ở đây Phật dùng chữ "vị bà-la-môn đó" để chỉ Phật] thì những nhận-thức (tưởng) không còn đánh thức những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) đang nằm ngủ chuyển biến thành những ô-nhiễm

(lậu hoặc). Những tùy-miên này sẽ được liệt kê trong mục 8 ngay bên dưới.] (227) 228 [Sự phản ứng này của ông ta dường như biểu hiện sự thất vọng và hoang

mang; (vì ông không hiểu nỗi lời Phật mới nói).] (228) 229 [Sự diễn dịch đoạn chữ kinh điển này là dựa vào xung quanh chữ papanca

và cụm chữ kết hợp papanca-sannā-sankhā.

- Ñm đã dịch chữ đầu là: "sự biến tướng đa dạng" hay "sự đa dạng hóa" và cụm chữ sau là "những tính toán về những nhận-thức về sự đa dạng hóa", (nghe hơi khó hiểu).

- Tuy nhiên, dường như cái rắc rối từ đầu là do chữ papanca không thực sự có nghĩa là "sự đa dạng hóa", nghĩa này chỉ đúng khi trường cảm-nhận tự nó thể hiện sự đa dạng, nhưng cái khuynh hướng tưởng tượng của người phàm tục bùng phát theo một luồng hý luận của tâm làm che mờ cái dữ liệu thuần khiết của sự nhận-biết.

- Trong một luận văn sâu sắc của mình (Khái Niệm và Thực Tại trong Phật giáo Tiền thân), Tỳ kheo Ñāṇananda đã giải thích chữ papanca là "sự phóng tâm thuộc/theo khái-niệm" và tôi đã làm theo thầy ấy dùng chữ "sự phóng tâm" để thay cho chữ "sự đa dạng hóa" của thầy Ñm. Những luận giảng đều xác định nguồn gốc của sự phóng-tâm này nọ chính là 03 yếu-tố: dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-điểm này nọ (tà kiến)—dựa vào đó cái tâm cứ "tô vẻ" sự trải nghiệm bằng cách diễn dịch theo khái-niệm 'của- ta', 'ta', 'bản ngã của ta'. Như vậy chữ papanca là rất cận nghĩa với chữ mannanā (sự tự-ta, ngã mạn) trong kinh MN 1—mời coi thêm chú thích số 6 ở đầu Quyển 1 này.

- Cụm chữ kết hợp papanca-sannā-sankhā thì càng thêm rắc rối. Thầy Ñāṇananda đã diễn dịch nó có nghĩa là "những khái-niệm được đặc trưng bởi khuynh-hướng phóng phiếc của tâm", nhưng sự giải nghĩa này vẫn còn bỏ quên một chữ trong đó là sannā.

- MA giải nghĩa sankhā = koṭṭhāsa (phần, phần chia) và nói rằng chữ sannā có nghĩa là sự nhận-thức liên quan (câu hữu) với papanca hoặc đồng nghĩa với chính papanca. Tôi đồng tình với thầy Ñāṇananda coi chữ sankhā có nghĩa là 'khái-niệm' hay 'ý-niệm' hơn là 'phần' [Thầy Ñm dịch là "những tính toán" là quá theo nghĩa đen]. Tôi quyết định coi chữ sannā-sankhā là một chữ ghép đồng đẳng (dvanda): "những nhận-thức và những ý-niệm"; quyết định này có thể bị nghi vấn nhưng do cụm chữ papanca-sannāsankhā có xuất hiện nhưng rất hiếm trong kinh điển và nó chưa bao giờ được ai phân tích ra bằng lời nói, cho nên cũng không có sự diễn dịch nào hoàn toàn thoát hẳn khỏi sự nghi ngờ hay nghi vấn. Như vậy cách diễn dịch thay thế cho toàn bộ cụm chữ này có thể là "những ý-niệm [đã khởi sinh từ] sự phóng phiếc của những nhận-thức (tưởng)" hay là "những ý-niệm thuộc nhận-thức [đã khởi sinh từ] sự phóng tâm".

- Phần tiếp sẽ làm rõ rằng: tiến-trình nhận-biết tự nó là "cái nguồn thông qua đó những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra từ] sự phóng phiếc của

tâm bao vây một người." Nếu không còn gì được tìm thấy trong tiến-trình nhận-biết để thích thú, đón chào hay nắm giữ, thì những khuynh-hướng tiềm- ẩn (tùy miên) tạo ra những ô-nhiễm sẽ đi đến chấm dứt.] (229) 230 [Trong kinh AN 1:197 Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahā Kaccāna) được

Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những người thiện giỏi về phân-giải một cách chi tiết điều (giáo lý) đã được nói ra một cách tóm lược (bởi Phật). Kinh MN 133 và MN 138 cũng được nói bởi vị trưởng lão này trong một hoàn cảnh tương tự.] (230) 231 [Nguyên văn đoạn chữ này là: Cakkhubhūto nāṇabhūto dhammabhūto

brahmabhūto. MA: Đức Thế Tôn là tầm-nhìn theo nghĩa bậc ấy là người dẫn đầu về tầm-nhìn; bậc ấy là trí-biết theo nghĩa bậc ấy phổ biến mọi điều để (mọi người) biết; bậc ấy là Giáo Pháp theo nghĩa bậc ấy bao gồm Giáo Pháp mà bậc ấy đã nói ra sau khi suy xét nó trong tâm; bậc ấy là bậc thánh thiên (như Trời, như Phạm thiên, Brahmā) theo nghĩa là bậc tốt nhất.] (231) 232 [Đoạn này chỉ cách mà sự papanca, khởi lên từ tiến-trình nhận-biết, đã

làm khởi sinh những nhận-thức và những ý-niệm làm áp đảo và biến người tạo ra chúng thành nạn nhân của chúng.

- Trong Ms có ghi một chú giải của thầy Ñm như vầy: "Sự gặp nhau của mắt, hình-sắc, và thức mắt được gọi là sự tiếp-xúc. Sự tiếp-xúc (xúc) theo lý Duy- ên Khởi ('sự khởi-sinh tùy thuộc') là điều-kiện (duyên) chính tạo ra cảm-giác (thọ). Cảm-giác (thọ) và nhận-thức (tưởng) là không thể tách rời nhau [như kinh MN 43.9 có ghi].

- Thứ được nhận-thức là 'này' thì được nghĩ tới theo kiểu khác đi, và cứ như vậy bị biến tướng khác đi với cái 'kia' và khác với 'ta'.

- Sự biến tướng đa dạng này—dính líu với dục-vọng (ái) đối với hình-sắc, với quan-điểm sai lạc (tà kiến) về sự thường hằng của hình-sắc, vân vân ... và với sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây)—dẫn tới sự bận tâm với sư tính toán khả năng tham-muốn những hình-sắc trong quá khứ và hiện tại với quan-điểm để đạt được những hình-sắc đáng mong muốn trong tương lai."

- Có lẽ chìa khóa để diễn dịch đoạn này là cách giảng giải của thầy Đại Ca- chiên-diên về bài kệ Bhaddekaratta (Một Đêm Xuất Sắc) trong kinh MN 133.

- Cũng trong đó sự thích-thú những yếu-tố nhận-biết đóng một vai trò nổi bật trong sự trói buộc nhân-duyên, và sự lặp lại những vần kệ theo 03 thời (quá khứ, tương lai, hiện tại) là có liên đới với sự dẫn chiếu 03 thời trong kinh này.] (232) 233 [Thành ngữ Pāli phassapannattiṁ pannāpessati, trong đó một động từ mà có một vị ngữ (đối tượng) bắt nguồn từ chính động từ đó là rất khó! Ñm ban đầu dịch câu này là "người đó sẽ mô tả một sự mô tả về sự tiếp-xúc". Nếu dịch "chỉ ra một sự thể hiện" thì ít theo nghĩa chữ của chữ gốc nhưng nó thực sự công bằng đối với ý nghĩa mà không làm sai lệch cách hiểu. MA nói đoạn này muốn chỉ ra toàn bộ cái vòng luân-hồi hiện-hữu (vaṭṭa) theo cách diễn đạt bằng 12 cơ-sở cảm-nhận (12 xứ; sáu nội xứ và 6 ngoại xứ; sáu giác-quan

và 6 đối-tượng giác quan); mục 18 chỉ ra sự chấm dứt vòng luân-hồi (vivaṭṭa) theo cách diễn đạt bằng sự triệt tiêu 12 cơ-sở cảm-nhận đó.] (233) 234 [“Hòn mật” ở đây có thể là cách gọi một cái bánh ngọt lớn hay một dạng

như bánh cam tròn hay cục bột tròn được vò từ bột, bơ sữa, mật đường, mật ong, đường … Coi thêm kinh AN 5:194, mục (2).] (234)

Kinh 19 235 [Sự chia ý-nghĩ thành 02 loại đã xảy ra trong suốt 06 năm chuyên-cần tu

tìm cầu sự giác-ngộ.] (235) 236 [Những ý nghĩ không ác-ý và những ý nghĩ không hung-dữ có thể được

giải thích một cách tích cực là những ý nghĩ tâm-từ (mettā) và những ý nghĩ tâm-bi (karuṇā).] (236) 237 [MA giải thích rằng: sự nghĩ và suy ngẫm quá nhiều sẽ dẫn tới sự khích-

động. Để thuần hóa và làm dịu cái tâm, vị Bồ-tát đã nhập vào một tầng thiền định, rồi sau đó thoát ra khỏi đó để tu tập sự minh-sát (thiền quán, tuệ).] (237)

Kinh 20 238 [Kinh này có bản dịch cộng với phần luận giảng về nó bởi nhà sư trưởng

lão Soma Thera; có tên là “Loại Bỏ Những Ý Nghĩ Làm Xao Lãng”.] (238)

Phần Chú Thích • 523

239 [MA nói: “cái tâm cao hơn”, tức “cái tâm bậc cao” (adhicitta) là cái tâm

chứng đắc các (08) tầng thiền định được dùng để làm cơ-sở nền tảng cho sự thấy-biết, tức minh-sát); nó còn được gọi là “cái tâm cao hơn” bởi nó cao hơn cái tâm [tốt] bình thường nhờ tu tập 10 nghiệp thiện lành.

- Sự chú-tâm tới năm “dấu-hiệu” (nimitta; = những hình tướng hay đặc tính của đối-tượng) ở đây có thể được hiểu là những phương pháp tu tập để loại bỏ những ý-nghĩ làm (tâm) xao lãng. Các phương pháp này chỉ được dùng khi những sự xao lãng quấy nhiễu dai dẳng hoặc gây khó chịu; còn những lúc thiền bình thường thì người thiền chỉ cần nên giữ sự chú-tâm vào đối- tượng hay đề-mục thiền chính là được. (Sau khi dùng những phương pháp đó để đối trị xong những ý-nghĩ xao lãng dai dẳng khó trị, thì người thiền hướng tâm trở lại đối-tượng thiền chính ban đầu của mình, ví dụ như hơi-thở hay đề- mục thiền ban đầu).] (239) 240 [MA: (i) khi những ý-nghĩ tham-dục (nhục dục) khởi sinh hướng về

chúng sinh hữu tình (con người), thì “dấu-hiệu khác” ở đây là “sự thiền quán về bản chất không sạch ghớm ghiếc của thân thể” để đối trị chúng [coi thêm kinh MN 10.10]; (ii) còn khi những ý-nghĩ tham-dục hướng về những thứ vô tri vô tình, thì “dấu-hiệu khác” ở đây là “sự chú-tâm về tính vô-thường” để đối trị chúng. (iii) Khi những ý-nghĩ sân-ghét khởi sinh hướng về những chúng sinh hữu tình, thì “dấu-hiệu khác” là “thiền quán về tâm-từ” để đối trị chúng; (iv) còn khi những ý-nghĩ sân-ghét hướng về những thứ vô tri vô tình, thì “dấu-hiệu khác” ở đây là “sự chú-tâm thiền quán những yếu-tố tứ đại” [coi thêm MN 10.12]. (v) Còn giải pháp đối trị những ý-nghĩ liên quan tới sự si-mờ (si) là “sống theo người Thầy hướng dẫn, học hỏi Giáo Pháp, điều tra bên trong ý-nghĩa

Giáo Pháp, lắng nghe Giáo Pháp, và đào sâu tìm hiểu những nguyên nhân”.] (240) 241 [Phương pháp này có thể được minh họa bằng những sự quán-chiếu của vị

Bồ-tát trong kinh MN 19.3–5. Nhắc nhở tâm về sự bậy bạ [không nên, không đáng] của những ý nghĩ xấu ác để tạo ra một cảm-nhận biết xấu hổ (hiri) trong tâm; nhắc nhở tâm về những hệ quả nguy-hại của chúng để tạo ra sự biết sợ-hãi việc làm sai trái (ottappa) trong tâm.] (241) 242 [Nguyên văn: “vitakka-saṅkhāra-saṇṭhānaṃ”. MA hiểu nghĩa của chữ “saṅkhāra” (hành; sự tạo-tác cố ý) ở đây là điều-kiện, duyên, nhân duyên, hay gốc rễ; và MA diễn dịch cụm chữ trên có nghĩa là: “chặn/ngăn chặn cái

“nhân” tạo nên ý-nghĩ”. Điều này có thể làm được bằng cách điều tra truy vấn. Khi có một ý-nghĩ bất thiện khởi sinh thì nên truy vấn: “Nguyên nhân của nó là gì? Nguyên nhân của nguyên nhân của nó là đâu?” … vân vân. Cách truy vấn như vậy, theo MA, sẽ làm chùn xuống và cuối cùng chấm dứt luôn dòng ý nghĩ giúp làm chậm lại sự bất thiện đó.] (242) 243 [MA giải nghĩa là: Người đó đè bẹp nghiền nát trạng thái bất thiện của

tâm bằng một trạng thái thiện lành của tâm (lấy thiện đè bẹp bất thiện).] (243) 244 [Chỗ này cho thấy sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Mời coi thêm chú

thích 50 ở cuối kinh MN 2.] (244)

Kinh 21 245 [Trong kinh SN 12:12, thầy Moliya Phagguna đã đặt một loạt câu hỏi với

đức Thế Tôn và đức Thế Tôn đã từ chối trả lời vì những câu hỏi đó đã được đặt không phù hợp (ví dụ như dựa trên giả định có cái ‘ta’ (ngã) khi đặt câu hỏi …). Về sau thì thấy trong kinh SN 12:32 thầy ấy đã bỏ tu hoàn tục.] (245) 246 [Theo MA, Phật nói ra điều này bởi vì Tỳ kheo Phagguna vẫn không

muốn làm theo lời khuyên dạy của Phật mà còn chống đối Phật, và điều này khiến Phật phải nói ra lời khen những Tỳ kheo đã tuân theo lời Phật trong thời đầu Phật dẫn dắt Tăng Đoàn. Về đoạn kinh nói về sự ăn một bữa duy nhất mỗi ngày, mời đọc thêm kinh MN 65.2 và MN 70.2.] (246) 247 [Chữ “bắt đầu với người đó” (tadārammaṇaṃ) có nghĩa gốc là: “với/lấy

(người) đó là đối-tượng”. MA: Trước tiên người tu tu tập tâm-từ đối với người nói với mình bằng [01 hay nhiều trong] 05 năm cách nói sai trái như đoạn kinh mới liệt kê; sau đó người tu lại hướng tâm-từ tới tất cả chúng sinh, lấy toàn thể thế giới làm đối-tượng.] (247)

Kinh 22 248 [Kinh này với bản dịch, được giới thiệu kỹ lưỡng cộng với phần chú giải

chi tiết có trong một tham luận của nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera có cùng tên “Kinh Ví Dụ Con Rắn”.] (248)

249 [Khi tuyên bố điều này là Tỳ kheo đó đã trực tiếp trái ngược với cơ-sở thứ

ba trong 04 cơ-sở sự tự-tin của Như Lai—như đã được ghi trong kinh MN 12.25.

- Theo MA, quan-điểm (ý nghĩ) độc hại của Tỳ kheo đó là: trong khi quán- xét một mình ở chỗ tách-ly (ẩn dật), thầy đó đã đi đến kết luận rằng sẽ không có sự nguy-hại nào nếu các Tỳ kheo dính vào dâm dục với phụ nữ và thầy đó bảo thủ rằng điều đó không nên bị cấm bởi những điều luật của Tăng đoàn. Mặc dù câu thầy đó mới nói không nói rõ về vấn đề tính dục, nhưng những ví dụ tiếp theo về những khoái-lạc giác quan (dục lạc) được đưa ra bởi các Tỳ kheo đã cho thấy sự đáng tin cậy của ý luận giảng này.] (249) 250 [07 ví dụ đầu để chỉ những khoái-lạc giác quan (dục lạc) cũng đã được

giảng giải trong kinh MN 54, mục 15–21.] (250) 251 [Phần đầu này nói về Tỳ kheo Ariṭṭha cũng được nói 02 lần trong Luật

Tạng (Vinaya Piṭaka). Trong Vin ii.25, vụ này đã dẫn tới việc Tăng Đoàn phải tuyên bố điều luật đình-chỉ (ukkhepaniyakamma) đối với Ariṭṭha vì không chịu từ bỏ quan-điểm sai lạc này. Trong Vin iv.133–34, việc thầy ấy vẫn không từ bỏ quan-điểm độc hại đó sau nhiều lần được khuyên-bảo và giảng-giải đã được định nghĩa là phạm tội Pācittiya theo Giới Luật Tăng Đoàn.] (251) 252 [Mặc dù bản kinh Pāli gốc dùng chữ kāma (nghiệp) trong tất cả 04 trường

hợp, nhưng từ cái ngữ cảnh cụm chữ đầu (những khoái-lạc giác quan) nên được hiểu là chỉ những khoái-lạc giác quan là đối-tượng [chẳng hạn là những đối-tượng thích thú giác quan], các cụm chữ khác là chỉ về những ô-nhiễm của chủ thể có kết nối với nhục dục [chẳng hạn là tham-muốn giác quan, nhục dục]. MA giải nghĩa câu “rằng một người có thể dính vào những khoái- lạc giác quan” = “rằng một người có thể thỏa thích trong dâm dục”. MṬ còn nói thêm rằng những hành động bằng thân để hiện nhục-dục như ôm, sờ chạm cũng bao gồm trong nghĩa chung của cụm chữ này.] (252) 253 [MA giải thích rằng đoạn kinh này được nói ra để chỉ ra lỗi lầm trong

những động cơ sai trái muốn có được trí thức về Giáo Pháp cho những mục đích nông cạn—đây rõ ràng là cạm bẫy mà Tỳ kheo Ariṭṭha đã rớt vào. Cái “sự tốt lành” (attha) mà vì đó người ta đã học Giáo Pháp” chính là những thánh đạo và quả. (Tức, người học Giáo Pháp để tu tập thân tâm để đạt tới

những sự tốt lành là thánh đạo và thánh quả mang tính giải-thoát, chứ không phải học Giáo Pháp hay Phật pháp để cho biết, hay để đi khoe khoang, để đi tranh biện, tranh cãi, hý luận với người khác).] (253) 254 [“Ví dụ cái bè” nổi tiếng này tiếp tục luận điểm bác bỏ những mục đích sai

trái của việc học Giáo Pháp như mới được nói trong ví dụ con rắn kế trên. Người luôn bận tâm với việc dùng Giáo Pháp để phê bình khích bác đủ chiều và để thắng cãi trong những tranh luận lý thuyết là người chỉ mang vác Giáo Pháp trên đầu đi loanh quanh giống như người chỉ vác cái bè trên đầu đi lên đi xuống chứ không biết dùng nó để vượt qua dòng lũ.] (254) 255 [Nguyên văn câu này: Dhammā pi vo pahātabbā pageva adhammā. Chữ

dhammā ở đây là không rõ nghĩa! MA diễn dịch nó có nghĩa "những trạng thái thiện", được nhận dạng là sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ) [sa- matha-vipassanā] và do vậy nó luận giải đoạn kinh có nghĩa như vầy: "Này các Tỳ kheo, ta chỉ dạy sự dẹp bỏ ngay cả đối với sự tham-muốn và dính-mắc vào những trạng thái bình-an và siêu-phàm như sự vắng-lặng (định) và sự minh-sát (tuệ), huống chi đối với thứ thấp kém, tục tằn, đáng khinh, thô thiển, và không sạch mà Ariṭṭha ngu xuẩn coi là vô-hại khi thầy ấy nói rằng không có sự cản-trở nào trong tham-muốn và nhục-dục đối với năm dây khoái-lạc giác-quan." Luận sư MA còn dẫn ra từ kinh MN 66.26–33 như một ví dụ rằng giáo lý của Phật là 'sự dẹp bỏ sự dính-mắc vào sự vắng-lặng (định)', và trong MN 38.14 như một ví dụ rằng giáo lý của Phật là 'sự dẹp bỏ sự dính- mắc vào sự minh-sát (tuệ)'. Lưu ý: trong mỗi trường hợp chính cái sự dính- mắc vào những trạng thái thiện mới nên bị dẹp bỏ chứ không phải những trạng thái thiện.

- Mặc dù cách lý giải của MA là vậy, nhưng dường như đối với tôi chữ dhammā ở đây không phải chỉ những trạng thái thiện mà chỉ những giáo lý, giống như cái thái độ đúng đắn nên làm đã được mô tả trong ví dụ con rắn kế trên. Vì vậy "ví dụ cái bè" hàm ý rằng ngay cả những giáo lý được nắm giữ một cách đúng đắn cuối cùng cũng phải từ bỏ. Tuy nhiên, điều này không có ý như chủ nghĩa hư vô về đạo đức mà chỉ là lời cảnh báo rằng ngay cả sự dính-mắc vào những giáo lý thánh thiện cũng là một trở ngại cho sự tiến bộ tâm linh.

- Ở đây, chữ những điều trái với những giáo lý (adhammā) có lẽ bao gồm cả sự lơi lỏng về đạo đức mà Tỳ kheo Ariṭṭha đã khởi xướng.] (255)

Phần Chú Thích • 527

256 [Phần này rõ ràng có mục đích cảnh báo trước một loại quan-niệm sai lầm

và sự diễn-dịch sai lầm về Giáo Pháp, chẳng hạn như việc đưa một cái 'ta' (ngã) vào giáo lý. Theo MA, những luận-điểm tạo ra những quan-điểm (diṭṭhiṭṭhāna) chính là những quan-điểm sai lầm làm nền tảng cho nhiều quan-điểm sai lầm khác nữa; những đối-tượng của những quan-điểm [chẳng hạn như năm-uẩn là những đối-tượng] và những điều-kiện tạo ra những quan-điểm [chẳng hạn những yếu-tố như vô-minh, những sự điên-đảo của nhận thức, và những ý-nghĩ sai trái … đều là những điều-kiện (duyên) tạo ra những quan-điểm sai lạc (tà kiến) như vậy.] (256) 257 [MA nói rằng: ý niệm 'Đây là của-ta' được tạo ra bởi dục-vọng (ái); ý

niệm 'Đây là cái ta' là do sự tự-ta (ngã mạn); và ý niệm 'Đây là bản ngã của ta' là do những cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Ba thứ này—dục-vọng, sự tự-ta, những cách-nhìn sai lạc [ái, ngã mạn, tà kiến]—được gọi là 03 sự ám-muội (gāha).

- Chúng cũng là những động cơ chính đằng sau cái sự nhìn-nhận này nọ [kinh MN 01] và những sự phóng-tâm [kinh MN 18].] (257) 258 [Loạt chữ trong câu cuối này là chỉ thức uẩn một cách gián tiếp, một cách

lần lượt tùy theo đối-tượng của nó. "Thứ được nhìn thấy" là chỉ thức mắt, "thứ được nghe thấy" là chỉ thức tai, "thứ được cảm nhận" là chỉ 03 loại thức mũi, thức lưỡi, và

thức thân, và những chữ còn lại là chỉ thức tâm.

- (Nhân tiện đọc thêm chú thích 251 ở kinh SN 24:01 (Quyển 3).] (258) 259 [Đoạn này là cách diễn tả đầy đủ cái quan-điểm bất-diệt (thường kiến) đã

làm khởi sinh cơ sở của luận điểm trước nó, đây là dạng thô tế hơn của cách- nhìn có danh-tính cái 'ta' (thân kiến); ở đây nó tự trở thành một đối-tượng của dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn), và quan-điểm sai lầm về cái 'ta' (ngã kiến). Quan-điểm này dường như đã phản ảnh triết lý của các kinh Upani- shad (Áo nghĩa thư), nó khẳng định danh-tính của một cái 'ta' (ātman; ngã) có 'linh-hồn phổ quát' (Brahman; đại ngã), mặc dù khó mà tìm ra một cơ sở nào trong Kinh Tạng để khẳng định rằng Phật đã quen thuộc với những kinh Upanishad đó.] (259) 260 [Câu cuối là: Asati na paritassati. Thể danh từ paritassanā, theo MA,

hàm 02 nghĩa là sự sợ-hãi và dục-vọng, do vậy chọn chữ "sự khích-động"

hay "sự động-vọng" để chứa cả 02 nghĩa đó. Sự khích-động về/vì thứ không thực có ở bên ngoài [coi mục 18] là chỉ sự tuyệt-vọng của người phàm phu đối với sự mất-mát hay sự không-được những thứ của cải, tài sản; còn sự khích-động về/vì thứ không thực có ở bên trong [coi mục 20] là chỉ sự tuyệt-vọng của người theo chủ nghĩa bất-diệt khi người đó diễn dịch sai 'giáo lý về Niết-bàn' của Phật là một 'chủ thuyết về sự diệt-vong'.] (260) 261 [Nguyên văn câu đầu tiên là: Pariggahaṁ parigaṇheyyātha, nghĩa đen là "các thầy có thể sở hữu thứ sở-hữu đó". Chỗ này nối kết với mục 18 nói về sự khích-động về những thứ sở-hữu ở bên ngoài (ngoài thân).] (261) 262 [Nguyên văn câu đầu đầu tiên: Attavādupādānaṁ upādiyetha, nghĩa đen là "các thầy có thể dính-chấp (chấp thủ) theo sự dính-chấp theo thuyết hữu- ngã". Về sự khó giải của thành ngữ này, mời coi thêm chú thích 176 ở cuối kinh MN 11. Đoạn này nối kết với mục 20 nói về sự khích-động khởi sinh từ quan-điểm có cái 'ta' (ngã kiến).] (262) 263 [Chỗ-dựa hay sự nâng-đỡ của những quan-điểm (diṭṭhinissaya), theo MA,

là 62 quan-điểm đã được nói đến trong kinh Lưới Trời (kinh Phạm Võng, DN 01) vốn khởi lên từ cách-nhìn có cái 'ta' (ngã kiến; thuyết hữu ngã). Nó cũng gồm cả cái quan-điểm độc hại mà Tỳ kheo Ariṭṭha chấp giữ như được nói ở đầu kinh.] (263) 264 [Ý niệm "thứ thuộc về cái ngã" tức "thực chất của cái ngã' (attaniya)

được gán cho bất cứ uẩn nào trong năm-uẩn không được coi là cái 'ta' hay 'ngã' và gán cho tất cả 'mọi thứ sở-hữu ở bên ngoài' của cá nhân. Đoạn này này cho thấy sự tùy-thuộc lẫn nhau, và đó là sự tương đồng có mặt của 02 ý- niệm nhị trùng là cái 'ta' và cái 'của-ta'.] (264) 265 [Theo các luận giảng, "sự không còn mê thích" (sự tỉnh ngộ) (nibbidā,

cũng từng được dịch đồng nghĩa là "sự ghê-sợ") chỉ giai đoạn đỉnh điểm của sự minh-sát (thiền quán); sự chán-bỏ (virāga) là giai đoạn chứng ngộ thánh đạo siêu thế; và sự giải-thoát (vimutti) là thánh quả. Trí-biết quán chiếu lại (paccavekkhaṇanāṇa) đã được nói gián tiếp bằng cụm chữ "thì có sự-biết" và bằng cụm chữ "Người đó hiểu rằng:

Sinh đã tận…’.”] (265)

Phần Chú Thích • 529

266 [“Đã đi như vậy” trong tiếng Pāli là dịch chữ tathāgata (Như Lai), là biệt

hiệu thường được dùng để chỉ Phật, nhưng ở đây chữ này đã được dùng theo nghĩa rộng hơn để chỉ những A-la-hán.

- MA đã diễn dịch đoạn này thành 02 cách như vầy: (1) Bậc A-la-hán, ngay khi còn sống tại đây và bây giờ, là không thể truy dấu được là một chúng sinh nào hay một cá thể nào [theo nghĩa là một cái ‘ta’ đang sống’ (tự ngã)] bởi vì theo nghĩa rốt ráo thì không có chúng sinh [như một cái ‘ta’ hay ‘tự ngã’] nào. (2) Bậc A-la-hán là không truy dấu được tại đây và bây giờ bởi vì không thể nào những thiên thần và trời thần đó có thể tìm thấy “chỗ-dựa” nào của cái tâm minh-sát, tâm thánh-đạo, hay tâm thánh-quả (vipassanācitta, mag- gacitta, phalacitta) của bậc ấy; tức là, đối-tượng đương là Niết-bàn, nên tâm của bậc ấy không thể nào nhận thấy được bởi người phàm.] (266) 267 [Câu này liên hệ lại với mục 20 [chỗ những người theo thuyết bất diệt đã

hiểu lầm giáo lý về “Niết-bàn, sự chấm-dứt sự hiện-hữu” của Phật] là liên quan tới sự hủy diệt một chúng sinh đang hiện hữu được coi là một ‘bản ngã’ cố định. (Nghĩa là: mục tiêu của Phật giáo là Niết-bàn, là sự chấm-dứt mọi dạng hiện-hữu đều là khổ đau, nhưng đó không có nghĩa là sự sát sinh hay sự tiêu diệt một ‘con người’, hay tiêu diệt một ‘bản ngã’ hay một ‘cá thể’ hiện hữu cố định, vì sự thật rốt ráo thì không thực có những dạng ‘con người’ như một ‘bản ngã’ hay ‘cá thể’ cố định như vậy. Vì mọi sự sống đều là vô ngã!).] (267) 268 [Việc đưa vào câu khẳng-định này là sâu sắc hơn bề ngoài của nó. Trong

ngữ cảnh đang bị quy kết một cách sai giả như trong mục 37, Phật đang khẳng định mình dạy (i) rằng một chúng sinh hiện hữu không phải là một dạng ‘bản ngã’ cố định (như kiểu một ‘linh hồn’ thường hằng bất diệt) mà chỉ là sự kết hợp của những yếu-tố và sự-kiện thuộc vật chất và tinh thần, nối kết với nhau trong một tiến trình vốn luôn là khổ (dukkha) và (ii) rằng Niết-bàn, sự chấm-dứt khổ, không phải là sự hủy diệt một chúng sinh mà là sự kết thúc cái tiến trình (hiện hữu) đầy khổ và bất toại nguyện đó. Câu khẳng-định chỗ này nên được đọc kết hợp với kinh SN 12:15 trong đó Đức Phật đã nói một người có chánh-kiến là người đã dẹp bỏ mọi giáo thuyết về cái ‘ngã’, nhìn thấy mọi sự khởi sinh chỉ là khổ (dukkha) khởi sinh, và mọi thứ chấm dứt chỉ là sự khổ chấm dứt; (chỉ là khổ sinh và khổ diệt).] (268)

530 • Phần Chú Thích

269 [“Thứ đã được hoàn-toàn hiểu trước đây” (pubbe parinnātaṁ) chính là

‘năm uẩn’. Vì người ta chê hay khen là chê hay khen ‘năm uẩn’ (vô ngã) chứ thực ra đâu có chê hay khen cái ‘ta’ hay ‘bản ngã’ nào (vì đâu thực có ‘bản ngã’ hay cái ‘ta’ nào), nên đâu có lý do gì ta phải ‘vui’ hay ‘bực’!] (269) 270 [MA chỉ ra rằng, chính cái sự dính-mắc vào năm-uẩn mới nên được dẹp

bỏ; chứ bản thân (tổ hợp) năm-uẩn thì đâu thể xé ra hay phá rời chúng ra. (Coi thêm đoạn song hành trong kinh SN 22:33 (Quyển 3)).] (270) 271 [MA: "Nguyên văn là chinna-pilotika: pilotikā nghĩa là miếng giẻ rách

được chấp vá chỗ này chỗ nọ; không có điều gì [trong Giáo Pháp này] bị chấp vá như vậy—bằng những ngụy thuyết hay những sự giả dối lừa."] (271) 272 [Nghĩa là, những A-la-hán đã thành tựu sự giải-thoát khỏi vòng luân-hồi

hiện-hữu, nên đâu thể nào chỉ ra một cảnh giới nào trong vòng luân-hồi mà họ còn xuất hiện (tái sinh) trong đó; do vậy mới nói họ không còn vòng luân- hồi nào để hiện thị (trong đó).] (272) 273 [Đây là 02 loại người đang đứng trong chặng thánh đạo Nhập-lưu. "Người

tu trì Giáo Pháp" (dhammānusārin; người căn trí) là những đệ tử trong họ có căn trí-tuệ (pannindriya) là nổi trội và tu tập thánh đạo với trí-tuệ là dẫn đầu; khi chứng thánh quả họ được gọi là người "đã đạt tới cách-nhìn" (diṭṭhipatta; đắc chánh kiến). Còn "người tu trì niềm-tin" (saddhānusārin; người căn tín) là những đệ tử trong họ có căn niềm-tin (saddhindriya) là nổi trội và tu tập thánh đạo với niềm-tin là dẫn đầu; khi chứng thánh quả họ được gọi là người "được giải-thoát bằng niềm-tin" (saddhāvimutta; tín giải thoát). Coi thêm kinh MN 70.20, 21; và Pug 1:35–36/15 và Vsm XXI, 75.] (273) 274 [MA nói rằng câu này chỉ những người hết mình tu tập thiền minh-sát

nhưng chưa đạt tới sự chứng-ngộ siêu thế. Lưu ý, ở đây họ chỉ tu hướng tới cõi trời (tu tiên) chứ không hướng tới sự sự giác-ngộ (tu giải thoát), tuy nhiên khi sự tu tập của họ chín muồi thì họ cũng có thể chứng thánh đạo Nhập-lưu và do vậy cũng có cửa hướng tới sự giác-ngộ (chứ không phải dù tu cỡ nào thì kết quả tối đa của họ cũng chỉ là tái sinh cõi trời). Cụm chữ saddhāmat- taṁ pemamattaṁ có lẽ được dịch là "chỉ là niềm-tin, chỉ là sự mến-mộ" hay "chỉ có niềm-tin, chỉ có sự mến-mộ" [như nhiều lúc nhiều người tu chỉ có vậy], nhưng điều này không thể lý giải là có được sự bảo đảm được tái sinh trong cõi trời. Thành thử có lẽ buộc chúng ta phải coi đuôi chữ matta ở đây đã ngụ ý rằng phải có một 'số lượng' niềm-tin và sự mến-mộ cần thiết, chứ

không phải chỉ có chút ít 02 phẩm chất đó là được, (vì vậy cho nên thầy TKBĐ mới thêm chữ "có đủ" vào câu này).] (274)

Kinh 23 275 [Ngài Kumāra Kassapa (Cưu-ma-la Ca-diếp) là một người con nuôi của

Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của vương quốc Kosala (Kiều-tất-la), được sinh ra bởi một phụ nữ không biết mình có thai nên đã xuất gia thành Tỳ kheo ni sau khi đã mang thai thầy ấy. Vào lúc kinh này được nói ra, thầy ấy vẫn còn là một bậc học-nhân (sekha), và thấy ấy đã chứng thánh quả A-la-hán khi dùng bài kinh này làm đề-mục thiền của mình.] (275) 276 [Theo MA, thiên thần này là một bậc thánh Bất-lai ở (một trong) những

cõi trời Trong-Sạch (Tịnh cư thiên). Vị đó và thầy Kumāra Kassapa đã từng là thành viên của nhóm 5-Tỳ kheo thuộc thời kiếp của Đức Phật Ca-Diếp (Kassapa) đã thiền tập cùng nhau trên một đỉnh núi. Đây cũng chính là thiên thần đã thúc giục Bāhiya Dāruciriya, là một thành viên của nhóm đó, đi đến gặp Đức Phật Thích-Ca [coi thêm Ud 1:10/7).] (276) 277 [Ý nghĩa của những hình-ảnh biểu tượng mà vị thiên thần nói ra sẽ được

giảng giải bởi Phật ở phần sau của bài kinh.] (277) 278 [Chữ gốc là kummāsa: Luật Tạng và những luận giảng giải thích là thứ

được làm từ yava (lúa mạch). Ñm đã dịch chữ này là bánh mì, nhưng từ kinh MN 82.18 chúng ta thấy rõ ràng chữ kummāsa (món ăn) lỏng nhớt và bị hư nếu để qua đêm. PED đó là món 'sữa đông'; còn nữ tiến sĩ Horner đã dịch nó là 'sữa chua'.] (278) 279 [MA nói: Giống như một thanh rào-chắn bắt ngang cổng vào một thành

phố để ngăn chặn người ta đi vào thành, sự vô-minh ngăn cản người ta (nhìn thấy sự-thật và) chứng ngộ Niết-bàn.] (279) 280 [Chữ dvedhāpatha cũng có thể được dịch là một "con đường chẻ nhánh"

(mà một người đứng ở ngã ba không biết chọn đường nào để đi tiếp, vì người đó nghi-ngờ và không-chắc hướng nào là đúng), đây rõ ràng là một biểu tượng cho sự nghi-ngờ.] (280) 281 [MA đã chỉ ra 4 chân và 1 đầu của con rùa là ví như năm-uẩn.] (281)

282 [MA diễn dịch là: Chúng sinh thích thú những khoái-lạc giác quan (dục

lạc) bị băm chặt bằng cái dao người hàng thịt trên cái thớt 'những đối-tượng giác quan' cho lìa đứt khỏi những tham-muốn giác quan (nhục dục).] (282) 283 ['Miếng thịt' là biểu tượng cho những khoái-lạc và nhục-dục đã được nói

rõ trong mục 16 của kinh MN 54.] (283) 284 [(Nāga là danh tính từ chỉ một 'sinh vật to lớn' như rồng, voi lớn, rắn lớn,

đại mãng xà). "Con rắn lớn" ở đây là chỉ bậc A-la-hán. Về sự biểu tượng này, mời coi lại chú thích 75 ở kinh MN 5.] (284)

Kinh 24 285 [Chữ ghi trong ngoặc là được bổ sung từ luận giảng MA. Quê của Phật là

Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) nằm dưới chân dãy núi Himalaya (Hy-mã-lạp- sơn) thuộc nước Nepal ngày nay.] (285) 286 [05 phẩm chất cuối cùng (được cho là) tạo thành năm đống Giáo Pháp

(năm Pháp uẩn, dhammakkhandhā). "Sự giải-thoát" ở đây được nhận dạng là những thánh quả, "trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát" là trí-biết do quán xét lại. (tầm-nhìn: sự thấy, cách nhìn, kiến).] (286) 287 [Ngài Puṇṇa (Phú-lâu-na) Mantāṇiputta được sinh ra trong một gia đình

bà-la-môn, và đã được ban sự thụ giới bởi Ngài Aññā Kondañña (Kiều-trần- như) ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), sau đó thầy ấy tiếp tục cư trú ở đó cho đến khi quyết định đi thăm Đức Phật ở Sāvatthī (Xá-vệ). Sau này thầy Puṇṇa đã được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những Tỳ kheo giỏi về thuyết giảng Giáo Pháp (như trong kinh AN 1:196).] (287) 288 [Mặc dù 07 sự thanh-lọc (satta visuddhi) này cũng được đề cập ở chỗ

khác trong Kinh Tạng Pāli [như trong kinh DN iii.288, trong đó còn ghi thêm 02 sự thanh-lọc nữa là: sự thanh-lọc bằng trí-tuệ và sự thanh-lọc bằng sự giải-thoát], nhưng thật sự không hiểu tại sao chúng đã không được phân tích như một bộ chủ-đề hay một hạng-mục giáo lý (có trình tự tu tiến) trong một kinh nào thuộc các bộ kinh Nikāya; và điều này thậm chí càng khó hiểu hơn trong khi ở đây trong kinh này cả 02 vị đại đệ tử dường như đều nhận ra chúng là một nhóm cố định thuộc những hạng-mục giáo lý. (Những hạng- mục giáo lý trong kinh điển như: 04 diệu-đế, 05 chướng-ngại, 07 chi giác-ngộ, 8 phần thánh đạo, 12 yếu-tố nhân-duyên ...).

- Tuy nhiên, cái sơ đồ "khuôn-mẫu 07 sự thanh-lọc" này đã tạo nên khung sườn giàn giáo của toàn bộ quyển Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga), và trong đó nó định nghĩa 07 giai đoạn sự thanh-lọc khác nhau này bằng những chú-giải về thiền định và thiền minh-sát được nói hoàn toàn bởi các luận- giảng sau kinh (trước tác). Tóm tắt những định nghĩa trong Thanh Tịnh Đạo là: (i) "sự thanh lọc về giới-hạnh" (sīlavisuddhi) là sự tuân giữ nguyên lành (không bị bể, không bị lỗi) đối với những điều luật giới-hạnh sau khi một người đã thụ giới chúng; điều này đã được giảng giải bởi Vsm khi đề cập tới 'sự tu tập giới-hạnh' của một Tỳ kheo được gọi là "bốn sự thanh-lọc". Còn (ii) "sự thanh lọc về tâm" (cittavisuddhi) là sự vượt qua 05 chướng-ngại thông qua sự chứng đắc trạng thái cận-định và các tầng thiền định (jhāna). (iii) "Sự thanh lọc về cách-nhìn" (diṭṭhivisuddhi) là sự-hiểu để định nghĩa được bản chất của năm-uẩn kết hợp nên một 'chúng sinh'. (iv) "Sự thanh lọc bằng cách vượt qua nghi-ngờ" (kankhāvitaraṇavisuddhi) là sự-hiểu về tính điều-kiện (nhân duyên). (v) "Sự thanh lọc bằng sự-biết và sự-thấy về cái gì là đạo và cái gì không phải là đạo" (maggāmagganāṇadassanavisuddhi) là sự phân biệt đúng đắn giữa đường-sai (tà đạo) của sự khoái lạc phấn khích và đường-đúng (chân đạo) của trí-tuệ minh sát thấy rõ sự thật 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. (vi) "Sự thanh lọc bằng sự-biết và sự-thấy về sự tu-tiến" (paṭipadā- nāṇadassanavisuddhi) là bao gồm một loạt những sự-biết minh-sát cao dần tiến dần cho tới thánh đạo siêu thế. (Chữ paṭipadā = (paṭi + pad); paṭi: tiến tới, tấn tới, hướng tới; pad: sự đi, bước đi; do vậy (paṭi + pad) hàm nghĩa là: sự tiến bộ, sự tấn tới, sự tu tiến, bước tiến; nó cũng có nghĩa là: đường đi, đường lối, cách thức, tiến trình; (không có nghĩa là đạo (maggā)). Nhưng ở đây người dịch thấy nó có nghĩa là những sự tiến-bộ trên đường-tu, sự tu- tiến, sự tiến-bộ về tu-tập. Nên tạm dịch nghĩa đại diện là "những sự tu-tiến", cũng hợp với nghĩa luận giảng đã chú giải là 'cao dần tiến dần tới thánh đạo'). Và (vii) "sự thanh lọc bằng sự-biết và sự-thấy" (nāṇadassanavisuddhi) là chỉ những chặng thánh đạo siêu thế.] (288) 289 [MA giải nghĩa cụm chữ anupādā parinibbāna as appaccayaparinibbāna

= “Niết-bàn cuối cùng không còn điều-kiện” (bặt duyên, vô vi); nó cũng giải thích chữ upādāna (sự dính-chấp, thủ) theo 02 nghĩa: (i) là sự nắm giữ (gahaṇa), như trong các đoạn kinh thường gặp nói về 04 loại sự dính-chấp; và (ii) là điều-kiện (paccaya, duyên), như được mô tả ngay trong đoạn kinh này. Các nhà luận giảng giải thích “Niết-bàn cuối cùng không còn sự dính- chấp” có thể (i) là thánh quả A-la-hán, bởi vì nó không thể bị nắm giữ bởi

bất kỳ loại nào trong 04 loại sự dính-chấp đó; hoặc có thể là (ii) Niết-bàn không còn bị điều-kiện (Niết-bàn vô-vi) bởi vì Niết-bàn không khởi sinh thông qua điều-kiện nào cả.] (289) 290 [MA chú giải rằng 06 giai-đoạn đầu được nói là “còn dính kèm bởi sự

dính-chấp” theo cả 02 nghĩa là (i) còn-bị điều-kiện (hữu vi) và còn-có ở bên trong một người vẫn còn nắm-giữ (chấp); riêng giai-đoạn thứ bảy (vii) được nói là “còn dính kèm bởi sự dính-chấp” thì chỉ theo 01 nghĩa là còn-bị điều- kiện (hữu vi).] (290) 291 [MA giải thích thầy Xá-lợi-phất hỏi câu này như một cách để chào hỏi

thầy Phú-lâu-na chứ thực sự thầy đã biết rõ tên thầy Phú-lâu-na từ phần đầu của bài kinh và trước khi đi theo đến gặp thầy ấy. Nhưng phần thầy Phú-lâu- na, do chưa từng gặp thầy Xá-lợi-phất, nên đã thực sự ngạc nhiên khi biết mình đang gặp vị đại đệ tử (là đệ nhất trong số những Tỳ kheo trí-tuệ xuất sắc) này.] (291) 292 [Nguyên gốc chữ cuối là satthukappa. MA nói đây là lời khen cao nhất có

thể nói ra về một vị đệ tử.] (292)

Kinh 25 293 [Sự giải-thoát của tâm (cetovimutti): MA giải thích nghĩa ở đây chỉ đơn

giản là họ đã bỏ đi sự kiên-quyết sống trong rừng sâu (theo nghĩa bóng chốn ẩn dật là chốn giải-thoát của tâm), mặc dù cũng rất có thể có nghĩa là những tu sĩ đó đã từng chứng đắc—và giờ mất đi—08 tầng chứng đắc thiền định, vì thường được gọi chung là những trạng thái giải-thoát của tâm (cetovimutti). (Mặc dù đó chỉ là những sự giải-thoát lâm thời và hữu-vi, nhưng đó cũng thực sự là những sự giải-thoát).] (293) 294 [Đây là 10 quan-điểm do suy đoán thường được tranh luận vào thời Đức

Phật. Tất cả những điều đó đều bị Đức Phật bác bỏ vì chúng chẳng liên quan gì đến những căn bản của đời sống tâm linh và không đưa dẫn tới sự giải- thoát khỏi sự khổ. Mời coi thêm kinh MN 63, MN 72.] (294) 295 [MA giải thích: 08 tầng chứng đắc thiền định ở đây phải được hiểu là

(được dùng làm) những cơ-sở để minh-sát (thiền quán, tuệ). Khi một Tỳ kheo chứng nhập trong một tầng thiền định thì Ma Vương không thể nhìn thấy tâm người đó tiến hành ra sao. Tuy nhiên, sự ‘miễn dịch’ như vậy khỏi ảnh hưởng

của Ma Vương chỉ là tạm thời (vì trạng thái những tầng thiền định chỉ là sự an-trú tạm thời, sau khi thoát ra khỏi tầng thiền định, tâm người tu lại bị ảnh hưởng bởi những ô-nhiễm như trước đó).] (295) 296 [Tỳ kheo cuối cùng này, bằng sự đã diệt sạch

ô-nhiễm (lậu tận), không chỉ

tạm thời trở thành vô hình đối với Ma Vương mà mãi mãi không còn tiếp cận được bởi Ma Vương. Về "sự chấm dứt nhận-thức và cảm-giác" (diệt thọ tưởng), mời coi lại trong phần Giới Thiệu, trang 41 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ).] (296)

Kinh 26 297 [Tên bài kinh ở đây là theo các ấn bản bộ kinh MN của PTS và SBJ. Còn

ấn bản bộ kinh MN của BBS, và ấn bản luận giảng MA của PTS và BBS đều ghi tên kinh này là Pāsarāsi Sutta (Đống Cạm Bẫy) do họ tham chiếu theo ví dụ ở mục 32–33.] (297) 298 [MA đã chú giải rằng: (i) tầng thiền định thứ hai được gọi là "sự im lặng

thánh thiện" (theo nghĩa không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét này nọ (tứ)), và (ii) có một đề-mục thiền căn bản của người tu cũng được gọi là "sự im lặng thánh thiện" (ariyo tuṇhībhāvo). Những ai không chứng đắc tầng thiền định thứ hai thì được khuyên nên giữ sự im lặng thánh thiện bằng cách chú- tâm vào đề-mục thiền căn bản của mình.] (298) 299 [Upadhi: tạm dịch việt là sự thu-nạp (sự thu-nhập, thu-vào, nhận-lấy, tích-

vào); (HV) sanh y. Nghĩa gốc của chữ này là: nền tảng, cơ sở, căn cước [PED]. Trong các luận giảng thì nhiều loại upadhi đã được liệt kê, trong số chúng gồm có: năm uẩn, những đối-tượng khoái-lạc giác quan, những ô- nhiễm (lậu hoặc), và nghiệp (là những thứ đưa đến tử, sinh, già, chết ...). Ñm đã dịch chữ này nhất quán từ đầu tới cuối là "những thứ cần thiết của sự sống" (những thứ cần phải có để duy trì sự sống; những thứ thiết yếu của đời sống), cách dịch này đã che lấp cái nghĩa rõ rệt trong ngữ cảnh của nó. Tôi đã cố dịch để 'bắt' được một số hàm-ý của chữ này bằng cách dịch là "những sự thu-nạp" hoặc "những thứ thu-nạp": "những sự thu-nạp" là thể hiện phần hành vi chủ-thể, và "những thứ thu-nạp" là thể hiện những đối-tượng bị thu nạp. (Tức, chủ thể thì thu nạp những thứ được thu nạp: như năm uẩn, nghiệp, những lậu-hoặc... như đã nói trên). Trong kinh MN 26.19 chúng ta thấy Niết- bàn được gọi là "sự từ-bỏ mọi sự thu-nạp; sự dẹp bỏ sanh-y"

(sabb'ūpadhipaṭinissagga), hàm ý cả 02 nghĩa là chỉ hành-vi của chủ thể (sự thu nạp, thu vào, nhận lấy) và chỉ đối-tượng (những thứ bị thu nạp; sanh y).

- (Những sự thu-nạp và những thứ thu-nạp trong tiếng Việt là do người dịch Việt chọn dùng để dịch upadhi theo cách dịch và chú giải của TKBĐ).] (299) 300 [Trong nguyên bản (không giản lược) của bài kinh này thì: vàng và bạc

không được ghi trong các mục 8, 9, 10 vì vàng và bạc không được tính là những thứ phải bị bệnh, chết, và buồn sầu; chúng chỉ được ghi trong các mục 6, 7, và 11 vì chúng phải bị sinh (tạo ra), bị già (cũ), và có thể bị ô nhiễm (pha tạp, ô hợp) bởi vì, theo Luận giảng MA, chúng cũng có thể bị pha trộn (hợp kim) với những kim loại rẻ xấu khác.] (300) 301 [MA nói: Ông ta đã dạy cho Phật về 07 tầng chứng đắc của thiền định

cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ, akiñcaññāyatana), là tầng chứng đắc vô-sắc thứ ba trong 04 tầng chứng đắc vô-sắc cao hơn 04 tầng thiền định sắc- giới (jhāna). Cho nên nếu tính theo những tầng chứng-định (samāpatti) từ thấp lên cao, thì cảnh xứ không-có-gì này là tầng chứng định thứ bảy. Những tầng chứng đắc thiền định, mặc dù rất đáng quý và cao siêu về mặt tâm linh, những chúng vẫn còn thuộc về thế-tục, và chúng chưa chạm tới phần trí-tuệ thấy-biết (minh sát) và không trực tiếp dẫn tới Niết-bàn, sự giải-thoát viên mãn.] (301) 302 [Tức là, tầng chứng thiền đó dẫn tới tái sinh trong một cảnh giới hiện-hữu

được gọi là "cảnh xứ không-có-gì" (cảnh xứ trống không, vô sở hữu xứ), là cảnh giới tương ứng với tầng chứng thiền thứ bảy. Ở đây tuổi thọ được cho là 60.000 đại kiếp, nhưng khi hết tuổi thọ ở đó cũng phải qua đời và quay lại cảnh giới thấp xấu. Do vậy những người chứng đắc cảnh giới này vẫn chưa thoát khỏi sự già-chết mà 'sẽ còn bị dính bẫy của Ma Vương' [MA]. Nữ tiến sĩ Horner của PTS đã dịch nhầm rằng lời kinh chỗ này nhấn mạnh sự tái-sinh nên cô đã dịch là "chỉ đạt tới cao nhất là cảnh xứ không-có-gì" [MLS 1:209].] (302) 303 [Nữ tiến sĩ Horner trong MLS và Ñm trong Ms đều bị nhầm trong bản

dịch của mình: họ nhầm rằng (con) Uddaka và (cha) Rāma là một. Tuy nhiên, như nghĩa cái tên, Uddaka Rāmaputta là con (putta) của Rāma; người cha chắc hẳn đã qua đời trước khi vị Bồ-tát đến đó. Nên lưu ý rằng mọi sự nói về tên Rāma chỗ này đều thuộc thời quá khứ và ngôi thứ ba, và rằng chính người con Uddaka lúc sau mới đặt vị Bồ-tát ở vị trí của một vị thầy. Mặc dù

lời kinh vẫn không rạch ròi đủ để kết luận nhất quyết như vậy, nhưng điều này gợi ý cho thấy bản thân người cha Rāma đã chưa đạt tới tầng chứng đắc vô-sắc thứ tư. (Do chỗ này dễ làm người đọc có cảm tưởng rằng người cha Rāma đã chứng đắc tầng thiền vô-sắc giới đó chứ không phải người con Uddaka Rāmaputta đang là người đồng tu với Phật; nhưng không phải vậy, chính người con là Uddaka Rāmaputta mới chứng đắc. Có lẽ Phật đã gọi tên họ Rāma theo cách đơn giản và trân trọng dành cho người bạn tu Uddaka Rāmaputta.)] (303) 304 [Kinh MN 36 [cũng gồm có phần nói về sự gặp gỡ của vị Bồ-tát với Āḷāra

Kālāma và Uddaka Rāmaputta] sẽ tiếp tục từ chỗ này ghi lại (a) những sự hành xác khổ hạnh đã đưa vị Bồ-tát tới bờ vực cái chết và (b) sau đó là sự khám-phá con đường trung-đạo dẫn tới sự giác-ngộ, trước khi vị Bồ-tát đi đến chỗ mục 18 kế dưới đây. (Nghĩa là: kinh MN 36 sẽ ghi lại những diễn biến xảy ra trong thời gian nằm giữa thời điểm cuối mục 17 này và mục 18 kế dưới. Quý vị đọc kinh MN 36 sẽ thấy.)] (304) 305 [MA nhận dạng chữ "Giáo Pháp này" là Bốn Sự Thật (Bốn Diệu Đế). Hai

sự-thật hay hai chân-lý (ṭhāna) được nói ra ngay bên dưới—là 'sự khởi-sinh tùy thuộc' và Niết-bàn—là chân-lý về nguồn-gốc khổ (Diệu Đế 2) và sự chấm-dứt khổ (Diệu Đế 3), trong đó mỗi thứ cũng lần lượt hàm nghĩa chân-lý về sự khổ (Diệu Đế 1) và chân-lý về con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ (Diệu Đế 4).] (305) 306 [Sự dính-mắc là tạm dịch

chữ “ālaya”. Khó mà tìm ra chữ nào tương xứng

để dịch chữ này. Nữ tiến sĩ Horner dịch nó là “khoái-lạc giác quan” (dục lạc) nhưng cách đó sẽ cướp đi cách dịch nghĩa thông thường của chữ kāma (kāma cũng có nghĩa là dục ái, dục lạc) và dịch như vậy là quá hẹp nghĩa. Trong Ms, và trong những được ấn bản đầu, Ñm đã dịch chữ này là “thứ gì để dựa vào” thì chỉ rút ra được một hàm ý của chữ chứ không phải ý của chủ thể ở đây. MA thì giải thích chữ ālaya là bao gồm cả những khoái-lạc giác quan (là đối tượng) + những ý-nghĩ dục-vọng (của chủ thể) liên quan đến chúng.] (306) 307 [Luận giảng MA đặt nghi vấn: tại sao, từ rất lâu vị Bồ-tát đã ôm ắp hạnh-

nguyện chứng quả vị Phật để giúp những chúng sinh khác giải thoát, mà bây giờ thì tâm trí Phật lại ngã theo hướng không-làm-gì? Rồi MA giải thích luôn: (a) Lý do là, chỉ đến lúc-này, chỉ sau khi giác-ngộ, Phật mới nhận biết

đầy đủ rằng (i) Giáo Pháp là quá thâm sâu, và (ii) sức mạnh của những ô- nhiễm (lậu hoặc) trong những con người là quá lớn nên họ khó mà hiểu được Giáo Pháp thâm sâu như vậy. (b) Lý do nữa là, Phật muốn Vua Trời Brahmā phải đích thân thỉnh cầu Phật đi truyền dạy Giáo Pháp đó, vì điều đó sẽ làm cho số đông quần chúng vốn luôn tôn kính vua Trời, mà vua Trời thì kính trọng Giáo Pháp của Phật, nên quần chúng sẽ nhận ra giá trị quý báu của Giáo Pháp và sẽ mong muốn học hiểu Giáo Pháp từ Phật. (Sự giải thích này là hữu lý và thú vị! … bởi vì đến tận thời hiện đại quần chúng ở nhiều nơi vẫn còn tin vào ‘ông Trời’).] (307) 308 [Đó là 05 vị khổ sĩ (nhóm có thầy Kiều-trần-như) đã theo Phật trong thời

gian còn tu khổ hạnh hành xác vì họ đã tin rằng Phật sẽ đạt tới giác-ngộ và sau đó chỉ dạy lại Giáo Pháp cho họ. Tuy nhiên sau đó khi họ nhìn thấy Phật từ bỏ lối tu khổ hạnh hành xác và bắt đầu ăn uống thức ăn chắc bụng (no bụng) trở lại, họ đã không còn tin vào Phật và tẩy chay Phật, họ kết tội Phật đã hoàn tục quay lại đời sống thụ hưởng. Đọc thêm kinh MN 36.33.] (308) 309 [“Bậc Chiến Thắng Vũ Trụ” nguyên văn là chữ “Anantajina”: có lẽ đây là

một biểu tượng hay danh xưng được dùng bởi những người theo giáo phái Ni-kiền-tử (những Ajivaka) để chỉ một đấng toàn-thiện về tâm linh.] (309) 310 [Theo luận giảng MA, ông Upaka sau đó đã thương và cưới một cô con

gái của một thợ săn. Rồi tới khi hôn nhân của ông ta trở thành bất hạnh, ông đã quay lại gặp Phật, gia nhập Tăng Đoàn, và sau đó trở thành mộ bậc thánh Bất-lai. Rồi ông tái sinh trong cõi trời Avīha, từ cõi đó ông chứng luôn thánh quả A-la-hán.] (310) 311 [Āvuso: ‘bạn’, ‘đạo hữu’, là chữ quen thuộc dùng để gọi những người

đồng hạng, ngang nhau, hay đồng tu.] (311) 312 [Coi lại chú thích 178 ở trên.] (312)

313 [Ngay chỗ này là sự thay đổi cách xưng hô từ “bạn” (āvuso) thành “ngài”

(bhante) cho thấy giờ họ đã tin nhận lời tuyên bố của Phật và chuẩn bị coi Phật là bậc cao thượng hơn họ.] (313) 314 [Ngay lúc này Đức Phật bắt đầu giảng cho họ bài kinh đầu tiên là kinh

Thiết Lập Sự Quay Chuyển Bánh Xe Giáo Pháp (Dhammacakkappavattana Sutta, kinh Chuyển Pháp Luân) nói về Bốn Chân-Lý hay Bốn Sự-Thật (Tứ

Diệu Đế). Vài ngày sau đó, sau khi họ đã chứng thành những bậc Nhập-lưu, Phật giảng tiếp cho họ bài kinh Đặc Tính Vô-Ngã (Anattalakkhaṇa Sutta, kinh Vô Ngã Tướng), ngay sau khi nghe bài kinh này, tất cả họ đều chứng thành A-la-hán. Toàn bộ câu chuyện này được đọc thấy trong bộ Quyển Lớn hay Đại Phẩm (Mahāvagga) trong Luật Tạng (Vin i.7–14), cũng có ghi trong quyển Cuộc Đời Của Đức Phật của nhà sư dịch giả Nāṇamoli, trang 42–47.] (314) 315 [Phần này quay lại chủ đề 'những sự tìm kiếm thánh thiện hay không

thánh thiện' mà ở phần đầu bài kinh đã mở ra. Chủ đề được nói lại với dụng ý cho chúng ta thấy rằng: việc chọn lấy đời sống xuất gia tu hành (trong Tăng Đoàn, tu viện) không phải là sự bảo đảm rằng một người đã dấn thân vào sự tìm kiếm thánh thiện, bởi vì cũng có những sự tìm kiếm không thánh thiện cũng dẫn dắt người ta gia nhập vào đời sống Tăng đoàn (ví dụ, thời xưa cũng như thời nay cũng có nhiều người đi tu không vì mục đích thánh thiện, hoặc lơ mơ về mục đích tu, hoặc cũng có những tăng giả, tăng tục, tăng làm ăn, trá hình, tăng không tu tâm…).] (315) 316 [Chỗ này nói tới việc sử-dụng bốn phương tiện thiết yếu [y-phục, thức-ăn,

chỗ-ở, và thuốc-thang với chu cấp cho người bệnh] một cách có suy-xét về mục-đích chân chính phù hợp trong đời sống xuất gia (người tu phải chánh niệm về mục-đích dùng chúng để 'nuôi thân để tu hành' chứ không phải để hưởng thụ, sướng thân…). Mời coi lại thêm kinh MN 2.13–16.] (316) 317 [Coi lại chú thích 295 ở kinh MN 25.12.] (317)

318 [Coi lại chú thích 296 ở cuối kinh MN 25.] (318)

Kinh 27 319 [Theo biên niên sử Tích Lan, đây là bài kinh đầu tiên được thuyết giảng

bởi Trưởng Lão Mahinda sau khi ngài đến Tích Lan. (A-la-hán Mahinda (Ma-hi-đà) là thái tử, cùng với em ruột mình là công chúa Sanghamitta (Tăng-già-mật-đa), đã được vua cha của mình là hoàng đế Phật tử Asoka (A- dục vương) cho xuất gia và được phái cử qua Tích Lan trong sứ mạng truyền bá Phật giáo. Nhờ những Tỳ kheo giống như họ mà Phật giáo nguyên thủy [tức Trưởng Lão Bộ] đã được gìn giữ ở Tích Lan mà không bị tiêu hủy ở Ấn Độ bởi quân hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ xâm lược và tàn sát Ấn Độ sau đó.)] (319)

320 [Vacchāyana là tên họ tộc của du sĩ Pilotika đó.] (320)

321 [Ñm đã dịch chữ ekabhattika là "ăn chỉ trong một buổi của ngày" theo ý

của luận giảng. Theo Luật Tạng, thời gian phù hợp để các Tỳ kheo ăn từ lúc rạng sáng cho đến giữa trưa. Từ giữa trưa (giờ ngọ) tới rạng sáng ngày hôm sau chỉ được uống nước và những chất lỏng.] (321) 322 [Phần công thức (phòng hộ các căn) này đã được phân tích trong Vsm I,

53–59. Tóm tắt là: những dấu-hiệu hay những nét chung (nimitta) là những phẩm-chất đặc thù nhất của đối-tượng, mà nếu nắm giữ chúng một cách không chánh-niệm thì có thể làm phát sinh những ý-nghĩ ô nhiễm; những đường-nét hay những nét riêng (anubyanjana) là những chi-tiết tiếp theo có thể thu hút sự chú-ý nếu sự tiếp-xúc thuộc về nhận-thức đã không được theo dõi bởi sự kiềm-chế.

- "Những trạng thái thèm-muốn (tham) và buồn-bực (ưu) là chỉ những phản ứng của tham và sân, sự thích và sự ghét, sự muốn và sự chê đối với những đối-tượng của giác-quan.] (322) 323 [Sự thèm-muốn (abhijjhā) là đồng nghĩa với tham-dục giác quan, tức nhục

dục (kāmacchanda): đây là chướng ngại thứ nhất trong năm chướng-ngại cản trở người tu tu tập. Chỗ này chỉ sự tu tập để vượt qua chướng-ngại "tham- dục" đó.] (323) 324 [TKBĐ: Người đệ tử thánh thiện không vội đi đến kết luận như vậy về

Phật, Pháp, Tăng bởi vì trạng thái các tầng thiền định sắc-giới (jhāna), cũng như các tầng chứng đắc vô-sắc giới cao hơn sau đó, không phải là giáo lý 'độc quyền' hay giáo lý 'riêng' [cũng không phải là toàn bộ con-đường đạo] của Phật giáo; (bởi vì những người giáo phái khác trước Phật cũng có thể tu tập thiền định và chứng đắc những tầng thiền định đó).

- MA giải thích: Người đó không đi đến kết luận về Tam Bảo bởi vì những tầng thiền định (jhāna) và những trí-biết trực tiếp [còn thế tục] thì những người ngoài đạo Phật cũng có thể nắm giữ hay có được.] (324) 325 [Theo MA: chỗ này chỉ lúc người tu đang còn ở trong dòng thánh đạo siêu

thế. Bởi vì cho tới lúc này vị đệ tử thánh thiện vẫn chưa hoàn thành rốt ráo con-đường tu hành, cho nên người đó vẫn chưa (tự mình thấy biết để) đi đến một kết luận (na tveva niṭṭhaṃ gato hoti) về Phật, Pháp, và Tăng [Tam Bảo];

hơn nữa, lúc này người đó vẫn đang trên tiến-trình đi đến một kết luận (niṭṭhaṃ gacchati). Cụm từ "đi đến kết luận" chỗ này trong bài kinh là một cách chơi chữ tình cờ khả thi trong cả tiếng Pāli và tiếng Anh (và cũng khả thi trong tiếng Việt)—tức nó cũng đồng nghĩa "đi đến kết thúc", "đi đến chung cuộc", tức đi đến đạo quả cuối cùng; và tới lúc đó người tu mới thực sự đi đến kết luận cuối cùng như vậy về Phật, Pháp, Tăng.] (325) 326 [MA: Chỗ này chỉ thời lúc vị một đệ tử thánh thiện đó đã chứng ngộ thánh

quả A-la-hán, và sau khi đã hoàn-thành tất cả những trách-phận tu tập của mỗi ngày, cuối cùng người đó cũng đi đến kết-luận về Tam Bảo như vậy, (và đó cũng là sự đi đến chung-cuộc, chung-kết, mục-tiêu cuối cùng của sự tu hành).] (326)

Kinh 28 327 [Bài kinh này được in riêng cùng với phần giới thiệu và những chú giải

được biên soạn bởi nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera với tên sách cũng giống bài kinh “Đại Kinh Ví Dụ Dấu Chân Voi”.] (327) 328 [Cấu trúc và ý nghĩa của bài kinh này như sau:

(1- Với ví dụ dấu chân voi, thầy Xá-lợi-phất chỉ ra mọi trạng thái thiện lành (gồm cả giới, định, tuệ, và những sự chứng-ngộ) đều nằm trong Bốn Diệu Đế: đó là giáo lý cốt lõi và bao trùm của Phật giáo. Trước tiên thầy Xá-lợi- phất liệt kê Bốn Diệu Đế [mục 2].

2- Rồi thầy lấy Diệu Đế 1 (sự thật về khổ) để phân tích thành nhiều phương diện khác nhau [mục 3]. Từ những phương diện đã được kể ra, thầy lấy cái tóm gọn cuối cùng là “năm-uẩn bị dính-chấp” (năm thủ-uẩn) là đại diện và bao trùm cho sự khổ [mục 4].

3- Để chứng minh bản chất “khổ” của chúng, thầy chọn uẩn thứ nhất là sắc- uẩn [mục 5] để phân tích. Sau khi kể ra 04 yếu-tố lớn (tứ đại) là thành phần của nó, thầy ấy chỉ ra mỗi yếu-tố có 02 phương diện—bên-trong và bên- ngoài—trong đó, (i) bên-trong được chọn ra để phân tích chi tiết, cụ thể là 04 yếu-tố đó của sắc-thân, (ii) bên-ngoài chỉ được đề cập ngắn gọn nhưng dễ dàng chỉ ra sự vô-thường, biến, hoại của những yếu-tố đất, nước, lửa, gió ở bên-ngoài với mục đích để suy luận và quy trở lại để thấy những yếu-tố bên-

trong (của sắc-thân) cũng là vô-thường, biến, hoại, và tạm bợ tới dường nào [như mục 6–7]. Từ đó có sự hiểu-biết chắc chắn rằng: khi những yếu-tố vật chất tạo ra sắc-thân là ‘vô-thường, khổ, vô-ngã’ thì sắc-thân chắc chắn cũng ‘vô-thường, khổ, vô-ngã’.

4- Khi người tu đã hoàn-toàn hiểu như vậy, đúng như nó thực là, thì người tu sẽ không coi thân là ‘của-ta’, là cái ‘ta’, hay là ‘bản ngã của ta’ nữa. Nhờ đó, người tu không còn khởi tâm tham hay sân khi thân bị này nọ hay bị biến đổi hay bị sỉ nhục hay tấn công bạo lực bởi những người xấu ác. Không khởi tâm tham và sân để làm gì? Để tu tập hạnh nhẫn-nhục, niềm-tin (vào Phật, Pháp, Tăng), và sự buông-xả. Vì vậy trong kinh, mỗi yếu-tố đã được thuyết giảng như một cơ-sở cho sự minh-sát (thiền quán) [như mục 8–10].)

5- Sau khi xem xét xong những yếu-tố, thầy Xá-lợi-phất tiếp tục lấy những phương diện của Bốn Diệu Đế mà thầy đã tạm gác qua một bên vào lúc đầu. Thầy dẫn giải về phần thể-sắc phái sinh theo cách diễn đặt bằng những căn cảm-nhận (các giác-quan) và những đối-tượng của nó [mục 27], rồi từ đó thầy liên hệ với 04 uẩn còn lại theo cách của Diệu Đế 1. Cuối cùng thầy thiết lập toàn bộ tổ-hợp những ý-luận này trong liên hệ với 03 Diệu Đế còn lại [mục 28 …].] (328) 329 [Chữ upādinna (bị chấp-thủ, bị dính-chấp) được dùng trong Vi Diệu Pháp

Tạng như một thuật ngữ được áp dụng những hiện-tượng thuộc thân được tạo ra bởi nghiệp. Tuy nhiên, ở đây nó được dùng theo một nghĩa chung hơn được áp dụng cho toàn cái thân trong chừng mực nó được (người phàm) coi là ‘của-ta’ và được nhận lầm là một cái ‘ta’ hay ‘bản ngã’. Cụm từ “bất cứ thứ gì khác” là chủ ý tính luôn tất cả yếu-tố

đất có trong thân chưa được liệt kê ở đây. Theo sự phân tích về thể-sắc bởi Vi Diệu Pháp Tạng, bốn yếu-tố lớn (tứ đại) là không thể tách rời nhau, và do vậy mỗi yếu-tố đều nằm trong những hiện-tượng thuộc thân gồm có 03 yếu-tố còn lại, mặc dù mỗi yếu-tố chỉ đóng vai trò phụ-trợ với 03 yếu-tố kia.] (329) 330 [MA: Câu này được nói ra để nhấn mạnh cái bản chất phi hữu-tình (acet-

anābhāva) của yếu-tố đất bên-trong bằng cách quàng gán nó với yếu-tố đất bên-ngoài, vì bản chất phi hữu-tình (và vô-thường) của yếu-tố đất bên-ngoài dễ được nhận thấy hơn. (Một cách hiểu tương tự đối với các câu tương tự bên dưới nói về các yếu-tố nước, yếu-tố lửa, và yếu-tố khí).] (330)

331 [Theo vũ trụ luận Ấn Độ cổ, sự hủy hoại thế giới theo chu kỳ có thể xảy ra

bởi nước, hay lửa, hay gió. Mời coi thêm Vsm XIII, 30–65.] (331) 332 [03 ý-niệm cái 'ta', cái 'của-ta', 'bản ngã của ta' lần lượt tương ứng đại

diện cho 03 sự ám-muội là: quan-điểm có danh-tính cá thể (thân kiến), dục- vọng (ái), và sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây).] (332) 333 [MA giải thích đoạn này [khi đề cập tới một Tỳ kheo thiền quán về những

yếu-tố (tứ đại)] là chủ ý cho thấy năng lực hay sức mạnh của tâm (tâm lực) của người đó trong sự ứng dụng 'sự hiểu-biết của mình về những sự vật' đối với những đối-tượng đáng ghét khó chịu đã khởi sinh ở "cửa" của tai. Bằng sự quán xét trải-nghiệm đó theo cách của lý điều-kiện (nhân duyên) và lẽ vô- thường, người đó đã chuyển hóa cái 'tình huống dễ bực tức, thù, hận, phản kháng khi bị sự bị sỉ nhục và tấn công như vậy' thành cơ hội để thiền quán. (Tức, khi bị sỉ nhục hay thân bị tấn công, người tu đã hiểu thấu bản-chất đích thực của những yếu-tố (tứ đại) kết hợp thành thân đích thực là gì, (chúng chỉ thuần túy là những yếu-tố vô tình, là vô-thường, vô-ngã, và phải bị khổ như phải bị tấn công, phải bị hư hại, phải bị hủy hoại ...), thì người tu chỉ nhẫn nhịn và thiện khéo lấy cơ hội đó để thiền quán thêm về tính chất tạm-bợ, khổ, và vô-ngã của thân để phát sinh trí-tuệ giải thoát).] (333) 334 [Nguyên văn cả câu: Tassa dhātārammaṇam eva cittaṁ pakkhandati. Câu này có thể được hiểu theo 02 cách, tùy theo cách mà chữ ghép dhātārammaṇam được hiểu. (i) Trưởng lão Nyanaponika coi chữ này là đối- tượng của động từ pakkhandati, và thầy ấy hiểu chữ dhātu (yếu-tố, xứ) ở đây là "yếu-tố phi nhân nói chung" có khả năng bao gồm những thứ như âm- thanh, sự tiếp-xúc, cảm-giác ... vân vân. Do vậy thầy đã dịch: "Và tâm của người đó nhập vào chính đối-tượng đó [coi nó chỉ là] một yếu-tố [phi cá nhân]." (Phi nhân, phi cá nhân có nghĩa là không dính gì người, là khách quan). (ii) Còn nhà sư dịch giả Ñm thì đọc chữ ghép này như một bổ từ bổ nghĩa cho chữ citta, và ghi đối-tượng của động từ trong ngoặc đơn.

- MA dường như ủng hộ cách hiểu thứ nhất (của trưởng lão Nyanaponika); còn MṬ thì rõ rệt nhận dạng chữ yếu-tố [dhātu] ở đây chính là yếu-tố đất, và do vậy ủng hộ cách hiểu thứ hai (của Ñm).

- MA: cụm chữ “đạt được sự quả-quyết” có nghĩa là người thiền quán tình huống đó theo cách những yếu-tố (khách quan) và nhờ vậy không có sự dính- mắc (tham) hay kháng-cự (sân) gì liên quan đến nó.] (334) 335 [MA: Đoạn này chủ ý cho thấy sức mạnh của một Tỳ kheo đang thiền về

một trường hợp khi mình bị đau đớn của thân.] (335) 336 [Coi lại kinh MN 21.20 ở trên.] (336)

337 [MA chú giải rằng: Sự tưởng niệm Phật được nói ở đây là sự nhớ lại rằng

chính Phật đã nói “ví dụ cái cưa” này; sự tưởng niệm Giáo Pháp là nhớ lại lời khuyên dạy (giáo lý) được nói trong “ví dụ cái cưa”, và sự tưởng niệm Tăng Đoàn là nhớ lại những đức-hạnh của vị Tỳ kheo có thể nhẫn nhịn những lời sỉ nhục hay sự tấn công như vậy mà không hề khởi tâm sân-hận. “Sự buông-xả được trợ giúp bởi những điều (trạng thái) thiện” (upekkhā kusalanissitā) là sự buông-xả của sự minh-sát (tuệ), đó là 06 sự buông-xả [không tham cũng không sân] đối với những đối-tượng đáng ghét và khó chịu xuất hiện ở 06 cửa cảm-nhận (06 cửa giác-quan). Nói một cách nghiêm ngặt, 06 sự buông- xả này là thuộc về (phẩm hạnh của) bậc A-la-hán, nhưng ở đây đã được gán cho một Tỳ kheo đang còn tu-học (học nhân) bởi vì sự minh-sát (tuệ) của vị này đã gần kề với sự buông-xả hoàn thiện của bậc A-la-hán.] (337) 338 [Điều này được nói ra là để nhấn mạnh một lần nữa về bản chất vô-ngã

của cái thân (nó không phải thứ gì là thực thể cố định, không phải là ‘ta’, hay ‘của-ta’, hay ‘bản ngã của ta’). MỊ: Thầy Xá-lợi-phất đã chỉ ra rằng 04 yếu- tố lớn (tứ đại) chỉ đơn thuần là những yếu-tố chứ không thuộc về chủ-thể nào như cái ‘ta’ hay ‘bản ngã’ nào cả; trong chúng không có một ‘con người’ hay ‘cá thể’ nào, không có một ‘linh hồn’ hằng hữu nào trong đó.] (338) 339 [Theo MA, đoạn này được đặt ra để đưa vào phần thể-sắc phái sinh từ 04

yếu-tố lớn (tứ đại). Phần thể-sắc phái sinh, theo sự phân tách về sắc trong Vi Diệu Pháp (Abhidhamma), là bao gồm 05 căn cảm-nhận (pasādarūpa, 05 giác-quan thân) và 04 loại đối-tượng cảm nhận đầu tiên [là đối-tượng hữu hình được nhận dạng = những yếu-tố chính (tứ đại)]. “Sự tham gia [có ý thức] tương ứng” (tajjo samannāhāro) đã được chú giải trong MA là sự chú- tâm hay tác-ý (manasikāra) khởi sinh tùy thuộc vào mắt và những hình-sắc; nó được nhận dạng là “thức liên hệ tới năm cửa” (pancadvārāvajjanacitta), thức này phá vỡ dòng chảy của sự liên-tục sự hiện-hữu (bhavanga) để phát khởi một tiến trình nhận-biết. Ngay cả khi những hình-sắc đi vào tầm của

mắt, nếu sự chú-tâm (tác ý) không được tham gia bởi hình-sắc đó vì người đó đang bận tâm với thứ khác, thì vẫn không có sự có mặt (không hiện ra) của “loại thức tương ứng”, chẳng hạn ở đây là thức-mắt. (Tức là, (i) khi có giác- quan [căn] nhưng đối-tượng giác quan không đi vào tầm của giác-quan đó thì không có thức tương ứng; (ii) còn khi có giác-quan và có đối-tượng giác quan đi vào tầm của giác-quan đó, nhưng không có sự chú-tâm (tác ý) (vì người đó đang lo chú tâm tới đối-tượng khác), thì cũng không có

loại thức tương ứng.)] (339) 340 [Đoạn này được đặt ra để chỉ ra Bốn Diệu Đế theo cách của sáu cửa cảm-

nhận (sáu cửa giác-quan). “Thứ đã đi đến hình thành như vậy” hay “thứ đã đi đến có mặt như vậy” (tathābhūta) là chỉ toàn bộ cái tổ-hợp các yếu-tố đã khởi sinh theo cách của thức-mắt. Bằng sự phân tách tổ-hợp này thành 05 uẩn, thầy Xá-lợi-phất đã cho thấy rằng cho dù là trường hợp căn nào (giác-quan nào) thì sự trải nghiệm cũng đều nằm trong sự thật về sự khổ (Diệu Đế 1).] (340) 341 [Câu tuyên bố này, khi tra tìm trong toàn bộ Kinh Tạng, không thấy do

chính Phật nói trong kinh nào cả! MA giải nghĩa câu này [một cách có lẽ quá ít sự nhạy cảm đối với hàm ý thâm thúy của câu nói] là: “Ai nhìn thấy ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) là nhìn thấy những trạng thái khởi-sinh tùy thuộc (paṭicca samuppanne dhamme; những pháp duyên sinh); ai nhìn thấy những trạng thái khởi-sinh tùy thuộc là nhìn thấy ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’.”] (341) 342 [Cả 04 sự với nguyên văn các chữ là—sự tham-muốn (chanda), sự dính-

mắc (ālaya, tạm dịch như chú thích 306 ở kinh MN 26.19 ở trên), sự khuynh- hướng hay tùy-miên (anunaya), và sự nắm-giữ hay chấp-trước (ajjhosāna)— đều là đồng nghĩa của sự thèm-khát hay dục-vọng (taṇhā, ái).] (342) 343 [Mặc dù ở đây chỉ có 03 Diệu Đế đã được nói ra rõ rệt trong bài kinh,

nhưng Diệu Đế thứ tư đã được nói một cách hàm ý. Theo MA, đó chính là sự thâm-nhập (chứng ngộ) 03 Diệu Đế đầu tiên bằng cách tu tập thành công 08 phần của Bát thánh đạo.] (343) 344 [MA nhận dạng chữ “tâm” (mano) trong đoạn này chính là thức liên-tục

sự hiện-hữu (bhavangacitta).] (344)

345 [MA minh họa trường hợp này bằng sự bận-tâm của tâm với một đối-

tượng quen thuộc khi nó không ghi nhận những chi-tiết quen thuộc của đối- tượng đó. Còn “phần tương ứng của thức” ở đây chính là thức (của) tâm hay tâm-thức (manovinnāṇa), nó lấy những đối-tượng phi dục làm lĩnh vực (xứ) nhận-biết của nó.] (345)

Kinh 29 346 [Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là người anh em họ của Đức Phật (và cũng là

anh vợ của Phật trước khi Phật xuất gia), nhưng vị ấy có tham vọng, đã cố ám sát Đức Phật để lên kiểm soát Tăng Đoàn. Sau mấy lần cố giết Phật không thành, vị ấy đã ly khai và lập giáo đoàn riêng của mình để lãnh đạo. Mời đọc câu chuyện nổi tiếng này trong quyển “Cuộc Đời Của Đức Phật” của tác giả dịch giả nhà sư Ñāṇamoli, trang 266–269.] (346) 347 [MA chú giải: “trí-biết và tầm-nhìn” (ñāṇadassana) ở đây là chỉ “con mắt

thiên thánh” (thiên nhãn), đây là một năng-lực nhìn thấy những hình-sắc vi tế vốn không thể nhìn thấy được bằng mắt thường.] (?) (347) 348 [Cách dịch chỗ này (của thầy TKBĐ) là làm theo BBS và SBJ đọc là

asamayavimokkhaṁ trong câu trước và asamayavimuttiyā trong câu này. Phiên bản PTS, dựa vào đó tiến sĩ Horner và nhà sư Ñm đã dựa vào đó để dịch chỗ này, rõ ràng là đã nhầm khi đọc chữ samaya thành 02 âm kép, và đã đọc là ṭhānaṁ thay vì đúng là aṭṭhānaṁ. MA trích dẫn từ bộ Paṭisam- bhidāmagga (Phân Tích Đạo), [ii.40] một định nghĩa của chữ asamaya- vimokkha [nghĩa gốc là sự giải-thoát không tạm-thời, tức sự giải-thoát viễn viễn] chính là 04 thánh đạo, 04 thánh quả, và Niết-bàn, còn định nghĩa chữ samayavimokkha [nghĩa gốc là sự giải-thoát tạm-thời] chính là 04 tầng thiền định sắc-giới và 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới. Mời quý vị đọc thêm kinh MN 122.4.] (348) 349 [Theo MA: "Sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm" (akuppā cetovimutti) ở

đây là đồng nghĩa với thánh quả A-la-hán. Như vậy, chữ "Sự giải-thoát vĩnh viễn"—gồm có 04 chặng thánh đạo và 04 thánh quả—là có phạm vi nghĩa rộng hơn so với chữ "Sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm". Chữ sau chỉ được dùng để chỉ thẳng cái mục-tiêu cuối cùng của đời sống tu hành.] (349)

Kinh 30

350 [06 vị đạo sư này, là những người đương thời lớn tuổi hơn Phật, đều đứng

ngoài phạm vi của Bà-la-môn giáo chính thống, và giáo thuyết của họ thể hiện sự táo bạo về suy đoán vào thời Đức Phật. 06 người này thường được nói đến trong các kinh. Những giáo lý của họ, theo cách hiểu của những người theo Phật giáo, đã được ghi trong kinh dài DN 2.17–32/ii.52–59.] (350) 351 [Câu hỏi này cũng được đặt ra bởi du sĩ Subhadda vào đêm trước ngày Bát

Niết-bàn của Phật. Coi kinh dài DN 16.5.26–27/ii.150–52.] (351) 352 [Trong một số kinh khác (như kinh MN 29 kế trên), câu này thường là

"Như vậy người đó trở nên say-sưa …". Còn ở đây, trong kinh này, thì câu này được thay bằng "Như vậy người đó không phát khởi mong-muốn …". Đây là chỗ khác nhau giữa các đoạn tương ứng của 02 kinh này.] (352) 353 [Mặc dù những tầng thiền định sắc giới (jhāna) cũng có thể nằm trong sự

chứng đắc phần "Định-tâm" đã được nói đến trong mục 10, và phần 'Trí-biết và tầm-nhìn' đã luôn được mô tả là cao hơn những sự chứng đắc thiền định (sắc giới và vô-sắc giới), nhưng bây giờ những tầng thiền định được nói là cao hơn 'trí-biết và tầm-nhìn' bởi vì giờ chúng được coi là cơ-sở để chứng ngộ sự chấm-dứt (diệt) và sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận) như được nói trong mục 21.] (353)

Kinh 31 354 [Ngài A-nậu-lâu-đà là một người em họ của Phật; ngài Nandiya và Kimbi-

la là đạo hữu và đồng tu của ngài A-nậu-lâu-đà.] (354) 355 [Đây là 03 trong "06 nguyên tắc để sống hòa hợp" như đã được giảng giải

trong kinh MN 48.6.] (355) 356 [MA nhận dạng quỷ dạ-xoa (yakkha) này là một vị vua trời (devarāja)

nằm trong 28 vị chỉ huy của những quỷ dạ-xoa đã được đề cập trong kinh dài DN 32.10.] (356)

Kinh 32 357 [Bốn hội chúng là hội chúng những Tỳ kheo, hội chúng những Tỳ kheo ni,

hội chúng những đệ tử tại gia nam, và hội chúng những đệ tử tại gia nữ. 07

548 • Phần Chú Thích

khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) đã được liệt kê trong kinh MN 18.8 ở trên. Ngài Ānanda đã được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những Tỳ kheo có sự học-nhiều (đa văn, học rộng; theo kinh AN 1:219), và những bài thuyết giảng của thầy ấy được cho là đã làm vui lòng bốn hội chúng đó, coi kinh dài DN 16.5.16.] (357)

- (Phần kinh này từ mục 3-10 là gần như giống hệt kinh MN 128 từ mục 8- 15.) 358 [Nguyên văn cụm chữ cuối là: yathā sakaṁ paṭibhānaṁ. Cụm chữ này có lẽ được dịch là "theo như trực giác của thầy ấy" hoặc "theo ý của thầy ấy". Ñm dịch là "như nó đã xảy đến với thầy ấy"; tiến sĩ Horner thì dịch là "theo như năng lực của thầy ấy"; (về nghĩa thực lực thì cách diễn dịch cuối này là hữu lý).] (358) 359 [Ngài Revata (Kaṅkhārevata) đã được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số

những Tỳ kheo giỏi tu thiền (kinh AN 1:204).] (359) 360 [Ngài A-nậu-lâu-đà được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những Tỳ kheo

có thần thông thiên nhãn (trong kinh AN 1:192).] (360) 361 [Ngài Đại Ca-diếp là được Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những Tỳ

kheo sống tu (13) giới khổ hạnh (hạnh đầu-đà, đã được Phật cho phép; theo kinh AN 1:191).] (361) 362 [Abhidhamma: có nghĩa là (i) Giáo Pháp bậc cao, Diệu Pháp, hoặc (ii)

cũng có nghĩa là phần Giáo Pháp cao học, Vi Diệu Pháp. Mặc dù chữ này ở đây không chỉ thẳng đó là Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma Piṭaka)—là tạng có sau tạng Kinh Tạng của các bộ kinh Nikāya—nhưng ở đây chữ này có nghĩa chỉ "sự tiếp-cận Giáo Pháp mang tính phân tích và hệ thống", đó chính là 'hạt nhân ban đầu' để dần dần hình thành rỗ Vi Diệu Pháp Tạng sau đó. Khi nghiên cứu cẩn thận về chữ "Abhidhamma" (theo nghĩa là giáo lý cao học, giáo lý vi diệu, vi diệu pháp), học giả nghiên cứu Pāli người Nhật là Fumimaro Watanabe đã kết luận rằng những vị đệ tử của Phật đã lập nên khái niệm về Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) như một môn luận triết căn bản để định nghĩa, phân tách, và xếp loại những giáo lý và khám phá mối liên hệ lẫn nhau giữa chúng. Mời đọc thêm quyển "Triết Học và Sự Phát Triển của nó trong các bộ kinh Nikāya và trong Vi Diệu Pháp tạng", trang 34–36.] (362)

Phần Chú Thích • 549

363 [Ở đây, những sự trả lời của các vị đệ tử được coi là lý tưởng tốt mà một

Tỳ kheo đã thành tựu sự thuần-thục về một mảng riêng (nổi trội) của họ trong đời sống xuất gia (tất cả họ đều là đệ nhất về mảng đó, như Phật đã tuyên bố trong các kinh của Quyển 1, Bộ Kinh AN). Còn sự trả lời của Phật là nhắm tới một Tỳ kheo vẫn đang còn chuyên-cần tu tu tập hướng tới mục-tiêu, nhấn mạnh lại mục-đích tột cùng của đời

sống tâm linh (đó là sự tiêu diệt ô-nhiễm, sự giải-thoát).] (363)

Kinh 33 364 [Chỗ này coi thêm kinh MN 129, mục 2, 27.] (Nhân tiện, toàn bộ bài kinh

MN 33 này giống hệt kinh AN 11:17).] (364) 365 [Những đại-cương hay toát-yếu là dịch chữ (mātikā) có thể là chỉ (hạng

mục) những điều-luật trong Giới Bổn Tỳ Kheo (Pātimokkha), mà cũng có thể là những đại-cương hay toát-yếu trong Vi Diệu Pháp tạng, đó là danh sách các hạng-mục chính dùng để giảng giải và phân tách Giáo Pháp một cách vi tế về Giáo Pháp. Để hiểu thêm về những mātikā, mời đọc thêm quyển "Triết Học và Sự Phát Triển của nó trong các bộ kinh Nikāya và trong Vi Diệu Pháp", trang 42–45, của Watanabe.] (365) 366 [Coi lại chú thích 89 ở kinh MN 7, mục 5.] (366)

367 [Trong kinh SN 47:06 (Quyển 5), bốn nền tảng chánh-niệm (bốn sự thiết lập chánh-niệm, tứ niệm xứ) đã được mô tả ví như một đồng cỏ (gocara) của một Tỳ kheo, đó là lĩnh-vực (xứ, lãnh địa, trú xứ) phù hợp đúng đắn để người tu chú-tâm (chánh niệm).] (367)

Kinh 34 368 [Về 02 loại người tu này, mời coi lại chú thích 273 ở cuối kinh MN 22.]

(368) 369 [Theo MA, Saccaka là con trai có cha mẹ là những Ni-kiền-tử (Nigaṇṭha)

theo Kỳ-na giáo (đạo Jain), cả hai người cũng đều là những người giỏi tranh biện về triết học. Anh ta đã học một ngàn giáo thuyết từ cha mẹ mình và nhiều hệ triết lý từ những người khác. Trong cuộc đối thoại dưới đây, anh ta được gọi bằng tên họ tộc là Aggivessana.] (369)

370 [Ngài Assaji (A-thuyết-thị) là một trong nhóm 05 vị đệ tử đầu tiên của

Đức Phật (nhóm có ngài Kiều-trần-như trong "bài thuyết giảng đầu tiên"), và do vậy ngài Assaji cũng là một trong năm vị A-la-hán đầu tiên. (Ngài Assaji cũng chính là vị sa-môn mà thầy Xá-lợi-phất (Upatissa) khi chưa xuất gia đã gặp ở thành Vương Xá, và sau khi nghe mấy câu kệ của ngài, thầy Xá-lợi- phất đã giác ngộ Nhập-lưu. Sau đó thầy Xá-lợi-phất đã đến kể lại cho thầy Mục-kiền-liên (Kolita) và cả hai cùng đến gia nhập Tăng Đoàn, và sau đó hai thầy đã được Phật chỉ định là hai vị đại đệ tử thứ nhất và thứ hai của Tăng Đoàn).] (370) 371 [Lời tóm tắt giáo thuyết này bị bỏ mất đặc tính thứ hai, đó là khổ (duk-

kha), đầy đủ là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. MA giải thích rằng ngài Assaji đã bỏ đặc tính này nhằm tránh tạo cho Saccaka cơ hội cố gắng bài bác giáo lý của Phật.] (371) 372 [MA giải thích những người chơi trò này khi chuẩn bị chà giặt quần áo

bằng cây gai dầu. Họ cột một nắm cây gai dầu thô ráp, nhúng xuống nước, và đập chúng vào chỗ trái, phải, giữa của những tấm gỗ. Một con voi hoàng gia nhìn thấy trò này thì nó (bắt chước) hút nước vào vòi và phun nước trên bụng, trên thân, hai bên thân, và dưới háng nó.]

- (Cách nói khoát lác bằng cả đoạn này cũng có trong kinh MN 56.7 bởi gia chủ Upāli.) (372) 373 [Khi khẳng định năm uẩn chính là cái ta hay bản ngã, dĩ nhiên anh ta đã

trực tiếp mâu thuẫn với giáo lý của Phật về sự vô-ngã (anattā, không phải là cái 'ta'). Anh ta còn quàng gán quan-điểm hữu ngã của mình cũng là của "số đông lớn" với nghĩa hùa rằng "đa số thì không thể sai lầm".] (373) 374 [Ở đây Đức Phật đang gợi ý rằng các uẩn không phải là 'ngã' bởi vì chúng

thiếu những đặc tính thực thể của 'bản ngã'—thứ gì không thể nằm dưới sự làm-chủ hay sự kiểm-soát hoàn toàn của ta thì không thể được nhận là 'bản ngã của-ta' cho được.] (374) 375 [MA nhận dạng quỷ thần hay quỷ dạ-xoa (yakkha) này là vua trời Sakka,

vua của những thiên thần.] (375) 376 [Đoạn nằm giữa ngoặc {...} này không có trong ấn bản PTS nhưng được

cung cấp từ BBS và SBJ. Năm uẩn ở đây được gọi chung là "thứ khổ" hay

"sự khổ" bởi vì chúng là vô-thường và không thể nào được làm-chủ hay điều- khiển (cho khỏi già, bệnh, chết... vì chúng đích thực đâu phải là 'của-ta' nên 'ta' đâu điều khiển được chúng).] (376) 377 [Những cụm tính từ này là những đặc tính của một bậc học-nhân (sekha).

Ngược lại, bậc A-la-hán không chỉ có-được chánh-kiến về sự vô-ngã mà còn dùng nó để tẩy bỏ tất cả mọi sự dính-chấp (phá chấp, diệt thủ), như Đức Phật sẽ giảng giải trong mục 25 kế bên dưới.] (377) 378 [MA đã đưa ra tới 03 cách chú giải thay phiên về 03 chữ này là: (i) Chúng

là trí-tuệ, sự tu-tập, và sự giải-thoát thế tục và siêu thế. (ii) Hoặc chúng hoàn toàn là siêu thế: tầm-nhìn là chánh-kiến của thánh đạo A-la-hán, sự tu-tập là bảy phần thánh đạo còn lại, và sự giải-thoát là thánh quả tối thượng [A-la- hán]. (iii) Hoặc tầm-nhìn là tầm-nhìn của Niết-bàn, sự tu-tập là những phần thánh đạo, và sự giải-thoát là thánh quả tối thượng.] (378) 379 [Mặc dù thanh niên Saccaka đã thừa nhận thua cuộc trong tranh luận,

nhưng anh ta vẫn coi bản thân mình như một vị thánh, và do vậy anh ta không cảm thấy sự thúc-giục nên quy y nương tựa theo Tam Bảo. Cũng vậy, do anh ta vẫn nghĩ mình là một vị thánh, nên chắc anh ta cảm thấy sẽ không phù hợp (không cần thiết) để dành công đức cúng dường cho bản thân mình, nên anh ta mới nói cầu mong cho công đức và công quả cúng dường cho những người Licchavi ở đó. Nhưng Phật đã trả lời anh ta rằng: (i) những người Licchavi sẽ có được công đức bằng việc họ cung cấp thức ăn cho Sac- caka (để anh ta cúng dường cho Phật), và (ii) trong khi đó anh ta sẽ có được công đức bằng việc cúng dường cho Phật. Công đức từ việc bố thí thức ăn sẽ khác nhau về chất lượng tùy thuộc vào sự trong-sạch (thanh tịnh) của người nhận, như đã được giảng giải trong kinh MN 142.6.] (379)

Kinh 36 380 [MA giải thích: Saccaka đã đến với ý định bài bác giáo thuyết của Phật

mà anh ta đã thất bại trong lần gặp trước [như trong kinh MN 35 kế trên]. Nhưng lần này anh ta đến một mình, nghĩ rằng nếu lần này bị thua thì sẽ không bị ai biết đến. Anh ta định bài bác Phật với câu hỏi về sự ngủ trong ngày mà anh ta đã không hỏi cho đến tới cuối bài kinh anh ta mới hỏi [ở mục 45]. (380)

552 • Phần Chú Thích

381 [MA giải thích: Thầy Ānanda nói lòng bi-mẫn ở đây là lòng bi-mẫn dành

cho Saccaka, vì thầy nghĩ rằng nếu anh ta gặp Phật và nghe Giáo Pháp thì điều này sẽ đưa đến ích-lợi và hạnh-phúc dài lâu của anh ta.] (381) 382 [Từ mục 5 người đọc sẽ thấy rõ hơn rằng Saccaka nhận lầm "sự tu-tập về

thân" (kāyabhāvanā) là sự tu hành xác khổ hạnh. Bởi vì anh ta không nhìn thấy những Tỳ kheo đạo Phật tham gia sự hành xác khổ hạnh, nên anh ta cho rằng họ không theo đuổi sự tu-tập về thân. Nhưng Phật [theo MA] hiểu "sự tu-tập về thân" là sự thiền quán về thân (minh sát tuệ), "sự tu-tập về tâm" (cittabhāvanā) là sự thiền vắng-lặng hay thiền định.] (382) 383 [Đây là 03 vị đạo sư của những người ngoại đạo (Ājīvaka); người cuối

cùng là đương thời Đức Phật, 02 người đầu thì như huyền thoại, danh tánh không rõ ràng. Vị bồ-tát đã từng thực hành theo những cách của họ trong thời gian tu khổ hạnh—coi kinh MN 12.45—nhưng sau đó từ bỏ vì chúng không dẫn tới sự giác-ngộ nào cả.] (383) 384 [MA giải thích "sự tu-tập thân" ở đây là sự minh-sát (thiền quán về thân)

và "sự tu-tập tâm" ở đây là sự định-tâm (thiền định). Khi một thánh đệ tử trải nghiệm cảm-giác sướng, người đó không bị chi phối bởi nó, nhờ đã tu tập sự minh-sát (quán), người đó hiểu cảm-giác đó chỉ là 'vô-thường, khổ, và vô- ngã'; và khi người đó trải nghiệm cảm-giác khổ, người đó không bị chi phối bởi nó; nhờ đã tu tập sự định-tâm (định), người đó có thể thoát khỏi nó bằng cách chứng nhập trong một tầng thiền định nào đó.] (384) 385 [Giờ Phật sẽ bắt đầu trả lời những câu hỏi của Saccaka bằng cách chỉ ra

những cảm-giác cực kỳ khổ đau (cực khổ) mà Phật đã trải nghiệm trong thời gian tu hành xác khổ hạnh, và sau đó là những cảm-giác cực kỳ sướng (cực lạc) mà Phật đã trải nghiệm trong những tầng thiền định trước khi giác-ngộ.] (385) 386 [PTS chắc chắn đã đọc nhầm ở đây thành chữ avūpakaṭṭho (không rút lui,

không lui về, không thu mình). Trong ấn bản đầu tiên tôi đã dịch đoạn này dựa trên phiên bản của BBS, trong đó có ghi là kāyena c'eva cittena ca. Nhưng PTS và SBJ đã bỏ chữ cittena và điều này có lẽ đúng, bởi vì rất khó hiểu theo cách nào mà những người tu hành xác khổ hạnh lại được mô tả là "đã rút lui về tâm" (đã thu tâm) khỏi những khoái-lạc giác quan khi họ đã chưa làm lắng lặn tham-dục bên trong họ. Do vậy tôi đã làm theo PTS và SBJ (tức đọc ở đây là chỉ là sự tách-ly về thân).] (386)

Phần Chú Thích • 553

387 [Điều khó hiểu là trong những đoạn kinh tiếp theo lại cho thấy vị Bồ-tát

đang thực hiện việc tu hành xác khổ hạnh sau khi đã đưa ra những kết luận— trong đoạn kinh này—rằng những cách tu cố chịu đau đớn, nghiến răng … hành xác như vậy là vô dụng và không thể đạt đến trí-biết và tầm-nhìn (sự- biết và sự-thấy), và sự giác-ngộ. Sự bất thường này khởi lên một sự nghi ngờ rằng: 'thứ tự tường thuật của bài kinh có thể đã bị xáo trộn'! Chẳng hạn, khi nói về các "ví dụ về que mồi lửa" trên đây: đó có lẽ là lần cuối cùng của giai đoạn cố gắng tu hành xác khổ hạnh của vị Bồ-tát, là lúc vị Bồ-tát đã có được cơ-sở đúng đắn để từ bỏ việc tu hành xác khổ hạnh vì cách đó không dẫn tới sự giác-ngộ.] (387) 388 [Câu cuối này, cũng được lặp lại ở cuối những mục 21-25 tiếp theo, đã trả

lời cho câu hỏi thứ hai [2] trong 02 câu hỏi của Saccaka ở mục 11 ở trên.] (388) 389 [MA giải thích rằng khi vị Bồ-tát còn là đứa trẻ, vua cha của Người đã

đưa Người tới "lễ hội cày ruộng" của những người họ tộc Thích-Ca. Những người hầu giữ trẻ đã vô ý để đứa trẻ thái tử ngồi dưới gốc một mình dưới gốc cây táo-hồng và họ bỏ đi tới chỗ để coi lễ hội cày ruộng. Thấy mình còn lại một mình, vị Bồ-tát đã tự động ngồi thẳng lưng trong tư thế ngồi thiền và đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất bằng "sự chánh-niệm hơi-thở". Cho dù mặt trời di chuyển nhưng bóng mát của cây vẫn luôn phủ che cho Bồ-tát. Khi những người hầu quay lại và nhìn thấy đứa trẻ đang ngồi thiền-định, họ đã báo lại cho vua cha. Sau khi nghe vậy, nhà vua đã đến cúi đầu kính lễ đứa con thân yêu của mình. (Đó là lần thứ hai nhà vua đã kính lễ con trai mình; lần thứ nhất là lúc sau khi sinh và gặp những vị thầy tướng mạng trong cung đình dự đoán về tương lai của đứa bé thái tử).] (389) 390 [Đoạn này đánh dấu một "sự chuyển-đổi" về sự đánh giá của vị Bồ-tát về

sự sướng (khoái-lạc, lạc); kể từ giờ nó không còn được coi là thứ nguy-hại đáng-sợ mà những người tu hành xác khổ hạnh đã tránh né, tẩy chay. Bởi vì đây là loại sự sướng (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly; và những trạng thái siêu sướng (an lạc, lạc trú) đó là thứ đồng hành quý giá của những chặng cao hơn của thánh đạo dẫn tới sự giác-ngộ (theo nghĩa trạng thái những tầng thiền định là cơ-sở để thiền quán và chứng ngộ trí-biết, sự giác-ngộ và sự giải- thoát). (Nói cách khác, những tầng thiền định đó những giai-đoạn bậc cao (của tâm) trên con-đường dẫn tới giác-ngộ). Coi thêm kinh MN 139.9 về sự phân chia 02 loại khoái-lạc.] (390)

391 [Câu này là câu trả lời cho câu hỏi thứ nhất [1] trong 02 câu hỏi của Sac-

caka ở mục 11 ở trên.] (391) 392 [MA giải thích "dấu-hiệu của sự định-tâm" (samādhinimitta, định tướng)

ở đây là sự chứng quả định tánh-không (sunnataphalasamāpatti). Coi thêm kinh MN 122, mục 6.] (392) 393 [Đây là câu hỏi đầu tiên mà Saccaka đã định hỏi Phật trước khi đến đó.

MA giải thích rằng mặc dù những A-la-hán đã loại bỏ tất cả 05 chướng-ngại, và dĩ nhiên cả chướng ngại 'buồn-ngủ và đờ-đẫn' (hôn trầm thụy miên), nhưng họ vẫn cần phải ngủ để giải bớt sự mệt mỏi phải có trong thân thể. (Việc cho thân nghỉ ngơi và hồi phục sức khỏe không phải là vấn đề ngu- mờ).] (393) 394 [MA nói: cho dù đã được Phật giảng giải như vậy nhưng Saccaka vẫn

không gia nhập theo Tăng Đoàn và cũng không có được sự chứng ngộ nào trong suốt kiếp đó. Nhưng Đức Phật đã giảng giải cho anh ta 02 bài kinh dài để ký thác trong anh ta một ấn tượng trong tâm (vāsanā) có thể chín muồi trong tương lai. Phật đã nhìn thấy trước khả năng đó trong một người thông minh như anh ta, sau khi Giáo Pháp và Tăng Đoàn được thiết lập sau này ở Tích Lan, Saccaka sẽ tái sinh ở đó và sẽ chứng thành một đại A-la-hán tên là trưởng lão Kāḷa Buddharakkhita Thera.] (394)

Kinh 37 395 [MA diễn dịch nghĩa câu này bằng cách mở rộng ra như vầy: "Nói ngắn

gọn, tới mức độ nào thì một Tỳ kheo được cho là được giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng, đó là trong Niết-bàn, sự tiêu diệt dục-vọng thông qua sự được giải-thoát của cái tâm [đã xảy ra] bằng cách nhận nó [Niết-bàn] là đối- tượng. Hãy chỉ dạy một cách ngắn gọn cho con sự tu-tập căn bản của Tỳ kheo A-la-hán theo phương cách mà người đó được giải-thoát trong sự tiêu diệt dục-vọng.] (395) 396 [MA chú giải đoạn này như sau: "Mọi thứ" hay "tất cả mọi pháp" (sabbe

dhammā) là chỉ 05 uẩn, 12 cơ-sở cảm-nhận (06 nội xứ, 06 ngoại xứ), 18 yếu- tố (giới). Đây là những thứ "không đáng để cố chấp vào chúng" theo cách của dục-vọng (ái) và những quan-điểm này nọ (tà kiến) bởi vì chúng được người phàm chấp giữ là 'thường hằng, sướng, và hữu ngã' (thường, lạc, ngã) nhưng trong thực tại chúng đích thực là ngược lại, là 'vô-thường, khổ, vô-

ngã'. Người đó "trực-tiếp biết" chúng là 'vô-thường, khổ, vô-ngã' và "hoàn- toàn hiểu" chúng bằng cách soi xét chúng theo cách đã biết như vậy. "Sự quán xét sự vô-thường …" được hoàn thành bằng những trí-biết minh sát (tuệ) về sự lên và sự xuống, và sự tiêu diệt và sự biến mất. "Người đó không dính-chấp" vào bất kỳ sự tạo-tác (hành) nào theo cách của dục-vọng (ái) và quan-điểm này nọ (tà kiến), người đó không bị khích-động bởi dục-vọng, và tự mình chứng ngộ Niết-bàn bằng sự diệt-sạch mọi ô-nhiễm.] (396) 397 [Đây là tên gọi riêng của vị trời Đế-thích, có nghĩa là "chim cú".] (397)

398 [Những thiên thần và những quỷ thần A-tu-la (asura) được mô tả trong

Kinh Tạng Pāli là luôn luôn ở trong tình trạng chiến tranh với nhau. Đặc biệt coi trong Bộ Kinh Liên-Kết (SN), chương 11 nói về Đế-thích, tức Liên-Kết (tương ưng) Đế-Thích (Sakkasaṁyutta), Quyển 1.] (398) 399 [Vị này là một trong 04 vị vua trời (Tứ Đại Thiên Vương), là vua [trị vì]

của những quỷ thần Dạ-xoa (yakkha); vương quốc của vị trời này ở phương bắc.] (399) 400 [MA: Thầy Mục-kiền-liên làm điều này bằng cách chứng nhập thiền định

về kasiṇa nước, sau đó quyết: “Hãy biến nền móng của cung điện thành như nước.”] (400) 401 [Vua trời Đế-thích có thể nói thầy Đại Mục-kiền-liên là “một người đồng-

đạo trong đời sống tâm linh” của mình bởi vì bản thân vị trời trước kia cũng từng chứng thánh quả Nhập-lưu [coi kinh DN 21.2.10] và như vậy cũng là một thánh đệ tử đang hướng tới cùng mục tiêu sự giải-thoát mà thầy Mục- kiền-liên đã thành tựu, (do vậy nên tính họ là những người đồng-đạo, tức đều đã từng là những thánh đệ tử).] (401)

Kinh 38 402 [Theo luận giảng MA, thông qua lý giải sai lầm dựa trên thực tế của sự

tái-sinh, Sāti đã đi đến kết luận rằng một cái thức thường hằng di chuyển từ sự hiện-hữu (kiếp) này sang sự hiện-hữu (kiếp) khác là thứ cần có để giải thích sự tái-sinh. Phần đầu của kinh này [từ đây đến mục 8] là lặp lại phần mở đầu của kinh MN 22 ở trên, chỉ khác nhau ở chỗ nội dung của 02 quan- điểm độc hại của 02 Tỳ kheo trong 02 kinh.] (402)

403 [Đây là quan-điểm cuối cùng trong 06 quan-điểm đã được mô tả trong

kinh MN 2.8 ở đầu Quyển. Coi thêm chú thích 40.] (403) 404 [MA: Mục đích của ví dụ này để cho thấy không có sự di chuyển nào của

thức qua các cửa giác-quan. Giống như lửa củi cây cháy tùy thuộc vào củi cây và sẽ chấm dứt khi nhiên liệu đã hết, chứ đâu có vụ chuyển thành củi bó và được coi là lửa củi bó; cũng giống như vậy, thức-mắt là thức khởi sinh từ cửa mắt tùy thuộc vào “mắt và những hình-sắc” sẽ chấm dứt khi điều-kiện đó không còn, chứ không có vụ chuyển qua tai, mũi … và trở thành thức-tai, thức-mũi … Như vậy Đức Phật đã nói một cách hiệu lực rằng: “Trong sự xảy ra của thức còn không có sự di chuyển từ cửa giác-quan này sang cửa giác- quan khác, lấy đâu ra Tỳ kheo Sāti nói đến sự di chuyển của thức từ kiếp hiện-hữu này sang kiếp hiện-hữu khác?”] (404) 405 [Nguyên văn: Bhūtam idan ti. MA giải thích: “Đây” là chỉ năm uẩn. Sau

khi chỉ ra tính điều-kiện của thức, Đức Phật đã nói đoạn kinh này để cho thấy tính điều-kiện (nhân duyên) của tất cả năm uẩn, nó sẽ hiện thành thông qua những điều-kiện (duyên) là những “dưỡng-chất” của chúng, và sẽ biến hết khi chấm dứt những điều-kiện đó. Trong cụm chữ tadāhārasambhavaṁ ở sau, MA coi chữ tad là chỉ định từ đại diện cho chủ-từ (= taṁ khandhapancakaṁ), nhưng có lẽ đúng hơn là nó bổ nghĩa cho chữ āhāra (dưỡng chất, thức ăn) nên cả hai nên được coi là những bổ từ, chữ idaṁ được hiểu là chủ-từ. Cách diễn dịch này dường như được xác thực bởi mệnh đề thứ ba là tadāhāranirodhā yaṁ bhūtaṁ taṁ nirodhadhammaṁ. Câu dịch của tiến sĩ Horner “Đây là sự khởi-sinh của dưỡng-chất” rõ ràng là sai.] (405) 406 [Điều này được nói ra để chỉ cho các Tỳ kheo thấy rằng: ngay cả đó là

cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) có được từ thiền minh-sát (thiền quán) họ cũng không nên dính-chấp (chấp thủ) theo nó. Coi thêm ví dụ chiếc bè trong kinh MN 22.13 ở trên.] (406) 407 [Về 04 loại dưỡng-chất, coi lại chú thích 120 ở kinh MN 9, mục 11. MA

giải thích: Phật đã nói ra đoạn này và đoạn sau kết nối 'những dưỡng-chất' với 'sự khởi-sinh tùy thuộc' để cho thấy rằng: không chỉ riêng năm-uẩn mà toàn bộ dây chuyền mắc xích nhân-duyên đều chịu trách nhiệm cho sự hiện- hữu của chúng.] (407) 408 [Đây là một câu tóm lược về nguyên lý trừu tượng về "sự khởi-sinh tùy

thuộc" (lý duyên-khởi, theo chiều khởi-sinh) được minh họa bằng công thức

Phần Chú Thích • 557

12 nhân-duyên. Còn nguyên lý về "sự chấm-dứt" (chiều hoàn-diệt) thì được nói trong mục 22. Ñm đã dịch nguyên lý khởi-sinh như vầy: "Đó có mặt khi này có mặt; đó khởi sinh do có sự khởi sinh của này." Và dịch nguyên lý chấm-dứt như vầy: "Đó không có mặt khi này không có mặt; đó chấm dứt khi có sự chấm dứt của này."] (408) 409 [Phiên bản đọc tốt nhất chỗ này là SBJ đọc là: samaṇavacanena ca ma-

yaṁ. Ñm rõ ràng đã dịch từ phiên bản PTS là samaṇā ca na ca mayaṁ, và do vậy thầy ấy đã dịch là "và những Tỳ kheo [khác] cũng nói vậy, nhưng chúng ta không nói vậy.". Chữ "bậc Sa-Môn" (viết Hoa) ở đây là chỉ Đức Phật.] (409) 410 [Phần tiếp theo này của bài kinh có thể được hiểu như một sự ứng dụng cụ

thể của 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi)—mà từ đầu kinh tới giờ chỉ mới là công thức theo lý thuyết—dẫn dắt đến tiến trình hiện-hữu của một 'cá thể' (một 'con người', 'chúng sinh' được ra đời).

- Đoạn kinh từ mục 26–29 có thể được coi để chỉ ra những yếu-tố (mắc xích nhân duyên) từ thức cho tới cảm-giác là kết quả từ sự vô-minh và những sự tạo-tác cố ý (hành); mục 40 là những yếu-tố dục-vọng (ái) và sự dính-chấp (thủ) khi chúng tạo lập một sự liên-tục của vòng luân hồi tái sinh.

- Phần sau đây, từ mục 31–40, kết nối 'sự khởi-sinh tùy thuộc' với sự xuất hiện của Đức Phật và sự chỉ dạy Giáo Pháp của Phật với ý nghĩa đưa cái vòng luân hồi đến chỗ chấm-dứt.] (410) 411 [MA chú giải rằng: gandhabba là chúng sinh đang đến đó (để nhập thai).

Nhưng đó không phải là một "ai" [theo nghĩa như một 'linh hồn' không xác] đang đứng gần bên quan sát cha mẹ đang hôn phối, mà đó là một chúng sinh bị thúc đẩy bởi cái cơ chế của nghiệp (kamma), sắp được tái sinh vào dịp đó.

- Sự du nhập chữ gandhabba trong liên quan tới tiến trình tái sinh đã không được giải thích trong các bộ kinh Nikāya, và nó theo nghĩa này chỉ xuất hiện đúng một chỗ trong kinh này và một chỗ khác trong kinh MN 93.18. Kinh DN 15 khi nói về thức là "đang hạ nhập vào thai mẹ", thì chúng sinh này là một điều-kiện cho sự tái-sinh xảy ra. Như vậy chúng ta có thể nhận dạng chữ gandhabba ở đây là dòng thức, được nhìn nhận [theo một cách linh vật hơn] là đang đến từ kiếp hiện-hữu trước và mang theo toàn bộ sự tích-lũy của

558 • Phần Chú Thích

khuynh hướng nghiệp và những đặc tính cá thể. Một nghiên cứu đầy đủ về khái niệm gandhabba đã thực hiện bởi học giả Wijesekera trong bài "Chữ Gandharva trong tiếng Vệ-đà và Gandhabba chữ trong tiếng Pāli" thuộc quyển "Buddhist and Vedic Studies" (Nghiên cứu Phật giáo và Vệ-đà), trang 191–202.] (411) 412 [MA giải thích người đó thích thú cảm-giác đau đớn bằng cách dính-chấp

vào nó với những ý-nghĩ về cái 'Ta' và 'của-ta'. Để khẳng định điều này rằng một người phàm phu có thể thích những cảm-giác đau khổ, người ta không chỉ nghĩ đến những thứ như họ thích [sự khổ dâm] mà còn nghĩ tới xu hướng chung của con người là hay đặt mình vào những tình huống khổ cực để củng cố ý thức về 'bản ngã của mình'.] (412) 413 [MA: một tâm vô lượng (appamāṇacetaso) là một tâm siêu thế; điều này

có nghĩa người đó đã đắc được thánh đạo.] (413) 414 [Câu này cho thấy cái vòng/ dây chuyền/ chuỗi 'khởi-sinh tùy thuộc' (duyên khởi) đã bị chặt dứt ngay tại mắc xích giữa cảm-giác (thọ) và dục- vọng (ái).

- Cảm-giác nhất thiết có khởi sinh bởi vì thân đã tích lũy thông qua dục-vọng trong quá khứ, khi nghiệp quá khứ chín muồi thì cảm-giác khởi sinh (theo nhân quả). Tuy nhiên, nếu người tu không thích thú gì cảm-giác, thì dục-vọng không có cơ hội để khởi sinh, và như vậy sẽ dẹp bỏ hết những sự thích và ghét (tham và sân/ưu) [vốn là những nhiên liệu cung cấp cho vòng luân-hồi], và nhờ đó vòng luân-hồi sẽ đi đến kết thúc.] (414)

Kinh 39 415 [Chữ "Bà-la-môn" ở đây nên được hiểu theo nghĩa đã được chú thích

trong mục 24 bên dưới.] (415) 416 [Sự biết xấu-hổ (hiri) và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái (ottappa) là 02

phẩm chất bổ sung nhau được Đức Phật chỉ định là "những người bảo vệ của thế gian" [coi kinh AN 2:09] bởi vì chúng có vai trò là nền-tảng của đạo đức và lương tâm. Sự biết xấu-hổ có đặc tính ghê tởm với điều xấu ác, được chi phối bởi cảm nhận về sự tự-trọng, và thể hiện nó thành lương tâm. Sự biết sợ- hãi việc làm sai trái có đặc tính sợ hãi điều xấu ác, được chi phối bởi sự quan

tâm tới ý kiến của những người khác, và thể hiện nó thành sự sợ-hãi việc làm sai trái. Coi thêm Vsm XIV, 142.] (416) 417 [MA trích dẫn từ kinh SN 45:35–36 (Quyển 5): "Này các Tỳ kheo, cái gì

là đời sống sa-môn (sāmanna)? Đó là Bát Thánh Đạo …—đây được gọi là đời sống sa-môn. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mục-tiêu của đời sống sa- môn (sāmannattho)? Sự tiêu diệt tham, sân, si—đây được gọi là mục-tiêu của đời sống sa-môn."] (417) 418 [MA đã lặp lại chi tiết mỗi ví dụ này trong luận giảng của mình. Có một

bản dịch tiếng Anh kinh này có thể được tìm thấy trong quyển "Năm Chướng Ngại của Tâm", trang 27–34, của nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera.] (418) 419 [Mỗi sự giải nghĩa tiếp theo bên dưới dùng với một cách chơi chữ đồng

âm (các chữ trong ngoặc) và không thể nào giải thích tương tự trong tiếng Anh (hay tiếng Việt). Ví dụ: một Tỳ kheo là một sa-môn (samaṇa) bởi vì người đó đã làm lắng lặn (samita) những trạng thái xấu ác; là một bà-la-môn bởi vì người đó đã tống khứ (bāhita) những trạng thái xấu ác ... vân vân.] (419) 420 [Chữ "được tắm gội" hay "được tắm sạch" (nhātaka), (theo truyền thống

bà-la-môn thời đó), là chỉ một bà-la-môn, khi kết thúc thời kỳ làm đệ tử dưới một Vị Thầy, đã thực hiện nghi thức "tắm gội" để đánh dấu sự kết thúc thời kỳ học-tập của mình. Coi thêm kinh Sn 521.] (420) 421 [Chữ Pāli là sotthiya (Phạn: śrotriya) có nghĩa là một bà-la-môn rất thông

thuộc về các kinh Vệ-đà, một người đối thoại bằng sự hiểu-biết thiêng liêng.] (421)

Kinh 40 422 [Trong kinh kế trước chỗ này thì ghi là "những điều làm nên một sa-môn

(dhammā samaṇakaraṇā), những điều làm nên một bà-la-môn"; còn trong kinh này thì ghi "cách thức phù hợp đối với sa-môn" (samaṇasamīci- paṭipadā).] (422)

423 [10 tính-từ đầu trong 12 tính-từ này được cho là "những vết-nhơ đối với

một sa-môn" nằm trong "16 sự ố-nhiễm [sự không hoàn thiện của tâm] làm ô nhiễm cái tâm" như đã được liệt kê trong kinh MN 7.3.] (423) 424 [MA: Bởi vì người đó đã làm lắng lặn (samita) mọi ô-nhiễm, nên người

đó đã thành một sa-môn theo nghĩa tột cùng rốt ráo (paramatthasamaṇa). - (Coi thêm cách chơi chữ sa-môn (samana) và làm lắng lặn (samita) trong chú thích 419 ở kinh MN 40 kế trên).] (424)

Kinh 41 425 [Đây là một quan-điểm của những người theo chủ nghĩa duy-vật và tư

tưởng diệt-vong, tức coi 'chết là hết', không công nhận có kiếp sau và những nghiệp quả. "Không có gì được cho..." có nghĩa là: không có kết quả gì từ việc cho-đi ...; "không thế giới này, không thế giới khác" nghĩa là: không có chuyện tái sinh vào thế giới này hay thế giới khác; "không mẹ, không cha" tức là: không có kết quả hay quả báo gì từ việc đối xử xấu hay tốt đối với cha mẹ. Còn câu "không có tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh nào ..." có nghĩa là từ chối sự có mặt của những vị Phật và những vị A-la-hán.] (425) 426 [MA giải thích rằng: "những thiên thần phát quang" không phải là một

cấp hạng các thiên thần, mà chỉ là một danh từ chung dùng để gọi chung 03 cấp hạng được liệt kê kế tiếp chữ đó (phát quang ít, phát quang vô lượng, và phát quang thành dòng). Tương tự như vậy, "các thiên thần hào quang tỏa sáng" cũng là một danh từ chung để gọi chung các loại thiên thần được liệt kê kế tiếp chữ đó (hào quang nhỏ, hào quang vô lượng, hào quang chói lọi).]

- Hệ thống phân cấp những cõi trời đã được giải thích trong phần Giới Thiệu, trang 46–48 (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ).]

- (Mời coi thêm phần chú thích bổ sung [] của người dịch về các danh sách và sự phân loại những cõi tái sinh ở cuối chú thích 1135, kinh MN 120, mục 19 (Quyển 3).) (426) 427 [Nên lưu ý rằng, trong khi "hành-vi đúng theo Giáo Pháp" được nói trong

bài kinh là "điều-kiện cần" (phải có) để giúp dẫn tới sự tái sinh vào những cõi trời cao quý phúc lành và giúp dẫn tới sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm, nhưng đó cũng là điều-kiện-đủ luôn.

Phần Chú Thích • 561

- [Mục 18-42]: Nhóm (b) là sự tái sinh trong các (08) cõi trời [bắt đầu từ cõi trời của "những thiên-thần là tùy tùng của Trời Brahmā" (Phạm chúng thiên) ... những thiên thần có phúc quả lớn (quảng quả thiên)] đòi hỏi người tu (theo thứ tự) chứng đắc các (04) tầng thiền định sắc-giới (jhāna) từ Nhất Thiền ... Tứ Thiền. Nhóm (c) là sự tái sinh trong các (05) cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) của những bậc thánh Bất-lai [bắt đầu từ cõi của "những thiên- thần cõi trời bền-chắc" (vô đọa thiên) ... cõi trời của "những thiên thần cõi trời tối cao" (vô song thiên, sắc cứu kính thiên)] đòi hỏi người tu chứng đắc thánh quả Bất-lai. Nhóm (d) là sự tái sinh trong các (04) cảnh vô-sắc giới đòi hỏi người tu (theo thứ tự) chứng đắc các (04) tầng chứng đắc vô-sắc giới tương ứng (tên cảnh giới tái sinh và tầng chứng đắc là giống nhau tương ứng).

- [Mục 43]: Và sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm (lậu-tận) đòi hỏi người tu phải tu tập hoàn thiện con đường Bát Thánh Đạo và chứng ngộ tới thánh quả A-la-hán.]

- (Các số PHÂN NHÓM những cõi trời (a), (b), (c), (d) và số thứ tự của chúng (i), (ii), (iii) ... (viii) là do người dịch Việt đặt ra để người đọc hiểu nhanh chú thích này, và để sau này có thể học nhớ những nhóm và những bậc cõi trời tương ứng những trình độ tu-tập.) (427)

Kinh 42 428 [Ngài Đại Câu-hi-la (Mahā Koṭṭhita) được Phật tuyên bố là đệ nhất trong

số những Tỳ kheo đã chứng ngộ những trí-biết mang tính phân-tích (vô ngại giải trí; paṭisambhidā) (trong kinh AN 1:128).] (428) 429 [Theo MA, sự hiểu Bốn Diệu Đế được thảo luận ở đây chính là sự thâm

nhập bằng thánh đạo siêu thế (chứ không phải sự hiểu theo kiểu của người phàm thường). Như vậy loại người thấp nhất sẽ được mô tả là "người có trí" (pannavā) là người đang trên thánh đạo Nhập-lưu. Cách dịch chữ pannā là "trí-tuệ" (bát-nhã) [mà tôi (TKBĐ) đã dùng để thay thế cách dịch của Ñm là "sự hiểu"] có sự bất-lợi là làm cắt đứt mối liên hệ với động từ pajānāti [vì rõ ràng trong tiếng Pāli pannā có liên hệ với động từ pajānāti]. Để giữ lại sự kết nối của chúng, ở đây và trong đoạn tiếp theo, tôi đã dịch động từ này là "hiểu một cách có trí". (Ngược lại với sự hiểu không có trí, hiểu một cách không trí-tuệ).] (429)

562 • Phần Chú Thích

430 [Cụm từ Pāli định nghĩa thức chỉ dùng một động từ là "vijānāti vijānāti",

và điều này cũng có thể được hiểu có nghĩa là "người nhận biết, người nhận biết". Mặc dù Ñm đã dịch cụm từ này không có đại từ (chủ từ), nhưng ở đây tôi thêm vài đại từ "Nó" để người đọc hiểu dễ dàng. Sự dịch các nghĩa của động từ là cảm-giác và nhận-thức ở mục 7 và mục 8 cũng đã được thêm vào đại từ (chủ từ) để tăng cường sự rõ nghĩa.] (430) 431 [MA: Câu hỏi liên quan thức là câu hỏi mà cái người đã được mô tả là

"người có trí" xem xét những sự tạo-tác (hành); đó là, thức của sự minh-sát nhờ nó người đó đạt tới [sự chứng ngộ của mình], (đó chính là) cái tâm làm cái việc "thiền". Ngài Xá-lợi-phất đã trả lời bằng cách giải thích cái đề-mục thiền là cảm-giác, theo cách nó được trình bày trong bài kinh "Những Nền Tảng Chánh Niệm" (MN 10.32]. Cụm chữ sukhan ti pi vijānāti, theo cấu trúc trong tiếng Pāli, chỉ ra rằng cảm-giác đang được coi là một đối-tượng trực tiếp của thức hơn là một tông bậc cảm xúc của sự trải-nghiệm; để cho thấy điều này nên chữ [Đây là] đã được bổ sung trong ngoặc […] và toàn bộ cụm chữ được đặt trong những dấu ngoặc '…'.] (431) 432 [MA chú giải: Câu này đề cập đến trí-tuệ và thức trong những lúc (thời)

có cả sự minh-sát và thánh đạo siêu thế. Hai thứ được hợp nhau trong đó chúng khởi sinh và biến diệt cùng lúc với nhau và cùng chia sẻ một cơ-sở cảm nhận và một đối-tượng duy nhất. Tuy nhiên, hai thứ không phải dính nhau một cách không thể tách rời nhau bởi vì, trong khi trí-tuệ luôn đòi hỏi có thức, thức thì có thể xảy ra mà không cần có trí-tuệ.] (432) 433 [Trí-tuệ, là phần chánh-kiến thuộc Bát Thánh Đạo, cần được tu tập như

một chi phần của thánh đạo. Thức, là nằm trong năm-uẩn thuộc Diệu Đế về Khổ (Diệu Đế 1), cần được hiểu hoàn-toàn—là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'.] (433) 434 [MA nói rằng câu hỏi và câu trả lời đề cập tới những cảm-giác siêu thế là

thuộc tầm đối-tượng của sự minh-sát (thiền quán). Cụm chữ sukham pi vedeti … vân vân, theo cấu trúc trong tiếng Pāli, cho thấy cảm-giác cùng lúc vừa là một tính-chất của đối-tượng vừa là một tông bậc cảm xúc của sự trải-nghiệm bởi đó nó được hiểu hay nhận biết. MA chỉ ra rằng: cảm-giác tự nó cảm nhận; chứ không có ai khác [riêng rời] là chủ-thể cảm nhận. (Chỉ có cảm-giác cảm nhận, nhưng không có người cảm nhận).] (434)

435 [MA: Câu hỏi và trả lời đề cập đến những nhận-thức siêu thế là là thuộc

tầm đối-tượng của sự minh-sát (thiền quán).] (435) 436 [MA: Trí-tuệ đã được tách ra khỏi sự vấn đáp này bởi vì ở đây ý lời kinh

chỉ muốn chỉ ra những trạng thái được kết hợp nhau vào mỗi thời của thức.] (436) 437 [(Thức-tâm là thức của tâm, HV đọc là tâm-thức; cũng giống thức-mắt …

thức-thân là thức của mắt … thức của thân, HV đọc là nhãn-thức … thân- thức). MA: "Thức-tâm được thanh lọc" hay "thức-tâm thanh tịnh" (parisud- dha manovinnāṇa) là thức của tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Nó có thể biết những tầng chứng đắc vô-sắc

tới mức độ người tu được thiết lập trong tầng thiền định thứ tư có khả năng đạt tới chúng.

- Cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ) không được tính vào ở đây bởi vì, do tính chất quá vi-tế của nó, nó không đi vào tầm của sự thiền quán để chứng ngộ trí-tuệ minh sát.] (437) 438 [MA: Mắt trí-tuệ hay tuệ-nhãn (pannācakkhu) chính là trí-tuệ, được gọi là

con mắt theo cái nghĩa nó là một giác-quan của tầm-nhìn (sự-thấy) thuộc tâm linh (nhãn quan tâm linh).] (438) 439[Để phân biệt giữa sự trực-tiếp biết (abhinnā) và sự hoàn-toàn hiểu (parinnā), mời coi lại chú thích 23 ở kinh MN 1, mục 27.] (439) 440 [MA: "Tiếng nói của người khác" (parato ghosa) là sự chỉ dạy Giáo Pháp

ích lợi. Hai điều-kiện này là cần có đối với những đệ tử để có thể đạt đến chánh-kiến của minh-sát (thiền quán) và chánh-kiến của thánh đạo siêu thế. Nhưng những vị Phật Duyên Giác (paccekabuddha) đạt đến sự giác-ngộ của họ và những vị Phật Toàn Giác đạt đến sự toàn-trí chỉ nhờ vào sự chú-tâm một cách khôn khéo (như-lý tác ý) mà không cần "tiếng nói của người khác" (tức tự mình phát minh và giác ngộ Giáo Pháp không cần có người khác (như sư thầy…) chỉ dạy Giáo Pháp cho mình).] (440) 441 [MA: Chánh kiến ở đây là loại chánh-kiến thuộc thánh đạo A-la-hán

(không phải loại chánh-kiến thấp hơn hay thuộc thế tục). "Sự giải-thoát của tâm" và "sự giải-thoát nhờ trí-tuệ" đều chỉ thánh quả A-la-hán; coi lại chú

thích 83 ở kinh MN 6, mục 19. Khi một người hoàn thiện năm yếu-tố này, thì thánh đạo A-la-hán sẽ khởi sinh và đưa đến đạo quả.] (441) 442 ["Sự tái hiện-hữu trong tương lai" (āyatiṁ punabbhavābhinibbatti) là sự tái-sinh, sự liên-tục vòng luân-hồi. Câu hỏi này và câu hỏi kế tiếp có thể được coi là một cách nói khái quát về toàn bộ công thức 'khởi-sinh tùy thuộc' (vòng duyên khởi, vòng 12 nhân-duyên) như đã được nói đầy đủ hơn theo cả 02 chiều trong kinh MN 38, mục 17 và mục 20.] (442) 443 [05 căn cảm-nhận (05 giác-quan) bên ngoài (thuộc thân) mỗi thứ có loại

đối tượng riêng biệt của mình—chẳng hạn những hình-sắc là đối tượng của mắt, những âm-thanh là đối tượng của tai … vân vân — nhưng chỉ riêng căn tâm, ngoài việc trải nghiệm đối-tượng riêng của nó là 'những đối-tượng của tâm', thì nó cũng có khả năng trải nghiệm những đối-tượng của tất cả 05 căn kia. Như vậy nên câu trả lời bên dưới mới nói: năm căn thuộc thân có tâm là chỗ-dựa của chúng (manopaṭisaraṇaṁ).] (443) 444 [MA nhận dạng chữ sức-sống (āyu) này là đồng nghĩa với căn mạng sống

hay căn sinh mạng, hay mạng căn (jīvitindriya), nó có chức năng duy trì và tiếp sức sống cho những hiện-tượng vật chất khác của thân đang sống.] (444) 445 [Nhiệt (usmā) là nhiệt được sinh ra bởi nghiệp là yếu tố tất hữu đối với

một thân sống.] (445) 446 ["Những sự tạo-tác sức-sống" hay "hành sinh mạng" (āyusankhārā), theo

MA, tự nó chính là sức-sống. Chúng không thể là những trạng thái của cảm- giác bởi vì chúng đòi hỏi phải giữ thân của một Tỳ kheo còn sống khi người đó đã chứng nhập trong trạng thái "chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác" (diệt thọ tưởng). Đây là một tầng chứng thiền đặc biệt, trong đó tất cả mọi hoạt động của tâm đều chấm dứt, và trạng thái này chỉ có thể đạt được bởi những bậc Bất-lai và A-la-hán là những người cũng làm-chủ (thiện thạo) tám tầng chứng đắc về thiền-định (04 sắc giới và 04 vô-sắc giới). Để coi phần thảo luận ngắn gọn về vấn đề này, mời coi trong phần Giới Thiệu (bản dịch tiếng Anh của TKBĐ), trang 41; và để đọc toàn bộ thảo luận mang tính hàn lâm về vấn đề này, mời đọc các trang Vsm XXIII, 16–52. Sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác sẽ còn được nói tới trong kinh MN 44 bên dưới.] (446)

Phần Chú Thích • 565

447 [Đó nghĩa là sự chết. Sự bỏ thân ra đi của thức là chưa đủ để cấu thành sự

chết; sức-sống và nhiệt-sống cũng phải tiêu vong thì mới hợp thành sự chết.] (447) 448 [Ở đây: những sự tạo-tác của thân (thân hành) chính là sự thở-ra và thở-

vào; những sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành) là ý-nghĩ được áp dụng (tầm) và ý-nghĩ được duy trì (tứ); những sự tạo-tác của tâm (tâm hành) là nhận- thức và cảm-giác—coi kinh MN 44.14–15. MA nói rằng các căn trong tiến trình bình thường của sự sống, do va chạm liên tục với những đối-tượng giác quan, nên bị khổ sở và bị dính dơ giống như một tấm gương bị đặt ở ngã tư đường đất; nhưng các căn của người trong sự chấm-dứt (diệt thọ tưởng) thì trở nên cực kỳ sáng trong như một tấm gương được để trong hộp đựng và đặt trong tủ kín.] (448) 449 [(Vô dấu-hiệu là vô hình tướng, vô tướng, animittā). MA: "Sự giải-thoát

vô dấu-hiệu của tâm" (animittā cetovimutti) là sự chứng đắc thánh quả; "những dấu-hiệu" hay "những hình-tướng" là những đối-tượng như những hình-sắc, những âm-thanh …; "yếu-tố vô-dấu hiệu" (vô tướng giới) chính là Niết-bàn, trong đó tất cả mọi dấu-hiệu của những thứ có điều-kiện (hữu vi) đều vắng mặt.] (449) 450 [MA nhận định 'sự giải-thoát của tâm bằng sự trống-không" (sunnatā

cetovimutti) là sự minh-sát nhìn thấu bản tính không-có cái 'ngã' nào bên trong người và trong mọi thứ; (tức mọi người lầm tưởng bên trong mình có một cái 'ta' hay "bản ngã', hoặc có 'bản ngã' cố định trong những hiện- tượng tự nhiên khác, nhưng thực ra cái 'bản ngã' đó là không-có, chỉ là sự trống-không bên trong mỗi 'cá-thể' và trong 'mọi hiện tượng tự nhiên'; cái 'ngã' người ta nhận lầm thực chất chẳng là gì, chẳng có gì, không phải là thứ gì cố định hay có tự tính; mà mọi sự chỉ là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. "Sự trống-không" (hay tánh-không; sự không có gì, không là gì, không chủ thể cố định, không có thực tính, không phải một thực thể, không phải 'thường, lạc, ngã').] (450) 451 [Như chú thích 449 ở trên, 'sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm' được nhận

dạng bởi MA chính là sự chứng đắc thánh quả. Trong 04 sự giải-thoát của tâm được nói trong mục 30, chỉ có sự giải-thoát vô dấu-hiệu này là thuộc siêu thế. 03 sự giải-thoát đầu trong mục 30 lần lượt là: (i) những sự an trú cõi trời hay phạm-trú (brahmavihāra), (ii) tầng chứng đắc vô-sắc giới thứ ba (vô sở

hữu xứ), và (iii) sự minh-sát nhìn thấu sự trống-không (tính không) của tất cả mọi sự tạo-tác (các hành)—tất cả 03 sự giải-thoát này đều còn ở cấp thế tục.] (451) 452 [Tham, sân, si có thể được hiểu là những tác giả (cái làm nên, cái tạo ra)

của sự đo lường" (pamāṇakaraṇa) trong đó (theo nghĩa) chúng áp đặt những mức giới-hạn đối với những tầm rộng và sâu của cái tâm; tuy nhiên MA chú giải cụm chữ này có nghĩa là những ô-nhiễm đã khiến một người đo lường (đánh giá) một cá nhân là một người phàm phu, bậc Nhập-lưu, Nhất-lai, hay Bất-lai (?).] (452) 453 [(i) MA: Có 12 'sự giải-thoát vô lượng của tâm', gồm: 04 phạm-trú (brahmavihāra), 04 thánh đạo, và 04 thánh quả. Sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm = thánh quả A-la-hán. Câu khẳng định 'sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm' là trống rỗng tham, sân, si—cũng được lặp lại ở cuối các mục 36 và 37—cũng đã định dạng nó là sự giải-thoát "siêu thế" của tâm thông qua sự trống-không.] (453) 454 [Chữ kincana được chú giải bởi MA có nghĩa là "sự cản-trở" hay "trở-

ngại". Ñm đã dịch nó là "sự sở hữu" (sự có, sự làm chủ). Tôi đã quay lại nghĩa gốc là "thứ, một thứ" để giữ sự dính-líu với câu khẳng định là "thứ gì" mà sự dẹp-bỏ của nó có liên quan đến sự giải-thoát của tâm bằng sự không- có-gì.] (454) 455 [(ii) MA: Có 09 'sự giải-thoát của tâm bằng sự không-có-gì', gồm: cảnh

xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ), 04 thánh quả, và 04 thánh đạo.] (455) 456 [MA diễn dịch cụm chữ "tác giả của những dấu-hiệu" (nimittakaraṇa)

(thứ tạo ta các tướng, thứ làm nên những hình tướng) có nghĩa là: tham, sân, si dán nhãn một cá nhân là một ngươi phàm phu hay một thánh nhân tính theo sự còn tham, còn sân, hay còn si. Nhưng nó cũng có thể có nghĩa là: những ô-nhiễm là tác nhân khiến cái tâm quy kết sai lầm về mọi thứ là 'thường hằng, sướng, hữu ngã, sạch đẹp' (thường, lạc, ngã, tịnh).] (456) 457 [(iii) MA: Có 13 'sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm', gồm: sự minh-

sát—[bởi vì minh-sát tuệ loại bỏ những dấu-hiệu giả là 'thường, lạc, ngã']; 04 tầng chứng đắc vô-sắc giới—[bởi vì trong chúng không còn dấu-hiệu của sắc giới], 04 thánh quả, và 04 thánh đạo—[bởi vì trong đó không còn dấu- hiệu của những ô-nhiễm].] (457)

458 [Tất cả 04 'sự giải-thoát của tâm' đều giống nhau về nghĩa là tất cả chúng

đều là "trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si".

- MA cũng chỉ ra rằng 04 sự giải-thoát là giống nhau về nghĩa theo cách những chữ—sự không thể đo-lường, sự không-có-gì, sự trống-không, và sự vô dấu-hiệu—đó đều là những danh từ dùng để chỉ Niết-bàn—Niết-bàn là đối-tượng của sự chứng đắc thánh quả A-la-hán.]

- (Chiếu theo kinh SN 41:07 (Quyển 4) [có nội dung tương tự với nội dung từ mục 30-37 của kinh MN 43 này] và chú thích (317) của nó ở câu kết này, chúng ta cần để ý: Mặc dù

về phương diện "giống-nhau về nghĩa" gia chủ Citta (trong kinh SN đó) và ngài Xá-lợi-phất (trong kinh MN này) đều không đề cập tới loại giải-thoát thứ ba [(iii) 'sự giải-thoát của tâm bằng sự trống- không'], nhưng bản thân trạng thái này theo tên gọi của nó đã cho thấy rõ tính chất "trống-không" rồi, và do vậy theo cách này nó đã giống 03 loại kia về sự "trống rỗng tham, trống rỗng sân, trống rỗng si".) (458)

Kinh 44 459 [Nam cư sĩ Visākha là một thương nhân giàu có ở vùng Rājagaha (Vương

Xá) và là một bậc thánh Bất-lai. Tỳ kheo ni Dhammadinnā, là vợ của ông trước khi cô xuất gia đi tu và cô đã chứng thánh quả A-la-hán rất nhanh sau khi thụ giới Tỳ kheo ni. Ni được Đức Phật tuyên bố là đệ nhất trong số những đệ tử Tỳ kheo giỏi thuyết giảng Giáo Pháp (đệ nhất thuyết pháp trong số những Tỳ kheo ni).] (459) 460 [MA giải nghĩa chữ ghép panc'upādānakkhandhā (năm uẩn bị dính-chấp)

có nghĩa là năm uẩn trở thành điều-kiện (duyên) tạo ra sự dính-chấp [MṬ thì nói: năm uẩn là những đối-tượng của sự dính-chấp]. Nói ngắn gọn, vì năm uẩn chính là toàn bộ Diệu Đế về Khổ (Diệu Đế 1) [theo kinh MN 9.15; MN 28.3], nên có thể thấy câu hỏi thứ nhất là để vấn hỏi về Bốn Diệu Đế được nói theo cách diễn đạt bằng thuật ngữ 'danh tính' hơn là diễn tả theo cách 'sự khổ'.] (460) 461 [MA: Bởi vì sự dính-chấp (thủ) chỉ là một phần của uẩn những sự tạo-tác

cố ý (hành uẩn) [như được định nghĩa ở đây là tham], nên đó không phải hoàn toàn là một với năm uẩn bị dính-chấp; nhưng bởi vì sự dính-chấp không

thể nào không dính líu khỏi năm uẩn, nên cũng không có sự dính-chấp nào nằm tách riêng khỏi năm uẩn.] (461) 462 [Có 24 loại quan-điểm có danh-tính (cách-nhìn có danh-tính, thân kiến).

MA đã trích dẫn từ Pṭs i.144–45 để minh họa cho 04 kiểu quan-điểm có danh-tính (thân kiến) trong trường hợp đối với sắc-uẩn. (i) Một người có thể coi sắc-thân là cái 'ta' (ngã), theo cách coi một ngọn lửa của đèn dầu đang cháy là một với màu của ngọn lửa vậy; (ii) hoặc một người có thể coi cái 'ta' sở hữu sắc-thân, như coi cái cây chuối sở hữu bóng nắng của nó vậy; (iii) hoặc một người có thể coi sắc-thân nằm trong cái 'ta, như coi mùi hương hoa nằm trong bông hoa vậy; (iv) hoặc một người có thể coi cái 'ta' nằm trong sắc-thân như viên ngọc ở trong cái hộp vậy.] (462) 463 [Chữ uẩn (khandha) ở đây có nghĩa khác với nghĩa thông thường trong

các ngữ cảnh của năm uẩn bị dính-chấp. Ba uẩn ở đây là chỉ Ba Phần Tu-Tập của những đệ tử đang tu học = ba phần/nhóm của Bát Thánh Đạo, tức là: 08 chi phần của Bát Thánh Đạo được phân thành 03 phần/nhóm chính, đó là phần/nhóm Giới-hạnh (sīla), phần/nhóm Định-Tâm (samādhi), và phần/nhóm Trí-Tuệ (pannā).] (463) 464 [Bốn nền tảng chánh-niệm là cơ-sở của sự định-tâm (samādhinimitta) theo

nghĩa là điều-kiện của nó [MA]. Ở đây dường như không chính xác nếu dịch chữ nimitta (dấu hiệu, tướng) theo nghĩa là 'dấu-hiệu khác biệt' hay 'đối- tượng'. Bốn loại sự chuyên-cần tu (tinh cần) đúng đắn (tứ chánh cần) sẽ được giảng giải trong kinh MN

77.16.] (464) 465 (Nội dung từ mục 13-21 của kinh này tương tự giống với nội dung của

kinh SN 41:06 (Quyển 4), chỉ thiếu dư một vài vấn đáp).

- [MA: Tỳ kheo ni Dhammadinnā đã biết trước ý định của ông Visākha muốn hỏi về những sự tạo-tác (hành) khi người tu chứng nhập trong sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng). Nhưng ni ấy đã giải thích 03 loại sự tạo-tác theo cách này hơn là cách nói về những sự cố-ý (tư) thiện và bất thiện của thân, lời-nói, và tâm; ý nghĩa liên quan trong ngữ cảnh của 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi).] (465) 466 [MA giải thích thêm rằng sự tạo-tác của thân (thân hành) và sự tạo-tác

của tâm (tâm hành) được nói là "gắn liền" với thân và tâm theo cái nghĩa là

chúng được tạo-tác bởi thân và bởi tâm; trong khi sự tạo-tác của lời-nói (khẩu hành) là sự tạo-tác theo cái nghĩa nó tạo-tác ra lời-nói.

- Thể động từ vitakketvā vicāretvā đã được dịch theo cách để duy trì sự nhất- quán với cách dịch chữ vitakka và vicāra là "ý-nghĩ được áp dụng" (tầm) và "ý-nghĩ được duy-trì" (tứ).] (466) 467 [Sự chấm-dứt [nhận-thức và cảm-giác] (diệt, diệt định, diệt thọ tưởng

định) chỉ có thể được chứng đắc bởi bậc thánh Bất-lai hay A-la-hán đã có sự làm-chủ (thiện thạo) 08 tầng chứng đắc thiền định.

- Người thiền lần lượt chứng nhập mỗi tầng chứng đắc thiền định, rồi thoát ra khỏi nó, và quán xét nó bằng sự minh-sát (thiền quán) là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'. Sau khi hoàn thành các bước này thông suốt cho tới 'cảnh xứ không- có-gì' (vô sở hữu xứ), người đó chú tâm tới một số bổn-phận sơ yếu, và sau đó quyết định 'không-có tâm' trong một khoảng thời gian nào đó. Rồi sau đó người đó nhanh chóng chứng nhập trong 'cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức' (phi tưởng phi phi tưởng xứ), sau đó tâm và những chức-năng của tâm (tâm sở) hoàn toàn ngừng diệt. Như vậy sự quyết định này của người tu, được bảo trợ bởi những sự hoàn-thiện và những sự chuẩn-bị trước đó, sẽ dẫn người đó vào sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận- thức và cảm-giác. Mời coi thêm vấn đề này trong Vsm XXIII, 32–43.] (467) 468 [Ý-nghĩ được áp dụng (tầm) và ý-nghĩ được duy trì (tứ) chấm dứt trước

trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền); tiếp theo sự thở-vào và thở-ra chấm dứt trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền); và sau cùng nhận-thức và cảm- giác chấm dứt trong chính sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng).] (468) 469 [Khi thời gian [đã được định trước bởi sự quyết định chứng nhập tầng

thiền định] đã hết, bởi lý do đã quyết định trước như vậy, là lúc người thiền thoát ra khỏi sự chứng đắc sự chấm-dứt và tiến-trình (có-) tâm sẽ hồi phục trở lại.] (469) 470 [MA: Khi người tu thoát ra khỏi sự chấm-dứt (diệt định), thức thánh quả

sẽ khởi sinh trước; và nhận-thức và cảm-giác gắn kết với sự tạo-tác của tâm khởi sinh trước. Rồi tiếp theo, với sự nhập vào (hạ vào) sự liên-tục sự sống, sự tạo-tác của thân

(sự thở vào và thở-ra) bắt đầu trở lại. Và tiếp theo, khi

người thiền phục hồi hoạt động bình thường của mình, thì sự tạo-tác lời nói sẽ khởi sinh. (Tức là: phục hồi thức thánh quả, rồi phục hồi nhận-thức và cảm-giác, rồi phục hồi hơi-thở vào-ra, như vậy là phục hồi sự hoạt động của tâm và thân, và rồi phục hồi những ý-nghĩ, rồi sau đó sẽ khởi sinh lời-nói. Theo thứ tự là sự tạo-tác của tâm khởi sinh trở lại trước, sau đó là sự tạo-tác của thân khởi sinh trở lại, rồi sau cùng là sự tạo-tác của lời-nói khởi sinh trở lại khi người tu thoát-ra khỏi trạng thái diệt thọ tưởng đó).] (470) 471 [Trạng thái đầu tiên của thức khi đang thoát-khỏi trạng thái chấm-dứt (diệt

định) là trạng thái của sự chứng đắc thánh quả, nó được gọi là sự trống-không (tính không), sự không dấu-hiệu (vô tướng), và sự không mong-cầu (vô nguyện) nhờ tính chất vốn có của nó và nhờ đối-tượng của nó là Niết-bàn. Ở đây 03 danh từ chỉ thánh quả đã được dùng để chỉ sự tiếp-xúc nối kết (câu hữu) với thánh quả.] (471) 472 [MṬ: Chính Niết-bàn, là đối-tượng của thức thánh quả khởi sinh khi

thoát-ra khỏi trạng thái chấm-dứt (diệt định), được gọi là sự tách-ly (viveka) bởi vì nó đã tách-ly khỏi tất cả mọi sự có điều-kiện (hữu vi).] (472) 473 [MṬ: 03 ô-nhiễm này được gọi là những anusaya (khuynh-hướng tiềm ẩn;

tùy miên) theo cái nghĩa chúng (còn nằm tiềm ẩn bên dưới tâm và) chưa được dẹp bỏ (bứng khỏi) trong sự liên-tục của tâm mà chúng vốn thuộc về đó, bởi vì chúng 'có khả năng' khởi sinh khi có một nhân thích hợp tự có mặt. (Ví dụ, khi sắc đẹp tự có (trước mắt) là khởi tâm tham-dục bởi vẫn còn tùy-miên (tạo ra) tham-dục nằm bên dưới tâm thức; khi thấy điều-kiện sống nào khó chịu thì khởi tâm khổ bởi vẫn còn tùy-miên sân-hận nằm bên dưới).] (473) 474 [MA giải thích rằng Tỳ kheo đó đã trấn áp cái khuynh-hướng tạo ra tham

(tùy miên tham) và chứng đắc tầng thiền định thứ nhất. Sau khi đã làm cho khuynh-hướng tạo ra tham bị khống chế hẳn bởi tầng thiền định, người đó tu tập sự minh-sát (thiền quán) và bứng sạch khuynh-hướng tạo ra tham bằng thánh đạo Bất-lai. Nhưng chỗ này chỉ là do nó đã được khống chế (tạm thời, lâm thời) bởi tầng thiền định nên mới nói "khuynh-hướng tạo ra tham không còn nằm dưới đó" (chứ thực ra phải chứng tới thánh đạo Bất-lai thì bậc thánh đó mới có thể thực sự bứng sạch tùy-miên tham đó).] (474) 475 [MA nhận dạng "cơ-sở đó" (tadāyatana) cũng như "những sự giải-thoát

tối thượng" chính là thánh quả A-la-hán. Sự ưu-tư khởi sinh do có sự mong- muốn đó (nguyện duyên ưu) trong kinh khác được gọi là "sự ưu-tư dựa trên

sự từ-bỏ" [kinh MN 137.13] (có lẽ theo nghĩa là: do mong-muốn có được sự từ-bỏ (giải-thoát) nên khởi sinh sự ưu-tư về làm cách nào để đạt tới điều đó).

- MA giải thích rằng: thực tế người tu không thực sự dẹp bỏ tùy-miên sân bằng phương tiện là sự ưu-tư đó đâu; thay vì vậy, do được thúc đẩy bởi mong-muốn có được những sự giải-thoát tốt thượng, người tu đảm nhận sự tu-tập với một sự kiên-quyết chắc chắn để bứng bỏ cái khuynh-hướng tạo ta sân bằng cách chứng đắc thánh đạo Bất-lai.] (475) 476 [MA: Tỳ kheo đó trấn áp khuynh-hướng tạo ra si bằng tầng thiền định thứ

tư (Tứ thiền), làm cho nó bị khống chế hẳn, và sau đó bứng bỏ cái khuynh- hướng tiềm ẩn tạo ra si bằng sự chứng đắc thánh quả A-la-hán.] (476) 477 [Chữ đối-tác là tạm dịch chữ paṭibhāga được dùng để diễn tả những mối

quan hệ vừa là sự đối-nghịch và sự bổ-sung lẫn nhau.] (477) 478 [Sự ngu-si (sự không-biết, sự không nhận-biết, sự vô-minh) là đối tác của

nó bởi vì cảm-giác không khổ không sướng là vi tế và khó để nhận biết.] (478) 479 [MṬ giải thích: Niết-bàn không có một đối tác đối-nghịch nào, tức là,

không có những trạng nào có điều-kiện (hữu vi) nào trong/với nó. Nhưng theo nghĩa nghiêm ngặt thì nó không có đối tác bổ-sung, bởi vì làm sao có thể có thứ gì là bổ sung cho Niết-bàn, trạng thái không còn điều-kiện (vô vi)?] (479) 480 [MA diễn dịch: Bằng cách nói điều này, Phật đã làm bài kinh này thành

"Lời của bậc Chinh Phục", được ấn chứng bởi bậc Chinh Phục.] (480)

Kinh 46 481 [Những điều nên làm theo và những điều không nên làm theo đã được

phân tích trong kinh MN 114 bên dưới.] (481)

Kinh 47 482 [Nguyên văn câu này: Parassa cetopariyāyaṁ ajānantena, ở đây chữ cuối được ghi theo BBS và SBJ, khác với PTS ghi là ājānantena mang một nghĩa tích cực là "sự biết". Nhưng trong ngữ cảnh này nghĩa nó là phủ định,

vì một Tỳ kheo thì không thể bằng sự nhận-biết trực tiếp biết được tâm của Phật, mà người đó phải để ý những hành-vi bên ngoài là hành-động và lời- nói của Phật [và những chứng cứ khác sẽ được nói trong bài kinh] để có thể suy ra Phật bậc toàn-giác hay không.] (482) 483 ["Những trạng thái nhận biết được bằng mắt" là những hành-động; "những trạng thái nhận biết được bằng tai" là lời-nói. MA: Giống như người ta nhìn thấy gợn sóng và bong bóng thì có thể suy ra cá đang ở bên dưới chỗ nước đó, từ hành-động ô nhiễm hay lời-nói ô nhiễm người ta suy ra nó xuất phát từ một cái tâm còn ô nhiễm.] (483) 484 [MṬ: "Những trạng thái hỗn-hợp" (vītimissā dhammā) là chỉ hành-vi của

một người có cố gắng thanh lọc hành-vi của mình nhưng không làm được một cách ổn định trước sau như một. Có lúc hành-vi thì sạch và sáng, có lúc không sạch và tối.] (484) 485 [MA: những mối nguy-hại ở đây là chỉ sự tự cao tự đại. Có một số Tỳ

kheo (tu sĩ, nhà sư) rất lặng lẽ và khiêm tốn khi họ chưa được nổi tiếng và chưa được biết nhiều; nhưng khi họ được nổi tiếng và được nhiều người biết đến, thì họ bắt đầu hành xử không đúng đắn, lên mặt tấn công những Tỳ kheo (đồng đạo) khác như con

báo chụp cắn đàn hưu hiền vậy.] (485) 486 [MA: (về những loại Tỳ kheo) ngược lại với những Tỳ kheo chỉ dạy một

nhóm Tỳ kheo chính là những Tỳ kheo tách khỏi nhóm Tỳ kheo—mặc dù không được đề cập ở đây, nhưng chúng ta nên hiểu như vậy.] (486) 487 [MA: câu này cho thấy phẩm tính "không-còn thiên-vị" (tādibhāva) của

Phật đối với chúng sinh. Phật không ngợi khen người này, chê trách người khác.] (487) 488 [Nguyên văn câu này: No ca tena tammayo. MA giải nghĩa là: "Ta không

nhận mình với giới-hạnh trong sạch đó, ta không có dục-vọng đối với nó."] (488) 489 [Nguyên văn câu này: So tasmiṃ dhamme abhiññāya idh'ekaccaṃ dhammaṃ dhammesu niṭṭhaṃ gacchati. Để chuyển tải ý nghĩa của lời kinh, tôi đã diễn dịch sự xuất hiện chữ "dhamma" lần thứ hai là "giáo lý" [chẳng hạn như một giáo lý hay học thuyết đã được dạy cho vị ấy], và diễn dịch chữ số nhiều của nó "dhammesu" là "những giáo lý" và chữ "tasmiṃ dhamme" là

"Giáo Pháp đó" có nghĩa là "toàn bộ những giáo lý". (Giáo Pháp = những giáo lý).

- Luận giảng MA và MṬ đều luận giải như vầy: "Khi Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi Vị Thầy, thì vị Tỳ kheo, bằng sự trực-tiếp biết Giáo Pháp thông qua sự chứng nhập thánh đạo và thánh quả, và Niết-bàn, sẽ đi đến kết luận về những giáo lý ban đầu của Giáo Pháp là những phần trợ giúp giác-ngộ (bo- dhipakkhiyā dhammā)." (tức 37 phần trợ đạo, 37 bồ-đề phần).] (489) 490 [Nguyên văn cụm chữ này: Ākāravatī saddhā dassanamūlikā daḷhā. Cụm

chữ này này diễn tả loại niềm-tin của bậc thánh nhân (ariyapuggala), là người đã nhìn thấy Giáo Pháp, và do đó không còn có thể thừa nhận một Vị Thầy nào khác ngoài Phật.] (490)

Kinh 48 491 [Bối cảnh của bài kinh này là cuộc cải-vã ở Kosambī, có được ghi lại

trong Luật Tạng, Vin Mv Kh 10 (từ Vin i.337) và trong quyển Cuộc Đời Của Đức Phật của nhà sư dịch giả Nāṇamoli, trang 109–119. Cuộc cải-vã bắt đầu từ nguyên nhân là sự hiểu nhầm về một điều luật nhỏ của giới-luật, rồi nhanh chóng bùng lên, và gây ra sự phân chia một phần lớn Tăng Đoàn và những người tại gia ở Kosambī thành hai phe thù nghịch với nhau. (Hoàn cảnh tranh cãi cũng được nói mở đầu trong kinh MN 128, mục 2).] (491) 492 [Sáu nguyên tắc để hòa-hợp (cha dhammā sārāṇīyā). Ñm đã dịch cụm

chữ này là "sáu phẩm-chất đáng nhớ" và đã được in trong ấn bản lần thứ nhất. Cách dịch này là do thầy ấy làm theo các luận giảng đã giải nghĩa cụm chữ là "phù hợp để nhớ; không phải để quên cho dù thời gian trôi qua" (sari- tabbayuttā addhāne atikkante pi na pamusitabbā). Tuy nhiên, theo như chú giải của PED, chữ phái sinh đúng là từ một chữ tiếng Phạn saṁraijanīya (tạo ra sự vui thích, tạo nên sự vui thích)".] (492) 493 [MA: đây là loại chánh-kiến thuộc thánh đạo.] (493)

494 [Sự-thật ở đây là Bốn Diệu Đế.] (494)

495 [Đặc-tính hay tính-cách là dịch chữ dhammatā.] (495)

496 [Đây là một sự vi phạm giới-luật Tăng đoàn mà từ đó một Tỳ kheo có thể

được phục hồi bằng điều lệ chính thức của Tăng Đoàn hoặc bằng cách tự thú tội với một Tỳ kheo khác. Cho dù một đệ tử thánh thiện có thể phạm vào tội đó một cách không cố ý hoặc do thiếu hiểu biết về nó, người đó không che giấu nó mà lập tức công khai nó và tìm kiếm phương tiện để phục hồi.] (496) 497 [Coi lại chú thích 91 và 92 ở kinh MN 7, mục 8.] (497)

498 [MA gọi bảy yếu-tố đó là những "đại trí xét lại" (mahā-paccavekkhaṇa-

nāṇa) của một bậc thánh Nhập-lưu. Về những trí-biết xét lại coi Vsm XXII, 19–21.] (498)

Kinh 49 499 [Kinh Mūlapariyāya Sutta [MN 01] cũng được Phật nói khi đang ở Khu

Vườn Subhaga ở Ukkaṭṭhā, và sự giống nhau về cách thành lập và chủ đề giữa hai kinh—dường như chỉ có 02 kinh này được ghi lại là đã được nói ở Ukkaṭṭhā—điều này là đáng ngạc nhiên! Thậm chí có thể thấy kinh này là sự trình bày đầy kịch tính về những ý tưởng tương tự đã từng được nêu ra trong kinh MN 01 với những thuật ngữ trừu tượng triết học. (Người dịch đã đánh dấu (X) 02 kinh này). Như vậy Trời Brahmā Baka có thể được coi là đại diện cho sự hiện-hữu (bhava) hay cá-thể (sakkāya; thân) bằng một dạng (cá thể) nổi bật nhất, đã mù quáng dính vào những sự nhìn-nhận (mannanā), bảo thủ bằng sự vô-minh coi sự hiện-hữu hay thân đó là 'thường hằng, sướng, và hữu ngã' (thường, lạc, ngã). Nằm bên dưới sự hiện-hữu là dục-vọng (ái) được tượng trưng bởi Ma Vương (Māra)—dường như đã không được nhận ra bởi hội chúng. Liên minh Trời Brahmā và Ma Vương [như Trời và Quỷ, vốn là một sự liên kết khó hiểu đối với chủ nghĩa hữu thần của phương Tây] ở đây là chỉ vào cái dục-vọng muốn được liên tục hiện-hữu (hữu ái) là gốc rễ nằm bên dưới tất cả mọi sự xác nhận về thế giới, cho dù chúng sinh đó là hữu thần hay vô thần. Trong bài kinh, sự thi thố bề ngoài về mặt lý thuyết giữa Trời Baka và Phật là cách để dọn đường đi tới sự đối đầu sâu sắc hơn giữa Ma Vương và Phật—Ma Vương chính là dục-vọng đang đòi sự xác nhận sự hiện-hữu, và bậc Giác Ngộ đã chỉ ra sự chấm-dứt sự hiện-hữu thông qua sự bứng bỏ tận gốc sự vui-thích (khoái lạc, dục lạc).] (499) 500 [Có một cuộc đối đầu tương tự giữa Phật và Trời Baka được ghi lại trong

kinh SN 6:04/i.142–44, mặc dù không có những sự gài bẫy mang kịch tính như trong lần gặp này, và trong kinh SN đó còn có thêm phần trao đổi bằng

thi kệ. Theo MA và MṬ, vị Trời đã nắm giữ quan-điểm trường tồn bất diệt đối với sự hiện-hữu cá thể (danh tính, thân) của mình và cả thế giới mà ông đã trị vì. Ông từ chối có "sự giải-thoát cao hơn", đó là sự từ chối có những cảnh giới cõi trời thuộc các tầng thiền định, những thánh đạo và thánh quả, và Niết-bàn mà ông thậm chí và thực sự

chưa hề biết tới những trạng thái cao hơn đó, ngoài cảnh giới cõi trời của ông.] (500) 501 [MA: Khi Ma Vương phát hiện ra Phật đã lên cõi trời Brahma, hắn lo lắng

rằng những vị Trời (Brahmā, Phạm thiên) sẽ bị thuyết phục ngã theo Giáo Pháp và theo sự thoát khỏi sự kiểm soát của hắn; do vậy hắn đã xuất hiện để phá không cho Phật chỉ dạy Giáo Pháp.] (501) 502 [MA: Bởi vì họ coi nó là chỉ là 'vô-thường, khổ, vô-ngã'.] (502)

503 [MA: nghĩa là trong bốn trạng thái thấp xấu đày đọa. Ở đây, và ở mục 10

và mục 29, chữ "thân" (kāya) được dùng có nghĩa là "cảnh giới hiện-hữu", ví dụ khi nói được tái sinh trong 'thân' người hay súc sinh hay lành hay dữ nghĩa là trong cảnh giới 'người' hay 'súc sinh' hay 'lành' hay 'dữ'.] (503) 504 [MA: Họ đề cao đất bằng cách nói nó là thường hằng, trường tồn, bất

diệt… và vui thích với nó theo cách của dục-vọng (ái) và những quan-điểm này nọ (tà kiến).] (504) 505 [MA: nghĩa là trong cõi trời Brahma (Phạm thiên giới).] (505)

506 [MA: Ý đồ của Ma Vương là chỉ ra rằng: "Nếu ngài làm theo đúng những

gì Trời Brahmā nói mà không làm khác lời vị trời, thì ngài sẽ tỏa sáng bằng sự huy hoàng và hào quang giống như Hội Chúng của Trời Brahmā tỏa sáng."] (506) 507 [MA nói rằng bằng 02 động từ đầu (nắm giữ, sẽ gần) vị Trời đã khuyên dụ

Phật, bằng 02 động từ sau (thực thi ý chí và trừng phạt) ông ta đã hù họa Phật. "Nắm giữ đất" lẫ nắm giữ nó theo cách của dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-điểm này nọ (tà kiến). Danh sách các hạng mục ở đây, mặc dù cô động, nhưng làm gợi nhớ đến kinh MN 01.] (507) 508 [MA: Trời Brahmā Baka (Phạm thiên Baka) là một Brahmā (Phạm thiên)

thực thi quyền thống trị khắp hệ một ngàn thế giới, nhưng ở trên còn có

576 • Phần Chú Thích

những Brahmā khác thực thi quyền thống trị khắp hệ hai, ba, bốn, năm, mười và một trăm ngàn thế giới.] (508) 509 [Thân [của những thiên thần] Phát Quang Thành Dòng là một cõi tái sinh

thuộc về tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trong khi cõi của Trời Brahmā Baka chỉ thuộc tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền). Thân [của những thiên thần] Hào Quang Chói Lọi (Biến tịnh thiên) và Phước Quả Lớn (Quảng quả thiên) trong đoạn sau là thuộc về tầng thiền định thứ ba (Tam thiền) và tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).] (509) 510 [Trong kinh Lưới Trời, Brahmajāla Sutta (DN 1.2.2–6/ii.17–19) Phật đã

chỉ ra cách mà vị Trời Mahā Brahmā (Đại Phạm thiên) làm khởi sinh sự vô- minh khi cho rằng mình là một thượng đế đấng sáng tạo tối cao. Khi thế giới bắt đầu hình thành sau chu kỳ tan hoại, (vị trời từng là) một chúng sinh có công đức lớn lao là chúng sinh đầu tiên được tái sinh trong cõi trời Brahma (Phạm thiên giới) mới được hình thành, và điều này đã gây ra cho vị Trời Mahā Brahmā tưởng tượng mình là đấng sáng tạo và sư thầy của chúng sinh. Mời đọc thêm bài tham luận của nhà sự TKBD, Bài Kinh Lưới Trời (Kinh Phạm Võng), trang 69–70 và 159–166.] (510) 511 [Đoạn này, là đoạn song hành về

cấu trúc với đoạn tương ứng trong kinh

MN 01, là đoạn khó dịch. Động từ phủ định đều bị ghi khác nhau trong cả 03 phiên bản mà tôi đã tham vấn. PTS ghi là nāhosi, BBS ghi là nāpahosiṁ, SBJ ghi là nāhosiṁ. Ñm ưu tiên nāpahosiṁ, nên thầy ấy đã coi đó là một dạng từ "quá khứ bất định" của động từ pabhavati, có nghĩa là "tạo ra, sản sinh, cho ra đời". Tuy nhiên, có lẽ tốt hơn là chữ nāpahosiṁ nên được phân dịch đơn giản là na + api + ahosiṁ. Như vậy nghĩa của nó sẽ không khác mấy giữa BBS và SBJ. MA thì giải nghĩa là: "Ta không nắm giữ đất thông qua những sự ám muội là dục-vọng (ái), sự tự-ta (ngã mạn), và những quan- điểm này nọ (tà kiến)".

- Ñm trước kia đã dịch chữ ananubhūtaṁ là "không cùng bản thể với". Và sau đó được thay thế bằng "không được dự phần bởi" sau khi đối chiếu theo cách giải nghĩa của MA là "không (thể) được đạt tới bởi đất" và của MṬ: "Bản chất của nó không có chung với đất". MA nói rằng thứ "không được dự phần bởi tính chất đất của đất" là Niết-bàn, vốn tách ly khỏi tất cả mọi thứ có điều-kiện (hữu vi).] (Ở đây, để thuận tiện hơn trong tiếng Việt, người dịch đã chọn cụm chữ "không cùng bản thể với").] (511)

Phần Chú Thích • 577

512 [Phiên bản PTS chắc chắn đã sai khi bỏ chữ ti cuối một câu trích trực tiếp;

điều này đã dẫn tới tiến sĩ Horner đã gán cho câu này được Phật nói cho Trời Baka chứ không phải Trời Baka nói với Phật [MLS 1:392]. BBS và SBJ đã đưa vào chữ ti. Ở đây vị Trời Baka dường như đang gợi ý rằng do đối-tượng của trí-biết của Phật "là không cùng bản thể với tính chất tất cả của tất cả" nên nó có thể chỉ là một khái niệm trống rỗng.] (512) 513 [Trong ấn bản đầu tiên, tôi bảo lưu cách dịch những dòng kệ này của Ñm,

ghi là: "Thức là không thể hiện ra, Không dính líu với sự hữu-hạn, Không tuyên bố sự hiện-hữu về tất cả mọi phương diện." Nhưng sau này xét lại, tôi thấy cách dịch đó không sát nghĩa cho lắm, và do vậy tôi đã đưa cách dịch này của tôi. Những hàng thi kệ này [cũng có trong một bài kệ đầy đủ hơn trong kinh dài DN 11.85/i.223] đã từng là một thách thức lâu đời đối với giới học giả Phật giáo, và thậm chí chính luận sư lỗi lạc Ācariya Buddhaghosa (Phật Âm) cũng để chúng "chìm xuồng" luôn.

- MA coi chủ thể của câu này là Niết-bàn, được gọi là "thức" (vijjāṇaṁ) theo cái nghĩa "nó có thể được nhận biết" (vijānitabbaṁ). Sự trích xuất nguồn gốc chữ nghĩa như vầy thật khó tin cậy, bởi vì trong toàn bộ kinh tạng Nikāya thì Niết-bàn đâu được mô tả là thức, và cũng đâu thể nào trích xuất một danh từ chủ động từ một danh-động từ. MA giải thích chữ anidassanaṁ có nghĩa là không nhìn thấy được "bởi vì nó [Niết-bàn] không đi vào tầm của thức-mắt", nhưng đây cũng là một sự chú giải xáo mòn và không trúng. Chữ anidassana có xuất hiện trong kinh MN 21.14 trong cách mô tả 'không-gian trống là một trung gian không thích hợp cho sự vẽ tranh' (vì khoảng không trống thì làm sao vẽ lên đó); như vậy ý tưởng ở đây có lẽ là thứ không làm nên sự hiện thị.

- MA đưa ra 03 sự giải nghĩa cho chữ sabbato pabhaṁ là: (1) Hoàn toàn có- được sự sáng-tỏ (pabhā); (2) trạng thái có được (pabhūtaṁ) khắp nơi; và (3) một bãi cạn hay cồn

(pabhaṁ) có thể được tiếp cận từ mọi phía, chẳng hạn như, thông qua 38 đối-tượng thiền. Chỉ có nghĩa (1) trong 03 nghĩa là có tính hợp lệ về ngôn ngữ. Ñm, trong Ms, đã giải thích rằng thầy ấy coi chữ pabhaṁ là một phân từ hiện tại phủ định của động từ pabhavati— apabhaṁ—tiếp đầu ngữ phủ định đã bị bỏ ra khi kết hợp với chữ sabbato: "Cái nghĩa có thể được tự do diễn giải bởi sự "không xác nhận sự hiện-hữu

578 • Phần Chú Thích

trong mối liên hệ với "tất cả", hoặc "không giả định về "tất cả" là này hoặc không là này theo một nghĩa tuyệt đối nào cả.'" Nhưng nếu chúng ta coi chữ pabhaṁ là "sáng tỏ" thì có lẽ nó có lý hơn, bài kệ kết nối với ý tưởng của tâm vốn có bản chất sáng tỏ (pabhassaram idaṁ cittaṁ, trong kinh AN i.10 (?) và hàm nghĩa là ánh sáng của trí-tuệ (pajjāpabhā), được gọi là bậc nhất trong mọi loại ánh sáng (kinh AN ii.139 (?)). Tôi hiểu thức này, không phải là Niết-bàn, mà là thức của A-la-hán trong trải nghiệm thiền. Coi thêm sự kết nối này trong kinh AN v.7–10, 318–26 (?).]

- Lưu ý, trải nghiệm thiền không làm hiện thị trạng thái có điều-kiện (hữu vi) nào của thế giới, và do vậy có thể thực thụ được mô tả là "không hiện thị".] (513) 514 [Sự biến mất của Phật có lẽ là một sự minh họa 'có thể nhìn thấy được'

bằng bài kệ. Sau khi đã tiệt trừ 'sự vui-thích sự hiện-hữu' (hữu lạc), Phật đã có thể biến mắt khỏi tầm nhìn của Trời Baka, người đại diện cao nhất cho sự hiện-hữu và sự xác nhận thế giới. Nhưng Trời Baka, do bị trói buộc bởi sự dính-chấp (thủ) nên không thể nào vượt trên tầm trí-biết của Phật vốn cùng lúc bao trùm cả sự hiện-hữu và sự không hiện-hữu.] (514) 515 [Điều này cũng giống như khuynh-hướng 'không-làm-gì' đã từng khởi

sinh trong tâm của Phật trong những ngày đầu tiên ngay sau khi Giác-Ngộ dưới gốc Cây Bồ-Đề—coi lại kinh MN 26.19 để thấy. So sánh với kinh dài DN 16.3.34/ii.112 trong đó Ma Vương đã cố khuyên dụ một vị Phật mới giác-ngộ phải nên qua đời một cách bình an ngay lập tức (vì hắn sợ Phật còn sống sẽ đi truyền dạy thiện Pháp).] (515) 516 [Chữ gốc là tādiso: nghĩa là, cho dù có chỉ dạy hay không chỉ dạy thì Như

Lai vẫn là Như Lai.] (516)

Kinh 49 517 [Tên Dūsī này có nghĩa là "Kẻ Làm Suy Đồi" hay "Kẻ Suy Đồi". Trong

khái niệm của Phật giáo về vũ trụ, vị trí của Ma Vương, giống như vị trí của Trời Mahā Brahmā (Đại Phạm thiên), là vị trí cố định được đảm nhiệm (làm, chiếm, giữ) bởi những cá-thể khác nhau theo nghiệp của họ; chẳng hạn như trong kinh này cho thấy Ngài Đại Mục Kiền Liên trước kia đã từng là Ma Vương Dūsī.] (517)

Phần Chú Thích • 579

518 [Phật Kakusandha (Câu-lưu-tôn) là vị Phật đầu tiên khởi sinh trong chu kỳ

vũ trụ hiện hành được gọi là "Kỷ Nguyên Phúc Lành". Kế tiếp là những vị Phật Konāgamaṇa (Câu-na-hàm) và Phật Kassapa (Ca-diếp), và sau đó là Phật Gotama (Cồ-đàm), tức Phật Thích-Ca, xuất hiện.] (518) 519 [Tên có nghĩa là "Người vô đối thủ".]

(519)

520 [Người đã chứng đắc tới trạng thái chấm-dứt (diệt định) thì dường như

không còn bị thương hay bị chết trong khi đang chứng thiền. Trong Vsm XXIII, 37 có nói rằng trạng thái chứng thiền đó bảo vệ luôn cả những vật sở hữu của người đó, ví dụ như y phục và chỗ ngồi cũng không bị làm hư hại.] (520) 521 [Tên có nghĩa là "Người sống sót".] (521)

522 [Đó là, bằng cách gây ra những ô-nhiễm khởi sinh trong tâm họ, Ma

Vương sẽ ngăn cản không cho họ thoát khỏi vòng luân-hồi (saṁsāra).] (522) 523 [Nếu Ma Vương điều khiển những hành-động của những bà-la-môn thì

trong trường hợp đó chỉ Ma Vương là kẻ chịu trách nhiệm và các bà-la-môn có thể không tạo nghiệp ác bởi những việc làm của họ (vì họ không cố ý và bị điều khiển bởi Ma Vương). Nhưng MA đã cố gắng chỉ ra rằng: ở đây Ma Vương đã không điều khiển những hành-động của các bà-la-môn. Thay vì vậy, Ma Vương chỉ tác động các bà-la-môn tưởng tượng những cảnh các Tỳ kheo dính vào những hành-vi sai trái (ác hành) và điều đó sẽ khích phát sự phản đối của họ và khiến họ đi mắng chửi, chọc phá các Tỳ kheo. Và mục đích của Ma Vương là để làm cho các Tỳ kheo nổi nóng tức giận và bực bội.] (523) 524 ["Người thân tộc" (bandhu) ở đây là Trời Brahmā (Phạm thiên), nhưng

bà-la-môn gọi Trời Brahmā như vậy vì họ coi vị trời đó là tổ tiên nguyên thủy sinh ra họ. MA giải thích rằng: đó chỉ là một đức tin của những bà-la- môn (brahmin), họ cho rằng họ là dòng dõi được sinh ra từ miệng của Trời Brahmā, những người giai cấp chiến-sĩ (khattiya) là từ ngực, những người giai cấp thương-nông (vessa) là từ bụng, và những người giai cấp bần-lao hạ tiện (sudda) là từ chân, và những tu sĩ sa-môn (samaṇa) là từ gót chân.] (524)

580 • Phần Chú Thích

525 [Nguyên văn các động từ thiền là: jhāyanti pajjhāyanti nijjhāyanti apa-

jjhāyanti. Mặc dù riêng mỗi động từ không có nghĩa xấu nhưng cả chuỗi của chúng rõ ràng thể hiện ý trêu chọc chê bai. Trong kinh MN 108.26 thì 04 động từ này được Thầy Ānanda dùng để mô tả sự thiền của một người có tâm bị ám muội bởi năm chướng-ngại (ngũ cái).] (525) 526 [Bốn sự an trú thuộc cảnh trời (bốn phạm trú, brahmavihāra) là thuốc giải

độc thích hợp để trị sự hung-dữ hung-bạo đối với người khác, cũng như để trị những khuynh-hướng tạo ra sự tức-giận (sân) và phiền-bực (ưu) trong tâm của một người.] (526) 527 [Lần này mưu kế của Ma Vương là gài bẫy cho các Tỳ kheo rớt vào sự tự-

cao, sự tự-mãn, và sự lơ-tâm phóng dật.] (527) 528 [MA trích dẫn một kinh [AN 7:48 và 46] nói rằng 04 sự thiền-quán này

lần lượt là thuốc giải độc đối với nhục-dục, sự thèm-khát mùi vị thức ăn, sự hấp-dẫn đối với thế giới, và sự say-sưa với "lợi, vinh, danh".] (528) 529 [MA: Cái nhìn của voi

(nāgapalokita) có nghĩa là không ngoái cổ lại mà

quay nguyên thân người để nhìn. Ma Vương Dūsī không chết bởi vì cái nhìn của voi của vị Phật, mà bởi vì nghiệp ác mà hắn đã tạo ra, khi làm điều tội lỗi với một vị đại đệ tử, đã cắt đứt mạng sống của hắn ngay tại chỗ.] (529) 530 [Đại Địa Ngục còn được gọi là Avīci, địa ngục A-tỳ, đã được mô tả chi tiết

trong kinh MN 130.16–19.] (530) 531 [MA chú giải: Cảm-giác này, được trải nghiệm trong khu địa ngục phụ

cận (ussada) của Đại Địa Ngục, được cho là đau đớn còn hơn những cảm- giác được nếm trải trong Đại Địa Ngục.] (531) 532 [Đức Phật Câu-lưu-tôn (Buddha Kakusandha) được gọi là một bà-la-môn

theo cái nghĩa của chữ này như trong kinh MN 39.24.] (532) 533 [Tham chiếu với kinh SN 51:14 (Quyển 5).] (533)

534 [Coi kinh MN 37.11 ở trên.] (534)

535 [Coi kinh MN 37.12 ở trên.] (535)

536 [Tham chiếu với kinh SN 6:05 (Quyển 1).] (536)

537 [Đoạn kệ này đề cập tới sự thiện-thạo của ngài Mục-kiền-liên về thần-

thông đi trong không gian như chim.] (537)

+++++

TÓM TẮT CÁC KINH QUYỂN 1: NĂM MƯƠI KINH ĐẦU

Chương 1: [Chương “Kinh Về Gốc Rễ”] 1. Mūlapariyāya Sutta: [Kinh Gốc Rễ Của Tất Cả Mọi Sự]. Đức Phật đã phân tích tiến trình nhận-biết của 04 loại cá thể—người phàm phu không được chỉ dạy, đệ tử đang tu học (học nhân), A-la-hán (vô học nhân), và Như Lai. Đây là một trong mấy bài kinh thâm sâu nhất và khó đọc nhất trong Kinh Tạng Pali, và do vậy xin gợi ý rằng những người đọc nhiệt tình nên chỉ đọc qua đại ý của bài kinh đầu tiên này ngay khi bước vào đọc bộ kinh MN này, và sẽ quay lại đọc kỹ chi tiết của nó sau khi đã đọc hết bộ kinh.

2. Sabbāsava Sutta: [Kinh Tất Cả Những Ô-Nhiễm]. Đức Phật đã dạy cho các Tỳ kheo 07 phương pháp để kiềm-chế (phòng) và dẹp-bỏ (trừ) những ô- nhiễm (lậu hoặc), đó là những sự ô-nhiễm duy trì sự trói-buộc vào vòng luân- hồi sinh tử.

3. Dhammadāyāda Sutta: [Kinh Những Người Thừa Tự Giáo Pháp]. Đức Phật đã chỉ thị những Tỳ kheo hãy là những người thừa tự về Giáo Pháp, đừng là những người thừa tự về những thứ vật chất, lợi lộc, dục lạc. Sau đó, thầy Xá-lợi-phất tiếp tục chủ-đề đó bằng cách giảng giải cách mà những vị đệ tử nên tu tập bản thân để trở thành ‘những người thừa tự về Giáo Pháp’ của Đức Phật.

4. Bhayabherava Sutta: [Kinh Sự Sợ Hãi và Khiếp Đảm]. Đức Phật đã mô tả cho một bà-la-môn những phẩm-chất cần có bởi một Tỳ kheo muốn sống tu một mình trong rừng. Phật đã liên hệ với sự trải nghiệm trong đời tu của mình Phật cũng đã từng cố gắng chinh phục sự sợ-hãi khi sống tu một mình ở những nơi hẻo lánh trong thời gian Phật đã chuyên-cần tu tu để đạt tới sự giác-ngộ.

5. Anangaṇa Sutta: [Kinh Không Bị Ố Nhiễm]. Ngài Xá-lợi-phất đã nói một bài thuyết giảng cho những Tỳ kheo về ý nghĩa của sự ố-nhiễm [= sự không

hoàn thiện của tâm], giảng giải rằng một Tỳ kheo sẽ bị ố-nhiễm khi người đó rớt vào những sự mong-muốn xấu ác.

6. Ākankheyya Sutta: [Kinh Nếu Một Tỳ Kheo Ước Muốn]. Đức Phật bắt dầu bằng cách nhấn mạnh tầm quan trọng của giới-hạnh là nền tảng đối với sự tu- học của một Tỳ kheo; sau đó Phật đi đến liệt kê ra những ích-lợi mà một Tỳ kheo sẽ gặt hái được bằng cách hoàn-thành một cách đúng đắn sự tu-học.

7. Vatthūpama Sutta: [Kinh Ví Dụ Tấm Vải]. Với một ví dụ đơn giản Phật đã minh họa sự khác nhau giữa một cái tâm bị ô-nhiễm và một cái tâm trong- sạch. Làm trong sạch cái tâm được Phật gọi là "sự tắm gội bên-trong", và Phật bác bỏ những tục lệ, nghi lễ tắm gội ở các bãi sông ở Ấn Độ, những cách làm đó là mê tín và không dẫn đến sự trong-sạch của tâm.

8. Sallekha Sutta: [Kinh Sự Thanh Tẩy]. Đức Phật đã từ chối quan-điểm cho rằng chỉ có sự chứng đắc những tầng thiền định là sự thanh-tẩy, và Phật đã giải thích theo cách nào thì sự thanh-tẩy nên được tu tập một cách đúng đắn theo giáo pháp của Phật.

9. Sammādiṭṭhi Sutta: [Kinh Chánh Kiến]. Đây là một bài kinh dài và quan trọng được thuyết giảng về [1] thiện và bất thiện, về [2] dưỡng-chất, [3] về Bốn Diệu Đế, về [4-15] mười hai yếu-tố nhân duyên vòng duyên-khởi, và [16] về những ô-nhiễm (lậu hoặc). Như vậy có 16 sự-hiểu, mỗi sự-hiểu về mỗi giáo pháp như vậy được gọi là chánh-kiến.

10. Satipaṭṭhāna Sutta: [Kinh Những Nền Tảng Chánh Niệm/ Kinh Niệm Xứ]. Đây là một bài kinh đầy đủ nhất và quan trọng nhất được nói bởi Đức Phật về chủ đề thiền, đặc biệt nhấn mạnh về phần tu tập thiền-quán (minh sát). Đức Phật bắt đầu bằng cách tuyên bố "bốn nền tảng chánh-niệm" là con- đường trực tiếp dẫn tới chứng ngộ Niết-bàn, rồi sau đó lần lượt đưa ra những sự hướng-dẫn chi tiết về bốn nền-tảng đó: quán niệm về thân, về những cảm- giác (thọ), về tâm, về những giáo pháp (các pháp; các giáo lý, các hiện-tượng của tâm).

Chương 2: [Chương "Tiếng Gầm Sư Tử"]

11. Cūḷasīhanāda Sutta: [Tiểu Kinh Tiếng Gầm Sư Tử]. Đức Phật tuyên bố chỉ có trong Tăng Đoàn của Phật mới có thể tìm thấy 04 hạng người thánh thiện; Phật giảng giải về cách giáo lý của Phật có thể được phân biệt với những giáo lý của những đạo giáo khác

thông qua sự nhất quán bác bỏ mọi triết lý và giáo lý về bản ngã (vì Phật giáo chứng thực và nắm giữ giáo lý về vô-ngã).

12. Mahāsīhanāda Sutta: [Đại Kinh Tiếng Gầm Sư Tử]. Đức Phật đã tuyên thuyết về mười năng-lực của Như Lai, bốn cơ-sở của sự tự-tin của Như Lai, và những phẩm-chất siêu việt khác, tất cả đó cho phép Phật "cất lên tiếng gầm sư tử trong tất cả những hội chúng". Đây là một bài kinh quan trọng về chính Đức Phật. Thật là một tấm gương kiên trung vô thượng để tất những thế hệ Phật tử noi theo. (Một trong những bài kinh làm xúc động và động tâm những người đọc).

13. Mahādukkhakkhandha Sutta: [Đại Kinh Khổ Uẩn]. Bài thuyết giảng lớn về đống khổ đau. Đức Phật giảng giải về sự hoàn-toàn hiểu (liễu ngộ) về những khoái-lạc giác quan (dục lạc), về sắc-thân, và những cảm-giác; có một phần dài nói về những sự nguy-hại trong những khoái-lạc giác quan.

14. Cūḷadukkhakkhandha Sutta: [Tiểu Kinh Khổ Uẩn]. Bài thuyết giảng ngắn về đống khổ đau. Đây là bài biến tấu từ bài kinh kế trên, kết thúc bằng cuộc thảo luận với những khổ sĩ đạo Jain (những Ni-kiền-tử) về bản chất của sự sướng và sự khổ.

15. Anumāna Sutta: [Kinh Suy Luận]. Thầy Đại Mục-kiền-liên đã liệt kê những phẩm-chất làm cho một Tỳ kheo khó được khuyên-bảo, và thầy chỉ dạy cách một người tu nên xem xét bản thân mình để loại bỏ những khuyết điểm trong tánh-cách của mình. Bài kinh này hay được những bậc tiền nhân ngày xưa coi là "Giới Bổn Tỳ Kheo", bao gồm những bổn-trách mà một người tu tâm cần phải suy xét và tu tập mỗi ngày.

16. Cetokhila Sutta: [Kinh Sự Hoang Dại Trong Tâm]. Đức Phật giảng giải cho những Tỳ kheo về năm "sự hoang-dại trong tâm" và năm "cái-còng trong tâm".

17. Vanapattha Sutta: [Kinh Rừng Rậm]. Đây là một bài thuyết giảng theo đó một Tỳ kheo tu thiền nên ở sống trong một khu rừng, và những điều-kiện nào mà người đó nên rời khỏi nơi đó. (Bài kinh đề cao sự quan trọng của việc tu tâm hơn là điều kiện sống. Cho dù điều kiện sống là dễ dàng hay quá khắc nghiệt khó khăn, nhưng nếu có sự tiến bộ về sự tu tâm và triển vọng về sự giác-ngộ thì vẫn nên ở lại để tu tiếp. Và nếu ngược lại thì nên rời khỏi nơi đó).

18. Madhupiṇḍika Sutta: [Kinh Hòn Mật]. Đức Phật đã thốt ra một câu tuyên bố sâu sắc nhưng bí ẩn (ẩn ý, khó nhìn ra ngay) về "cái nguồn qua đó những nhận-thức và những ý-niệm [được sinh ra] từ sự phóng-tâm này nọ bao vây một người". Lời tuyên bố này đã được phân-giải rõ nghĩa bởi thầy Đại Ca- chiên-diên (vị đệ tử đệ nhất về phân-giải những giáo lý được Phật nói ra một cách tóm lược), và sự giảng giải đó của thầy đã được Phật khen ngợi.

19. Dvedhāvitakka Sutta: [Kinh Hai Loại Ý-Nghĩ]. Với sự kể lại câu chuyện của chính mình trong cuộc đấu tranh tìm cầu sự giác-ngộ, Đức Phật đã giảng giải cách để vượt qua những ý-nghĩ bất thiện và thay thế chúng bằng những ý-nghĩ thiện lành. Đây là một bài kinh kinh điển về sự chuyên-cần tu thiền tập của Đức Phật trước khi giác-ngộ.

Chương 3: [Chương "Những Ví Dụ"] 20. Vitakkasaṇṭhāna Sutta: [Kinh Loại Bỏ Những Ý-Nghĩ Làm Xao Lãng]. Phật đã chỉ dạy 05 phương pháp để đối trị xử lý những ý-nghĩ bất thiện có thể khởi sinh trong tiến trình thiền tập. Đây là một kinh chỉ dạy về sự tu tập để đối trị những ý-nghĩ bất thiện, như bằng cách chuyển hướng tâm tới những dấu-hiệu (đặc tính) khác, dùng thiện đè bẹp bất thiện. "Kinh điều phục những dòng ý-nghĩ".

21. Kakacūpama Sutta: [Kinh Ví Dụ Cái Cưa]. Đây là một bài thuyết giảng về sự cần-thiết phải duy trì sự nhẫn-nhịn khi bị người khác nói bằng những lời-lẽ bất nhã và bị đối xử bằng những hành-động khó chịu, ác bạo. (Bài kinh này thể hiện và đề cao sự nhẫn-nhịn là một trong những đức tính tuyệt vời trong đạo Phật mà một người tu đã giác-ngộ những giáo lý thâm sâu của Phật mới có thể có được đức tính 'khó tu thành' này).

22. Alagaddūpama Sutta: [Kinh Ví Dụ Con Rắn]. Một Tỳ kheo tên là Ariṭṭha đã làm khởi sinh một ý nghĩ độc hại cho rằng những hành-vi bị Đức Phật gọi là những sự cản-trở thực ra không phải là những sự cản-trở. Đức Phật đã quở trách thầy ấy, và bằng một loạt những ví dụ đáng nhớ, Phật đã nhấn mạnh những sự nguy-hại trong việc ứng dụng sai và diễn dịch sai Giáo Pháp. Bài kinh dẫn đến đỉnh cao là một trong những sự khảo-sát ấn tượng nhất về sự vô-ngã đã được nói trong kinh điển Phật giáo.

23. Vammika Sutta: [Kinh Gò Mối]. Một thiên thần đã đưa ra một câu đố khó hiểu cho một Tỳ kheo, sau đó Đức Phật đã làm rõ ý nghĩ câu đố đó cho thầy ấy.

24. Rathavinīta Sutta: [Kinh Những Xe Ngựa Chuyển Tiếp]. Ngài Phú-lâu-na [Puṇṇa Mantāṇiputta] đã giải thích cho thầy Xá-lợi-phất rằng mục-tiêu của đời sống tâm linh, là Niết-bàn còn dính-chấp, sẽ được đạt đến thông qua con- đường 07 giai đoạn thanh-lọc.

25. Nivāpa Sutta: [Kinh Bẫy Mồi]. Phật đã dùng một ví dụ những người bẫy nai để chỉ ra cho các Tỳ kheo về những chướng-ngại mà họ có thể gặp phải trên con đường tu hành để thoát khỏi những cạm bẫy và sự kiểm soát của Ma Vương.

26. Ariyapariyesanā Sutta: [Kinh Cuộc Tìm Cầu Thánh Thiện]. Đức Phật đã kể một câu chuyện dài về cuộc tìm cầu sự giác-ngộ của mình kể từ thời còn là thái tử trong hoàng cung cho tới lúc giác-ngộ và truyền dạy Giáo Pháp cho nhóm năm Tỳ kheo đầu tiên.

27. Cūḷahatthipadopama Sutta: [Tiểu Kinh Ví Dụ Dấu Chân Voi]. Bằng cách dùng ví dụ một người đi rừng truy theo dấu chân voi để tìm và quả quyết đó là một con voi đực to, Đức Phật đã giảng giải cách một đệ tử đi đến sự chắc- chắn về sự-thật trong giáo lý của Phật. Bài kinh trình bày đầy đủ về sự tu-tập từng bước của một tu sĩ Phật giáo.

28. Mahāhatthipadopama Sutta: [Đại Kinh Ví Dụ Dấu Chân Voi]. Thầy Xá- lợi-phất bắt đầu bằng một lời tuyên bố về Bốn Diệu Đế, trong đó thầy ấy tiếp

tục thuyết giảng về cách quán-xét về ‘bốn yếu-tố lớn’ (tứ đại) và về ‘sự khởi- sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) của năm-uẩn.

29. Mahāsāropama Sutta: [Đại Kinh Ví Dụ Gỗ Lõi].

30. Cūḷasāropama Sutta: [Tiểu Kinh Ví Dụ Gỗ Lõi]. Hai bài kinh này nhấn mạnh mục-tiêu đúng đắn của đời sống tâm linh chính là “sự giải-thoát bất lay chuyển của tâm”, so với nó thì tất cả những ích-lợi khác trong tiến trình tu hành chỉ là những phần phụ trợ.

Chương 4: [Đại Chương “Các Kinh Song Đôi”] 31. Cūḷagosinga Sutta: [Tiểu Kinh Ở Gosinga]. Đức Phật đã gặp những Tỳ kheo sống trong hòa-hợp ‘như sữa với nước’ (trong đó có vị thánh tăng nổi tiếng A-nậu-lâu-đà) và Phật đã hỏi họ cách nào họ sống một cách hòa-hợp như vậy, họ đã trả lời cách họ làm được điều đó.

32. Mahāgosinga Sutta: [Đại Kinh Ở Gosinga]. Vào một đêm trăng chiếu sáng đẹp trời, một số vị đại đệ tử xuất sắc của Đức Phật đã gặp nhau trong một khu rừng cây sāla và thảo luận về vấn đề loại Tỳ kheo nào có thể tỏa sáng khu rừng đó. Mỗi người đã trả lời theo cách và năng-lực trội của mình, sau đó họ đã đến gặp Đức Phật, và Phật tiếp tục trả lời bằng câu trả lời xác đáng của mình.

33. Mahāgopālaka Sutta: [Đại Kinh Về Người Chăn Bò]. Đức Phật đã dạy 11 phẩm-chất đóng góp cho sự tăng-trưởng và sự được-việc của người chăn bò để làm ví dụ, và sau đó giảng về 11 phẩm-chất đóng góp cho sự tăng-trưởng và tu-thành của một Tỳ kheo.

34. Cūḷagopālaka Sutta: [Tiểu Kinh Về Người Chăn Bò]. Đức Phật đã giảng giải về những loại/bậc Tỳ kheo khác nhau là những người “rẽ nước băng qua dòng chảy của Ma Vương” và tới được bờ bên kia (đáo bỉ ngạn) an toàn.

35. Cūḷasaccaka Sutta: [Tiểu Kinh Nói Cho Saccaka]. Một môn sinh bà-la- môn giỏi tranh biện tên là Saccaka đã khoát lác rằng trong cuộc tranh luận anh ta có thể nắm, quay, quần Đức Phật, nhưng sau khi anh ta gặp Phật thì cuộc thảo luận đã bất ngờ đổi chiều so với ý tưởng ban đầu của anh ta. Sauk

Tóm Tắt Các Kinh • 589

hi nghe lời giảng của Phật, anh ta đã tâm phục và kính mời Phật và Tăng Đoàn đến nơi ở của mình để anh cúng dường bữa ăn.

36. Mahāsaccaka Sutta: [Đại Kinh Nói Cho Saccaka]. Trong kinh này thì Đức Phật gặp lại Saccaka, và trong tiến trình thảo luận về “sự tu tập thân” và “sự tu tập tâm”, Phật đã giảng dạy cho anh ta về hai sự tu tập đó bằng cách kể lại cho môn sinh bà-la-môn đó câu chuyện chi tiết về sự tìm cầu tâm linh của chính mình.

37. Cūḷataṇhāsankhaya Sutta: [Tiểu Kinh Tiêu Diệt Dục-Vọng]. Ngài Đại Mục-kiền-liên tình cờ nghe được Đức Phật đã giảng giải một cách ngắn gọn cho vua trời Đế-thích [Sakka], vua của những thiên thần, về cách một Tỳ kheo được giải-thoát thông qua sự tiêu diệt dục-vọng (diệt ái). Vì muốn biết liệu vua trời Đế-thích có thấu hiểu ý nghĩa lời giảng giải ngắn gọn đó hay không, thầy ấy đã làm một chuyến đến cõi trời Ba Mươi Ba

(Đao-lợi) để tìm hiểu.

38. Mahātaṇhāsankhaya Sutta: [Đại Kinh Tiêu Diệt Dục-Vọng]. Một Tỳ kheo tên là Sāti đã công bố một quan-điểm độc hại rằng chỉ có cùng một thức di chuyển từ kiếp này sang kiếp khác. Đức Phật đã quở trách thầy ấy và giảng giải lại bằng một bài thuyết giảng dài về 'sự khởi-sinh tùy thuộc' (lý duyên khởi), chỉ ra cách tất cả mọi hiện-tượng của sự hiện-hữu khởi sinh và chấm dứt (sinh và diệt) thông qua những điều-kiện (duyên).

39. Mahā-Assapura Sutta: [Đại Kinh Ở Assapura]. Đức Phật đã làm rõ "những điều làm nên một sa-môn đích thực" bằng một bài thuyết giảng bao gồm nhiều mảng nhiều phần của sự tu-tập của một Tỳ kheo. Đó là những phần tu và những phẩm chất làm cho một Tỳ kheo trở thành một sa-môn đích thực (chứ không phải chỉ là Tỳ kheo theo danh nghĩa).

40. Cūḷa-Assapura Sutta: [Tiểu Kinh Ở Assapura]. Đức Phật đã giảng giải "cách thức phù hợp đối với sa-môn" không chỉ là sự tu-tập khổ hạnh thanh bần ở bên ngoài mà chính là sự thanh-lọc bên trong (của tâm) khỏi những ô- nhiễm (lậu hoặc).

Chương 5: [Tiểu Chương "Các Kinh Song Đôi"]

41. Sāleyyaka Sutta: [Những Bà-la-môn Ở Sālā].

42. Veranjaka Sutta: [Những Bà-la-môn Ở Veranja]. Trong hai bài kinh giống hệt nội dung này, Đức Phật đã giảng giải cho những nhóm gia chủ bà- la-môn những đường nghiệp bất thiện (ác hành, ác nghiệp) dẫn tới sự tái sinh trong những cõi thấp xấu đày đọa và những đường nghiệp thiện (thiện hành, thiện nghiệp) dẫn tới sự tái sinh trong những cõi cao đẹp và dẫn tới sự giải- thoát.

43. Mahāvedalla Sutta: [Đại Kinh Vấn Đáp].

44. Cūḷavedalla Sutta: [Tiểu Kinh Vấn Đáp]. Hai kinh này được trình bày dưới dạng thảo luận về những điểm (những điều) của Giáo Pháp; đại kinh trước là vấn-đáp giữa ngài Đại Câu-hi-la và ngài Xá-lợi-phất, tiểu kinh sau là giữa Tỳ kheo ni Dhammadinnā và đệ tử tại gia nam Visākha (hai người đã từng là vợ chồng trước khi cô Dhammadinnā xuất gia).

45. Cūḷadhammasamādāna Sutta: [Tiểu Kinh Những Cách Nhận Lấy Các Thứ].

46. Mahādhammasamādāna Sutta: [Đại Kinh Những Cách Nhận Lấy Các Thứ]. Đức Phật đã giảng giải, một cách khác nhau trong mỗi kinh, về bốn cách nhận lấy các thứ, và những cách đó được phân biệt theo tính chất của chúng là "khổ bây giờ" hay "sướng bây giờ" và chúng sẽ chín muồi thành "quả khổ trong tương lai" hay "quả sướng trong tương lai".

47. Vīmaṁsaka Sutta: [Kinh Người Tra-Xét]. Đức Phật đã mời những Tỳ kheo hãy nên điều-tra thấu suốt về chính Phật để tìm hiểu liệu Phật có thể được chấp nhận là một người đã giác-ngộ toàn thiện (bậc Toàn Giác) hay không.

48. Kosambiya Sutta: [Kinh Những Người Kosambi]. Trong thời gian những Tỳ kheo ở Kosambi đang chia rẽ, tranh chấp, cải vã, Phật đã dạy cho họ 06 phẩm-chất tạo nên sự thân-mến, sự tôn-trọng và dẫn tới sự đoàn-kết. Sau đó Phật cũng giảng giải thêm về 07 loại trí-biết đặc biệt có được bởi một đệ tử thánh thiện là người đã chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

Tóm Tắt Các Kinh • 591

49. Brahmanimantanika Sutta: [Kinh Lời Mời Của Một Vị Trời Brahmā]. Trời Brahmā Baka (Phạm thiên Baka), một bậc trời thần cao xanh, đã chấp giữ một quan-điểm độc hại cho rằng cõi trời mình đang trị vị là bất diệt và không còn trạng thái nào cao hơn cõi trời đó. Đức Phật đã đến thăm để khuyên dạy vị trời dẹp bỏ cái quan-điểm đó và đã khuất phục vị trời (và hội chúng ở đó) thông qua một cuộc thi thố về thần thông và trí-biết trực tiếp.

50. Māratajjanīya Sutta: [Kinh Quở Trách Ma Vương]. Ma Vương luôn cố sức chọc phá thầy Đại Mục-kiền-liên, nhưng thầy ấy đã kể lại câu chuyện đầy bất ngờ trong quá khứ xa xôi để cảnh báo Ma Vương về những nguy-hại và nghiệp-quả khủng khiếp nếu phá rối một vị đệ tử của Đức Phật.

+++++

(a) Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch: email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, hoặc liện hệ Thư Viện Chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0908475521 (chú Bính) hoặc 0918735176 (sư cô Quang Kiến);

(b) Hoặc liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email: huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.